

Những Bí Ẩn Của Sa Mạc

Contents

Những Bí Ẩn Của Sa Mạc	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	13
3. Chương 3	24
4. Chương 4	35
5. Chương 5	44
6. Chương 6	54
7. Chương 7	63
8. Chương 8	77
9. Chương 9	91
10. Chương 10	104
11. Chương 11	118
12. Chương 12	126
13. Chương 13	136
14. Chương 14	149
15. Chương 15	162
16. Chương 16	175
17. Chương 17	187
18. Chương 18	199
19. Chương 19	212
20. Chương 20	225
21. Chương 21	239
22. Chương 22	255
23. Chương 23	270

Những Bí Ẩn Của Sa Mạc



Giới thiệu

. . Vào lúc đó hiếm khi tìm được một cây cầu nào chưa bị đánh phá trên khắp đất nước Iraq, hay m

1. Chương 1

Người đàn ông còn mười phút để sống phá lên cười. Nguồn gốc sự vui vẻ của ông là câu chuyện do cô trợ lý Monique Jaminé kể khi lái xe đưa ông từ văn phòng về nhà trong buổi tối lạnh lẽo, có mưa phùn ngày 22 tháng Ba năm 1990.

Chuyện về một đồng nghiệp chung của cả hai người tại văn phòng Hãng Nghiên cứu vũ trụ phố Stalle, một người đàn bà trông y như rắn độc, một kẻ ăn tươi nuốt sống đàn ông, lại hoá ra là một kẻ đồng tính. Người đàn ông thấy tức cười vì sự lừa phỉnh đó.

Hai người rời văn phòng ở ngoại ô Uccle thành phố Brussels nước Bỉ vào lúc 7 giờ kém 10 phút; Monique lái chiếc Renault 21 thân dài. Vài tháng trước cô đã bán chiếc Volkswagen của ông chủ vì ông là một tay lái rất tồi, cô sợ ông gặp nguy hiểm nếu tự lái xe lấy. Chỉ mất 10 phút- đi ôtô từ văn phòng về căn hộ của ông ở khu nhà cao tầng nằm giữa tổ hợp ba toà nhà mang tên Cheridreu ở phố Francois Folie. nhưng dọc đường họ còn dừng lại tại một cửa hàng bánh. Cả hai đi vào và ông mua một chiếc pain de campagne mà ông rất thích ăn. Trời đổ mưa; họ cúi đầu chạy thẳng ra xe, không hay biết có một chiếc xe đang bám theo. Không dễ thấy điều này. Không hề nổi bật trong dòng xe cộ, một chiếc xe bình thường với hai người râu cằm đen rậm rì đã theo dõi nhà khoa học từ nhiều tuần nay, không lúc nào để mất hút ông, nhưng không bao giờ lại gần ông - họ chỉ quan sát; và ông đã không trông thấy họ. Những người khác thì có, nhưng ông không hề hay biết.

Ra khỏi hiệu bánh nằm ngay trước một nghĩa trang, ông nhét chiếc bánh vừa mua vào băng ghế sau và trèo lên xe đi tiếp chặng đường về nhà. Vào lúc 7 giờ 10 phút, Monique dừng xe trước những cánh cửa kính phẳng lý của toà nhà, cách đường phố 15 mét. Cô nói để cô đi lên với ông để tận mắt yên tâm thấy ông đi vào nhà, nhưng ông từ chối. Ông đoán người tình của mình, Helene, đã đến và không muốn hai người đàn bà chạm mặt nhau. Ông luôn nói rằng Helene chỉ là một người bạn tốt, làm bạn với ông khi ông ở Brussels còn vợ ông thì ở Canada, nhưng cô nhân viên kiêu diễm thừa biết ông chỉ nói tránh trở thế thôi.

Ông ra khỏi xe, cổ áo bành tô như mọi khi vẫn dựng lên, đeo trên vai cái túi to luôn ở cạnh ông. Nó nặng hơn 15 kilô và chứa hàng núi giấy tờ: báo khoa học, các dự án, tính toán, và tài liệu. Nhà khoa học không tin tưởng vào bất cứ biện pháp an toàn nào và nghĩ, một cách rất phi logic, rằng mọi chi tiết của các dự án mới nhất sẽ được an toàn hơn nếu được đeo trên vai như thế này.

Đó là lần cuối Monique trông thấy ông chủ mình, ông đứng trước những cánh cửa kính, cái túi to đeo trên vai, cái bánh kẹp dưới nách, lúng lúng trong túi để tìm chìa khoá. Cô nhìn ông đi qua các cánh cửa và cánh cửa bằng kính tự động đóng lại sau ông. Rồi cô lái xe đi.

Nhà khoa học sống ở tầng 6 của toà nhà 8 tầng. Hai thang máy lên xuống trên bức tường phía sau toà nhà, xung quanh có các cầu thang, ở mỗi chiều nghỉ đều có cửa thoát hiểm. Ông dùng một trong hai thang máy đó và bước ra ở tầng thứ 6. Những ngọn đèn mờ tỏ của hành lang tự động sáng lên khi ông bước ra. Ông vẫn lúng lúng tìm chìa khoá, hơi chùng người xuống vì trọng lượng của cái túi, nách cặp theo chiếc bánh, ông rẽ trái hai lần rồi đi qua tấm thảm màu nâu đậm và cố nhét chìa khoá vào lỗ khoá cửa căn hộ của mình.

Tên giết người đã rình sẵn ở cái hành lang tối. Hắn lặng lẽ rút khẩu giảm thanh 7,65 ly của mình. Khẩu Beretta tự động, gói trong một túi nylon để tránh vỏ đạn rơi xuống thảm.

5 phát súng, được bắn từ khoảng cách chưa đầy một mét vào sau đầu và cổ, đã là quá thừa. Người đàn ông to lớn, bệ vệ đổ ập vào cánh cửa và trượt xuống thảm. Tay sát thủ không buồn kiểm tra ông đã chết hay chưa; chẳng cần phải làm thế. Hắn đã tập nhiều với các tù nhân làm bia rồi, và hắn biết công việc của mình đã hoàn thành. Hắn nhẹ nhàng chạy xuống 6 tầng gác, đi ra khỏi toà nhà từ phía sau, cắt ngang những khu vườn đầy cây, và đến một chiếc xe đã đợi sẵn. Trong một giờ nữa hắn sẽ có mặt ở sứ quán nước hắn, và một ngày sau rời khỏi Bỉ.

5 phút sau Helene lên đến nơi. Thoạt nhìn cô nghĩ người tình bị lên cơn đau tim. Trong cơn lo lắng cô bỏ ông đó chạy đi gọi y sĩ. Rồi cô nhớ ra bác sĩ riêng của ông cũng sống trong toà nhà này, cô bèn báo luôn cho

ông. Các y sĩ đến trước. Một trong số họ cố nâng thân hình nặng nề của ông lên, vẫn đang úp mặt xuống đất. Tay người đàn ông rút ra đầy máu. Mấy phút sau anh ta và bác sĩ thông báo nạn nhân đã chết. Người ở cùng tầng duy nhất đi ra, đó là một bà già đang nghe một buổi hoà nhạc cổ điển và không biết điều xảy ra sau cánh cửa dày của nhà mình. Cheridreu là kiểu nhà như thế, rất kín đáo.

Người đàn ông nằm trên sàn là tiến sĩ Gerald Vincent Bull: một thiên tài ngậy thơ, nhà thiết kế súng cho toàn thế giới, và từng là người cung cấp vũ khí cho Saddam Hussein của Iraq. Sau cái chết của tiến sĩ Gerry Bull, một số sự việc lạ thường đã xảy ra trên toàn châu Âu. Ở Brussels, cơ quan phản gián Bỉ nhận thấy trong vài tháng Bull đã bị theo dõi gần như hàng ngày bởi nhiều chiếc xe hơi, bên trong là hai người da ngăm đen, có vẻ ngoài của người Đông Địa Trung Hải.

Ngày 11 tháng Tư, các quan chức hải quan ánh bắt được trên những tàu chở hàng ở Middlesborough 8 kiện chứa những ống thép lớn, được rèn và uốn rất đẹp, ở đầu có vành, có nhiều lỗ khoan để buộc dây thật chặt. Các quan chức hoan hỉ thông báo các ống này không phải để chuyển đến một nhà máy hoá dầu, như được ghi trên vận đơn và chứng từ xuất khẩu, mà là những phần của một nòng súng khổng lồ do Gerry Bull vẽ mẫu cho Iraq. Câu chuyện về khẩu súng siêu đẳng sinh ra, và cứ thế lan đi, gợi ra những bàn luận, chú ý của các cơ quan tình báo, sự thờ ơ của giới quan chức, và sự giễu cợt của giới chính trị.

Trong vài tuần, nhiều bộ phận của khẩu súng siêu đẳng bắt đầu xuất hiện khắp châu Âu. Ngày 23 tháng Tư, Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bắt được một chiếc xe tải Hungary chở một ống thép dài 10 mét cho Iraq, được cho là một phần của nòng súng. Cùng ngày, các nhân viên Hy Lạp giữ một chiếc xe tải khác với những linh kiện thép và giữ tay lái xe bất hạnh người Anh trong nhiều tuần như một kẻ đồng phạm. Tháng Năm người Italia bắt được 75 tấn phụ kiện, trong khi 15 tấn khác bị tịch thu ở công trường Fucine, gần Rome. Sau đó là một hợp kim thép và titan để chế tạo khoá nòng, cũng như nhiều mảnh khác tại một nhà kho ở Brescia, miền bắc Italia. Người Đức vào cuộc, với những phát hiện ở Frankfurt và Bremerhaven, cũng được coi là các phần của Khẩu súng siêu đẳng giờ đây đã trở nên nổi tiếng toàn thế giới.

Quả thực, Gerry Bull đã đặt sản xuất các chi tiết cho sản phẩm của mình. Các ống thép để chế tạo nòng súng được sản xuất ở Anh bởi hai công ty, Walter Somers of Bermingham và Sheffield Forgemasters. Nhưng 8 ống bị giữ trong tháng Tư năm 1990 là những ống cuối cùng trong số 52 mảnh, đủ để ghép thành hai nòng súng dài 156 mét; cò súng có độ dài khó tin: 1 mét, có khả năng bắn quả đạn kích thước bằng một bột điện thoại. Giá súng đến từ Hy Lạp, còn các loại ống, pittông, van để chế tạo bộ phận giật từ Thụy Sĩ và Italia, khoá nòng từ Áo và Đức, thuốc nổ đẩy từ Bỉ. Tính toàn bộ, 7 nước có liên quan đến khẩu súng, và không ai biết rõ mình đang làm gì.

Báo chí có một ngày sôi nổi, khi các quan chức hải quan nóng vội cùng hệ thống luật pháp Anh bắt đầu hăng hái điều tra các bên liên quan, và thấy rằng tất cả đều trong sạch. Điều không ai biết là thực ra mọi việc đã hoàn tất. Những phần thu được là để làm những khẩu Siêu đẳng 2,3 và 4.

Về phần vụ ám sát Gerry Bull, báo chí vẽ ra một số giả thuyết rất kỳ khôi. Thoát cái CIA được đặt lại tên, thành CIA- chiu-trách-nhiệm-mọi-việc. Đó là một sự phi lý. Mặc dù Langley trong quá khứ và trong những hoàn cảnh đặc biệt, từng cân nhắc việc loại trừ một số phần tử, nhưng các phần tử đó phải là những kẻ phản bội hoặc các điệp viên hai mang. Lời đồn đại cho rằng Langley đầy ắp xác của các nhân viên cũ bị chính đồng nghiệp mình hạ sát theo lệnh của các ngài giám đốc ham mê giết chóc nghe bù tai nhưng hoàn toàn không có cơ sở.

Hơn nữa, Gerry Bull không phải người của thế giới bí mật đó. Ông là một nhà khoa học có tiếng tăm, nhà sáng chế, nhà thầu vũ khí pháo binh, một công dân Mỹ từng làm việc cho nước Mỹ nhiều năm và luôn thẳng thắn về mọi chuyện với những người bạn trong quân đội Mỹ của mình. Nếu tất cả các nhà sáng chế và nhà công nghiệp trong ngành vũ khí từng làm việc cho một đất nước khi đó bị coi là kẻ thù của Mỹ đều bị “thanh toán”, thì ít nhất danh sách phải lên tới 500 người, từ Bắc đến Nam Mỹ cũng như châu Âu.

Và cuối cùng, trong mười năm qua Langley bị khoá kín bởi bộ máy kiểm soát mới và những hội đồng quá nhiều quyền hạn. Không sĩ quan phản gián chuyên nghiệp nào được phép làm việc gì nghiêm trọng mà không có lệnh bằng văn bản ký tên cẩn thận. Để “thi hành án”. một người như Gerry Bull, cần đến chữ ký của chính Giám đốc Cục Phản gián Trung ương (DCI). Giám đốc DCI vào thời gian đó là William Webster, một người theo lý lịch là cựu thẩm phán bang Kansas. Rất dễ dàng có được một giấy phép có chữ ký của William Webster như là mượn Marion với một cái thìa uống trà

Nhưng dù thế nào đi nữa đáng khả nghi nhất trong những kẻ có thể giết Gerry Bull, dĩ nhiên, là cơ quan Mossad của Irsael. Toàn thể báo chí và bạn bè cũng như gia đình Bull đều đi đến kết luận đó. Bull đã làm việc cho Iraq; Iraq là kẻ thù của Israel; hai với hai là bốn. Cái khó là trong thế giới của những bóng ma và những tấm gương dị hình này, hai nhân với hai lại không nhất thiết bằng bốn.

Mossad là cơ quan phản gián nhỏ nhất thế giới, tàn độc nhất, và hay dùng trò súng ống nhất. Không nghi ngờ gì nữa, trong quá khứ nó đã tiến hành nhiều vụ ám sát, sử dụng một trong số ba đội kidonim của mình - từ trong tiếng Hebrew để chỉ lưỡi lê. Các kidonim nằm dưới sự chỉ đạo của các chiến binh Sư đoàn Komemiut, những người rất bí ẩn, đội hành quyết tàn bạo. Nhưng ngay cả Mossad cũng có những nguyên tắc của mình. Hai loại người thường bị cho vào tầm ngắm: Một là “đòi hỏi tác chiến”, ai đó làm ảnh hưởng đến tính mạng nhiều người khác trong một hoạt động tác chiến sẽ nhất định phải bị nhanh chóng loại bỏ. Trong những trường hợp đó, viên katsa điều hành, hay chỉ huy trực tiếp, có quyền thanh toán thành phần làm hỏng việc, và sẽ có được hậu thuẫn của những ông chủ của mình ở Tel Aviv.

Loại thứ hai nằm trong danh sách hành quyết đã có sẵn. Danh sách này nằm ở hai địa điểm: tử an toàn của thủ tướng và tử an toàn ở trụ sở của Mossad. Mọi người sắp trở thành thủ tướng đều được yêu cầu xem danh sách này, danh sách có thể có từ ba mươi đến tám mươi cái tên. Ông ta có thể chỉ một cái tên nào đó, giao cho Mossad quyền xử lý, hoặc có đòi được biết trước trong mỗi phi vụ. Ông ta phải ký lệnh cho mỗi vụ hành quyết. Những người nằm trong danh sách này rơi vào ba hạng. Vài kẻ là những tên phát xít đầu sỏ còn lại, dù hạng này hiện nay gần như không còn nữa. Những năm trước đây, Israel đã lên một kế hoạch lớn bắt cóc và xử lý Adolf Eichmann để lấy lão làm gương cho toàn thế giới, tuy vậy những tên Nazi khác lại bị thanh trừng rất êm nhẹ. Hạng hai phần lớn là những tên khủng bố đang sống, nhất là những kẻ A rập đã từng gây đổ máu cho người Do Thái hay người Israel như Ahmed Jibril và Abu Nidal, cộng với những đối tượng có ý đồ gây đổ máu và trong đó một ít không phải người A rập. Hạng thứ ba, có thể chứa cái tên Gerry Bull, là những người làm việc cho các kẻ thù của Israel và công việc của họ có thể gây ra nguy hiểm lớn cho Israel và những công dân nước này nếu được tiếp tục.

Việc ám sát thường chỉ được tiến hành đối với những kẻ có vấy máu trên tay, hoặc sẽ vấy máu trong tương lai. Nếu tình hình cấp bách, thủ tướng sẽ giao vấn đề cho một nhà điều tra tư pháp hết sức bí mật. một số ít nhà luật Israel mà không một công dân nào từng nghe nói đến. Viên thanh tra tổ chức một “toà án”, có mặt kẻ chịu trách nhiệm, một người thi hành, và một người bảo vệ. Nếu yêu cầu của Mossad được chấp nhận, tờ lệnh sẽ được trình Thủ tướng để lấy chữ ký của ông này. Đội kidon làm phần còn lại - nếu nó có thể.

Vấn đề với giả thuyết Mossad-giết-Bull là ở chỗ nó có chỗ hở ở hầu như mọi cấp độ. Quả đúng là Bull đã từng làm việc cho Saddam Hussein, vẽ mẫu cho những khẩu pháo lớn mới (có thể để bắn tới Israel), một chương trình rocket (có thể, một ngày kia). Và một khẩu súng khổng lồ (không làm Israel lo lắng mảy may). Nhưng có hàng trăm người như thế. Một tá công ty Đức đứng sau công nghệ chất khí độc của Iraq làm ra những loại sản phẩm mà Saddam dùng để đe dọa Israel. Người Đức và người Brasil là những người đi đầu và những người ủng hộ nghiên cứu bom nguyên tử của Iraq.

Nói rằng những ý tưởng, mẫu vẽ, hoạt động và sự tiến triển của Bull khiến Israel quan tâm sâu sắc, hẳn nhiên là không sai. Tiếp sau cái chết của ông người ta biết rằng trong những tháng trước đó ông đã lo lắng bởi những vụ đột nhập liên tục vào căn hộ của ông khi ông đi vắng. Không bị lấy đi thứ gì, nhưng những dấu vết còn lại. Chai lọ bị dịch chuyển và đổi chỗ: các cửa sổ bị để mở; một băng video bị quay ngược và bị lôi ra khỏi máy. Liệu ông đã được báo trước, ông đã suy nghĩ, và liệu Mossad có đứng sau mọi chuyện đó? Họ đã cảnh báo ông - nhưng với một nguyên do khó thấy hơn.

Thêm nữa, những người lạ mặt râu cằm màu đen với giọng nói giật cục đã theo ông khắp Brussels được các phương tiện thông tin đại chúng xác nhận là những tay sát thủ người Israel chuẩn bị thời điểm của mình. Không may cho giả thuyết ấy các nhân viên của Mossad không bao giờ vờn quanh để nhìn ngó và hành động kiểu gà mờ như thế. Họ mà có mặt thì không ai có thể thấy họ hết; kể cả Bull, những người bạn của là đình ông và cảnh sát Bỉ. Họ sẽ tới Brussels cái trang thật giống với người châu Âu - Bỉ. Mỹ. nghĩa là mọi loại người họ muốn. Sự việc không diễn ra như vậy nên rõ ràng là Bull đã bị một nhóm khác theo dõi.

Một đặc điểm nữa, Gerry Bull là một người ít kín đáo đến lạ thường. Ông không bao giờ có thể cưỡng lại được trước một lời thách thức. ông đã làm việc cho Israel trước đó. thích đất nước 'và con người ở đó, đã

có nhiều bạn trong quân đội Israel. Và không thể giữ im lặng được. Bị thách thức bằng một câu đại loại: “Gerry, tôi cá anh sẽ không bao giờ làm các tên lửa ở Saad hoạt động được” là Bull có thể hăng hái độc thoại suốt ba tiếng đồng hồ để miêu tả cặn kẽ điều ông đang làm, dự án đã đi đến đâu, vấn đề nằm ở đâu, và ông hy vọng giải quyết chúng bằng cách nào - nghĩa là toàn bộ. Với cơ quan tình báo, ông là cả một mỏ vàng để khai thác. Ngay cả trong tuần cuối cùng của đời mình ông cũng đã giải trí cho hai vị tướng Israel ở văn phòng của mình, đưa cho họ một bức ảnh hoàn toàn mới mẻ, và bị ghi âm bởi các thiết bị trong cặp của họ. Tại sao họ lại muốn tiêu diệt một kho thông tin quý như thế?

Cuối cùng, Mossad có thói quen xử sự với một nhà khoa học hay một nhà công nghiệp khác hẳn với một tên khủng bố. Họ luôn có thông báo cuối cùng trước đó; không phải là những sự kiện như dịch chuyển chai lọ hay quay ngược bằng video, mà là một lời báo trước bằng miệng. Chẳng hạn chuyện xảy đến với Yahin El Meshad, nhà vật lý nguyên tử người Ai Cập đã làm việc cho lò phản ứng nguyên tử đầu tiên của Iraq và đã bị ám sát trong căn phòng của ông ở khách sạn Meridien, Paris ngày 13 tháng Sáu năm 1980. Một katsa nói tiếng Ả-rập đến phòng ông và nói thẳng điều gì sẽ xảy đến với ông nếu ông không lùi bước. Người Ai Cập đuổi thẳng cổ người lạ mặt, một cử chỉ thật thiếu khôn ngoan. Hai giờ sau, Meshad chết. Nhưng ông ta đã có cơ hội của mình. Một năm sau, toàn bộ khu sản xuất nguyên tử Osirak 1 và 2 do Pháp giúp làm đã bị không lực Israel phá tan.

Bull khác hẳn - một công dân Mỹ sinh ở Canada, tài năng, dễ tiếp cận, một tay nốc whisky thành thần. Người Israel luôn có thể nói chuyện với ông như một người bạn. Nói thẳng với một người bạn là anh ta phải dừng lại nếu không đội hành quyết sẽ đến là việc dễ nhất trên đời.

Bull khác hẳn - một công dân Mỹ sinh ở Canada, tài năng, dễ tiếp cận, một tay nốc Whisky thành thần. Người Israel luôn có thể nói chuyện với ông như một người bạn. Nói thẳng với một người bạn là anh ta phải dừng lại nếu không đội hành quyết sẽ đến là việc dễ nhất trên đời.

Bull không thuộc hạng những người được gắn huân chương sau khi chết. Hơn nữa, ông đã nói với người Israel và người bạn thân George Wong rằng ông muốn thoát khỏi mọi ràng buộc với Iraq. Ông đã chán. Việc xảy đến với tiến sĩ Gerry Bull là điều gì đó khác hẳn.

Gerald Vincent Bull sinh năm 1928 ở North Bay, Ontario. Ở trường cậu bé thông minh và được khích lệ để thành công trên toàn thế giới. Mười sáu tuổi cậu tốt nghiệp trung học, nhưng vì còn quá trẻ nên chỉ có một trường nhận cậu vào học - là Đại học tổng hợp Toronto, khoa cơ khí. Tại đó cậu tỏ ra không chỉ thông minh mà còn xuất chúng. Hai mươi hai tuổi Bull trở thành tiến sĩ trẻ nhất trong lịch sử. Ngành chế tạo máy hay thu hút trí tưởng tượng của anh, đặc biệt là tên lửa - nghiên cứu các vật thể, dù là đường đạn hay tên lửa, đang bay. Chính nó đã dẫn anh đến với pháo binh. Sau Toronto, anh tham gia ngành quân giới Canada và Cơ quan phát triển nghiên cứu CARDE ở Valcartier, hồi đó còn là một thành phố tỉnh lỵ ngoài rìa thành phố Quebec. Những năm đầu thập niên 1950 con người không chỉ hướng cái nhìn lên vũ trụ mà còn ngay khoảng không trên đầu mình. Tên lửa trở thành quan trọng. Chính khi đó Bull chứng tỏ anh là một tài năng vượt trên sự xuất sắc về kỹ thuật. Anh là một nhà sáng tạo tuyệt vời không khuôn mẫu, và đầy tưởng tượng. Anh đã trải qua mười năm ở CARDE để phát triển ý tưởng của mình, và suốt đời theo đuổi giấc mơ đó.

Cũng như mọi ý tưởng mới, ý tưởng của Bull có vẻ khá đơn giản. Khi anh quan sát sự nổi trội của tên lửa Mỹ những năm cuối thập niên 50, anh nhận ra chín phần mười những tên lửa đẩy ấn tượng đó mới chỉ là tầng thứ nhất. Trên tầng đó cần có tầng thứ hai và thứ ba với kích thước nhỏ hơn nhiều, và trên cùng, còn nhỏ hơn nữa, là đầu đạn.

Tầng đầu tiên khổng lồ được làm ra để đưa tên lửa lên độ cao đầu tiên 150 km trên không trung, nơi bầu khí quyển dày nhất và trọng lực là lớn nhất. Sau mốc 150 km, chỉ cần tốn ít năng lượng hơn nhiều để có thể đưa vệ tinh lên tận vũ trụ, và lên quỹ đạo ở vào giữa 400 và 500 km phía trên trái đất. Mỗi lần tên lửa được phóng lên, toàn bộ tầng thứ nhất nặng nề và rất đắt tiền đều bị phá hủy - bị đốt cháy, để rồi rơi xuống nằm vĩnh viễn tại các đại dương.

Bull đặt ra câu hỏi liệu có thể đẩy tầng thứ hai và tầng thứ ba, cộng thêm đầu đạn, lên trên 150 km đầu tiên từ nòng một khẩu súng khổng lồ? Trên lý thuyết, ông đồng ý với những người trả tiền, điều đó là có thể, dễ hơn, và rẻ hơn, hơn thế khẩu súng có thể được sử dụng rất nhiều lần. Đó là lần đầu tiên ông đối mặt với các chính trị gia và những kẻ quan liêu, và ông đã thất bại. Chủ yếu là do cá tính của mình. Ông

ghét họ, và họ ghét ông. Nhưng vào năm 1961 ông đã gặp may. Trường Đại học Tổng hợp McGill đến vì họ thấy trước được tính hấp dẫn của dự án. Quân đội Mỹ cũng xuất hiện với những lý do của riêng mình; pháo binh Mỹ đang ở trong một cuộc chơi sức mạnh với không quân: đội quân đã chiếm quyền kiểm soát mọi tên lửa hay hỏa tiễn bay cao hơn 100 km. Với ngân sách phối hợp của họ, Bull đã có khả năng xây dựng một cơ sở nghiên cứu nhỏ trên đảo Barbados. Quân đội cho ông nòng khẩu 16-inch của thủy quân không còn dùng đến nữa (nòng súng lớn nhất thế giới), một cái nòng hiếm hoi. một đơn vị dò sóng radar, một bộ pháo, và vài xe tải.

McGrill dựng lên một xưởng kim loại. Nó làm ra vẻ đang cố đoạt giải thưởng lớn trong ngành công nghiệp với những thiết bị của một garage ở một nơi khuất. Nhưng Bull đã thực hiện được. Sự nghiệp của những phát minh đầy mê hoặc của ông đã bắt đầu, khi ông mới 33 tuổi: rụt rè, ít nói, đầy óc sáng tạo, và vẫn là một tay phù thủy.

Ông gọi nghiên cứu của mình ở Barbados là Dự án nghiên cứu độ cao, hay HARP. Khẩu súng cũ của hải quân được dựng lại cẩn thận, và Bull bắt tay vào làm việc với các hỏa tiễn. ông gọi chúng là Martlet, theo tên của con chim đưa tin xuất hiện trên biểu trưng của trường McGill. Bull muốn đưa một lượng chất nổ của các dụng cụ vào quỹ đạo trái đất rẻ hơn và nhanh hơn bất kỳ ai khác. Ông biết rất rõ không ai có thể chịu đựng được sức ép khi được bắn ra từ một khẩu súng, nhưng ông phán đoán đúng rằng trong tương lai chín mươi phần trăm nghiên cứu khoa học và công việc trong vũ trụ có thể được làm bằng máy móc, chứ không phải bằng con người. Nước Mỹ dưới thời Kennedy, tức mình bởi chuyến bay của người Nga Yuri Gagarin, đã theo đuổi từ Cape Canaveral những thử nghiệm tinh tế hơn nhưng cuối cùng lại không đạt được kết quả cao với chuột, chó, khỉ, và thậm chí cuối cùng là người. Còn ở Barbados, Bull bắt tay làm khẩu súng độc nhất vô nhị của mình và những hỏa tiễn Martlet. Năm 1964 ông cho ra lò một quả Martlet bay cao được 92 km, sau đó thêm vào được 10 mét vào nòng súng của khẩu súng của mình (chỉ tốn có 41.000 đôla). làm thành nòng súng dài 36m - dài nhất thế giới. Với nòng súng đó, ông đạt được độ cao 150 km với trọng lượng thuốc nổ 180 kg.

Ông giải quyết được các vấn đề nảy sinh. Một vấn đề quan trọng trong đó là thuốc đẩy. Trong một khẩu súng nhỏ thuốc nổ cung cấp cho hỏa tiễn chỉ một cú đập mạnh là đã chuyển từ trạng thái rắn sang khí trong một phần triệu giây. Khí cố thoát ra khỏi sức nén nhưng không có đường ra nào khác ngoài nòng súng, đẩy quả đạn lên trước. Nhưng với một nòng súng dài như Bull tạo ra, một nòng súng đặc biệt, thì thuốc đẩy nổ chậm là cần thiết để không làm tung nòng súng ra. Ông cần có một chất bột có thể đẩy quả hỏa tiễn lên trên cái nòng dài ngoằng đó, với một gia tốc ổn định. Ông đã vẽ kiểu cho khẩu súng đó.

Năm 1966, những đối thủ cũ của Bull trong số các quan chức Bộ Quốc phòng Canada muốn có được ông, họ thúc ông bộ trưởng xuất tiền để tài trợ. Bull phản đối việc chỉ trả một phần mà Cape Canaveral chi ra cho công việc của ông. Không có khả năng. Để bảo vệ quyền lợi của mình, quân đội Mỹ chuyển Bull từ Barbados đến Yuma, bang Arizona. Ở đây, vào tháng Mười một cùng năm, ông bắn được một trọng tải lên độ cao 180 km, một kỷ lục đứng vững trong suốt hai mươi năm năm. Nhưng vào năm 1967, Canada đã rút lui hoàn toàn, cả Chính phủ cũng như đại học tổng hợp McGill. Quân đội Mỹ bèn tiếp chân. HARP bị bỏ lửng. Bull tự mình dựng lên một cơ sở tư vấn ở một trụ sở ông mua ở Highwater ở ven Vermont ở về phía bắc và nước Canada quê hương ông. Ông đặt tên công ty của mình là Hãng Nghiên cứu vũ trụ.

Vào năm 1990. để phóng mỗi kilôgam dụng cụ vào vũ trụ tốn mất mười nghìn đôla với chương trình Con thoi Vũ trụ ở Cape Canaveral. Cho đến ngày chết đi, Bull biết là ông có thể phóng một kilo với giá chỉ có 600 đôla. Vào năm 1988, công việc bắt đầu với một dự án mới ở Phòng thí nghiệm quốc gia quốc gia Lawrence Livermore ở California. Dự án liên quan đến một khẩu súng khổng lồ, nhưng cho đến lúc đó với một nòng súng chỉ có rãnh nòng bốn inch và nòng súng chỉ dài năm mươi mét. Cuối cùng, và với chi phí hàng trăm triệu đôla, có thể hy vọng một nòng súng lớn, lớn hơn rất nhiều, để bắn các trọng lượng khác nhau vào vũ trụ. Dự án có tên là Dự án nghiên cứu siêu độ cao, hay SHARP.

Gerry Bull sống và tiếp tục sự tìm tòi của mình ở Highwater trong khoảng mười năm. Trong quãng thời gian đó ông đã bỏ rơi giấc mơ làm khẩu súng có thể bắn trọng lượng lên vũ trụ và tập trung vào lĩnh vực chuyên môn thứ hai của mình - pháo binh chính quy, lĩnh vực có hiệu quả cao hơn nhiều. Ông bắt đầu với bài toán chủ yếu: gần như mọi quân đội trên thế giới đều dựa pháo binh của mình trên loại tên lửa đạn đạo howitzer 155 ly. Bull biết rằng trong một cuộc đấu pháo, bên nào bắn được tầm xa hơn là người chiến thắng. Anh ta có thể ngồi ở đằng sau và đuổi quân địch đi mà không hề chịu thiệt hại gì. - Bull được chỉ

định để tăng tầm bắn và tăng độ chính xác cho súng mặt đất 155 ly. ông bắt đầu với đạn dược. Điều này đã được thử trước đây, nhưng không ai thành công cả. Trong vòng bốn năm Bull đã làm được điều đó. —

Trong những lần kiểm tra thử nghiệm, quả đạn do Bull chế tạo bay được cùng quãng đường trong nửa thời gian với cùng khẩu 155 ly chuẩn, chính xác hơn, và nổ với cùng lượng thuốc nổ thành 4700 mảnh so với 1350 mảnh của đạn NATO. NATO không chú ý lắm. Nhờ Chúa mà Liên Xô cũng không chú ý.

Thất vọng, Bull lại tiếp tục cải tiến, làm ra một quả đạn có tầm xa hơn hẳn. NATO vẫn không chú ý, thích dùng lại với những vũ khí truyền thống của mình và những quả đạn tầm ngắn hơn.

Nhưng nếu những quyền lực lớn không để mắt đến, thì phần còn lại của thế giới lại chú ý. Những phái đoàn quân sự để đồn đến Highwater để nhờ Gerry Bull cố vấn. Trong đó có Israel (chính vào thời gian đó mà ông đã củng cố những tình bạn đã bắt đầu với những gì từng ở Barbados, Ai Cập, Venezuela, Chilê, và Iran. ông cũng trở thành cố vấn về các vấn đề pháo binh khác cho Anh, Hà Lan, Italia, Canada, và Mỹ, mà các nhà khoa học quân sự (nếu không phải là Lầu Năm góc) tiếp tục nghiên cứu với những quan tâm ngày càng tăng.

Năm 1972, Bull gần như đã trở thành công dân Mỹ. Năm tiếp theo, ông bắt đầu làm việc với khẩu 155 rãnh nòng đối đất hiện nay. Trong hai năm ông đã có bước đột phá mới, phát hiện rằng chiều dài lý tưởng cho một nòng súng là không ngắn hơn không dài hơn bốn mươi nhăm lần cỡ nòng của nó. ông đã hoàn thiện một mẫu mới của khẩu 155 đối đất tiêu chuẩn và gọi nó là GC (viết tắt của Gun Caliber) - cỡ nòng 45. Khẩu súng mới, với những quả đạn tầm xa hơn, có thể trở thành vũ khí của bất kỳ pháo binh nào trong tất cả các kho vũ khí của Cộng sản. Nhưng nếu ông trông mong những hợp đồng, thì ông đã phải thất vọng. lại thêm lần nữa, Lầu Năm góc vẫn tiếp tục mẫu súng cũ và ý tưởng mới của mình về những quả đạn đối tên lửa với giá gấp tám lần mỗi quả. Sự thực là hai loại đạn này giống hệt nhau.

Bull bị thất sủng vào năm 1976 khi ông được CIA mời đến giúp nâng cấp pháo binh và các quả đạn của Nam Phi, nước đang đánh nhau với Cuba được Matxcơva hậu thuẫn tại Angola. Bull chỉ là một tay mơ hồ về chính trị - ở một mức khó tưởng nổi. Ông đến đó, thấy thích Nam Phi, và hợp tác chặt chẽ với họ. Ông không mấy may quan tâm đến chế độ Apartheid ở đây. Ông giúp họ thiết kế lại pháo binh theo những hướng của khẩu howitzer tầm xa nòng dài GC-45 đang ngày càng được ưa chuộng. Sau đó, Nam Phi sản xuất được loại riêng của mình, và chính những nòng súng đã nghiên nát pháo binh Xô viết, đẩy lui người Nga và Cuba.

Quay trở về Mỹ, Bull tiếp tục cho ra lò những quả đạn của mình. Tuy nhiên, vào năm 1977, Liên Hợp Quốc ấn định một lệnh cấm vận vũ khí đối với Nam Phi, và sau đó Jimmy Carter trở thành tổng thống, Bull bị bắt và bị buộc tội đã xuất khẩu trái luật vào một chế độ đã bị cấm. CIA dẫn ông một trận tới bờ. Ngày 16 tháng Sáu năm 1980, một toà án ở Mỹ kết án Bui một năm tù, với sáu tháng tù treo, và phải nộp 105.000 đôla. Ông thực sự đã phải ngồi nhà đá bốn tháng mười bảy ngày ở nhà tù Allewood ở Pennsylvania. Nhưng với Bull điều đó không nghĩa gì. Ông cảm thấy hổ thẹn và cay đắng, cộng thêm với cảm giác bị phản bội. Làm sao họ có thể làm thế với ông? Ông tự hỏi, ông đã giúp nước Mỹ mọi việc mà ông có thể, đã mang quốc tịch nước này, đi theo tiếng gọi của CIA. Trong khi ông ở Allenwood, công ty của ông, hãng nghiên cứu vũ trụ, bị phá sản và đóng cửa. ông đã lụn bại.

Ra khỏi tù ông rời Mỹ và Canada vĩnh viễn, di tản sang Brussels và bắt đầu mọi thứ lại từ đầu trong một căn hộ tồi tàn một phòng với một cái bếp nhỏ. Sau này bạn bè kể lại là ông đã thay đổi sau vụ việc, không bao giờ còn là người như trước được nữa. Ông không bao giờ tha thứ cho CIA, và không bao giờ tha thứ cho nước Mỹ; ông đã đấu tranh nhiều năm để phục hồi danh dự.

Ông trở lại nghề tư vấn và tiếp tục một đơn đặt hàng đã làm trước khi bị kết án: làm việc cho Trung Quốc để cải tiến pháo binh của họ. Qua những năm đầu và giữa thập kỷ 80 ông làm chủ yếu cho Bắc Kinh và thiết kế lại pháo binh của họ theo những tiêu chuẩn của súng đại bác GC-45 của mình. loại súng giờ đây đã được bán dưới bản quyền quốc tế của hãng Voest- Alpine của Áo, hãng đã mua lại quyền sáng chế của Bull trả trọn gói hai triệu đôla một lần, Bull vẫn luôn là một doanh nhân cơ bự, hoặc ông có lẽ đã là một triệu phú.

Trong khi Bull đang ở Trung Quốc, nhiều sự kiện đã xảy ra ở những nơi khác. Nam Phi đã sử dụng những mẫu của ông và phát triển thêm nhiều, tạo ra một loại howitzer kéo dài được gọi là G-5 từ khẩu GC-45 của

ông và một loại đại bác tự hành tên là G-6. Cả hai có tầm bắn bốn mươi km với những quả đạn nặng hơn. Nam Phi đã bán chúng khắp thế giới. Vì kém quan hệ với người Nam Phi, Bull không thu được đồng nào cho phát minh của mình.

Một khách hàng của những khẩu súng này là có tên Saddam Hussein của Iraq. Chính những khẩu đại bác này đã bắn vào những đợt sóng người những tin đồ Iran trong cuộc chiến Iran-iraq kéo dài tám năm, cuối cùng đã đánh bại họ tại bãi lầy Fao. Nhưng Saddam Hussein đã thêm vào một rãnh xóay, đặc biệt trong trận đánh ở Fao. Ông ta đã cho thêm khí vào các quả đạn.

Khi đó Bull làm việc cho Tây Ban Nha và Nam Tư, chuyển pháo 130 ly sản xuất tại Liên Xô của quân đội Nam Tư cũ sang đại bác 155 ly với những quả đạn tầm xa hơn. Ông không còn sống để nhìn thấy chúng trở thành những khẩu súng mà người Serb, thừa hưởng khi Nam Tư sụp đổ, đã bắn vào những thành phố của người Croat và người Hồi giáo trong cuộc nội chiến. Và năm 1987 ông biết được rằng Liên Xô có thể, sau mọi chuyện, nghiên cứu súng đại bác bắn trọng tải vào vũ trụ - nhưng với Gerry Bull thì việc đó đã hoàn toàn chấm dứt.

Mùa đông đó ông nhận được một cú điện thoại lạ thường từ đại sứ quán Iraq ở Bonn: tiến sĩ Bull có muốn đến thăm Baghdad với tư cách là khách mời của Iraq?

Điều ông không biết là vào giữa những năm 1980, Iraq đã chứng kiến Chiến dịch Staunch, một cố gắng của Mỹ để chặn đứng mọi nguồn vũ khí nhập khẩu vào Iran. Điều này tiếp theo thảm kịch giữa hải quân Mỹ ở Beirut khi những tin đồ Hezbollah được sự hậu thuẫn của Iran tấn công các trại lính của họ. Phản ứng của Iraq, mặc dù được hưởng lợi trong trận chiến với Iran từ Chiến dịch Staunch, là: nếu người Mỹ có thể làm điều đó với Iran, thì họ cũng có thể làm điều đó với chúng ta. Từ điểm đó, Iraq quyết định nhập khẩu không phải là vũ khí mà là mọi công nghệ từ khắp nơi có thể được để chế tạo vũ khí cho riêng mình. Bull là nhà chế tạo đầu tiên và quan trọng hơn cả; họ quan tâm tới ông. Sứ mệnh tuyển ông được giao cho Amer Saadi, nhân vật thứ hai của Bộ Công nghiệp và Công nghiệp hoá quân sự, được biết đến với cái tên Mimi. Khi Bull đến Baghdad tháng Giêng năm 1988, Amer Saadi, một nhà ngoại giao - nhà khoa học mềm dẻo, thông thạo tiếng Anh, Pháp và Đức cũng như tiếng Ả-rập, - Người Iraq, ông nói, muốn có sự giúp đỡ của Bull với giấc mơ của họ đưa những vệ tinh hoà bình lên vũ trụ. Để làm được điều đó họ phải có mẫu một tên lửa có thể phóng trọng tải lên đó. Các nhà khoa học Ai Cập và Brasil của họ đã đề xuất bước đầu tiên là nên gắn chung với năm tên lửa Scud, mà Iraq đã mua chín trăm quả từ Liên Xô. Nhưng có những vấn đề về kỹ thuật, rất nhiều vấn đề. Họ cần có được một siêu máy tính. Liệu Bull có thể giúp họ hay không?

Bull yêu những bài toán - chúng là lẽ sống của ông. Ông đã không làm ra một siêu máy tính, nhưng bằng sức lực của mình ông gần đạt được một thứ tương tự. Bên cạnh đó, ông nói với Amer Saadi, nếu Iraq thực sự muốn là nước A rập đầu tiên phóng vệ tinh vào vũ trụ, thì có một cách khác - rẻ hơn, đơn giản hơn, nhanh hơn các hoả tiễn ngay từ đầu. Hãy nói cho tôi tất cả những cái đó, người đàn ông Iraq nói. Thế là Bull nói. Ông nói, chỉ với ba triệu đôla ông có thể làm ra một khẩu súng không lò bắn được tải trọng vào không trung. Chương trình có thể mất năm năm. Ông có thể đánh gục những người Mỹ ở Livermore. Đó sẽ là một thắng lợi của người A rập. Tiến sĩ Saadi ngừng mở nghe ông nói. Ông sẽ trình bày và tiến cử ý tưởng trước Chính phủ. Trong khi chờ, liệu tiến sĩ Bull có thể ngó qua pháo binh Iraq được không?

Vào cuối chuyến viếng thăm một tuần của mình, Bull đã đồng ý giải quyết các bài toán để kết hợp năm tên lửa Scud với nhau để tạo thành tầng thứ nhất của một hoả tiễn xuyên lục địa hay một loại súng bắn được vào không gian; thiết kế hai thiết bị pháo binh mới cho quân đội; và đưa ra đề nghị chính thức cho Khẩu súng siêu đẳng bắn vật nặng vào vũ trụ của mình. Cũng như với Nam Phi, ông không hề biết đến thực chất chế độ mà ông sẽ phụng sự. Bạn bè nói với ông Saddam Hussein là người giữ kỷ lục về những bàn tay đẫm máu nhất của Trung Đông Nhưng vào năm 1988 đã có hàng nghìn công ty đáng kính trọng và hàng chục chính phủ tỏ ra mơn trớn để được làm việc với Iraq một nước chịu chi. Với Bull, Vấn đề chính là khẩu súng của ông, cái khẩu súng yêu quý của ông, giấc mơ của cả đời ông, cuối cùng với một người hậu thuẫn đã chuẩn bị giúp ông thực hiện nó, và có chỗ trong điện thờ của các khoa học gia.

Tháng Ba năm 1988, Amer Saadi gửi một nhà ngoại giao đến Brussels để bàn bạc với Bull. Được, nhà thiết kế súng nói, ông đã bắt tay nghiên cứu những vấn đề kỹ thuật của tầng đầu tiên của quả tên lửa của Iraq. ông rất vui mừng nếu có thể giao chúng thông qua một hợp đồng với công ty của ông, lần này vẫn lại mang tên SRC. Vụ buôn bán đã ngã giá. Người Iraq nhận ra rằng giá ông đòi có ba triệu đôla cho khẩu súng là

quá thấp: họ bèn nâng lên mười triệu nhưng đòi phải làm nhanh hơn.

Khi Bull làm việc nhanh, ông làm việc nhanh đến khó tưởng, trong một tháng ông đã hình thành được một nhóm những nhà khoa học tự do giỏi nhất có thể tìm được. Đứng đầu nhóm Khẩu súng siêu hạng ở Iraq là một kỹ sư các dự án người Anh có tên Christopher Cowley. Bản thân Bull cũng đẩy nhanh tiến độ dự án hoá tiễn, đặt ở Saad 16 Bắc Iraq. Dự án Bird. Nhiệm vụ khẩu súng siêu hạng được mang tên Dự án Babylon.

Vào tháng Năm, những số liệu chính xác của Babylon đã được đưa ra. Nó có thể là một thứ máy móc không thể tượng tượng nổi. Cỡ nòng một mét; chiều dài nòng lên tới 156 mét và nặng 1665 tấn - bằng trọng lượng bức tượng Washington. Bull thông báo cho Baghdad rằng ông có thể làm một tiêu bản nhỏ hơn, một tiêu-babylon cỡ nòng 350 ly và chỉ nặng 130 tấn Nhưng trong đó ông có thể thử nghiệm những vật hình nón to cũng có thể hữu dụng cho dự án hoá tiễn. Người Iraq thích cái đó - họ cũng cần công nghệ chóp nón.

Có vẻ như lúc đó Gerry Bull không nắm được ý nghĩa toàn bộ sự nồng nhiệt của Iraq đối với công nghệ chóp nón. Có thể, trong nhiệt tình vô bờ bến của ông được thấy giấc mơ của mình cuối cùng sẽ thành hiện thực, ông đã coi nhẹ nó. Những chóp nón của một mẫu thiết kế rất tiên tiến là cần thiết để ngăn chặn một trọng tải không bùng cháy từ sức nóng lớn có trong khí quyển trái đất. Nhưng những trọng tải trong quỹ đạo vũ trụ không trở lại; chúng ở mãi đó.

Cuối tháng Năm 1988, Christopher Cowley đặt những đơn đặt hàng đầu tiên với Walter Somers của Birmingham cho những phần hình ống để làm nòng cho khẩu tiêu-babylon. Những phần cho những khẩu Babylon hoàn chỉnh 1,2,3 và 4 sẽ đến sau đó. Những đơn đặt thép lạ thường khác được đặt khắp châu Âu

Bước tiến mà Bull thực hiện được thật khủng khiếp. Trong hai tháng ông làm được công việc mà một công ty nhà nước phải mất đến hai năm. Cuối năm 1988, ông đã vẽ mẫu xong cho Iraq hai khẩu súng mới - những khẩu súng tự hành, để đổi lại những khẩu súng kéo được do Nam Phi tài trợ. Cả hai đều rất mạnh, chúng có thể vượt trội súng của các quốc gia lân cận như Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan và Ả-rập Xê-út, những nước mua súng từ NATO và Mỹ.

Bull cũng đã giải quyết được các bài toán để nối năm tên lửa Scud vào với nhau để tạo thành tầng thứ nhất của hoá tiễn Bird, được gọi là Al-Abeid, tức "Tín đồ". Ông đã khám phá rằng những người Iraq và Brasil ở Saad 16 làm việc với số liệu sai, sản xuất bằng một lò gió hoạt động kém. Sau đó, ông đã dựa trên những tính toán vừa xong và để những người Brasil sử dụng. Tháng Năm 1989 gần như toàn bộ ngành công nghiệp vũ khí của thế giới và giới truyền thông, cùng với các nhà quan sát và cơ quan phản gián của các chính phủ, đến dự một cuộc triển lãm vũ khí lớn ở Baghdad. Sự quan tâm lớn đã được thể hiện đối với hai phiên bản làm mẫu của hai khẩu súng lớn. Vào tháng Chạp, tên lửa Al-Abeid được bắn thử trước sự chứng kiến của giới truyền thông đại chúng, rất được các nhà phân tích phương Tây theo dõi. Được các máy quay phim của truyền hình Iraq chiếu vào, hoá tiễn ba tầng lớn được nhô lên từ căn cứ nghiên cứu vũ trụ Al Anbar, trôi dần lên khỏi mặt đất, và biến mất. Ba ngày sau, Washington chấp nhận rằng quả hoá tiễn quả thực tỏ ra có khả năng đẩy một vệ tinh lên vũ trụ. Nhưng các nhà phân tích còn đi xa hơn thế. Nếu Al-Abeid có thể làm được vậy, nó cũng có thể là một tên lửa đạn đạo xuyên lục địa. Đột nhiên các cơ quan tình báo phương Tây tung ra ý kiến: Saddam Hussein không phải là mối nguy hiểm thực sự, phải mất rất nhiều năm mới có thể trở thành mối lo đáng ngại.

Ba cơ quan tình báo : CIA của Mỹ, SIS ở Anh và MOSSAD ở Israel cho rằng trong hệ thống hai khẩu, khẩu Babylon là một thứ đồ chơi vui vẻ và hóa tiễn Bird mới là mối đe dọa thật sự. Cả ba đều sai. Chính là vì Al Abeid đã không hoạt động.

Bull biết tại sao, và ông nói với người Israel điều gì đã xảy ra. Tên lửa Al-Abeid đã bay lên đến mười hai nghìn mét và biến mất khỏi tầm nhìn. Tầng thứ hai không chịu rời khỏi tầng thứ nhất Tầng thứ ba không hề tồn tại. Đó chỉ là một màn lừa đảo. ông biết bởi vì ông có trách nhiệm cố thuyết phục Trung Quốc cung cấp tầng thứ ba và có thể đi Bắc Kinh vào tháng Hai. Ông thực sự đã đi, và người Trung Quốc đã cho ông rớt đài Khi ở đó, ông gặp và nói chuyện lâu với người bạn cũ George Wong. Có cái gì đó không ổn với cuộc làm ăn với người Iraq, điều gì đó đáng lo ngại ở ngoài Gerry Bull, và đó không phải là người Israel- Nhiều lần ông nhấn mạnh ông muốn rời khỏi Iraq, và phải gấp lên. Một điều gì đó đã xảy ra ngay trong đầu óc ông, và ông muốn rời khỏi Iraq. Trong quyết định này ông hoàn toàn đúng, nhưng quá muộn.

Ngày 15 tháng Hai năm 1990, tổng thống Saddam Hussein triệu tập cuộc họp toàn thể nhóm cố vấn thân cận ở lâu đài của mình ở Sarseng, trên những đỉnh núi vùng Kurd. Ông ta thích Sarseng. Nó nằm trên đỉnh đồi, và từ những cửa sổ ba lớp kính ông có thể phóng tầm mắt ra bên ngoài và nhìn xuống toàn thể phong cảnh phía dưới, nơi các nông dân người Kurd đang chịu đựng những mùa đông khắc nghiệt trong túi ngủ và lều của mình. Nơi đó lại không xa thành phố bị tàn phá Halabja bao xa, nơi trong hai ngày 17 và 18 tháng Ba năm 1988, ông đã hạ lệnh trừng trị bảy mươi công dân vì tội ngậm câu kết với người Iran.

Buổi sáng đó ông đứng trước những cánh cửa sổ của phòng mình và nhìn xuống dưới. Ông đang có quyền lực, quyền lực không thể tranh chấp, trong mười sáu năm, và ông đã bị buộc phải trừng trị nhiều người. Nhưng những điều đó đã xong rồi. Một Sennacherib mới đã mọc lên từ Nineveh và một Nebuchadnezzar từ Babylon. Một số đi con đường rất dễ dàng, tức là khuất phục. Những người khác chọn lấy con đường khó nhọc, rất khó nhọc và gần như đều đã chết cả. Vẫn còn những kẻ khác, nhiều kẻ khác, vẫn chưa học được. Nhưng chúng có sẽ phải học thôi, phải học thôi.

Ông lắng nghe đội trực thăng của mình kêu phành phạch từ phía Nam, trong khi người hầu đang cuống cuống sửa lại cái khăn màu xanh lá cây ông thích mặc thành hình chữ V bên trên chiếc áo nhà binh để che quai hàm. Khi mọi thứ đã làm ông thoả mãn, ông cầm khẩu súng tay cá nhân, một khẩu Beretta do Iraq sản xuất có cán nạm vàng, lên đạn và cài vào thắt lưng, và đeo nó vào quanh người. Trước ông từng dùng nó cho một bộ trưởng của nội các và có thể còn phải làm thế tiếp. Ông luôn luôn mang theo nó.

Một tiếng gõ nhẹ vào cửa thông báo cho tổng thống biết những người ông triệu tập đang đợi ông trong phòng họp. Khi ông đi vào căn phòng dài với những cửa sổ kính phẳng ngự trị trên cảnh trí phủ đầy tuyết, mọi người đồng loạt đứng lên. Chỉ có ở đây ở Sarseng này nỗi sợ bị ám sát của ông mới giảm đi. Ông biết rằng toà lâu đài được bao quanh bởi ba vòng cửa đội cận vệ tốt nhất của mình, Amn-al-khass, được chỉ huy bởi chính con trai ông Kusay, và không ai có thể lại gần những cửa sổ lớn này. Trên mái nhà là những tên lửa phòng không Crotale của Pháp, và những tay súng của ông luôn theo dõi bầu trời trên những ngọn núi.

Ông ngồi vào chiếc ghế bành giống một cái ngai vàng ở giữa cái bàn trên cùng tạo thành rìa trên của chữ T. Đứng bên cạnh ông, mỗi bên hai người, là bốn trong số những cận thần thân tín nhất của ông. Với Saddam Hussein chỉ có một phẩm chất mà ông đòi hỏi từ người ông tin tưởng: trung thành. Một sự trung thành tuyệt đối, hoàn toàn, say mê. Trong phẩm chất này, kinh nghiệm đã dạy ông, rằng có các cấp độ khác nhau. Trên cùng của danh sách là gia đình; sau đó là thị tộc; rồi đến bộ lạc. Có một câu ngạn ngữ A rập nói rằng: "Tôi và anh tôi chống lại người anh họ; tôi và người anh họ chống lại thế giới". Ông tin vào điều đó. Nó là đúng. Ông xuất thân từ những ngôi nhà ổ chuột của một thành phố mang tên Tikrit và từ bộ lạc của người Al-Tikriti. Rất nhiều người của gia đình ông và người từ Al-tikriti nắm những chức vụ cao ở Iraq, và họ có thể được tha thứ mọi sự bạo tàn, mọi thất bại, mọi sự thái quá cá nhân, được người ta trung thành.

Bên phải ông là Izzat Ibrahim, cận thần, và ngoài nữa là con rể ông, Hussein Kamil, ông chủ của Mimi, người chịu trách nhiệm về xử lý vũ khí. Bên trái ông là Taha Ramadam, thủ tướng, và xa hơn là Sadoun Hammadi, chủ tịch quốc hội và là tín đồ nhiệt thành của Shi's Moslem. Saddam Hussein theo đạo Sunni, nhưng ông khá khoan dung về tôn giáo, địa hạt duy nhất. Ông không buồn quan tâm chuyện đó. Bộ trưởng ngoại giao của ông, Tariq Aziz, là tín đồ Thiên chúa giáo. "Thế thì sao nào" ông ta biết điều ông ta được nói mà.

Các chỉ huy quân đội ngồi ở đầu kia thân chữ T. những tướng lĩnh chỉ huy đội vệ binh cộng hoà, bộ binh, quân giới, pháo binh, và các kỹ sư. Xa hơn nữa là bốn chuyên gia mà những báo cáo và kiểm tra là lý do để ông triệu tập cuộc họp.

Hai người ngồi bên phải bàn: tin sĩ Amer Saadi. nhà công nghệ và là phó cho con rể ông: và cạnh ông là thiếu tướng Hassan Rahmani. chỉ huy bộ phận phân gián của Mukhabarat: hay Cơ quan tình báo. Ngồi đối diện họ là tiến sĩ Ismail. Ubaidi. phụ trách nhánh nước ngoài của Mukhabarat: và thiếu tướng Omar Khatib: ông chủ của an ninh mật đáng sợ. Amn-al-Amn. hay AMAM.

Ba con người của mật vụ có những nhiệm vụ hết sức rõ ràng. Tiến sĩ Ubaidi chỉ huy gián điệp ở nước ngoài; Rahmani chống lại gián điệp nước ngoài trong Iraq; Khatib chịu trách nhiệm giữ ổn định trong dân chúng Iraq, ủi bằng bất kỳ sự chống đối bên trong nào thông qua sự phối hợp giữa mạng lưới những người lấy tin rộng lớn và những thông tin viên cùng chỉ điểm, những nhân viên đặc biệt lừng danh với không biết bao nhiêu lời đồn đại về những việc ông ta làm với những người bị bắt và mang đến cho nhà tù Abu Ghraib ở

tây Baghdad hoặc cho trung tâm thẩm vấn cá nhân của ông được gọi một cách đùa cợt là nhà tập nằm ngay ở đại bản doanh AMAM.

Nhiều khiếu nại đã đến với Saddam Hussein về sự bạo tàn của vị giám đốc mật vụ của ông, nhưng ông không bao giờ phản đối hay cách chức họ. Có tin đồn rằng cá nhân ông đã đặt cho Khatib cái biệt danh Al-mu'azib. “Kẻ Tra tấn”. Dĩ nhiên Khatib là người Al-Tiknti và trung thành cho đến cùng. Một số nhà cầm quyền, khi các vấn đề tế nhị cần thảo luận, thích triệu tập họp ít người. Saddam lại nghĩ ngược lại: nếu không có công việc bí mật nào phải thực hiện, thì tất cả đều có thể tham dự vào. Không ai có thể nói: “Tôi có bàn tay sạch, tôi không biết”. Theo cách này, mọi người xung quanh ông đều có thể nhận được thông điệp: “Nếu tôi đổ anh cũng sẽ đổ theo”.

Khi tất cả đã vào chỗ. Tổng thống hất hàm cho con rể Hussein Kamil của mình, tay này gọi tiến sĩ Saadi lên báo cáo. Nhà kỹ nghệ gia đọc bản báo cáo của mình, không hề ngược mắt nhìn lên. Không con người khôn ngoan nào lại giương mắt lên nhìn thẳng vào Saddam. Tổng thống tuyên bố ông có thể đọc được tâm hồn con người qua mắt anh ta. Và nhiều người tin điều đó. Nhìn chăm chăm vào mặt ông có thể là để biểu thị sự can đảm, không tin tưởng, không trung thành. Nếu Tổng thống nghi ngờ vào lòng trung thành, thì người chống đối thường sẽ gặp bất hạnh. Khi tiến sĩ Saadi đã kết thúc. Saddam suy nghĩ một lúc.

- Tay này, cái tay Canada. ông ta biết được những gì?

- Không phải tất cả, nhưng khá là nhiều, sayidi. -

Sayidi là danh xưng tôn kính của Ả-rập tương đương với sir trong ngôn ngữ phương Tây, nhưng kính trọng hơn. Một danh hiệu khác có thể chấp nhận được là Sayid Rais, hay “Ngài tổng thống”.

- Từ bao giờ?

- Từ sớm, nếu như không phải đã biết, sayidi

- Và hẳn đã nói cho bọn Israel rồi à?

Vâng, Sayid Rais, tiến sĩ Ubaidi trả lời. Hẳn là bạn của chúng trong nhiều năm. Đã đến thăm Tel Aviv và giảng về tên lửa đạn đạo cho các sĩ quan pháo binh của chúng. Hẳn có nhiều bạn ở đó, có thể còn có cả bạn trong Mossad, dù hẳn không biết điều đó.

- Liệu chúng ta có thể hoàn thành dự án mà không có hẳn không? Saddam Hussein hỏi.

Hussein Kamil chen vào:

- Hẳn là một tay lạ lẫm. Hẳn nhất định đòi phải luôn được mang theo tất cả những giấy tờ khoa học quan trọng trong một cái túi đeo to. Tôi đã hạ lệnh cho bên phản gián coi sóc vấn đề giấy tờ này và sao lại chúng.

- Thế đã làm chưa? Tổng thống nhìn chăm chăm Hassan Rahmani. trùm phản gián của ông ta.

- Đã làm rồi, Sayid Rais. Tháng trước trong khi hẳn đến thăm đây. Hẳn đã uống quá nhiều whisky. Trong rượu có thuốc ngủ, và hẳn ngủ khá lâu và khá sâu. Chúng tôi đã lấy cái túi đi và chụp lại mọi thứ giấy tờ trong đó. Chúng tôi cũng đã ghi âm mọi cuộc trò chuyện về kỹ thuật của hẳn. Giấy tờ và băng từ đều đã được chuyển cho tiến sĩ Saadi của chúng ta.

Cái nhìn của tổng thống chuyển sang nhà khoa học.

- Thế, một lần nữa, ông có thể hoàn thành dự án mà không có hẳn không?

- Được Sayid Rais, tôi tin chúng ta có thể. Một số tính toán chỉ hẳn mới hiểu được, nhưng tôi đã có những nhà toán học giỏi nhất nghiên cứu chúng trong suốt một tháng nay. Họ có thể hiểu được chúng. Các kỹ sư có thể làm được những việc còn lại.

Hussein Kamil bắn vào vị phó của mình một cái nhìn cảnh báo:

- ông hẳn là có lý, ông bạn ạ.

- Bây giờ hẳn ở đâu? Tổng thống hỏi.

- Hẳn đã rời đi Trung Quốc, sayidi. tiến sĩ Ubaidi trả lời.

Hắn đang cố tìm cho chúng ta cái tầng thứ ba cho hoá tiễn Al- Abeid. Thế nhưng, hắn sẽ thất bại thôi. Hắn đã có dự định quay về Brussels vào giữa tháng Ba.

- Ông có người ở đó không, tụi tốt ấy?

- Có, sayidi. Tôi đã đặt hắn dưới sự giám sát ở Brussels từ mười tháng rồi. Chính vì thế chúng tôi biết hắn đã tán chuyện với các đoàn Israel tại văn phòng của hắn ở đó. Chúng tôi cũng có chìa khoá căn hộ của hắn rồi.

- Thế thì tiến hành đi. Khi hắn trở về đó.

- Không ngần ngại gì nữa, Sayid Rais. Tiến sĩ Ubaili nghĩ đến bốn người ông ta có ở Brussels cho nhiệm vụ giám sát ngày đêm. Một trong số đó đã từng làm việc trước đó. Abdelrahman Moyesdin, tay này có thể làm việc được.

Ba nhân viên phản gián và tiến sĩ Saadi lui. Những người khác ngồi lại. Khi còn lại một mình với họ, Saddam Hussein quay về phía người con rể :

-Thế còn những việc kia, khi nào thì anh làm xong?

-Con đảm bảo là chỉ đến cuối năm thôi, Abu Kusay.

Trong gia đình ,Kamil có thể sử dụng danh hiệu thân thiết hơn “Cha Kusay”. Nó chỉ ra mối quan hệ gia đình. Tổng thống hài lòng

- Chúng ta sẽ cần một địa điểm, một địa điểm mới. một pháo đài: không phải một địa điểm đang tồn tại, dù bí mật đến đâu chẳng nữa. Một địa điểm bí mật mới mà không ai biết đến cả. Không ai ngoài một nhóm nhỏ, thậm chí không phải tất cả chúng ta ở đây hôm nay. Không phải là một dự án xây dựng dân sự, mà là quân sự. Các ông có thể làm được điều đó không?

Tướng Ah Musuli bên Công binh đứng nghiêm. Nhìn thẳng vào Tổng thống:

- Rất vinh dự. Sayid Rais.

- Người có trách nhiệm, người tốt nhất của ông. rất tốt đấy

- Tôi có người rồi. sayidi. Một trung tá. Một siêu sao về xây dựng và nguy trang. Stepanov người Nga từng nói anh ta là học trò giỏi nhất- trong maskirovka mà ông ta từng dạy được.

- Thế thì mang anh ta đến chỗ tôi. Không phải ở đây, mà Baghdad, trong hai ngày nữa. Tôi sẽ tự ra lệnh cho anh ta. Anh ta có là một tay Ba’athist khá không. tay trung tá này? Có trung thành với đảng và với tôi không ?

- Hết mức, sayidi. Anh ta có thể chết vì ngài.

- Tất cả các ông cũng thế. tôi hy vọng. Nhưng một chút rồi tiếp: chúng ta hãy hy vọng không đến nỗi phải như thế.

Cuộc hội đàm đã kết thúc theo cách như thế. Thật may mắn dù sao cũng là kết thúc một cuộc họp.

Tiến sĩ Gerry Bull về đến Brussels ngày 17 tháng Ba: kiệt sức và thất vọng. Các đồng nghiệp của ông hiểu được nỗi thất vọng do không đạt được kết quả ở Trung Quốc. Nhưng còn hơn thế nữa. Kể từ khi đến Baghdad hơn hai năm trước, ông đã bị thuyết phục - vì đó là cái ông muốn tin - rằng chương trình hoá tiễn và khẩu súng Babylon là để cho việc phóng vệ tinh lên quỹ đạo trái đất. Ông có thể thấy những lợi ích khổng lồ trong việc tự đánh giá và sự tự hào cho cả thế giới Ả rập nếu Iraq có thể làm được điều đó. Hơn thế nữa, nó có thể mang lại tiền bạc, tự trang trải, khi Iraq truyền được liên lạc và vệ tinh dự báo thời tiết cho các nước khác.

Theo ông hiểu, dự án là khẩu Babylon bắn hoá tiễn mang vệ tinh về phía đông nam, qua lãnh thổ của Iraq. Ả rập Xêút và nam Ấn Độ Dương để lên quỹ đạo. Ông đã vẽ mẫu theo hướng đó. Ông đã buộc phải đồng ý với các đồng nghiệp của mình rằng không một quốc gia phương Tây nào có thể nhìn vấn đề theo cách đó. Họ có thể kết luận đó là một khẩu súng cho mục đích quân sự. Do đó, mới có sự lập lờ trong việc đặt mua các phần của nòng súng, rãnh nòng và cơ chế chuyển đạn. Chỉ có ông, Gerald Vincent Bull, biết được sự

thật, điều đó rất giản đơn - khẩu Babylon không thể được sử dụng như một thứ vũ khí có thể bắn những quả đạn có lượng nổ lớn. dù những quả đạn này lớn đến đâu đi chăng nữa.

Khẩu Babylon, với nòng dài tới 156 mét: không thể đứng vững nếu thiếu giá đỡ. Nó cần đến một cái bệ hay giá cực kỳ chắc chắn. Không có những giá đỡ này, nòng súng có thể gãy gập như một sợi mì ống và vỡ tan như những mảnh vụn. Do đó, nó không thể nâng lên hay hạ xuống, cũng không thể di nòng từ bên này sang bên kia. Do vậy nó không thể nhằm vào được nhiều đích. Để thay đổi góc bắn của nó, lên hay xuống hay quay ngang, nó cần phải được tháo ra, việc này mất nhiều tuần. Ngay cả để lau chùi và lắp lại đạn cũng mất đứt vài ngày. Hơn thế nữa, những phát bắn liên tục có thể làm vỡ cái nòng súng rất đắt đỏ này. Cuối cùng, khẩu Babylon không thể giấu đi để tránh bị bắn trả.

Mỗi lần phát hoả, một quả cầu lửa dài chín mươi mét có thể bay ra từ nòng súng, bất kỳ vệ tinh hay máy bay nào cũng có thể định vị ngay được khẩu súng. Những dữ liệu đó có thể đến chỗ người Mỹ trong vòng vài giây. Cũng vậy, cử động giật ngược của nó có thể được đo bởi bất kỳ nhà địa chấn học nào ở tận California. Chính vì lẽ đó mà ông nói với tất cả những ai có thể nghe: “Nó không thể được sử dụng làm vũ khí đầu.”

Vấn đề của ông là sau hai năm ở Iraq, ông đã nhận ra rằng với Saddam Hussein khoa học chỉ có một ứng dụng duy nhất: vũ khí chiến tranh và năng lượng. Do đó, ông ta đã chi tiền cho khẩu Babylon vì cái quái gì? Nó chỉ có thể khai hoả một lần trong cơn thịnh nộ trước khi những máy bay thả bom của đối phương nghiền nó ra thành từng mảnh vụn, và nó chỉ có thể bắn ra một vệ tinh hay một quả đạn hợp lý.

Chính là Ở Trung Quốc, tại công ty của George Wong đáng mến ông hiểu điều đó. Đó là phương trình cuối cùng mà ông có thể giải được. Nhưng đã quá muộn.

2. Chương 2

Chiếc Ram Charger to lớn lao xuống từ đường núi chính từ Qatar dẫn về Abu Dhabi ở Các tiểu vương quốc Ả rập, đúng giờ. Điều hoà nhiệt độ giữ mát bên trong xe, và người lái xe bật vài bài đồng quê và miền Tây yêu thích của mình khiến cho bên trong ngập tràn tiếng nhạc quê nhà.

Đi quá Ruweis, họ đã ở giữa đồng quê, biển ở bên trái họ chỉ đôi khi hiện ra giữa những đụn cát, còn ở bên phải sa mạc rộng lớn trải dài hàng trăm dặm nóng và cát về phía Dhofar và Ấn Độ Dương. Bên cạnh người chồng Maybelle Walker nhìn chăm chăm vào cái sa mạc màu xám xịt đang chạy dài dưới bầu trời giữa trưa. Ray Walker vẫn nhìn ra đường. Cả đời là một tay buôn dầu, ông đã từng nhìn thấy sa mạc trước đó. “Đã thấy một tức là thấy tất cả”, ông hững hờ nói khi người vợ tung ra những câu cảm thán, thán phục với những cảnh tượng và âm thanh thật mới mẻ với bà. Nhưng với Maybelle Walker tất cả đều là mới, và mặc dù bà đã nghiền ngẫm khá đủ trước khi rời Oklahoma đến mở một chi nhánh mới ở Eckerd. bà vẫn yêu quý những giây phút của chuyến đi hai tuần ở vùng vịnh Ả rập - thường được gọi là vịnh Pecxich.

Họ đã bắt đầu chuyến đi ở phía Bắc Kuwait, rồi lái chiếc xe công ty thuê cho để đi xuống phía Nam đến Ả rập Xêút, qua Khafji và Al-khobar, cắt chéo đường để đến Bahrain. rồi quay trở lại và đi xuống qua Qatar và đến UAE. Ở mỗi điểm đỗ Ray Walker lại “kiểm tra” chiếu lệ văn phòng công ty mình - lý do bề ngoài của chuyến đi - trong khi bà lấy một người hướng dẫn từ văn phòng công ty và đi thám hiểm các địa điểm trong địa phương. Bà cảm thấy mình thật can đảm khi dám đi xuống tất cả các phố chật hẹp cùng duy nhất một người đàn ông da trắng đi theo. không hề ý thức được rằng bà có thể gặp nhiều nguy hiểm ở bất kỳ đâu trong số năm mươi thành phố lớn nhất nước Mỹ hơn là ở vịnh Ả rập này.

Các địa điểm đã làm bà say đắm trong chuyến đi đầu tiên và cũng có thể là cuối cùng ngoài nước Mỹ. Bà ngưỡng mộ các lâu đài và các tháp có chóp của người Hồi giáo, lang thang ở dòng thác vàng, và lo sợ làn sóng những khuôn mặt tối tăm và những chiếc áo dài nhiều màu sắc quây quanh mình khi ở các khu phố cổ.

Bà đã chụp ảnh mọi thứ và mọi người để khi về cho những người đàn bà ở câu lạc bộ xem những nơi bà đã đến và những gì bà đã thấy. Bà ghi nhớ lời dặn của người đại diện hãng ở Qatar không được chụp một

người Ả-rập ở sa mạc mà không có sự cho phép của ông, vì nhiều người vẫn tin chụp ảnh đồng nghĩa với bị lấy mất linh hồn.

Bà thường xuyên tự nhủ mình là một người phụ nữ hạnh phúc và phải hạnh phúc về điều đó. Lấy chồng gần như ngay sau khi rời trung học hai năm sau lần gặp đầu tiên. Bà thấy mình lấy được một người đàn ông tốt, vững vàng với nghề nghiệp tại một công ty dầu mỏ địa phương đã vươn lên qua những vị trí mà công ty mở rộng được, cho đến nay trở thành một trong số các phó chủ tịch.

Họ có một ngôi nhà đẹp bên ngoài Tulsa và một ngôi nhà bãi biển cho các kỳ nghỉ hè ở Hatteras, giữa Đại Tây Dương và Pamlico Sound ở bang Carolina Bắc. Đã có một cuộc hôn nhân tốt đẹp dài ba mươi năm, được ban thưởng với một đứa con trai xinh xắn. Và hiện giờ, một chuyến đi hai tuần bằng chi phí của hãng đến mọi thắng cảnh xa xôi và những âm thanh, những mùi vị; và những kinh nghiệm của một thế giới khác, vịnh Ả-rập.

- Đường tốt đấy, bà nhận xét về con đường trải nhựa ánh lên trước xe họ. Nếu nhiệt độ trong xe là bảy mươi độ (F) thì trên sa mạc hẳn phải là một trăm hai mươi.

- Ủ! Chồng bà hờ hững- Bọn anh đã làm nó đấy.

- Công ty á?

- Không. Nước Mỹ, mẹ kiếp.

Ray Walker có thói quen nói đệm từ mẹ kiếp. Họ ngồi một lúc trong im lặng rồi bà ngồi sát lại chồng hơn, bà luôn muốn làm vậy bên cạnh chồng.

Sắp sang tuổi sáu mươi, Ray Walker đã nói đến chuyện về hưu với một khoản lương hưu cao và một số cổ phiếu giá trị cao, và một công ty đáng kính đã tặng ông một chuyến đi hai tuần, trả hết mọi chi phí, hạng nhất đến Vịnh để “thanh tra” những trạm của họ dọc theo bờ biển. Dù ông cũng chưa bao giờ đến đây, nhưng ông cũng phải công nhận ông chẳng mấy say mê với những cái như vợ mình, nhưng ông thích thấy bà như thế. Ông định kết thúc chuyến đi ở Abu Dhabi và Dubai. Rồi mua vé khoang hạng nhất một chuyến bay thẳng về Mỹ qua London. Ít nhất thì ông cũng có khả năng mua bia Bud dài, lạnh không cần phải xin phép văn phòng công ty. Đạo Hồi có lẽ cũng tốt thôi, ông đùa. Nhưng sau khi đã ở tại những khách sạn tốt nhất ở Kuwait và Ả-rập Xê-út, những nơi khô hạn, ông tự hỏi tôn giáo nào có thể ngăn cản một gã đàn ông được dùng bia vào một ngày nóng nực.

Ông ăn mặc theo đúng cách ông thấy cần phải thể đối với một tay buôn dầu mỏ trên sa mạc - boots cao, quần jean, thắt lưng, áo phông, và Stetson - cái không thật sự cần thiết, vì thực ra ông là một nhà hoá học về quản lý chất lượng. ông nhìn máy đo: tám mươi dặm nữa đến chỗ rẽ Abu Dhabi.

- Phải nghỉ đây, em yêu ạ. ông thì thầm.

- Anh cứ lo xa, Maybelle báo trước. Có bọ cạp ở đó đấy. Nhưng chúng nó không thể nhảy cao hai feet được, ông nói, và cười phá lên trong lời nói đùa của mình. Bị cắn vào mông bởi một con bọ cạp nhảy cao - thật là nhộn đối với những anh chàng đang đi về nhà.

- Ray, anh khủng khiếp thật đấy. Maybelle trả lời, và cũng cười. Walker lăn bánh chiếc Ram Charger đến bờ con đường vắng tanh và mở cửa xe. Cơn nóng hầm hập ập đến như thể từ cánh cửa của một cái lò. Ông bò ra và sập cửa lại sau lưng mình để giữ không khí lạnh ở bên trong. Maybelle ngồi lại trên chiếc ghế đằng sau khi chồng bà đi đến đụn cát gần nhất và đóng cửa lại sau lưng mình. Khi đó bà nhìn chằm chằm qua làn gió và thầm thì:

- Ôi. Chúa tôi, anh có thấy không kia.

Bà với lấy chiếc máy ảnh Pentax của mình, mở cửa xe, và trườn xuống dưới đất.

- Em thích thì cứ việc, em yêu. Ai cơ?

Người Bedouin đứng bên kia đường, dường như bước ra từ giữa hai đụn cát. Anh ta thoát ẩn thoát hiện. Maybelle Walker ngồi lên thanh kim loại phía trước chiếc xe, máy chụp hình trong tay, bất động. Chồng bà quay quanh và cũng đứng bật dậy. ông nhìn chằm chằm người đàn ông qua đường.

- Đừng làm thế, ông nói, đừng có làm. Đừng có lại gần quá nguy hiểm đấy. Anh sẽ nổ máy. Em chụp nhanh một bức ảnh, và nếu hẳn ta lại gần, lập tức nhảy lên ngay nhé. Nhanh lên.

Ông nhảy lên chỗ lái xe và giạt cần khởi động. Máy điều hoà cũng tự động được bật lên.

Maybelle Walker tiến lên trước vài bước và gương máy ảnh lên.

- Tôi có thể chụp hình anh không bà hỏi. Máy ảnh? ảnh? Click click? Cho album ảnh ở nhà tôi?

Người đàn ông chỉ đứng yên và nhìn bà chăm chăm. Chiếc djellaba, cũ và bẩn, rơi từ vai anh ta xuống sát dưới chân anh ta. Cái keffiyeh xấu xí màu đỏ trắng buộc trên đầu anh ta bằng một cái dây hai mảnh màu trắng, và một trong những góc được buộc lại dưới thái dương bên kia để quần áo

- Ray, anh nghĩ là em có thể chụp ảnh anh ta không?

Ray đang quay mặt sang hướng khác, đang sung sướng theo lối một người đàn ông đứng tuổi, quần lấy mặt anh ta từ chòm mũi xuống. Phía trên quần áo cũ nát là đôi mắt đen nhìn mãi vào bà. Cái mà lớp da trán nhỏ và tròng mắt bà có thể nhìn thấy bị cháy nâu bởi sa mạc.

Bà đã có nhiều bức hình cho album ảnh mà bà định làm ở nhà, nhưng không có bức nào chụp người bộ lạc Bedouin với sa mạc trải dài sau lưng như thế này. Bà nâng máy ảnh của mình lên. Người đàn ông không nhúc nhích. Bà nhìn qua ống kính, lấy hình thật chuẩn khuôn mặt thuần, tự hỏi liệu có kịp nhảy lên xe nếu người đàn ông Ả-rập chạy qua đường đến chỗ bà. Click.

- Cám ơn nhiều. bà nói. Anh ta vẫn không cử động. Bà đi giạt lùi về phía chiếc xe, cười rạng rỡ. “Cứ cười nhé” bà nhớ từ Reader’s Digest từng quảng cáo người Mỹ bị tấn công bởi ai đó không hiểu nổi tiếng Anh.

- Em yêu, lên xe đi! Chồng bà kêu lên.

- Ổn mà, em nghĩ anh ta ổn thôi, bà nói, mở cửa xe.

Đài không chạy nữa khi bà đang chụp ảnh. Sóng đài đã bị cắt. Tay Ray Walker với ra và kéo bà vào trong xe, nó chồm lên khỏi vệ đường.

Người Ả-rập nhìn họ đi, nhún vai, và bước vào sau đụn cát, nơi anh ta lái chiếc Land-Rover không mui của mình ra. Trong một vài giây anh ta cũng lái chiếc xe về hướng Abu Dhabi.

- Tại sao phải gấp thế? Maybelle Walker phàn nàn. Anh ta sẽ không tấn công em đâu.

- Đó không phải là vấn đề, em yêu - Ray Walker mím chặt môi, con người có kiểm soát, có khả năng đối đầu với bất kỳ sự nổi lên nào của quốc tế - Chúng ta sẽ đến Abu Dhabi và đi chuyến bay gần nhất để về nhà. Có vẻ như là sáng nay Iraq đã tấn công Kuwait, mẹ kiếp. Họ có thể đến đây bất kỳ lúc nào.

Đã mười giờ, giờ vùng Vịnh, vào buổi sáng mờ mờ Hai tháng Tám năm 1990.

Mười hai tiếng sau: đại tá Osman Badri chờ đợi, bồn chồn và nóng nảy, bên cạnh vết những chiếc xe tăng của bãi T-72 gần một sân bay nhỏ có tên Safwan. Anh không biết rằng cuộc chiến chống Kuwait đã bắt đầu ở đó và sẽ kết thúc ở đó, Ở Safwan. Bên ngoài sân bay có những đường băng nhưng không hề có nhà cửa gì hết, đường chính chạy theo hướng bắc nam. Trên con đường hướng về bắc, xuống chỗ anh đã đi qua ba ngày trước. là chỗ nơi khách du lịch có thể rẽ sang phía đông để đi Basra hay tây bắc Baghdad.

Ở phía nam, con đường chạy thẳng qua trạm biên giới Kuwait nằm dặm cách đó. Đứng từ đây nhìn xuống phía nam, anh có thể nhìn thấy dòng chảy đen tối của sông Jahra, và trên đó. xa hơn về phía đông ngang qua vịnh, là ánh sáng của Kuwait City Anh bồn chồn bởi vì thời điểm của đất nước mình đã đến. Thời gian để trừng phạt sự láo lếu của người Kuwait về những gì họ đã làm cho Iraq, cho những phúc lợi kinh tế không được tuyên bố, cho thiệt hại về tài chính và cho sự cao ngạo phách lối của họ.

Chẳng phải đất nước của anh đã mất tong tám năm trời giúp đỡ những người từ Ba Tư khỏi bị dồn đến miền bắc vịnh và mất hết sự xa xỉ của cuộc sống? Và giờ đây chẳng nhẽ lại phải ngồi yên lặng nhìn người Kuwait lấy đi nhiều hơn là phần họ đáng được hưởng từ vùng dầu mỏ Rumailah đã được chia sao? Chẳng phải họ trở nên nghèo đói chính vì Kuwait đã sản xuất quá đà khiến giá dầu giảm xuống ư? Bây giờ họ lại phải nghe lời bọn chó Al Sabah đòi cái khoản tiền vớ vẩn nợ 15 tỷ đôla họ đã cho Iraq vay trong cuộc chiến sao?

Không, như thường lệ, Rais lại có lý. Trong lịch sử Kuwait từng là tỉnh thứ mười chín của Iraq; luôn là như vậy, cho đến khi người Anh vạch ra cái đường đáng nguyên rửa trên cát vào năm 1913 và tạo ra tiểu vương giàu có nhất trên thế giới. Đêm nay Kuwait sẽ bị xử lý, đêm khuya này, và Osman Badri sẽ là một thành viên trong đó.

Là một kỹ sư quân giới, anh có thể không phải đứng ở hàng đầu, nhưng anh luôn ở cạnh những đơn vị cầu đường của mình, những người làm đường, xe ủi, và máy phá đường vì có thể người Kuwait sẽ ngăn chúng lại. Nhưng không hề có sự kháng cự nào. Không cần công binh, không cần đào cát, không cần các đội chống tăng, không có những cạm bẫy cụ thể. Nhưng chính trong trường hợp này, các kỹ sư phải ở đó dưới lệnh của Osman Badri để mở đường cho xe tăng và bộ binh cơ giới hoá của Vệ binh cộng hoà.

Cách một vài yard từ nơi anh đang đứng, các sĩ quan cao cấp đang nhìn xuống bản đồ và đưa ra những sửa chữa cuối cùng cho kế hoạch tấn công với giờ và phút chính xác ở nơi họ đợi cho lệnh “xuất phát” từ Rais ở Baghdad. Đại tá Badri đã từng gặp và trò chuyện với vị tướng chỉ huy mình, Ali Musuli, người chịu trách nhiệm cả cơ quan kỹ thuật của quân đội Iraq và đã giao nhiệm vụ cuối cùng vào tháng Hai vừa qua “lệnh đặc biệt”. Anh đã đảm bảo với thượng cấp của mình rằng những người của anh, Badri, đã được trang bị đầy đủ và sẵn sàng lên đường.

Khi đang nói chuyện với Musuli, một tướng khác đi vào, và anh được giới thiệu với Abdullah Kadiri, chỉ huy xe tăng. Từ xa anh đã nhìn thấy tướng Saadi Tumah Abbas, chỉ huy đội Vệ binh Cộng hoà toàn tỉnh hoa, đi vào lều. Là một thành viên trung thành của Đảng và là người sùng bái Saddam Hussein, anh bối rối nghe tướng xe tăng Kadiri thề thốt “bước tiến chính trị, trong hơi thở gấp. Sao mà có thể như vậy? Chẳng phải Tumah Abbas là người thân tín của Saddam Hussein, và chẳng phải ông đã được thưởng vì đã thắng trận đánh tàn bạo Fao đánh bại được người Iran sao? Đại tá Badri không thêm tin lời đồn rằng thực chất chiến thắng Fao là nhờ ở vị tướng đã chết Maher Rashid.

Xung quanh anh, người và sĩ quan của các sư đoàn Tawakkulna và Medina của đội Vệ binh di chuyển trong bóng tối Những suy nghĩ của anh quay ngược về cái đêm đáng nhớ vào tháng Hai, khi tướng Musuli lệnh cho anh rời cơ sở ở Al Qubai về báo cáo tại tổng hành dinh ở Baghdad. Anh cho rằng mình có thể được điều động lại.

- Tổng thống muốn gặp anh. Musuli nói ngắn gọn. Ngài muốn truyền đạt mệnh lệnh cho anh. Hãy đến hành dinh sĩ quan ở đây, và hãy sẵn sàng cả ngày lẫn đêm.

Đại tá Badri cắn môi. Anh đã làm gì? Anh đã nói gì? Không có gì không trung thành cả - mà cũng có thể là không thể. Anh có được nâng chức một cách vô lý? Không. tổng thống không thể giao trách nhiệm cho một người như thế. Người làm sai sẽ đơn giản bị loại trừ bởi những đội hành quyết khùng khiep của đội Amn-al-Amn của thiếu tướng Khatib và bị lôi đi mất tiêu để coi như một bài học. Nhìn mặt anh, tướng Musuli bật lên cười, rằng ông ánh lên dưới hàng ria đen rậm giống như nhiều sĩ quan cao cấp để bắt chước Saddam Hussein.

- Đừng lo. Ông có nhiệm vụ giao cho anh đây, một nhiệm vụ đặc biệt.

Và anh đã được giao việc. Trong hai mươi tư giờ Badri đã được tập đến hành lang của khu sĩ quan. nơi một chiếc xe cho nhân viên màu đen đợi sẵn. với hai người từ Amn-al-Khass, đội cận Vệ Cửa tổng thống. Anh được đưa thẳng tới dinh thự của tổng thống để đến với cuộc gặp rừng rợn và đáng sợ nhất trong đời mình.

Dinh thự được đặt ở góc đường Kindi và 14 tháng Bảy, gần cầu cùng tên, cả hai đều để kỷ niệm ngày của hai vụ đảo chính đầu tiên vào tháng Bảy năm 1968 đã đưa đảng Ba'ath lên nắm quyền và chấm dứt thời kỳ thống trị của các vị tướng. Badri được dẫn vào một phòng chờ và ở đó trong hai tiếng. Anh bị khám xét rất kỹ lưỡng, hai lần, trước khi được đến trước mặt tổng thống.

Ngay khi các vệ binh sau lưng anh dừng chân, anh cũng dừng lại, rồi cung kính cúi gập người chào và giữ nguyên tư thế đó trong ba giây, trước khi bỏ mũ beret và kẹp nó dưới nách. Sau đó anh tập trung chú ý.

- Thế anh là con người thiên tài của Maskirovka đó hả?

Anh đã được cho biết không được nhìn Rais thẳng vào mắt, nhưng khi nói anh không thể không làm vậy. Saddam Hussein đang có tâm trạng vui vẻ. Mắt của vị sĩ quan trẻ trước mặt ông đầy vẻ kính trọng và

ngưỡng mộ.

- Tốt, không việc gì phải lo cả. Bằng âm điệu nhỏ nhẹ Rais nói với kỹ sư điều ông mong muốn. Ngực Badri nảy lên vì tự hào và sung sướng.

Trong vòng năm tháng tiếp theo đó, anh làm việc với tốc độ không thể tưởng tượng và làm xong trước được mấy ngày. Anh đã có mọi thiết bị mà Rais hứa cho. Mọi thứ và mọi người đều đặt dưới quyền của anh. Nếu cần thêm bê tông và thép, anh chỉ cần gọi điện thẳng cho Kamil theo số cá nhân, và con rể của tổng thống sẽ cung cấp ngay lập tức từ các nguồn của Bộ Công Nghiệp. Nếu cần thêm người, hàng trăm nhân công sẽ được đưa đến, luôn là những người Triều Tiên và Việt Nam sang làm việc ở đây. Họ cắt và đục, họ sống trong những lán trại tồi tàn dưới thung lũng trong mùa hè này, và sau đó họ được đưa đi, anh không biết là đi đâu.

Ngoài các công nhân. Không ai có thể đi vào bằng đường, chỉ có một lối nhỏ khó đi, đã được tính toán kỹ khi xây dựng, chỉ dành cho những xe tải chở thép và các kiện hàng, và các máy trộn xi măng. Mỗi người khác ngoài những tài xế xe tải đến bằng một trong những chiếc trực thăng Nga hiệu MIL, và chỉ khi họ đến thì băng bịt mắt họ mới được bỏ ra, lại được đeo lại khi họ rời nơi đó. Điều này được áp dụng cho người cao cấp nhất cũng như người Iraq bình thường nhất.

Badri đã tự chọn chỗ này, sau nhiều ngày xem xét kỹ càng từ trực thăng bay qua các núi. Cuối cùng anh đã tìm được địa điểm này, phía trên Jebal al Hamreen, phía bắc và xa hơn vào trong núi từ Kifri, nơi những ngọn đồi của dãy Hamreen trở thành núi trên con đường đến Sulaymaniyam. Mỗi ngày anh làm việc hai mươi giờ, ngủ ngay ở công trường, đo đạc, rằn đe, ve vãn, và lừa phỉnh người của mình để tăng tốc độ, và cuối cùng anh đã hoàn thành trước khi tháng Bảy kết thúc. Địa điểm đã được xoá mọi dấu vết công việc, mọi viên gạch và mọi chông vật liệu. Mọi mẫu thép có thể ánh lên trong ánh nắng mặt trời, mọi vết trên đá. Ba ngôi làng bảo vệ đã được hoàn thành và được dùng để nuôi dê và cừu. Cuối cùng, đường vào đã được lấp đi, ba thung lũng và đỉnh núi cao đã được khôi phục nguyên trạng. Gần như thế.

Với anh, Osman Badri, đại tá kỹ sư, người kế thừa những kỹ năng xây dựng cao cấp, học trò của Stepanov vĩ đại nước Nga, bậc thầy của maskirovka, nghệ thuật ngụy trang những cái để nó như là không có gì cả hoặc như là một cái khác, đã xây dựng cho Saddam Hussein “Qu’ala”(pháo đài). Không ai có thể thấy nó, và không ai biết nó ở đâu.

Trước khi hoàn thành tất cả, Badri đã nhìn những cái khác, những tập hợp và nhà khoa học về súng, làm nên cái nòng súng khủng khiếp dường như vươn tới những vì sao thật xa xôi. Khi mọi thứ đã hoàn thành họ đi khỏi đó, để lại đội khác ở lại. Họ sẽ ở lại và sống ở đó. Không ai được phép ra khỏi. Những người phải đến và đi phải đi bằng trực thăng. Không ai trong số đó được hạ cánh: họ có thể đi bằng một con đường nhỏ đầy cỏ xa ngọn núi. Một số ít người đến hay đi có thể luôn phải đeo khăn bịt mắt. Những người phi công và đội lái phải được để trong một căn cứ không quân không có khách đến thăm cũng không có điện thoại. Những cọng cỏ hoang cuối cùng đã phủ lên, những cây cuối cùng được trồng, và pháo đài được bỏ lại cô đơn một mình.

Sự mơ mộng của Badri bị cắt đứt bởi một tiếng kêu to từ lều chỉ huy, lệnh tấn công đã được ban xuống: “khởi hành”.

Kỹ sư chạy đến xe tải của mình và nhảy lên chỗ ngồi, tài xế của anh nổ máy. Họ ngồi vào chỗ là những đội lái xe tăng của hai sư đoàn vệ binh khai hoả cuộc tấn công làm ngập không khí với âm thanh xé màng nhĩ và những chiếc T-72 của Nga lao lên khỏi các sân bay để lên đường đến Kuwait.

Sau này anh sẽ nói với người anh Abdelkarim của mình, một phi công máy bay quân sự và đại tá trong không quân, điều này giống như tiếng gà tây quang quác vậy. Trạm cảnh sát đáng thương ở biên giới bị hất sang bên cạnh và bị nghiền nát. Khoảng hai giờ sáng đoàn quân đã qua biên giới và lao về phía nam. Nếu người Kuwait dám chống lại đội quân này: quân đội lớn thứ tư trên thế giới, đang tiến đến Multa Ridge và vào tận sâu trong nước theo lệnh của Rais, họ có chẳng có tỷ vận may nào cả. Nếu phương Tây nghĩ rằng quân đội này chỉ có thể chiếm được những hòn đảo đáng thèm muốn của Warbah và Bubuiyan, mang lại cho Iraq lối vào đầy hấp dẫn vùng Vịnh, thì họ quá lầm. Mệnh lệnh từ Baghdad là: chiếm lấy tất cả.

Trong lúc Ray Walker, sau câu nói của mình, đang lao như điên đến phi trường Abu Dhabi, hăm dọa người bán ở quầy vé đòi quyền của người Mỹ để kiếm bằng được vé máy bay ngay tắp lự, một số những người

đồng hương bạn ông đã kết thúc một đêm không ngủ. Cách Washington tám múi giờ, Hội đồng An ninh Quốc gia đã bị dựng dậy giữa đêm. Trong những ngày trước đó họ đã thường xuyên có những cuộc gặp cá nhân với Nhà Trắng; công nghệ mới giờ đây cho phép họ có được những đường dây liên lạc có hình ảnh từ nơi họ đang ở.

Tối hôm trước, vẫn là mùng Một tháng Tám ở Washington, những báo cáo sớm đã xác định một vài vụ nổ dọc theo biên giới phía bắc Kuwait. Điều này không nằm ngoài dự kiến. Trong nhiều ngày các thông tin từ các vệ tinh không lồ KH-11 trên bầu trời phía bắc Vịnh đã cho thấy sự hình thành các lực lượng của Iraq, cho Washington biết nhiều hơn vị đại sứ Mỹ ở Kuwait thực sự biết được. Vấn đề là, đâu là dụng ý của Saddam Hussein: đe dọa hay xâm chiếm?

Những điều tra thẳng thắn ngày hôm trước đã được gửi tới cho trụ sở CIA ở Langley, nhưng cơ quan đã kém hiệu quả, quay ra với những phân tích “có thể” trên cơ sở những hình ảnh vệ tinh do Cơ quan do thám Quốc gia cung cấp, cùng sự sôi sục về chính trị đã được biết đến ở Phân khoa Trung Đông của Bộ Ngoại giao.

- Nhẽ ra chúng ta phải có một cửa chìm. Chẳng nhẽ không có ai cảm trong chế độ Iraq đó sao?

Câu trả lời là một tiếng Không đầy đáng tiếc- Để giải quyết vấn đề này cần đến hàng tháng trời.

Câu trả lời đến trước mười giờ tối, khi tổng thống George Bush đi ngủ và không nghe điện thoại từ Scowcroft nữa. Đó là sau khi hoàng hôn buông xuống theo giờ vùng Vịnh, và các xe tăng Iraq đã đến Jahra, xâm nhập vào những ngoại ô tây bắc Kuwait City.

Đã gần nửa đêm, những người tham dự sau đó nhớ lại. Đã có tám người trong máy video, là đại diện của NSC, của Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, CIA, các phó giám đốc về nhân sự, và Lầu Năm Góc. Một loạt những mệnh lệnh được đưa ra và được gửi đi: Một loạt tương tự cũng đến từ cuộc gặp hội đồng COBRA (Phòng phụ của Cơ quan Tin tức Chính phủ) ở London, tức là cách Washington năm múi giờ nhưng chỉ cách vùng Vịnh có hai giờ.

Cả hai chính phủ đã phong tỏa mọi tài sản tài chính của Iraq có ở nước ngoài, cũng như (với sự đồng ý của các đại sứ Kuwait ở cả hai thành phố) và các tài sản của Kuwait, do đó mọi chính phủ mới dựng lên làm việc cho Baghdad sẽ không thể mó tay được vào các ngân quỹ. Những quyết định đó đã làm đóng băng hàng tỷ và hàng tỷ đôla dầu mỏ. Tổng thống Bush được đánh thức vào 4 giờ 45 sáng mùng Hai tháng Tám để ký vào các tài liệu. Ở London, Margaret Thatcher, theo dõi vụ việc từ lâu ký các tài liệu của mình trước khi đi lên máy bay sang Mỹ.

Một bước quan trọng nữa là đưa Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đóng ở New York vào việc lên án sự xâm lược và kêu gọi khẩn cấp Iraq rút quân. Điều đó đã được ghi trong văn kiện số 660, được ký vào bốn giờ rưỡi sáng cùng hôm. Vào lúc bình minh khi cuộc hội đàm qua điện đàm kết thúc, và những người dự họp có hai giờ về nhà, tắm rửa, thay quần áo, cạo râu, và quay trở lại Nhà Trắng cho cuộc họp toàn thể vào tám giờ của NSC. do đích thân tổng thống Bush chủ trì.

Những người mới đến ở cuộc họp toàn thể gồm có Richard Cheney của Bộ Quốc phòng, Nicholas Brady của Bộ Tài Chính, và tổng chưởng lý Richard Thornburgh. Bob Kimmitt tiếp tục đại diện cho Bộ Ngoại giao vì bộ trưởng James Baker và thứ trưởng Lawrence Eagleburger cả hai đều đi vắng. Người phụ trách các viên tướng Cohn Powell đã quay trở lại từ Florida, mang theo ông tướng tổng tư lệnh, một người đàn ông to lớn râu rậm sau này sẽ được biết đến nhiều. Norman Schwarzkopf đi bên cạnh tướng Powell khi ông này đi vào phòng họp.

George Bush rời cuộc họp vào lúc 9 giờ 15. khi Ray và Maybelle Walker nhờ trời đã lên được máy bay ở đâu đó ở Ả rập Xêút theo hướng tây bắc để về nhà một cách an toàn. Tổng thống đi một chiếc máy bay trực thăng từ vùng phía nam lên cơ sở Không quân Andrews. nơi ông chuyển sang Không lực Một và bay đến Aspen, Colorado. Ông dự định ra lệnh chi tiền cho quốc phòng.

Trên không trung ông có một cuộc nói chuyện dài qua điện thoại với quốc vương Hussein của Jordan, láng giềng yếu thế hơn và bị chìm khuất hơn nhiều của Iraq. ông vua Hashemite đang ở Cairo, họp với tổng thống nước này Hosni Mubarak. Hussein van nài nước Mỹ để cho các quốc gia Ả rập một vài ngày để giải quyết mọi việc không cần đến chiến tranh. Ông đề xuất một cuộc gặp bốn bên, gồm tổng thống Mubarak,

ông, và Saddam Hussein và chủ tọa là quốc vương Fahd của Ả-rập Xê-út. Ông tự tin rằng cuộc gặp như thế có thể thuyết phục Iraq rút quân khỏi Kuwait một cách hoà bình. Nhưng ông cần ba, có thể là bốn ngày, và không có một lời kết tội nào công khai chống lại Iraq bởi bất kỳ nước thành viên nào sẽ tham dự cuộc họp.

Tổng thống Bush nói với ông: “Tôi đồng ý, tôi ủng hộ ông”. Vị tổng thống không may chưa gặp được bà thủ tướng đến từ London, đang đợi ông ở Aspen. Họ gặp nhau tối hôm đó.

Người đàn bà thép sớm có cảm giác rằng người bạn tốt của mình đã lại bắt đầu dao động. Trong hai giờ bà dồn cho tổng thống đến chân tường.

- Ông ta không thể, chỉ đơn giản là ông ta không thể, được phép thoát ra theo cách đó, George ạ.

Đối mặt với cặp mắt xanh lơ sáng rực và những âm điệu sắc lạnh qua máy điều hoà nhiệt độ, George Bush chấp nhận rằng đó cũng không phải là ý định của nước Mỹ. Những người thân cận của ông sau đó cảm thấy ông ít bị lo lắng bởi Saddam Hussein với pháo binh và xe tăng của ông ta bằng cái túi xách đầy ám ảnh này.

Ngày Ba tháng Tám, nước Mỹ gửi một lá thư diềm đạm cho Ai Cập. Tổng thống Mubarak đã được nhắc lại lực lượng quân sự của ông phụ thuộc vào vũ khí của Mỹ như thế nào, Ai Cập nợ Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ thế giới bao nhiêu tiền và sự giúp đỡ của Mỹ có thể giúp đỡ về phương diện này đến đâu. Ngày bốn tháng Tám chính phủ Ai Cập ra một văn bản chính thức lên án cuộc tấn công của Saddam Hussein.

Trong sự thất vọng nhưng không đến nỗi bất ngờ lắm đối với quốc vương Jordan, chính quyền Iraq ngay lập tức từ chối đến cuộc họp Jeddah và ngồi bên cạnh Hosni Mubarak dưới sự chủ tọa của vua Fahd.

Với quốc vương Ả-rập Xê-út đó là một sự nhục nhã: trong một cái văn hoá mà những điều kiêu hãnh cần đi đôi với lịch thiệp. Quốc vương Fahd, người có một bộ óc chính trị cao thủ bên cạnh một cá tính tầm thường, không cảm thấy thoải mái. Đó là một trong hai yếu tố làm hỏng cuộc họp Jeddah. Yếu tố còn lại là vị quân vương Xê-út đã được xem những bức ảnh của người Mỹ chụp từ vũ trụ cho thấy quân đội Iraq, không hề giảm bước hành quân, mà vẫn còn trong mệnh lệnh quân sự và di chuyển về phía nam đến biên giới Saudi ở những rìa tây của Kuwait.

Liệu Iraq có đủ táo tợn để đến và xâm chiếm cả Ả-rập Xê-út không? Thế nghĩa là mở rộng lãnh thổ. Ả-rập Xê-út có những giếng dầu lớn nhất thế giới. Đứng tiếp theo là Kuwait, với hơn một trăm năm mươi giếng vào thời điểm mức sản xuất hiện nay. Thứ ba là Iraq. Khi chiếm lấy Kuwait, Saddam Hussein đã làm nghiêng cán cân di. Hơn thế nữa, chín mươi phần trăm các giếng và kho chứa dầu của Xê-út bị khoá lại ở góc xa đông bắc của vương quốc, quanh Dhahran, Al-khobar, Dammam, và Jubail, và vùng nội địa từ các cảng đó. Tam giác nằm ở giữa đường tiến quân của các đội Vệ binh Cộng hoà, và những bức ảnh cho thấy nhiều đơn vị nữa đã kéo vào Kuwait.

May mắn thay, ngài ngự không bao giờ phát hiện rằng những bức ảnh đã bị ngụy tác. Các sư đoàn gần biên giới thì có thật, nhưng những chiếc xe ủi làm chứng cứ thì được vẽ thêm vào.

Ngày Sáu tháng Tám vương quốc Ả-rập Xê-út chính thức yêu cầu quân đội Mỹ tiến vào nước mình để bảo vệ. Những chiếc phi cơ chiến đấu đầu tiên của các máy bay thả bom đã rời căn cứ đến Trung Đông vào cùng ngày. Chiến dịch Lá chắn Sa mạc bắt đầu.

Thiếu tướng Hassan Rahmami nhảy ra khỏi chiếc xe của mình và chạy nhanh đến khách sạn Hilton, toà nhà đã nhanh chóng được trưng dụng làm tổng hành dinh của các lực lượng an ninh Iraq trên đất Kuwait bị chiếm đóng. Anh thấy vui, khi đi qua những cánh cửa kính vào buổi sáng mờng Bốn tháng Tám này, vì Hilton nằm ngay bên cạnh Đại sứ quán Mỹ, cả hai đều ven biển với những cảnh sắc ngoạn mục trên

làn nước xanh óng ánh của vịnh A-rập. Thế này thì chẳng chóng thì chầy nhân viên toà đại sứ sẽ bị tóm cả thối – theo lệnh của anh toà nhà đã ngay lập tức bị Vệ binh Cộng hoà bao vây. Tất nhiên không thể ngăn chặn các nhà ngoại giao nước ngoài gửi thông tin từ bên trong lãnh thổ chiếm đóng cho chính phủ của họ ở nhà, và anh biết anh không có những siêu máy tính để có thể phá được những mật mã tình vi mà người Anh hay người Mỹ có thể sử dụng. Nhưng là chỉ huy của Cơ quan phản gián cho Mukhabarat, anh có thể đảm bảo rằng họ có ít điều hay ho để gửi về nhà bằng cách hạn chế những gì họ nhìn thấy qua cửa sổ.

Dĩ nhiên còn lại khả năng có được thông tin bằng cách gọi điện cho những người Kuwait quen biết trong thành phố. Thế nên mọi đường dây điện thoại ra bên ngoài đều phải bị cắt hoặc chặn lại - chặn lại thì tốt

hơn, nhưng phần lớn những người tốt nhất của anh đều đã bận bịu quá nhiều với Baghdad rồi. Anh đi vào dãy phòng bên dành cho đội phản gián, cởi chiếc áo jacket quân đội đưa cho người cần vụ đang xách hai chiếc va li tài liệu, và bước tới cửa sổ để nhìn xuống phố Hilton Marina. Một ý tưởng hay là đi bơi, anh nghĩ, rồi nhận ra có hai người lính đang lấy nước từ bể bơi vào những cái chai của mình rồi tè xuống đó. Anh thở dài.

Ở tuổi ba mươi bảy, Rahmani là một người đàn ông kín đáo, đẹp trai, râu tóc nhẵn nhụi - anh không thấy phải bắt chước bộ ria mép của Saddam Hussein. Anh đang ở chức vụ này, và biết mình được giao công việc này vì anh có năng lực, không phải vì do chính trị: anh là một kỹ nghệ gia giữa một thế giới của những chính trị gia đều giả có học. Tại sao, anh đã bị các bạn bè nước ngoài hỏi, lại phục vụ cho chế độ này? Câu hỏi thường được đưa ra khi anh gặp họ đang lơ mơ say sưa ở quán bar ở khách sạn Rashid hay ở một chỗ kín đáo nào đó. Anh đã được phép giao du với họ vì đó là một phần trong công việc của anh. Nhưng lúc nào anh cũng giữ cho mình kín kẽ. Anh không hề kiêng khem theo các quy định tôn giáo - anh chỉ gọi một ly gin và tonic, và biết chắc cái tay bán bar cho anh rót cho anh đúng là tonic.

Anh mỉm cười khi nghe câu hỏi và nhún vai trả lời: Tôi là một người Iraq và tôi tự hào về điều đó; thế thì tôi có thể phụng sự chính phủ nào cơ chứ?

Còn bản thân anh biết rất chính xác tại sao anh lại phục vụ một chế độ toàn những thứ phù hoa mà trong thâm tâm anh chán ghét. Nếu anh có chút ít nào xúc động trong người, mà anh thường chối phắt là không có, thì nó xuất phát từ một sự trù mền dành cho đất nước mình và cho dân tộc mình, những con người bình thường mà từ lâu đảng Ba'ath đã không còn đại diện nữa.

Nhưng lý do cơ bản là anh muốn nhập vào cuộc sống. Với một người Iraq ở cùng thế hệ với anh chỉ có ít lựa chọn. Anh có thể phản kháng chế độ và rời khỏi đất nước, để kiếm được một cuộc sống tằn tiện đủ ăn ở nước ngoài, trốn tránh những đội ám sát và kiểm tiền bằng cách dịch từ tiếng A rập sang tiếng Anh và ngược lại, hay anh có thể ở lại Iraq.

Có ba con đường để chọn. Chống đối chế độ, và kết thúc tại một trong những phòng tra tấn của Omar Khatib, kẻ mà anh biết tổng là chẳng có cảm giác gì; hay cố sống sót với tư cách một nhà kinh doanh độc lập trong một nền kinh tế đã bị hạ xuống đất một cách có hệ thống; hay giữ nụ cười trên môi trước những tên ngốc và vươn lên trong hàng ngũ của chúng nhờ đầu óc và tài năng.

Anh không thể thấy gì là sai trái với việc cuối cùng này. Giống như Reinhard Gehlen, người thoạt tiên phục vụ Hitler: sau đó người Mỹ; và tiếp nữa là Tây Đức: cũng giống như Marcus Wolf, người phục vụ Cộng sản Đông Đức mà không tin một lời nào của họ, anh là một người chơi cờ. Anh sống cho cuộc chơi, những bước đi do thám và phản do thám đầy phức tạp Iraq là bàn cờ của riêng anh. Anh biết rằng những nhà chuyên nghiệp khác trên toàn thế giới có thể hiểu được điều này.

Hassan Rahmani quay trở lại từ cửa sổ, ngồi vào chiếc ghế bành sau cái bàn, và bắt đầu ghi chép. Có cả một đồng việc phải làm nếu không Kuwait không bao giờ có an ninh khả dĩ để trở thành tỉnh thứ mười chín của Iraq.

Bài toán đầu tiên của anh là anh không biết Saddam Hussein có ý định ở lại Kuwait trong bao lâu. Anh ngờ rằng chính ông ta cũng không biết. Chẳng việc gì phải nhúng vào một chiến dịch phản gián khổng lồ, dán kín mọi lỗ thủng và thiếu sót về an ninh mà anh có thể, nếu Iraq sẽ rút quân về. Cá nhân mà nói, anh tin Saddam có thể chẳng làm được gì sất. Nhưng điều đó cũng có nghĩa là phải đấm bốc một cách tinh quái, có những chuyển động hợp lý, nói được những điều đúng. Việc đầu tiên phải là tham dự vào cái cuộc họp tổ chức ngày mai ở Jeddah, để nịnh quốc vương Fahd cho đến khi ông ta không tiếp tục dẫn thêm xa nữa đến chỗ lên án Iraq chỉ muốn một hiệp ước đúng đắn về dầu mỏ, về sự xâm nhập vào Vịnh. Và món nợ khổng lồ, và anh sẽ có thể trở về nhà ở Baghdad. Nghĩa là, nắm mọi lực lượng Ả rập trong tay và bằng mọi giá giữ người Mỹ và người Anh ở bên ngoài. Saddam có thể dựa vào sự ưu tiên Ả rập để giữ liên lạc cho đến khi địa ngục qua đi.

Phương Tây, với sự chú ngày càng tăng trong vài tuần, có thể chán và bỏ việc đó lại cho bốn người Ả rập - hai ông vua và hai vị tổng thống - và cho đến chừng nào mà dầu vẫn còn tạo ra thứ khói làm họ bị sốc, những người Anglo-saxon có thể vẫn thoải mái được. Trừ phi Kuwait bị đối xử tàn ngược một cách hung tợn, các phương tiện truyền thông có thể đưa tin, chế độ Al Sabah có thể bị quên lãng trong sự lưu vong

đâu đó ở Arập Xêut, người Kuwait có thể lấy lại cuộc sống của mình dưới một chính phủ mới, và cuộc họp về vấn đề rời khỏi Kuwait sẽ có thể cân nhắc từ giờ cho một thập kỷ cho đến khi nó chẳng là vấn đề gì nữa cả.

Điều đó có thể được thực hiện, nhưng nó cần đến tác động đúng đắn. Tác động của Hitler - “Tôi chỉ tìm kiếm một sự giải quyết hoà bình cho những đòi hỏi đúng đắn của mình. Đó sẽ là tham vọng về lãnh thổ cuối cùng của tôi.” Vua Fahd có thể thất bại trong việc đó - dù sao cũng không ai có chút yêu mến gì đối với người Kuwait, không kể những kẻ ăn sen Al Sabah. Vua Fahd và vua Hussein có thể chia cắt đất nước này, như Chamberlain đã chia nước Séc vào năm 1938.

Một cách nào đó, Hassan Rahmani lý luận, Rais có thể đi sai; ông ta không thể bỏ qua cũng không thể tiếp tục, nắm giữ đất dầu của người Xêut, và đưa ra cho thế giới phương Tây thấy một sự đã rồi mà họ không thể làm gì khác ngoài việc chấp nhận phá huỷ dầu mỏ và quyền lợi của chính họ trong một thế hệ. “Phương Tây” có nghĩa là người Mỹ, người Anh ở phía họ, và họ đều là Anglo-Saxon. Anh biết về người Anglo-Saxon.

Năm năm ở trường dự bị Tasisiya của ông Hartley đã dạy anh tiếng Anh một cách hoàn hảo, sự hiểu biết của anh về Anh, và sự thức nhận về thói quen người Anglo-Saxon trong việc đưa cho bạn một quả dấm chí mạng vào quai hàm không một lời báo trước. Anh xoa cằm nơi đã nhận một quả dấm nhiều năm trước đây và cười phá lên. Cậu cần vụ của anh đi rón rén vào phòng. Mike Martin quỳ quái, giữ cậu ở đầu?

Hassan Rahmani - thông minh, có học thức, quảng giao, có giáo dục, và lịch thiệp. Trong số 1,8 triệu người ở Kuwait tháng Tám này, chỉ 600.000 người là người Kuwait. Còn có thêm 600.000 người Palestine, một số trong đó có thể trung thành với nước Kuwait, một số trong đó có thể đứng về phía Iraq bởi vì PLO đã làm như thế, và phần lớn trong số họ sẽ không làm gì cả chỉ cố làm sao để sống sót được. Rồi lại có thêm 300.000 người Ai Cập, một số không nghi ngờ gì nữa đang làm việc cho Cairo, giờ đây thì cũng có khác gì làm việc cho Washington hay London, và 250.000 người Pakistan, người Ấn Độ, người Bangladesk và Philippin, chủ yếu là lao động bậc thấp hay phục vụ trong nhà - là một người Iraq, anh tin rằng người Kuwait không thể nào làm được việc gì mà không phải mượn đến bàn tay của người nước ngoài. Và sau đó có thêm 50.000 người công dân của Thế giới Thứ nhất - Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Đan Mạch. Và anh cho rằng sẽ phải đối mặt với gián điệp nước ngoài... Là chỉ huy bộ phận phản gián, anh có thể cho đóng cửa biên giới và cắt các đường dây điện thoại. Nhưng giờ đây bất cứ một cái vệ tinh dờ hơi nào cũng có thể phun các số liệu vào một điện thoại di động hay một cái modem máy tính và với đến tận California. Khó mà có thể cắt đứt hoặc theo dõi nguồn, trừ phi có thiết bị cực tốt, mà anh thì không có.

Anh biết mình không thể kiểm soát đường ra của các thông tin hay mạng lưới lằng nhằng của những người tị nạn do thám qua biên giới. Anh cũng không thể gây tác động nào tới các vệ tinh Mỹ bay tít trên trời cao, mà anh ngờ rằng giờ đây đã được lập chương trình để bay quỹ đạo quanh Kuwait và Iraq trong mỗi phút. Chẳng ích gì chú tâm vào cái không thể. Mục tiêu chính là ngăn chặn sự phá hoại chủ động, sự tấn công giết người Iraq thực tế đang diễn ra và phá hoại những thiết bị của họ: và sự tạo thành của một phong trào kháng chiến. Và anh có thể phải ngăn chặn những giúp đỡ từ bên ngoài, theo hình thức người, kỹ nghệ, hay thiết bị, để có thể hình thành bất kỳ loại phản kháng nào.

Trong đó anh có thể vượt lên trước các đối thủ của mình ở AMAM, cảnh sát mật, những người đóng ở trên anh hai tầng gác. Sáng nay anh được biết Khatib đã đặt Sabaawi, làm chỉ huy AMAM ở Kuwait. Nếu những người Kuwait kháng chiến rơi vào tay mấy lão này, họ có thể phải học cách gào to như là những kẻ lỵ khai ở trong nước. Đó là sự tóm tắt ngắn gọn của anh.

Sáng hôm đó, tiến sĩ Terry Martin kết thúc bài giảng của mình tại trường Nghiên cứu Phương Đông và Châu Phi, một trường thuộc hệ thống đại học tổng hợp London ở phố Gower. Vào buổi trưa và về nghỉ ở phòng nghỉ chung của nhân viên. Bên ngoài phòng mình, anh và phải Mabel, thư ký cùng với hai giảng viên cao cấp khác về các nghiên cứu Arập.

- Ô, tiến sĩ Martin, có một bức tin cho ông đây. Cô lục tìm trong cái cặp to dùng của mình, đeo lưng thùng xuống tận đầu gối mặc juýp ngắn của mình, và chìa ra một mẫu giấy

- Ông này gọi cho ông đây. Ông ấy nói ông hãy gọi khẩn cấp cho ông ấy.

Trong phòng chung, Martin đắm chìm trong những ghi chép bài giảng về Abassid Caliphate rồi gọi một cú điện thoại bằng máy treo trên tường. Có người trả lời khi chuông reo lần thứ hai, và một giọng nữ trong

trở nhắc lại số điện thoại. Không có tên công ty, chỉ có số điện thoại.

- Ông Stephen Laing có ở đó không? Martin hỏi.

- Tôi có thể biết ai đang gọi không ạ?

- Ồ... tiến sĩ Martin. Terry Martin. Ông ấy đã gọi cho tôi.

- À phải, tiến sĩ Martin. ông chờ máy nhé.

Martin nhăn trán. Cô ta biết về cuộc gọi, biết tên anh. Trong đời mình, anh chưa từng nhớ ra cái tên Stephen Laing nào hết cả.

Một người đến máy điện thoại: Stephen Laing đây. Chà, thật là rất tuyệt vì ông gọi lại sớm thế. Tôi biết đó quả là một lời nhắn quá ngắn ngủi, nhưng trước chúng ta đã từng gặp nhau ở Viện Nghiên cứu chiến lược. Ngay sau khi ông đọc bài diễn văn tuyệt vời về hệ thống tiến hành chiến tranh của Iraq. ông đã có dự định gì cho trưa nay chưa?

Laing, dù là ai đi nữa: đã tỏ ra rất độc đáo và thuyết phục.

- Hôm nay? Bây giờ luôn à?

- Trừ khi ông đã có việc gì dự định trước. -ông nhớ đến chuyện gì nào?

- Ăn sáng ưých ở căng tin. Martin nói.

- Liệu tôi có thể mời ông một bữa ở nhà hàng Scott's được không? ông biết nó mà, dĩ nhiên. Phố Mount.

Martin biết có biết nhà hàng đó, một trong số những tiệm hải sản ngon nhất và đắt nhất London. Cách đây hai mươi phút xe điện. Mới mười hai giờ rưỡi. Và anh thích ăn đồ biển. Và Scott's thì lại ở ngoài tầm của lương giáo sư. Phải chăng chẳng may mà Laing biết được những điều đó?

- Ông hiện có làm cho ISS không? anh hỏi.

- Hãy giải thích trong bữa trưa, thưa tiến sĩ. Một giờ nhé. Ông nhớ nhé. Điện thoại dập xuống.

Khi Martin đi vào nhà hàng, người hầu bàn chính đi về phía anh và chào anh.

- Tiến sĩ Martin đây phải không ạ? ông Laing đang đợi ông ở bàn. Xin hãy đi theo tôi.

Đó là một cái bàn yên tĩnh ở một góc phòng, rất kín đáo. Có thể nói chuyện mà không lo bị nghe thấy. Laing, người mà cho đến giờ Martin vẫn chắc là chưa bao giờ gặp, đứng dậy để chào anh, là một người đàn ông xương xương trong bộ comple đen và ca vát màu sẫm cùng bộ tóc xám dầy. Ông ta chỉ cho ông và cúi xuống nhìn một chai Meursault hảo hạng đã có trên khay đá Martin lúc lắc người.

- Ông không hề ở Viện. phải không hả ông Laing?

Laing không dễ bị bắt nạt, ông ta nhìn vào chai rượu lạnh và người hầu bàn đi xa, bỏ lại cho mỗi người một bản thực đơn. Ông ta nâng cốc với người khách của mình.

- Nhà Thế kỷ, dĩ nhiên rồi. Điều đó có làm ông phiền không?

Sở Phấn gián bí mật Anh làm việc ở Nhà Thế kỷ, một toà nhà khá kín đáo ở bờ nam sông Thames giữa Elephant và Castle và phố Old Kent. Đó không phải là một toà nhà mới và không có vẻ hợp với công việc bên trong, nó có cấu trúc rối rắm đến nỗi không cần thiết phải kiểm tra giấy ra vào của khách; trong vài giây, họ sẽ lạc đường và phải kêu cứu.

- Không, chỉ thấy thú vị thôi, Martin nói.

Trong vòng năm năm vừa qua, mặc dù mới chỉ ba mươi nhăm tuổi, còn rất trẻ nhưng tiến sĩ Martin đã dần được đặt hàng phát biểu giới thiệu những tài liệu khó hiểu của các cơ quan như là Viện Nghiên cứu Chiến lược (ISS). Viện United Services, và cho cơ quan nghiên cứu về ngoại giao, Chatham House. Survival là tờ tạp chí của ISS, và mỗi số hai mươi nhăm bài viết tự động được chuyển đến cho Cơ quan nước ngoài và Khối thịnh vượng chung ở phố King Charles, ở đó năm bài được lọc để chuyển cho Nhà Thế kỷ.

Lợi ích của Terry Martin đối với những người này là không nằm ở sự hiểu biết tuyệt vời mang tính kinh viện của anh về Lương Hà trung cổ, mà là ở điểm thứ hai mà anh có. Là một quan tâm cá nhân, từ nhiều năm nay anh đã bắt đầu nghiên cứu các lực lượng quân đội của Trung Đông, quan tâm đến các triển lãm quốc phòng và quan hệ thân mật được vun trồng giữa những nhà sản xuất và các khách hàng người Ả-rập, nơi tiếng Ả-rập thành thực của mình khiến anh có được nhiều mối quan hệ. Sau mười năm anh đã trở thành bách khoa toàn thư về chủ đề tay trái này và luôn được các chuyên gia hàng đầu kính trọng lắng nghe, rất giống với nhà tiểu thuyết người Mỹ Tom Clancy được xem như là một chuyên gia tầm cỡ thế giới về trang thiết bị quốc phòng của NATO và của Hiệp ước Vaccava trước đây.

Chai rượu thứ hai được mang đến, và họ bắt đầu chén ngon lành.

Tám tuần trước Laing, người vào thời gian đó là giám đốc bộ phận Trung Đông của Nhà Thế kỷ, đã yêu cầu được xem một bức chân dung Terry Martin. Ông đã bị ấn tượng với những gì trông thấy.

Sinh ở Baghdad, lớn lên ở Iraq, rồi đi học ở Anh, Martin đã rời Halleybury với ba bằng ở cấp độ cao, tất cả đều xuất sắc, tiếng Anh, lịch sử, và tiếng Pháp. Haileybury đã phê ông là một học trò xuất sắc, được dành cho học bổng đi học ở Oxford hoặc Cambridge.

Nhưng cậu bé, đã là một người nói tiếng Ả-rập thành thạo, muốn theo con đường nghiên cứu Ả-rập, thế là anh đệ đơn nghiên cứu sinh vào trường Nghiên cứu Phương Đông và Châu Phi ở London, tham dự vào kỳ phỏng vấn mùa xuân năm 1973

Được chấp nhận ngay lập tức. anh đã tham dự kỳ học mùa thu năm 1973, nghiên cứu lịch sử Trung Đông. Anh đứng đầu trong ba năm học và sau đó được cấp thêm ba năm học bổng để làm bằng tiến sĩ, chuyên ngành Iraq các thế kỷ tám đến mười lăm, với sự đánh giá đặc biệt cao cho luận văn về Abassid Caliphate từ năm 750 trước Công nguyên đến năm 1258. Anh đã đạt bằng tiến sĩ năm 1979, sau một năm thực tập - anh đã ở Iraq năm 1980 khi Iraq xâm chiếm Iran. khai mào cho cuộc chiến tám năm, và kinh nghiệm này bắt đầu hướng sự quan tâm của anh tới các lực lượng vũ trang của Trung Đông.

Khi trở về anh được giao một ghế giảng dạy ở tuổi mới hai mươi sáu, một vinh dự đặc biệt ở SOAS, trường cho tới lúc đó là một trong số những trường tốt nhất và do đó khó nhất về nghiên cứu Ả-rập trên thế giới. Anh được thăng chức giảng viên do tính đến sự xuất sắc trong những nghiên cứu độc đáo. và trở thành ứng viên về lịch sử Trung Đông ở tuổi ba mươi tư, rõ ràng rất được coi trọng để có được học hàm giáo sư vào tuổi bốn mươi.

Tất cả những cái đó Laing đã đọc được trong bản tiểu sử viết tay. Cái làm ông quan tâm hơn cả thế nữa là cái chuyên ngành thứ hai, sự quan tâm hiểu biết đến các kho vũ khí ở Trung Đông. Trong nhiều năm, đó đã là một vấn đề chỉ được đề cập một cách vòng vo. bị cấm kỵ bởi cuộc chiến tranh lạnh. Nhưng bây giờ thì . . .

- Chuyện này liên quan đến vụ Kuwait, cuối cùng ông nói. Những dư vị của món cá đã tiêu. Hai người đang thưởng thức món đét xe. Meursault đã rất êm ái trôi qua, và Laing được đảm bảo tuyệt đối rằng Martin đã ăn nhiều. Giờ đây hai người uống rượu vang nói đến những chuyện khác.

- Như ông cũng biết đấy, mấy ngày vừa qua đã có một địa ngục đột ngột ập đến.

Laing đã hiểu vấn đề. Bà thủ tướng đã quay trở về từ Colorado với những lưu ý quan trọng theo cung cách Boadicea của bà, một sự lưu ý đến cái mà bà Nữ hoàng già cả nước Anh đã sử dụng để chế người La Mã ra ở đầu gối với những thanh kiếm gắn ở các bánh xe nếu họ dám chạy. Bộ trưởng ngoại giao Douglas Hurd đã có tiếng suy nghĩ đến chuyện đội mũ giáp, và những đòi hỏi ngay lập tức đã rơi xuống đầu Nhà Thế kỷ.

- Vấn đề là, chúng ta có thể tuân ai đó vào Kuwait để biết thực sự điều gì đã xảy ra.

- Dưới sự chiếm đóng của người Iraq ư? Martin hỏi.

- Tôi e rằng đúng thế đấy, kể từ khi họ có vẻ có trách nhiệm.

- Thế tại sao lại là tôi?

- Hãy để tôi nói thẳng thắn nhé, Laing nói. rất tập trung, chúng ta thực sự cần biết điều gì đang xảy ra ở bên trong. Sự chiếm đóng của quân đội Iraq - bao nhiêu, sức mạnh thế nào, trang thiết bị ra sao? Những

người của chúng ta - họ có gặp nguy hiểm không, họ có thể thực sự được cứu thoát an toàn không? Chúng ta cần một người vào trong đó. Thông tin này là tối cần thiết. Cần ai đó nói tiếng A rập như người A rập, một người Kuwait hay Iraq. Bây giờ, ông sống giữa những người nói tiếng A rập, nhiều hơn là tôi.

- Nhưng chắc chắn là ở Anh phải có đến hàng trăm người Kuwait có thể được đưa về nước chứ, Martin đề xuất.

Laing thoải mái chọc lưỡi vào một chỗ ngứa giữa hai răng.

- Tất nhiên. Ông ta thì thâm, nhưng tốt hơn hết vẫn là người của ta.

- Một người Anh ư? Ai có thể trở thành một người A rập ngay giữa họ được cơ chứ?

- Đó là cái mà tôi muốn. Tôi e rằng chúng ta nghi ngờ không biết có ai đó không...

Tại rượu vang, hoặc là đồ nhắm. Terry Martin không quen uống Meursault vào bữa trưa. Sau này, anh sẵn lòng cắn vào lưỡi mình nếu có thể quay đồng hồ lại được mấy giây. Nhưng anh đã nói ra, và đã quá muộn để dừng lại.

- Tôi biết một người. Anh trai tôi, Mike. Anh là người chủ chốt trong SAS. Anh ta có thể biến thành một người A rập.

Laing giật nảy người lên ngay như thể đã bị cắn vào răng.

- Liệu anh ta có thể bây giờ không? ông ta thì thâm, liệu anh ta có thể bây giờ không?"

3. Chương 3

Steve Laing quay về Nhà Thề kỷ bằng xe điện trong tâm trạng của một sự bất ngờ thú vị và một sự thăng hoa. Ông đã thu xếp ăn trưa với một nhà A rập học thông thái với hy vọng tuyển mộ ông ta cho một nhiệm vụ khác, mà ông vẫn giữ trong đầu và chỉ mới nêu ra được vấn đề Kuwait như là một chủ đề trò chuyện. Nhiều năm hoạt động đã dạy ông cách bắt đầu với một vấn đề hay một đòi hỏi mà mục tiêu có thể không được hoàn bị, rồi sau đó chuyển sang vấn đề thực tế cần giải quyết.

Lý thuyết là người chuyên gia, bị bất ngờ bởi lời đòi hỏi đầu tiên. Có thể dễ xoay chuyển hơn cho sự tự kính trọng bản thân để đồng ý cái thứ hai. Sự ngạc nhiên của tiến sĩ Martin đã trả lời một câu hỏi đã từng được nêu ra trong một cuộc họp ở cấp cao ở Nhà Thề kỷ hôm trước. Vào lúc nó thường được xem như là một mong muốn vô kế khả thi. Nhưng nếu tiến sĩ Martin trẻ tuổi đúng... một người anh nói tiếng A rập thậm chí còn tốt hơn ông ta . . . và đã ở trong binh đoàn không lực đặc biệt và do đó đã quen cuộc sống nguy trang... thú vị, thật là thú vị.

Về đến Nhà Thề kỷ, Laing đi thẳng đến gặp thượng cấp trực tiếp của mình: người phụ trách Trung Đông. Sau một giờ nói chuyện cả hai đi lên gác để gặp một trong hai ông phó. Cơ quan phản gián bí mật, hay SIS - cũng được biết đến rộng rãi với cái tên không chính xác MI-6 - vẫn hoạt động ngay cả trong những ngày chính phủ "mở cửa" một tổ chức trong bóng tối với các nhân viên bí mật. Chỉ trong những năm gần đây Chính phủ Anh mới chính thức thừa nhận rằng tất cả đã tồn tại. Và chỉ sau năm 1991 vẫn chính phủ đó mới rộng rãi cho công bố tên người lãnh đạo của nó, một bước tiến được xem bởi những người nắm rõ nội tình như là một bước đi điên rồ và thiển cận chẳng phục vụ cho mục đích nào khác ngoài việc đẩy con người kém may mắn này đến những lời đàm tiếu thật xấu về những vệ sĩ, được trả tiền bằng nguồn quỹ công. Đó là những trò chính trị dở hơi.

Nhân viên SIS có vỏ bọc là nhân viên của nhiều bộ khác nhau, chủ yếu là Bộ Ngoại giao. Ngân sách không xuất hiện trong tài khoản nào, được che giấu cẩn thận trong những ngân quỹ của hàng chục bộ khác nhau. Ngay cả tổng hành dinh tối tăm của nó trong nhiều năm được coi là một bí mật quốc gia, cho đến khi nó bị phơi bày bởi mọi người lái xe điện London, được hỏi để đi đến Nhà Thề kỷ, có thể trả lời. "Ồ, ông muốn

nói đến nhà Spook chứ gì?” Ở điểm này, người ta chấp nhận nếu những lái xe điện của Lon don biết nó ở đâu, thì KGB cũng có thể xử lý nó.

Mặc dù kém nổi tiếng hơn CIA, nhất định là nhỏ hơn và kém hiện đại hơn, “Hãng” đã có được tiếng tăm vững chắc trong số bạn bè và kẻ thù vì chất lượng “sản phẩm” của mình (những thông tin phản gián thu thập được). Trong số những cơ quan tình báo lớn của thế giới, chỉ Mossad của Israel là nhỏ hơn và thậm chí còn tầm tối hơn.

Người đứng đầu SIS được biết đến một cách chính thức là Lãnh đạo, và không bao giờ, dù hàng đồng tên giả trên báo chí, là Giám đốc-Tướng. Tổ chức chị em của nó. MI-5 hay cơ quan an ninh, chịu trách nhiệm phản gián trong lãnh thổ Vương quốc Anh mới có một giám đốc-tướng.

Trong nhà, lãnh đạo được gọi là “C”, dường như viết tắt của từ Chief, nhưng hoá ra lại không phải vậy. Người chỉ huy đầu tiên là đô đốc Sir Mansfield Cummings. và chữ C là viết tắt của họ của quý ngài chết từ lâu đó.

Dưới lãnh đạo là hai phó và dưới họ là các trợ lý lãnh đạo Những người này chỉ huy năm ban khác nhau: Chiến dịch (hay Ops, cơ quan thu thập các tin tức quan trọng). Tình báo (cơ quan phân tích chúng để đưa ra một bức tranh có nghĩa đáng tin cậy), Kỹ thuật (chịu trách nhiệm với những giấy tờ giả mạo, camera mini, chữ viết bí mật, những liên lạc siêu nhỏ, và mọi thứ bit của kim loại khác cần thiết để làm cái gì đó trái với pháp luật và giữ nó không để thế giới thù địch mò đến); Hành chính (coi về lương bổng, lương hưu: danh sách nhân viên, kế toán ngân sách, Cơ quan luật: đăng ký trung tâm, và những cái tương tự); và Phản gián (cơ quan có nhiệm vụ giữ cho đơn vị được trong sạch khỏi sự thâm nhập đối nghịch bằng việc kiểm tra).

Dưới Ops là những người Kiểm tra, những người trông coi các đơn vị khác nhau của toàn thế giới - thế giới phương Tây, khối Vacava, châu Phi, châu Âu, Trung Đông và Á-Úc - với một cơ quan bên cạnh phụ trách các mối quan hệ, cơ quan có nhiệm vụ cố gắng hợp tác với các cơ quan “thân thiện” khác. Tháng Tám năm 1990 do, tiêu điểm của sự quan tâm là Trung Đông, và đặc biệt là Ban Iraq, đơn vị bị toàn bộ giới chính trị và quan chức của Westminster và Whitehall đổ xô đến như một câu lạc bộ người hâm mộ ồn ã.

Vị phó cẩn thận nghe những gì người Kiểm soát Trung Đông và giám đốc Ops của vùng trình bày đi trình bày lại nhiều lần ý tưởng. Ông nghĩ đó là, hoặc có thể là, một lựa chọn thú vị. Không hẳn là không có thông tin nào lọt được ra ngoài Kuwait. Trong bốn mươi tám giờ đầu tiên, trước, khi người Iraq đóng các đường dây điện thoại quốc tế, ngay cả công ty Anh có văn phòng ở Kuwait cũng nói chuyện qua điện thoại, fax, telex cho người sở tại ở đó. Đại sứ quán Kuwait đã rót vào tai cơ quan Ngoại giao với những câu chuyện khủng khiếp đầu tiên và đòi được tự do ngay lập tức.

Vấn đề là ở chỗ, hiển nhiên là không một thông tin nào trong đó thuộc vào loại mà lãnh đạo có thể trình bày lên Chính phủ với sự tin cậy tuyệt đối được. Ngay sau vụ xâm chiếm, Kuwait đã là một “đồng lầy tằm lợm”, như bộ trưởng Ngoại giao đã nhấn mạnh rất rõ sáu giờ trước. Ngay cả nhân viên của Đại sứ quán Anh giờ đây cũng bị đóng chặt trong chính nó ở bên lề của Vịnh, gần như trong bóng tối của những ngọn tháp Kuwait nhọn hoắt, cố gắng liên lạc bằng điện thoại với những công dân Anh trên một danh sách chẳng chính xác tẹo nào để xem họ có ổn không. Đôi khi đang nói chuyện với những doanh nhân và kỹ sư hoảng sợ đó là họ có thể nghe thấy tiếng súng. “Hãy nói cho tôi cái gì đó mà tôi không biết ấy.” Đó là phản ứng của Nhà Thế kỷ trước những viên đá quý của tình báo đó.

Giờ đây một người ngay trong cuộc, và là một tay xâm nhập sâu đã được đào luyện, một người của Ops có thể biến thành người A rập - trở nên hết sức hấp dẫn. Ngoài một số thông tin thực tế rất hiếm hoi như là cái quái quỷ gì đang xảy ra ở đó, một cơ may tồn tại để chỉ cho các nhà chính trị cái gì đó đã thực sự xảy ra và làm cho William Webster cảm đầu CIA phải ngậm đắng nuốt cay.

Vị phó không hề có ảo tưởng nào về đánh giá cao hết sức của Margaret Thateher đối với SAS từ cái buổi chiều tháng Năm năm 1980 khi họ đã hạ đo ván những tên khủng bố ở Đại sứ quán Iran tại London. và bà đã qua cả buổi tối với đội ở các công sự đường Albany uống whisky và nghe những câu chuyện bậy bạ của họ.

Tôi nghĩ, cuối cùng ông nói, tốt hơn hết là tôi phải nói chuyện với bên DSF.

Công khai mà nói, SAS chẳng có gì liên quan với SIS. Những mạng lưới chỉ huy khá là khác nhau. Đội SAS số 22 năng nổ (ngược với đội 23 làm nửa giờ) được đặt ở một công sự gọi là Stirling Lines, ở bên ngoài thành phố Hereford ở miền tây nước Anh. Vị chỉ huy của nó báo cáo cho giám đốc các lực lượng đặc biệt, hay DSF, cái cơ quan trong một dãy toà nhà ở tây London. Cơ quan hiện thời nằm ở trên cùng một toà nhà có hàng cột từng rất duyên dáng ở trên một cái bao bọc, là một phần của cái bẫy thỏ của những phòng nhỏ thiếu những thứ rục rờ tầm quan trọng của những chiến dịch được hoạch định tại đây. DSF nằm dưới vị giám đốc của các chiến dịch quân sự (một vị tướng) người đứng dưới vị lãnh đạo của Cơ quan tướng (một vị tướng cấp còn cao hơn). và cơ quan tướng này lại đặt dưới Bộ Quốc phòng.

Nhưng từ Special trong tên của SAS là do một nguyên nhân. Ngay cả từ khi nó được thành lập ở sa mạc miền tây Libya năm 1941 do đại tá David Stirling, SAS đã thay đổi chiến dịch nhiều. Nhiệm vụ của nó thường là luồn sâu với một cái nhìn được đặt kín và quan sát những chuyển động của kẻ thù; sự luồn sâu với mục đích phá hoại, ám sát, và những vụ thông thường; thanh trừng khủng bố. khôi phục; bảo vệ từ rất gần; làm vệ sĩ các nhân vật cao cấp và có quyền lực; và những nhiệm vụ huấn luyện ở nước ngoài.

Là thành viên của một đơn vị toàn tinh hoa, các sĩ quan và người của SAS sống khá tách biệt, không thể nào trò chuyện về công việc của mình với người ngoài, từ chối chụp ảnh: và hiếm khi xuất hiện bên ngoài bóng tối.

Vì cách sống của các thành viên của hai xã hội bí mật có nhiều điểm tương đồng. SIS và SAS biết nhau chỉ ít là qua quan sát và đã thường xuyên hợp tác trong quá khứ, cả trong những chiến dịch phối hợp hoặc với những người tình báo. “Vay mượn” một lính chuyên gia từ trung đoàn cho một nhiệm vụ đặc biệt. Cũng chính cách này mà vị phó của SIS (người đã hủy chuyển thăm của mình với lãnh đạo, ngài Colin) có trong đầu óc của mình khi ông nâng ly whisky mạch đơn từ tay thiếu tướng J.P.Lovat trong cái tổng hành dinh khó nhận dạng ở London vào buổi tối khi mặt trời sụp xuống.

Đối tượng không hiện diện của cuộc trò chuyện đó giờ này đang nhìn trên một bản đồ trong một doanh trại khác cách đó hàng dặm. Tám tuần vừa qua, anh và đội của mình với mười hai thông tin viên đã sống ở một trong những khu phố được chỉ định cho đội vệ sĩ của Sheikh Zayek bin Sultan của Abu Dhabi. Đó là một nhiệm vụ trung đoàn đã giao nhiều lần trước đó Mọi thắng trầm của bờ biển phía tây Vịnh, từ Sultanate của Oman miền nam đến Bahrain ở miền bắc, nằm trong chuỗi các sultanate, emirate. và sheikhdom ở trong và ngoài nó người Anh đã chiếm đóng hàng thế kỷ. Các quốc gia Trucial, giờ đây là Các tiểu vương quốc Ả rập, được gọi thế là vì Anh đã từng ký một hoà ước với những người có trách nhiệm của họ để bảo hộ họ với Hải quân Hoàng gia chống lại những tên cướp biển xấu xa trong những ưu tiên về trao đổi thương mại. Quan hệ tiếp diễn, và nhiều trong số những người cầm đầu đó có những đơn vị cao cấp đào tạo ở những nơi tốt hơn của sự bảo hộ chặt chẽ bởi người giảng những đội của SAS đến thăm. Một khoản phí được trả. tất nhiên, nhưng là cho vị Bộ trưởng Quốc phòng ở London.

Thiếu tá Mike Martin có một bản đồ lớn của vùng Vịnh và phần lớn vùng Trung Đông trải dài trên cái bàn rộng và đang nghiên cứu nó, xung quanh là nhiều người của anh. Ba mươi bảy tuổi, anh không phải là người nhiều tuổi nhất trong phòng. hai trong số trung sĩ của anh đã trên bốn mươi, cứng rắn, khắc khổ, và những người lính rất thiện chiến mà trong số đó một người trẻ hơn anh cả hai mươi tuổi đặc biệt quan tâm chăm chú.

- Có gì trong đó cho chúng ta không, ông chủ? Một trong số các trung sĩ hỏi.

Trong những đơn vị nhỏ thế này, các thành viên thường gọi nhau bằng tên thân mật. nhưng các sĩ quan vẫn được gọi là “ông chủ”.

- Tôi không biết. Martin nói, Saddam Hussein đã đích thân vào Kuwait. Vấn đề là: ông ta có làm trái với chính thoả thuận của mình hay không? Nếu không, quân Liên Hợp Quốc có quyền đưa lực lượng vào và đuổi ông ta ra. Nếu thế tôi sẽ nghĩ ở đó phải có việc gì đó cho chúng ta làm đấy.

- Tốt, trung sĩ hài lòng nói. và sáu người khác ngồi xung quanh bàn cũng gật gù. Đã quá lâu rồi. kể từ khi họ vào đây, họ không được tham dự vào một chiến dịch đánh nhau nào thực sự, ác liệt.

Tại trung đoàn có bốn môn cơ bản, mỗi người được tuyển phải làm chủ được một trong số chúng. Có lính dù, chuyên nhảy dù từ độ cao; những người chuyên leo núi, những người chỉ thích đá dựng đứng chặn đường và những đỉnh cao; những người chuyên lái xe, lái những chiếc Land-Rovers trên mọi địa hình; cuối cùng là

lính thủy, chuyên sử dụng canô, những người không mệt mỗi âm thầm đi. và lặn trong những công việc cần ở dưới nước. Trong đội mười hai người của mình, Martin có bốn lính dù, kể cả anh, bốn chuyên gia lái xe dạy người Abu Dhabi về những nguyên tắc tấn công chớp nhoáng và phản công trên nền sa mạc. và vì Abu Dhabi nằm ở vùng Vịnh, có thêm bốn lính thủy. Ngoài những chuyên môn đặc biệt của mình, những người của SAS phải có kiến thức tốt về những môn còn lại, để có thể thay đổi nhau được dễ dàng. Bên cạnh đó họ còn phải làm chủ được nhiều kỹ năng khác - vô tuyến điện, sơ cứu và ngôn ngữ. Đơn vị chiến đấu cơ bản gồm bốn người. Nếu một trong số đó bị loại khỏi cuộc chiến, nhiệm vụ của anh ta sẽ nhanh chóng được san sẻ giữa ba người còn sống, dù đó là những người vận hành radio hay những người chuyên về y tế.

Ngoài ra họ còn tự mình học hỏi để đạt đến trình độ cao hơn bất kỳ đơn vị nào khác trong quân đội, và vì họ đi khắp thế giới: họ buộc phải biết nhiều thứ tiếng. Trong nhiều năm tiếng Nga được ưa chuộng giờ đây đã hết một sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Tiếng Malay luôn rất hữu dụng ở vùng Viễn Đông, nơi trung đoàn đã chiến đấu nhiều năm ở Borneo. Tiếng Tây Ban Nha đang tăng lên từ khi các chiến dịch phản kháng ở Colombia chống các ông trùm ma túy của Medellin và Cali. Tiếng Pháp cũng cần học - trong một số trường hợp nhất định. Và vì trung đoàn đã tiêu tốn nhiều năm phục vụ Sultan Qaboos ở Oman trong trận chiến của ông với những phần tử Cộng sản từ nam Yemen tiến vào sâu trong Dhofar. nhiều nhiệm vụ huấn luyện khác đã được tiến hành ở khắp vùng Vịnh và tại A rập Xêút, nhiều người của SAS nói tốt riêng A rập.

Trung sĩ nói: “ông chủ lạ thật. cái gì cũng biết.”

Mike Martin đứng thẳng và xoa tay lên mái tóc nâu sậm.

- Đã đến lúc trở vào rồi đấy.

Mới hơn mười giờ. Họ sẽ phải dậy từ tinh mơ để tập chạy mười dặm hàng ngày với những gánh nặng trước khi mặt trời trở nên thiêu đốt. Đó là cái Abu Dhabi không thích lắm nhưng các tộc trưởng của ông lại rất ưa. Nếu những người lính ngoại quốc từ Anh này nói thế là tốt cho họ, thì đúng là tốt cho họ thật. Bên cạnh đó, ông ta trả tiền cho nó, và ông ta muốn tiền của mình thực sự có giá.

Thiếu tá Martin quay về hành dinh của mình và ngủ một giấc ngắn nhưng sâu. Trung sĩ nói đúng; anh có thể nhìn thấy mọi thứ. Người của anh thường xuyên nghĩ anh thừa hưởng nước da màu bánh mật, mắt đen, và tóc đen sậm từ tổ tiên người Địa Trung Hải. Anh không bao giờ nói với họ, nhưng họ đã nhầm.

Ông ngoại của cả hai cậu bé Martin từng là một người trồng chè của Anh ở Darjeeling, Ấn Độ. Các cậu bé được nhìn ảnh của ông - cao. mặt hồng hào, ria mép màu vàng hung, tẩu thuốc ngậm trong miệng, súng cầm tay. đứng bên một con hổ bị bắn chết. Rất giống pukka sahib, người Anh vùng Raj, Ấn Độ. Sau đó vào năm 1928 Terence Granger đã thực hiện điều không tưởng ấy: ông đã đem lòng yêu và cố mà lấy một cô gái người Ấn. Không hẳn vì nàng đẹp và duyên dáng. Đó hoàn toàn không phải lý do. Công ty chè không sa thải ông - có thể làm họ nguy hiểm. Họ đẩy ông vào sâu trong lục địa đến một đồn điền hoang vắng ở Assam xa xôi.

Điều này được coi như là một sự trừng phạt, nhưng không thực sự như vậy. Granger và cô dâu mới của mình, hoa hậu Indira Bohse trước đây, thích được ở đó - vùng đất hoang dã, kỳ ảo, đi săn thú và những con hổ, những ruộng chè xanh đậm, khí hậu, con người. Và ở đó Susan đã được sinh ra vào năm 1930. Họ nuôi lớn cô ở đó, một cô gái Anglo-Ấn với những đứa bạn chơi đùa người Ấn.

Năm 1943 cuộc chiến tranh đã lan đến tận Ấn Độ, với cuộc tấn công của người Nhật Bản qua Miến Điện đến biên giới. Granger đã đủ già để không phải đi tình nguyện, nhưng ông cứ cố xin đi, và sau khóa huấn luyện cơ bản ở Delhi ông được phong chức thiếu tá trong đội Assam Rifle. Mọi binh sĩ người Anh đều được thăng thẳng lên thiếu tá; họ không bao giờ phải phục vụ dưới quyền một sĩ quan người Ấn, người Ấn chỉ có thể lên đến trung úy hay đại úy mà thôi.

Năm 1945 ông chết khi hành quân qua Irrawaddy. Thi hài của ông không bao giờ được tìm thấy; nó đã vụn thêm chất mùn cho những cánh rừng Miến Điện rậm rạp, đó là một trong mười nghìn người đã từng nhìn thấy những trận chiến giáp lá cà ghê rợn của chiến tranh.

Với một khoản trợ cấp nhỏ của công ty, người vợ góa của ông đã trở về với nền văn hoá riêng của mình.

Hai năm sau đó, nhiều vụ loạn lạc lại xảy đến. Ấn Độ bị chia cắt vào năm 1947. Người Anh phải đi. Ali Jinnah cương quyết giữ Moslem Pakistan của mình ở phía bắc, Pandit Nehru đặt chủ yếu quân đội của Ấn Độ Hindu ở phía nam. Vì những làn sóng người tị nạn của hai tôn giáo đổ về phía bắc và nam, chiến sự ác liệt nổ ra. Hơn một triệu người chết. Bà Granger, sợ hãi cho sự an nguy của con gái mình, đã gửi cô bé đi học với người cậu nhỏ tuổi nhất của bà, một kiến trúc sư thực thụ ở Haslemere, Surrey.

Sáu tháng sau, người mẹ chết trong một cuộc bạo loạn. Thế là đến năm mười bảy tuổi Susan Granger đến nước Anh, mảnh đất của ông cha cô mà cô chưa bao giờ được nhìn thấy. Cô bỏ học một năm ở trường nữ học gần Haslemere và sau đó hai năm ở một trại huấn luyện y tá ở bệnh viện Tướng Farnham, tiếp theo làm thư ký cho một cố vấn luật. Ở tuổi hai mốt, tức là tuổi nhỏ nhất được chấp nhận, cô đệ đơn xin phục vụ cho Không quân hải ngoại Anh. Cô được huấn luyện với các cô gái khác ở trường BOAC. trước đây là nhà tu kín St.Mary cổ kính ở Heston, ngay bên ngoài London. Khoá huấn luyện tốt, và trông cô rất già dặn. Hai mươi mốt tuổi cô đẹp, với mái tóc ken dày, mắt đậm, và da như của người châu Âu với màu vàng óng ả. Sau khi được huấn luyện cô được chỉ định vào đường số Một, London đi Ấn Độ - một lựa chọn tất yếu đối với một cô gái nói tiếng Hindu thành thạo như vậy.

Thật là một chuyến đi dài, rất dài trong những ngày đó trên chiếc Argonaut bốn động cơ đẩy. Lộ trình là London-Rome- Cairo-Basra-Bahrain-Karachi-Bombay. Rồi sau đó là Delhi. Calcutta, Colombo, Rangoon, Bangkok, và cuối cùng là Singapore, Hongkong và Tokyo. Dĩ nhiên, một phi hành đoàn không thể thực hiện được tất cả những cái đó, và phi hành đoàn thứ nhất dừng ở Basra phía nam Iraq, nơi một phi hành đoàn khác sẽ thay họ.

Đó là vào năm 1951, tại một lần uống rượu ở Port Club, cô đã gặp một kế toán trẻ nhút nhát của Công ty Dầu mỏ Iraq, khi đó còn do người Anh quản lý và điều hành. Tên anh là Nigel Martin, và anh mời cô đi ăn tối. Cô từng được cảnh báo về những gã chim gái - những hành khách, phi hành đoàn, và trong những lần dừng nghỉ chân. Nhưng anh thật đẹp trai, do đó cô nhận lời. Khi anh đưa cô về nhà trọ của BOAC, nơi các nữ chiêu đãi viên tập trung, anh chìa tay mình ra. Cô rất kinh ngạc và nắm lấy nó. Rồi cô cứ tự hỏi trong cái nóng kinh người làm thế nào để mà có thể hôn Nigel Martin được.

Lần dừng sau đó ở Basra, anh lại có ở đó. Chỉ sau khi họ đã cưới anh mới nhận rằng anh đã theo dõi cô chặt chẽ thông qua viên sĩ quan Alex Reid của BOAC. Mùa thu năm 1951 đó họ chơi tennis, bơi ở Port Club, và đi cùng nhau đến những khu chợ của Basra. Theo gợi ý của anh cô đã xin nghỉ và đến với anh ở Baghdad, nơi anh sống. Cô nhanh chóng nhận ra rằng có một chỗ cô có thể hạ cánh. Cô diện những chiếc váy màu sắc sặc sỡ, những dấu hiệu và mùi vị của đường phố, những món ăn bên bờ sông Tigris, những cửa hàng nhỏ diệu kỳ bán cỏ cây và gia vị, vàng, và đồ trang sức - mọi cái gợi cho cô nhớ đến Ấn Độ nơi chôn rau cắt rốn. Khi anh đề nghị cưới cô, cô nhận lời ngay tức khắc.

Họ cưới nhau năm 1952 ở nhà thờ lớn St.George, nhà thờ Anh giáo ở phố Haifa, và mặc dù cô không có ai đứng bên cạnh ở trong nhà thờ, nhiều người đã đến từ IPC và từ Đại sứ quán để trám vào chỗ hai bên nhà trai gái.

Đó là một khoảng thời gian thật tốt để sống ở Baghdad. Cuộc sống chậm rãi và dễ dàng, ông vua trẻ con Faisal ở trên ngai vàng với Nuri nhiếp chính cầm quyền trong đất nước, và ảnh hưởng lớn nhất là từ Anh. Một lẽ vì đóng góp to lớn của IPC cho nền kinh tế và lẽ khác phần lớn các sĩ quan trong quân đội đều được học ở Anh, nhưng chủ yếu là do tầng lớp trên đã nhiễm giáo dục theo lối Anh, điều luôn luôn để lại một ấn tượng rất lâu dài.

Trong thời gian đó nhà Martin có hai cậu con trai, sinh năm 1953 và 1955. Được đặt tên thánh là Michael và Terry, chúng chẳng giống gì nhau hết cả. Ở Michael, gene của hoa hậu Indira Bohse đậm nét: cậu có tóc đen, mắt sẫm màu, và da bánh mật, các thành viên của cộng đồng Anh cho rằng cậu giống người A rập hơn. Terry, kém anh hai tuổi, lại mang những nét của cha mình: thấp, đậm, da hồng hào, và tóc màu hung.

Vào lúc ba giờ sáng, thiếu tá Mike Martin bị lay dậy bởi một người lính có tuổi.

- Có một bức điện, sayidi.

Đó là một thông điệp khá đơn giản, nhưng dấu mã khấn của nó là "blitz", và dấu hiệu đó có nghĩa là nó được chuyển thẳng từ Giảm đốc các lực lượng đặc biệt. Không cần trả lời. Nó lệnh cho anh lập tức quay

về London ngay trên chuyến bay gần nhất. Anh bàn giao nhiệm vụ cho viên đại úy SAS. người luôn thay anh khi anh về trung đoàn và là người thứ hai sau anh làm công tác huấn luyện, và chạy nhanh đến sân bay trong bộ đồ dân sự.

2 giờ 55 sáng chuyến bay về Anh bắt đầu cất cánh. Hơn một trăm hành khách ngáy hoặc cầu nhàu với các chiêu đãi viên tuyên bố vì lý do quan trọng nên máy bay sẽ cất cánh muộn chín mươi phút. Khi các cánh cửa lại mở ra để nhận một người duy nhất, một người trong bộ đồ jean, boots cao cổ đi sa mạc, và áo jacket kín bưng với một cái túi to đeo trên một vai, một số người phải đợi lâu quá chửi rủa anh. Người đàn ông được chỉ cho một chỗ trống ở hàng hạng nhất, khiến anh cảm thấy thoải mái. Và trong mấy phút sau khi máy bay cất cánh anh đã ngã ghế của mình và ngủ thiếp đi nhanh chóng. Một doanh nhân ngồi cạnh anh, đã ăn một bữa tối thịnh soạn để rồi phải đợi hai giờ trong sân bay và hai giờ nữa trên máy bay. chán ngán chửi vào khuôn mặt đang ngủ một cách thoải mái gần mình.

- Đồ Arập khát máu, lão lằm bằm. và cố gắng ngủ mà không được.

Bình minh đã lên trên vùng Vịnh được hai giờ, nhưng chiếc máy bay của British Airways vẫn lao về phía tây bắc, đổ xuống Heathrow ngay trước mười giờ sáng giờ địa phương. Mike Martin đi ra khỏi sảnh trong những người đầu tiên vì anh không có hành lý gửi trong máy bay. Không ai ra đón anh: anh đã biết trước. Anh cũng đã biết là sẽ phải đến đâu.

Ở Washington bình minh chưa lên, nhưng những dấu hiệu đầu tiên của mặt trời đã làm hồng những ngọn đồi xa xa của hạt Prince Georges, nơi dòng sông Patuxent chảy xuôi xuống gập Chesapeake. Ở tầng sáu và cũng là tầng cao nhất của toà nhà lớn, hình thuôn giữa đám nhà tạo nên hình dáng cho đại bản doanh của CIA và được biết đơn giản dưới cái tên Langley, ánh sáng vẫn còn tỏ rạng.

Luật gia William Webster, giám đốc Cục Tình báo Trung ương, nhấn nhá đầu ngón tay vào đôi mắt mỗi một, đổ ngẫu, và đi đến những cánh cửa sổ có vẽ hình. Màu sắc bạc trước mặt ông của dòng Potomac khi chúng đang mùa xanh tốt vẫn còn chìm trong bóng tối. Trong một giờ mặt trời lên có thể khiến chúng trở lại màu xanh nhạt. Lại thêm một đêm thức trắng nữa. Kể từ cuộc xâm lược Kuwait ông đã phải pháp phòng giữa những cú điện thoại từ Tổng thống, Hội đồng An ninh Quốc gia. Bộ Ngoại giao. và có vẻ như, từ bất kỳ ai có số điện thoại của ông- Đằng sau ông, cũng một mỗi như ông, là Bill Stewart đang ngồi, đó là người phó của ông phụ trách các chiến dịch, và Chip Barber, chỉ huy bộ phận Trung Đông.

Thế là ra sao, DCI hỏi, như thế là hỏi lại câu hỏi thì có thể có được câu trả lời tốt hơn.

Nhưng vẫn không có thay đổi gì hết cả. Tổng thống, NSC, và Nhà nước đều đang chờ ngóng những điệp viên cắm sâu từ bên trong trái tim của Baghdad, từ những hội đồng bí mật nhất của chính Saddam Hussein. Liệu ông ta có ở lại Kuwait không ? Ông ta có chịu khuất phục trước sức ép của các nghị quyết của Liên Hợp Quốc đã được Hội đồng Bảo an thông qua? Ông có lùi bước trước lệnh cấm vận dầu mỏ và thắt chặt thương mại? Ông đang nghĩ gì? Ông ta đang dự định gì? Mẹ nó chứ, dù sao thì ông ta đang ở đâu?

Cơ quan không hề biết. Họ có một trạm lớn ở Baghdad: dĩ nhiên. Nhưng người này đã bị đóng băng từ nhiều tuần qua. Người của cơ quan đã bị Rahmani lãnh đạo phản gián Iraq phát hiện. Những “nguồn” tốt nhất của anh ta có vẻ như đều bị Rahmani dò ra cả. Dĩ nhiên, họ có những bức ảnh - đủ ảnh để rút ra cái gì đó. Các vệ tinh, KH-11 và KH- 12, quay quanh Iraq cứ vài phút một lần để có được những bức ảnh cận cảnh rõ nét về mọi thứ trên toàn đất nước .Các chuyên gia chứng nhận có thể có một nhà máy sản xuất chất khí độc, cái có thể là một thiết bị nguyên tử - hay có thể chỉ là một nhà máy sản xuất xe đạp.

Các chuyên gia của Cơ quan do thám Quốc gia, một phần thuộc CIA và một phần thuộc Không quân, cùng với các nhà khoa học ở ENPIC, Trung tâm Xử lý Hình ảnh Quốc gia. đều đưa ra một bức ảnh một ngày nào đó có thể được hoàn chỉnh. Đó là một vị trí chỉ huy chủ yếu: đó là một địa điểm tên lửa SAM. đó là một căn cứ máy bay chiến đấu. Tốt, bởi vì các bức ảnh nói với chúng ta như thế. Và một ngày nào đó: có thể lắm chứ, chúng tất cả đều phải bị ném bom để trở lại thời kỳ đồ đá. Nhưng Saddam còn có cái khác nữa không? Còn được giấu kỹ: được chôn sâu dưới lòng đất?

Nhiều năm bỏ bê Iraq giờ đã đến ngày phải gạt trái đắng.

Những người bị quay như chong chóng trên ghế của mình đằng sau Webster đều là những tay cựu trào đã ghi vào xương tủy về vụ bức tường Berlin khi mà sự thực còn chưa tòi ra. Họ đã đi một chặng đường dài để

trở về. trước khi những thiết bị điện tử đảm nhiệm những công việc thu thập thông tin của tình báo. Và họ đã nói với ông rằng các máy quay phim của NRO và những tai nghe của Cơ quan An ninh Quốc gia ở Fort Meade không phát hiện được các bản đồ, chúng không thể do thám các định hướng, chúng không thể đi vào trong bộ não của một nhà độc tài.

Do đó NRO chụp những bức ảnh và tai nghe của Fort Meade được nghe và ghi âm từng từ ở mọi cuộc gọi điện thoại và các thông điệp phát thanh, bên ngoài và bên trong Iraq. Và họ vẫn không có câu trả lời.

Cũng vẫn cơ cấu chỉ huy đó, cũng vẫn đồi Capitol đó đã bị thổi miên với những thiết bị điện tử mà họ đã tiêu hàng tỷ đôla để phát triển và đã tiêu tốn những cái mà bộ óc tinh tế con người có thể cố vấn, giờ đây đòi hỏi những câu trả lời mà những thứ máy móc đó không thể cung cấp được. Và những người đứng sau DCI đã nói rằng elint, tình báo điện tử, là một chỗ dựa và thêm vào cho humint, phương thức thu thập tin tức tình báo bằng con người, chứ không phải thay thế cho họ. Điều này thật hay ho, nhưng không mang lại giải pháp nào cho vấn đề của ông.

Vấn đề là Nhà Trắng đang đòi hỏi câu trả lời mà chỉ có thể được cung cấp bằng sự chắc chắn bởi một nguồn tin, một người nằm vùng, một điệp viên, một kẻ phản bội, dù sao đi nữa cũng đã leo cao được bên trong hệ thống chính quyền của Iraq. Cái mà chưa thể có được.

- Anh đã hỏi Nhà Thế kỷ chưa?

- Rồi. Cũng như chúng ta thôi.

- Tôi sẽ nói chuyện với Tel Aviv trong hai ngày nữa, Chip Barber nói. Tôi sẽ gặp Yaacov Dror. Tôi có thể hỏi ông ta không?

Vị DCI gật đầu. Tướng Yaacov “Kobi” Dror là chỉ huy của Mossad, là cơ quan ít chịu hợp tác nhất của các cơ quan “thân thiện”. DCI vẫn còn nhớ đến trường hợp Jonathan Pollard, người đã do Mossad gài sâu vào Mỹ chống lại nước Mỹ. Một vài người bạn, ông ghét phải hỏi xin điều gì đó ở Mossad.

- Hỏi ông ta đi, Chip. Chúng ta không quanh quẩn đây nữa. Nếu ông ta có nguồn tin nào trong Baghdad, chúng ta sẽ xin. Chúng ta cần loại sản phẩm này. Trong lúc đó, tốt hơn hết là tôi quay trở lại Nhà Trắng và đối mặt lại với Scowcroft vậy.

Với lời nhấn nhủ không mấy hữu ích đó. cuộc họp kết thúc.

Bốn người đàn ông đang đợi ở trụ sở SIS London trong buổi sáng hôm ấy ngày 5 tháng Tám hẳn là đêm trước đã rất bận rộn. Giám đốc các lực lượng đặc biệt, thiếu tướng J.P.Lovat. đã nói chuyện điện thoại rất nhiều, tự cho phép mình gà gật hai tiếng đồng hồ trong ghế của mình từ hai đến bốn giờ sáng. Cũng giống như rất nhiều lính chiến khác, từ lâu ông đã rèn luyện khả năng chớp mắt vài giờ ở bất kỳ đâu và vào bất kỳ lúc nào khi tình thế cho phép. Không thể biết bao lâu nữa mới lại được ‘xạc pin’. Trước bình minh, ông đã tắm và cạo râu và sẵn sàng cho một ngày mới đầy sự kiện. Chính cú điện thoại của ông liên lạc với cấp cao British Airways vào nửa đêm (giờ London) khiến chiếc máy bay nằm lại chờ ở Abu Dhabi. Giám đốc British Airways, cầu nhàu ở nhà, không hỏi tại sao lại phải cho dừng một chiếc máy bay cách đây đến ba nghìn dặm cho đến khi một người khách lạ có thể lên được. Ông biết Lovat bởi vì họ từng đã là thành viên Câu lạc bộ Những lực lượng Đặc biệt ở Herbert Crescent, biết rõ điều ông ta làm, và đáp ứng đòi hỏi của ông mà không phải hỏi han gì cả.

Vào giờ ăn sáng viên trung sĩ trực kiểm tra lại ở Heathrow rằng chiếc máy bay từ Abu Dhabi đến trễ chín mươi phút và có thể hạ cánh vào lúc mười giờ. Viên thiếu tá có thể đến doanh trại vào khoảng mười một giờ.

Một người truyền tin đi xe máy đã đến lấy một hồ sơ nghề nghiệp cá nhân ở doanh trại Browning, đại bản doanh của trung đoàn lính dù ở Aldershot. Viên thượng sĩ trực đã rút nó từ tập hồ sơ ngay sau nửa đêm. Đó là hồ sơ quản lý Mike Martin ở Paras từ ngày anh tự giới thiệu mình với tư cách một học sinh mười tám tuổi, đến năm mười chín tuổi đã là một người lính chuyên nghiệp, trừ hai khoảng thời gian dài đã chuyển sang trung đoàn SAS. Người sĩ quan chỉ huy của đội SAS thứ 22. đại tá Bruce Craig, một người Xcôtlen khác, trong đêm đã đến từ Hereford, mang theo mình bản hồ sơ chứa đựng hai giai đoạn này, ông đến đúng lúc bình minh.

- Chào buổi sáng, J.P! Sao rồi?

Họ biết nhau khá kỹ. Lovat, thường được biết đến với cái tên J.P hay Jaypee, đã từng là người chỉ huy đội hành quyết đã chiếm lại Đại sứ quán Iran ở London từ những tên khủng hổ mười năm trước đây, còn Craig từng là một chỉ huy đội dưới quyền ông vào thời đó. Họ có một thời gian dài cùng hoạt động với nhau.

- Bên Thế kỷ muốn đưa một người vào Kuwait, ông nói. Có vẻ như thế là đủ. Nói dài không phải là sở thích của ông.

- Một người trong số chúng tôi ư? Martin? Đại tá Craig đặt tập hồ sơ ông cầm theo xuống.

- Có vẻ như thế đấy. Tôi đã gọi anh ta từ Abu Dhabi về.

- Tốt, mẹ nó chứ. Ông sẽ giải quyết chuyện này à?

Mike Martin là một trong số các sĩ quan của Craig, và họ cũng khá thân. Ông không muốn người Nhà Thế kỷ lôi kéo người của mình. DSF nhún vai.

- Có lẽ phải vậy thôi. Nếu anh ta thích hợp. Nếu họ thấy thích điều đó, cấp cao lắm đấy.

Craig chun mũi và nhấc một ly cà phê đen từ viên trung sĩ trực mà anh ta chào là Sid - họ đã từng cùng chiến đấu ở Dhofar. Khi chuyển sang chính trị, đại tá nắm ngay được điểm cốt yếu. Nhà Thế kỷ có khả năng thắng trong mọi chuyện họ muốn. Trung đoàn phải hợp tác thôi, ngay cả khi bên Thế kỷ sẽ có quyền kiểm soát toàn bộ dưới cái vẻ ngoài của một phi vụ hợp tác.

Hai người từ Thế kỷ đến ngay sau đại tá, và họ đều được giới thiệu. Người cao cấp hơn là Steve Laing. ông mang theo mình Simon Paxman, chỉ huy Bàn Iraq. Họ ngồi trong một phòng chờ, được mời cà phê, và được đưa cho hai tài liệu CV để đọc. Cả hai người đều đắm chìm vào lý lịch của Mike Martin từ tuổi mười tám trở đi. Tối hôm trước, Paxman đã bỏ ra bốn giờ đồng hồ với người em trai để tìm hiểu về nguồn gốc gia đình và thời gian lớn lên ở Baghdad và trường công Haileybury.

Học kỳ cuối ở Haileybury, hè năm 1971. Martin đã viết một thư cá nhân cho Paras và được phỏng vấn vào tháng Chín tại cơ sở ở Aldershot. Anh đã được trường coi là một học sinh bình thường nhưng là một vận động viên điền kinh siêu hạng. Rồi vào Paras suôn sẻ. Cậu bé đã được nhận và bắt đầu luyện tập cùng tháng đó, hai mươi hai tuần lễ mệt nhọc để chuẩn bị cho cuộc đua tháng Tư năm 1972.

Đầu tiên họ có bốn tuần tập đối kháng trong phạm vi hẹp, những vũ khí cầm tay, những đồ dùng đánh bộ cơ bản, và tập thể lực; rồi thêm hai môn nữa là sơ cứu, tín hiệu và học cách chống NBC - các loại vũ khí nguyên tử, vi trùng và hoá học. Tuần thứ bảy dành cho tập luyện thể lực hơn nữa, luôn tăng thêm độ nặng nhọc, nhưng không thấm gì so với tuần thứ tám và thứ chín - tập chạy xuyên qua rừng núi Brecon ở xứ Wales, nơi những người mạnh khoẻ đầy sức lực đã chết vì quá sức và thiếu không khí. Tuần thứ mười là cuộc đua ở Hythe, Kent, thi bắn súng trong rừng núi, nơi Martin, vừa mới sang tuổi mười chín, bị trượt vì điểm kém. Tuần thứ mười một và mười hai là những tuần kiểm tra được thực hiện ở đồng quê gần Aldershot - chỉ chạy lên và xuống những quả đồi cát mang theo ba thân cây trong bùn, mưa, và mưa rào lạnh giá của giữa đông.

Những tuần kiểm tra? Paxman lăm bắm, giở sang trang. Thế cái cuối cùng là quỷ quái gì vậy?

Sau những tuần kiểm tra. những chàng trai trẻ được trang bị mũ beret đỏ và đã nhảy dù trước khi bước vào ba tuần ở Brecon tập luyện tự vệ, hướng đạo và bài tập trong lửa cháy. Thời điểm đó - vào cuối tháng Giêng - Brecon rất trơn và lạnh giá các học viên ngủ ít, trời ẩm ướt và không có lửa.

Tuần thứ mười sáu đến mười chín là cho cuộc thi nhảy dù cơ bản ở Abingdon RAF, nơi họ phải nhảy từ trên cao xuống, và không chỉ từ máy bay.

Sau hai tuần nữa dồn sức cho tập luyện trên mặt đất gọi là hàng rào cuối cùng và một số kỹ năng cải trang, tuần thứ hai mươi hai là duyệt binh, với những bậc phụ huynh đầy kiêu hãnh cuối cùng cũng được phép gặp những chàng trai trẻ của mình đã rời họ sáu tháng trước.

Binh nhì Mike Martin từ lâu đã được cho là là POM - sĩ quan tiềm năng - và tháng Năm năm 1972 anh đến Viện Hàn lâm Quân sự Hoàng gia Sandhurst, tham gia cuộc thi một năm tiêu chuẩn quân sự. Mùa xuân năm 1973, trung úy mới được thăng hạng Martin đi thẳng đến Hythe để giữ chức huấn luyện dự bị cho Bắc

Ailen, và anh chỉ huy đội trong vòng mười hai tuần đáng nản trong một trạm quan sát tên là Flax Mill bao phủ phòng tuyến Ardoyne, Belfast của nước Cộng hoà cực đoan. Anh đã được chỉ định về Tiểu đội ba, được biết dưới cái tên Para thứ ba, và sau Belfast thì trở về đơn vị ở Aldershot để chỉ huy đội tuyển quân, đưa người mới vào đi qua những cuộc khó nhọc chính mình đã phải trải qua. Mùa hè năm 1977 anh quay về Para thứ ba, bây giờ đóng ở Osnabrueck, một bộ phận của Quân đội Anh vùng sông Ranh.

Đó cũng là một khoảng thời gian khôn khổ. Các Para được áp dụng “phương thức cánh cụt”. nghĩa là cứ chín năm lại mất ba năm, hay ba năm một lần, phải nhảy dù và được sử dụng như là một lính bộ binh bình thường. Mọi đội Para đều ghét phương thức Cánh cụt. Tinh thần xuống, các cuộc đánh nhau nổ ra giữa các Para và bộ binh, và Martin phải trừng phạt những người mà anh rất lấy làm yêu quý. Anh bị mắc ở đó mất gần một năm, rồi tháng Mười một năm 1977 anh tình nguyện chuyển sang SAS.

Một tỉ lệ lớn người trong SAS chuyển từ các Para sang, có thể vì công tác huấn luyện gần giống nhau, mặc dù SAS tự cho người của mình giỏi hơn, rằng họ đã có được những người rất tuyệt và sau đó bắt đầu làm việc với họ. Giấy tờ của Martin được đưa đến Văn phòng Hồ sơ của trung đoàn tại Hereford, nơi tiếng Arập lưu loát của anh được ghi nhận, và vào mùa hè 1978 Martin trở thành lựa chọn số một cho một khoá huấn luyện sáu tuần. Ngày đầu tiên một giảng viên tươi cười nói với tất cả bọn

họ:

- Trong khoá học này, chúng tôi sẽ không thử thách và không huấn luyện các bạn. Chúng tôi thử thách và giết các anh.

Họ đã làm đúng như vậy. Chỉ mười phần trăm qua được kỳ thi cuối cùng để vào được SAS. Nó giúp tiết kiệm được thời gian cho sau này. Martin qua được. Rồi đến huấn luyện thường xuyên, huấn luyện trong rừng rậm ở Belize, và một tuần về Anh tập kháng cự lại tra khảo. Kháng cự có nghĩa là cố giữ yên lặng trong khi phải chịu những thứ kinh khủng xảy đến với mình.

Họ đúng là điên rồ, Paxman nói, thả tập tài liệu xuống và tự đi tìm một tách cà phê mới. Họ điên kinh khủng lên được.

Laing chun mũi, ông đã chuyển sang đọc tài liệu thứ hai; đó là kinh nghiệm của người đàn ông ở Arập mà ông cần cho điệp vụ đang ở trong tâm trí ông.

Lần đầu Martin ở lại SAS ba năm, với quân hàm đại úy và vai trò trưởng nhóm. Anh được chọn vào phi đội A của những lính dù - được xếp vào các đội A,B,C và G - là lựa chọn đầu tiên cho một người đã nhảy dù trong các Para với những độ cao kinh người, Những con quỷ đỏ.

Nếu các Para không có lý do nào để sử dụng tiếng Arập của anh, thì trung đoàn lại có. Trong ba năm 1979-1981 anh đã phục vụ các lực lượng của Sultan của Oman ở tây Dhofar, dạy bảo vệ VIP ở hai tiểu vương vùng Vịnh. dạy Đội vệ binh Quốc gia Xêut ở Riyadh, và giảng cho các vệ sĩ của Sheikh Isa của Bahrain. Những nhận xét sau các vụ đó trong hồ sơ SAS đều ghi tại đó anh đã sử dụng rất tốt vốn văn hoá Arập, rằng trong trung đoàn không ai nói thứ ngôn ngữ đó tốt như anh, và rằng anh ta có thói quen đi dài trong sa mạc khi anh muốn nghiền ngẫm một vấn đề nằn đó, chịu ngấm mình trong cái nóng và ruồi.

Hồ sơ cho thấy anh đã quay lại các Para sau ba năm làm cho SAS trong mùa đông năm 81 và vui sướng thấy rằng các Para đã có chỗ trong chiến dịch Lở đá tháng Giêng và tháng Hai năm 1982 ở khắp Oman. Thế là thời gian đó anh trở về Jebel Akdar, trước khi đi nghỉ vào tháng Ba. Tháng Tư anh được gọi về một cách khẩn trương - Arghentina đã tấn công Falkland. Các Para hai và ba đến Nam Cực. Họ chèo trên chiếc thuyền Canberra, nhanh chóng được sử dụng trong quân đội, và đi ra biển đến San Carlos Water. Đội Para thứ ba đóng ngay tại đông Falkland, trong mưa gió đến cảng Stanley. Tabbing có nghĩa là đi cố trong điều kiện khủng khiếp trong khi vác theo 120 pound.

Đội Para ba đóng bản doanh ở một trang trại hoang vắng tên là Estancia House và chuẩn bị cho trận tiến công tối hậu vào cảng Stanley, điều đó có nghĩa lần đầu tiên tấn công vào đỉnh Longdon được phòng vệ hết sức nghiêm ngặt.

Trận đó bắt đầu bằng một cuộc tấn công im lặng vào các vị trí của Arghentina và trở nên rất âm ĩ khi hạ sĩ Milne giẫm phải một quả mìn phát nổ. Súng máy của Arghentina khai hoả, những chớp lửa soi sáng hòn núi như ban ngày, và đội Para số ba có thể hoặc chạy lui để bảo toàn lực lượng hoặc tiến lên vào lửa để chiếm

Longdon. Họ đã chiếm được Longdon, với hai mươi ba người hy sinh và hơn bốn mươi người bị thương. Một trong số những người bị thương đó là Mike Martin, bị một viên đạn vào chân và trốn xuống một dòng suối.

Sau cả ngày trên sườn núi, anh được đưa ra một vị trí an toàn hơn ở vịnh Ajax, được băng bó, và được máy bay trực thăng đưa đến thuyền bệnh viện Uganda. Thuyền Uganda đỗ ở Montevideo, và Martin là một trong số những người được chở về nhà trên một chuyến bay dân sự đến Brize Norton. Các đội Para đã cho anh ba tuần nghỉ ở Headley Court, Leatherhead, để hồi phục vết thương.

Chính ở nơi đây anh gặp cô y tá Lucinda, người trở thành vợ anh sau một hồi tán tỉnh nhanh chóng. Cô có vẻ khoái sự hào nhoáng khi có được một người chồng ở Para, nhưng cô ta đã nhầm. Họ dựng nhà ở một bờ biển gần Chobham, thích hợp cho nghề của cô ở Leatherhead và cho anh ở Aldershot. Nhưng sau ba năm, được gặp anh trong khoảng thời gian bốn tháng rưỡi: Lucinda thẳng thắn cho anh một lựa chọn: anh có thể có Para và sa mạc đẫm máu của anh, hoặc anh có thể có em. Anh suy nghĩ và chọn sa mạc.

Cô khá đúng đắn khi bỏ đi. Vào mùa thu 1982, anh học ở Staff College, đường vào cho cấp bậc cao hơn và một địa vị tốt hơn, có thể là ở Bộ. Tháng Hai năm 1983 anh trải qua cuộc thi tuyển.

- Anh ta đã suy nghĩ kỹ trước khi làm vậy, Paxman nói. Nhận xét CO của anh ta ở đây nói anh ta có thể không làm nếu anh ta muốn.

- Tôi biết, Laing nói. Tôi đã đọc nó. Một người... không bình thường.

Hè 1983 Martin được bổ nhiệm sĩ quan phụ trách các nhân viên Anh phục vụ cho các lực lượng trên bộ ở Muscat của Sultan, Oman. Anh đi biệt phái suốt hai năm, giữ huy hiệu của Para nhưng chỉ huy trung đoàn mặt trận phía bắc, Muscat. Anh được thăng thiếu tá ở Oman vào mùa hè năm 86.

Các sĩ quan từng phục vụ một lần cho SAS có thể trở về lần thứ hai, nhưng chỉ khi được mời. Anh rất ít về Anh. Mùa đông năm 87, khi đang diễn ra vụ ly hôn không thể đảo ngược của mình, thì lời mời đến từ Hereford. Anh quay trở lại làm chỉ huy phi đội vào tháng Giêng năm 88, phục vụ ở Flank phía bắc (Na Uy), rồi Sultan Brunei và sáu tháng với đội an ninh trong nước ở Stirling Lines ở Hereford. Tháng Sáu 1990 anh được gửi cùng nhóm các giảng viên của mình đến Abu Dhabi.

Trung sĩ Sid gõ cửa và ló đầu vào.

- Thiếu tướng hỏi các anh có muốn gặp anh ta không. Thiếu tá Martin đang đến đây.

Khi Martin bước vào, Laing ghi nhớ khuôn mặt, tóc và cặp mắt sạm đen vì nắng và liếc nhìn Paxman. Anh ta nhìn quanh. Bây giờ, liệu anh ta có thể làm được việc này không, và liệu anh ta có nói được tiếng Ả-rập giỏi như người ta truyền tụng không?

J.P. đến bắt tay Martin, húng hắng ho.

- Rất mừng thấy anh trở lại, Martin.

- Cám ơn ngài. Anh bắt tay đại tá Craig.

- Để tôi giới thiệu hai người này. DSF nói. Ông Laing và ông Paxman, đều từ Nhà Thề kỷ. Họ có một - e hèm - đề xuất có lẽ họ muốn nói với anh. Các ngài, hãy bắn đi. Hay cần nói riêng với thiếu tá Martin?

-Ồ không đâu, Laing vội nói. Giám đốc chúng tôi hy vọng nếu hôm nay có được kết quả gì, thì đó nhất định phải là một phi vụ hợp tác.

Một đôn đẹp mắt, J.P. nghĩ, nghĩ đến ngài Colin. Những kẻ này làm gì mà chẳng được.

Cả năm người ngồi xuống. Laing nói, giải thích về vấn đề chính trị: về việc mù mờ không biết liệu Saddam Hussein có rời khỏi Kuwait nhanh, chậm, hay không rời khỏi đó trừ khi bị đuổi khỏi đó. Nhưng phân tích chính trị cho rằng Iraq có thể trước hết sẽ tước hết những gì giá trị của Kuwait, rồi sẽ nhằng nhặng đòi hỏi nhượng bộ của Liên Hợp Quốc đơn giản là không muốn lùi bước. Chắc phải đợi hàng tháng.

Nước Anh cần biết điều gì sẽ diễn ra bên trong Kuwait - không phải tin đồn nhảm, cũng không phải những câu chuyện đầy rẫy trên báo chí, mà là những thông tin độc về những công dân Anh còn mắc lại đó, về các lực lượng chiếm đóng, và lực lượng nào đang thực sự được sử dụng, liệu kháng chiến Kuwait có thể hữu dụng trong việc hạ các đội quân tiên phong của Saddam Hussein hay không.

Martin gật đầu, nghe và hỏi vài câu hỏi lễ độ nhưng chủ yếu là ngồi im lặng. Hai sĩ quan cao cấp nhìn ra cửa sổ. Laing kết luận ngay sau mười hai giờ.

- Thế đấy, thiếu tá ạ. Tôi không mong chờ một câu trả lời ngay lập tức, ngay bây giờ, nhưng thời gian là cốt tử rồi đấy.

- Ông có phiền gì không nếu chúng tôi nói riêng vài câu với đồng nghiệp của mình? J.P. hỏi.

- Tất nhiên là không rồi. Xem kìa. Simon và tôi sẽ về cơ quan ngay. Các ông đã có số phòng chúng tôi rồi đấy. Có lẽ các ông sẽ cho tôi biết vào chiều nay chứ.

Trung sĩ Sid dẫn đường cho hai người mặc thường phục đi ra và theo họ xuống tận dưới đường, nơi anh ta thấy họ bắt một chiếc taxi. Rồi anh đi trở lên.

J.P. đi đến một tủ lạnh nhỏ lấy ra ba lon bia lạnh. Khi những cánh cửa đóng lại, cả ba người cụng ly.

- Xem nào, Mike. cậu biết đó là gì rồi đấy. Đó là cái họ muốn. Nếu cậu thấy nó ngớ ngẩn, chúng tôi sẽ giải quyết cho.

- Tất nhiên rồi, Craig nói. Trong trung đoàn cậu không có dấu đen nào để mà nói không cả. Đó là ý của họ, không phải của chúng tôi.

- Nhưng nếu cậu muốn đi với họ. J.P. nói, thì cứ đi, rồi ở lại với họ cho đến khi trở về. Chúng tôi cũng sẽ có liên quan, dĩ nhiên rồi. Họ không thể làm việc đó thiếu chúng tôi đâu. Nhưng cậu ở dưới quyền họ. Họ sẽ chịu trách nhiệm. Khi đã xong, cậu về với chúng tôi như là đi nghỉ vậy.

Martin biết rõ chuyện gì xảy ra. Anh đã nghe những người khác làm từng làm việc cho Nhà Thế kỷ. Bạn sẽ không tồn tại với Trung đoàn nữa cho đến khi bạn quay trở lại. Rồi tất cả họ sẽ nói: “Rất mừng gặp lại anh” và không bao giờ nêu ra hay hỏi bạn đã từng ở đâu.

- Tôi sẽ làm, anh nói.

Đại tá Craig đứng lên, ông phải quay về Hereford. Ông bắt tay anh.

- Chúc may mắn. Mike.

- Dù sao, thiếu tướng nói, anh cũng đi ăn trưa đi. Chỉ cần xuống phố thôi. Bên Thế kỷ lo rồi đó.

Ông đưa cho Martin một cặp giấy và chào tạm biệt anh.

Mike Martin đi xuống tầng. Bữa trưa của anh được chuẩn bị trong một nhà hàng nhỏ cách đây bốn trăm yard, và người tiếp anh là ông Wafic Al-Khouri.

Ngoài MI-5 và MI-6 cánh tay chủ chốt nữa của Tình báo Anh là Trụ sở Liên lạc Chính phủ, hay GCHQ: một tập hợp các toà nhà trong một khu được bảo vệ ở ngoài thành phố

Cheltenham ở Gloucestershire. GCHQ là bản sao của Cơ quan An ninh Quốc gia Mỹ, với nó cũng có hợp tác rất chặt chẽ - những người nghe trộm với ăng-ten chĩa trên gần như mọi đài phát thanh và cuộc trò chuyện điện thoại trên thế giới nếu họ muốn. Qua hợp tác của mình với GCHQ, NSA của Anh có một số điện thoại đặc biệt bên trong nước Anh, ngoài những địa điểm nghe khác của mình trên toàn thế giới, và GCHQ cũng có những trạm ở nước ngoài. nhất là một cái rất lớn ở Akrotiri đảo Syp thuộc chủ quyền Anh.

Trạm Akrotiri, gần hiện trường, quản lý hình ảnh Trung Đông, nhưng chuyển mọi thành phẩm của mình về Cheltenham để phân tích. Trong số các nhà phân tích có một số các chuyên gia mà, mặc dù sinh ra là người Ả-rập. lên được vị trí rất cao. Một trong số đó là ông Al-Khouri, người trước đây lâu đã được định cư ở Anh. được nhập quốc tịch. và lấy một người vợ Anh.

Nhà ngoại giao người Jordan tài năng trước kia giờ là một nhà phân tích cấp cao ở bộ phận Ả-rập của GCHQ nơi, ngay cả dù cho có nhiều người Anh học tiếng Ả-rập. Ông thường có thể đọc được một ý nghĩa ẩn sâu của một đoạn nói chuyện ghi âm được của một lãnh đạo trong thế giới Ả-rập. Đó là người mà. Theo yêu cầu của bên Thế kỷ, đang chờ Mike Martin ở nhà hàng.

Họ có một bữa trưa vui vẻ kéo dài tới hai giờ đồng hồ và nói chẳng gì khác ngoài tiếng Ả-rập. Khi họ chia tay, Martin đi và đi ngược về toà nhà SAS. Sẽ phải mất hàng giờ để thu thập thông tin trước khi anh sẵn sàng để đi Riyadh với một hộ chiếu anh biết Thế kỷ đã có sẵn, điền vào visa với một cái tên giả.

Trước khi anh rời tiệm ăn ông Al-Khouri gọi một số điện thoại từ máy điện thoại trên tường bởi một phòng.

- Không vấn đề gì đâu. Steve ạ. Anh ta hoàn hảo đấy. Tôi không nghĩ từng biết đến ai đó bảnh được như anh ta. Đó không phải là một người học nói tiếng Ả-rập. Anh cũng biết đấy, tốt hơn thế nhiều, theo đúng ý của anh nhé. Tiếng Ả-rập đường phố, mọi từ lóng, linh tinh... Không, giọng rất chuẩn... Phải. anh ta sẽ ổn thôi... dù rơi vào bất kỳ phố nào ở Trung Đông. Không, không, không hề, bạn ạ. Rất vui được phụ anh.

Ba mươi phút sau, Mike Martin đã quay về chiếc xe hơi thuê và trở về M4 ở Cheltenham. Trước khi anh vào đại bản doanh, anh gọi một cú điện thoại. đến một số ngay phố Gower. Người anh gọi cầm lấy máy, từ máy của mình ở văn phòng SOAS, nơi ông làm việc với giấy tờ trong một buổi chiều không có giờ giảng nào.

- Chào em. Anh đây.

Người lính không cần tự giới thiệu mình. Kể từ khi họ cùng vào trường dự bị ở Baghdad, anh đã thường xuyên gọi em mình là "bro". Có một đoạn ngắt ở đầu kia đường dây.

- Mike hả? Anh ở chỗ quái nào đấy?

- Ở London, trong một bốt điện thoại.

- Em nghĩ anh đang ở đâu đó vùng Vịnh kia.

- Đã về sáng nay. Có thể tối lại đi ngay.

- Xem nào, Mike, đừng đi. Đó là lỗi của em.... Nhẽ ra em phải kín miệng.

Người anh phá lên cười qua đường dây điện thoại. Anh đang tự hỏi tại sao bọn rận lại đột nhiên để ý đến anh. Chúng đã đưa em đi ăn trưa à?

- Phải, bọn em đã nói chuyện về một đề tài khác. Em chỉ buột mồm thôi, chớ thật. Xem nào, anh không việc gì phải đi đâu. Cứ nói với họ là em đã nhầm.

- Quá muộn rồi. Dù sao anh cũng đã nhận.

- Chúa ôi... Trong văn phòng mình, bao quanh bởi những tấm hình về Lương Hà thời Trung Cổ, người em gần như bật khóc.

- Mike, hãy tự chăm sóc nhé. Em sẽ cầu nguyện cho anh.

Mike nghĩ một chốc. Phải, Terry luôn có tình cảm tôn giáo. Cũng có thể lắm chứ.

- Em cũng thế nhé, nhóc. Hẹn gặp lại khi nào anh về.

Anh bỏ máy. Còn lại một mình trong văn phòng, nhà học giả tóc nâu gục đầu vào tay.

Khi chuyến bay lúc 8 giờ 45 tối của British Airways đi Ả-rập Xê-ut cất cánh khỏi Heathrow đêm đó, đúng giờ, Mike Martin có ở trên với cái hộ chiếu đã được đóng dấu thị thực nhập cảnh với một cái tên khác. Anh có thể gặp được chỉ huy trạm của Thế kỷ ở Đại sứ quán ở Riyadh trước khi bình minh.

4. Chương 4

Don Walker nhấn nhẹ xuống bàn phanh và chiếc Corvette Stingray đời 63 dừng lại một chốc ở lối vào chính của căn cứ không quân Seymour Johnson để cho một số người đi bộ đi qua trước khi lao lên đường cao tốc.

Trời nóng. Mặt trời tháng Tám chiếu thẳng xuống thành phố nhỏ Goldsboro của bang Carolina Bắc khiến những đám bụi trông giống như nước đang chuyển động. Thật hay khi được phóng lên cao để cảm nhận

gió, mặc dù gió nóng, chạy qua mái tóc ngắn màu vàng hoe của anh. Anh lái chiếc xe thể thao cổ điển đã lau chùi thật kỹ càng để đi lên đường cao tốc số 70, rồi lên cao tốc 13 theo hướng đông bắc.

Don Walker, vào mùa hè nóng bức năm 1990. Ở vào tuổi hai mươi chín, độc thân, một phi công, và vừa được biết mình sắp đi vào cuộc chiến tranh. Tốt thôi, có lẽ vậy. Có lẽ như là nó tùy thuộc vào một gã Arập nóng tính thì phải.

Cùng buổi sáng đó vị chỉ huy bay, đại tá (sau này là tướng) Hal Hornburg, đã thông báo: Trong ba ngày nữa, vào 9 tháng Tám, đội bay của ông, những chiếc phóng rocket số 336 của Không lực số chín của Chỉ huy không quân tác chiến sẽ bay trên vịnh Arập. Các mệnh lệnh đã được đưa xuống từ chỉ huy TAC ở căn cứ không quân Langley, Hampton, Virginia. Thế là bắt đầu rồi đây. Sự bồn chồn giữa các phi công đang lên cao. Những năm tập luyện đó sẽ có ý nghĩa gì nếu bạn không bao giờ được bắn?

Với ba ngày trước mặt đó là một đồng ngổn ngang công việc cần phải giải quyết, và với anh với tư cách là sĩ quan phụ trách vũ khí của đội bay, còn hơn tất cả những người khác. Nhưng anh đã xin nghỉ hai mươi tư giờ để đi và nói lời tạm biệt với người thân, và thiếu tá Steve Turner, chỉ huy về vũ khí. Đã nói với anh xem liệu có chi tiết nào bị bỏ quên cho ngày 9 tháng Tám không khi những con đại bàng F-15E lặn bánh. Rồi ông chun mũi hỏi Walker anh có thể quay về trước khi mặt trời lặn không.

Walker phóng như bay trên đồi Tuyết và Greenville vào lúc chín giờ sáng, đi về dãy đảo phía đông Pamlico Sound. Anh thấy thật may mắn vì bố mẹ mình còn chưa về Tulsa, hoặc là anh không phải làm thế. Đang là tháng Tám, họ đang đi nghỉ ở ngôi nhà ven biển của gia đình gần Hatteras, cách căn cứ năm giờ lái xe.

Don Walker là một phi công khéo léo, và anh sung sướng vì điều này. Hai mươi chín tuổi và được làm việc gì mình thích nhất và làm việc đó cực kỳ tốt là một cảm giác thật hạnh phúc. Anh thích căn cứ, anh thích các chàng trai ở đây và anh yêu thích sự găm rú và sức mạnh của con đại bàng chiến đấu F-15E McDonnell Douglas anh lái. Anh nghĩ nó là chiếc tốt nhất trong của Không lực Mỹ, và đó là cái quái quỷ mà bọn người trên những chiếc Falcon chiến đấu đến- Chỉ chiếc Hornet F-18 của Thủy quân có thể sánh được với nó, hoặc đó là điều họ nói, nhưng anh chưa từng bao giờ lái chiếc Hornet. Và anh thấy con Đại bàng đã là rất tốt cho mình rồi.

Tại Bethel anh rẽ về phía đông đến Columbia và Whalebone, nơi mà đường cao tốc quay vào dãy đảo; với Kitty Hawk ở sau anh về bên trái, anh rẽ về phía nam hướng về Hatteras, nơi con đường cuối cùng cũng tách ra và biển ở cả hai bên. Anh đã có những kỳ nghỉ rất tốt ở Hatteras khi còn là một cậu bé, đi ra biển vào buổi tinh mơ với ông ngoại để câu cá, cho đến khi ông già ốm đến nỗi không thể đi được nữa. Giờ đây cha anh sẽ về hưu từ công ty dầu lửa ở Tulsa: ông và mẹ sẽ có nhiều thời gian sống ở ngôi nhà ven bờ biển hơn và anh có thể đi đến đó thường xuyên hơn. Anh còn đủ trẻ để mà nghĩ rằng anh không thể quay lại từ vùng Vịnh, nếu có chiến tranh, có thể vụt qua óc anh.

Walker tốt nghiệp trường trung học ở Tulsa vào tuổi mười tám với chỉ một khao khát cháy bỏng duy nhất - anh muốn bay. Cho đến bây giờ như anh còn nhớ được, anh đã từng luôn muốn bay. Anh bỏ ra bốn năm ở bang Oklahoma, chuyên sâu vào ngành cơ khí hàng không, và anh tốt nghiệp tháng Sáu năm 1983. Thời gian đó anh làm cho ROTC, và mùa thu năm đó anh được đưa vào không quân.

Anh được huấn luyện phi công ở William AFB, gần Phoenix, ba chiếc T-33 và T-38, và sau mười một tháng, trong cuộc diễu hành máy bay, anh vượt qua như một người tốt nghiệp xuất sắc, xếp thứ tư trong tổng số bốn mươi học viên. Với niềm vui tột cùng của anh, năm người dẫn đầu được gửi đến trường đào tạo lái máy bay chiến đấu ở Holloman AFB, gần Alamogordo, New Mexico. Các học viên còn lại, anh nghĩ với sự cao ngạo khùng khiếp của một người đàn ông trẻ được lái những chiếc máy bay chiến đấu, có thể được gửi để trở thành các phi công thả bom hay do thám.

Ở đơn vị huấn luyện luân phiên tại Homestead, Florida. cuối cùng anh cũng rời chiếc T-38 và chuyển sang chiếc Phantom F-4, một chiếc máy bay to lớn thô kệch, mạnh mẽ, nhưng dù sao cũng là một chiếc máy bay chiến đấu thực sự. Chín tháng ở Homestead kết thúc với lần bay đầu tiên trong đội, đến Osan Ở Hàn Quốc, lái chiếc Phantoms trong một năm. Anh cảm thấy tốt và hiểu biết về nó. Sau Osan, họ gửi anh đến Trường vũ khí máy bay chiến đấu ở McConnell AFB ở Wichita, Kansas. Máy bay chiến đấu có vũ khí rõ ràng là cuộc đua khắc nghiệt nhất ở USAF. Nó chỉ dành cho những người bay thiện chiến, khôn ngoan trong công việc. Công nghệ của các vũ khí mới thật ngoài sức tưởng tượng. Các học viên tốt nghiệp của McDonnell

phải hiểu mọi kỹ thuật, mọi con chip bán dẫn và siêu mạch của ma trận rối mù của bảng điều khiển mà một chiếc phi cơ chiến đấu hiện đại phải nằm lòng. Walker lại nổi lên như một học viên tốt nghiệp xuất sắc, điều đồng nghĩa với việc mọi đội máy bay chiến đấu của Không quân đều rất sung sướng có được anh.

Đội 336 ở Goldsboro có anh vào mùa hè năm 1987, bay Phantoms trong-một năm, tiếp theo là bốn tháng ở Luke AFB ở Phoenix, rồi chuyển sang chiếc Strike Eagle cùng những chiếc Rocketeers đi kèm. Anh đã lái chiếc Đại bàng trong hơn một năm khi Saddam Hussein tấn công Kuwait.

Chiếc Stingray rẽ ngay trước giữa đường vào dãy đảo: vài dặm lên phía bắc là công trình ở Kitty Hawk nơi Orville và Wilbur Wright đã phóng lên trời trong vài yard để chứng tỏ rằng con người thực sự có thể bay trong một chiếc máy bay có năng lượng. Nếu họ biết được rằng. . .

Qua Nag's Head anh đi theo nhóm người đi bộ và những người xe bò cho đến khi cuối cùng họ rẽ và con đường vắng tanh đi qua Cape Hatteras lên đến đỉnh của đảo. Anh lái chiếc Stingray vào lối vào của căn nhà khung bằng gỗ của bố mẹ mình. Anh thấy họ đang đứng ở cổng nhà nhìn ra mặt biển xanh thẳm im lìm.

Ray Walker nhìn thấy con trai trước và bật ra một tiếng reo vui mừng. Maybelle đi ra khỏi bếp, nơi bà đang chuẩn bị bữa trưa, và lao đến ôm lấy anh. Ông anh đang ngồi trên ghế đung đưa, nhìn ra biển. Don lại gần và nói:

- Cháu chào ông. Cháu, Don đây.

Ông già ngược mắt lên, gật gù và mỉm cười: rồi ông lại quay nhìn ra biển.

- Ông không được khoẻ, Ray nói. Đôi lúc ông nhận ra con, đôi lúc không. Thôi ngồi xuống và kể cho bố mẹ tin tức đi nào. Này, Maybelle, thế không có bia cho những kẻ chết khát này sao?

Trong khi uống bia, Don nói cho bố mẹ anh sẽ đi vùng Vịnh trong năm ngày nữa. Bàn tay của Mavbelle đưa lên che miệng; bố anh có vẻ trang trọng.

- Bố cứ nghĩ làm thế làm gì, tập luyện và đủ thứ khác, ông nói chậm rãi.

Don xoay xoay cốc bia và tự hỏi không phải lần đầu tiên tại sao bố mẹ cứ luôn phải lo lắng quá như thế, ông anh nhìn anh chăm chăm, một vẻ nhận biết hiện ra trong đôi mắt mỗi một của ông.

- Don sẽ đi ra chiến tranh, ông ạ. Ray Walker kêu lên với ông Đồi mắt ông già lại ánh lên sự sống.

Cả sự nghiệp mình ông đã là một thủy quân, cùng với đội đi thẳng khỏi trường, rất nhiều năm trước đây. Năm 1941 ông đã hôn tạm biệt vợ và để cô lại cho người nhà ở Tulsa, cùng với Maybelle đưa con mới sinh của họ, để đi Thái Bình Dương. Ông đã ở cùng với MacArthur ở Corregidor và nghe ông nói: "Tôi sẽ trở về, và ông đã ở cách vị tướng có hai mươi yard khi MacArthur ngoẻo.

Tại đó ông đã chiến đấu đến chục trận ở Marianas và sống sót khỏi địa ngục Iwo Jima, ông chịu mười bảy vết sẹo trên người. tất cả đều do đánh nhau, và được tặng nhiều huân chương, một Sao Bạc, hai Sao Đồng và bảy Trái tim Tyar trên ngực.

Ông luôn từ chối thoả hiệp, hạnh phúc được là một trung sĩ dẫn đường, mà ông biết được tầm quan trọng thực sự, ông đã ra khơi ở Inchon, Triều Tiên. Và khi cuối cùng họ gửi ông để kết thúc những ngày trong quân đội như là một giảng viên ở quần đảo Parris, bộ quân phục của ông mang nhiều danh hiệu hơn bất kỳ bộ quần áo nào khác trên căn cứ. Khi cuối cùng họ cho ông về hưu sau hai lần trì hoãn, bốn ông tướng đã đến dự cuộc diễu hành cuối cùng của ông, hơn hẳn thông lệ dành cho một ông tướng khác.

Ông già quay nhìn đứa cháu. Don nhồm từ bàn lên để nghe. Hãy theo dõi bọn Nhật, cậu bé. Ông già thì thâm- không thì chúng tóm được cháu đấy.

Don vòng tay ôm ông già to lớn, vai rung rung.

- Đừng lo ông ạ. Chúng không còn ở gần chúng ta nữa đâu.

Ông già gật đầu và tỏ ra hài lòng. Ông đã tám mươi tuổi.

Cuối cùng, đó không phải là người Nhật hay người Triều Tiên đã tóm được vị trung sĩ bất tử. Đó là ông già Alzheimer. Những ngày này ông trải qua phần lớn thời gian trong một giấc mơ êm ái, với con gái và con rể để nhìn lại phía sau mình không còn nơi nào khác để đi cả.

Sau bữa trưa, bố mẹ Don nói anh về chuyến đi của họ ở vịnh Arập, từ đó họ đã trở về bốn ngày trước đây. Maybelle đi đến và chỉ những bức ảnh của bà, những cái vữa lấy về từ chỗ người rửa ảnh.

Don ngồi cạnh mẹ khi bà giở tập ảnh, chỉ những cung điện và nhà thờ hồi giáo, những mặt biển và chợ của những tiểu vương và các sheikdom bà và Ray đã đến thăm.

- Bây giờ con phải cẩn thận khi đến đây nhé. Bà nhắc nhở con trai. - Có những kẻ mà con sẽ phải chống lại. Những kẻ nguy hiểm, chỉ cần nhìn vào mắt chúng cũng biết vậy.

Don Walker nhìn vào bức ảnh trong tay bà mẹ. Người đàn ông Bedouin đứng giữa hai đụn cát với sa mạc sau lưng mình, một chiếc khăn quấn quanh mặt. Chỉ có đôi mắt đen nhìn chăm chăm đầy vẻ nghi kỵ vào máy ảnh.

- Con sẽ ổn thôi và sẽ tìm ra hấn ta, anh hứa với bà. Bà hài lòng vì điều đó.

Đến năm giờ anh quyết định về căn cứ. Bố mẹ anh đi theo anh đến trước nhà nơi xe của anh đang đỗ. Maybelle ôm con trai và nhắc lại là anh phải cẩn thận, và Ray ôm hôn anh và nói họ tự hào về anh. Don bước lên xe và quay xe ra đường. Anh quay lại nhìn.

Từ ngôi nhà ông ngoại anh, chống trên hai chiếc gậy, đứng lên trên hiên nhà. Chầm chậm ông để hai chiếc gậy sang một bên và đứng thẳng lên, cổ đờ nén cơn cảm cúm ra khỏi lưng và vai mình cho đến khi nó thẳng lên được- Rồi ông giơ tay lên, hạ xuống, đến đỉnh của cái chày đánh bóng và giữ nguyên đó, và người chiến binh già chào đứa cháu ngoại đang lên đường đến một cuộc chiến tranh khác.

Don, từ xe của mình, giơ tay lên đáp lại. Rồi anh nhấn ga và tăng tốc đi. Anh sẽ không bao giờ gặp lại ông ngoại. Ông già chết trong khi ngủ vào cuối tháng Mười.

Ở London trời đã tối. Terry Martin đã làm việc khuya, mặc dù sinh viên sắp tốt nghiệp đã đi cho một kỳ nghỉ hè dài. Anh vẫn có những bài giảng phải chuẩn bị, và vì những khoá học trong hè đặc biệt mà trường vẫn tổ chức lâu nay, anh khá là bận bịu ngay cả trong những tháng hè. Nhưng tối nay anh tự bắt mình tìm việc khác để làm: để tâm trí không cảm thấy quá lo lắng như thế.

Anh biết nơi anh trai mình đi đến, và trong cơn mất tinh thần của mình anh tưởng tượng những cực hình khi cố xâm nhập vào Kuwait đang bị Iraq chiếm giữ.

Mười giờ, trong khi Don Walker đã bắt đầu lái xe đi về phía Bắc từ Hatteras. Terry rời trường, chuẩn bị một đêm tuyệt diệu cho con chó già mà anh chăm sóc, và đi xuống phố Gower và đường St.Martin để đến quảng trường Trafalgar. Có thể, anh nghĩ, những ánh sáng rõ có thể làm anh hồi lại. Đó là một buổi tối ấm áp và dễ chịu.

Ở St Martin-in-the-Rields, anh nhận ra các cánh cửa được mở và từ phía nam âm thanh của những bài ca vọng ra từ bên trong. Anh đi vào đó, thấy một mục sư gần bục giảng đạo, và nghe dàn đồng ca hát. Nhưng những giọng ca trong sáng của dàn đồng ca chỉ làm anh thêm chìm sâu hơn vào sự khủng hoảng tinh thần. Anh nghĩ đến thời thơ ấu mà anh và Mike đã chia sẻ ba mươi năm trước ở Baghdad.

Nigel và Susan Martin sống trong một ngôi nhà đẹp, rộng rãi hai tầng ở Saadun, cái quận sang trọng ở một nửa thành phố gọi là Risafa. Ký ức xa nhất của Terry, khi anh còn hai tuổi, là người anh tóc đen đang mặc quần áo cho ngày đầu tiên đến nhà trẻ của cô Saywell. Nghĩa là áo phông và quần cộc, đi giày và tất, đồng phục của một chú bé Anh. Mike đã hét lên chống cự khi bị cởi tuột chiếc dish-dash quen thuộc của mình, một chiếc áo dài bằng vải cotton màu trắng cho cậu được tự do cử động và làm cho cơ thể được mát mẻ.

Cuộc sống đã rất dễ dàng và dễ chịu cho cộng đồng người Anh ở Baghdad trong những năm 1950. Có hội hè ở câu lạc bộ Mansour và Alwiya, với bể bơi, sân tennis, và sân chơi squash, nơi các nhân viên của Công ty dầu mỏ Iraq và Đại sứ quán có thể gặp nhau để chơi, bơi, hay uống đồ lạnh ở quầy bar.

Anh nhớ đến Fatima, dada hay vú nuôi của họ, một cô gái dễ chịu đến từ một ngôi làng mà lương trả khá hậu khiến cô có thể cưới một anh chàng trẻ tuổi khá giàu có khi trở về với bộ lạc của mình. Anh thường

chơi trên sân với Fatima cho đến khi họ đến để đưa Mike về từ trường của cô Saywell.

Trước khi hai đứa lên ba, chúng đã là những đứa trẻ nói tất cả tiếng Anh lẫn tiếng Ả-rập. Học tiếng Ả-rập từ Fatima, người làm vườn hay người đầu bếp. Mike học ngôn ngữ đặc biệt nhanh, và vì cha hai đứa trẻ là một người ngưỡng mộ sâu sắc văn hoá Ả-rập. Ngôi nhà thường xuyên đầy bạn bè người Iraq.

Những người Ả-rập có vẻ yêu quý những đứa trẻ nhỏ, tỏ ra rất kiên nhẫn với chúng hơn là người châu Âu, và khi Mike có thể đi chơi trên sân với mái tóc đen và đôi mắt cũng đen, chạy tự do trong chiếc dish-dash màu trắng của mình và trò chuyện bằng tiếng Ả-rập, những người bạn Iraq của bố cậu cười phá lên vì vui thích và kêu lên:

- Này Nigel, trông nó cứ như là người của chúng tôi ấy!

Có những chuyến đi chơi vào cuối tuần để xem Harithiya Hunt hoàng gia, một kiểu săn cáo của Anh được du nhập vào Trung Đông, với những chuyến săn chó núi với sự chỉ huy của kiến trúc sư thành phố Philip Hirst. Và có những chuyến dã ngoại tuyệt vời theo sông đến đảo Lợn, nằm ở giữa dòng Tigris nước lững lờ chia thành phố làm hai phần.

Sau hai năm Terry cũng theo anh Mike đến nhà trẻ của cô Saywell, nhưng vì cậu ốm yếu quá nên phải đi đến trường dự bị do ông Hartley làm hiệu trưởng, cùng lúc đó.

Cậu sáu tuổi và anh trai lên tám khi họ lần đầu tiên đến Tasisiya, nơi có một số đứa trẻ người Anh nhưng cũng có một số đứa bé người Iraq của những gia đình tầng lớp trên. Hồi đó, có một vụ đảo chính ở Iraq. Ông vua trẻ con và Nuri nhiếp chính đã bị lật đổ và tướng Kassem của Đảng cộng sản mới giành được quyền lực tuyệt đối. Mặc dù hai đứa trẻ người Anh không hề nhận thức được tất cả những chuyện đó, bố mẹ chúng và cộng đồng người Anh trở nên lo lắng. Dung dưỡng đảng Cộng sản Iraq. Kassem đã thực thi một chính sách hà khắc chống lại các thành viên đảng Ba'ath dân tộc chủ nghĩa, đảng đến lượt mình lại tìm cách ám sát ông tướng đó. Một trong số người trong nhóm đã thất bại trong việc bắn súng máy vào một tay súng có tên Saddam Hussein.

Ngày đầu tiên ở trường Terry đã thấy mình bị một nhóm nhóc con người Iraq trêu chọc.

- Nó là một thằng lai. Một đứa nói. Terry bắt đầu khóc.

- Tao không phải lai, cậu sứt sứt.

- Đúng là thế đấy, đứa trẻ cao nhất nói. Mày béo và trắng với mái tóc mới dẹt hợn chứ. Mày trông như thằng lai. Lai, lai, lai.

Rồi cả bọn đứng đồng thanh. Mike xuất hiện từ sau cậu.

Tất nhiên, chúng đều nói tiếng Ả-rập cả.

- Đừng có gọi em tao là lai, nó đe dọa.

- Em của mày à? Nó trông không giống mày. Nhưng dù sao nó cũng giống một thằng lai.

Sự sử dụng nắm đấm không phải là một phần của văn hoá Ả-rập. Trên thực tế, nó có liên quan đến phần lớn các nền văn hoá, chỉ trừ một số ở Viễn Đông. Ngay ở miền nam Sahara nắm đấm cũng không phải là một vũ khí truyền thống. Những người da đen từ châu Phi và con cháu mình đã được dạy cất nắm đấm đi và chìa khuỷu tay ra. Đúng ra nắm đấm là truyền thống của người Địa Trung Hải và nhất là người Anglo-Saxon.

Nắm đấm tay phải của Mike Martin đã tung vào hàm của đứa cầm đầu trêu chọc Terry và hạ nó ngay. Đứa trẻ không bị đau bằng bị bắt nạt. Nhưng không đứa nào gọi Terry là lai nữa.

Thật đáng ngạc nhiên. Mike và đứa trẻ Iraq đó sau này lại trở thành bạn. Qua những năm học trường dự bị, chúng trở nên không thể tách rời. Đứa trẻ cao tên là Hassan Rahmani. Đứa thứ ba trong đảng của Mike là Abdelkarim Badri. Người có đứa em là Osman, cùng tuổi với Terry. Thế là Terry và Osman cũng trở thành bạn, điều rất hữu dụng bởi vì ông bố Badri là một bác sĩ và nhà Martin rất vui mừng có được ông như là bác sĩ gia đình. Chính ông đã giúp Mike và Terry Martin qua những chứng bệnh sỏi đầu quai bị của trẻ em.

Abdelkarim, cậu bé Badri lớn, Terry nhớ lại: rất say mê thơ ca, đầu của cậu luôn chìm sâu trong những cuốn sách của các nhà thơ Anh. và cậu đã giành nhiều giải thưởng về đọc thơ ngay cả khi cậu lớn lên cùng

với những đứa trẻ người Anh thực sự. Osman, đứa bé hơn, rất giỏi toán và nói nó muốn trở thành kỹ sư hay kiến trúc sư một ngày nào đó và xây dựng những thứ đẹp đẽ Terry đang ngồi trong nhà thờ vào buổi tối ấm áp năm 1990 và nghĩ không biết điều gì đã xảy ra với tất cả những đứa trẻ đó.

Trong khi học tập ở Tasisiya, nhiều điều xung quanh chúng ở Iraq đã thay đổi. Bốn năm sau khi nắm quyền sau khi giết đức vua, chính Kassem cũng bị lật đổ và bị giết thảm bởi một quân đội lo ngại vì ông quá thân thiện với Cộng sản. Tiếp theo là mười một tháng cầm quyền chia sẻ giữa quân đội và đảng Ba'ath, trong thời gian đó những người đảng Ba'ath đã trả thù đẫm máu những kẻ đi trước mình: những người Cộng sản. Rồi quân đội gạt đảng Ba'ath ra. đẩy những thành viên của nó một lần nữa đến con đường lưu vong, và một mình cai trị cho đến năm 1968.

Nhưng vào năm 1966, ở tuổi mười ba, Mike đã được gửi đến để hoàn thiện học tập ở một trường công của Anh tên là Haileybury. Terry cũng tiếp chân vào năm 1968. Cuối tháng Sáu mùa hè đó, bố mẹ cậu đưa cậu sang Anh để có thể cùng tận hưởng kỳ nghỉ trước khi Teny đến gặp Mike ở trường. Do đó họ đã may mắn tránh được hai cuộc đảo chính, vào 14 và 30 tháng Bảy. đã lật đổ quân đội và đưa đảng Ba'ath lên cầm quyền dưới sự lãnh đạo của tổng thống Bakr, với một phó tổng thống tên là Saddam Hussein.

Nigel Martin đã ngờ điều gì đó sắp xảy đến và đã lên kế hoạch cho mình. ông rời IPC chuyển sang làm một công ty dầu lửa đặt trụ sở ở Anh tên là Burmah Oil, và sau khi đã giải quyết công việc gia đình ở Baghdad, ông đưa gia đình đến Hertford, nơi ông có thể giao tiếp hàng ngày với London và công việc mới của mình.

Nigel Martin trở thành một tay golf cừ khôi, và vào các cuối tuần các con của ông thường được làm nhật hóng trong khi ông chơi với một giám đốc từ Burmah Oil sang một ông Denis Thatcher nào đó, với bà vợ khá quan tâm đến chính trị. Terry yêu Haileybury, ngôi trường được đặt dưới sự điều hành của ông hiệu trưởng William Stewart; cả hai đứa trẻ ở nhà Melvill, mà chủ nhà là Richard Rhodes-James. Như được báo trước, Terry sẽ quay sang thành nhà học giả còn Mike trở thành vận động viên. Khi sắp phải đến trường đại học. Mike thông báo rằng anh muốn lập nghiệp trong quân đội. Đó là một quyết định mà ông Rhodes-James rất sung sướng. Nếu thái độ bảo vệ của Mike với người em thấp bé và béo ị của mình đã bắt đầu ở trường của ông Hartley ở Baghdad, thì nó lại càng được khẳng định ở Haileybury, và anh rất được người em ngưỡng mộ.

Terry Martin rời nhà thờ đã tối om khi dàn đồng ca ngừng hát, đi bộ qua quảng trường Trafalgar, và bắt một chiếc xe bus đi Bayswater, nơi anh và Hilary cùng sống trong một căn hộ. Khi anh đi ngang qua công viên Lane, anh nghĩ lại đến những năm học ở trường cùng với Mike. Và giờ đây, anh đã gây ra việc anh trai mình phải bị gửi đến Kuwait bị chiếm đóng. Anh cảm thấy như phát khóc vì lo lắng và bồn chồn.

Anh xuống xe bus và đi xuống Chepstow Gardens. Hilary, đi công tác ba ngày nay, có lẽ đã trở về. Anh hy vọng thế, anh cần được an ủi. Khi anh đi vào, anh lên tiếng gọi và vui mừng nghe tiếng trả lời từ phòng ngủ.

Anh bước vào phòng và gạt khỏi đầu điều ngu ngốc đã làm. Rồi anh ủ ấm mình, ôm chầm cô gái môi giới chứng khoán dễ thương. trùi mền mà anh chia sẻ cuộc đời.

Mike Martin đã trải qua hai ngày với chỉ huy đội ở Riyadh, một trạm giờ đây đã được bổ sung thêm hai người từ Nhà Thế kỷ. Trạm Riyadh thường hoạt động bên ngoài Đại sứ quán, và từ khi Ả-rập Xê-út được xem như là đất nước thân thiện nhất với những lợi ích của Anh, nó không bao giờ được coi là một vị trí “nặng nhọc”, nên không bao giờ phải yêu cầu một số lượng nhân viên lớn và những thiết bị phức tạp. Nhưng cuộc khủng hoảng mười ngày trước ở vùng Vịnh đã thay đổi nhiều thứ.

Liên minh mới được thành lập giữa phương Tây và các quốc gia Ả-rập đối lập gay gắt với sự chiếm đóng kéo dài của Iraq tại Kuwait đã co hai đồng chỉ huy chính. tướng Norman Schwarzkopf của Mỹ và hoàng thân Khaled bin Sultan bin Abdulaziz, một người lính chuyên nghiệp 44 tuổi, được huấn luyện tại Mỹ và ở Sandhurst, Anh, một người cháu của đức vua. và là con của hoàng thân Sultan bộ trưởng Quốc phòng.

Hoàng thân Khaled, đáp lại yêu cầu của nước Anh, vẫn tỏ ra dễ mến như thường lệ, và với tốc độ đáng kể một vi-la riêng biệt đã được mua ở ngoại ô của thành phố để cho Đại sứ quán Anh thuê.

Các chuyên viên kỹ thuật từ London đã sang để lắp đặt các máy nhận và chuyển với những máy giải mã không thể hiểu cho sự sử dụng khẩn cấp, và địa điểm sẽ trở thành đại bản doanh của Cơ quan tình báo Anh.

Một vài nơi quanh thành phố, người Mỹ cũng đã làm điều tương tự cho CIA, tỏ chức rõ ràng có rất nhiều người ở đây. Các lực lượng vũ trang Mỹ vẫn chưa vào cuộc.

Mike Martin ở lại trong ngôi nhà tư của chỉ huy trạm. Julian Gray. Hai người đã đồng ý sẽ chẳng hay ho gì nếu Martin bị bắt kỳ ai ở Đại sứ quán nhìn thấy. Bà Gray duyên dáng, một người phụ nữ có sự nghiệp, là chủ nhà của anh và không bao nhờ nghĩ đến chuyện hỏi anh là ai hay anh làm gì ở Ảrập Xêút. Martin không nói tiếng Ảrập với các nhân viên người Xêút, chỉ nhận cả phê họ mang đến với một nụ cười và một lời cảm ơn bằng tiếng Anh.

Vào tối ngày thứ hai, Gray đưa cho Martin bản tin mới nhất. Họ thử nhìn nhận mọi việc có thể, ít nhất là từ Riyadh.

- Anh sẽ bay đến Dhahran vào sáng mai. Chuyến bay dân sự của Xêút. Họ đã ngừng bay thẳng đến Khafji, sẽ có người đón anh. Công ty đã thiết lập một người dẫn đường ở Khafji ; anh ta sẽ gặp anh và đưa anh lên phía bắc. Sparky Low - anh có biết anh ta không?

- Tôi biết anh ta. Martin nói.

Anh ta có tất cả những gì mà anh nói anh cần. Và anh ta đã tìm thấy một phi công trẻ người Kuwait anh có lẽ sẽ thích nói. Anh ta đã chuyển cho chúng ta mọi bức ảnh mới nhất của các vệ tinh Mỹ chỉ ra khu vực biên giới và những trung tâm chính của quân đội Iraq để mà tránh, cộng với tất cả những gì khác mà chúng ta có. Còn bây giờ, cuối cùng, những bức ảnh đó vừa mới được đưa đến từ London.

Ông trái rộng một tấm, những bức ảnh khổ lớn trên bàn.

Saddam có vẻ vẫn chưa chỉ định một thống soái người Iraq. Ông ta vẫn còn cố duy trì một loại hành chính của người Kuwait và chẳng đi đến đâu cả. Ngay cả nếu sự chống trả của người Kuwait không làm được gì.

Nhưng có vẻ như đã có sự có mặt của một vụ ở đó rồi. Người này ở đó có vẻ là chỉ huy AMAM địa phương. tên là đại tá Sabaawi, khá là giẻ rách, ông chủ của hãn ở Baghdad: người có thể đến thăm, là chỉ huy Amn-al Amn. Omar Khatib. Đây này.

Martin nhìn chăm chăm vào khuôn mặt trong bức ảnh: nhẵn lỳ, trơ ra, một sự pha trộn giữa bạo tàn và thô kệch kiểu nông dân trong mắt và cái miệng.

Danh tiếng của hãn là khá đẫm máu đấy. Cũng thế với tên phụ tá của hãn ở Kuwait. Sabaawi. Khatib khoảng 45 tuổi: đến từ Tikrit, một kẻ trong bộ lạc của chính Saddam và là phụ tá đặc lực từ lâu rồi Chúng ta không biết nhiều về Sabaawi. nhưng hãn ta sẽ cho thấy sớm thôi.

Gray chìa ra một bức ảnh khác.

Ngoài AMAM. Baghdad còn gửi đến một đội từ Phán gián của Mukhabarat, có khả năng là để đối đầu với những người nước ngoài và bất kỳ ý định do thám hay phá hoại nào được chỉ huy từ bên ngoài sự chinh phục mới của họ. Ông chủ CI là người này này - có danh tiếng khôn ngoan và không mắc lừa ai bao giờ. Hãn có thể là người cần rất cần thận dẫu.

Đó là ngày 8 tháng Tám. Một Galaxy C-5 khác đang vượt qua trên đầu để hạ xuống sân bay quân sự, một phần của bộ máy hậu cần Mỹ khổng lồ đã bắt đầu khởi động và phun ra những thiết bị không ngừng cho một vương quốc Hồi giáo nóng nảy, không hiểu nổi, và hết sức truyền thống.

Mike Martin nhìn xuống và chăm chăm nhìn vào khuôn mặt của Hassan Rahmani.

Lại là tiếng Steve Laing trong máy điện thoại.

- Tôi không muốn nói chuyện, Terry Martin nói.

- Tôi nghĩ chúng ta nên nói chuyện. tiến sĩ Martin. Xem nào, ông lo lắng cho anh trai mình, phải không?

- Rất nhiều.

- Không cần phải thế đâu, ông cũng biết mà. Anh ấy có tính cách rất mạnh mẽ, rất đủ khả năng tự lo lắng cho mình. Anh ấy muốn đi, chẳng có vấn đề gì về chuyện đó cả. Chúng tôi đã cho anh ta quyền tuyệt đối để lựa chọn.

- Tôi nhẽ ra nên im miệng thì hơn.

- Hãy cố nhìn sự việc khác đi nào, tiến sĩ. Nếu điều tồi tệ hơn xảy ra, chúng tôi có thể phải gửi đi nhiều những người anh trai khác, những người chồng, con trai, những người chú, người yêu khác đến vùng Vịnh. Nếu có một cách nào khác mà chúng tôi có thể làm để hạn chế thiệt hại thương vong, liệu chúng tôi có nên không thử không?”

- Thôi được rồi. ông muốn gì?

- Ồ một bữa trưa khác, tôi nghĩ vậy. Như thế dễ dàng để nói chuyện hơn. Ông có biết khách sạn Montcalm không? Một giờ nhé.

- Ngoài bộ óc ra, ông ta như thể là một cái bật lửa nhỏ đầy xúc cảm ấy, Laing nhận xét với Simon Paxman vào sáng sớm hôm đó.

Một ông lớn tốt tính. Paxman nói, như là một nhà khoa học người vừa mới nói về những giống loài mới được phát hiện dưới tầng đá vậy.

Một làn bụi mềm và nóng của Carolina đang bay về căn cứ quân sự Seymour Johnson vào cuối buổi chiều 10 tháng Tám. Những người của Đội máy bay chiến đấu chiến thuật số 334 vẫn chưa vào chiến dịch trên những chiếc F-15E, và những người TFS số 335, những chỉ huy, những người có thể bay đến vùng Vịnh trong tháng Chạp, đang quan sát. Với đội 336, họ vào Đội máy bay chiến đấu chiến thuật số Bốn của Không lực thứ chín. Đội 336 đang di chuyển. Hai ngày bận rộn cuối cùng đã kết thúc; hai ngày chuẩn bị máy bay, hoạch định con đường, quyết định trên căn số, và dõ vào những sổ nhật trình bí mật và máy tính của đội - với tất cả những chiến thuật chiến đấu bị khoá lại trong ngân hàng dữ liệu - đến những container để được bên vận tải mang đi. Di chuyển một đội máy bay không giống với di chuyển một ngôi nhà, dù một ngôi nhà đã là nặng nề lắm rồi. Nó giống như là di chuyển một thành phố nhỏ.

Bên ngoài làn khói 24 con Đại bàng chiến đấu F-15E đang bay trong im lặng, những con quái vật đáng sợ đang đợi cho những sinh thể nhỏ bé như nhện cùng giống loài đã thiết kế và xây dựng lên chúng để leo ra ngoài với những đầu ngón tay với sức mạnh kinh người.

Họ đang chuẩn bị cho chuyến bay dài qua suốt cả thế giới để đến bản đảo Arập chỉ trong một lần cất cánh. Trọng lượng xăng riêng thôi - mười ba tấn rưỡi - đã là trọng lượng của năm chiếc máy bay thả bom thời Thế chiến thứ Hai. Và Đại bàng là một máy bay chiến đấu. Và đồ cá nhân của đội bay được gói vào những gói đi đường, trước đây là vỏ bom napalm được sửa lại cho sự sử dụng của con người. những cái can dưới các cánh chứa áo phông, giày. áo ngắn, xà phòng, dao cạo râu, quần phục, túi, và những tạp chí khiêu dâm. Với tất cả những người biết, đó có thể là một con đường dài cho đến quán bar gần nhất dành cho các anh chàng độc thân.

Những chiếc máy bay tiếp nhiên liệu KC-10 khổng lồ sẽ đồng hành với những phi công khi đi qua Đại Tây Dương, và đi vào bán đảo Xêut, mỗi chiếc tiếp nhiên liệu cho sáu con Đại bàng. Chúng bay đợi trên đại dương.

Sau đó, một đội vận tải trên không: những chiếc Starlifter và Galaxy sẽ mang đi phần còn lại, một quân đội nhỏ gồm những người sửa súng và thợ máy, những người lo về phần điện tử và nhân viên hỗ trợ, bộ phận điện báo và những cái que, các máy xạc điện và đồ sửa chữa, thiết bị máy móc và súng ống. Mọi thứ được chuẩn bị để giữ hai tá những chiếc máy bay chiến đấu tinh xảo nhất thế giới hoạt động trơn tru và sẵn sàng tác chiến cách đó nửa vòng trái đất.

Mỗi con Đại bàng của buổi tối này tương ứng 114 triệu đôla với những hộp đen, nhôm, compôsit sợi cacbon, máv tính, và đồ điện, cùng với một số thiết bị. Mặc dù đã được thiết kế từ 30 năm trước. con Đại bàng là một máy bay chiến đấu mới, đã trải qua nghiên cứu và phát triển rất nhiều.

Dẫn đầu đoàn dân sự từ thành phố Goldsboro là ông thị trưởng, Hal L. Plonk, ông công chức hết sức lịch thiệp này vui sướng với cái biệt hiệu do 20 nghìn công dân của thị trấn tặng cho - “Kerplunk”: một danh hiệu ông nhận được cho sự khôn ngoan để làm vừa lòng các đoàn khách chính trị từ Washington với cách nói năng kiểu miền Nam và kho truyện đùa của mình. Một số người khách từ thủ đô, sau một giờ của những trò của ông thị trưởng, đã về Washington để đến tìm kiếm phương pháp trị liệu chống đau đớn. Một cách tự nhiên, thị trưởng Plonk quay về văn phòng của mình sau mỗi nhiệm kỳ với một sự nổi tiếng thêm lên.

Hal Hornburg đứng cạnh chỉ huy đội bay với vẻ tự hào, nhìn những con Đại bàng đang được kéo đi trên đường băng của họ, chui ra từ các hangar và đội bay trèo lên máy bay, phi công trên chiếc ghế phía trên của buồng lái cùng với sĩ quan phụ trách các hệ thống vũ khí của mình, gọi là wizzo. Xung quanh mỗi máy bay một nhóm những nhân viên mặt đất làm việc để kiểm tra chuẩn bị cất cánh.

- Tôi đã kể cho ông bao giờ chưa nhỉ, ông thị trưởng vui nhộn hỏi viên sĩ quan rất cao cấp của Không lực đứng cạnh mình, câu chuyện về ông tướng và người móc câu?

Đúng lúc đó. Don Walker đang cẩn trọng bắt đầu khởi động máy móc và cần lái của hai động cơ Pratt & Whitney FI00-PW-220, làm chìm lấp câu chuyện hài. Chiếc F100 chuyển xăng thành tiếng động rất to và nóng, với sức đẩy lên tới 211.000 pound.

Từng cái một, 24 chiếc Đại bàng của đội 336 khởi động và bắt đầu lăn bánh chạy về phía cuối đường băng. Những lá cờ nhỏ màu đỏ bay phấp phật dưới các cánh, để lộ những chiếc hoả tiễn Sparrow và Sidewinder. Chặng đường của họ đến Arập có thể là một chuyến đi thật bình yên, nhưng không thể để một chiếc Đại bàng bay mà không có phương tiện tự vệ nào.

Đọc theo đường băng là những nhóm các vệ sĩ có vũ trang và cảnh sát của Không lực. Một số vẫy tay, một số giơ tay chào. Ngay trước đường băng, những con Đại bàng dừng lại một lần nữa và lại là tâm điểm cho sự chú ý cuối cùng của một dòng người và nhân viên mặt đất. Họ gõ vào lớp: rồi kiểm tra mỗi máy lần lượt, tìm kiếm các chỗ nứt, mở rộng ra, hay panel - tất cả những gì có thể gây ra trục trặc trong khi chạy trên mặt đất. Cuối cùng, các pin của các tên lửa cũng phụt ra.

Một cách kiên trì, những chiếc Đại bàng đứng đợi, dài 63 feet cao 18 và rộng 40, nặng 40.000 pound cốt và 81.000 tối đa trọng tải, nghĩa là trọng tải lúc này nó chúng đang chờ. Nó có thể bay rất lâu. Cuối cùng, chúng lăn bánh trên đường băng, quay về ánh sáng đèn, và tăng tốc. Làn khói phụt ra khi các phi công tăng tốc qua “cửa” và những lưới lửa dài 30 fit tung ra từ những ống phía đuôi. Bên cạnh đường băng các chỉ huy đội bay, chỉ huy được bảo vệ bởi mũ bảo hiểm từ tiếng động kinh người, chào những đứa con của mình đi xa cho một sứ mệnh ở nước ngoài. Họ có thể không bao giờ nhìn lại được chúng cho đến Arập Xêut.

Cách đường băng một dặm, những cái bánh rời mặt đường và các con Đại bàng đã ở trên không trung. Bánh gập lên, cuộn lại lửa phụt ra đằng sau với năng lượng lớn. 24 con Đại bàng quay mũi về phía bầu trời, bay chệch lên với tốc độ 5.000 fit mỗi phút, và biến mất vào trong cơn gió bụi.

Họ đã ở cao 25.000 feet, và một giờ sau đã thấy những đèn hướng lối của chiếc tiếp nhiên liệu KC-10 đầu tiên. Đã đến lúc dừng lại. Hai động cơ FI00 tạo thành một tiếng rít rợn người. Với động cơ đốt sau, mỗi máy bay tiêu tốn 40.000 pound xăng mỗi giờ, chính vì vậy động cơ đốt sau hay “phản lực” chỉ được sử dụng cho cất cánh, chiến đấu, hay những động tác thoát khỏi nơi nào đó một cách khẩn cấp. Ngay cả với những chế độ năng lượng bình thường, các động cơ cũng cần được cung cấp mỗi cái mỗi nửa giờ một. Để đến được Arập Xêut họ rất cần đến những chiếc KC-10 của mình, các trạm khí trên trời. Đội bay giờ đây đã ở trên rất cao, mỗi cái cách nhau khoảng một dặm. Don Walker, cùng người wizzo của mình đằng sau, liếc nhìn để xem người cùng mình có giữ đúng vị trí không. Bay về phía đông, họ giờ đã ở trong bóng tối bao quanh Địa Trung Hải. rađa cho thấy vị trí của mỗi máy bay, và những đèn dẫn đường vẫn dẫn họ đi. Ở đuôi chiếc KC-10 phía trên và trước mặt anh, người phi công mở panel bảo vệ, vòi xăng được thả ra chờ khách hàng đầu tiên. Mỗi nhóm sáu chiếc Đại bàng đã định vị được chiếc tiếp nhiên liệu dành cho mình, và Walker di chuyển khi đến lượt mình. Một cái động tay vào cần lái, thế là chiếc Đại bàng đã đậu dưới chiếc tiếp nhiên liệu, theo đúng hướng.

Trên chiếc tiếp nhiên liệu người chỉ huy “thả” vòi xăng của mình rìa ngoài cánh bên trái chiếc máy bay. Khi anh ta “bật lên”, xăng bắt đầu chảy ra, 2000 pound một phút. Chiếc Đại bàng uống và uống.

Khi đã đầy xăng, Walker tránh ra để đồng đội vào lấy xăng. Trên bầu trời, ba chiếc tiếp nhiên liệu khác cũng đang cùng làm như thế cho mỗi nhóm 6 chiếc cần được tiếp xăng. Họ bay qua đêm, đêm rất ngắn vì họ bay về hướng mặt trời với vận tốc 500 dặm mỗi giờ trên mặt đất. Sau 6 giờ mặt trời lên, và họ đã đến bờ biển Tây Ban Nha, bay về phía bắc của bờ biển châu Phi để tránh nước Libya. Lại gần Ai Cập, một thành viên của liên quân, đội 336 rẽ quạt sang đông nam, hướng về Biển Đỏ, và bắt được tín hiệu đầu tiên của bãi cát khổng lồ gọi là Sa mạc Arập.

Sau 15 tiếng đồng hồ trên không trung, mệt mỏi và căng thẳng, 48 người Mỹ trẻ tuổi hạ cánh xuống Dhahran

ở Ả Rập Xêút. Trong nhiều giờ họ đã hướng thẳng về đích cuối cùng của mình, căn cứ không quân của Thumrait ở Sultanate của Oman. Trong 4 tháng, cho đến giữa tháng Chạp, họ sẽ sống ở đây trong những điều kiện khiến có thể làm họ nhớ nhà. 700 dặm cách biên giới Iraq và vùng đất nguy hiểm. Họ có thể bay những công vụ tập luyện trên vùng trời nội địa Oman khi đội hỗ trợ họ đến, bơi trong dòng nước xanh của Ấn Độ Dương, và đợi những gì mà Chúa và Norman Schwarzkopf đã dự định cho họ.

Tháng Chạp họ có thể đổi chỗ đến Ả Rập Xêút. Và một trong số họ, dù có thể anh ta không bao giờ biết, có thể ngăn được dòng của cuộc chiến tranh.

5. Chương 5

Sân bay Dhahran chật cứng. Nằm ở trung tâm các giếng dầu vĩ đại Ả Rập Xêút có một sự giàu có đáng nể, Dhahran từ lâu đã quen với người Mỹ và người Âu - không như Taif, Riyadh, Yenbo, và những thành phố khác của vương quốc. Ngay cả cảng nổi tiếng Jeddah cũng không thân quen với những gương mặt Anglo-Saxon trên đường phố đến thế, nhưng vào tuần thứ hai của tháng Tám, Dhahran đang chao đảo vì cuộc xâm lược.

Một số người cố thoát ra ngoài; nhiều người đã lái xe qua đường lớn đến Bahrain để bay khỏi từ đó. Những người khác ở sân bay Dhahran, những người vợ và gia đình của những người làm về dầu mỏ là chủ yếu, đang hướng đến Riyadh và chuyển bay về nhà.

Những người khác đang đến, một dòng thác người Mỹ với vũ khí và trang thiết bị. Chuyến bay dân sự của Martin có sự bảo vệ của hai chiếc Galaxy G-5, hai phi cơ trang bị vũ khí đến tận chân răng được gửi đến từ Anh và Đức, hứa hẹn sẽ biến vùng đông bắc Ả Rập Xêút thành một trại lính lớn.

Đây chưa phải là Bão Táp Sa Mạc; năm tháng nữa chiến dịch giải vây Kuwait mới diễn ra. Đó là Lá Chắn Sa Mạc, được xây dựng để chặn bước tiến của quân Iraq xuống phía nam, giờ đây đã lên đến 14 sư đoàn được triển khai dọc theo biên giới và khắp Kuwait.

Một người đứng ở sân bay Dhahran có thể rất ấn tượng về những chiếc máy bay quân sự, nhưng nhìn kỹ hơn sẽ thấy tấm da hộ vệ quá là nhỏ bé. Quân đội và pháo binh Mỹ vẫn còn chưa đến - đội hải quân sớm nhất mới chỉ vừa đi khỏi bờ biển nước Mỹ - những chiếc Galaxy, Starlifter, và Hercule được một con tàu hàng lớn chở đến. Những chiếc Đại bàng đóng ở Dhahran và những chiếc Hornets của thủy quân ở Bahrain, cộng với những Tornado của Anh vừa mới tới Dhahran chưa đủ để tiến hành các chiến dịch.

Mặc dù sự biểu hiện đầy ấn tượng của sức mạnh quân sự ở một số sân bay, đông bắc Ả Rập Xêút vẫn trần trụi dưới mặt trời. Martin nhún vai theo cách của mình về cái sảnh đón tiếp, cái túi to của anh choàng qua vai, và nhìn thấy một khuôn mặt quen trong số đám đông đang đứng ở barie.

Trong lần tuyển đầu tiên vào SAS, khi họ nói với anh họ không huấn luyện anh mà thay vào đó là thử giết anh, họ đã gần như là thành công. Một hôm anh đã đi bộ 30 dặm ở Brecons, một trong những vùng đất khắc nghiệt nhất của nước Anh, trong cơn mưa tầm tã với 100 pound trong cái túi Bergen. Cũng giống những người khác, anh đã kiệt sức, bị nhốt vào một thế giới rất xa lạ và tồn tại với với một mẩu con con bánh mì. Rồi anh nhìn thấy cái xe tải, cái xe đẹp đẽ đang đợi mình. Kết thúc của cuộc đi bộ, và nhân danh sự tồn tại của con người, kết thúc của chặng đường. Một trăm yard. 80. rồi 50; một kết thúc của cơn hấp hối đã tiêu thụ tất cả năng lượng của anh, anh đếm từng bước đến chiếc xe.

Một người đàn ông ngồi trên sau xe, nhìn người đang dầm mưa, khuôn mặt tái tái thản nhiên nhìn anh. Khi Martin chỉ còn cách cái xe 10 inch, người đàn ông đạp cần số và cái xe chạy đi Nó không chạy cách xa đó một trăm yard, mà là 10 dặm nữa. Sparky Low là người ở trên xe.

- Chào, Mike, rất mừng được gặp lại anh.

Cái loại người thật kinh khủng để mà tha thứ.

- Chào, Sparky. Việc thế nào rồi?

- Tắm tắm.

Sparky lái chiếc Jeep 4 bánh bên ngoài rất bình thường ra khỏi chỗ đỗ xe, và trong 30 phút họ đã ra khỏi Dhahran và đi về phía bắc. Phải đi 200 dặm để đến Khafji, một chặng đường mất 3 giờ đồng hồ, nhưng sau cảng Jubail nằm trải dài ở bên phải họ, họ ít nhất cũng có được một chút riêng tư. Con đường vắng ngắt. Không ai có thích thú đến thăm Khafji hết cả, một cộng đồng sống bằng dầu mỏ nhỏ bé ở biên giới với Kuwait, giờ đây đã bị thu hẹp lại thành một thành phố.

- Người tị nạn vẫn đến à? Martin hỏi.

- Một số. Sparky gật đầu. Đi thành dòng. Đến và đi. Những người đó đi xuôi theo đường quốc lộ, chủ yếu là phụ nữ và trẻ con với giấy thông hành - người Iraq đã để họ đi qua cho rảnh nợ. Cũng khôn ngoan đấy chứ.

Nếu tớ đang điều hành Kuwait, tớ cũng muốn thoát khỏi những người muốn đi. Một số người Ấn Độ cũng qua được - bọn Iraq có vẻ không thêm biết đến họ. Không khôn ngoan lắm. Người Ấn Độ có thông tin tốt, và tớ đoán chắc một số đi dò xét và sẽ mang thông tin cho người của ta.

- Cậu đã có các thiết bị mà tớ yêu cầu chưa?

- Hẳn rồi. Gray nói rồi. Nó đã tới trong một xe tải biển số Xêut vào hôm qua. Tớ đã cho vào phòng ngủ rồi. Tối nay bọn ta sẽ ăn tối với viên phi công trẻ tuổi người Kuwait tớ nói rồi đấy. Hẳn ta nói hẳn có quan hệ ở trong nước, những người đáng tin có thể hữu dụng.

Martin chun mũi. “Anh ta sẽ không được nhìn thấy mặt tớ Có thể nguy hiểm”.

Sparky suy nghĩ: “Được thôi”.

Biệt thự của Sparky Low không tệ, Martin nghĩ. Nó thuộc về một giám đốc dầu mỏ người Mỹ của hãng Aramco, hãng đã rút người đó khỏi đây và về Dhahran. Martin thừa biết chẳng việc gì phải nghĩ về công việc của Sparky Low ở chốn này. Hiển nhiên là anh ta cũng đã được Nhà Thế kỷ “vay”. và nhiệm vụ của anh ta có vẻ như là tiếp nhận những dòng người tị nạn từ phía nam, và nếu họ có thể nói, thì khai thác họ về những gì họ đã nhìn thấy và đã nghe thấy.

Về ngoài Khafji thật hoang vắng, ngoài Đội vệ binh quốc gia Xêut, những người đang ở các vị trí phòng thủ trong và quanh thị trấn. Nhưng ở đó vẫn còn một số người Xêut không tuân lệnh vẫn đi lại, và từ một người bán hàng ngoài chợ, người ta không tin nổi thời điểm này còn có khách hàng, Martin mua được quần áo anh cần.

Khafji vẫn có điện, nghĩa là máy điều hoà vẫn chạy, nước máy vẫn chảy và vẫn đun được nước. Có một nhà tắm mở cửa, nhưng anh biết rõ là không nên sử dụng nó. Anh đã không tắm, cạo râu, hay đánh răng từ ba ngày hôm nay. Bà Gray: chủ nhà của anh ở Riyadh đã nhận ra càng ngày anh càng nặng mùi, nhưng bà rất tế nhị nên không nói ra. Martin chỉ cạo răng bằng một mẩu gỗ sau bữa ăn. Sparky Low không hỏi điều đó, nhưng sau này anh ta sẽ biết được lý do.

Viên sĩ quan người Kuwait hoá ra lại là một anh chàng đẹp trai 26 tuổi nóng lòng làm được gì đó cho đất nước, và rõ ràng là một người ủng hộ triều đại hoàng gia Al Sabah lưu vong. Ông hoàng giờ đây đã ở một khách sạn sang trọng ở Taif với tư cách khách của vua Fahd của Ả-rập Xêut. Anh ta rất khoái khi biết rằng chủ của mình đúng là người anh từng dự đoán - một sĩ quan người Anh với quần áo dân sự, còn người thứ ba ở bữa ăn sẽ biến thành người đồng hành Ả-rập, mặc bộ thob trắng với một keffiyeh trên đầu. một góc quần lên phần dưới của khuôn mặt. Low giới thiệu họ với nhau.

- Anh có thực là người Anh không? Anh chàng trẻ tuổi hỏi ngạc nhiên. Anh ta được giải thích tại sao Martin ăn mặc theo cách kỳ khôi như thế và tại sao che mặt. Đại úy Khaled Al- Khalifa gật đầu.

- Xin lỗi nhẽ, thiếu tá, dĩ nhiên là tôi hiểu mà.

Câu chuyện của đại úy rất rõ ràng và thẳng tuột. Anh ta đã bị gọi từ nhà mình vào buổi tối ngày 1 tháng Tám để lên căn cứ không quân Ahmadi, nơi anh ta đóng quân. Qua đêm: anh và các sĩ quan đồng đội đã

nghe các báo cáo điện đàm về cuộc xâm lược đất nước của mình từ phía bắc. Bình minh, đội Skyhawk máy bay chiến đấu của anh ta đã được tiếp nhiên liệu, được trang bị vũ khí, và chuẩn bị để cất cánh.

Skyhawk của người Mỹ, dù thế nào đi nữa cũng là một máy bay chiến đấu hiện đại, vẫn có thể chứng tỏ là khá hữu dụng trong một cuộc tấn công mặt đất. Nó có thể không bao giờ sánh được với MIG 23, 25. hay 29 của Iraq hay Mirage của Pháp. nhưng may mắn thay, lần chiến đấu đó anh ta đã không gặp phải cái nào.

Anh ta đã phát hiện những mục tiêu của mình tại vùng ngoại ô phía bắc của Kuwait City ngay trước khi bình minh lên.

- Tôi đã chơi mấy cái xe tăng của chúng bằng rốcét, anh ta giải thích rất sôi nổi. Tôi biết, bởi vì tôi nhìn thấy nó tung mấy cái xe tải bên cạnh. Chơi thăng đầu tiên trong đám, rồi tôi quay trở về. Nhưng qua Ahmadi, đài kiểm soát nói chúng tôi phải đi về phía nam đến biên giới và giữ gìn máy bay. Tôi đã có đủ nhiên liệu để đến được Dhahran.

Chúng tôi có 60 máy bay thoát ra được, anh cũng biết đấy. Skyhawk, Mirage và những chiếc huấn luyện Hawk của Anh. Cộng thêm Gazelle, trực thăng Puma và Siêu-Puma. Giờ đây tôi sẽ chiến đấu từ chỗ này và quay trở lại khi chúng tôi được giải phóng. Anh nghĩ khi nào cuộc tấn công sẽ bắt đầu?

Sparky Low cười mơ màng, anh chàng rõ ràng là vô cùng chắc chắn

- Chưa đâu. tôi e là vậy. Anh phải kiên nhẫn chứ. Công việc chuẩn bị đã xong rồi đấy còn gì. Hãy nói cho chúng tôi về cha của anh đi.

Cha của người phi công, có vẻ thế, là một nhà buôn hết sức giàu có, một người bạn của hoàng gia và một thế lực trong nước.

-. Liệu ông ấy có giúp cho các đội xâm lược không Low hỏi.

Anh chàng trẻ tuổi Al-khalifa ngập ngừng.

- Không bao giờ, không bao giờ! ông ấy sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp cho sự nghiệp giải phóng! Anh ta quay đôi mắt đen lên trên quần áo. Liệu anh sẽ gặp bố tôi không? Anh có thể tin tưởng vào ông ấy.

- Có thể đấy, Martin nói.

- Liệu anh có thể chuyển một lời nhắn của tôi cho ông ấy không?

Anh ta viết vài phút lên một mảnh giấy và đưa nó cho Martin. Khi anh ta lái quay trở lại Dhahran, Martin đốt tờ giấy trong một cái gạt tàn. Anh không thể mang theo cái gì có dấu tội phạm vào Kuwait City được.

Buổi sáng ngày hôm sau, anh và Low gói ghém đồ đạc anh đã yêu cầu trong một cái xe jeep. Và họ lái tiếp về phía nam xa đến tận Manifah, rồi quay sang phía tây theo đường Tapline. Cái toả bóng xuống biên giới Iraq mọi con đường ngang qua Ả-rập Xê-út. Nó được gọi là Tapline bởi những điểm TAP của đường ống dẫn dầu xuyên qua Ả-rập Xê-út, con đường phục vụ cho đường ống rất nhiều cho Xê-út về phía tây.

Sau đó, đường Tapline sẽ trở thành đường vận tải huyết mạch cho quân đội lớn nhất từng thấy, với 400.000 quân Mỹ. 70.000 quân Anh, 10.000 quân Pháp, và 200.000 quân Xê-út và những người lính Ả-rập khác nữa đang tập hợp lại trước sự tấn công của Iraq vào Kuwait từ phía nam. Nhưng hôm đó đường vẫn còn vắng lặng.

Vài dặm đi dọc con đường, chiếc xe jeep lại quành sang phía bắc, quay trở về biên giới Saudi- Kuwait nhưng ở một địa điểm khác, sâu trong nội địa. Gần cái làng sa mạc xa xôi Hamatiyat ở phía Saudi, biên giới là điểm gần Kuwait City nhất.

Hơn nữa, những bức ảnh trinh thám của Mỹ mà Gray có ở Riyadh cho thấy số đông quân Iraq đang được tập hợp ở trên đường biên giới nhưng gần bờ biển hơn. Càng vào sâu trong nội địa, các vị trí tiền tiêu của Iraq càng mỏng hơn. Họ đang tập trung quân lực giữa Nuwaisib đi qua điểm trên bờ biển và trạm biên giới Al-wafra cách bốn mươi dặm sâu vào nội địa.

Làng Hamatiyyat cách 100 dặm trong sa mạc, là một điểm trên đường biên giới, không xa Kuwait City lắm. Những con lạc đà mà Martin đã yêu cầu đang đợi họ tại một trang trại nhỏ bên ngoài ngôi làng, một con

lạc đà cái cổ đeo lục lạc. Con nó, một con lạc đà nhỏ màu kem với cái bờm và cặp mắt dễ thương, vẫn đang bú. Nó có thể lớn lên trở thành một con rất khỏe trong dòng giống của nó. nhưng giờ thì chưa.

- Tại sao cần con này? Low hỏi khi họ ngồi trên xe jeep và nhìn các con vật đang ăn cỏ.

- Vô bọc đấy. Nếu có ai hỏi, tôi sẽ dẫn nó đến các trang trại lạc đà bên ngoài Sulaihiya để bán. Giá ở đó cao hơn.

Anh tụt từ trên xe xuống và huýt sáo gọi người canh lạc đà đang ngồi bệt dưới đất. Trong 30 phút hai người ngã giá trong bụi và thoả thuận giá cả của hai con vật. Chưa bao giờ người chăn gặm chuyện này, thoáng nhìn vào khuôn mặt ngăm đen, những cái răng lung lay, và ánh lên trong cát bụi trong sự bần thủ và mùi hôi: anh ta chưa từng nói chuyện với một tay thương lái Bedouin đủ tiền mua hai con lạc đà tốt.

Khi vụ thoả thuận đã xong xuôi, Martin trả tiền bằng một xâu đồng riyal Saudi mà anh đã lấy từ Low và để dưới khuỷu tay. Rồi anh mỉm cười dắt hai con lạc đà và dừng lại khi nó chống chân giương mắt nhìn bởi những đụn cát. Low ở trên. Anh ta đang ngồi cách người bán lạc đà chừng vài trăm yard và quan sát. Dù đã biết bán đảo Ả rập khá rõ, anh ta vẫn không bao giờ làm việc được như Martin, và anh ta rất lấy làm ấn tượng. Người kia không hề đóng giả một người Ả rập; khi anh ta đã tụt xuống khỏi xe, chỉ đơn giản là anh ta trở thành một tay Bedouin trong mọi hành động và cử chỉ.

Low không hề biết, ngày hôm trước ở Kuwait hai kỹ sư người Anh tìm cách trốn chạy, trong căn hộ của mình ở một khu Kuwait đã mặc thob cùng ghutra trùm đầu. Họ đã đi nửa đường đến xe của mình cách đó 50 fit thì một đứa bé gọi giật giọng: “Các ông có thể ăn mặc giống người Ả rập, nhưng cách các ông đi lại giống người Anh”. Các kỹ sư bèn quay trở lại căn hộ và ở lại đó.

Rất nóng bức, nhưng không lo bị bắt chợt, hai nhân viên SAS chuyển hành lý vào những cái giỏ hàng được treo trên hai bên con lạc đà cái. Nó khuyu xuống cả bốn chân nhưng thớ phì phò và ai oán nhìn những người đang chất đồ lên người nó.

200 pound chất nổ Semtex-H được treo một bên, mỗi gói 5 pound được gói lại bằng vải, với những cái túi cà phê Hesiệt cà phê để cho trường hợp có tên lính Iraq nào đòi kiểm tra. Cái giỏ khác mang những khẩu súng máy, thuốc nổ, kíp điện, bút chì đánh dấu và những quả lựu đạn, cùng với những chiếc hộp của Martin nhỏ nhưng rất có công lực. Hai người chất những bao cà phê lên phía trên.

Khi đã kết thúc công việc, Low hỏi:

- Tôi còn có thể làm gì thêm nữa không?

- Không, xong rồi đấy, cảm ơn. Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi chiều xuống. Anh không cần phải đợi đâu.

Low chìa tay ra.

- Xin lỗi vì chuyện ở Brecons nhé.

Martin bắt tay.

- Không có gì đâu. Tôi vẫn sống sót mà.

Low cười. một tràng cười ngắn.

- Ủa, chúng ta đã thế đấy. Mẹ kiếp chúng ta sống sót. Ở lại may mắn nhé, Mike.

Anh lái xe đi. Con lạc đà hướng mắt nhìn theo, lúc lắc, và bắt đầu nhai. Con nhỏ cố cướp lấy nhưng không được, và phải nằm xuống bên cạnh nó. Martin chống mình lên con lạc đà. choàng chiếc keffiyeh lên mặt, và nghĩ về những ngày sắp tới. Sa mạc có lẽ không thành vấn đề: nhưng ở Kuwait City bị chiếm đóng thì có. Mức độ kiểm soát chặt chẽ đến mức nào, đường đi lối lại khó khăn đến mức nào, lính gác ở đó nghiêm túc đến mức nào? Nhà Thế kỷ đã đưa anh giấy tờ giả, nhưng anh đã quẳng nó đi. Người

Iraq có thể đã đổi thế căn cước rồi. Anh tự tin rằng cái vô bọc mà anh đã chọn là một trong những cách thức tốt nhất trong thế giới Ả rập. Người Bedouin đến và đi như họ muốn. Họ không gây chú ý với mọi đội quân xâm chiếm, vì họ đã chứng kiến hết cả rồi - Saracen và Thổ Nhĩ Kỳ, Thập tự chinh và Hiệp sĩ, Đức và Pháp, Anh và Ai Cập, Israel và Iraq. Họ đã sống sót chỉ vì họ ở bên ngoài mọi vấn đề chính trị và quân sự.

Nhiều chế độ đã cố quản họ, nhưng đều không thành công. Vua Fahd của Ả Rập Xêút, quyết định rằng mọi công dân của mình đều phải có nhà, đã xây một ngôi làng xinh đẹp tên là Escan, với những thiết bị hiện đại nhất - một bể bơi, nhà vệ sinh, nhà tắm, nước chảy. Một số người Bedouin được tập hợp lại và đưa vào đó. Họ uống nước bể bơi (nó giống như một cái ốc đảo). Nhảy lên bể, chơi với những vòi nước, và sau đó bỏ đi, lịch sự giải thích cho ông quốc vương của mình rằng họ thích ngủ ngoài trời hơn. Escan đã trống không và được người Mỹ sử dụng trong cuộc khủng hoảng vùng Vịnh.

Martin biết vấn đề thực sự là chiều cao của anh. Anh thiếu một inch nữa thì cao 6 feet, trong khi phần lớn người Bedouin lại thấp hơn thế nhiều. Nhiều thế kỷ ốm o và thiếu ăn đã để lại trên phần lớn họ nước da sạm đen và nhăn nhúm. Nước trong sa mạc chỉ là để uống, bởi người, dê, hay lạc đà; do đó, Martin tránh không tắm rửa. Sự quyến rũ của cuộc sống sa mạc, anh biết, thường là chỉ đối với người phương Tây mà thôi.

Anh không có giấy tờ cần cước gì cả, nhưng đó không phải là vấn đề. Nhiều chính phủ đã thử cho người Bedouin giấy tờ. Các thổ dân thường xuyên rất thích thú vì chúng là giấy rất tốt để chùi dùi, tốt hơn một nắm lá nhiều. Đối với một cảnh binh hay lính tráng hỏi về căn cước của người Bedouin thì thật là lãng phí thời gian, và tất cả các bên đều biết điều đó. Từ quan điểm các nhà chức trách, vấn đề chính là người Bedouin chẳng gây ra xáo động gì hết cả. Họ chẳng bao giờ mơ đến chuyện dính dáng vào phong trào kháng chiến của Kuwait. Martin biết điều đó; anh hy vọng người Iraq cùng sẽ như thế.

Anh đợi cho đến khi mặt trời xuống, rồi leo lên con lạc đà. Khi anh kêu “hút hút hút”, nó nhồm đứng lên. Con của nó lưỡng lự một chút, nép vào sau nó, và chúng thả những bước thong thả như là rất chậm nhưng thực ra đi được khá đường đất. Con lạc đà cái đã được ăn no và được uống nước ở trại và có thể không đòi hỏi gì trong nhiều ngày.

Anh đi thẳng lên hướng tây bắc của trạm cảnh sát Ruqaiyah: nơi một con đường mòn từ Ả Rập Xêút đi vào Kuwait, khi anh đi ngang qua biên giới ngay trước 8 giờ. Đêm đã tối, được bảo vệ từ những ngôi sao. Vùng đất dầu Manageesh của Kuwait ở ngay bên phải anh và có khả năng có một đội Iraq ở đó nhưng sa mạc trước mặt anh trống không.

Bản đồ cho biết phải mất 35 dặm để đến các trang trại lạc đà ngay ở miền nam Sulaihiya, quận bên ngoài rìa của Kuwait City nơi anh có ý định bỏ lại những con vật của mình cho đến khi lại cần đến chúng. Nhưng trước đó, anh có thể đưa đồ đạc vào sa mạc và đánh dấu chỗ. Trừ phi anh dừng lại hay giảm tốc độ, anh có thể thực hiện điều đó trong bóng tối trước khi mặt trời lên, nghĩa là còn 9 giờ đồng hồ. Giờ thứ mười có thể đưa anh đến những trang trại lạc đà.

Khi khu dầu mỏ Manageesh đã ở lại đằng sau, anh chìa cái la bàn ra để hướng lối. Những người Iraq, như anh biết, có thể quản lý các con đường. ngay cả các đường mòn, nhưng không bao giờ ngó đến sa mạc hiu quạnh. Không người tị nạn nào cố thoát khỏi theo con đường đó, kẻ thù cũng không dám vào.

Từ các trang trại lạc đà, sau khi mặt trời lên, anh biết anh có thể lên một cái xe tải đi về hướng trung tâm thành phố, cách đó 20 dặm.

Tít trên cao anh, sự im lìm trong bầu trời đêm, vệ tinh KH-11 của Cơ quan Do thám Quốc gia vẫn bay ngang bầu trời. Nhiều năm trước, những thế hệ trước của các vệ tinh do thám của Mỹ đã chụp những bức ảnh và thi thoảng đưa ra, để được quan sát kỹ lưỡng và phân tích.

Những chiếc KH-11, dài 64 feet và nặng 30.000 pound mỗi cái, thông minh hơn nhiều. Khi nó chụp những hình ảnh mặt đất ở dưới mình, nó tự động giải mã bức ảnh thành những loạt sóng điện tử được đưa lên trên cho một vệ tinh khác. Vệ tinh nhận ở trên là một trong mạng lưới được đặt ở trong quỹ đạo bình lưu, có nghĩa là nó đi qua khoảng không gian với vận tốc ngang bằng tốc độ quay của trái đất khiến nó ở cùng chỗ phía trên mặt đất. Trên thực tế, chúng được treo lên. Nhận được các hình ảnh từ KH-11, vệ tinh treo gửi chúng thẳng về Mỹ, hay, nếu đường cong của trái đất cho phép, nhảy qua vũ trụ đến một “con chim” lơ lửng khác mà nó gửi những bức ảnh xuống cho các ông chủ người Mỹ của mình. Do đó NRO có thể thu thập những thông tin hình ảnh vào đúng thời điểm, vài giây sau khi những bức ảnh được chụp.

Trong chiến tranh lợi thế này thật to lớn. KH-11 có thể nhìn thấy, chẳng hạn, một đoàn xe quân thù đang di chuyển tiến lên, vào thời gian để gọi một đội bay đến ném bom các xe tải ra nát vụn. Những người lính

xấu số bên trong chúng có thể không bao giờ có thể biết được vì sao những chiếc máy bay thả bom lại tìm ra họ. đối với những chiếc KH-11 có thể làm việc thâu đêm ngày, trong cả sương mù.

Biệt hiệu của nó: “Nhìn mọi thứ”. KH- 11 đêm nay đang bay ngoài Ả Rập Xêút và trên Kuwait. Nhưng nó không thấy người thổ dân Bedouin đang đi vào vùng lãnh thổ bị cấm. Nó bay trên Kuwait và đến Iraq. Nó nhìn thấy nhiều toà nhà, những toà nhà to lớn của các thành phố công nghiệp xung quanh Al-Hillah và Tarmiya, Al-Atheer và Tuwaitha, nhưng không nhìn thấy cái gì đang diễn ra trong các toà nhà đó. Nó không nhìn thấy những bình khí độc đang được chuẩn bị, cũng không nhìn thấy khí uramum để dành cho những chiếc máy ly tâm chạy gas của nhà máy tách đồng vị.

Nó bay về phía bắc, nhìn thấy những sân bay, đường cao tốc và những cây cầu. Nó thậm chí còn nhìn thấy con đường ô tô ở Al-Qubai, nhưng không nhận xét gì cả. Nó nhìn thấy những trung tâm công nghiệp của Al Qaim, Jaziram và Al- Shirqat ở tây và bắc Baghdad. nhưng không thấy những gì đang được chuẩn bị ở bên trong. Nó bay ngang qua Jebel al Hamreen. nhưng không nhìn thấy Pháo đài đã được xây dựng bởi kỹ sư Osman Badri. Nó chỉ nhìn thấy một ngọn núi giữa những ngọn núi khác, những ngôi làng trên đồi giữa những ngôi làng trên đồi khác. Rồi nó bay qua Kurdistan và vào Thổ Nhĩ Kỳ.

Mike Martin đi trên lạc đà suốt đêm để đến Kuwait City. vô hình trong bộ quần áo dài anh đã không giặt suốt hai tuần. Anh mỉm cười khi nhớ lại cái giây phút khi quay trở lại chiếc Land-Rover của mình từ một chỗ trên sa mạc bên ngoài Abu Dhabi, anh đã bất ngờ khi bị một bà người Mỹ bắt chọt chìa camera vào mình và kêu lên “click click”.

Chiếc Rolls-Royce chở Ahmed Al-khalifa đến trước toà nhà văn phòng treo biển tiếng Anh và tiếng Ả Rập đại bản doanh của Công ty Thương mại Al-khalifa và dừng lại. Người lái xe, một người hầu cận, nửa lái xe nửa vệ sĩ, đi ra khỏi chỗ lái xe và đi ra sau để mở cửa cho ông chủ của mình.

Có lẽ chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi đi Rolls-Royce, nhưng các triệu phú người Kuwait thường tự che giấu bằng cách đi xe Volvo vì sợ gặp lính Iraq tại những chỗ chặn đường.

- Cứ để chúng thối rữa trong địa ngục đi, ông đã cầu nhàu trong bữa sáng. Quả thực, chuyến đi từ ngôi nhà trắng lộng lẫy của ông với khu vườn đẹp đẽ tại ngoại ô sang trọng Andalus tới toà nhà văn phòng ở Shamiya không hề dễ dàng.

Trong 10 ngày kể từ cuộc tấn công, những người lính mộ và lính chuyên nghiệp của Đội Vệ binh Cộng hoà Iraq đã rút khỏi Kuwait City, thay chỗ là Quân đội Nhân dân. Ông ghét bọn đầu tiên và khinh bỉ bọn thứ hai.

Trong những ngày đầu tiên, những lính vệ binh đã tràn ngập thành phố, nhưng rất hệ thống và có tổ chức. Ông đã trông thấy chúng vào trong ngân hàng quốc gia và mang đi những thỏi vàng trị giá 5 tỷ đôla trong ngân quỹ quốc gia. Nhưng đó không phải là chiếm hữu cho riêng cá nhân nào. Những thỏi vàng đã được đặt trong container, được niêm phong trên những chiếc xe tải, và được chở về Baghdad.

Những Soukh vàng trị giá hàng tỷ đôla nữa, và cũng bị đối xử theo cùng một cách. Những điểm chốt trên đường của lính vệ binh. những người được phân biệt rõ bởi mũ beret của mình và quần áo thông thường, rất gắt gao và chuyên nghiệp. Rồi, khá đột ngột, họ được điều đi xa hơn về phía nam. đến đóng ở biên giới phía nam tiếp giáp Ả Rập Xêút. Thế chỗ của những người này là Quân đội Nhân dân, rách rưới râu ria không cạo, và rất vô kỷ luật, và vì lý do đó, khó đoán biết trước và cũng nguy hiểm hơn. Việc giết chết bắt thường một người Kuwait từ chối không chịu đưa đồng hồ tay hay xe ô tô xảy ra như cơm bữa.

Vào quãng giữa tháng Tám, sự nóng bức đã bao trùm. Những người lính Iraq, đi tìm chỗ ẩn nấp, đào đường lên và dựng những cái lều nhỏ dưới đường phố nơi họ đóng, và dón vào bên trong. Trong sự mát mẻ của bình minh và của buổi tối họ trở lại thành lính tráng. Rồi họ trấn lột dân thường và vợ vét thực phẩm và những đồ có giá trị dưới hình thức kiểm tra xe cộ để chống buôn lậu.

ông Al-Khalifa bình thường thích được đi làm vào 7 giờ sáng nhưng vì tình hình, phải lùi lại đến 10 giờ, khi mặt trời đã nung nóng, ông đi qua những nơi Quân đội Nhân dân trong đó và không lần nào bị chặn lại. Hai tay lính, rách rưới và không mũ mào, uể oải giơ tay lên chào chiếc Rolls- Royce. nghĩ rằng chắc nó đang chở một sĩ quan cao cấp của mình.

Ông dừng chân trên hè phố trong chiếc thob trắng đẹp, quần chiếc ghutra bằng cotton sáng màu quanh đầu với hai cái dây màu đen thả xuống khuôn mặt ông. Người lái xe đóng cửa lái nó đến gara của công ty.

- Xin hãy bố thí, sayidi, xin hãy bố thí. Hãy cho người chưa được ăn từ ba ngày hôm nay.

Ông chỉ thoáng trông thấy người đàn ông đang quỳ gối trên lối vào rất gần cửa, có vẻ như đang ngủ gà gật trong ánh nắng mặt trời, một dấu hiệu chung trong mọi thành phố Trung Đông. Giờ đây người đàn ông đã ở bên cạnh ông, một người Bedouin trong bộ quần áo dài rách nát, tay chìa ra.

Người lái xe của ông đi vòng qua xe Rolls-Royce để đuổi người ăn mày đi với một tràng nguyên rủa. Ahmed Al-Khalifa chặn tay anh ta lại. Ông là một tín đồ Hồi giáo luôn làm theo những lời dạy của Kinh Koran, là một người nên hào phóng giúp đỡ người khác trong chừng mực mình có thể.

- Hãy đi đồ xe đi, ông ra lệnh. Từ túi bên của chiếc áo dài, ông rút ra cái ví và rút ra tờ 10 dinar. Người Bedouin cầm lấy đồng tiền bằng cả hai tay, cử chỉ cho thấy món quà của người hảo tâm nặng đến nỗi phải cả hai tay mới đỡ nổi.

- Shukran, sayidi, shukran. Rồi không đổi giọng người đàn ông nói thêm- khi nào ông vào văn phòng, xin hãy gọi tôi vào Tôi có tin tức từ con trai ông ở miền nam đây.

Người lái buôn ngỡ mình nghe nhầm. Người đàn ông lại ngồi hệt xuống vỉa hè, đút vào túi đồng tiền. Al-Khalifa đi vào trong toà nhà văn phòng, gạt đầu chào người tiếp đón, và đi lên văn phòng của mình ở tầng cao nhất như là trong cơn mơ.

Khi ông đã ngồi vào bàn, ông nghĩ một lúc, rồi ấn nút điện thoại nội bộ.

- Có một người thổ dân Bedouin trên vỉa hè ở ngoài phố. Tôi muốn nói chuyện với anh ta. Hãy mang anh ta lên đây.

Nếu thư ký của ông nghĩ ông chủ mình đã phát điên. Thì cô cũng không biểu lộ dấu hiệu nào. Chỉ nhăn mũi lại. khi cô thấy người Bedouin đang đi vào không khí mát lạnh của văn phòng 5 phút sau đó, cho thấy cô nghĩ thấy cái mùi người anh ta, người khách không mấy đáng ưa của ông chủ.

Khi cô ta đã đi ra, ông thương gia chỉ một cái ghế.

- Anh nói anh đã gặp con trai tôi à? ông hỏi ngắn gọn.

Ông nghĩ chắc người đàn ông này muốn xin xỏ một món tiền lớn hơn .

- Phải. ông Al-Khalifa ạ. Tôi đã gặp anh ta hai ngày trước đây ở Khafji.

Trái tim của người Kuwait nảy lên. Đã hai tuần nay ông không có tin tức gì hết cả. Ông chỉ lờ mờ biết đứa con trai độc nhất của ông đã cất cánh buổi sáng hôm đó từ căn cứ không quân Ahmadi, và sau đó - không gì cả. Không hề có liên lạc nào của anh. Chẳng nhẽ đã có nhiều biến động như thế ư? Trong cái ngày 2 tháng Tám đó?

- Anh có một thông điệp từ nó chứ?

- Có, sayidi.

Al-Khalifa chìa tay ra.

- Thế thì hãy đưa cho tôi. Tôi sẽ trả công anh hậu.

- Nó ở trong đầu tôi. Tôi không thể mang theo giấy trong người: nên tôi đã học thuộc nó.

- Tốt lắm. Thế thì hãy cho tôi biết nó nói gì nào.

Mike Martin đọc bức thư trên một mặt giấy mà người phi công lái chiếc Skyhawk đã viết, từng từ một.

- Bố thân mến của con. mặc dù về bên ngoài của mình, người đàn ông đứng trước mặt bố là một sĩ quan người Anh...

Al-Khalifa nhảy dựng lên trên ghế và nhìn chăm chăm vào Martin. thật khó tin vào mắt hay tai mình.

..Anh ấy đã vào Kuwait bằng cách cải trang. Bây giờ bố đã biết điều đó, bố đã nắm cuộc sống của anh ấy trong tay rồi. Con xin bố tin tưởng anh ta, như anh ta phải tin tưởng bố, vì anh ta cần đến sự giúp đỡ của bố. Con an toàn và rất tốt và đang đóng ở căn cứ không quân Xêut ở Dhahran. Con đã bay một phi vụ chống quân Iraq, phá hoại một xe tăng của chúng và một xe tải. Con sẽ bay với Không lực Hoàng gia Xêut cho đến ngày đất nước chúng ta được giải phóng. Hàng ngày con đều cầu nguyện Thánh Allah rằng những giờ khắc sẽ trôi qua nhanh cho đến khi con có thể trở về và ôm hôn bố. Con trai thân thiết của bố.

Khaled

Martin dừng lại. Ahmed Al-Khalifa nhồm lên, đi bộ đến cửa sổ, và nhìn chăm chăm ra ngoài. Ông đứng đó một lúc lâu, hít thở sâu. Khi ông đã xong, ông quay lại ghế của mình.

- Cám ơn anh. cám ơn anh. Bây giờ anh muốn gì?

- Cuộc chiếm đóng Kuwait sẽ không chỉ kéo dài vài giờ đồng hồ hay một vài ngày. Sẽ mất hàng tháng. trừ khi Saddam Hussein có thể bị thuyết phục rút quân.

- Người Mỹ sẽ không đến nhanh được à?

- Người Mỹ người Anh và người Pháp và những nước còn lại trong Liên quân sẽ cần có thời gian để xây dựng lực lượng. Saddam có quân đội đứng thứ tư trên thế giới, hơn một triệu người. Một con số kinh khủng. Lực lượng chiếm đóng này sẽ không thể bị một nhóm lính tráng đánh bại đâu.

- Rất tốt. Tôi đã hiểu.

- Cùng lúc, quân lính và vũ khí được sử dụng ở Kuwait sẽ không thể đến biên giới được.

Anh đang nói về kháng chiến, kháng chiến có vũ trang. phản công, Al-Khalifa nói. Một số chàng trai hoang dã đã cố gắng. Họ đã bắn vào các đội quân Iraq. Họ đã bị bắn hạ như chó ấy.

- Đúng, tôi cũng cho là như thế. Họ đã rất gan dạ nhưng ngờ nghệch quá. Có nhiều cách để giải quyết vấn đề chứ. Vấn đề không phải là giết hàng trăm người, hay là bị giết. Vấn đề là làm cho quân đội chiếm đóng của Iraq trở nên thường xuyên lo sợ, cần phải có hộ tống mọi sĩ quan mỗi khi đi đâu đó, Không bao giờ có thể ngủ yên được.

- Xem nào, ông bạn người Anh. tôi biết anh nói hay đấy, nhưng tôi ngờ anh là người quen với những cái đó và được huấn luyện cho những cái đó. Còn tôi thì không. Người Iraq thật tàn bạo và man dã. Chúng tôi biết họ quá rõ mà. Nếu chúng tôi làm điều anh nói, sẽ có những cuộc trả đũa.

- Cũng giống như hiệp đáp vậy, ông Al-Khalifa ạ.

- Hiệp?

Khi một người đàn bà bị hiệp, cô ta có thể chống cự lại hoặc thúc thủ. Nếu cô ta ngoan ngoãn, cô ta sẽ bị xâm phạm, có thể là còn bị đánh, thậm chí là bị giết. Nếu cô ta chống lại, cô ta sẽ bị hiệp, chắc chắn bị đánh, có thể bị giết.

- Kuwait là người phụ nữ, còn Iraq là tên hiệp dâm. Tôi đã biết rồi nhé. Thế tại sao lại phải đánh lại nào?

- Bởi vì còn có tương lai nữa chứ. Trong tương lai Kuwait sẽ nhìn vào tấm gương. Trong gương con trai ông sẽ nhìn thấy khuôn mặt của một quân nhân.

Ahmed Al-Khalifa nhìn chăm chăm khuôn mặt tối đen, cái người Anh đầy râu trong một lúc lâu, rồi ông nói:

- Bố của nó cũng vậy. Hãy để Thánh Allah thương xót dân tộc chúng tôi. Ông muốn gì nào? Tiền à?

- Cám ơn ông, không. Tôi có tiền.

Thực thế anh có 10.000 dinar Kuwait, được rút ra từ ông đại sứ ở London, người đã rút nó từ Ngân hàng Kuwait, ở góc đường Baker và George.

- Tôi cần nhiều nhà để ở lại. Sáu cái.

- Không vấn đề gì cả. Đã có đến hàng nghìn căn hộ bị bỏ lại

- Không phải căn hộ. Những biệt thự biệt lập. Không có hàng xóm. Không ai sẽ khám xét một người đàn ông nghèo khổ vào ở nhờ trong một biệt thự bỏ không.

- Tôi sẽ tìm cho anh.

- Còn giấy tờ nữa. Những giấy tờ thật của Kuwait. Tổng cộng ba cái. Cái thứ nhất mang tên một bác sĩ người Kuwait, cái thứ hai kế toán viên người Ấn Độ, và cái thứ ba cho một người làm vườn đến thành phố để bán hàng.

- Được thôi. Tôi có bạn bè ở Bộ Nội vụ. Tôi nghĩ họ vẫn còn kiểm soát dấu má để làm thẻ căn cước. Thẻ còn ảnh trên đó thì sao?

- Đối với người làm vườn, hãy tìm một người đàn ông già ngoài phố. Trả tiền cho ông ta. Với bác sĩ và kế toán viên. hãy chọn những người trong sổ nhân viên của ông trông hơi giống tôi nhưng đã cạo râu. Những bức hình này phải thật là cũ vào. Cuối cùng là xe. Ba cái. Một xe có thùng màu trắng, một xe jeep bốn bánh, và một cái xe tải kéo moóc. Tất cả ở trong các gara có kiểm soát, với biển số mới.

- Rất tốt. Sẽ làm ngay thôi. Những tấm thẻ căn cước và chìa khoá xe: gara và nhà - anh sẽ đến lấy chúng vào lúc nào?

- Ông có biết nghĩa trang cho người Công giáo không?

Al-Khalifa nhăn trán.

- Tôi đã nghe đến nó. Tôi chưa từng bao giờ đến đó. Tại sao lại ở đó?

- Nó nằm trên đường Jahra ở Sulaibikhat, gần nghĩa trang Hồi giáo chính. Một cái cửa rất tối với chữ đề: Cho người Công giáo. Phần lớn những tấm bia mộ là cho người Liban và Syria, với một số người Philippin và người Trung Quốc ở góc tận cùng bên phải là mộ của một lái buôn, tên là Shepton. Tấm bia rất to. Dưới đó tôi đã đào một cái lỗ. Hãy để chúng lại ở đó. Nếu ông có thông tin cho tôi, hãy cùng làm như thế. Hãy kiểm tra ngôi mộ một tuần một lần để tìm tin nhắn của tôi.

Al-Khalifa gật đầu to vẻ đồng ý.

- Tôi sẽ không quên đâu.

Mike Martin biến mất vào dòng người đang đi qua những đường phố chật hẹp và những ngõ nhỏ của quận Bneid-al-Qar.

Năm ngày sau, dưới tấm bia mộ của Able Seaman Shepton anh tìm thấy ba tấm thẻ căn cước, ba bộ chìa khoá gara với địa điểm, ba bộ chìa khoá ô tô, và sáu bộ chìa khoá nhà với địa chỉ gắn trên nó.

Hai ngày sau đó, một chiếc xe tải Iraq quay trở vào thành phố từ vùng mỏ dầu Umm Gudayr đã bị nổ tung thành từng mảnh bởi cái gì mà nó vừa cán lên.

Chip Barber, chỉ huy Ban Trung Đông của CIA. đã ở Tel Aviv từ hai ngày nay khi điện thoại văn phòng anh ở sứ quán Mỹ reo. Chỉ huy trạm CIA ở đầu đây.

- Chip, tốt rồi. Ông ta đã về thành phố. Tôi đã hẹn một cuộc gặp vào lúc bốn giờ, đủ thời gian cho anh bay chuyến cuối khỏi Ben-Gurion đến Stateside. Sẽ có người đón chúng ta ở văn phòng.

Chỉ huy trạm đang gọi từ bên ngoài sứ quán, nên anh ta chỉ nói những điều chung chung đề phòng trường hợp điện thoại bị nghe trộm. Nó đã bị nghe trộm, tất nhiên, bởi người Israel: họ biết thừa.

“Ông ta” ở đây là tướng Yaacov “Kobi” Dror. chỉ huy Mossad; văn phòng là sứ quán, và những người đến đón ở đây là hai người trong số nhân viên của Dror. Họ đã đến trong một cái xe vẻ ngoài bình thường vào lúc 3 giờ 10.

Barber nghĩ 50 phút đã là quá đủ để ra khỏi sứ quán để đến đại bản doanh của Mossad, một toà nhà văn phòng cao ngất ngưỡng tên là Hadar Dafna ở đại lộ vua Saul.

Nhưng đó không phải là nơi cuộc họp sẽ diễn ra. Chiếc xe tăng tốc về phía bắc ra khỏi ngoài thành phố, đi ngang qua sân bay quân sự Sde Dov, cho đến khi nó đón vào đường cao tốc ven biển để đi Haifa.

Ngay bên ngoài Herzlia đang có một địa điểm giống một căn hộ và khách sạn có tên đơn giản là Câu lạc bộ Đồng quê. Đó là một địa điểm nơi một số người Israel nhưng chủ yếu là Do Thái có tuổi từ nước ngoài đến để nghỉ ngơi, tận hưởng những thiết bị sức khỏe và giải trí nhiều vô số. Những con người sung sướng đó hiếm khi nhìn lên ngọn đồi ngay trên khu nghỉ mát.

Nếu họ nhìn lên, họ có thể nhìn thấy, nghiêng nghiêng trên đỉnh, một toà nhà khá là tuyệt diệu nhìn xuống khu nhà nghỉ, vùng đồng quê xung quanh và biển. Nếu họ hỏi đó là cái gì, họ có thể được biết đó là nhà nghỉ mùa hè của thủ tướng.

Thủ tướng Israel trên thực tế được phép đến nơi đó, với rất ít người, vì đó là trường huấn luyện của Mossad, được biết đến trong nội bộ Mossad là Midrasha.

Yaacov Dror đón tiếp hai người Mỹ ở văn phòng tầng trên cùng, một căn phòng sáng sủa, rộng rãi có điều hoà nhiệt độ bật nấc cao. Một người đàn ông thấp đậm, mặc áo quần Israel, cổ áo phồng mở trễ và hút thuốc đều đặn 60 điếu một ngày. Barber rất thích vì đây có điều hoà.

Giám đốc tình báo Israel đứng lên từ bàn của mình và quay ra.

- Chip, anh bạn của tôi, hiện giờ anh ra sao?

Ông ta ôm chầm lấy người Mỹ cao lòng không. Thật sung sướng cho ông ta được đối xử như một diễn viên người Do Thái và chơi trò bạn bè. Mọi cái chỉ là diễn kịch. Trong những phi vụ trước với tư cách chỉ huy tối cao, hay katsa, ông đã từng chứng tỏ là mình rất thông minh và đặc biệt nguy hiểm.

Chip Barber chào lại ông ta. Những nụ cười thường trực, cũng như trí nhớ vẫn rất rõ. Vừa mới đây một toà án Mỹ vừa mới kết án Jonathan Pollard của Tình báo Hải quân một án tù rất dài vì đã làm gián điệp cho Israel, một chiến dịch chắc chắn là để chống lại nước Mỹ của tướng Kobi Dror.

Sau mười phút họ đi đến vấn đề chính yếu: Iraq.

- Hãy để tôi nói cho anh. Chip ạ, tôi nghĩ anh đang chơi rất chính xác đấy, Dror nói, đưa người khách một tách cà phê nữa có thể sẽ khiến anh ta mất ngủ vài ngày. Ông dự điều thuốc thứ ba vào cái gạt tàn thủy tinh.

Barber thử không thử nữa nhưng phải bỏ ý định đó.

- “Nếu chúng ta phải vào đó”, ông nói. “nếu hấn ta không chịu rút khỏi Kuwait và chúng ta phải vào, chúng ta sẽ bắt đầu bằng không quân.”

- Tất nhiên rồi.

- Và chúng ta sẽ phải đối đầu với những vũ khí nguy hiểm. Đó cũng là quyền lợi của các ông đấy, Kobi ạ. Chúng ta cần hợp tác.

- Chip, chúng ta đã xem xét WMD hàng năm nay rồi. Mẹ nó chứ, chúng tôi đã cảnh báo rồi mà. Các anh có thể nghĩ mọi thứ khí độc, những thứ vi trùng và bom khí, được dành cho ai nào Chúng tôi đấy. Chúng tôi đã cảnh báo và cảnh báo, và không ai thèm để tâm đến hết cả. Chín năm trước chúng tôi đã san bằng những lò hạt nhân ở Osirak, buộc hấn lùi lại mất mười năm sản xuất. Thế mà cả thế giới kết tội chúng tôi. Nước Mỹ cũng thế.

- Đó chẳng qua chỉ là hình thức thôi. Chúng tôi biết chứ.

- Tốt thôi, Chip. thế bây giờ người Mỹ phải ở chiến tuyến. đó không phải là “hình thức” đâu nhỉ. Những người Mỹ thật sự sẽ phải chết.

- Kobi. cái trò dọa nạt của ông lại bắt đầu rồi đấy.

- Chó thế. Xem nào, chúng tôi có thể san bằng mọi loại nhà máy, và những phòng thí nghiệm và cái trò nghiên cứu bom nguyên tử của hấn. Với chúng tôi chẳng làm sao hết cả. Thế rồi chúng tôi bị gạt ra ngoài vì chú Sam có đồng minh người A rập rồi đấy thôi. Thế thì ai sẽ kêu ca nào? Không phải là Israel rồi. Chúng tôi đã đưa các ông mọi thứ về các kế hoạch vũ khí bí mật của hấn. Mọi thứ chúng tôi có. Không hề giữ lại cái gì hết.

- Chúng tôi cần nhiều hơn thế nữa. Kobi ạ. Đồng ý, có thể là chúng tôi đã lơ là Iraq một chút trong những năm vừa qua. Chúng tôi có cuộc chiến tranh lạnh để mà giải quyết. Giờ đây đó là Iraq, và chúng tôi có ít thứ.

Chúng tôi cần thông tin – không phải những thứ rác rưởi, mà là thực, trả giá cao. Vì thế tôi sẽ hỏi thẳng ông nhé: ông có của chìm nào làm việc cho ông không? quan chức của chế độ Iraq ấy? Chúng tôi có những câu hỏi. và chúng tôi cần câu trả lời. Và chúng tôi sẽ trả tiền - chúng ta đều biết luật chơi cả mà.

Một thoáng im lặng. Kobi Dror quan sát đầu điều thuốc lá của mình. Hai sĩ quan cao cấp nhìn vào cái bàn trước mặt mình.

- Chip này, Dror chậm rãi nói. Tôi sẽ cho anh câu trả lời của tôi. Nếu chúng tôi điều hành bất kỳ điệp viên nào bên trong các hội đồng của Baghdad: tôi sẽ nói với anh. Tôi sẽ nói hết. Hãy tin tôi, tôi không giấu dẫu.

Sau đó tướng Dror sẽ giải thích cho vị thủ tướng của mình. một người rất hay nổi giận, Itzhak Shamir. rằng vào lúc ông nói ông đã không nói dối. Nhưng ông đã không nói đến Jericho.

6. Chương 6

Mike Martin nhìn thấy đứa trẻ trước, nếu không cậu bé Kuwait đã chết ngày hôm đó. Anh đang lái chiếc xe tải kéo móc cũ kĩ, xấu xí của mình, chở đầy dưa hấu mà anh đã mua tại một trong những trang trại nằm ngoài rìa Jahra, khi anh nhìn thấy cái đầu nổi lên quần vải trắng đang nhấp nhô bên lề đường. Anh cũng đã bắt được cái nòng khẩu súng trường cậu bé ôm trước ngực trước khi nó biến mất sau đám cây.

Cái xe tải rất hợp với mục đích này. Anh đã yêu cầu nó bởi vì anh cho rằng, mà cũng đúng, rằng sớm hay muộn - có thể là sớm - lính Iraq sẽ bắt đầu tịch thu những cái xe ngon mắt để sử dụng.

Anh nhìn thoáng gương chiếu hậu, và lái ra khỏi đường Jahra. Đi ngay sau anh là một chiếc xe tải đầy lính của Quân đội Nhân dân.

Cậu bé Kuwait đang nhắm theo tốc độ của chiếc xe trong hướng súng của mình khi một bàn tay bịt ngang mồm nó và một bàn tay khác tước súng của nó.

- Tôi không nghĩ em thực sự muốn chết vào hôm nay, có phải không nào? một giọng nói thì thầm vào tai nó. Chiếc xe đang lẩn bánh qua. và vào lúc lướt qua và biến mất. Cậu bé đã sợ đủ bởi những hành động của chính mình; giờ nó đang kinh hãi.

Khi chiếc xe tải đã biến mất, vòng tay quanh mặt và đầu nó giảm xuống. Nó tựa mình thoát ra và nhảy lùi về phía sau.

Đứng sừng sững trước mặt nó là một người Bedouin cao lớn, rậm râu, khó nhìn mặt.

- Ông là ai, nó thì thầm.

- Ai đó biết rõ hơn cách giết một thằng Iraq khi chúng có 20 đứa khác trên cùng xe. Em để xe ở đâu rồi?

- Ngay kia thôi, cậu bé nói, nó vào chùng 20 tuổi, đang nuôi bộ râu đầu tiên của mình. Đó là một chiếc xe máy, đang được dựng cách đó 20 yard gần những cái cây. Người Bedouin nháy mắt. Anh hạ khẩu súng trường xuống, một khẩu Lee Enfield 303 đã cũ mà cậu bé chắc là đã thó từ một cửa hàng đồ cổ và dẫn cậu bé đi đến cái ô tô. Anh lái ra xa khỏi đám đá một chút; khẩu súng trường được giấu dưới những quả dưa hấu. Rồi anh nổ máy chiếc xe máy, dắt nó lên trên đống hoa quả. Nhiều quả dưa hấu bị vỡ.

- Lên đi, anh nói.

Anh lái đến một địa điểm yên ắng gần cảng Shuwaikh và dừng xe

- Thế chính xác cậu nghĩ cậu sẽ làm gì? người Bedouin hỏi.

Cậu bé nhìn chằm chằm qua tấm chắn gió. Đôi mắt cậu ươn ướt, và môi thì rung lên nhẹ nhẹ.

- Chúng đã hiếp chị gái tôi. Một y tá - Ở bệnh viện Al Adan. Bốn thằng trong xe. Chị ấy bị giết rồi. Người Bedouin gât đầu.

- Có nhiều chuyện như thế thật, anh nói. Thế là cậu muốn giết bọn Iraq à?

- Phải, càng nhiều càng tốt. Trước khi tôi chết.

- Vấn đề là không chết ấy chứ. Nếu mà đó là điều cậu muốn, tôi nghĩ tốt hơn là tôi huấn luyện cậu.

Cậu bé ngơ ngác.

- Người Bedouin không đánh nhau cơ mà.

- Đã nghe thấy Quân lê dương Ả-rập chưa? Đứa trẻ im lặng. Và trước đó, hoàng thân Faisal và cuộc nổi dậy của người Ả-rập? Đều Bedouin cả đấy. Có ai nữa cũng giống như cậu không?”

Cậu bé hoá ra đang là sinh viên luật, học ở Đại học Tổng hợp Kuwait trước cuộc xâm lược.

- Có năm người trong số chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều muốn. Tôi thử đầu tiên.

Hãy ghi nhớ địa chỉ này, người Bedouin nói. Anh đưa nó ra - một biệt thự ở một phố vắng vẻ ở Yarmuk. Cậu bé đọc hai lần sai, rồi đọc đúng được. Martin bắt nó nhắc lại 20 lần.

- 7 giờ tối nhé. Sẽ tối lắm đấy. Nhưng thế mới an toàn.

Hãy đến từng người một. Đỗ xe cách đó ít nhất 200 yard và đi bộ vào. Hãy vào cách nhau 2 phút một. Cửa ngõ và cửa nhà sẽ mở.

Anh nhìn cậu bé lái xe đi xa trên chiếc xe máy của mình và nháy mắt. Chất liệu khá là thô đây, anh nghĩ, nhưng lúc này đó là tất cả những gì ta có thể có được.

Những người trẻ tuổi đến rất đúng giờ. Anh dựa lưng vào tường căn hộ bên kia đường và nhìn ngắm họ. Họ đang bồn chồn và không chắc chắn, nhìn qua vai họ, dõng vào đường cống, rồi lại ra ngoài. Giống phim của Bogart. Khi tất cả đã vào trong, anh cho họ thêm 10 phút nữa. Không nhân viên an ninh Iraq nào xuất hiện hiện. Anh trượt xuống từ mái nhà, đi ngang qua đường, và đi vào nhà từ cửa sau. Họ ngồi trong căn phòng chính với những ngọn đèn bật và rèm không buông xuống. Bốn chàng trai trẻ và một cô gái. da găm đen và có vẻ căng thẳng.

Họ đang nhìn về phía trước về cánh cửa dẫn ra sảnh khi anh đi vào từ bếp. Một phút anh còn chưa ở đó, đến phút sau anh đã ở đó. Những người trẻ tuổi nhìn thoáng vào anh trước khi anh đến và tắt đèn đi.

- Hãy kéo rèm lại, anh bình tĩnh nói. Cô gái làm. Công việc phụ nữ mà. Rồi anh bật đèn lại.

- Không bao giờ được ngồi trong một căn phòng sáng đèn mà rèm còn mở- anh nói-Các cô cậu không muốn bị nhìn thấy cả đám chứ.

Anh chia sáu ngôi nhà của mình ra làm hai nhóm. Anh sống trong bốn cái: chuyển từ hết nhà này sang nhà khác không theo quy luật nào cả. Mỗi lần, anh để lại những dấu hiệu nhỏ cho mình - một mẫu giấy ở bệ cửa, một cái lon thiếc ở lối lên. Nếu chúng biến mất, anh có thể biết được là ngôi nhà đã bị viếng thăm. Trong hai căn nhà còn lại anh trữ một nửa số vũ khí anh mang theo từ cái hố trong sa mạc-. Địa điểm anh chọn để gặp các sinh viên là nơi ít quan trọng nhất trong số những chỗ ở của anh, và giờ đây có thể sẽ không ai thấy anh đến đây ngủ nữa.

Họ đều là sinh viên, trừ một người đang làm việc trong một ngân hàng. Anh để họ tự giới thiệu.

- Bây giờ các bạn cần có tên mới. Anh cho mỗi người trong số họ một cái tên mới. Các bạn đừng nói cho ai khác nhé - cả bạn bè, bố mẹ, anh em, không ai hết - những cái tên này.

- Thế chúng tôi gọi anh là gì? cô gái hỏi, người mới trở thành Rana xong.

- Bedou nhé, anh nói. Anh bạn - nhắc lại địa chỉ xem nào?

Chàng trai trẻ mà anh chỉ chìa ra một mảnh giấy. Martin cầm lấy nó từ tay cậu ta.

- Không được dùng một mẫu giấy nào hết- Ghi nhớ tất cả. Quân đội Nhân dân có thể là ngu ngốc nhưng Cảnh sát mật thì không đâu. Nếu các bạn bị tóm, các bạn sẽ giải thích thế nào?

Anh bảo người đã viết địa chỉ ra đốt những mẫu giấy của mình đi.

- Các bạn biết thành phố của mình như thế nào?

- Khá rõ. Người nhiều tuổi nhất trong số họ đáp, anh ta vào khoảng 25 tuổi.

- Chưa tốt đủ đâu. Mai phải mua bản đồ, bản đồ đường phố. Hãy nghiên cứu như là đang đi thi kỳ thi tốt nghiệp ấy. Hãy học thuộc mọi phố mọi ngõ, mọi quảng trường và vườn tược, mọi đại lộ và ngõ ngách, mọi ngôi nhà công cộng chính, mọi nhà thờ và nhà tu. Các bạn có biết dấu hiệu đường phố?

Họ gật đầu. Trong 15 ngày của cuộc tấn công, sau khi đã hồi lại được từ cú sốc: người Kuwait đã bắt đầu một dạng của kháng chiến thụ động, của sự bất tuân lệnh dân sự. Đó là tự phát và không có phối hợp với nhau. Một trong những phong trào là hạ những biển đường. Kuwait là một thành phố phức tạp: không có biển chỉ đường, nó trở thành một mê cung các đội lính Iraq rất hay lạc đường. Đối với cảnh sát mật, tìm kiếm một địa chỉ khả nghi là cả một cơn ác mộng.

Đêm đầu tiên đó, Martin giảng cho họ những vấn đề cơ bản trong hai giờ. Luôn có một câu chuyện dự phòng làm vỏ bọc để đưa ra, cho mọi chuyến đi và cuộc hẹn. Không bao giờ mang những giấy tờ làm lộ mình. Luôn lừa lính Iraq với sự nhã nhặn vâng lời. Không tin tưởng vào một ai hết cả.

- Từ giờ trở đi trong các bạn có hai con người. Một là chính bạn, người mà bạn biết rất rõ, là sinh viên. là công chức. Con người đó rất lịch sự, chu đáo, tuân thủ pháp luật, vô tội vô hại. Người Iraq sẽ để anh ta thoải mái bởi vì anh ta không đe dọa gì chúng. Anh ta không bao giờ chửi rửa đất nước của chúng, cờ của chúng, hay lãnh đạo của chúng. Anh ta không bao giờ rơi vào sự chú ý của AMAM. Anh ta sống sót được và tự do. Chỉ vào trường hợp đặc biệt, trong một điệp vụ, con người khác kia mới xuất hiện. Anh ta có kỹ năng và nguy hiểm và luôn sống.

Anh dạy họ về an toàn. Để đến một cuộc họp ở một cuộc hẹn, thì phải đi sớm, đỗ xe lại từ xa. Đi trong bóng tối. Nhìn ngó 20 phút. Nhìn vào những ngôi nhà xung quanh, tìm kiếm những cái đầu thập thò, những kẻ đón lõng. Cẩn trọng với lính tráng, mẫu thuốc lá, tiếng kim loại đập vào nhau.

Rồi họ còn có thời gian để về nhà trước khi thiết quân luật, anh cho họ đi. Họ thất vọng.

- Thế còn bọn xâm chiếm? Bao giờ chúng tôi mới được bắt đầu giết họ

- Khi nào các bạn biết được.

- Chúng tôi không thể làm được việc gì sao?

- Khi người Iraq đi lại. thì chúng sẽ làm gì? Chúng đi bộ chắc?

- Không, chúng sử dụng xe tải, xe van, Jeeps, những xe ăn cắp được, cậu học sinh luật nói.

- Chúng phải chạy bằng xăng, Bedou nói. Cho đường vào - 20 viên đường một thùng xăng. Nó hoà tan vào trong xăng, chuyển lên carburetor. và biến thành caramel trong bộ máy. Nó sẽ phá huỷ máy móc. Hãy cẩn thận để không bị tóm. Hãy làm việc thành nhóm và khi trời tối ấy. Một người quan sát. người kia thả đường vào. Hãy mở nắp bình xăng. Mất 10 giây đấy. Một mẫu gỗ, 4 inch, với 4 móc sắt. Thả chúng xuống dưới thob của các bạn, để nó tuột xuống chân các bạn. Dùng đầu ngón chân cắm nó vào bánh xe. Có chuột cống ở Kuwait, do đó có nhiều cửa hàng bán thuốc diệt chuột. Hãy mua loại màu trắng, không mùi. Mua bánh từ hiệu bánh. Trộn lẫn thuốc độc, sử dụng găng tay, rồi huỷ găng đi. Hơ bánh lên bếp. nhưng chỉ khi nào các bạn ở nhà một mình thôi nhé.

Các sinh viên há hốc mồm lắng nghe.

- Chúng tôi phải đưa nó cho bọn Iraq à?

- Không, các bạn hãy chớ bánh trong giỏ trần để trên xe máy, hay xe tải hay ô tô. Chúng sẽ chặn các bạn lại ở các trạm và cướp lấy chúng. Chúng ta sẽ gặp lại tại đây trong 6 ngày nữa.

Bốn ngày sau, các xe tải Iraq bắt đầu hỏng. Một số được sửa lại còn số khác bị vứt bỏ, 6 xe tải và 4 xe jeep. Các thợ máy kiểm tra nhưng không thể phát hiện tại sao, khi nào hay tại ai. Lốp xe bắt đầu nổ và các quảng trường được chỉ cho Cảnh sát mật, những người vây bắt và bắt giữ hù dọa người Kuwait gặp trên đường.

Các trạm xá bắt đầu đông đặc lính ốm, tất cả đều nôn mửa và đau dạ dày. Vì họ hiếm khi được phát lương thực và sống lay lắt ở các chốt chặn xe và trong những lán trại bằng đá trên đường, giả thiết cho rằng họ đã uống phải nước nhiễm bẩn.

Rồi ở bệnh viện Amiri ở Dasman, một kỹ thuật viên phòng thí nghiệm người Kuwait đã phân tích một mẫu nôn mửa từ một trong số những người Iraq đó. Anh ta lại gần trưởng khoa của mình đang rất lúng túng.

- Chúng ăn phải thuốc diệt chuột rồi, giáo sư ạ. Nhưng hẳn nói hẳn chỉ ăn bánh trong suốt 3 ngày, và một số hoa quả.

Giáo sư bối rối.

- Bánh mì của quân đội Iraq à?

- Không, chúng không được chuyển đến trong vài ngày. Hẳn ta đã lấy nó từ một thùng bé bán bánh người Kuwait đi qua.

- Các mẫu của anh để đâu rồi?

- Trên ghế băng, trong phòng thí nghiệm. Tôi nghĩ tốt hơn hết là đến gặp ông trước đã.

- Tốt đấy. Anh đã làm tốt- Hãy huỷ chúng đi. Anh đã thấy cái gì, anh có hiểu không?

Giáo sư đi lui lại vào văn phòng của mình và ôm lấy đầu.

Thuốc chuột. Không biết tay quái quỷ nào nghĩ ra trò đó vậy?

Nhóm thanh niên trong sa mạc yên lặng nằm ngấm nhìn bình minh ghi dấu ấn lên khắp các đụn cát. Khi đến nhà Bedou tối hôm trước họ không biết mình sẽ phải ở sa mạc cả đêm. Họ nghĩ sẽ có một bài giảng khác. Họ không mặc quần áo ấm: và đêm trên sa mạc thật lạnh thấu xương, ngay cả vào cuối tháng Tám. Họ co ro và tự hỏi bằng cách nào họ có thể giải thích sự vắng mặt của mình cho những ông bố bà mẹ khó tính của mình. Dính thiết quân luật? Rồi tại sao không gọi điện? Vô tổ chức... có thể là như thế đấy.

Ba trong số năm người tự hỏi liệu họ đã lựa chọn đúng không, nhưng dù sao đã quá muộn để quay trở về rồi. Bedou chỉ nói với họ đã đến lúc họ phải học hành động và đã dắt họ ra khỏi nhà đến một chiếc xe bốn bánh cũ kỹ đỗ cách đó hai phố. Họ đã ở bên ngoài thành phố trước giờ thiết quân luật. Từ khi đi vào sa mạc, họ không nhìn thấy ai hết cả.

Họ đã lái xe về phía nam trong 20 dặm ngang qua cát cho đến khi họ cắt một con đường hẹp mà họ ngỡ là chạy từ vùng dầu Manageesh sang phía Tây đến Outer đường mô-tô trong phía Đông. Tất cả các vùng dầu, họ biết, đều được người Iraq gác và những đường lộ chính đều có quân canh. Ở một vài nơi phía Nam họ, 16 sư đoàn Quân đội và Vệ binh Cộng hoà đã xâm nhập, để đề phòng A rập Xêut và làn sóng dâng lên của người Mỹ đang tràn vào. Họ cảm thấy bồn chồn.

Ba người trong nhóm nằm trên cát gần Bedou: nhìn con đường trong ánh sáng đang lên. Nó khá là hẹp. Xe cộ phải rất khó khăn mới lại gần được. Từng cái một. Nằm giữa đường là một tấm ván cấm đinh tua tủa. Bedou đã lấy nó từ xe tải của mình và đặt nó ở đấy, phủ lên nó một cái chăn làm từ những cái túi Hessian cũ kỹ. Anh phủ cát lên cái chăn để biến nó giống với đồng cát trong sa mạc bị gió vun lên.

Hai người khác, nhân viên nhà băng và sinh viên luật, đang nhấp nhồm. Mỗi người dựa vào một đụn cát một trăm yard phía trên và nhìn xuống đường để tìm kiếm xe cộ. Họ được lệnh nếu có xe tải Iraq lớn hoặc đi thành đoàn thì phải vây tay theo một cách thức nhất định.

Quá 6 giờ, sinh viên luật vẫy tay. Dấu hiệu của cậu ta có nghĩa: "Quá nhiều". Bedou kéo cái dây lại. Đồng cát lùi lại khỏi con đường. 30 giây sau, hai xe tải đầy nhóc lính Iraq đi đến.

Bedou chạy ra đường và chuyển chỗ cái tấm, các túi, và cát.

Nhiều phút sau, nhân viên nhà băng vẫy tay. Đó là dấu hiệu đúng. Từ hướng của con đường một xe chở đồ đang bò xuống trên con đường dẫn đến vùng đất dầu. Người lái xe không bao giờ nghĩ là cần cẩn thận tránh đồng cát. Lốp trước chạm nhẹ vào đó. Thế là đã đủ. Lốp xe nổ tung, cái chắn quần quanh lốp và xe rung lên dữ dội. Chiếc xe đứng khựng lại. chệch một nửa ra khỏi đường. Bụi tung mù lên.

Người lái xe nhảy ra từ phía trước và hai sĩ quan nhồm lên từ phía sau, một thiếu tá và một thiếu úy. Họ kêu lên với người lái xe: anh ta nhún vai và lắc người, chỉ vào cái lốp. Cái kích không thể giúp được gì - cái xe đã ở vào một vị trí thật kỳ khôi.

Người Bedou thì thầm với các học sinh mặt tái nhợt, “ở lại đây”, rồi nhồm lên và đi ra đường. Anh ta có một cái chắn lạc đà của người Bedouin trên vai phải, trùm lên tay bên phải. Anh ta cười rạng rỡ và chào kính cẩn viên thiếu tá.

- Salaam aleikhem. Sayid thiếu tá. Tôi thấy ông gặp vấn đề rồi đấy Có thể là tôi giúp được. Người của tôi chỉ ở cách đây không xa đâu.

Viên thiếu tá nắm lấy bánh súng lục. rồi thoải mái trở lại. Hắn nhìn quanh và gạt đầu.

- Aleikhem salaam, Bedou. Cái của nợ này đã làm xe của tôi bật khỏi đường.

- Sẽ phải kéo nó lên thôi. sayidi. Tôi có nhiều anh em. Khoảng cách đã được rút ngắn chỉ còn 8 fít khi cánh tay người Bedou gơ lên. Anh ta bắn theo cách của SAS, hai phát liền, ngừng một lát, hai phát, ngừng...

Thiếu tá bị bắn trúng tim ở khoảng cách 8 fít. Một cử động nhẹ của khẩu AK sang phía phải bắn trúng viên thiếu úy vào ngực. làm hắn ta ngã nhào lên tay lái xe, người đang làm ngòm bò ra từ dưới bánh xe. Khi người đàn ông đứng thẳng lên được, anh ta chỉ còn đủ thời gian để chết với cặp đạn thứ ba vào ngực.

Tiếng ồn của tiếng súng có vẻ như vang vọng trong các cồn cát, nhưng sa mạc và con đường vẫn vắng teo. Anh gọi ba người đang sợ sệt từ những chỗ trốn của họ.

- Hãy đẩy những xác chết lại vào trong xe - tên lái xe thì ở dưới bánh xe, các sĩ quan ở đằng sau, anh nói với hai người đàn ông. Với cô gái anh đưa cho một cái tuốcnơ vít ngắn chỉ vào một chỗ.

- Đâm vào thùng xăng ba phát.

Anh nhìn những người cảnh giới. Họ báo hiệu không có gì bất ổn. Anh nói cô gái cầm lấy khăn tay, quần nó bọc xung quanh một hòn đá, buộc lại, và ném vào thùng xăng. Khi ba xác chết đã được đưa vào trong xe, anh đẩy cái khăn tay nặng và nhét nó vào trong thùng dầu.

- Giờ thì đi thôi.

Họ không chần chừ gì, chạy qua những đụn cát đến nơi họ đã đỗ chiếc ô tô. Chỉ có người Bedou nghĩ đến chuyện cầm thanh gố và mang theo. Khi anh quay trở lại những đụn cát, phần dầu trong cái xe cháy đã bắt lửa và bùng lên. Cái xe chở lính biến mất trong lửa.

Họ lái xe trở lại Kuwait trong sự im lặng sợ hãi. Hai trong số hai người ngồi với anh ở băng ghế trên, những người khác ngồi ở đằng sau.

- Cậu đã thấy chưa? Cuối cùng Martin hỏi. Cậu có nhìn không?

- Có Bedou ạ.

- Thế cậu nghĩ gì?

- Thật thật là nhanh quá, cô gái Rana cuối cùng lên tiếng.

- Tôi nghĩ đó là một quãng thời gian dài quá thể, nhân viên nhà băng nói.

- Nó rất nhanh, và rất tàn bạo, Martin nói. Các bạn nghĩ chúng ta đã ở trên đường bao nhiêu thời gian?

- Nửa tiếng.

- Sáu phút thôi. Các bạn có bị sốc không?

- Có Bedou ạ.

- Tốt. Chỉ bác sĩ tâm lý mới không bị sốc lần đầu. Có một ông tướng Mỹ, tên là Patton. Đã nghe tên ông ta chưa?

- Chưa. Bedou.

- Ông ta nói việc của ông không phải là đảm bảo lính của ông chết vì đất nước, mà là chắc chắn bọn bên kia phải chết cho đất nước của chúng. Hiểu không?

Triết lý của George Patton không được dịch chuẩn sang tiếng Ả-rập, nhưng nó cũng có tác dụng.

- Khi các bạn đang trong chiến tranh, đến một điểm nào đó các bạn còn có thể trốn được, qua đó rồi các bạn có sự lựa chọn của mình. Bạn chết hay hấn chết. Hãy lựa chọn bây giờ đi, tất cả các bạn. Các bạn có quay trở về với học tập hay là đi chiến đấu.

Họ nghỉ ngơi trong nhiều phút. Rana là người nói trước tiên.

- Tôi sẽ đi vào chiến tranh, nếu anh có thể chỉ cho tôi cách, Bedou ạ.

Sau đó các thanh niên trẻ bắt đầu đồng ý.

- Rất tốt, nhưng trước hết tôi sẽ dạy các bạn cách phá hoại, giết người, và cách tồn tại sống sót. Nhà tôi, trong khoảng thời gian hai ngày nữa. vào lúc bình minh, khi giờ thiết quân luật đã hết. Hãy mang theo giấy bút đi học, tất cả các bạn. cả anh nữa, nhân viên nhà băng ạ. Nếu bị chặn lại. hãy tỏ ra tự nhiên, các bạn chỉ là sinh viên đi học thôi mà. Đúng thế, theo một nghĩa nào đó, nhưng là những môn khác lắm. Các bạn sẽ phải đi khỏi đây. Mỗi người hãy tìm cách ra khỏi thành phố trong những chiếc xe tải khác nhau.

Họ gặp lại những con đường đông người và đến được đường mô-tô Ring số 5. Martin chỉ một cái gara nơi những chiếc xe tải có thể dừng lại và những người lái xe có thể sửa sang. Khi họ đã đi, anh quay lại sa mạc, lôi chiếc đài của mình lên, đi cách xa ba dặm vùng cháy, mở đĩa vệ tinh, và bắt đầu nói bằng chiếc Motorola mật mã để đến ngôi nhà đã được chỉ định trước ở Riyadh.

Một giờ sau cái xe bị cháy nổ được đội tuần tra tiếp sau tìm thấy. Các xác chết được đưa đến bệnh viện gần nhất. Al Adan.

Nhà pháp y sau khi khám nghiệm dưới con mắt sẫm soi của một đại tá của AMAM đã chỉ ra những lỗ đạn - những lỗ nhỏ còn mới. Ông ta là một người đàn ông của gia đình, với các con gái của mình. ông biết cô y tá trẻ đã bị hiếp.

Ông rút máu giấy từ cái xác chết thứ ba và bắt đầu cởi găng tay ra.

- Tôi e rằng họ đã bị ngạt hơi khi xe bị cháy sau một vụ đâm va, ông nói. Cầu thánh Allah che chở.

Viên đại tá lắc đầu và bỏ đi.

Ở cuộc gặp thứ ba với đội tình nguyện của mình: người Bedou lái xe đưa họ đi xa vào trong sa mạc, đến một điểm nằm ở phía tây Kuwait City và phía nam Jahra nơi họ có thể được yên tĩnh. Ngồi bên một bữa tiệc ngoài trời, năm người trẻ tuổi xem thầy giáo của mình lấy ra một cái túi và trùm lên cái chăn lạt đà một loạt những thiết bị lạ mắt. Anh chỉ đích danh từng cái một.

- Ngồi nổ dẻ. Dễ vận hành, rất chắc chắn.

Họ thử nhiều dạng rồi anh quấn cái đó lại trong tay giống như một cái vôi. Một trong số những người thanh niên, mà bố là chủ một cửa hiệu thuốc lá, đã mang theo như được yêu cầu một số vỏ bao thuốc lá cũ.

- Cái này- Bedou nói- là một cái bút chì ghi thời gian, một kíp nổ có kèm đồng hồ. Khi anh quấn cái con bướm này ở đầu. một dòng axit chảy ra. Axit hắt đầu cháy theo cái đường của nó từ biểu đồ. Nó sẽ như thế trong một phút. Sau đó, thủy ngân sẽ trào ra và làm nổ ngòi. Nhìn này.

Anh bảo họ chú ý đặc biệt. Cầm một mẫu Semtex-H cỡ một gói thuốc lá, anh đặt nó vào trong một hộp thuốc lá nhỏ và nhét vào một ngòi nổ vào giữa đồng đó.

- Bây giờ khi các bạn quấn con bướm lại như thế này, các bạn gắn nó vào cái hộp và quấn xung quanh bằng dây cao su... thế này này... để giữ thật chặt. Các bạn chỉ làm thế vào lúc cuối cùng

Anh đặt cái hộp lên trên cát ở trung tâm vòng tròn.

- Tuy nhiên, một phút là đủ dài hơn là các bạn nghĩ đấy. Các bạn có thời gian đi đến cái xe tải, xe bunker của Iraq, đặt cái hộp vào, và bỏ đi. Hãy đi bộ - đừng bao giờ chạy. Một người chạy ngay lập tức sẽ làm báo động. Hãy để đủ thời gian để đi lại quanh một góc nào đấy. Tiếp tục đi bộ. không chạy, ngay cả sau khi bạn đã nghe tiếng nổ. Anh hé mắt nhìn vào cái đồng hồ trên cổ tay mình. 30 giây.

- Bedou này, nhân viên nhà băng nói.

- Gì hả?

- Đó không phải là thật đấy chứ ?

- Cái gì?

- Quả bom anh vừa làm ấy. Giã phải không?

45 giây. Anh tiến lên và nhặt nó.

- Ồ không đâu. Nó là thật đấy. Tôi chỉ muốn chỉ cho các bạn 60 giây thực ra dài đến thế nào thôi- Đừng bao giờ hoảng sợ với những điều thế này. Hoảng sợ sẽ giết chết bạn, làm cho bạn bị bắn. Chỉ cần bình tĩnh vào mọi lúc thôi.

Với một cái xoắn cổ tay anh ném cái hộp ra xa trên những đụn cát. Nó rơi xuống một đụn và nổ tung. Tiếng nổ làm rung đám người đang ngồi, và cát bay cuốn lên trong gió.

Trên cao phía bắc Vịnh, một máy bay AWACS Mỹ nhận ra vụ nổ qua những cảm ứng nhiệt của nó. Người lái bắt đầu chú ý nói người kiểm soát bay, người đang dán mắt vào màn hình. Nhưng tiếng nổ đã lắng xuống.

- Mạnh không?

- Đủ để làm tung một chiếc xe tăng, tôi nghĩ thế, thưa ngài.

- Tốt. Bỏ đi. không có hành động nào hơn.

- Có thể làm việc này vào cuối ngày. Cầm những ngòi nổ và bút đánh dấu thời gian này đi. người Bedou nói.

Anh cầm một cái tuýp thuốc lá bằng nhôm. cuộn ngòi nổ trong vỏ vải, và nhét nó vào trong ống, rồi đẩy nó lùi trở lại

- Các bạn cũng làm vậy với chất dẻo.

Anh cầm cái hộp đã được cuộn lại của một thanh xà phòng, lăn 4 ounce thuốc nổ vào trong một thanh, và quấn nó lại gắn nó bằng một inch băng dính.

- Cần có những chiếc hộp xì gà. Không phải loại lớn như Havans - loại nhỏ cheroot thôi. Luôn giữ xì gà trong hộp, để đề phòng trường hợp các bạn bị bắt và bị khám. Ngay cả một người Iraq cũng có thể muốn lấy tuýp xì gà hay cái hộp hay xà phòng đi cứ để cho hẵn lấy.

Anh cho họ thực hành dưới mặt trời cho đến khi họ đã làm cứng được “xà phòng”, làm rỗng được xì gà, chuẩn bị được bom. và quấn được cái hộp trong 30 giây.

- Các bạn có thể nhét nó vào sau một cái xe ôto, căn phòng có người hay quán cà phê ở một cửa ra vào, hay ban đêm sau một cái cây, anh bảo họ. Trước hết hãy đặt ra các mục tiêu. Hãy chắc rằng ở đó không có lính canh, để mà còn sống sót được chứ. Rồi quấn con bướm, đóng cái hộp, cho băng vào, đi, nhét quả bom, và đi xa. Từ lúc các bạn quấn con bướm, hãy đếm từ từ cho đến 50. Nếu ở giây 50 không có gì xảy ra, thì hãy gỡ nó đi nếu có thể Còn bây giờ, các bạn chủ yếu sẽ phải làm trong bóng tối, đó là cách chúng ta sẽ làm bây giờ đây.

Anh bảo cả nhóm từng người một đứng riêng ra, rồi xem từng người thao tác. Vào cuối buổi chiều, họ đã thực hành được.

Sáng sớm anh đưa cho họ phần còn lại trong cái túi, đủ cho mỗi sinh viên làm được 6 thanh xà phòng và 8 bút chì. Con trai người bán thuốc lá đồng ý cung cấp mọi hộp nhỏ và ống nhòm. Họ có thể tự mua túi vải, xà phòng, và dây cao su cho chính mình. Rồi anh chở họ về thành phố.

Qua tháng chín, đại bán doanh AMAM ở khách sạn Hilton nhận được cả một đợt thác báo cáo của một mức độ tấn công ngày càng gia tăng vào lính Iraq và các trang thiết bị quân sự. Đại tá Sabaawi ngày càng trở nên điên tiết và ngày càng rối tung lên.

Đó không phải là điều được dự định. Người Kuwait, như ông ta được biết, là một dân tộc hiền lành không thể gây ra xáo động nào. Nhưng đã không thể. Trên thực tế đã có những phong trào kháng chiến đang tồn tại, phần lớn trong đó là tự phát và không có liên lạc với nhau.

Tại quận Shi'a của Rumaiithiya, lính Iraq biến mất. Những người Hồi giáo của Shi'a có lý do đặc biệt để xử lý quân Iraq, vì lý do tôn giáo, quân Shi'a của Iran, đã bị tàn sát hàng trăm nghìn người trong chiến tranh Iran-Iraq. Lính Iraq đi lang thang vào quận Rumaiithiya bị cắt cổ, và xác của họ nổi lên trên mặt cống. Không được nhận dạng.

Giữa những người Sunnis, kháng chiến được tập trung ở các nhà thờ Hồi giáo, nơi mà người Iraq hiếm khi khám đến. Ở đó những thông tin được truyền nhau, vũ khí được che giấu, và các vụ tấn công được lên kế hoạch.

Phần lớn cuộc kháng chiến có tổ chức đến từ các lãnh đạo của những người quý tộc Kuwait, những người có giáo dục và tài sản. Ông La-Khalifa trở thành chủ nhà băng, dùng tiền của mình cung cấp lương thực cho người Kuwait, và những hàng hoá khác được giấu dưới lương thực đã được đưa vào từ bên ngoài.

Tổ chức nhắm đến sáu mục tiêu, nằm trong số đó là kháng chiến thụ động, và mỗi cái lại có nhánh riêng. Một là thu thập tài liệu: mỗi người kháng chiến được cung cấp tài liệu hoàn hảo do những người kháng chiến trong Bộ Nội vụ cung cấp. Nhánh thứ hai là cho tình báo - giữ một đường dây thông tin về hành tung của người Iraq đến sự chỉ đạo của Liên quân ở đại bán doanh Riyadh, nhất là về nhân lực và sức mạnh vũ khí của quân Iraq: phòng thủ bờ biển: và tiềm năng tên lửa. Nhánh thứ ba chịu trách nhiệm vận hành - nước, điện, các đội cứu hoả, và y tế. Khi Iraq thất bại, rời khỏi những vôi dầu và bắt đầu tàn phá biển: các kỹ sư dầu hoả Kuwait chỉ lỗi cho máy bay ném bom của Mỹ chính xác phải đánh vào đâu.

Những Hội đồng đoàn kết cộng đồng cũng hoạt động tại mọi quận, thường là liên lạc với người châu Âu và những người dân của thế giới thứ nhất thường xuyên chú ý và theo dõi cách của quân Iraq.

Một hệ thống điện thoại vệ tinh được đưa lậu từ Ả-rập Xê-út trong bình xăng của một chiếc xe jeep. Nó không được mã hoá giống cách của Martin, nhưng giữ nó liên tục hoạt động kháng chiến Kuwait có thể tránh sự theo dõi của Iraq và liên lạc được với Riyadh mọi lúc có gì đó xảy ra. Một trạm phát thanh cổ lỗ làm việc dưới sự chiếm đóng, gửi đi 7.000 thông điệp đến một trạm khác ở Colorado, những thứ được đưa ngay đến Bộ Ngoại giao.

Và có một cuộc kháng chiến tấn công: chủ yếu dưới sự lãnh đạo của một đại tá người Kuwait đã thoát ly Bộ quốc phòng xây dựng từ ngày đầu tiên. Bởi vì ông có một con trai tên là Fouad, nên tên bí danh của ông là Abu Fouad, hay cha của Fouad.

Saddam Hussein cuối cùng cũng phải từ bỏ việc thử thành lập một chính phủ mới và chỉ định em mình Ali Hassan Majid trở thành thống đốc. Kháng chiến không phải chỉ là một trò chơi. Một cuộc chiến tranh nhỏ nhưng hết sức khẩn trương đã được phát triển một cách ngấm ngầm. AMAM trả lời bằng cách dựng lên những trung tâm tra hỏi ở trung tâm thể thao Kathma và sân vận động Qadisiyad. Tại đó các phương pháp của giám đốc AMAM, Omar Khatib được nhập khẩu từ nhà tù Abu Ghraib bên ngoài Baghdad và sử dụng với cường độ cao. Trước ngày giải phóng, 500 người Kuwait đã chết, trong số đó 250 người bị hành quyết, nhiều người bị tra tấn kéo dài.

Giám đốc cục phản gián Hassan Rahmani ngồi ở bàn mình trong khách sạn Hilton và đọc những bản báo cáo do nhân viên tại chỗ viết. Anh đang làm một chuyến viếng thăm ngắn từ những công việc Baghdad của mình ngày 15 tháng Chín. Các bản báo cáo phải được đọc thật kỹ.

Có một sự tăng lên đều đều những cuộc tấn công vào các điểm của người Iraq ở những con đường vắng vẻ, những lều canh, xe cộ, và các điểm dừng xe. Đó chủ yếu là vấn đề của AMAM - kháng chiến địa phương do

họ quản lý và - được báo trước theo cách nhìn của Rahmani - cái trò tàn bạo Khatib đang tiến hành chỉ là một trò không dẫn đến đâu.

Rahmani có ít thời gian cho sự tra tấn mà địch thủ của anh trong cấu trúc tình báo Iraq rất thích thú. Anh thích dựa vào những điều tra tỉ mỉ hơn, suy luận, và phán đoán, ngay cả nếu anh phải thừa nhận rằng ở Iraq có bạo lực và phải thế mới giữ được Rais ở lại quyền lực trong suốt ba năm nay. Anh phải chấp nhận, với tất cả nền giáo dục mình được hưởng, rằng những người khôn ngoan trên đường phố, nhà tâm bệnh học say mê từ những lối đi của Tikrit đang đe dọa anh.

Anh đã cố thuyết phục vị tổng thống của mình cho anh quyền chịu trách nhiệm về tình báo trong Kuwait. Nhưng câu trả lời luôn như đinh đóng cột là không. Đó là vấn đề chủ chốt. Bộ trưởng Ngoại giao Tarig Aziz đã giải thích cho anh. Anh, Rahmani, đã được giao trách nhiệm bảo vệ nhà nước khỏi sự do thám và phá hoại từ nước ngoài. Rais không muốn nhân nhượng rằng Kuwait là một nước ngoài - đó là tỉnh thứ mười chín của Iraq. Do đó Omar Khatib phụ trách địa bàn này.

Nhìn đồng báo cáo buổi sáng hôm nay trong khách sạn Hilton, Rahmani có cảm giác mình không hoàn thành nhiệm vụ. Đó là một cơn ác mộng, và như anh đã dự tính trước. Saddam Hussein đã chơi những quân bài của mình một cách sai lầm hoàn toàn.

Việc bắt giữ những con tin phương Tây như lá chắn người chống lại tấn công đã tỏ ra một thảm họa, hoàn toàn phản tác dụng. Ông ta đã để mất cơ may đi xuống phía nam và chiếm lấy các vùng dầu của Xêut, buộc vua Fahd phải vào bàn thương lượng. và giờ đây người Mỹ đang tràn lên sân khấu. Mọi cố gắng để quân Kuwait đã thất bại, và trong vòng một tháng, có thể còn ít hơn, A rập Xêut có thể cùng với lá chắn người Mỹ của mình tiến lên biên giới phía bắc.

Saddam Hussein, anh tin vậy, vẫn có thể rút khỏi Kuwait mà không nhục nhã tẹo nào, không ở lại đây để tấn công hơn nữa. Nhưng Rais vẫn rất tự tin, như là ông ta tin có thể điều gì đó biến chuyển được. Ông ta đang chờ đợi cái quái gì? Rahmani tự hỏi. Thánh Allah từ trên thiên đường xuống hạ giới và nghiền nát kẻ thù trước mặt ông ta chẳng ?

Rahmani nhồm dậy từ bàn của mình và đi ra cửa sổ. Anh thích đi lại khi nghĩ ngợi, nó làm đầu óc anh đỡ căng. Anh nhìn xuống từ cửa sổ.

Có cái gì đó trong những báo cáo trên bàn đã làm anh xáo trộn. Anh quay trở lại và nhìn vào chúng thêm nữa. Phải. có cái gì đó trực trặc. Một vài vụ tấn công vào quân Iraq có súng ngắn và súng trường; những cái khác với bom tự tạo với thuốc nổ TNT. Nhưng ở đây có những cái khác, rõ ràng có sử dụng ngòi nổ dẻo. Kuwait chưa từng bao giờ có thứ đó, ít nhất là không hề có Semtex-H. Tại sao lại có chúng ở đây, bằng con đường nào?

Rồi lại còn những báo cáo về một máy phát mã hoá ở đâu đó trong sa mạc luôn di động, chuyển không trung vào những thời gian khác nhau, phát khoảng mười mười lăm phút rồi lại im lặng, và luôn luôn với tần số khác.

Rồi lại còn những bản báo cáo về một người Bedou lạ thường có vẻ như dạo chơi khắp nơi, xuất hiện, rồi biến mất. và lại xuất hiện, và luôn là một dấu hiệu phá hoại ở đâu hấn ta đi qua. Trước khi họ chết vì bị thương, hai người lính bị thương nặng đã báo cáo nhìn thấy người đàn ông đó, cao lớn và tự tin trong một cái keffiyeh đỏ trắng, một cái khăn che ngang qua mặt.

Hai người Kuwait bị tra tấn đã khai ra huyền thoại về người Bedou vô hình nhưng nói họ chưa bao giờ gặp ông ta hết cả. Những người của Sabaawi cố công thuyết phục những người tù với nhiều đau đớn hơn để chấp nhận là họ đã gặp. Ngu thể cơ chứ, bọn họ thừa sức bịa ra mọi thứ để khỏi bị đánh tiếp.

Hassan Rahmani càng nghĩ về điều đó, anh càng bị thuyết phục rằng anh đang phải đối mặt với một đường dây nước ngoài, hấn là một phần trong trách nhiệm của anh. Anh thấy thật là khó để tin mà có người Bedou nào đó lại biết về thuốc nổ dẻo và biết chuyển tin mã hoá - nếu chúng đều đi từ một người đàn ông đó. Hấn có thể huấn luyện một số tay đặt bom, nhưng hấn cũng có thể chính tay mình thực hiện một số cuộc tấn công.

Đúng là có thể bắt mọi tên Bedou đi lang thang trong thành phố và sa mạc - đó là cách của AMAM nhưng họ di chuyển suốt và chẳng ở đâu nhất định hết cả.

Với Rahmani, bài toán được giải quyết bằng ba lựa chọn: bắt người đàn ông trong một cuộc tấn công của hắn - Bắt một trong số những tên Kuwait liên kết với hắn và tìm dấu vết tên đó theo dấu hiệu. Hay tóm hắn đang phục đầu đó chuyển tin ở trong sa mạc.

Rahmani quyết định chọn cách cuối cùng. Anh có thể mang đến từ Iraq hai hay ba trong số đội dò radio tốt nhất của mình. Đặt họ ở các điểm khác nhau, và cố tìm ra chỗ phát sóng. Anh cũng có thể cần một máy bay trực thăng quân sự luôn túc trực, với một đội không lực đặc biệt luôn sẵn sàng. Ngay khi về đến Baghdad, anh có thể bắt đầu tiến hành được.

Hassan Rahmani không phải người duy nhất ở Kuwait hôm nay đang quan tâm đến người Bedou. Trong một biệt thự ngoại ô hàng dặm cách Hilton, một đại tá quân đội Kuwait trẻ tuổi đẹp trai có ria trong một cái thob màu trắng ngồi trong một cái ghế bành và nghe một người bạn vừa đến chỗ anh với một tin đáng chú ý.

Tôi đã ngồi ngay trong xe của mình ở chỗ đèn đỏ, không thấy có gì đặc biệt cả, thì đúng lúc tôi nhận ra cái xe tải của quân đội Iraq đang ở bên kia ngã tư. Nó đỗ ở đó: với một nhóm lính quanh đó, đang ăn và hút thuốc. Rồi một người đàn ông trẻ, một trong số người của ta, từ một quán cà phê đi ra, cầm một cái hộp nhỏ. Nó thật sự rất nhỏ. Tôi chẳng nghĩ gì về nó cho đến khi tôi thấy anh ta luồn tay dưới cái xe. Rồi anh ta quay ra góc phố và biến mất. Đèn chuyển sang xanh, nhưng tôi vẫn ở yên tại chỗ.

Trong 5 giây cái xe tan thành từng mảnh. Tôi nói thế đấy. Đúng là nó bùng lên. Bọn lính nằm la liệt trên mặt đất chân cẳng gãy hết cả. Tôi chưa bao giờ thấy một gói nhỏ lại gây ra thiệt hại lớn đến thế. Tôi nói với anh, tôi vòng xe lại và đi khỏi đó trước khi bọn AMAM đến.

- Thuốc dẻo, người sĩ quan quân đội say mê. Tôi không có nó. Tôi sẽ phải gặp ai đó trong số những người của Bedou mới được. Nhưng dù sao anh ta là ai chứ? Tôi thích được gặp anh ta lắm.

Vấn đề là ở chỗ đó. Tôi có thể nhận ra cậu bé.

- Gì cơ? viên đại tá trẻ tuổi hướng về trước, khuôn mặt anh sáng bừng tia sáng thích thú.

- Tôi không bỏ ra chạng đường dài đến thế để chỉ nói với anh tôi đã nghe ngóng được gì đâu. Abu Fouad, tôi đã mua thuốc lá từ cửa hàng của bố cậu ta trong suốt nhiều năm.

7. Chương 7

Con trai người bán thuốc lá đang rất sợ, và bố cậu cũng thế.

- Vì lòng thương hại. hãy nói cho chúng ta những gì con biết đi, con trai. ông cầu xin con mình.

Hai người đến từ Hội đồng Kháng chiến Kuwait đã vô cùng lịch sự khi tự giới thiệu với ông bán thuốc lá, họ khẩn khoản muốn con trai ông thẳng thắn và tin tưởng họ. Người bán hàng, dù biết thừa những người đến thăm mang tên giả thay cho tên thật, cũng đủ khôn ngoan để nhận ra ông đang nói chuyện với những thành viên có thể lực và ảnh hưởng của dân tộc mình. Nhưng thật tệ khi ông bất ngờ biết con trai mình dính líu vào cuộc kháng chiến chủ động. Tội tệ nhất, ông vừa mới được biết thẳng con nói dối không ở cùng với cuộc kháng chiến chính thức của Kuwait. mà đã bị nhìn thấy thả bom dưới một cái xe tải Iraq ở ngay giữa một bọn lạ mặt nào đó mà ông chưa từng nghe đến. Thế là đã đủ để bất kỳ người cha nào lên cơn đau tim rồi.

Bốn người họ ngồi trong căn phòng kín của ngôi nhà tiện nghi của người bán thuốc lá ở Keifan trong lúc một trong số những người khác giải thích họ không có gì chống lại người Bedou nhưng chỉ đơn giản là muốn liên lạc với anh ta để có thể hợp tác với nhau.

Cậu con trai giải thích điều gì đã xảy ra kể từ khi cậu bạn của mình đã bị tóm cổ sau một đồng gỗ vào lúc chuẩn bị bắn vào một cái xe tải Iraq chạy nhanh. Những người đàn ông im lặng ngồi nghe, chỉ có một người đôi khi chen vào một câu hỏi nào đó. Người không nói gì cả, người đeo cặp kính đen, chính là Abu Fouad.

Người hỏi đặc biệt quan tâm đến ngôi nhà mà nhóm đã gặp gỡ với người Bedou. Cậu con trai cho địa chỉ, rồi nói thêm:

- Tôi không nghĩ đến đó là một ý hay đâu, anh ấy cẩn trọng lắm. Một người trong số chúng tôi một lần đã thử liên lạc với anh ấy, nhưng chỗ đó đã bị khoá. Chúng tôi không nghĩ anh ấy sống ở đó, nhưng anh ấy biết chúng tôi ở đó. Anh ấy nói chúng tôi không bao giờ được làm thế nữa. Nếu có điều gì xảy ra, anh ấy nói, anh ấy có thể bắt liên lạc, và chúng tôi sẽ không bao giờ gặp anh ấy được nữa.

Ngồi trong góc phòng, Abu Fouad gật đầu đồng tình.

Không giống những người khác, ông là một người lính được đào tạo cẩn thận, và ông nghĩ đã nhận ra bàn tay của một người khác cũng được đào tạo chuyên nghiệp như thế.

- Khi nào cậu sẽ gặp anh ta nữa? anh từ từ hỏi.

- Không lâu đâu, anh ấy sẽ liên lạc một người trong số chúng tôi. Người được liên lạc sẽ báo cho những người khác- Có thể mất một thời gian.

Hai người Kuwait đi. Họ đã có miêu tả của hai chiếc xe: một xe tải về ngoài giả trang làm người làm vườn mang rau quả của mình vào thành phố từ thôn quê, và một chiếc 4 bánh rất khoẻ để đi xa vào trong sa mạc.

Abu Fouad đưa các số của hai chiếc xe cho một người bạn làm ở Bộ Giao thông, nhưng dấu vết đã bị xoá. Cả hai số đều không được đăng ký. Cái duy nhất là thông qua các thẻ căn cước mà người đàn ông có thể mang để vượt qua những chỗ dừng xe hà khắc của quân Iraq.

Qua Hội đồng của mình ông liên hệ được với một công chức tại Bộ Nội vụ, ông đã gặp may. Người đàn ông nhớ đã có một cái thẻ căn cước qua điện thoại cho một người làm vườn mang ra chợ bán từ Jahra. Đó là một ân huệ anh ta có thể làm cho nhà triệu phú Ahmed Al-Khahra 6 tuần trước.

Abu Fouad sung sướng và bối rối, ông thương gia là một nhân vật có ảnh hưởng và được kính trọng trong phong trào. Nhưng ông ta chỉ lo về hoạt động tài chính, những thứ không bạo lực. Cái quái quỷ gì khiến ông trở nên ông chủ của người Bedou bí ẩn và đầy nguy hiểm đó?

Phía nam biên giới Kuwait, dòng thác quân sự Mỹ vẫn chảy vào. Khi tuần đầu tháng Chín đã trôi qua, tướng Norman Schwarzkopf, ngập trong công việc tại văn phòng phản gián hai tầng của Bộ Quốc phòng Xêut ở đường Sân bay cũ ở Riyadh. cuối cùng cũng nhận ra ông đã có đủ lực lượng để có thể tuyên bố Arập đã an toàn không lo bị Iraq tấn công nữa.

Trên không, tướng Charles "Chuck" Horner đã xây dựng một tấm ô chắn bằng thép chắc, một loại lưới di động rất nhanh và rất có lực, những máy bay chiến đấu thả bom có khả năng ném bom. những máy bay tiếp nhiên liệu trên không, bom nặng, và máy bay chống tăng Thunderbolt, đủ để phá huỷ những quân Iraq cả gan đến trên đất liền và trên không.

Ông có công nghệ không trung đủ bao phủ ra đa trên mọi inch vuông của Iraq, có thể cảm thấy mọi cử động của kim loại nặng trên mặt đường, chuyển qua sa mạc, mỗi lần cất cánh, có thể nghe mọi cuộc đàm thoại của Iraq bằng sóng không trung và phát hiện mọi vụ nổ.

Trên mặt đất, Norman Schwarzkopf biết ông giờ đây đã có đủ các đơn vị, vũ khí nặng cũng như nhẹ, pháo binh, và bộ binh để đón tiếp mọi đơn vị quân Iraq, cầm cự, bao vây, và tiêu diệt chúng.

Vào tuần cuối của tháng Chín, trong những điều kiện bí mật tuyệt đối mà không một người nào trong Liên minh được biết, nước Mỹ đã lên những kế hoạch để chuyển từ phòng ngự sang tấn công. Cuộc tấn công Iraq đã được hoạch định. ngay cả khi Liên Hợp Quốc chỉ cho phép hạn chế quân đội để giữ an toàn cho Arập Xêut và những nước vùng Vịnh. Nhưng ông cũng có những vấn đề riêng. Một trong số đó là số lượng quân đội, súng ống, xe tăng của Iraq đang bày ra để chống lại ông đã tăng gấp đôi kể từ khi ông đến Riyadh vào sáu tuần trước. Một vấn đề khác là ông có thể cần tăng gấp đôi lực lượng Liên quân để giải phóng Kuwait hơn là để đảm bảo cho Arập Xêut.

Norman Schwarzkopf là một người đã xem rất trọng câu nói của George Patton: Một người lính hay phi công Mỹ hay người Anh hay người Pháp hay bất kỳ người nào trong liên quân hy sinh đã là quá nhiều.

Trước khi vào cuộc chiến, ông muốn hai điều: nâng gấp đôi số lượng quân lực ông hiện đang có và một cuộc tấn công trên không sẽ đảm bảo “giảm” 50% sức mạnh của các lực lượng Iraq ở phía bắc biên giới.

Điều đó có nghĩa là cần nhiều thời gian, trang thiết bị, dự trữ, súng, xe tăng, quân, máy bay, nhiên liệu, thực phẩm. và nhiều tiền hơn. Rồi ông nói với các Napoleon trong ghế bành ở đồi Capitol rằng nếu họ muốn có chiến thắng, thì tốt hơn hết là hãy để ông có được tất cả.

Ngài chủ tịch lịch thiệp phụ trách vấn đề nhân sự, Colin Powell, đã thông qua bản yêu cầu này, nhưng đã làm nhẹ bớt lời lẽ đi một chút Các nhà chính trị thích chơi trò lính tráng, nhưng họ lại ghét sử dụng ngôn ngữ lính tráng.

Do đó việc lên kế hoạch của tuần cuối của tháng Chín là tuyệt đối bí mật. Liên Hợp Quốc, những kế hoạch hoà bình yếu ớt có thể chờ đợi đến ngày 29 tháng Mười một trước khi cho Liên quân sử dụng một lực lượng cần thiết để tấn công vào Iraq từ Kuwait trừ khi ông ta chịu rời đi vào 15 tháng Giêng. Việc lên kế hoạch đã bắt đầu vào cuối tháng Mười một, nó có thể không thể hoàn thành đúng lúc được.

Ahmed La-Khalifa vô cùng bối rối, ông biết Abu Fouad, dĩ nhiên, là người như thế nào. Hơn thế nữa, ông rất hiểu yêu cầu của ông ta. Nhưng ông đã đưa ra lời hứa, ông giải thích, và ông không thể làm trái được. Không thể cho người bạn kháng chiến này biết Bedou trên thực tế là sĩ quan người Anh. Nhưng ông cũng đồng ý chuyển một thông điệp cho Bedou tại nơi mà ông biết người đàn ông sớm hay muộn sẽ nhận được.

Sáng tiếp sau ông để lại một bức thư, với lời khuyên cá nhân của ông gợi ý Bedou đồng ý gặp Abu Fouad, dưới tấm bia mộ của Able Seaman Shepton tại nghĩa địa Công giáo.

Có sáu người lính trong đội tuần tra, do một trung sĩ chỉ huy, và khi người Bedou đến góc phố, cả hai bên đều bị bắt ngờ. Mike Martin đã đổ chiếc xe tải nhỏ của mình trong chiếc gara bí mật và đang đi bộ qua thành phố đến ngôi biệt thự mà anh đã chọn cho đêm nay. Anh đang mệt, và không giống thường lệ, sự cảnh giác của anh bị cùn đi. Khi anh trông thấy những tên Iraq và biết chúng đã nhìn thấy anh, anh tự nguyện rửa mình. Trong nghề của mình, người ta có thể chết vì một giây lơ là cảnh giác.

Đã là sau giờ thiết quân luật, và dù anh thường xuyên di chuyển trong thành phố khi nó đã trống trơn những người công dân tuân thủ luật pháp và chỉ có các đội tuần tra Iraq còn đi lại. anh luôn đi men vào trong phố, đi qua những lối đi tối đen đất mềm, và đi vào những ngõ tối om, như những người Iraq đi trên các đường cao tốc và tới những chỗ rẽ. Cách đó, anh không bao giờ làm động đến ai cả.

Nhưng sau khi Hassan Rahmani quay trở lại Iraq và báo cáo đầy sự cảnh báo của anh ta về sự vô dụng của Quân đội Nhân dân, một số thay đổi đã được thực hiện. Lính Mũ xanh của lực lượng đặc biệt Iraq đã bắt đầu xuất hiện. Dù không được xếp ngang hàng với Vệ binh Cộng hoà, các lính Mũ xanh vẫn ít nhất có kỷ luật hơn những tên lính có tên Quân đội Nhân dân. Có sáu người trong số đó đang đứng yên lặng cạnh chiếc xe tải của mình tại một góc phố thường không bao giờ có người Iraq hết cả.

Martin chỉ còn đủ thời gian để tìm người vào cái gậy anh vẫn mang theo và lấy dáng điệu của một ông già. Đó là một dáng vẻ tốt, trong văn hoá Ả rập người già được kính trọng hay ít nhất là thông cảm.

- Nay ông kia, viên trung sĩ kêu lên. Lại đây nào.

Bốn khẩu súng trường chìa vào keffiyeh của người đang bị giữ lại. Ông già dừng lại, rồi chậm chạp tiến lại.

- Ông làm gì vào cái giờ này bên ngoài hả Bedou?

- Chỉ là một ông già đang đi về nhà trước giờ thiết quân luật thôi mà. sayidi, người đàn ông trả lời.

- Đã quá giờ thiết quân luật rồi, điên à! Quá hai tiếng rồi.

Người đàn ông lắc lắc tay lo lắng.

- Tôi có biết đâu. sayidi. Tôi không có đồng hồ mà.

Ó Trung Đông đồng hồ không phải thứ cần thiết lắm. chỉ là dấu hiệu cho sự giàu có mà thôi. Lính Iraq đến Kuwait đổ xô đi mua đồng hồ. Nhưng từ Bedouin. bidun, nghĩa là không có gì.

Trung sĩ nhăn mũi. Lời xin lỗi có thể hiểu được.

- Giấy tờ. anh ta nói.

Ông già lấy tay lục lọi trong áo của mình.

- Có vẻ như tôi làm mất rồi: ông than vãn.

- Khám lão ta. trung sĩ nói. Một trong số những người lính tiến lên trước. Quả lựu đạn nằm bên đùi trái anh tạo cảm giác như một quả dưa trên xe anh.

- Đừng có chạm vào mấy hòn của tôi, ông lão Bedou nói nhanh. Tên lính ngừng lại. Một tên ở phía sau đưa lên một tiếng cười khùng khục. Viên trung sĩ cố giữ vẻ mặt bình thường.

- Nào tiếp đi. Zuhair. Khám lão ta đi.

Tên lính trẻ Zuhair ngằn ngữ: bối rối. Anh ta biết lời đùa đang hướng vào mình.

- Chỉ vợ tôi mới được phép chạm vào hòn của tôi thôi. người Bedou nói. Hai tên lính phá lên cười và hạ súng trường xuống. Những tên còn lại cũng làm như thế. Zuhair vẫn chần chừ.

- Nhớ đấy. không làm bà ấy thích đâu. Tôi đã trải qua những việc như thế rồi. ông già nói.

Thế là quá nhiều. Cả đội tuần tra lặn ra cười. Ngay cả viên trung sĩ cũng nhếch mép.

- Thôi được rồi. bố già. Đi đi. Và đừng có ra ngoài khi trời tối nữa đấy nhé.

Người Bedou đi khỏi góc phố, lặn mò dưới bộ quần áo, ông ta rẽ ở góc phố. Quả lựu đạn, được để lại ở một bên, lặn đến những tên lính và dừng ngay trước mũi ngón chân của Zuhair.

Tất cả sáu người nhìn chằm chằm vào đó. Đó là kết cục của 6 tên lính. Và cũng hết tháng Chín.

Đêm hôm đó, rất xa Tel Aviv. tướng Kobi Dror của Mossad ngồi tại văn phòng của mình ở toà nhà Hadar Dafna, uống một chút gì trong đêm khuya sau khi làm việc với một người bạn cũ và đồng nghiệp, Shlomo Gershon. thường được biết đến với cái tên Sami.

Sami Gershon là chỉ huy các lính chiến của Mossad, hay Sư đoàn Komemiyute, chịu trách nhiệm điều khiển những nhân viên bất hợp pháp, tức là phần rất quan trọng và nguy hiểm của nghề gián điệp. Ông là một trong số hai người ở đây khi sếp của ông đã hứa với Chip Barber.

- Ông không nghĩ là chúng ta có thể nói với họ à? Gershon hỏi, bởi vì chủ đề đã quay trở lại.

Dror quay bìa trong chai và nhún vai." Hãy xoáy họ lại", ông gầm gừ. "Để cho họ tự thuê lấy người của họ." Là một người lính trẻ trong mùa xuân năm 1967, Dror đã nằm dưới xe tăng của Patton trong sa mạc và chờ đợi trong khi bốn quốc gia Ả rập chuẩn bị có những thương thảo với Israel một lần duy nhất.

Phần những người còn lại trong đội của mình, được chỉ huy bởi một người hai mươi tuổi, ông đã từng là một trong số những người dưới quyền Israel Tal, người đã chọc thủng Mitla Pass và dẫn quân đội Ai Cập quay trở lại kênh đào Suez.

Và ông cũng nhớ là bằng cách nào, khi Israel phá huỷ bốn quân đội và bốn không lực trong vòng 6 ngày, vẫn những báo chí phương Tây đó đã mó tay vào vào những việc của nước ông trong tháng Năm đã tố cáo Israel là đã thực hiện những chiến dịch bẩn thỉu.

Từ lúc đó. triết lý của Kobi Dror đã được hình thành: xoáy chúng lại. Ông là một thanh kiếm, được sinh ra và lớn lên ở Israel. và không hề có tầm nhìn hay bất cứ gì chung với những người như là David Ben Gurion.

Sự trung thành về chính trị của ông với đảng cực hữu Likud, với Menachem Begin. người đã từng ở Irgun. và Itzhak Shamir.

Một lần, ngồi ở cuối lớp, nghe một trong số những giảng viên của mình giảng cho những lính mới, ông đã nghe người đó sử dụng câu "các cơ quan tình báo thân thiện". ông đã đứng lên và đi ra khỏi lớp.

- Chẳng có ai là bạn của Israel, trừ người Do Thái ở nước ngoài mà thôi. ông nói với họ. Thế giới bị chia thành hai: kẻ thù chúng ta và những người trung lập. Kẻ thù của chúng ta thì chúng ta biết phải xử trí thế nào.

Còn những người trung lập. hãy lấy mọi thứ, không trao lại thứ gì. Hãy mỉm cười với họ, xử họ sau lưng, uổng với họ, nịnh nọt họ, cảm ơn họ đã tốt bụng. và không nói gì với họ hết cả.

- Tốt, Kobi, chúng ta hãy hy vọng họ không bao giờ tìm ra cả. Gershon nói.

- Làm thế quái nào được? Chỉ có 8 người trong số chúng ta biết thôi. Và tất cả đều ở trong Văn phòng.

Đó hẳn là do bia. Ông đã lộ mặt nạ ai đó.

Vào mùa xuân năm 1988 một doanh nhân người Anh tên là Stuart Harris tham dự một hội chợ công nghiệp ở Baghdad. Ông là giám đốc bán hàng của một công ty ở Nottingham đã làm và bán các thiết bị làm đường. Hội chợ được tổ chức bởi Bộ Giao thông Iraq. Giống như phần lớn những người phương Tây.

Ông ở tại khách sạn Rashid ở phố Yafa, được xây dựng chủ yếu cho người nước ngoài và thường xuyên được theo dõi cẩn mật. Vào ngày thứ ba của cuộc triển lãm. Harris quay trở lại căn phòng của mình để tìm một cái phong bì không để dưới cửa. Không có tên trên đó, chỉ có số phòng, và số là đúng.

Bên trong chỉ có một trang giấy và một cái phong bì cùng kiểu phong bì bưu điện bình thường. Mẩu giấy viết bằng tiếng Anh và bằng chữ hoa: “Khi trở về London hãy chuyển phong bì này cho Norman ở Đại sứ quán Israel.”

Đó là tất cả. Stuart Harris sợ điếng người, hoảng loạn. Ông biết tiếng tăm của Iraq, của Cảnh sát mật đáng sợ của nước này. Dù sao đi nữa trong phong bì có cái có thể làm ông bị bắt, thậm chí bị giết.

Ông cố trấn tĩnh, ngồi xuống. và cố nghĩ ra cái gì đó. Tại sao lại là ông? Có hàng đồng người Anh ở Baghdad cơ mà. Tại sao lại chọn Stuart Harris? Họ không biết ông là người Do Thái, rằng cha ông đã đến nước Anh vào năm 1935 từ nước Đức với cái tên Samuel Horowitz, liệu họ có biết được không?

Dù ông không bao giờ tìm ra câu trả lời, thì đã có một cuộc nói chuyện hai ngày trước đó tại căng tin của hội chợ giữa hai công chức của Bộ Giao thông Iraq. Một người đã nói với người khác về chuyến thăm của mình đến nhà máy Nottingham mùa thu trước: về chuyện Harris là chủ nhà của ông ta vào ngày thứ nhất và thứ hai, rồi biến mất trong một ngày, rồi trở lại. Ông ta - người Iraq - đã hỏi liệu Harris có bị ốm không. Một đồng nghiệp đã cười và nói với ông ta Harris đã rời đi Yom Kippur.

Hai công chức người Iraq đã không nghĩ gì hơn về chuyện đó, nhưng một ai đó ở buồng bên cạnh thì có. Anh ta đã ghi băng lại cuộc trò chuyện để chuyển lên cho cấp trên của mình.

Người đó tỏ ra không quan tâm đến chuyện này nhưng sau đó khá là suy tư và đã điều tra về ông Stuart Harris của Nottingham, ghi số phòng của ông ở Rashid.

Harris ngồi và nghĩ ngợi phải làm điều gì bây giờ. Ngay cả nếu, ông suy luận, người gửi vô danh của cái thư đã phát hiện ông là người Do Thái, thì chỉ có một điều họ có thể không biết. Không cách nào hết cả. Bởi một tình cờ hết sức lạ lùng, Stuart Harris là một sayan.

Viện tình báo và các chiến dịch đặc biệt của Israel, được thành lập năm 1951 theo lệnh của đích thân Ben-Gurion, được nước ngoài biết đến dưới cái tên Mossad, tiếng Hebrew có nghĩa là “Viện”. Trong những bức tường không bao giờ, không bao giờ nó được gọi là như thế. mà luôn là “Văn phòng”. Giữa các cơ quan tình báo hàng đầu thế giới. nó là cái nhỏ nhất. Xét theo số lượng người, thì nó là tí hon. Trụ sở CIA ở Langley, Virginia, có khoảng 25.000 nhân viên, chưa kể các điệp viên cắm ở nước ngoài. Ở đỉnh cao của mình thời KGB đầu tiên, chịu trách nhiệm như CIA và Mossad đối với thu thập thông tin tình báo nước ngoài, có 15.000 nhân viên tạm thời khắp thế giới, khoảng 3.000 người ở trụ sở Yazanevo.

Mossad chỉ có khoảng từ 1.200 đến 1.500 nhân viên thường trực và không đến 40 nhân viên tạm thời, được gọi là katsa .

Nó hoạt động với một ngân sách khá hạn hẹp, nhân viên ít và đảm bảo “sản phẩm” mà nó phụ thuộc vào hai yếu tố. Thứ nhất là khả năng của nó can thiệp tới người Israel - một dân tộc ở khắp nơi trên thế giới và chứa đựng sự đa dạng đến ngạc nhiên tài năng, ngôn ngữ, và những nguồn gốc địa lý. Yếu tố nữa là một mạng lưới quốc tế các cộng tác viên hay trợ lý, trong tiếng Hebrew là sayanim. Đó là những người Do Thái sống ở nước ngoài (họ bắt buộc phải hoàn toàn mang dòng máu Do Thái không pha tạp) những người, mặc dù có khả năng trung thành với đất nước mình đang sống, sẽ rất sẵn lòng hỗ trợ quốc gia Israel.

Riêng ở London đã có tới 2.000 sayanim, 5.000 ở phần còn lại của nước Anh, và 10 lần hơn thế ở Mỹ. Họ không bao giờ được đưa vào các chiến dịch, mà chỉ được yêu cầu giúp đỡ. Và họ phải được thuyết phục rằng sự giúp đỡ mà họ được đòi hỏi không phải cho chiến dịch chống lại đất nước họ sinh ra hay được tiếp nhận. Không được phép đối đầu với sự trung thành.

Chẳng hạn: một đội Mossad đến London để thực hiện một chiếc dịch chống một đội Palestine nào đó. Họ cần một chiếc ô tô. Một sayan được yêu cầu để lại một cái xe đã qua sử dụng ở một chỗ nào đó với chìa khoá dưới đó. Nó sẽ được đưa trở lại đó, sau chiến dịch. Sayan không bao giờ biết được nó được sử dụng để làm gì.

Cùng một đội đó cần một “mặt trận”. Một sayan giàu có cho mượn một cái cửa hiệu để không, và một sayan cung cấp kẹo và sôcôla. Họ cần một hòm thư: một sayan buôn bắt động sản cho họ mượn chìa khoá một hòm thư văn phòng để không.

Stuart Harris đi nghỉ ở trại của Israel ở Eilat, tại quán bar Red Rock, ông rơi vào cuộc tranh luận với một người Israel trẻ tuổi dễ mến nói tiếng Anh rất thạo. Ở trong một cuộc tranh luận tiếp sau, người Israel dẫn đến một người bạn, một người nhiều tuổi hơn, người bình tĩnh chấn chỉnh Harris vốn rất có cảm tình với đất nước Israel. Cuối kỳ nghỉ hè, Harris đã đồng ý rằng, nếu bao giờ có việc gì đó cần làm...

Cuối kỳ nghỉ Harris trở về nhà nói chuyện với vợ và được vợ đồng ý. Trong hai năm ông đợi cú điện thoại, nhưng không hề có. Tuy nhiên, một người khách thân thiện thường xuyên định kỳ đến - một trong số những công việc nhằm chấn của các katsa ở trạm nước ngoài để giữ liên lạc liên tục với sayanim trong danh sách của mình.

Thế là Stuart Harris ngồi trong phòng khách sạn ở Baghdad, một đợt sóng lo sợ dâng lên và tự hỏi không biết phải làm gì đây. Bức thư có thể là một sự khiêu khích - ông có thể bị can thiệp ở sân bay khi cố đưa lậu cái gì đó ra. Luôn nó vào túi một người nào đó? ông không thể nào làm được chuyện đó. Và bằng cách nào ông có thể lấy lại được ở London?

Cuối cùng, ông tỉnh lại, bày ra một kế hoạch, và thực hiện nó hoàn hảo. Ông đốt phong bì bên ngoài và chữ viết trong một cái gạt tàn, vứt tàn đi, và vứt nó vào trong bồn cầu. Rồi ông giấu cái phong bì dưới vỏ chăn trên kệ trên tủ quần áo.

Nếu căn phòng bị khám xét, ông có thể chỉ đơn giản thề là ông không bao giờ dùng đến chăn, không bao giờ trèo lên trên nóc tủ, và bức thư có thể là do người khách trước đây để lại

Tại một cửa hàng ngoài phố ông mua về một cái phong bì khác, cái nhãn, và băng dính; ông mua tem ở một bưu điện. thế là đủ để gửi một tạp chí từ Baghdad về London. Ông mua một tạp chí có hình ảnh Iraq từ hội chợ thương mại và đã dán tem cho cái phong bì cùng logo của cuộc triển lãm.

Vào ngày cuối cùng, ngay trước khi rời khỏi để đến sân bay với hai đồng nghiệp của mình, ông lui vào phòng riêng. Ông luôn bức thư vào cuốn tạp chí và nhét nó vào trong phong bì. Ông ghi địa chỉ một người chú ở Long Eaton và dán nhãn cùng cái tem. Ông biết có một hòm thư, và bốn giờ nữa sẽ có chuyến lấy thư. Ngay cả nếu phong bì bị mở ra, ông vẫn có thể đi trước qua dãy Alps trong một máy bay Anh.

May mắn dành cho người can đảm và người điên rồ. Ông bị một người của AMAM theo dõi, để canh xem có người nước ngoài nào ra đi được tiếp cận hỏi một người Iraq cố tuồn cho ông ta thứ gì đó. Harris để cái phong bì của mình dưới áo jacket. Một người ở sau một tờ báo trong góc nhà theo dõi ông, nhưng một cái xe hàng đi qua giữa họ khi Harris tuồn phong bì vào hòm thư. Khi người theo dõi nhìn lại được ông. Harris đã ra quầy thanh toán trả chìa khoá phòng.

Quyền tạp chí nhỏ đến nhà ông chú của ông một tuần sau đó Harris đã biết ông chú mình đang đi nghỉ, và ông có một chìa khoá dự phòng cho trường hợp hoả hoạn hay ăn cắp, ông đã sử dụng nó để vào nhà và lấy bưu kiện. Rồi ông mang nó theo đến Đại sứ quán Israel ở London và đề nghị gặp người đó. Ông được dẫn vào một căn phòng và được bảo ngồi chờ.

Một người đàn ông trung niên đi vào và hỏi tên ông, hỏi vì sao ông muốn gặp “Norman”. Harris giải thích, cầm chiếc phong bì gửi qua đường máy bay từ túi áo, và để nó lên trên bàn. Nhà ngoại giao Israel trở nên tái nhợt, yêu cầu ông ngồi đợi tiếp, và đi ra khỏi phòng.

Toà nhà Đại sứ quán ở số 2 Palace Green là một cấu trúc đẹp nhưng những đường nét cổ điển của nó không để lộ những công nghệ quốc phòng mà nó có để quan hệ tới trạm Mossad London. Từ pháo đài ngằm dưới đất mà một người đàn ông trẻ hơn đã được triệu tập khẩn cấp. Harris đợi và đợi. Mặc dù ông không biết, nhưng ông đã bị nhìn từ một cái gương một chiều khi đang ngồi với cái bì thư trên bàn trước mặt ông. Ông cũng bị chụp ảnh, trong khi những người làm công tác lưu trữ kiểm tra để chắc chắn thực sự ông là một sayan và không phải là một tên khủng bố người Palestine. Khi bức ảnh Stuart Harris của Nottingham từ các tài liệu đã được kiểm tra với người đằng sau chiếc gương một chiều, người katsa trẻ tuổi cuối cùng cũng bước vào trong phòng.

Anh ta mỉm cười, tự giới thiệu mình là Rafi, và mời Harris bắt đầu câu chuyện của mình từ đầu, từ Eilat. Harris kể cho anh ta mọi chuyện. Rafi biết, mọi điều về Eilat (anh ta vừa đọc bản tài liệu đầy đủ), nên không cần kiểm tra lại. Khi câu chuyện đã đi đến Baghdad, anh ta trở nên chú ý hơn. Anh ta hỏi vài câu đầu tiên: cho phép Harris kể lại vào thời điểm của mình. Rồi các câu hỏi, rất nhiều, cho đến khi Harris kể nhiều lần mọi việc ông làm ở Baghdad. Rafi không ghi chép gì hết cả; mọi điều đã được ghi âm lại rồi. Cuối cùng anh ta sử dụng chiếc máy điện thoại trên tường để có một cuộc nói chuyện thầm thì bằng tiếng Hebrew với một đồng nghiệp cao cấp hơn ở phòng bên cạnh.

Hành động cuối cùng của anh ta là cảm ơn Stuart Harris một cách chân tình, chúc mừng ông về sự dũng cảm và cái đầu lạnh, nhắn ông đừng bao giờ để lộ việc cho bất kỳ ai, và chúc ông có chuyến đi an toàn về nhà. Rồi Harris đi về.

Một người đàn ông với chiếc mũ bảo hiểm, áo jacket dày, và găng tay cầm lá thư đi. Nó được chụp ảnh và chiếu tia X- quang. Đại sứ quán Israel đã mất một người vì bom thư, và không có ý định mất thêm một người nữa.

Cuối cùng lá thư được mở ra. Nó chứa hai mặt của giấy viết thư bằng vỏ hành được viết bằng mật mã. Bằng tiếng A-rập.

Rafi không nói được tiếng Arập. Cũng không ai khác tại trạm London đủ trình độ đọc tiếng Arập viết tay. Rafi gửi một bản sao và được mã hoá phức tạp bằng đài về Tel Aviv, rồi viết báo cáo chính thức theo mẫu mà Mossad gọi là NAKA. Bức thư và bản báo cáo được chuyển đến vali ngoại giao và đi chuyến bay tối bởi El Al từ Heathrow về Ben-Gurion.

Một chiếc xe có bảo vệ và đoàn hộ tống gặp người cầm thư ngay bên ngoài máy bay và đưa chiếc túi về cho ngôi nhà lớn ở đại lộ Vua Saul, nơi, ngay sau bữa sáng, đã nằm trước mặt vị hỉ huy bàn Iraq, một người katsa rất trẻ có năng lực tên là David Sharon.

Anh ta có thể nói và viết tiếng A-rập, và điều anh ta đọc được trong hai tờ giấy vỏ hành đó của bức thư khiến anh ta thấy lại cảm giác từng có khi thả mình vào không trung trong chuyến huấn luyện với các Para.

Sử dụng chính máy chữ của mình, tránh cả thư ký lẫn máy tính, anh ta gõ bản dịch thô bức thư ra tiếng Hebrew. Rồi anh ta mang cả hai cái, kèm với bản báo cáo của Rafi rồi mang đến cho thượng cấp của mình, Giám đốc bộ phận Trung Đông.

Bức thư cho biết người viết là một quan chức cao cấp trong các hội đồng cao nhất của chế độ Iraq và sẵn sàng làm việc cho Israel vì tiền - chỉ vì tiền mà thôi.

Có một chút ít hơn thế, một địa chỉ hòm thư bưu điện ở bưu điện trung tâm tại Baghdad để chờ sự trả lời, và đó là tất cả.

Tối hôm đó, có một cuộc gặp cấp cao trong văn phòng riêng của Kobi Dror. Tại đó có ông và Sami Gershon, chỉ huy lính chiến. Cùng có cả Eitan Hadar, thượng cấp của David Sharon với tư cách giám đốc bộ phận Trung Đông, người đã nhận lá thư từ Baghdad buổi sáng hôm nay. Cả Sharon cũng được triệu tập.

Từ chỗ choáng váng, Gershon trở nên khoái trá.

- Thật là hài hước, ông nói. Tôi chưa bao giờ thấy một cung cách tùy tiện, dở hơi đến thế. Kobi, tôi không thể gửi ai trong số người của tôi để kiểm tra lại chuyện đó. Rất có thể là gửi người đó đến chỗ chết. Tôi thậm chí chưa từng gửi một oter nào đến Baghdad để tìm liên lạc hết cả.

Oter nghĩa là một người Ả-rập do Mossad sử dụng để thiết lập liên lạc cơ sở với một người Ả-rập quen biết khác, một nhân viên cấp thấp và đắt tiền hơn rất nhiều so với một katsa thực thụ người Israel.

Gershon coi lá thư là vi phạm nguyên tắc. Bức thư là một sự điên rồ, xem qua rõ ràng là một chủ đích lừa đảo một katsa cấp cao đến Baghdad để bắt giữ, tra tấn, ra tòa công khai, và bị hành quyết công khai. Cuối cùng, Dror quay sang David Sharon.

- Tốt thôi. David, anh cũng có lưỡi chửi. Anh nghĩ gì nào?

Sharon gật đầu tỏ vẻ tiếc.

- Tôi nghĩ chắc Sami đúng. Gửi một người tốt vào đó có thể là điên rồ lắm.

Eitan Hadar chiếu vào anh ta một cái nhìn cảnh cáo. Giữa các bộ phận, có một sự đối nghịch thường xuyên. Không cần phải trao vinh quang cho bộ phận lính chiến của Gershon như thế

- 99% cơ may cho thấy có một cái bẫy. Sharon nói.

- Chỉ 99% thôi ư? Dror hỏi tức tưởi. Thế còn 1% thì sao, hả anh bạn trẻ?

- Ôi, đúng là một ý tưởng điên rồ. Sharon nói. Nó chỉ xảy đến với tôi, cái một phần trăm có thể nói là thứ dở hơi, chúng ta có một Penkovsky mới đây.

Một sự im lặng chết chóc bao trùm. Từ ngữ treo trong không khí như một sự thách thức. Gershon thở hắt ra. Kobi Dror nhìn chăm chăm vào người phụ trách ban Iraq. Sharon nhìn vào các đầu ngón tay của mình.

Trong tình báo chỉ có bốn cách thức tuyển nhân viên cắm sâu vào các hội đồng cao cấp của một đất nước.

Thứ nhất là cách ít nguy hiểm nhất: sử dụng một trong số những người mang quốc tịch của chính nước bạn, người được đào tạo một mức độ đặc biệt để đi sang một quốc tịch của quốc gia kia. Việc này gần như không thể thực hiện được, trừ khi người xâm nhập được sinh ra và lớn lên tại nước được nhắm đến và có thể dễ dàng quay trở lại nước đó, với một câu chuyện nguy trang để giải thích cho sự vắng mặt của mình. Ngay cả khi đó anh ta sẽ phải chờ nhiều năm để leo lên và trở nên hữu dụng với sự xâm nhập các bí mật của một văn phòng - một nhân viên ngũ hàng chục năm trời.

Israel đã là bậc thầy của kỹ thuật này. Đó là bởi vì. Khi Israel mới thành lập, người Do Thái ở đó đã lớn lên ở khắp thế giới. Có những người Do Thái có thể trở thành người Maroc, người Algérie, người Libie, Ai Cập, Syrie, Iraq, và Yemen. Đó là còn chưa nói đến tất cả những người từ Nga, Ba Lan, Tây Âu, và Nam Bắc Mỹ.

Thành công nhất trong số đó là Elie Cohen, sinh ra và lớn lên ở Syrie. Ông đã tuồn được vào Damas với tư cách một người dân Syrie đã đi xa vài năm và bây giờ trở lại. Với cái tên Syrie mới của mình. Cohen trở thành người thân cận của các chính trị gia cao cấp, các công chức nhà nước, và giới tướng lĩnh thường thoải mái nói bô bô mọi thứ chuyện cho người chủ nhà bao dung của mình ở những bữa tiệc sang trọng ông tổ chức.

Mọi điều họ nói, bao gồm cả chiến dịch toàn bộ của chiến trận của Syrie, đều đến được Tel Aviv vào đúng thời điểm cho Cuộc chiến Sáu ngày.

Cohen đã bị phát hiện, bị tra tấn, và đã bị treo cổ công khai tại quảng trường Cách mạng ở Damas. Những đầu mối như thế là cực kỳ hiếm có và cực kỳ nguy hiểm.

Nhưng nhiều năm đã trôi qua, những người Israel nhập cư dạt dào đã trở nên già cả; những con cháu sabra của họ không còn học tiếng Ả-rập nữa và cũng chẳng mấy quan tâm đến những gì Cohen đã làm. Đó là bởi vì, vào năm 1990, Mossad có ít người nói tiếng Ả-rập xuất sắc hơn ai đó có thể tưởng tượng.

Nhưng còn có một nguyên do thứ hai. Sự xâm nhập các bí mật của người Ả-rập dễ thực hiện hơn ở châu Âu hay Mỹ. Nếu một quốc gia Ả-rập mua một máy bay Mỹ, các chi tiết có thể lấy cắp dễ dàng hơn, và ít hiểm nguy hơn là ở Mỹ. Nếu một tay cao cấp của Ả-rập có vẻ dễ tiếp cận, thì tại sao không làm thế để do thám ở châu Âu? Đó là tại sao, vào năm 1990, số lượng lớn các chiến dịch của Mossad hướng vào châu Âu và Mỹ với ít nguy cơ hơn là ở các quốc gia Ả-rập có độ nguy hiểm cao.

Ông vua của những đầu mối đó, là Marcus Wolf, người trong nhiều năm đã thống lĩnh mạng lưới tình báo ở Đông Đức. ông có được một lợi thế rất lớn - một người Đông Đức có thể dễ dàng trở thành một người Tây Đức.

Thời của mình “Mischa” Wolf đã tuân được nhiều nhân viên của mình vào Tây Đức. Một trong số họ đã trở thành thư ký riêng của chính thủ tướng Willy Brandt. Sự đặc biệt của Wolf là ở chỗ người thư ký lạ đời đó đã trở nên không thể thiếu đối với vị bộ trưởng Tây Đức - người có thể sao chụp mọi tài liệu đi qua bàn của mình để chuyển về cho Đông Berlin.

Phương pháp thứ hai là sử dụng một người của quốc tịch của cơ quan đối đầu, như là ai đó đến từ một quốc gia thứ ba. Nước được hướng tới biết rằng tay này là một người nước ngoài nhưng được thuyết phục anh ta là một người nước ngoài thân thiện, dễ mến.

Mossad cũng đã từng làm việc này một cách chói sáng với một người đàn ông tên là Ze'ev Gur Arieh. Tên khai sinh của ông là Wolfgang Lotz. sinh ở Mannheim, Đức, năm 1921. Wolfgang cao 6 feet, tóc vàng, mắt xanh, và còn là người Do Thái. Ông đến Israel như là một đứa trẻ, được lớn lên ở đây, mang tên Do Thái, chiến đấu với đội quân ngầm dưới đất Haganah. và trở thành một thiếu tá trong quân đội Israel. Rồi Mossad sử dụng ông.

Ông được gửi trở lại về Đức trong hai năm để hoàn thiện tiếng Đức mẹ đẻ của mình và để “hợp thức hoá” với tiền của Mossad. Rồi, với một người vợ Đức dễ mến mới, ông nhập cư vào Cairo và mở một trường dạy đua ngựa. Đó là một thành công lớn. Các sĩ quan Ai Cập thích giải trí với ngựa của mình, cộng thêm rượu sâm-panh do Wolfgang phục vụ, một người theo cánh hữu tốt tính, người Đức bài Do Thái mà họ có thể tin cậy được. Và họ đã tin cậy. Mọi điều họ nói đều được chuyển về Tel Aviv. Cuối cùng Lotz bị bắt, may mắn không bị treo cổ, và sau cuộc chiến Sáu Ngày đã được trao đổi lấy các tù binh người Ai Cập.

Nhưng thành công hơn cả là một người Đức thế hệ trước. Trước Thế chiến 2. Richard Sorge đã từng là một thông tin viên ở Tokyo, nói tiếng Nhật và có liên lạc trong chính phủ của Hideki Tojo. Chính phủ này ủng hộ Hitler và coi Sorge là một Nazi trung thành - chắc chắn ông đã nói ông là như thế. Chưa bao giờ Tokyo nghĩ được Sorge không phải là một người Đức Quốc xã. Trên thực tế, ông là một đảng viên Cộng sản Đức phục vụ cho Matxcơva. Trong nhiều năm ông đã chuyển các kế hoạch chiến tranh của chế độ Tojo về thẳng Matxcơva để nghiên cứu. Đòn lớn nhất của ông là lần cuối. Năm 1941, các đội quân của Hitler đã tập trung trước Matxcơva. Stalin cần biết khẩn cấp: nước Nhật liệu có tập trung tấn công Liên Xô từ các căn cứ Mãn Châu của mình không? Sorge đã tìm ra câu trả lời, câu trả lời là không. Stalin có thể chuyển 40.000 quân Mông Cổ từ phía đông sang Matxcơva. Khẩu đại bác châu Á đã đập tan quân Đức trong vài tuần, cho đến khi mùa đông ập đến và Matxcơva được cứu thoát.

Nhưng Sorge thì không; ông đã bị lột mặt nạ và bị treo cổ. Nhưng trước khi ông chết, các thông tin của ông đã thay đổi cả lịch sử.

Phương pháp chung nhất trong việc đảm bảo an toàn cho một điệp viên trong nước được nhắm đến là cách thứ ba: rất đơn giản tuyển một người đã có “địa vị”. Việc tuyển chọn có thể dễ dàng chậm rãi hay nhanh đến bất ngờ. Với mục đích này, những người dò tìm nhân tài phải lục tung giới ngoại giao để tìm kiếm một công chức cao cấp của phía bên kia tỏ ra chán chường, không thiết tha, không hài lòng, cay đắng, hay là dù thế nào đi nữa đủ để có thể tuyển.

Các đoàn đại biểu đi thăm các nước ngoài được nghiên cứu để thử xem liệu có thể lấy được ai đó, thử thách một thời gian rồi tiếp cận và trả tiền. Khi người dò tìm thông báo là “có thể”. những người tuyển sẽ vào cuộc, thường là với một tình bạn bình thường trở nên sâu sắc hơn và nồng ấm hơn.

Cuối cùng, “người bạn” gợi ý bạn mình có thể cho mình một ân huệ nhỏ; một phần nhỏ nhoi và không đáng gì về thông tin được yêu cầu.

Một khi cái bẫy đã sập, thì không thể bước lùi được nữa, và chế độ mà người mới được tuyển phục vụ càng hà khắc họ càng kém mặn mà.

Các nguyên do để tuyển phục vụ cho nước khác thay đổi rất đa dạng. Người được tuyển có thể là đang mắc nợ, trong một cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không được thăng chức, bị chế độ của mình xử tệ, hay chỉ

đơn giản là muốn một cuộc sống mới thật nhiều tiền. Anh ta có thể được tuyển thông qua những điểm yếu của chính mình, về tình dục cũng như đồng tính, hay chỉ đơn giản là nói chuyện ngọt ngào và phỉnh nịnh.

Giống như một số người Xôviết, như là Penkovsky và Gordievsky, thay đổi chiến tuyến do những nguyên do ý thức hệ dễ hiểu, nhưng phần lớn các điệp viên phản lại đất nước mình là do bởi họ chia sẻ một chút gì đó phù phiếm, một khuynh hướng mà họ thực sự là quan trọng.

Nhưng phổ biến nhất trong số các tuyển dụng được gọi là "đi vào". Như ẩn ý của từ này, người được tuyển chỉ đơn thuần đi vào không được báo trước và không được dự báo. và tự đề nghị được làm.

Quan hệ của cơ quan được tiếp cận như thế thường xuyên là một trong những nghi ngờ lớn - đây rất dễ là một cái bẫy của phía bên kia. Do đó khi: vào năm 1960, một người Nga cao lớn tiếp cận những người Mỹ ở Matxcova. cho biết anh ta là một đại tá của bên tình báo quân sự GRU, và đề nghị làm điệp viên cho phương Tây, anh ta đã bị từ chối.

Chán nản, người đàn ông tiếp cận người Anh: những người đã cho anh ta thử. Oleg Penkovsky dần trở thành một trong những điệp viên đáng giá nhất của mọi thời đại. Trong sự nghiệp 30 tháng ngắn ngủi của mình anh đã chuyển 5.500 tài liệu cho chiến dịch Anh-mỹ đã thuê anh, và tất cả trong đó đều là thuộc hạng bí mật hoặc tuyệt mật. Trong vụ khủng hoảng tên lửa Cu ba, cả thế giới không bao giờ nhận ra rằng tổng thống Kennedy biết toàn bộ các quân bài mà Nikita Khrushchev có để chơi, giống như một tay chơi gian với một cái gương ở sau lưng địch thủ của mình. Cái gương là Penkovsky.

Anh chàng người Nga đã chịu những nguy cơ rất lớn, từ chối sang phương Tây sống khi có cơ hội. Sau cuộc khủng hoảng tên lửa anh ta bị lột mặt nạ bởi cơ quan phản gián Xôviết. bị tù, rồi bị xử bắn.

Không một ai trong số ba người ở trong căn phòng của Kobi Dror tối đó ở Tel Aviv cần phải nói thêm điều gì về Oleg Penkovsky. Trong thế giới của họ, ông là một phần trong các huyền thoại. Giấc mơ treo lơ lửng trong tâm trí mọi người sau khi Sharon nêu cái tên. Một người phản bội thực sự, đang sống: được ém tốt, 24 carat ở Baghdad? Liệu điều đó có thể là thật được chăng - liệu nó có khả năng trở thành thật được không?

Kobi Dror ném vào Sharon một cái nhìn thật dài, nghiêm khắc.

- Trong đầu anh đang có gì đấy, anh bạn trẻ?

- Tôi chỉ nghĩ thôi mà, Sharon nói với sự vờ vịt che giấu. Một lá thư... không nguy hiểm nào cho bất kỳ ai - chỉ một bức thư... đặt một vài câu hỏi, nhưng câu hỏi khó, những cái chúng ta muốn biết... Anh ta chột đến hoặc không.

Dror liếc sang Gershon. Người đàn ông đang điều hành các nhân viên bắt hợp pháp nhún vai.

- Tốt rồi, anh bạn trẻ David ạ. Chúng ta viết một bức thư trả lời anh ta. Chúng ta hỏi anh ta một số câu hỏi. Rồi ta sẽ xem. Eitan, anh cùng David làm việc đó nhé. Cho tôi xem thư trước khi gửi nó đi.

Eitan Hadar và David Sharon cùng đi ra.

- Tôi hy vọng anh biết anh đang làm cái quỷ quái gì. chỉ huy Trung Đông thì thăm với người thuộc hạ.

Bức thư được soạn thảo với sự cẩn thận tối đa. Nhiều chuyên gia giấu mặt làm việc trong đó - ít nhất là với bản tiếng Hebrew. Việc dịch lại có thể để sau. Trong thư, David Sharon tự giới thiệu với tên thường gọi. Anh cảm ơn người viết vì đã cố gắng và đảm bảo với anh ta bức thư đã đến được địa chỉ một cách an toàn. Anh thêm vào là bức thư đã gây ra rất nhiều ngạc nhiên về nội dung và có hơi bị nghi ngờ về cách thức lạ lùng của nó David biết, anh nói rằng người viết rõ ràng không hề điên rồ và do đó có thể nhận ra rằng "người của tôi" có thể cần thiết lập một số lợi thế.

Bức thư hoàn chỉnh dài hơn và phức tạp hơn, nhưng đó là ý chính. Sharon kết thúc với việc cho người viết một địa chỉ thư tín ở Rome để trả lời.

Địa chỉ trên thực tế là một ngôi nhà an toàn mà trạm Rome cung cấp theo yêu cầu khẩn cấp của Tel Aviv. Từ đó. trạm Rome có thể để mắt vào cái địa chỉ bị bỏ rơi. Nếu các nhân viên an ninh Iraq phát hiện ra, các nhân viên Israel sẽ biết và dừng ngay việc này.

Danh sách 20 câu hỏi được lựa chọn kỹ càng và sau nhiều tìm tòi. Với tám trong số câu hỏi Mossad đã biết câu trả lời nhưng làm ra vẻ muốn biết. Đó cũng là cách để vờ rằng Tel Aviv làm việc chẳng hiệu quả tí nào cả.

Tám câu hỏi nữa liên quan đến những việc có thể được kiểm tra. Bốn câu liên quan đến những điều Tel Aviv thực sự muốn biết. nhất là về những dự định của chính Saddam Hussein.

- Hãy xem thằng con hoang này có thể thực sự leo cao đến đâu Kobi Dror nói khi ông đọc danh sách các câu hỏi.

Cuối cùng một giáo sư ở khoa Ảrập của trường đại học tổng hợp Tel Aviv được gọi đến để thêm mắm muối cho có văn phong. Sharon ký tên bằng tiếng Ảrập, Daoud.

Bản viết còn có một điểm khác nữa. David muốn cho người viết một cái tên, và nếu người viết ở Baghdad không phản đối, anh ta có thể vui lòng được gọi là Jericho?

Bức thư được gửi đi từ nước Ảrập duy nhất nơi Israel có một đại sứ quán - Ai Cập.

Sau khi nó đã đi, David Sharon đi tiếp tục công việc của mình và chờ đợi. Càng nghĩ anh càng thấy vụ này thật ngu ngốc. Một hòm thư, trong một nước nơi mạng lưới phản gián được điều hành bởi một kẻ cáo già như Hassan Rahmani, thì quả thật là cực kỳ nguy hiểm. Do đó viết các thông tin tuyệt mật “một cách rõ ràng”, và không có chỉ dẫn nào mà Jericho biết bất cứ gì về kỹ thuật viết chữ bí mật. Tiếp tục sử dụng thư thông thường cũng không phải cách thức, nếu nó tiếp tục được. Tuy nhiên. anh lập luận, chắc là chẳng được gì đâu.

Thế mà lại được. Bốn tuần sau, trả lời của Jencho đã đến Rome và được đưa thẳng về trong một cái hòm được dán kín đến Tel Aviv. Mỗi quan tâm cao độ. Phong bì được dò bom và dò chất độc. Khi các nhà nghiên cứu cuối cùng phán rằng nó an toàn, nó được mở ra.

Trong sự ngạc nhiên tột cùng của họ, Jericho đã làm được việc Cả tám câu hỏi mà Mossad đã biết câu trả lời đều chính xác hoàn toàn. Tám câu nữa - về di chuyển các đội quân, lính tráng, các chuyến đi nước ngoài - cần được kiểm chứng khi nó thực sự diễn ra. Bốn câu cuối cùng Tel Aviv cũng không thể kiểm tra lại, nhưng tất cả dường như đều rất khả dĩ.

David Sharon viết một lá thư nhanh trả lời, trong một văn bản mà không gây ra vấn đề an ninh nào nếu nó bị tóm. "Chú thân mến: rất cảm ơn chú về bức thư đã đến tay cháu. Thật tuyệt được nghe rằng chú vẫn khỏe. Một số trong số những điểm chú nêu ra sẽ mất thời gian đấy, nhưng tất cả sẽ tốt thôi. cháu sẽ viết sớm tiếp cho chú. Đứa cháu yêu của chú.

Daoud."

Tâm trạng lên rất cao trong toà nhà Hadar Dafna, người đàn ông tên Jericho này dù sao đi nữa cũng có thể rất nghiêm túc Nếu thật là thế, cần có một hành động khẩn cấp. Trao đổi hai lá thư là một việc; điều hành một điệp viên ẩn sâu trong một chế độ độc tài lại là chuyện khác. Không có cách liên lạc nào có thể tiếp tục trên cơ sở cách viết rõ ràng, những lá thư công cộng, và các hòm thư. Chúng sẽ dẫn tới thảm họa trong tương lai.

Một sĩ quan tình thế có thể là cần thiết để xâm nhập Baghdad, sống ở đó, và dạy Jericho sử dụng mọi thứ thủ đoạn thông thường - chữ viết bí mật, mật mã, hòm thư chết, và các phương tiện không can thiệp để có được sản phẩm, ra khỏi Baghdad và quay trở về Israel.

- Tôi sẽ không đồng ý đâu. Gershon nhắc lại. tôi sẽ không đưa một katsa cao cấp Israel vào Baghdad trong một phi vụ đen tối trong một khoảng thời gian dài. Đó sẽ là chuyện của bên ngoại giao lo, hoặc là không có.

- Tốt thôi, Sami. Dror nói. Có vẻ bọc ngoại giao chứ. Xem chúng ta đã có gì nào.

Vỏ bọc ngoại giao có nghĩa là một điệp viên đen có thể bị bắt: bị tra tấn. treo cổ - cái gì cũng được. Một nhà ngoại giao được công nhận thì, ngay cả ở Baghdad, có thể tránh được những thứ phiền phức đó; nếu bị tóm trong khi đang làm gián điệp, thì anh ta cũng chỉ bị tuyên bố persona non grata và bị trục xuất mà thôi. Từ lâu nay đã như thế rồi.

Mùa hè đó nhiều đơn vị chính của Mossad đã có việc. Gershon nói với họ rằng ông không có điệp viên nào trong người của mình ở bất kỳ sứ quán nào ở Baghdad. và do đó ông đứng ra ngoài liên minh. Vì vậy người ta bắt đầu tìm kiếm một nhà ngoại giao thích hợp. Tất cả các đại sứ quán nước ngoài tại Baghdad đều được định vị. Từ thủ đô mỗi nước, một danh sách nhân viên ở Baghdad được chuyển đến. Không bỏ sót một ai; không có ai từng làm việc cho Mossad trước đó, người có thể được kích hoạt lại Không có sayan nào trong những danh sách đó hết-

Rồi một nhân viên vụt đến với một ý tưởng: Liên Hợp Quốc. Tổ chức quốc tế này có một văn phòng đóng ở Baghdad từ năm 1988. Hội đồng Kinh tế LHQ vùng Trung Á. Mossad có nhiều nguồn tại Liên Hợp Quốc ở New York. Và danh sách nhân viên liền được lập. Một cái tên nổi lên: một nhà ngoại giao trẻ người Chile gốc Do thái tên là Alfonso Benz Moncada. Anh ta không được đào tạo để trở thành điệp viên. nhưng anh ta là một sayan và do đó có thể được đào tạo để trở nên hữu dụng.

Dần dần các thông tin của Jericho trở thành sự thật. Tiến trình kiểm tra cho thấy rằng các đội quân ông ta nói có thể di chuyển đã di chuyển; các cuộc hành quân ông ta nói trước đã diễn ra đúng thế, và các cuộc từ chức cũng thế.

Hoặc chính Saddam đứng đằng sau vụ này, hoặc Jericho đã phản bội Tổ quốc của hắn từ chân đến đầu, đó là lời phán xét của Kobi Dror.

David Sharon gửi bức thư thứ ba, cũng có vẻ ngoài hết sức vô tội Lần thứ hai và lần thứ ba, anh ta không cần đến vị giáo sư nữa- Thư thứ ba dưới hình thức một khách hàng tại Baghdad yêu cầu mua kính mỏng và đồ sứ. Rõ ràng là, David nói. một ít kiên nhẫn là cần thiết để một phương tiện chuyển tin có thể được hình thành có thể đảm bảo cho hàng hoá khỏi tổn thất không đáng có.

Một katsa nói tiếng Tây Ban Nha đóng ở Nam Mỹ được gửi khẩn cấp đến Santiago và đã thuyết phục cha mẹ của ngài Benz thúc giục con trai mình ngay lập tức về nghỉ vì lý do mẹ của anh ốm nặng. Chính cha anh gọi điện cho con trai ở Baghdad. Người con đây lo lắng ngay lập tức xin nghỉ ba tuần và bay về Chile. Anh đã gặp không phải người mẹ ốm yếu mà toàn thể một đội sĩ quan huấn luyện của Mossad những người xin anh ta đáp ứng yêu cầu của mình. Anh trao đổi về vấn đề với cha mẹ mình và đồng ý. Tình cảm, mối xúc động dành cho những yêu cầu của mảnh đất Israel, mà chưa ai trong số họ từng đến, thật mạnh mẽ.

Một sayan khác ở Santiago, không biết tại sao, rời khỏi căn biệt thự mùa hè của mình, đến sống ở một ngôi vườn có tường bao bọc bên ngoài thành phố gần biển, và đội huấn luyện bắt tay vào việc.

Mất hai năm để huấn luyện một katsa để điều hành một điệp viên chìm trong một mảnh đất thù địch, và đó là tối thiểu. Đội có ba tuần. Họ làm việc 16 giờ mỗi ngày. Họ dạy anh chàng Chilê 30 tuổi kỹ thuật viết chữ bí mật và những mật mã cơ bản, ảnh siêu nhỏ và chuyển ảnh thành microdot. Họ mang anh ra phố và dạy anh làm thế nào để cắt một cái đuôi. Họ cảnh báo anh không bao giờ dứt đuôi trừ trường hợp cực kỳ khẩn cấp, nếu liên quan đến cái gì đó rất quan trọng. Họ bảo anh rằng nếu nghĩ anh đang bị theo dõi thì hãy huỷ bỏ cuộc gặp hay hoãn và thử lại vào lần khác.

Họ dạy anh sử dụng các chất hoá học được cất trong một cái bút bi giả để phá huỷ bằng chứng phạm tội trong vài giây trong lúc giấu được mọi sự dòm ngó của người khác hoặc chỉ đơn giản là để đánh lạc hướng.

Họ mang anh lên những chiếc xe để chỉ cho anh cách cắt đuôi là một cái xe., một người đóng vai người bị theo dõi và những người còn lại trong nhóm là “kẻ thù”. Họ dạy anh cho đến khi hai tai anh ung ung, mắt anh đau nhức và phải xin được đi ngủ.

Rồi họ dạy anh về các hòm thư chết - những nơi cất giấu bí mật ở đó một bức thông điệp có thể được để lại hoặc một cái khác được lấy đi. Họ chỉ cho anh làm thế nào để tạo ra một hộp thư đằng sau một viên gạch rỗng trên một bức tường. hoặc dưới một tấm bia mộ. trong hốc một thân cây già, hay giữa một cái cán cờ.

Sau ba tuần. Alfonso Benz Moncada đã nói lời tạm biệt với cha mẹ khóc thút thít và bay trở lại Baghdad qua London. Người dạy học dựa lưng vào chiếc ghế bành của mình ở biệt thự. giờ một bàn tay kiệt sức lên trán. và nói với đội:

- Nếu cái con rận này sống được và thoát về, tôi sẽ đi hành hương đến Mecca.

Cả đội cười ồ, chỉ huy của họ là một người Do Thái theo chính giáo. Toàn bộ thời gian dạy Moncada: không

ai trong số họ được biết anh ta sẽ làm gì khi quay trở lại Baghdad. Không phải việc của họ để mà biết. Cả người Chilê nữa.

Khi máy bay dừng ở London anh được mang đến khách sạn Heathrow Penta. Ở đó anh gặp Sami Gershon và David Sharon, và họ nói với anh.

- Dừng cố nhận diện ông ta. Gershon cảnh báo người đàn ông trẻ. Hãy để việc đó cho chúng tôi. Chỉ cần thiết lập quan hệ và phục vụ ông ta thôi. Chúng tôi sẽ gửi anh các danh sách những việc chúng tôi cần được trả lời. Anh sẽ không hiểu chúng đâu - chúng được viết bằng tiếng Arập. Chúng tôi không nghĩ Jericho nói được nhiều tiếng Anh, đây là chưa nói không biết tí gì cả. Dừng cố dịch những thứ chúng tôi gửi anh. Chỉ cần chuyển nó vào một trong các hòm thư giữa hai người và làm thế nào đánh dấu để anh ta có thể đến được nơi và dùng hòm thư đó.

- Khi nào anh nhìn thấy dấu hiệu của anh ta, thì hãy đi và tìm ở trong hòm thư hai người. và gửi câu trả lời về cho chúng tôi.

Trong một buồng ngủ riêng biệt Alfonso Benz Moncada được đưa cho hành lý mới. Đó là một chiếc máy quay phim trông như một chiếc Pentax của khách du lịch nhưng có một hộp quay cận cảnh với hơn 100 cuộn phim, cộng với một cái khung nhôm rất bình thường giữ chiếc máy quay ở khoảng cách thích hợp với tờ giấy. Chiếc máy quay đã được chuẩn bị trước.

Những đồ lặt vặt cá nhân của anh gồm có các chất hoá học nổ được trông như là bột gạo râu, và nhiều loại mực vô hình khác nhau. Cái ví viết chữ mang tất cả giấy tờ được xử lý cho viết thư bí mật. Cuối cùng, họ nói với anh các phương cách để liên lạc với họ, một phương pháp họ đã từng sử dụng khi anh được đào tạo ở Chilê.

Anh có thể viết những bức thư liên quan đến tình yêu môn cờ vua của mình - anh đã từng là một người rất say mê cờ - cho người bạn của mình Justin Bokomo ở Uganda. người làm việc trong văn phòng của tổng thư ký Liên Hợp Quốc ở New York.

Những bức thư của anh có thể luôn đi ra khỏi Baghdad đến hòm thư ngoại giao Liên Hợp Quốc để đến New York. Những trả lời cũng sẽ đến từ Bokomo ở New York. Benz Moncada không biết quả thật có một người Uganda tên là Bokomo ở New York. Đó cũng là một katsa của Mossad trong căn phòng nhận thư để xử lý.

Những bức thư của Bokomo có một mặt thứ hai. Khi được xử lý sẽ hiện ra thông điệp của Mossad. Nó cần được sao chụp khi không ai nhìn thấy và chuyển cho Jericho trong một hòm thư đã thoả thuận. Sự trả lời của Jericho có thể là ở dạng tiếng Arập loằng ngoằng. Mỗi trang phải được sao chụp lại mười lần, để phòng trường hợp mất, và phải chuyển phim cho Bokomo.

Quay trở lại Baghdad chàng trai trẻ người Chilê, với trái tim hồi hộp, lập ra sáu hòm thư, chủ yếu sau những viên gạch rỗng trên những bức tường cũ hoặc những ngôi nhà đổ, dưới những cán cờ trong những lối đi nhỏ tối, và một cái dưới một viên đá cửa sổ của một cửa hàng. Mỗi lần đến đó anh nghĩ anh có thể bị bao vây bởi những tên AMAM đầy chết chóc, nhưng những công dân của Baghdad tỏ ra vẫn lịch thiệp như mọi khi và không ai nhận ra anh khi anh làm việc, vẻ như một người du lịch nước ngoài tò mò, lên xuống các con đường và phố xá của khu cổ, khu Armenie, chợ trái cây và rau ở Kasra. và những nghĩa địa cũ - mọi nơi anh có thể tìm thấy những bức tường cũ kỹ xiêu vẹo và những hòn đá rỗng nơi không có ai nghĩ đến chuyện tìm kiếm hết cả.

Anh viết những địa điểm của sáu hòm thư đó, ba để chứa các thông tin từ anh đến Jericho và ba cho những trả lời của Jericho. Anh cũng chia ra làm sáu địa điểm - những bức tường, cổng, công - trên ba cái trong số đó là phần đánh dấu trông vô hại và báo cho Jericho khi có thông điệp cho ông ta: và ba cái khác nơi Jericho có thể thông báo ông ta có trả lời và ngời đợi thư trả lời.

Mỗi phần đánh dấu tương ứng với một hòm thư. Anh viết các địa điểm các hòm thư này và các chỗ có đánh dấu rất chính xác để mà Jericho có thể tìm thấy chỉ cần qua miêu tả mà thôi.

Toàn bộ thời gian anh lo xem có cái đuôi nào theo mình không, dù là lái xe hay là đi bộ. Chỉ một lần anh nhận thấy bị theo dõi: nhưng đó chỉ là vợ vẫn và thông thường. khi AMAM có vẻ như có những ngày bất thường tự đứng theo dõi những nhà ngoại giao bất kỳ. Ngày sau đó không có cái đuôi nào, thế là anh được thả phào.

Khi đã làm xong tất cả: anh dùng máy chữ viết chúng ra. sau khi đã ghi nhớ mọi chi tiết. Anh huỷ giấy than, sao chụp lại các tờ giấy, huỷ giấv, và gửi film cho ông Bokomo. Qua phòng thư của toà nhà Liên Hợp Quốc trên Bờ Đông thành phố New York, gói bưu kiện nhỏ đi trở về với David Sharon ở Tel Aviv.

Phần nguy hiểm là chuyển thông tin đến được tay Jericho. Có nghĩa là phải chuyển bức thư cuối cùng cho cái hòm thư bưu điện đáng nguyên rủa ở Baghdad. Sharon viết cho “người bạn” của mình rằng giấy tờ anh ta cần có thể được chuyển chính xác vào buổi trưa trong mười bốn ngày nữa. vào ngày 18 tháng tám 1988, và nên chuyển đi sau đó không quá một giờ. Các chỉ dẫn chính xác, bằng tiếng Ả-rập đến được Moncada vào ngày 16. Vào 12 giờ trưa kém 5 phút, anh đi vào bưu điện, thảng đến hòm thư, và đẩy cái bưu kiện vào. Không ai chặn hay bắt anh hết cả. Một giờ sau đó Jericho mở hộp và lôi ra cái gói. Cả ông ta cũng không bị chặn hay bắt gì cả.

Với liên lạc đảm bảo giờ đây đã được thiết lập, đường dây bắt đầu hoạt động. Jericho nhấn mạnh ông ta sẽ định giá mỗi thông tin mà Tel Aviv muốn, và nếu tiền được chuyển vào tài khoản, thông tin sẽ được chuyển đi. Ông ta nêu tên một ngân hàng hết sức kín đáo ở Vienna. Ngân hàng Winkler ở Ballgasse, ngay bên ngoài Franziskanerplatz, và cho số tài khoản. Tel Aviv đồng ý và kiểm tra ngân hàng. Nó rất nhỏ, tuyệt đối kín đáo, và có vẻ như là vô cùng vô tội. Rõ ràng nó có số tài khoản đã được nêu tên, bởi vì lần chuyển tiền đầu tiên 20.000 đôla bởi Tel Aviv vào đó, không hề có câu hỏi nào quay trở lại ngân hàng chuyển tiền.

Mossad khuyên rằng Jericho có thể phải cẩn thận để tránh lộ mình cho chính sự an toàn của ông, trong mọi trường hợp xấu xảy ra những người bạn của ông ta có thể đến giúp. Jericho từ chối; ông ta còn đi xa hơn nữa. Nếu có bất kỳ một hành động kiểm tra các hòm thư hay tìm cách biết ông ta là ai, hay nếu tiền không được chuyển, ông ta có thể sẽ ngay lập tức im tiếng liền.

Mossad đồng ý, nhưng cố thử những cách khác. Các chân dung tâm lý được dựng, chữ viết của anh ta được nghiên cứu. các danh sách người Iraq có chức có quyền được lập và nghiên cứu Mọi thứ mà những người của phòng thí nghiệm có thể hứa hẹn là Jericho khoảng chừng trung niên, có giáo dục trung bình, có khả năng nói một ít tiếng Anh không thông thạo, và đã có tiền sử về quân sự hay gần như thế.

- Cái đó khiến tôi phải để ý đến một nửa những tên chỉ huy cao cấp Iraq, 50 thằng cha cao nhất trong đảng Ba'ath, và ông anh họ Fred của John Doe. Kobi Dror lầu bầu.

Alfonso Benz Moncada điều hành Jericho trong vòng hai năm, và sản phẩm quả thực là vàng ròng. Nó liên quan đến chính trị, các vũ khí tối hậu, tiến bộ về quân sự, thay đổi chỉ

huy, xử lý vũ khí, tên lửa, khí, chiến tranh vi trùng, và hai đòn đảo chính chống Saddam Hussein. Chỉ về tiến bộ của nguyên tử Iraq là Jericho còn e ngại. Dĩ nhiên ông ta được yêu cầu điều đó. Nó nằm dưới sự bí mật tuyệt đối và chỉ được một người Iraq tâm cỡ ngang với Robert Oppenheimer, nhà vật lý tiến sĩ Jaafar Al-Jaafar. biết đến. Khó lắm, ông ta cho biết.

Mùa thu năm 1989 Jericho nói với Tel Aviv rằng Gerry Bull đang nằm dưới sự nghi ngờ và theo dõi ở Brussels bởi một đội từ Mukhabarat của Iraq. Mossad, khi đó đang sử dụng Bull như là một nguồn thông tin khác về sự tiến triển của chương trình hoả tiễn Iraq, cố cảnh báo ông bằng cách tế nhị nhất có thể được.

Không có cách nào nói thẳng với ông những điều họ biết -quá mạo hiểm khi nói họ có một gián điệp chìm ở Baghdad. và không cơ quan gián điệp nào lại hy sinh một cửa ngầm như thế.

Do đó người katsa kiểm soát trạm ở Brussels đã cho người của mình đột nhập căn hộ của Bull nhiều lần trong mùa thu và mùa đông, để lại những thông điệp ngấm bằng cách tua lại băng video, đổi chỗ các chai rượu, không đóng cửa sổ, thậm chí còn thả lại một sợi tóc dài của phụ nữ trên gối của ông. Nhà khoa học về súng tất nhiên trở nên lo lắng, nhưng không đủ. Khi thông điệp của Jericho liên quan đến ý định trừ khử Bull đến được thì đã quá chậm trễ. Vụ khử đã diễn ra.

Thông tin của Jericho cung cấp cho Mossad một bức tranh khá toàn cảnh về Iraq về sự triển khai kế hoạch xâm lấn Kuwait vào năm 1990. Những điều ông ta nói về các vũ khí huỷ diệt hàng loạt của Saddam khẳng định và mở rộng những gì Mossad đã biết qua Jonathan Pollard, người qua đó đã bị kết án tù chung thân. Nghĩ rằng nước Mỹ cái gì cũng biết. Mossad chờ đợi Mỹ phản ứng. Nhưng trong khi các chuẩn bị về hoá học, nguyên tử, và sinh học ở Iraq tiến triển, sự bối rối của phương Tây vẫn tiếp tục, nên Tel Aviv quyết định im lặng.

Hai triệu đôla đã chuyển từ Mossad đến cho tài khoản được định danh của Jericho ở Vienna vào tháng tám năm 1990. quả thật là đắt, nhưng rất tốt. và Tel Aviv quyết định rằng ông ta xứng đáng được hưởng như thế. Rồi cuộc tấn công Kuwait bắt đầu và cái chưa được nhìn thấy trước diễn ra. Liên Hợp Quốc. đã thông qua Nghị quyết ngày Hai tháng Tám kêu gọi Iraq rút quân ngay lập tức, cảm thấy không thể tiếp tục ủng hộ Saddam bằng cách duy trì sự có mặt của mình ở Baghdad được nữa. Vào ngày 7 tháng Tám, Hội đồng Kinh tế Tây Á đã đột ngột đóng cửa, và các nhà ngoại giao được gọi về.

Benz Moncada có khả năng làm được một việc cuối cùng trước khi đi. Anh ta để lại một thông điệp tại một hòm thư nói cho Jencho rằng anh ta sẽ bị trục xuất và giờ đây liên lạc đã bị cắt đứt. Tuy nhiên. anh có thể sẽ quay trở lại, và Jericho nên tiếp tục dạo qua các chỗ nơi có phần đánh dấu. Rồi anh ra đi. Anh chàng Chilê trẻ tuổi đi thẳng về London báo cáo toàn bộ những gì mình biết cho David Sharon.

Do đó Kofi Annan đã có thể nói dối Chip Barber với một bộ mặt hết sức ngây thơ. Lúc đó, quả thật ông đã không điều hành một cá chim nào ở Baghdad. Có thể là quá mức bối rối để mà chấp nhận rằng ông chưa từng bao giờ phát hiện cái tên kẻ phản bội và rằng giờ đây ông đã mất liên lạc mất rồi. Vẫn thế. như Sami Gershon đã nói thẳng ra, nếu người Mỹ có bao giờ tìm ra... ănn ý, có lẽ thật sự ông ta nên nêu ra Jericho.

8. Chương 8

Mike Martin đến mộ Able Seaman Shepton ở nghĩa địa Sulaibikhat vào ngày đầu tiên của tháng Mười và phát hiện tin nhắn từ Ahmed Al-Khalifa. Anh không ngạc nhiên lắm. Nếu Abu Fouad đã nghe nói về anh, thì anh cũng có thể nghe nói về sự tăng lên không ngừng và phát triển của phong trào kháng chiến Kuwait và ánh sáng dẫn đường bí ẩn của nó. Rằng cuối cùng họ phải gặp nhau có lẽ là điều không thể tránh khỏi.

Trong sáu tuần lễ, vị thế của các lực lượng chiếm đóng của Iraq đã thay đổi rất nhiều. Trong cuộc xâm lấn của mình họ đã làm ào ào: và họ đã bắt đầu chiếm đóng với sự tự tin dâng cao. được bảo đảm rằng sự trú ngụ ở Kuwait có thể không có ý nghĩa như là một sự chinh phục. Sự ảo tưởng đã rất dễ dàng và có lợi, niềm vui phá huỷ, và sự sử dụng phụ nữ để giải trí.

Kuwait, dù sao đi nữa, cũng là một con bò câu béo chuẩn bị cho bữa ăn. Nhưng trong sáu tuần, con bò câu đã bắt đầu mỡ và cào Hơn một trăm lính Iraq và tám sĩ quan đã hoặc mất tích hoặc bị tìm thấy đã chết. Những sự biến mất có thể không phải lúc nào cũng có thể giải thích bằng sơ sẩy. Lần đầu tiên, các lực lượng chiếm đóng đã trải nghiệm nỗi sợ hãi.

Các sĩ quan không còn dám dạo chơi với chiếc xe riêng của mình mà phải có một xe chở đội hộ vệ đi kèm. Các toà nhà đại bản doanh phải được canh gác ngày cũng như đêm, khiến các sĩ quan Iraq đã mất ngủ vì bị gọi dậy nhiều.

Đêm trở thành quãng thời gian không thể đi đâu hết. trừ khi di chuyển theo đội đông người. Các đội gác đường ẩn sâu vào trong trại của mình khi đêm tối buông xuống. Và mìn vẫn cứ nổ, những chiếc xe nổ tung cháy âm ỉ hay được nhận về với máy móc hỏng hết cả, những quả lựu đạn vẫn vung ra, và những người lính biến mất với cổ họng bị cửa đứt thành lỗ.

Sự kháng cự dâng cao đã buộc hội đồng chỉ huy tối cao phải thay Quân đội Nhân dân bằng các lực lượng đặc biệt. các đội quân chiến đấu tinh nhuệ luôn đứng ở tuyến đầu trong trường hợp người Mỹ tới. Vào đầu tháng Mười với Kuwait không phải là, như tiếng vọng của câu nói của Churchill, sự bắt đầu của cái kết cục, mà là kết cục của cái bắt đầu.

Martin đã không có cách nào để trả lời bức thông điệp của Al-Khalifa khi anh đọc nó trong một vựa lúa, do đó cho đến ngày hôm sau anh mới đặt câu trả lời của mình vào đó. Anh đồng ý gặp, anh nói, nhưng chỉ với những điều kiện của anh. Để lợi dụng đêm tối nhưng để tránh giờ thiết quân luật vào 10 giờ, anh hẹn gặp vào lúc bảy giờ rưỡi. Anh cho địa điểm chính xác để Abu Fouad có thể đỗ xe của mình và khoảng rùng nhỏ nơi họ có thể gặp nhau. Địa điểm anh ấn định nằm ở quận Abrak Kheitan, rất gần với đường quốc lộ từ thành phố đi sân bay giờ đang bị chiếm giữ và không hoạt động.

Martin biết nó là một khu vực xây bằng đá theo cổ truyền những ngôi nhà với mái ngói bằng. Trên một trong số những mái nhà đó anh có thể ngồi đợi hai giờ đồng hồ trước cuộc gặp để xem liệu viên sĩ quan người Kuwait có bị theo đuôi và bị ai theo nếu có: các vệ sĩ của chính ông ta hay là người Iraq. Trong một môi trường đầy thù địch như thế này, viên sĩ quan SAS vẫn tự tin vào trận.

Anh chẳng hề biết gì về quan niệm của Abu Fouad về an toàn và đã không được chuẩn bị là ông ta kinh khủng đến thế. Anh ra cuộc hẹn cho đêm đó ngày mồng 7 và để lại câu trả lời giữa tấm bia mộ. Ahmed Al-Khalifa lấy nó vào mồng 4.

Tiến sĩ John Hipwell chưa từng bao giờ bị gọi trong một cuộc trò chuyện thông thường đến thế đối với một nhà vật lý nguyên tử, để lại nhà khoa học đang làm việc trong sự an toàn chặt chẽ của Tổ chức Nghiên cứu Vũ khí Hạt nhân ở Aldermaston vẽ ra những thứ vũ khí plutonium cho những hoả tiễn Trident sắp được ra đời.

Một người quan sát thoáng qua sẽ cho rằng ông là một nông dân chất phác của Home Counties, hơn nữa còn bận rộn tính toán ở phiên chợ quê chứ không phải đang giám sát những cái đĩa khổng lồ chứa chất plutonium trong vòng tròn.

Mặc dù thời tiết vẫn còn dịu khi Hipwell lại xuất hiện trở lại trước Hội đồng Medusa, ông đã mặc, như vào tháng Tám. chiếc quần soóc kẻ ô vuông, ca vát bằng len, và áo jacket tweed. Không đợi được hỏi, ông đã dùng hai bàn tay hồng hào to tướng nhồi và bập cái tẩu dài thứ thuốc lá nặng để bắt đầu báo cáo của mình. Ngài Paul Spruce dí sát cái mũi nhọn của mình về kính tòm và bật máy điều hoà nhiệt độ để tránh mùi.

- Rồi, thưa các ngài, tin tốt là người bạn Saddam Hussein của chúng ta không có bom nguyên tử có thể dùng được. Chưa có đâu, còn lâu cơ. Tiến sĩ Hipwell nói. như là biến mất vào làn khói màu xanh nhợt nhạt.

Ngừng một chốc trong khi ông rít một hơi thuốc. Terry Martin thấy vui, nếu bạn mạo hiểm hít vào người một liều thứ khí plutonium chết người mỗi ngày, thì cái tẩu cũ kỹ kia đúng là chẳng hề mùi mề gì hết. Tiến sĩ Hipwell thoáng liếc vào các ghi chép của mình.

- Iraq đã trên con đường làm quả bom nguyên tử cho riêng mình từ giữa những năm 1970, khi Saddam Hussein thực sự lên nắm quyền. Có vẻ như đó là nỗi ám ảnh của ông ta. Trong những năm đó Iraq đã mua một lò phản ứng hạt nhân nguyên chiếc từ Pháp -cái đã không bị Hiệp ước loại trừ hạt nhân năm 1968 ngò ngang đến vì nguyên nhân hợp lý đó.

Ông hài lòng liếm và rít một hơi thuốc nữa. Lại ngó những giấy tờ của mình.

- Tha lỗi cho tôi. ngài Paul nói. Cái lò phản ứng đó có phải là cho mục đích sản xuất điện không?

- Có vẻ là như thế. Hipwell nhất trí. Hoàn toàn là bịa đặt. dĩ nhiên rồi, và nước Pháp cũng thừa biết điều đó. Iraq có trữ lượng dầu lửa lớn thứ ba thế giới. Họ có thể có một trạm sản xuất năng lượng chạy dầu với giá rẻ.

Không, vấn đề là cung cấp lò phản ứng hạt nhân với chất uranium làm nghèo, gọi là bánh vàng hay caramel, thế là có thể thuyết phục người ta bán nó đi.

Sau khi sử dụng trong một lò phản ứng, cái sản phẩm cuối cùng sẽ là chất plutonium.

Có những cái gạt đầu xung quanh bàn. Mọi người đều biết rằng lò phản ứng hạt nhân của Anh tại Sellafield tạo ra điện cho năng lượng và làm ra chất pluto và chuyển đến Hipwell theo yêu cầu của ông ta.

- Thê là người Iraq vào việc. Hipwell nói. Đội đầu tiên trong số các đội biệt kích của họ đã gỡ cái turbine khổng lồ ở Toulon trước khi nó được đưa xuống tàu, đây là dự án hai năm trước đây. Rồi vào năm 1981, khi các nhà máy Osirak 1 và 2 quý giá của Saddam chuẩn bị bắt đầu đi vào hoạt động, các máy bay ném bom của Israel bay vào và ném bom. Kể từ đó: Saddam chưa bao giờ tiếp tục mua một cái lò hạt nhân nào nữa cả. Sau một thời gian ngắn, ông ta đã thôi không cố nữa .

- Thế quái nào mà ông ta lại làm vậy. Harry Sinclair từ đầu bàn của mình hỏi.

Bởi vì ông ta chuyển hướng: Hipwell nói với một nụ cười rộng: như một người đã giải xong một ô chữ trong một thời gian kỷ lục. Cho đến bây giờ, ông ta đang theo đuổi con đường plutonium. Với thành công ở mức nào đó, dù sao đi chăng nữa. Nhưng không đủ đâu. Chưa đủ.

- Tôi không hiểu. ngài Paul Spruce hỏi. Đây là khác biệt giữa một quả bom nguyên tử dựa trên plutonium và một quả uranium?

- Uranium thì đơn giản thôi. nhà vật lý trả lời. Xem này. có nhiều chất phóng xạ có thể sử dụng cho phản ứng dây chuyền. nhưng với quả bom nguyên tử đơn giản, nền tảng, có tác dụng của các ông thì uranium là chìa khoá đấy. Đó là hướng của Saddam kể từ sau 1982 - một quả bom dựa trên uranium cơ bản. Ông ta chưa có được nó, nhưng ông ta vẫn thử, và một ngày nào đó sẽ có được thôi.

Hipwell ngồi xuống với một tiếng thở, như là ông đã tạo ra sự sáng tạo đầu tiên huyền bí. Cũng giống như phần lớn những người ngồi xung quanh bàn. Spruce vẫn còn rất lúng túng.

- Nếu ông ta có thể mua uranium đó cho cái lò phản ứng đã bị phá huỷ của mình, thì tại sao ông ta không làm một quả bom với nó? ông hỏi.

Hipwell chồm lên câu hỏi như một người nông dân lên một món lợi lớn.

- Có nhiều loại uranium khác nhau lắm, ông bạn thân mến ạ. Cái loại đấy buồn cười lắm, uranium ấy. Rất hiếm. Từ một nghìn tấn quặng uranium, ông chỉ có thể thu được một khối bằng một cái hộp xì gà mà thôi. Bánh vàng. Nó được gọi là uranium tự nhiên, với số nguyên tử là 238. Ông có thể chạy một lò phản ứng công nghiệp với chừng ấy, nhưng không làm được một quả bom đâu. Chưa đủ độ tinh khiết. Để làm một quả bom ông cần có số nguyên tử nhẹ hơn, uranium 235.

- Thế làm thế nào để có được nó? Paxman hỏi.

- Nó nằm ở trong bánh vàng ấy. Trong cái khối cỡ một hộp xì gà đó có đủ uranium 235 để dán dưới một cái móng tay mà chẳng hề hấn gì hết cả. Quý quái là làm thế nào để tách được chúng ra. Nó được gọi là tách nguyên tố. Rất khó, rất kỹ thuật, rất đắt, và rất lâu.

- Nhưng ông nói Iraq đã có được nó rồi, Sinclair lưu ý.

- Sẽ có nhưng giờ thì chưa, Hipwell nói. Chỉ có một cách khả thi để làm trong và lọc được bánh vàng cho chín mươi phần trăm tinh khiết cần thiết. Nhiều năm trước, trong kế hoạch Manhattan, các đồng hương của ông đã thử rất nhiều phương pháp. Họ có kinh nghiệm lắm đấy chứ? Ernest Lawrence thử một cách, Robert Oppenheimer thử cách khác.

Trong những ngày đó họ đã sử dụng cả hai phương pháp với tốc độ khẩn trương và đã tạo ra đủ uranium 235 để chế tạo Little Boy.

- Sau chiến tranh phương pháp ly tâm được phát minh và dần được hoàn thiện. Giờ đây chỉ có phương pháp này được sử dụng. Nói về nền tảng, ông nhét quặng vào một thứ gọi là một máy ly tâm, nó sẽ xoáy nhanh đến nỗi toàn bộ quá trình được thực hiện trong chân không. Dần dần những nguyên tố nặng hơn, cái mà ông không muốn, bị rơi ra ngoài cái lò tâm và nát ra. Cái còn lại là một ít chất đó tinh khiết hơn là khi ông bắt đầu. Chỉ có một tí chút thôi. Ông phải làm đi làm lại việc đó hàng nghìn tiếng đồng hồ, chỉ để có được một tí tí uranium đủ cấp để làm bom với kích thước chỉ bằng cái tem thư.

- Nhưng ông ta sẽ làm thế chứ? Ngài Paul nằn nì.

- Đúng vậy. Đang làm nó từ khoảng một năm nay. Những cái lò ly tâm đó... để tiết kiệm thời gian chúng ta nối chúng lại thành các dãy, gọi là các tầng. Nhưng ông cần hàng nghìn cái máy ly tâm đó để tạo được một tầng.

- Nếu họ đã lao vào đó kể từ năm 1982, thì tại sao đến giờ vẫn chưa có? Terry Martin hỏi.

- Các ông không đi vào cửa hàng bán đồ sắt và mua được một cái máy ly tâm chạy bằng gas được đâu, Hipwell chỉ ra.

Đầu tiên họ đã thử nhưng thất bại - các tài liệu cho thấy điều đó. Kể từ năm 1985 họ đã mua các linh kiện để dựng lên cái của chính họ. Họ có khoảng 500 tấn bánh vàng uranium nguyên thủy, một nửa trong số đến từ Bồ Đào Nha. Họ mua phần lớn công nghệ ly tâm từ Tây Đức.

- Tôi nghĩ Tây Đức đã ký các thoả thuận quốc tế đầy đủ hạn chế công nghệ sản xuất bom nguyên tử rồi cơ mà, Paxman phản đối.

- Có thể họ đã làm vậy. Tôi không thể nào biết được về chính trị, nhà khoa học nói. Nhưng họ đã có được các mẫu và các linh kiện từ mọi nơi. Các ông cần thép tinh vi, thép siêu cứng, tàu chống rung, van đặc biệt, các lò đun nhiệt độ rất cao gọi là các lò “sợ người” bởi vì trông chúng giống như vậy, cộng với các bơm chân không và dưới đó - đó là cả một công nghệ dây chuyền đầy. Một ít thôi, rồi kỹ năng nữa, đến từ Tây Đức.

- Cho tôi hỏi thẳng nhé. Sinclair nói, liệu Saddam đã có các máy ly tâm tách nguyên tố hoạt động được chưa?

- Có rồi, có một tầng. Nó đã vận hành chừng một năm nay. Và một cái khác nữa sẽ sớm được đưa vào sử dụng nay mai.

- Thế ông có biết tất cả những thứ thổi tha đó ở đâu không?

- Nhà máy có tầng ly tâm ở một nơi có tên Taji - ở đây này. Nhà khoa học chìa ra một bức ảnh chụp từ trên không ra trước mặt người Mỹ và khoanh vùng một loạt những toà nhà công nghiệp.

Cái tầng dường như đang hoạt động ở ngầm dưới đất đầu đó không xa cái lò hạt nhân cũ của Pháp ở Tuwaitha lắm, cái lò mà họ gọi là Osirak. Tôi không biết liệu các ông có thể tìm thấy nó với một cái máy bay ném bom không nữa - chắc chắn nó ở dưới đất và được ngụy trang rất kỹ.

- Thế còn cái tầng mới?

- Không biết gì hết cả. Hipwell nói. Có thể ở bất cứ nơi đâu

- Có khả năng ở một chỗ khác chẳng, Terry Martin đề xuất Người Iraq thường tiến hành nhân đôi và giả mạo không bao giờ để tất cả trứng vào trong cùng một giỏ để rồi người Israel thổi bay đi tất cả.

Sinclair cầu nhàu.

- Sao ông có thể chắc- ngài Paul hỏi- rằng Saddam Hussein không thể đã có được quả bom đó?

- Thực thế, nhà vật lý nói. Đó là vấn đề thời gian. Ông ta không có đủ thời gian. Để cho một quả bom nguyên tử cơ bản nhưng hữu dụng ông ta cần 30 đến 35 kg uranium 235 tinh khiết. Mới chỉ bắt đầu công việc được có một năm, dù có được cái nếp vận hành suốt 24 giờ một ngày - cái đó là không thể - thì một chương trình khó đến thế cần ít nhất 12 tiếng cho mỗi ly tâm. Ông cần có 1000 lần xoay để có được từ không phần trăm đến chín mươi ba phần trăm tinh khiết đòi hỏi. Cần 500 ngày quay. Nhưng rồi khi nó đã sạch, phục vụ được, thì còn phải bảo trì, rồi còn hỏng hóc nữa chứ. Ngay cả với một nghìn cái lò ly tâm vận hành trong một cái tầng bây giờ cũng như trong năm vừa qua, ông cũng phải cần đến năm năm. Đưa thêm một tầng nữa vào năm tới - có thể rút ngắn xuống còn có ba năm.

- Thế ông ta sẽ không có 35 kg cho đến 1993 hay sao? Sinclair chèn vào.

- Không, ông ta không thể.

- Một câu hỏi cuối cùng: nếu ông ta có được uranium, thì mất bao nhiêu lâu mới có được một quả bom nguyên tử?

- Không lâu đâu. Chỉ vài tuần thôi. ông thấy đấy, một nước quan tâm đến việc làm ra quả bom cho riêng mình sẽ có khía cạnh cơ khí phát triển song song. Cơ khí, bom không phải tất cả đều phức tạp, miễn là ông biết ông đang làm gì. Và Jaafar cũng thế - ông ta sẽ biết mất bao lâu để xây dựng một cái và kích hoạt nó. Mẹ kiếp, chúng tôi đã đào tạo ông ta ở Harwell.

Nhưng vấn đề là, chỉ tính riêng về thời gian thôi, Saddam Hussein cũng không thể có đủ uranium đâu. 10 kg, thế đã là quá rồi ông ta cần ít nhất là ba năm nữa cơ

Tiến sĩ Hipwell được cảm ơn vì những tuần lễ làm phân tích, và cuộc họp kết thúc.

Sinclair có thể quay trở về Đại sứ quán của mình và viết ra những ghi chép lằng nhằng, những cái sẽ quay trở về Mỹ với mật mã rất khó dò. Ở đó chúng có thể được so sánh với các phân tích của các đối tác của nước Mỹ - các nhà vật lý từ các phòng thí nghiệm của Sandia, Los Alamos, và đặc biệt là Lawrence Livermore ở California, nơi trong nhiều năm nay một phần bí mật có tên đơn giản là phòng Z đã giám sát sự mở rộng vững chắc của công nghệ nguyên tử khắp thế giới nhân danh Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc. Mặc dù

Sinclair có thể không biết, các kết quả của các đội người Anh và người Mỹ có thể khẳng định lẫn nhau với một mức độ khá cao.

Terry Martin và Simon Paxman rời khỏi cuộc họp đó và đi dạo qua Whitehead trong buổi hoàng hôn đầu tháng Mười.

- Phải nhắc lại, Paxman nói, là ông già Hipwell khá hấp dẫn đấy. Có vẻ như là người Mỹ nhất trí. Rằng lão con hoang đó đã đang ở gần quả bom nguyên tử của hắn rồi. Chẳng khác gì một cơn ác mộng.

Họ chia tay nhau ở góc phố, Paxman đi qua sông Thames để đến Nhà Thờ kỷ, Martin đi qua quảng trường Trafalgar và theo ngõ St. Martin để đến phố Gower.

Biết được cái mà Iraq có, hay thậm chí có khả năng có, là một việc. Tìm chính xác ở đâu có chúng lại là chuyện khác hẳn. Việc chụp hình vẫn tiếp tục. Những chiếc KH-11 và KH-12 vẫn bay qua thiên đường trong nhịp điệu vĩnh cửu của mình, chụp lại những gì chúng nhìn thấy trên đất Iraq dưới chân chúng.

Tháng Mười, một thiết bị khác đã được đưa vào bầu trời, một máy bay trinh sát Mỹ bí mật đến nỗi đòi Capitol cũng chẳng hề hay biết. Được mang biệt danh Aurora, nó bay bên rìa không gian, đạt đến tốc độ của Mach 8, gần 5000 dặm mỗi giờ, mang theo đạn được - đó là hiệu ứng ramjet - rất xa các radar của Iraq hay những quả hỏa tiễn đối không. Thậm chí cả công nghệ tuyệt vời của Liên Xô cũng không dò được Rạng Đông, cái đã thay thế Chim Đen huyền thoại SR-71.

Thật mỉa mai, trong khi Chim Đen được bỏ ra khỏi phi vụ thì một cái khác thậm chí còn già hơn "lông tin cũ" lại bay trên bầu trời Iraq mùa thu đó. Đã gần 40 năm tuổi, có biệt hiệu Bà Ròng. chiếc U-2 vẫn bay và vẫn chụp hình. Quay trở lại năm 1960 khi Gary Powers bị bắn hạ trong một chiếc U-2 trên bầu trời Sverdlovsk, Xibêri, và chính chiếc U-2 này đã phát hiện những tên lửa đầu tiên của Liên Xô được lắp đặt ở Cu ba trong mùa hè năm 1962, thậm chí ngay cả Oleg Penkovsky cũng cho chúng là vũ khí tấn công chứ không phải phòng vệ, do đó đã thổi bay các phản đối nực cười của Khrushchev và chỉ ra những mầm mống của sự phá huỷ thực tế của chính mình.

Chiếc U-2 của năm 1960 đã được trang bị lại như một "máy nghe" hơn là một "máy nhìn" và được thiết kế lại TR-1, mặc dù nó vẫn chụp ảnh. Tất cả những thông tin này, từ các giáo sư và các nhà khoa học, các nhà phân tích và phiên dịch, những người theo dõi và những người nhìn, những người phỏng vấn và những người tìm tòi, xây dựng một hình ảnh về Iraq thông qua mùa thu năm 1990, và một bức tranh đầy đe dọa đã có.

Từ hàng nghìn nguồn tin khác nhau cuối cùng cũng được xâu chuỗi lại vào một căn phòng rất bí mật hai tầng dưới đại bản doanh không lực Ả rập Xêút trên đường Sân bay cũ. Căn phòng, nằm dưới con đường từ đó các quan chức quân sự ngồi hội họp và thảo luận về những kế hoạch không được phép của mình (bởi Liên Hợp Quốc) với sự xâm chiếm của Iraq, đã được gọi đơn giản là "Lỗ Đen".

Chính tại Lỗ Đen các chuyên gia lập kế hoạch Anh và Mỹ rút ra từ ba cơ quan của mình và từ mọi cấp bậc, chỉ vào các địa điểm có thể bị tiêu huỷ. Cuối cùng, họ có thể tạo nên một bản đồ không chiến của tướng Chuck Horner. Nó chứa đựng 700 mục tiêu. 600 là mục tiêu quân sự - theo nghĩa là các trung tâm chỉ huy, cầu, sân bay, kho đạn, các hầm chứa thuốc nổ, các địa điểm có tên lửa, và các trại tập trung quân lính. Một trăm mục tiêu khác là những cái có liên quan đến các vũ khí của huỷ diệt, toàn bộ - các thiết bị nghiên cứu, các nhà máy sản xuất theo dây chuyền, các phòng thí nghiệm hoá học, các kho cảng.

Tầng ly tâm ở Taji đã được đưa vào danh sách như là một cái gần kề, được biết, vị trí của cái tầng ly tâm ngầm dưới đất ở đâu đó trong khu Tuwaitha.

Nhưng cái nhà máy sản xuất nước đóng chai ở Tarmiya lại không có trong danh sách: Al Qubai cũng không. Không ai biết gì về chúng hết cả.

Một bản sao của báo cáo toàn diện do Harry Sinclair lập ở London được mang đến cùng với những báo cáo khác từ nhiều bộ phận của nước Mỹ và ở nước ngoài. Cuối cùng, một tổng hợp của tất cả những nghiên cứu chuyên sâu đó đã đến được với một nhóm rất nhỏ và rất kín đáo của Bộ Ngoại giao gọi là bộ não, chỉ được một nhóm rất hạn chế ở Washington như Tình báo Chính trị và Nhóm Phân tích biết đến. PIAG là một kiểu trung tâm phân tích các vấn đề ngoại giao và sản xuất ra các bản báo cáo tuyệt đối không dành cho sự tiêu dùng của quần chúng. Trên thực tế, đơn vị chỉ trả lời cho Bộ trưởng Ngoại giao, thời đó là James Baker.

Hai ngày sau. Mike Martin nằm ngửa trên một mái ngói cho phép anh nhìn toàn bộ phần Abrak Kheitan nơi anh đã hẹn gặp Abu Fouad.

Khá chính xác vào giờ đã hẹn, anh nhìn thấy một chiếc xe ô tô đơn độc rời khỏi đường cao tốc Keng Faisal hướng về sân bay và đi vào trong một phố ven đường. Chiếc xe từ từ thả xuôi phốt, tách khỏi những chiếc đèn sáng của đường cao tốc và dòng xe cộ, và đi vào trong bóng tối.

Anh nhìn thấy chiếc xe dừng ở chỗ anh đã miêu tả trong bức thông điệp gửi Al-Khalifa. Hai người đi ra, một người đàn ông và một phụ nữ. Họ nhìn quanh, kiểm tra không chiếc xe nào đi theo từ đường cao tốc, và bước đi chậm chậm, đi đến chỗ nơi một đám cây quây lấy một khoảnh đất trống.

Abu Fouad và người đàn bà đã được cho biết là phải đứng chờ nửa giờ đồng hồ. Nếu người Bedou không xuất hiện, họ phải rời đi và quay trở về. Họ đã chờ đến 40 phút trước khi quay trở lại chiếc xe. Cả hai đều bực tức.

- Hẳn ta chắc đã bị tóm rồi, Abu Fouad nói với người đồng hành. Một đội Iraq, có thể lắm. Ai biết? Dù sao, mẹ kiếp. Tôi sẽ lại phải bắt đầu lại.

- Tôi nghĩ ông thật điên khi đi tin hẩn ta. Người phụ nữ nói. Ông chẳng hề biết hẩn ta là ai hết cả.

Họ nói rất ngắn gọn, chỉ huy kháng chiến Kuwait nhìn quanh phố để chắc không có tên lính Iraq nào xuất hiện khi ông

- Hẩn ta thành công và tinh quái, và hẩn ta làm việc như một kẻ chuyên nghiệp ấy. Đó là mọi thứ tôi cần phải biết. Tôi muốn hợp tác với hẩn, nếu hẩn ta sẵn lòng.

- Thế thì tôi chẳng có gì chống lại điều đó hết cả.

Người phụ nữ bật ra một tiếng kêu khê. Abu Fouad nhảy dựng lên trên chiếc ghế của mình.

- Dừng quay ngang ngửa. Chỉ nói chuyện thôi. giọng nói từ ghế sau vang lên. Từ gương chiếu hậu người Kuwait chỉ nhìn thấy lơ mờ chiếc keffiyeh Bedouin và bắt được mùi hôi. Ông thở phào nhẹ nhõm.

- Anh đi chuyển êm thật đấy. Bedou ạ.

- Không cần gây tiếng động. Abu Fouad ạ. Nó sẽ làm bọn Iraq để ý. Tôi không thích thế, trừ khi tôi đã sẵn sàng.

Răng Abu Fouad nảy lên dưới chòm ria rậm.

- Tốt lắm. Bây giờ chúng ta đã tìm được nhau rồi. Thì nói chuyện vậy. Nhân tiện, tại sao lại trốn vào trong xe?

- Nếu cuộc gặp này là một cái bẫy đối với tôi, thì những lời đầu tiên của ông khi quay về xe sẽ khác nhiều.

- Tự để lộ...

- Tất nhiên.

- Rồi sao

- Ông có thể chết.

- Hiểu rồi.

- Ai đi cùng ông thế Tôi không hề nêu là có người đi cùng cơ mà.

- Anh hẹn gặp. Chính tôi cũng tin anh cơ mà. Cô ấy là một đồng đội đáng tin. Asrar Qabandi.

- Rất tốt. Hân hạnh, cô Qabandi. ông muốn nói về cái gì nào?

- Về súng ống, Bedou ạ. Những khẩu súng máy Kalashnikov, lựu đạn hiện đại, Semtex-H. Người của tôi có thể làm tốt hơn với những cái đó.

- Người của ông sẽ bị bắt, Abu Fouad ạ. Mười người đã bị vây trong một ngôi nhà bởi cả một đội lính bộ binh Iraq dưới sự chỉ huy của AMAM. Tất cả đều bị bắt. Tất cả đều còn rất trẻ.

Abu Fouad im lặng. Đó là một thảm họa rất lớn.

- Chín thôi. cuối cùng ông nói. Người thứ mười giả chết và bò trốn đi được. Anh ta bị thương, và chúng tôi đang chăm sóc anh ta. Đó là người đã nói với chúng tôi.

- Nói gì?

- Rằng họ bị phản bội. Nếu anh ta chết, chúng tôi sẽ không thể biết được.

- A, phản bội. Luôn luôn là mối nguy hiểm trong một phong trào kháng chiến. Thế còn kẻ phản bội?

- Chúng tôi biết hẳn rồi, tất nhiên. Chúng tôi nghĩ có thể tin hẳn được.

- Nhưng hẳn đáng tội?

- Có vẻ là như thế.

- Chỉ có vẻ thôi à?

Abu Fouad gật đầu.

- Người sống sót thề là chỉ có người thứ mười một biết được cuộc họp, và địa chỉ. Nhưng cũng có thể có rò rỉ ở chỗ nào đó, hoặc ai đó trong số họ đã bị theo đuổi . . .

- Thế thì cần phải kiểm tra nghi chứng này. Và nếu hẳn ta có tội, thì phải bị trừng phạt. Cô Qabandi, liệu cô có thể cho chúng tôi nói chuyện riêng một lúc được không?

Người phụ nữ trẻ liếc nhìn sang Abu Fouad, ông gật đầu.

Cô ra khỏi xe và đi trở lại chòm cây. Người Bedou nói cẩn trọng với Abu Fouad chi tiết điều anh muốn ông ta làm.

- Tôi sẽ không rời khỏi nhà cho đến bảy giờ, anh kết thúc.

Thế dù hoàn cảnh thế nào ông cũng phải gọi điện vào bảy giờ rưỡi. Hiểu chưa?

Người Bedou trườn ra khỏi chiếc xe và biến mất giữa những lối đi tối đen chạy giữa các ngôi nhà. Abu Fouad lái xe lên phố và đón cô Qabandi. Hai người đi về nhà.

Người Bedou không bao giờ gặp lại người phụ nữ nữa. Trước ngày giải phóng Kuwait, Asrar Qabandi đã bị AMAM bắt, bị tra tấn hết sức dã man, bị hiệp tập thể, bị bắn, và chặt tay chân. Trước khi chết. cô không hề nói điều gì hết cả.

Terry Martin gọi điện cho Simon Paxman, người đang lao đầu vào công việc và không muốn bị cắt đứt. Anh ta cần vị giáo sư cho các nghiên cứu bằng tiếng Ả-rập và Paxman nên mới cầm lấy máy điện thoại.

- Tôi biết tôi là một kẻ quấy rầy. nhưng anh có quan hệ gì với bên GCHQ không?

- Có chứ. dĩ nhiên rồi. Paxman nói. Chủ yếu với bên chuyên trách Ả-rập. Biết giám đốc ở đó.

- Thế liệu anh có thể gọi ông ta một cú và hỏi ông ta có muốn gặp tôi không?

- Mấy hôm nay Iraq kinh khủng quá. Tôi đã nghiên cứu tất cả các bài phát biểu của Saddam: tất nhiên, và thấy rất nhiều lời tuyên bố về con tin và những lá chắn người và thấy PR trên vô tuyến. Nhưng tôi muốn biết liệu có cái gì khác bị lấy đi. cái đã không được làm sáng tỏ bởi Bộ Tuyên truyền.

- Tốt thôi. cái việc mà GCHQ làm ấy, Paxman công nhận. Tôi không biết tại sao nữa. Nếu anh từng ngồi với những người của Medusa, anh có thể biết rõ hơn đây. Tôi sẽ gọi điện cho ông ta.

Chiều đó, qua hẹn gặp, Terry Martin lái xe đi về phía tây đến Gloucestershire và tự giới thiệu ở cánh cổng canh gác cần mật của dãy những toà nhà và ăng ten dựng lên cánh tay thứ ba quan trọng của tình báo Anh bên cạnh MI-6 và MI-5, Đại bản doanh của cơ quan liên lạc chính phủ-

Giám đốc bộ phận Ả-rập là Sean Plummer, dưới ông chính là ông Al-Khouri người đã kiểm tra tiếng Ả-rập của Mike Martin tại hàng ăn Chelsea mười một tuần trước đây, mặc dù cả Terry Martin lẫn Plummer đều không biết.

Ông giám đốc đồng ý gặp Terry Martin vào giữa ngày làm việc bận rộn vì, là một đồng nghiệp Arab. ông đã nghe nói về vị học giả trẻ tuổi của SOAS và ngưỡng mộ nghiên cứu độc đáo của ông về Abassid Caliphate.

- Nào. tôi có thể làm gì cho ông đây? ông hỏi khi họ đã ngồi với một tách trà bạc hà, một sự xa xỉ mà Plummer tự cho phép để thoát ra khỏi những thứ cà phê công vụ khốn khổ. Martin giải thích rằng anh ngạc nhiên trước sự ít ỏi của số lượng những đoạn băng nghe trộm ở Iraq. Mắt Plummer ánh lên.

- Ông nói đúng, dĩ nhiên rồi. Như ông biết đấy. những người bạn Arab của chúng ta có ý định chơi nổi lắm. Mấy năm trước, đường dây có khả năng đã hỏng mất rồi. Bây giờ, cả tính cách quốc gia cũng đã thay đổi rồi, hay...

- Những cái dây bị cháy, Martin nói.

Chính xác- Có vẻ như là Saddam và những người của ông ta đã thiêu cháy hơn 40-50 nghìn dây cáp liên lạc fiber-optic. Đó là cái mà họ đang nói đến đấy. Với tôi, cái đó tuyệt đối là rất bậy. Làm thế nào tôi có thể đưa cho các vị lãnh đạo ở London này hàng đồng báo cáo thời tiết ở Baghdad và về những danh sách giết là của mẹ Hussein?

- Đó là cách nói chuyện của ông ta, Martin nhận xét. Công việc của Plummer phụ trách nhiều hơn thế nhiều.

- Họ vẫn nói dĩ nhiên - bộ trưởng, công chức, tướng lĩnh chuyện gẫu giữa các tay chỉ huy xe tăng trên biên giới Xêut.

- Nhưng những cú điện thoại nghiêm túc. tuyệt mật đã bị ngăn trên không trung. Không bao giờ thấy được. Thế ông muốn nghe gì nào?

Trong bốn tiếng đồng hồ tiếp theo. Terry Martin căng mắt trên một dãy những đoạn băng nghe trộm. Những đoạn băng quá rõ ràng; anh đang tìm một cái gì khác trong một cú điện thoại không được báo trước, một từ nói nhịu, một lỗi. Cuối cùng anh đóng các hồ sơ lại.

- Liệu ông- anh hỏi-có thể để ý đến mọi thứ, cả những cái có vẻ ngớ ngẩn nhất không?

Mike Martin bắt đầu nghĩ rằng một ngày nào đó anh nên viết một cuốn sách giới thiệu du lịch về các mái nhà của Kuwait City. Anh đã bỏ ra một thời gian cực kỳ nhiều năm trên một trong số chúng theo dõi khu vực bên dưới mình. Mặt khác. chúng trở thành những vị trí tuyệt vời cho các LUP, các vị trí rình mò.

Anh đã nằm trên một trong số đó gần như suốt hai ngày hôm nay, theo dõi ngôi nhà mà địa chỉ anh đã trao cho Abu Fouad. Nó là một trong sáu cái mà anh đã mượn của Ahmed Ai- Khalifa, và cái mà anh có lẽ sẽ không bao giờ sử dụng nữa. Mặc dù đã hai ngày trôi qua kể từ khi anh trao địa chỉ cho Abu Fouad và không có gì có vẻ xảy ra cho đến đêm nay, mùng 9 tháng Mười, nhưng anh vẫn tiếp tục theo dõi, ngày cũng như đêm, sống bằng một ít bánh mì và hoa quả.

Nếu những người lính Iraq đến trước bảy giờ rưỡi tối ngày mùng 9, anh có thể biết được ai đã phản bội mình - chính Abu Fouad. Anh liếc nhìn đồng hồ. Bảy giờ rưỡi. Viên đại tá người Kuwait nên gọi vào lúc này: như đã được chỉ dẫn trước.

Bên kia thành phố, Abu Fouad trên thực tế đang cầm điện thoại, ông ta quay một số, có người trả lời khi chuông reo lần thứ ba.

- Salah phải không?

- Phải, ai đấy?

- Chúng ta đã từng gặp nhau. nhưng tôi nghe nhiều thứ hay ho về ông lắm đấy - rằng ông trung thành và dũng cảm, một trong số chúng tôi. Người ta biết tôi với cái tên Abu Fouad. Một sự ngừng lại ở đầu dây.

- Tôi cần sự giúp đỡ của ông, Salah ạ. Liệu chúng tôi, phong trào, dựa vào ông được không?

- Ồ được chứ, Abu Fouad. Xin hãy nói cho tôi ông muốn làm gì.

- Không phải chỉ cá nhân tôi, mà là một người bạn. Anh ta bị thương và yếu lắm. Tôi biết ông là một dược sĩ, ông phải cho anh ta uống thuốc ngay lập tức - băng bó, sát trùng, diệt khuẩn.

- Ông đã bao giờ nghe nói về một người tên là Bedou chưa?

- Rồi chứ, dĩ nhiên. Nhưng thế có nghĩa ông nói ông biết anh ta?
- Không đâu. nhưng chúng tôi đã từng làm việc cùng với nhau trong nhiều tuần nay. Anh ta đặc biệt quan trọng đối với chúng tôi đây.
- Tôi sẽ đi xuống thang chỗ cửa hàng ngay lúc này và chọn những đồ anh ta cần và mang chúng đến cho anh ta. Tôi có thể tìm thấy anh ta ở đâu?
- Anh ta đang nấu ở một ngôi nhà tại Shuwaikh và không thể nhúc nhích được. Hãy mang đến đó bút chì và giấy. Abu Fouad đọc địa chỉ ông ta đã được đưa. Ở đầu dây bên kia người đàn ông chép lại.
- Tôi sẽ lái xe đi ngay đây, Abu Fouad. Ông có thể tin tưởng ở tôi, Salah được sĩ nói.
- Ông là người tốt đây. ông sẽ được thưởng xứng đáng.

Abu Fouad bỏ máy. Người Bedou đã nói ông có thể gọi điện khi hoàng hôn xuống khi không có gì xảy ra, và có thể xác minh lòng trung thành của viên được sĩ.

Mike Martin nhìn, đúng hơn là nghe, tiếng chiếc xe tải đầu tiên ngay trước tám giờ rưỡi. Nó đang vận hành, cái máy không tạo ra tiếng động, và nó đi qua ngã tư của phố trước khi đi đến một chỗ dừng cách xa đó vài yard và ở ngoài tầm nhìn. Martin gạt đầu. -

Chiếc xe tải thứ hai cùng làm như thế một lúc sau. Từ mỗi chiếc xe, hai mươi người chậm rãi xuống, những chiếc mũ bê rê xanh với những người biết họ đang làm gì. Những người đàn ông đi vào theo hàng dọc phố, được dẫn đầu bởi một sĩ quan mặc đồ dân sự. Cái dish-dash màu trắng của anh ta chìm một nửa vào bóng tối. Với tất cả những cái bảng tên phố bị dỡ xuống, những người lính cần đến một người dẫn đường để tìm ra con phố. Nhưng số nhà vẫn còn. Người mặc đồ dân sự dừng lại trước một ngôi nhà, nhìn bảng số, và đưa tay chỉ. Viên đại úy chỉ huy có một cuộc nói chuyện ngắn gọn, thì thào với viên trung sĩ của mình: người mang theo 15 người xuống cái lối đi bên cạnh để vây đặng Được số lính còn lại đi sau, viên đại úy thử mở chiếc cửa sắt đi vào cái vườn nhỏ. Nó mở. Họ đi vào trong.

Trong vườn viên sĩ quan có thể nhìn thấy một ánh đèn mờ ảo trong căn phòng tầng trên. Phần lớn tầng dưới là một cái gara ô tô đang để trống. Ở cửa trước là những thứ linh tinh. Viên đại úy thử mở tay nắm: thấy nó bị khoá, và ra hiệu cho một người lính ở đằng sau mình. Người đàn ông bắn một phát từ khẩu súng trường tự động của mình vào ổ khoá trong cánh cửa gỗ và cửa mở toang ra.

Với viên đại úy dẫn đầu, đội lính mũ xanh tiến vào trong. Một số đi đến những căn phòng tầng dưới u tối: viên đại úy và số lính còn lại đi thẳng vào phòng ngủ chính.

Từ bậc thềm giữa hai tầng viên đại úy có thể trông thấy bên trong của cái buồng ngủ có giường thấp, cái ghế bành với chỗ dựa quay ra cửa và cái keffiyeh vắt trên nóc. Anh ta không bắn. đại tá Sabaawi của AMAM đã chỉ rõ: người đó cần được bắt sống để thẩm vấn. Khi anh ta lao lên trước, viên sĩ quan trẻ không cảm thấy cái lưới bắt cá bằng cước đang chòng lẩy mình.

Anh ta nghe thấy người của mình đang bắn vào từ đằng sau và những người khác lao lên tầng trên. Anh ta nhìn thấy một hình thù xấu xí tạo thành từ đất và chiếc áo trùm màu trắng, đầy rèm, và một quả dưa hấu lớn bọc trong keffiyeh.

Khuôn mặt anh ta nhăn nhúm vì tức giận, và anh ta có đủ thời gian để văng ra một câu chửi tục vào thẳng cha được sĩ run như cây sậy đang đứng ở cửa ra vào.

Năm pound chất Semtex-H không kêu to lắm, và cũng không lan rộng đến thế. Những ngôi nhà xung quanh được xây dựng bằng đá và bê tông, những thứ đã bảo vệ những chỗ quanh đó, một số trong đó là chỗ ở của người Kuwait, chỉ chịu thiệt hại bề mặt. Nhưng ngôi nhà mà những người lính đang đứng có vẻ như đã biến mất. Những mảnh vỡ từ mái ngói của nó sau đó được tìm thấy cách đó hàng trăm yard.

Người Bedou đã không đợi đến cùng để nhìn công trình của mình. Anh đã ở cách xa hai phố, đang thở phào, xem xét lại công việc của mình, khi anh nghe tiếng quả bom găm lên, như là một cái cánh cửa bị bật tung, rồi một khoảng im lặng trống rỗng trong một giây, rồi tiếng ồn ã vang lên.

Ba việc đã xảy ra vào ngày tiếp theo đó, tất cả đều trong bóng tối. Ở Kuwait, người Bedou đã có cuộc gặp thứ hai với Abu Fouad. Lần này, người Kuwait đến cuộc hẹn một mình, trong bóng tối của một cánh cửa

ra vào rất sâu vào trong chỉ cách Sheraton có vài trăm yard. cái đang là chỗ của hàng chục sĩ quan cao cấp người Iraq.

- Ông có nghe thấy không. Abu Fouad?

- Dĩ nhiên rồi. Cả thành phố sôi lên. Họ mất khoảng 20 người và số còn lại bị thương. Ông nháy mắt. Sẽ có nhiều cuộc trả đũa vu vơ đấy.

- Ông có muốn dừng lại bây giờ không?

- Không. Chúng tôi không thể. Nhưng anh có thể chịu đựng được thêm bao lâu nữa?

- Người Mỹ và người Anh sẽ đến. Một ngày nào đó.

- Cầu thánh Allah cho nó đến sớm. Salah có đi cùng chúng không?

- Hẳn dẫn theo chúng.

- Chỉ có một tên dân sự thôi, ông nói không có ai khác phải không?

- Không đâu, chỉ một mình hẳn thôi. Chắc hẳn là hẳn rồi.

- Hẳn đã gây ra cái chết của 9 người trẻ tuổi. Hẳn sẽ không thấy được Thiên đường đâu-

- Thế à. Thế ông còn muốn tôi làm gì nữa nào?

- Tôi không hề hỏi anh là ai và từ đâu đến. Với tư cách một sĩ quan quân đội được đào tạo chính quy, tôi biết anh không thể chỉ đơn giản là một người lái lạc đà Bedou từ sa mạc đến. Anh đã có nguồn cung cấp thuốc nổ, súng ống, đạn dược, lựu đạn. Người của tôi cũng có thể làm nhiều việc với những thứ đó.

- Thế ông đề xuất gì?

- Đến với chúng tôi và mang theo các nguồn cung cấp của anh. Hoặc là ở lại chỗ của anh nhưng chia cho chúng tôi các nguồn đó. Tôi không đến đây để dọa nạt, chỉ để yêu cầu mà thôi. Nhưng nếu anh giúp cuộc kháng chiến của chúng tôi, thì đó là cách để thực hiện đó.

Mike Martin nghĩ một hồi lâu, Sau 8 tuần anh đã sử dụng hết một nửa số đồ của mình, vẫn còn giấu trong sa mạc hoặc được chia lẻ ở hai biệt thự anh sử dụng không phải để ở mà để chứa đồ. Trong bốn căn nhà khác của mình, một cái đã bị phá huỷ và cái khác, nơi anh dùng làm nơi gặp gỡ với các học trò của mình. đã không dùng được nữa. Anh có thể đưa ra những dự trữ của mình và yêu cầu thêm qua hộp thư đêm - liệu linh nhưng khả thi, miễn là những thông điệp của anh gửi về Riyadh không bị dò thấy, điều anh không thể nào biết được. Hoặc anh có thể đi một chuyến lạc đà nữa qua biên giới và trở về với hai giỏ nữa.

Ngay cả nếu nó là không dễ dàng - bây giờ đã có tới 16 đội lính Iraq rải quân dọc theo biên giới, thì anh cũng đã ra vào được đến ba lần rồi.

Đã đến lúc để liên lạc với Riyadh lần nữa và xin chỉ thị. Trong cùng lúc đó, anh có thể đưa Abu Fouad phần lớn những gì anh có. Nó nằm chếch phía nam ở biên giới; anh có thể cần đến lấy nó bằng cách nào đó.

- Ông muốn chuyển nó đến đâu? anh hỏi.

- Chúng tôi có một nhà kho ở cảng Shuwaikh. Nó khá là an toàn. Nó chứa cá. Người chủ là người của chúng tôi.

- Trong sáu ngày nữa nhé, Martin nói.

Họ thoả thuận về thời gian và địa điểm nơi một trợ tá đáng tin cậy của Abu Fouad có thể gặp người Bedou và dẫn anh đến chỗ còn lại của chuyến đi. Martin miêu tả chiếc xe anh sẽ lái và cái cách anh cải trang.

Cùng đêm hôm đó, nhưng hai giờ sớm hơn bởi múi giờ khác nhau, Terry Martin ngồi trong một nhà hàng yên tĩnh không xa căn hộ của mình bao nhiêu nhâm nhi một ly rượu trong tay. Người khách anh đang đợi đi vào vài phút sau đó, một người đàn ông trọng tuổi với tóc nâu, đeo kính, và một cái cà vạt cong có chấm, ông ta nhìn quanh tìm kiếm.

- Moshe. ở đây này.

Người Israel nhìn quanh quần đến chỗ Terry Martin đang nhồm lên, và chào anh rất hăng hái.

- Terry, con trai của tôi. anh thế nào

- Khá hơn khi được gặp ông, Moshe ạ. Liệu có thể nào để ông đi qua London mà không ăn tối trò chuyện với tôi chứ.

Người Israel khá già, ngang tuổi cha Martin, nhưng tình bạn của họ dựa trên mối lợi ích chung. Cả hai đều là học giả và đều là những nhà nghiên cứu nhiệt thành về các nền văn minh cổ Trung Đông. văn hoá, nghệ thuật và ngôn ngữ vùng đó.

Giáo sư Moshe Hadari trở về sau một chuyến đi xa. Khi còn trẻ, ông đã khám phá nhiều nơi ở Đất Thánh cùng với Yigael Yadin, là một giáo sư và một vị tướng trong quân đội-

Điều tiếc nuối lớn của Hadari là, vì mình là người Israel, phần lớn Trung Đông đều là đất cấm với ông, ngay cả chỉ là học bổng đến nghiên cứu. Thêm nữa. trong địa hạt của ông.

Ông là một trong những người giỏi nhất, và địa hạt này rất nhỏ, không thể tránh rằng hai vị học giả lại có thể gặp nhau ở một buổi hội thảo nào đó, như quả đã là thế mười năm trước đây

Đó là một bữa tối thật tuyệt., và cuộc nói chuyện rôm rả về nghiên cứu gần đây nhất, về những quan niệm hoàn toàn mới mẻ về cách cuộc sống đã có trong các vương quốc của Trung Đông mười thế kỷ trước đây.

Terry Martin biết anh được Hiệp ước bí mật chính thức bảo vệ, nên những hoạt động mới đây hợp tác với Nhà Thế kỷ không phải chủ đề để bàn luận. Nhưng trong khi uống cà phê cuộc trò chuyện của họ rất tự nhiên quay sang cuộc khủng hoảng vùng Vịnh và những nguy cơ chiến tranh.

- Anh có nghĩ là ông ta sẽ rút khỏi Kuwait không hả Terry? Vị giáo sư hỏi.

Martin lắc đầu. “Không. ông ta không thể, trừ phi ông ta được chỉ cho một con đường được đánh dấu cụ thể, những nhượng bộ ông ta có thể sử dụng để biện hộ cho sự rút lui của mình. Nếu ra đi trần trụi, nghĩa là ông ta thua.”

Hadari gật đầu.

- Lãng phí ghê quá nhỉ. ông nói. Cả cuộc đời tôi. lãng phí nhiều quá. Số tiền đó đủ để làm cho Trung Đông trở thành một thiên đường. Tất cả những thiên tài đó, tất cả những cuộc đời trẻ trung đó. Và cho cái gì kia chứ? Terry, nếu nó xảy đến, liệu người Anh có chiến đấu bên cạnh người Mỹ không?

- Dĩ nhiên là có chứ. Chúng tôi đã gửi Sư đoàn số bảy, và tôi tin sư đoàn bốn cũng sắp đến thôi. Nó làm thành một đại đoàn, ngoài những máy bay chiến đấu và tàu chiến. Đừng lo về chuyện đó. Đó là một cuộc chiến tranh Trung Đông trong đó Israel không chỉ có thể, nhưng bắt buộc phải, ngồi trên đồng lúa.

- Phải, tôi biết: người Israel buồn rầu nói. Nhưng nhiều con người trẻ tuổi sẽ phải chết.

Martin cúi về phía trước và gõ vào cánh tay người bạn.

- Xem nào. Moshe. con người đó phải bị chặn đứng lại chứ. Sớm hay muộn thôi. Israel và các nước phải biết ông ta có thể đi đến đâu với vũ khí hủy diệt của mình chứ. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta chỉ phải tìm ra mức độ chính xác ông ta có được.

- Nhưng người của chúng tôi đã giúp, tất nhiên. Chúng tôi có khả năng lao vào mục tiêu chính đó.

- Phải. trong các phân tích mục tiêu, Martin nói. Vấn đề cơ bản của chúng tôi là tình báo có giá trị. tại chỗ. Chúng tôi không có tình báo cấp cao ở Baghdad. Cả người Anh lẫn người Mỹ đều không có, và thậm chí người của các anh cũng không.

20 phút sau bữa tối kết thúc, và Terry Martin nhìn giáo sư Hadari đi vào một chiếc taxi để mang ông về khách sạn của mình.

Vào khoảng nửa đêm, ba trạm tam giác được đặt ở Kuwait theo lệnh của Hassan Rahmani ở Baghdad. Chúng là các đĩa phát thanh được thiết kế để theo nguồn phát sóng dài và một vùng xung quanh đó. Một cái là trạm cố định. được đặt trên một mái nhà của một toà nhà cao ở quận Ardiya, một ở rìa cực nam ngoại ô Kuwait City. Mặt đĩa hướng ra ngoài sa mạc.

Hai cái khác là các trạm di động, những chiếc xe to với những cái đĩa trên nóc, một bộ xử lý bên trong để phát điện, và một cái bên trong tối om nơi người trực có thể ngồi ở cần lái của mình và dõi theo các sóng không trung, tìm những đợt chuyển sóng, những cái họ đã được nói có thể gửi từ đâu đó trong sa mạc giữa thành phố và biên giới với Saudi.

Một trong những chiếc xe lớn đó đang ở ngoài Jahra, xa về phía tây của chiếc máy đồng nghiệp của mình ở Ardiya, và cái thứ ba xuôi về phía bờ biển, trong vùng đất của bệnh viện Al Adan, nơi chị của người sinh viên luật đã bị hiếp trong những ngày đầu tiên của những cuộc tấn công. Máy dò ở Al Adan có thể có được mọi cái được đưa về từ những người quét xa hơn về phía bắc, rồi chuyển nguồn tin về cho một trung tâm vài trăm yard cách đó.

Tại căn cứ quân sự Ahmadi, nơi có lúc Khaled Al-Khalifa đã bay chiếc Skyhawk của mình, một chiếc trực thăng Hind do Liên Xô sản xuất có súng trực chiến 24 giờ mỗi ngày. Đội bay của chiếc Hind đến từ Không quân, một sự thương lượng Rahmani đã thực hiện với vị tướng chỉ huy nó. Các đội dò sóng đều từ chính bên Phán gián của Rahmani sang, được đưa đến từ Baghdad và là những người giỏi nhất có được.

Giáo sư Hadari qua một đêm không ngủ. Điều bạn ông nói với ông làm ông lo ngại sâu sắc, ông tự coi mình như là một người Israel tuyệt đối trung thành, sinh ra từ một gia đình Sephardic đã nhập cư ngay trong giữa những năm giữa thế kỷ theo những người như là Ben-Yehuda và Ben-Gurion. Bản thân ông được sinh ra ở bên ngoài Jaffa, khi đó nó vẫn là một cái cảng tí hon của người Ả-rập Palestine, và ông đã học tiếng Ả-rập khi còn là một đứa bé con.

Ông đã nuôi dạy hai đứa con trai và thấy một đứa trong chúng chết trong một cuộc bạo loạn tồi tệ ở nam Lebanon. Ông là ông nội của năm đứa cháu nhỏ. Ai có thể nói rằng ông không yêu nước nào?

Nhưng có điều gì đó sai trái. Nếu chiến tranh xảy đến, nhiều thanh niên trẻ sẽ chết, như là Ze'ev của ông đã chết. ngay cả khi họ là người Anh, Mỹ hay Pháp. Liệu đây có phải là lúc để Kobi Dror chứng tỏ sự mặt hạng, sự sôvanh nước nhỏ của mình không?

Ông dậy sớm, thanh toán tiền khách sạn, sửa soạn đồ đạc, và gọi một chiếc taxi để đi ra sân bay. Trước khi rời khách sạn, ông lưỡng lự một lúc trước dây điện thoại trong hành lang, rồi đột nhiên đổi ý.

Nửa đường ra sân bay, ông bảo người lái xe dừng ở giữa đường M4 và tìm một bộ điện thoại. Cầu nhàu vì mất thời gian và có thể gặp chuyện rắc rối, người lái làm theo, cuối cùng cũng tìm được một chiếc ở góc đường Chiswick. Hadari may mắn.

Chính Hilary trả lời điện thoại ở căn hộ Bayswater.

- Giữ máy nhé, ông nói, anh ta đang trên đường ra đến cửa đây.

Terry Martin đến máy điện thoại.

- Moshe đây. Terry, tôi không có nhiều thời gian đâu. Hãy nói với người của anh rằng Viện có một nguồn tin rất cao cấp bên trong Baghdad. Hãy nói với họ rằng hãy hỏi điều gì xảy đến với Jericho. Tạm biệt. bạn của tôi.

- Moshe, một lúc nữa nào. ông có chắc không? Làm sao ông biết được?

- Điều đó không quan trọng. Anh đã không nghe thấy gì từ tôi đâu đấy nhé. Tạm biệt.

Điện thoại im bật. Ở Chiswick nhà học giả già đi trở lại vào chiếc taxi của mình và đi tiếp đến Heathrow, ông run lên với sự việc lớn lao ông vừa mới làm. Và bằng cách nào ông có thể nói với Terry Martin rằng chính ông, vị giáo sư môn Ả-rập của đại học tổng hợp Tel Aviv, là người đã thảo bức thư trả lời đầu tiên cho Jericho ở Baghdad ?

Cú điện thoại của Terry Martin tìm thấy anh ta ở Nhà Thế kỷ ngay sau mười giờ.

- Ăn trưa hả? Xin lỗi, tôi không thể đâu. Một ngày tẻ quá.

- Ngày mai thì có thể đấy.

- Thế thì muộn quá. Chuyện khẩn. Simon ạ.

Paxman đồng ý. Không nghi ngờ gì nữa người bạn hàn lâm của anh ta đã tìm ra được một cách diễn đạt nào đó mới mẻ của một câu nói trong bản tin của Iraq, cái có thể biến đổi ý nghĩa của cuộc sống.

- Cũng không thể ăn trưa đâu. Cuộc họp quan trọng ở đây. trong nhà. Xem nào, uống nước nhé. Nhà hàng Lỗ trống trên tường. một quán nhỏ ngầm dưới đất ở cầu Waterloo, khá gần đây. Thế mười hai giờ nhé. Tôi có thể nói chuyện được nửa giờ, Terry ạ.

- Hơn nữa mới đủ được. Hẹn gặp anh nhé. Martin nói.

Ngay sau giữa trưa. họ ngồi với cốc bia trong căn nhà trên đó vùng nam trải đến Kem, Sussex, và Hampshire. Martin chưa đưa lộ nguồn tin của mình, nói về cái anh vừa được cho biết vào buổi sáng.

- Trời ơi, Paxman thầm thì. Có người ở bên buồng bên cạnh. Ai nói cho anh biết thế?

- Không thể nói được.

- Có, anh phải nói.

- Xem nào. anh lưỡng lự. Tôi đã hứa rồi. Anh ấy là một học giả cao cấp. Đó là tất cả.

Paxman suy nghĩ. Học giả, và có quan hệ với Terry Martin. Chắc chắn là một nhà Arập học khác. Có thể có quan hệ với Mossad. Dù sao đi nữa, thông tin phải được đưa về Nhà Thế kỷ không chậm trễ. Anh ta cảm ơn Martin, bỏ cốc bia của mình, và lao ra đường về Nhà Thế kỷ.

Bởi vì trong cuộc họp trưa nay. Steve Laing đã không rời khỏi toà nhà. Paxman lúi ông ra một chỗ và nói với ông. Laing cấp tốc báo thẳng lên chỉ huy.

Ngài Colin, người không bao giờ nói gì quá lời, chỉ tướng Kobi Dror là kẻ đồng nghiệp chó chết nhất. bỏ bữa trưa, ra lệnh mang gì đó đến bàn của ông, và lui lên tầng trên cùng. Ở đó ông gọi một cú điện thoại riêng vào một đường dây đặc biệt an toàn đến luật gia William Webster, Giám đốc CIA.

Mới là tám giờ rưỡi sáng ở Washington, nhưng luật gia là một người thích dậy sớm cùng bình minh, và ông đang ngồi ở bàn làm việc để nói điện thoại, ông hỏi đồng nghiệp người Anh một số câu hỏi về nguồn thông tin, cầu nhàu vì không có, nhưng đồng ý đó là cái gì đó không thể để xổng mất được.

Webster nói với phó giám đốc (các chiến dịch) Bill Stewart, người giận điên lên, và rồi đã có cuộc nói chuyện nửa giờ với Chip Barber, chỉ huy các Chiến dịch cho Trung đông. Barber còn điên tiết hơn, vì ông đã từng là người ngồi trước mặt tướng Dror trong căn phòng sáng sủa trên đỉnh một ngọn đồi ở bên ngoài Herzlia và đã, có vẻ như vậy, đã nhận một lời nói dối.

Giữa họ, họ phải làm điều họ muốn được thực hiện. và chuyển ý kiến trở về giám đốc.

Vào giữa trưa William Webster có một cuộc gặp với Brent Scowcroft, Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia, và đưa vấn đề sang cho tổng thống Bush. Webster đã hỏi về cái ông muốn và được cho toàn quyền xử lý.

Bộ trưởng Ngoại giao James Baker đồng ý hợp tác, và ông thực hiện ngay lập tức. Đêm đó, Bộ Ngoại giao gửi một yêu cầu khẩn cấp cho Tel Aviv, yêu cầu này được trình bày với thành viên của nó vào buổi sáng tiếp sau đó, lúc mới ba giờ sáng do lệch múi giờ.

Thứ trưởng Ngoại giao Israel vào thời gian đó là Benjamin Netanyahu, một nhà ngoại giao đẹp trai, lịch thiệp, tóc màu trắng bạc và là anh của Jonathan Netanyahu người Israel duy nhất bị giết trong cuộc đột nhập vào sân bay Entebbe của Idi Amin, trong đó các lính biệt kích Israel đã cứu các hành khách của một chiếc máy bay Pháp bị không tặc bởi những tên khủng bố Palestine và Đức.

Benjamin Netanyahu sinh ra ở thế hệ sabra thứ ba và được giáo dục một thời gian ở Mỹ. Nhờ được giáo dục tốt và chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành của mình, ông ta là một thành viên của chính phủ đảng Likud của Itzhack Shamir và thường xuyên là người phát ngôn giàu sức thuyết phục của Israel trong các cuộc phỏng vấn với giới truyền thông phương Tây.

Ông đến Washington hai ngày sau đó, vào ngày 14 tháng Mười, hơi bối rối bởi sự khẩn cấp của lời mời của Bộ Ngoại giao mà ông phải bay sang Mỹ để thảo luận về một vấn đề có tầm quan trọng rất lớn.

Ông còn bối rối hơn khi hai giờ nói chuyện cá nhân với thứ trưởng Lawrence Eagleburger chỉ là một cái nhìn tổng quan của sự phát triển của Trung Đông kể từ ngày 2 tháng Tám. Ông kết thúc buổi nói chuyện hết sức tức tối, rồi đổi mặt với một chuyến bay đêm quay trở về Israel.

Chính lúc ông rời Bộ Ngoại giao một trợ lý tuồn một cái cốc rất đắt tiền vào tay ông. Chiếc cốc có hình một người, và người viết, với lối hành văn lịch thiệp, yêu cầu ông đừng rời Washington mà không đến nhà người đó cho một cuộc gặp ngắn, để bàn luận về một vấn đề có tầm khấn cấp nào đó “cho cả hai đất nước chúng ta và cho toàn thể dân chúng của chúng ta.”

Ông biết chữ ký, biết người đàn ông, và biết quyền lực cũng như sự giàu có của bàn tay viết ra nó. Chiếc limousin của người viết đang đậu ngoài cửa. Viên thứ trưởng Israel quyết định nhanh và bảo thư ký của mình quay về Đại sứ quán với cả hai bộ hành lý và sẽ gặp lại ông ở ngôi nhà ở Georgetown hai giờ sau đó. Từ đó họ có thể đi đến Dulles. Rồi ông lên chiếc limousin.

Ông chưa bao giờ đến ngôi nhà trước đó, nhưng đúng như ông đoán trước, một toà nhà tuyệt đẹp ở cuối đường M, chỉ cách có 300 yard từ khu học xá của đại học tổng hợp Georgetown. Ông được dẫn vào một phòng sách đầy ắp tranh ảnh và sách quý hiếm tột cùng với thẩm mỹ cao. Một lúc sau chủ nhà đi vào, tiến về phía cái thảm Kashan với cánh tay mở rộng.

- Bibi thân mến của tôi, anh tốt biết bao khi dành thời gian như thế này.

Saul Nathanson, chủ nhân và là nhà tài phiệt, nhiều nghề làm ông trở nên cực giàu có, nhưng tài sản thực sự của ông được giấu sau những gì được lộ ra, và bản thân người đàn ông được giáo dục quá tốt để mà lộ ra. Những bức Van Dykes và Breughels trên các bức tường không phải tranh sao chép, và những tặng phẩm từ thiện của ông, bao gồm một số thứ cho Israel, là thật huyền thoại.

Giống như vị Bộ trưởng Israel, ông rất lịch thiệp và tóc cũng màu ghi, nhưng không giống người đàn ông trẻ hơn mình vài tuổi, ông mặc quần áo do nhà may Savile Row, London cung cấp và những chiếc áo lụa của ông thì từ Sulka.

Ông chỉ người khách đến những chiếc ghế bành trước một lò sưởi đốt gỗ, một cái chai Anh đã được mở với một cái chai và hai ly rượu vang trên một cái khay bạc.

- Một số thứ mà tôi nghĩ ông có thể thích, anh bạn của tôi, trong khi chúng ta trò chuyện.

Người hầu bàn rót ra hai cốc Lalique thứ vang đỏ, trong khi người Israel nuốt khan. Nathanson nhướng một mi mắt lên.

- Thật tuyệt, dĩ nhiên rồi. Netanyahu nói. Château Mouton Rothschild năm 61 không dễ kiếm một chút nào.

Người hầu để lại cái chai trong tầm với và rút lui.

Saul Nathanson còn lâu mới đi ngay vào vấn đề ông muốn nói. Các kiệt tác được bàn luận đầu tiên. Rồi đến Trung Đông.

- Sẽ có chiến tranh, anh cũng biết đấy, ông buồn bã

- Tôi không hề nghi ngờ gì về điều đó, Netanyahu đồng ý

- Trước khi nhiều những người Mỹ trẻ tuổi có thể phải chết, những người trẻ tuổi khác không đáng phải chịu.

Chúng ta phải làm mọi thứ có thể để giữ con số đó nhỏ ở mức nhân đạo nhất, ông có thấy thế không? Rượu vang nữa nhé?

- Tôi không thể uống thêm nữa.

Người đàn ông này đang muốn lái vấn đề đến cái quỷ quái gì thế này? Vị thứ trưởng Ngoại giao Israel thăm hỏi mà không tìm được câu trả lời.

- Saddam, Nathanson nói. nhìn chăm chăm vào bếp lửa, là một mối đe dọa. ông ta phải bị chặn lại. ông có khả năng là một mối đe dọa hơn nữa cho Israel hơn là bất kỳ các nước láng giềng nào khác.

- Chúng tôi đã nói về điều đó nhiều năm rồi. Nhưng khi mà chúng tôi ném bom phá lò phản ứng hạt nhân của họ, thì Mỹ lại lên án chúng tôi.

Nathanson phác một cử chỉ phản đối bằng một tay.

- Không có ý nghĩa gì đâu. dĩ nhiên rồi, mọi sự không có nghĩa rườm rà cho khuôn mặt của nhiều thứ. Cả hai ta đều biết điều đó, và cả chúng ta đều biết nhiều hơn. Tôi có một con trai phục vụ tại vùng Vịnh.

- Tôi không biết đấy. Cầu cho anh ấy an toàn trở về.

Nathanson tỏ ra xúc động sâu sắc.

- Cảm ơn anh. Bibi, cảm ơn anh. Ngày ngày tôi cầu nguyện điều đó. Đứa lớn nhất của tôi, đứa con trai duy nhất của tôi. Tôi chỉ cảm thấy rằng... Ở thời điểm này... hợp tác giữa chúng ta cần phải được thực hiện không có trở ngại nào hết cả.

- Điều đó thì khỏi bàn cãi. Người Israel đã có cảm giác khó chịu là tin xấu đang đến.

- Để hạ mức thương vong xuống, anh cũng hiểu đấy. Đó chính là lý do tại sao tôi yêu cầu sự giúp đỡ của anh, Bibi ạ, để hạ mức thương vong xuống. Chúng ta cùng ở một phía mà, có đúng thế không nào? Tôi là một người Mỹ và là một người Do Thái.

Chuỗi từ lơ lửng trong không khí.

- Và tôi là người Israel và là người Do Thái. Netanyahu lảm bảm. Ông cũng có cả chuỗi từ. Nhà tài phiệt không có cách nào lẩn tránh nữa.

- Chính xác. Nhưng bởi vì sự giáo dục ở đây. anh sẽ hiểu thế nào - à, thế nào là nói chứ? Những người Mỹ đôi khi cũng xúc động. Liệu tôi có dở hơi không?

Một cái thở dài, người Israel nghĩ.

- Nếu có điều gì đó được thực hiện có thể bằng cái cách nhỏ bé nào đó giữ số lượng thương vong thấp xuống, dù chỉ một chút ít thôi. cả tôi và những người đồng chí của tôi sẽ vĩnh viễn biết ơn bất kỳ ai đóng góp được cái gì đó.

Nửa còn lại của tình cảm được giữ lại, nhưng Netanyahu đã quá kinh nghiệm của một nhà ngoại giao để mà bỏ mất nó. Và nếu có cái gì đó được làm hay không được làm có thể làm tăng những thương vong đó, nước Mỹ sẽ nhớ dai và sự trả thù của nó chẳng dễ chịu một chút nào cả.

- Các ông muốn gì ở tôi nào? ông hỏi.

Saul Nathanson uống cạn ly rượu vang của mình và nhìn chăm chăm vào những cái đồng hồ.

- Có vẻ như là, có một người đàn ông ở Baghdad. Mật danh... Jericho...

Khi ông kết thúc câu nói của mình, thứ trưởng Ngoại giao đầy ưu tư đi đến Dulles để bắt chuyến bay về nhà.

9. Chương 9

Chốt kiểm tra chặn xe anh dừng lại ở góc phố Mohammed Ibn Kassem và đường Tiếng chuông Thứ tư. Khi nhìn thấy từ xa, Mike Martin đã có ý định quay xe chạy và quay lại con đường mà mình đến.

Nhưng có những người lính Iraq đang đứng trạm ở đường ở cả hai bên lề ở những chỗ sắp đến điểm kiểm tra, có vẻ như chỉ là cho mục đích đó, và nó có thể thật là điên rồ để thử chạy trốn khỏi làn đạn súng trường của họ ở tốc độ đủ để vòng xe. Anh không có lựa chọn nào khác ngoài việc lái dần lên, đứng vào cuối hàng xe cộ đang đợi để khám xét.

Như lệ thường, lái xe qua Kuwait City, anh cố tránh những đường lớn nơi những trạm dừng xe có thể được dựng lên, nhưng đi qua bất cứ đường nào trong số 6 đường Ring bao quanh Kuwait City trong một chuỗi những dải tập trung chỉ có thể được thực hiện bằng cách qua một chốt kiểm tra. ..

Anh đã hy vọng như thế, bằng cách lái xe vào giữa buổi sáng, để được hoà vào dòng xe cộ hoặc để tìm những người Iraq từ chỗ nóng. Nhưng giữa tháng Mười thời tiết đã dịu lại và các đội Lực lượng Đặc biệt cẩn thận hơn bọn Quân đội Nhân dân vô dụng. Vì thế anh phải ngồi vào sau vô lăng chiếc Volvo màu trắng có rơ moóc và chờ đợi.

Trời vẫn còn tối và còn là đêm thắm khi anh lái xe ra khỏi sa mạc đi về phía nam và đến chỗ để những thuốc nổ, súng ống: và thuốc súng của mình, những thiết bị anh đã hứa với Abu Fouad. Đang là trước bình minh khi anh đi qua cái gara đóng kín trong những phố phường tối đen của Firdous từ chiếc xe jeep có kéo toa xe đằng sau.

Giữa việc chuyển từ xe này sang xe khác và thời điểm khi anh cả quyết mặt trời đã lên cao đủ và đủ nóng để khiến lính Iraq phải đi kiếm chỗ nghỉ trong bóng râm, anh đã thậm chí phải đắp chiếu xe trong cái gara, rồi anh lái chiếc xe kéo ra và đẩy chiếc xe jeep vào trong gara, lo ngại một chiếc xe đất tiền như thế sẽ sớm bị tịch thu.

Cuối cùng anh che mặt và thay quần áo, thay chiếc áo dài đi sa mạc của những người bộ lạc Bedou bằng chiếc dish-dash màu trắng của viên bác sĩ Kuwait.

Những chiếc xe ô tô trước mặt anh đang tiến từng chút một về phía quân bộ binh Iraq đang tụ tập xung quanh những doanh trại ngay trước mặt. Trong một số trường hợp lính Iraq chỉ đơn giản ngó qua tấm thẻ căn cước của lái xe và vẫy tay cho đi qua, trong những trường hợp khác chiếc xe bị đưa vào một bên đường để kiểm tra. Thường thì, những chiếc xe kéo theo hàng hoá hay bị yêu cầu dừng lại.

Anh đặc biệt không thích thú gì với hai chiếc xe tải cỡ đàng sau mình, trên bãi để hàng, chúng rất to và sẽ ngăn chặn đường chạy của anh.

Chiếc xe cuối cùng trước mặt anh đã đi qua, và anh lái xe lên chỗ những đội quân. Viên trung sĩ đang làm nhiệm vụ không buồn hỏi giấy tờ chứng minh của người lái xe.. Nhìn thấy những bịch to ở đằng sau chiếc Volvo. người lính vẫy chiếc xe sang bên đường và hét lên lệnh cho các đồng nghiệp của mình đứng đợi tại đó.

Một bộ quân phục màu ôliu xuất hiện ở cửa sổ lái xe, mà Martin đã hạ xuống. Bộ quân phục cúi xuống. và một khuôn mặt nhàu nát xuất hiện ở cửa sổ.

- Ra ngoài, tên lính nói. Martin đi ra và đi thẳng lên. Anh cười xã giao. Một viên trung úy với một bộ mặt nặng nề, khó tính tiến lại. Viên binh nhì đi vòng quanh chiếc cửa sau và sẫm soi những gói.

- Giấy tờ, viên trung sĩ nói. Anh ta nghiên cứu chiếc thẻ căn cước mà Martin đưa cho, và liếc nhìn từ khuôn mặt đàng sau tấm plastic sang khuôn mặt đang ở trước mình. Nếu anh ta nhìn thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa viên sĩ quan người Anh đang đứng đó với người nhân viên kho hàng của Công ty thương mại Al-khalifa mà tấm chân dung có trong thẻ, anh ta cũng không để lộ dấu hiệu gì hết cả.

Tấm thẻ căn cước được ghi ngày tháng và đóng dấu một năm trước đây, và trong một năm một người đàn ông có thể quyết định cạo bộ râu của mình.

- Anh là bác sĩ?

- Phải. thưa ông trung sĩ. Tôi làm việc ở bệnh viện.

- Ở đâu?

- Trên đường đi Jahra.

- Anh đi đâu?

- Đến bệnh viện Amin ở Dasmam.

Viên trung sĩ rõ ràng không có giáo dục nhiều, và trong văn hoá của anh ta một bác sĩ có nghĩa là người có học vấn và vị thế đáng nể. Anh ta nhún nhó và bước đến đằng sau chiếc xe hàng.

- Mở ra. anh ta nói.

Martin mở khoá cửa sau, và nó mở ra trên đầu họ. Viên trung sĩ nhìn chăm chăm vào hai gói to.

- Cái gì thế?

- Các mẫu, thưa trung sĩ. Phòng thí nghiệm khoa học ở Amiri cần chúng.

- Mở ra đi.

Martin rút từ túi chiếc dish-dash của mình chùi chìa khoá. Những cái khoá mua từ một kho hàng, và mỗi cái có hai khoá vòng.

- Ông có biết những cái đó đã được làm lạnh rồi không?

Martin nói xã giao, trong khi đang giở chìa khoá ra.

- Làm lạnh? viên trung sĩ bị từ đó mê hoặc.

- Phải, thưa Trung sĩ. Bên trong lạnh. Chúng giữ mầm ở một nhiệt độ thấp ổn định. Nó đảm bảo rằng chúng nằm im. Tôi e rằng nếu tôi mở ra, khí lạnh sẽ thoát ra ngoài hết và nó sẽ có hoạt tính trở lại. Tốt nhất là nên để yên.

Khi nghe đến “nằm im”, viên trung sĩ lùi lại và nâng khẩu cạcbin của mình lên, chìa vào Martin như thể ngờ những cái hộp có chứa loại vũ khí nào đó.

- Anh muốn nói gì? anh ta hoảng hồn. Martin nhún vai xin lỗi.

- Tôi xin lỗi, nhưng tôi không ngăn được nó đâu. Những cái mầm sẽ chỉ thoát ra ngoài không khí xung quanh chúng ta mà thôi.

- Mầm - mầm gì? Viên trung sĩ bối rối và giận dữ, vì sự ngu dại của chính mình cũng ngang bằng với cung cách của viên bác sĩ.

- Tôi đã chẳng nói tôi làm ở đâu rồi à? Anh hỏi thân mật.

- Rồi, ở bệnh viện.

- Đúng. Một bệnh viện hẻo lánh. Ở đó đầy những mẫu đậu mùa và ỉa chảy cần phân tích.

Nói đến đó viên trung sĩ nhảy lùi lại, tận hai fit. Những dấu hiệu trên mặt của anh ta không nghi ngờ gì nữa - như một đứa trẻ gần chết vì đậu mùa.

- Mang mấy thứ chó chết đó đi đi, mẹ mày chứ!

Martin xin lỗi lần nữa, đóng cánh cửa sau lại, luồn vào sau tay lái, và lái xe đi. Một giờ sau, anh được hướng dẫn đến kho chứa cá ở cảng Shuwaikh và chuyển hàng của mình cho Abu Fouad.

Bộ Ngoại giao Hợp chủng quốc Hoa kỳ

Washington D.C 20520

NGÀY 16 THÁNG MƯỜI, 1990

Bản thông cáo gửi: James Baker

Từ: Tình báo Chính trị và Nhóm Phân tích

Chủ đề: Phá hoại Cơ máy chiến tranh của Iraq

Xếp hạng: không sao chụp

Sau mười tuần kể từ khi Iraq xâm chiếm vương quốc Kuwait, sự điều tra kỹ càng nhất đã được thực hiện, bởi cả người của chúng tôi cũng như các bạn đồng minh Anh, những chuẩn bị với độ chính xác cao cổ máy chiến tranh mà Saddam Hussein có khả năng có trong tay.

Những lời phê phán có thể không sai khi cho rằng có thể hoàn thành báo cáo sớm hơn. Nhưng các kết quả của nhiều phân tích giờ đây ở trước chúng ta cho thấy một bức tranh rất nhiều xáo trộn.

Những lực lượng chính quy của riêng Iraq, với quân đội thường trực một triệu người và một đại đoàn, súng ống, xe tăng, tên lửa, và không quân hiện đại, khiến Iraq vượt trội và trở thành nước có tiềm lực quân sự lớn nhất Trung Đông.

Hai năm trước đây, có ý kiến cho rằng hiệu ứng của cuộc chiến tranh với Iran đã giảm bớt cỗ máy chiến tranh Iran tới mức nó có thể không còn là mối đe dọa thực tế với các nước xung quanh, những thiệt hại do Iran gây ra cho bộ máy chiến tranh của Iraq cũng có tầm quan trọng tương tự.

Giờ đây đã rõ ràng rằng, trong trường hợp Iran, sự cấm vận thương mại hà khắc được tạo nên một cách có tính toán kỹ càng bởi chúng tôi và các đồng nghiệp Anh đã tạo ra tình trạng như vậy. Tuy nhiên với trường hợp Iraq, hai năm qua đã được củng cố bởi một chương trình tái vũ trang với tốc độ đáng sợ.

Ông có thể nhớ lại, thưa ông bộ trưởng, rằng chính sách phương Tây ở vùng Vịnh và trên thực tế Trung Đông từ lâu đã dựa trên quan niệm về cân bằng: khái niệm về ổn định và do đó sự nguyên trạng chỉ có thể được giữ vững nếu không quốc gia nào trong khu vực được phép đạt đến quyền lực để đe dọa mọi nước xung quanh và qua đó tạo ra sự thống trị.

Trong chiến tranh chính quy trước mắt, giờ đây đã rõ ràng Iraq đã có được quyền lực đó và bây giờ đã có khả năng tạo ra sự thống trị đó.

Nhưng báo cáo này còn liên quan hơn đến một khía cạnh khác của những chuẩn bị của Iraq: việc tạo lập một kho vũ khí đáng kể, đi đôi với những kế hoạch liên tục với những hệ thống chuyển dịch thậm chí còn mang tính quốc tế cao hơn và còn có thể xuyên lục địa.

Nói tóm lại, trừ khi sự phá hoại hoàn toàn các vũ khí này, những vũ khí vẫn đang được phát triển, và các hệ thống đang được hoàn thành, tương lai không xa cho thấy một viễn cảnh rất đen tối.

Trong vòng ba năm, theo những nghiên cứu được trình bày tại Hội đồng Medusa và với nó người Anh đã đảm nhiệm hoàn toàn. Iraq sẽ phát triển quả bom nguyên tử của chính mình và khả năng phóng nó bất kỳ nơi đâu trong phạm vi 2000 km tính từ Baghdad.

Trong vòng ba năm, thất bại trong hành động trá dứa: Iraq sẽ có thể thống trị chỉ qua việc đe dọa toàn bộ khu vực từ bờ biển phía bắc của Thổ Nhĩ Kỳ đến vùng vịnh Aden, từ các biển ngoài Haifa đến các núi ở Kandahar. Hiệu ứng của những khám phá đó cần phải thay đổi tận gốc chính sách của phương Tây. Sự phá huỷ cỗ máy chiến tranh của Iraq giờ đây cần trở thành hướng chính của chính sách phương Tây. Sự giải phóng Kuwait hiện nay đã trở thành cấp thiết, chỉ phục vụ như một lời minh chứng. Mục tiêu đề ra chỉ được giải quyết bằng sự rút quân đơn phương của Iraq khỏi Kuwait, và mọi cố gắng cần được thực hiện để đảm bảo nó không xảy ra.

Chính sách của nước Mỹ, trong sự liên minh với các bạn đồng minh Anh của chúng ta, do đó nên được chia thành bốn điểm sau:

1. Cần tăng cường khiêu khích và những luận cứ để khiến Saddam Hussein từ chối không chịu rút khỏi Kuwait.
2. Loại bỏ mọi cam kết của ông ta có thể đề xuất để đổi lại việc rời khỏi Kuwait, chuẩn bị đánh và sự phá huỷ bộ máy chiến tranh của ông ta.
3. Thúc đẩy Liên Hợp Quốc không tiếp tục với Nghị quyết số 678 của Hội đồng bảo an đã bị đình lại quá lâu, cho phép Liên quân bắt đầu không chiến ngay khi đã chuẩn bị xong.
4. Tổ ra chào đón nhưng thực ra không thực hiện mọi kế hoạch hoà bình cái có thể cho phép Iraq thoát ra khỏi thế lưỡng nan của họ hiện nay một cách an bình. Rõ ràng Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Paris, và

Matxcơva là những mối nguy hiểm chính ở đây, bởi sẽ đề xuất vào bất cứ lúc nào một tiến trình ngay thơ nào đó có khả năng ngăn chặn cái cần phải làm. Dư luận, dĩ nhiên, sẽ tiếp tục được đảm bảo đứng ở bên kia.

Kính trọng trình lên, PIAG

- Itzhak, chúng ta thực sự phải đi cùng với họ trong vụ này đây.

Thủ tướng Israel, vẫn thường xuyên như vậy, đứng dựa trong chiếc ghế dựa, khi thứ trưởng Ngoại giao của ông chặn ông ở văn phòng riêng đầu tiên bên cạnh Knesset ở Jerusalem. Hai người đang ở bên ngoài cánh cửa gỗ lim nép thếp không để lộ tiếng động ra bên ngoài.

Itzhak Shamir nhồm người qua cái bàn, đôi chân ngắn của ông ta ngoe nguẩy tự do phía trên tấm thảm, mặc dù ở đó đã đặc biệt có một chỗ để chân cho ông ta. Khuôn mặt gầy, ốm yếu của ông ta dưới mái tóc màu ghi xám làm ông trông giống như một vị thần phương Bắc.

Vị thứ trưởng của ông ta khác thủ tướng ở một khía cạnh: cao, trong khi vị chỉ huy đất nước thấp, ăn mặc chải chuốt trong khi Shamir búi xúi, thành thị trong khi ông ta quê mùa. Tuy vậy họ rất hợp nhau, chia sẻ cùng cách nhìn nhận có thoả hiệp của đất nước mình và về người Palestine, cho nên vị thủ tướng gốc Nga không e dè gì khi thăng cấp cho nhà ngoại giao có quan điểm thế giới này.

Benjamin Netanyahu đã thực hiện rất tốt sứ mạng của mình. Israel cần có Mỹ: sự hào phóng của họ, đòi Capitol và ở các phương tiện truyền thông Mỹ; những món quà, vũ khí, quyền phủ quyết trong Hội đồng Bảo an. Đó là một phương cách đáng sợ để giải đò đối với một nhân viên Iraq nóng ruột do Kobi Dror điều hành từ khi đến đó ở Tel Aviv.

- Để họ có được Jericho đi, dù hẳn ta là ai đi chẳng nữa.

Netanyahu thúc bách. Nếu hẳn giúp họ diệt được Saddam Hussein. thì lại càng tốt cho chúng ta chứ sao.

Vị Thủ tướng cầu nhàu, gạt đầu và gọi vào máy điện thoại nội bộ.

- Gọi tướng Kobi Dror, và nói với ông ấy tôi cần gặp tại văn phòng của tôi, ông nói với thư ký riêng của mình. Không, không phải bao giờ ông ấy rồi. Ngay bây giờ.

Bốn giờ sau đó, Kobi Dror rời khỏi văn phòng thủ tướng, ông ta đã ngộp thở. Trên thực tế, ông tự nhủ khi chiếc ô tô thả dốc cái đồi bên ngoài Jerusalem và đi vào đường cao tốc lớn trở về Tel Aviv, ông không nhớ nổi mình đã từng tức giận đến thế bao giờ chưa.

Bị một thủ tướng trẻ măng nói thẳng vào mặt rằng ông đã sai thật quả là tồi tệ quá mức. Bị nói rằng ông là một thằng già ngu ngốc là cái gì đó mà ông không thể nào hình dung được. Thường thì ông khoan khoái nhìn những cánh rừng gai nơi, trong cuộc bao vây Jerusalem khi đường cao tốc ngày hôm nay từng chỉ là một con đường mòn nhỏ bé, cha ông và những người khác đã chiến đấu để đẩy lui cả một đồng người Palestine và chiếm được thành phố. Nhưng đó không phải là chuyện ngày hôm nay.

Quay trở về văn phòng của mình, ông gọi Sami Gershon và nói với ông ta tin mới.

- Làm thế quái nào mà người Anh lại biết được? ông kêu lên. Ai để lộ tin đó

- Một người bên Văn phòng, Gershon nói kết luận. Về gã giáo sư thì sao? Tôi thấy lão ta vừa từ London trở về đây.

Thằng phản bội chó chết, Dror gầm lên. Tôi sẽ xé xác hắn ra.

- Bọn Anh có thể đã chuốc rượu cho lão, Gershon đưa ra giả thuyết. Say sưa rồi nói linh tinh. Thôi bỏ đi, Kobi. Điều tồi tệ đã xảy ra rồi. Nhưng chúng ta phải làm gì đây?

- Nói cho họ mọi điều về Jericho, Dror mệt mỏi. Tôi không thể làm được đâu. Hãy gửi Sharon đi. Để anh ta làm việc đó.

- Cuộc gặp sẽ ở London, nơi nguồn tin đã bị buột ra.

Gershon suy nghĩ và nhe răng cười.

- Có cái gì buồn cười lắm sao?

- Chỉ có thể thôi. Chúng ta không thể liên lạc với Jericho được nữa rồi. Thì cứ để họ thử đi. Chúng ta cũng không biết thằng cha đó ở đâu nữa mà. Cứ để bọn họ tìm. Nếu may mắn, họ sẽ có được con át chủ bài.

Dror nghĩ, và cuối cùng một nụ cười mỉm rạng rỡ cũng hiện ra trên mặt ông. “Hãy gửi Sharon đi vào tối nay”: ông nói. ” Rồi chúng ta tung ra một kế hoạch mới. Tôi đã có nó trong đầu ít lâu nay rồi. Chúng ta sẽ gọi đó là Chiến dịch Joshua.”

- Tại sao? Gershon hỏi, bối rối.

- Thế anh không nhớ điều mà Joshua đã làm với Jericho à?

Cuộc gặp ở London đã là quá đủ quan trọng đối với Bill Stewart, phó giám đốc Langley (phụ trách các chiến dịch) để mà tự mình phải đích thân đi qua Đại Tây Dương, đi cùng với Chíp Barber của phân ban Trung Đông. Họ ở lại những ngôi nhà an toàn của công ty, một căn hộ không xa Đại sứ quán ở quảng trường Grosvenor, ăn tối với phó giám đốc SIS và Steve Laing. Phó giám đốc ở đây chỉ thuần túy là vì vấn đề nghi thức, để có người ngang hàng với Stewart; nhẽ ra người thay ông ngồi nghe David Sharon báo cáo phải là Simon Paxman, người chịu trách nhiệm về Iraq.

David Sharon bay từ Tel Aviv tới dưới một cái tên giả và được một katsa đón tiếp từ Đại sứ quán Israel ở cung điện Green.

Cơ quan phản gián Anh MI-5 - không thích các nhân viên nước ngoài, kể cả các bạn bè - đã được SIS báo trước và chỉ có người katsa từ đại sứ quán đang chờ. Ngay khi anh được đón tiếp, "ngài Eliyahu", ở bên ngoài chuyến bay từ Tel Aviv, nhóm MI-5 đi vào, nồng nhiệt đón chào ngài Sharon ở London, và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để chuyến công cán được dễ chịu nhất.

Hai người Israel tức giận bị dẫn ra xe ô-tô, bị vấy đi từ lối vào, và sau đó bị đi theo nhằng nhặng vào trung tâm London.

Các đám đông của Sư đoàn Vệ binh cũng không thể làm việc được tốt hơn thế.

Sáng hôm sau David Sharon bắt đầu, và việc này mất trọn một ngày và một nửa đêm. SIS đã đòi sử dụng chính những ngôi nhà an toàn của họ, một căn hộ được bảo vệ tốt và "nổi mạng" hiệu quả ở nam Kensington.

Nó là (và vẫn là) một địa điểm rộng rãi, có phòng ăn phục vụ các cuộc họp. Một trong số các phòng ngủ được trang bị ghế băng có gắn máy ghi âm, và hai kỹ thuật viên ghi lại từng lời thốt ra. Một người phụ nữ trẻ vận đồ đen đến từ Nhà Thế kỷ để trông coi bếp và quản lý một tập đoàn khay cà phê và bánh xăng-uych cho sáu người ngồi xung quanh cái bàn ăn.

Hai người đàn ông ăn vận tề chỉnh trong hành lang dẫn xuống tầng dưới mát cả ngày để sửa chữa cái thang máy vẫn hoạt động hoàn hảo, mà nhiệm vụ thật sự là đảm bảo không một ai ngoài những người ở trong toà nhà có thể đi ra đến hè ngoài.

Tại bàn ăn là David Sharon và người katsa từ đại sứ quán tại London, người cũng là một điệp viên; hai người Mỹ, Stewart và Barber từ Langley; và hai người kia SIS? Laing và Paxman.

Theo lời những người Mỹ, Sharon bắt đầu câu chuyện và nói điều gì đã xảy ra.

- Một kẻ hám tiền? Một kẻ hám tiền tự nguyện? Stewart hỏi. Ông không giỡn tôi đấy chứ?

- Những lời nói của tôi là hoàn toàn chân thực, Sharon nói.

Đó là cách câu chuyện đã diễn ra.

Những người Mỹ không có gì chống lại những kẻ hám tiền hết cả. Thực tế, đó là một ưu điểm. Giữa mọi động lực để phản bội đất nước, thì tiền là đơn giản và dễ dàng nhất cho cơ quan thuê người. Với một người hám tiền thì ai biết đâu vào với đâu Chẳng hề có dấn vật vì những cảm giác hối tiếc, không giận dữ vì chán ghét, không phải ngu ngốc để có thể bị sai khiến và phỉnh nịnh, không quá nhát để mà bị hù. Một kẻ hám tiền trong thế giới điệp viên cũng giống như mỏ vàng. Không cần đến những bữa tối có nến thấp hay những điều dụ ngọt nào đó. Một núi đòla trên bàn có thể đã là làm được nhiều lắm rồi.

Sharon miêu tả sự tìm tòi khó nhọc một ai đó có thể sống tại Baghdad dưới cái vỏ bọc ngoại giao và được ở lại lâu, và sự lựa chọn tối hậu là Alfonso Benz Moncada, với chuyến huấn luyện căng thẳng anh ta ở Santiago, và chuyện anh ta điều hành Jericho trong vòng hai năm.

- Ngày nào, Stewart nói. Cái người nghiệp dư điều hành Jericho trong hai năm? Làm được bảy mươi lần lấy tin từ các hòm thư và gửi về?

- Phải. Tôi thề đấy. Sharon nói.

- Anh thấy thế nào, Steve?

Laing nhún vai. “Cái may mắn của kẻ bắt đầu. Không thể nào may thế ở Đông Đức hay Matxcova đâu.”

- Đúng đấy. Stewart nói. Và anh ta không bao giờ bị theo đuôi khi đến một hòm thư ư? Không bao giờ rắc rối gì à?

- Không, Sharon nói. Có vài lần anh ta bị bám, nhưng luôn chỉ là tình cờ và định kỳ thôi. Đi theo từ nhà anh ta đến toà nhà Hội đồng Kinh tế hoặc đi về, và một lần khi anh ta đang đi đến một hòm thư. Nhưng anh ta thấy họ và rẽ lối khác.

- Chỉ là giả thuyết thôi nhé, Laing nói, anh ta thực sự đã bị theo đuôi đến một hòm thư bởi một đội mật thám thực sự. Các nhân viên phản gián của Rahmani đến được hòm thư và xử lý Jericho. Do bị thúc ép, Jericho phải đồng ý hợp tác...

- Thế thì sản phẩm phải kém chất lượng đi chứ, Sharon nói. Nhưng Jericho đã thực sự gây ra thiệt hại lớn đấy.

Rahmani không thể nào cho phép điều đó tiếp tục đâu. Nếu thế đã có một cuộc khám xét và bắt giữ Jericho, và Moncada đã có lẽ bị trục xuất, nếu nói là may mắn đấy.

- Có vẻ như những kẻ của AMAM, thậm chí những người nước ngoài đều làm cho Rahmani. Dù sao, thì họ cũng ngớ ngẩn như lệ thường thôi. Moncada qua mặt họ mà chẳng gặp rắc rối gì cả. Ông biết AMAM thường xuyên cố gắng làm việc phản gián không.

Những người nghe gật đầu. Sự đối nghịch chẳng có gì mới mẻ - nó diễn ra ngay trong nước của chính họ.

Khi Sharon kể đến lúc Moncada đã đột ngột bị rút khỏi Iraq, Bill Stewart bật lên.

- Anh muốn nói anh ta bỏ đi, không liên lạc gì nữa? Anh có nói cho chúng tôi là một người đang không có người kiểm soát không đấy?

- Chính thế đấy, Sharon kiên nhẫn nói. Anh quay sang Chip Barber. Khi tướng Dror nói ông ấy không điều hành ai ở Baghdad cả thì có nghĩa là ông ta nói thật đấy. Mossad đã bị mất Jericho. như một chiến dịch đã hết, đã chấm dứt.

Barber nhìn bản vào người katsa trẻ tuổi cái nhìn muốn nói, “Hãy thả cái chân kia ra, cậu bé. Nó sẽ kêu đấy.”

- Chúng tôi muốn thiết lập lại liên lạc. Laing nói mềm mỏng. Làm thế nào?

Sharon đưa ra cả sáu địa điểm những hòm thư chết.

Trong hai năm của mình Moncada đã thay đổi hai trong số đó; một vì một địa điểm đã bị ủi đất để xây dựng, còn cái kia là vì một cửa hàng nghèo đói được trang bị lại và bán trở lại. Nhưng sáu hòm thư vận hành và sáu địa điểm nơi phấn đánh dấu đã được đặt là những cái mới kể từ những vụ cuối cùng anh ta làm trước khi bị trục xuất.

Địa điểm chính xác của các hòm thư đó và chỗ đánh phấn đánh dấu được ghi lại chi tiết.

- Có thể chúng ta có thể có được một nhà ngoại giao thân thiện để tiếp cận anh ta trong một phi vụ, nói với anh ta cần trở lại hoạt động và tiền sẽ cao hơn. Barber đề xuất. Hãy để lại các dấu hiệu dưới mọi viên gạch và cán cờ.

- Không, Sharon nói. Qua các hòm thư, hoặc là các ông không thể liên lạc với ông ta đâu.

- Tại sao? Stewart hỏi.

- Các ông sẽ thấy thật khó là tin, nhưng tôi thề là đúng đấy. Chúng tôi không thể tìm ra ông ta là ai hết.

Bốn điệp viên phương Tây nhìn chăm chăm vào Sharon hàng phút.

- Các anh không tìm ra được ông ta là ai à? Stewart hỏi chậm rãi.

- Chưa bao giờ. Chúng tôi đã thử. Chúng tôi yêu cầu ông ta nói thật ra để có thể được bảo vệ. Ông ta từ chối, dọa sẽ im tiếng nếu chúng tôi cứ nằn nì. Chúng tôi có những phân tích chữ viết, chân dung tâm lý.

Chúng tôi đã phân tích rất kỹ các thông tin ông ta có thể cung cấp và những cái ông ta không xâm nhập được. Chúng tôi gút được một danh sách gồm 30, có thể là 40 người, tất cả đều ở xung quanh Saddam Hussein, tất cả đều trong Hội đồng Chỉ huy Cách mạng, trong lãnh đạo cao cấp của quân đội, hoặc những nhân vật cao cấp của đảng Ba'ath. Không thể có hơn thế. Hai lần chúng tôi đã đưa vào hai thuật ngữ tiếng Anh vào lời yêu cầu của chúng tôi. Lần nào chúng cũng quay trở về với lời đề nghị giải thích. Có vẻ như là ông ta không nói được hoặc là rất ít tiếng Anh. Nhưng cũng có thể là giả đò. Có thể ông ta nói rất thạo, nhưng nếu chúng tôi biết được điều đó, chúng tôi có thể thu hẹp danh sách còn hai hoặc ba người. Do đó anh ta luôn viết bằng tiếng Ả-rập mà thôi.

Stewart cau mày, bị thuyết phục. “Nghe như là Hạng Sáu ấy,”

- Chắc chắn Woodward và Bernstein đã định vị được Hạng Sáu không? Paxman hỏi.

Họ nói thế đấy, nhưng tôi ngờ lắm. Stewart nói. Tôi cho rằng thằng cha nằm trong bóng tối rất sâu, cũng giống Jericho ấy.

Bóng tối đã rơi xuống từ lâu vào lúc bốn người trong số họ đã nhả một David Sharon kiệt sức đi về Đại sứ quán của mình. Nếu có cái gì đó anh ta có thể nói cho họ, họ sẽ bắt anh ta phải bật ra.

Nhưng Steve Laing lần này đã chắc rằng Mossad thắng thắn. Bill Stewart đã nói với ông về mức độ sức ép từ Washington.

Hai sĩ quan tình báo người Anh và hai người Mỹ, mệt mỏi vì bánh xăng ụch và cà phê, đi đến một quán ăn cách đó nửa dặm. Bill Stewart, người có cái bao tử đã điên lên vì mười hai giờ chỉ ăn bánh mì và căng thẳng, thích thú với một đĩa cá hồi hun khói.

- Đúng là một thằng con hoang, Steve ạ. Đó là một thằng con hoang bốn mắt thật sự. Giống như Mossad ấy, chúng ta phải thử và tìm ra một nhà ngoại giao đáng tin cậy đã được huấn luyện trong mọi trường hợp và đưa anh ta vào làm việc cho chúng ta.

- Trả tiền cho anh ta nếu chúng ta phải thế. Langley sẽ chuẩn bị tung nhiều tiền vào đó lắm đấy. Thông tin của Jericho có thể cứu nhiều mạng người khi đánh nhau bắt đầu đấy.

- Ai bây giờ. Barber nói. Nửa số đại sứ quán tại Baghdad đã bị đóng cửa. Số còn lại hẳn là phải bị giám sát chặt chẽ lắm. Ai len, Thụy Sĩ, Thụy Điển, hay Phần Lan đây?

- Bên trung lập không chơi trò này. Laing nói. Và tôi ngờ rằng họ có được một nhân viên được đào tạo đang cắm ở Baghdad cho chính họ. Quên Thế giới thứ ba đi - có nghĩa là phải bắt đầu một chương trình tuyển chọn và đào tạo toàn bộ thôi.

- Chúng ta làm gì có thời gian, hả Steve. Gấp lắm rồi. chúng ta không thể đi cùng con đường với Israel đâu. Ba tuần đã là điên rồ rồi. Có thể được đấy, nhưng Baghdad đang trên con đường chiến tranh. Phải gấp thêm nữa. Hãy tỉnh táo nào. Tôi thì tôi muốn ba tháng tối thiểu để tạo cho một nhà ngoại giao.

Stewart gật đầu đồng ý.

- Vẫn còn ai đó có thể vào một cách hợp pháp. Một số nhà kinh doanh vẫn ra vào được đấy, nhất là người Đức. Chúng ta có thể lấy một tay người Đức khá, hay người Nhật.

Vấn đề rắc rối là, họ ở lại đó những chuyến ngắn lắm. Lý tưởng nhất là ai đó làm gà mẹ cho Jericho lần sau - cái gì? Bốn tháng. Thế còn nhà báo thì sao? Laing đề xuất.

Paxman lắc đầu. “Tôi đã từng nói chuyện với cả bọn họ khi họ đến; là nhà báo, họ sẽ bị theo dõi chặt lắm. Đi vòng vòng khắp nơi không thể được với một tay nước ngoài - người của AMAM bám theo họ, mọi lúc. Bên cạnh đó, đừng quên rằng nhà ngoại giao ngoại cỡ và đáng tin tưởng này, chúng ta đang nói về một chiến dịch rất bí mật. Ai cũng muốn biết cái gì xảy đến với một điệp viên rơi vào tay của Omar Khatib?”

Bốn người đàn ông ở bàn ăn nghe thấy tiếng vọng bạo tàn của Khatib, chỉ huy AMAM. biệt danh là Al-Mu'azib. “Gã đồ tể”.

- Thì cũng phải liều thôi. Barber nhận xét.

- Tôi thấy nên đồng ý là hơn. Paxman nêu ý kiến. Cái mà một doanh nhân hay một phóng viên lúc nào cũng có thể đồng ý, biết rằng nó có thể trong kho nếu lấy được? Tôi thích KGB hơn là AMAM đấy.

Bill Stewart đặt chiếc nĩa của mình xuống vì tức giận và gọi một cốc sữa.

- Rồi. thế nghĩa là - không cần tìm một nhân viên được đào tạo có thể mà có thể là người Iraq.

Paxman liếc nhìn vào Steve Laing, người nghĩ ngợi một lúc và chậm chậm gật đầu.

- Chúng tôi có một người làm được đấy, Paxman nói.

- Một tay Ả rập giả hiệu chứ gì? Thế thì chúng ta đã có Mossad rồi còn gì nữa: Stewart nói- nhưng không phải ở cỡ đó.

Mang thông tin, lấy tin. Đó là liều lĩnh nhiều, lợi nhuận nhiều.

- Không, một người Anh, một thiếu tá của SAS ấy chứ.

Stewart ngừng lại, cốc sữa vẫn còn lơ lửng treo ở mồm.

Barber bỏ chiếc dao ăn và chiếc nĩa và ngừng không nhai miếng bít tết nữa.

- Nói tiếng Ả rập là một chuyện. Biến thành một người Iraq ở trong đó lại là cả một chuyện khác. Stewart nói.

- Anh ta có nước da sẫm, tóc đen, mắt nâu, nhưng anh ta một trăm phần trăm Anh. Anh ta được sinh ra và lớn lên ở đó. Anh ta có thể biến thành ai đó.

- Và anh ta đã được đào tạo hoàn chỉnh trong những nhiệm vụ giả danh chứ? Barber hỏi. Mẹ kiếp, anh ta là ai thế.

- Hiện giờ, anh ta đang ở Kuwait, Laing nói.

- Mẹ kiếp. Anh muốn nói anh ta đã luồn vào đó, đã chui được vào

- Không. Anh ta có vẻ đi lại tự do lắm.

- Thế nếu anh ta có thể ra, thì anh ta sẽ làm gì?

- Hiện đang giết bọn lính Iraq.

Stewart nghĩ và chậm rãi gật đầu.

- Trò chơi lớn đấy, ông ta lắm bẫy. Thế các ông có thể lôi anh ta ra khỏi đó không? Chúng tôi muốn mượn anh ta đấy.

- Tôi cũng cho là có thể, thế thì lần sau anh ta gửi điện đàm về nhé. Chúng tôi có thể điều hành anh ta, dù sao đi nữa. Và chia sẻ sản phẩm.

Stewart lại gật đầu.

- Tôi cũng định thế. Các anh mang lại cho chúng tôi Jericho. Đó là một cách. Tôi sẽ trình bày rõ với ông luật gia.

Paxman đứng dậy và lau mồm.

- Tốt hơn hết là tôi đi Riyadh đây.

Mike Martin là người quen tự tạo vận may cho mình, nhưng anh sống sót được qua tháng Mười đó thì quả là phải nhờ đến số mệnh.

Anh đang thực hiện một cuộc điện đàm đến nhà SIS đã định ở ngoại ô Riyadh trong cái đêm ngày 19, cùng đêm mà bốn nhân viên tình báo cao cấp đang ăn tối tại South Kensington.

Anh đang làm, anh có thể đang ở ngoài không khí, do hai giờ cách biệt, trước khi Simon Paxman có thể quay về Nhà Thế kỷ và thông báo Riyadh rằng anh ta được yêu cầu. Tệ hơn nữa, anh đã có thể gửi lên không trung trong vòng năm đến mười phút, nói chuyện với Riyadh về báo về một loạt vũ khí và đạn dược.

Trên thực tế, anh đang ở trong gara khá kín nơi anh để chiếc jeep của mình ngay trước nửa đêm, chỉ để phát hiện ra rằng chiếc xe đã xịt mất một lốp. Chửi thề, anh đành sửa xe mất một tiếng, vật lộn để tháo được vỏ xe, gần như đã bị đóng xi măng lại do một hỗn hợp những thứ bụi và cát sa mạc. Một giờ kém mười lăm phút anh lăn bánh ra khỏi gara, và mới được nửa dặm anh nhận ra cả chiếc bánh dự phòng cũng bị thủng một lỗ sâu hoắm. Chẳng thể làm gì khác ngoài việc quay trở về gara và bỏ cuộc điện đàm với Riyadh.

Phải mất hai ngày mới sửa xong cả hai chiếc lốp, và chỉ mãi đến đêm ngày 21 anh mới có thể đi sâu vào trong sa mạc, xa về phía nam thành phố, quay chiếc đĩa vệ tinh nhỏ của mình hướng về thủ đô Xeut nhiều dặm xa đó, sử dụng nút gửi để chuyển một loạt những tiếng bíp để báo rằng ai đang gọi và rằng đang chuẩn bị lên trời.

- Núi đá, Râu Đen, đọc năm.

Các mật mã được mật định giữa Riyadh và Martin hợp với nhau với ngày tháng và kênh, ngay trong trường hợp ai đó thù địch cố phá sóng.

Martin ấn nút Gửi và nói nhiều câu.

Ở ngoại ô Kuwait City về phía bắc, một kỹ thuật viên trẻ người Iraq bị báo động bởi một ánh sáng nhảy nhót trên cái màn hình anh ta đang theo dõi trong căn hộ được yêu cầu trên tầng trên cùng toà nhà ở. Một trong số các trợ lý của anh ta đã bắt được đợt chuyển tin và khoá lại.

- Đại úy, anh ta vội vã gọi. Một sĩ quan từ bộ phận tín hiệu Phản gián của Hassan Rahmani chạy vội đến màn hình. Ánh sáng vẫn nháy, và người kỹ thuật viên đang quay một số điện thoại để báo động.

- Ai đó vừa mới gửi tin vào không trung.

- Ở đâu?

- Trong sa mạc, thưa ngài.

Kỹ thuật viên nghe ngóng các tai phon theo các người chỉ dẫn hướng định ra theo nguồn chuyển tin.

- Chuyển bằng điện đàm, thưa ngài.

- Hẳn là hẳn đấy. Ông chủ nói đúng. Tần số thế nào?

Viên sĩ quan tóm lấy điện thoại để báo động hai đơn vị tuần tra, những chiếc xe tải đỗ ở Jahra và bệnh viện Al Adan gần bờ biển.

- Hai cấp.

Nghĩa là hai mươi hai độ về phía tây ngả sang nam, và tuyệt đối không có gì ở hướng này ngoài sa mạc Kuwait, cái chạy về mọi hướng để nhập vào với sa mạc Xeut ở biên giới.

- Tần số? Viên sĩ quan gào lên khi người theo dõi ở Jahra cầm lấy máy điện thoại.

Người dò sóng nói tần số, một kênh hiếm ở tần số cực thấp.

- Trung úy, anh ta gọi qua vai mình: đến ngay căn cứ không quân Ahmadi. Nói với họ cho máy bay trực thăng. Chúng ta có mục tiêu rồi.

Ở xa trong sa mạc: Martin đã kết thúc những điều anh phải nói và bật sang nút Nhận để có được câu trả lời từ Riyadh. Không phải là cái anh đang chờ đợi. Anh nghe mười lăm giây.

- Núi Đá, Râu Đen, về hang ngay. Tôi nói lại, về hang ngay. Tuyệt đối khẩn cấp. Đi ngay lập tức.

Viên đại úy Iraq đưa tần số cho cả hai trạm khác nữa. Ở Jahra và ở bệnh viện những kỹ thuật viên khác cũng đưa máy dò của mình vào tần số đã định, và trên đầu họ những cái đĩa đường kính bốn fit đang quay về các hướng. Trạm ở bờ biển đang bao phủ khu vực từ biên giới phía bắc với Iraq của Kuwait xuống đến biên giới với A-rập Xeut. Các máy quét của Jahra đi về phía đông sang tây từ biển đến các sa mạc phía

đông của Iraq ở phía tây. Giữa ba cái đó, họ có thể khoanh tam giác một địa điểm chính xác trong một trăm yard và đưa ra một chỗ và khoảng cách đến chiếc máy bay trực thăng Hind và mười người lính vũ trang của nó.

- Vẫn còn đây chứ? Viên đại úy hỏi.

Kỹ thuật viên quét chiếc màn hình tròn trước mặt mình, choãi ra xung quanh lề của nó với những điểm của cái compa. Trung tâm của cái đĩa chính là điểm nơi hắn ta đang đứng. Máy giầy trước đã có một đường nhấp nháy đi qua màn hình, chạy từ trung tâm cái compa đến compa số 202. Giờ đây màn hình đen lại. Nó chỉ có ánh sáng trở lại khi người ở đó lại chuyển tin đi.

- Không, thưa ngài, hắn đã biến rồi. Có khả năng nghe trả lời

- Hắn sẽ trở lại thôi, viên đại úy nói.

Nhưng anh ta đã sai. Râu Đen đã nghe rõ những lời chỉ dẫn bất ngờ từ Riyadh, tắt máy đi, đóng máy phát lại và gấp ăngten.

Những người Iraq đang xem tần số trong suốt đêm đó cho mãi đến sáng, trong khi chiếc Hind ở Al Ahmadi tắt máy và nằm im, những người lính mệt mỏi đi về.

Simon Paxman nằm thiếp đi trên một cái bàn của văn phòng mình khi điện thoại kêu. Đó là một nhân viên bên liên lạc của căn cứ.

- Tôi đến ngay đây. Paxman nói. Đó là một thông điệp hết sức ngắn gọn, mới được giải mã từ Riyadh. Martin đã liên lạc và đã được truyền lệnh.

Từ văn phòng của mình Paxman gọi điện cho Chip Barber ở căn phòng CIA ở quảng trường Grosvenor.

- Anh ta đang về đây, anh nói. Chúng tôi không biết khi nào thì anh ta vượt qua biên giới. Steve nói anh ta muốn tôi đến đó. Các ông có đến không?”

- Được Barber nói. DDO đang quay về Langley trong chuyến bay sáng. Nhưng tôi sẽ đi cùng với anh. Tôi phải gặp anh chàng ấy mới được.

Trong ngày 22 tháng Mười Đại sứ quán Mỹ và Văn phòng Bộ Ngoại giao Anh cả hai đều tiếp cận Đại sứ quán Xêut cho một thông báo ngắn đáng tin về một nhà ngoại giao trẻ mới cho Riyadh. Không vấn đề gì hết. Hai tấm hộ chiếu, đều không mang tên Barber hay Paxman. được cấp thị thực không chần chừ, và hai người đã lên chiếc máy bay vào 8 giờ 45 từ Heathrow, đến sân bay quốc tế King Abdulaziz ở Riyadh ngay trước khi bình minh lên.

Một chiếc xe của sứ quán Mỹ đến đón Chip Barber và đưa ông ta đi thẳng đến chỗ người Mỹ, nơi chiến dịch CIA mở rộng đóng quân, trong khi một chiếc sedan nhỏ hơn không đeo biển mang Paxman đến ngôi biệt thự nơi chiến dịch SIS Anh đang đóng. Tin đầu tiên Paxman nhận được là Martin đã có vẻ không vượt qua được biên giới.

Lệnh quay trở về căn cứ từ Riyadh, theo quan điểm của Martin, dễ nói hơn là làm. Anh đã quay về từ sa mạc trước bình minh của ngày 22 tháng Mười và mất cả ngày đóng cửa.

Một thông điệp được để lại dưới tấm bia mộ của Able Seaman Shepton ở nghĩa địa Công giáo để giải thích cho ông Al- Khalifa rằng anh rất tiếc phải rời khỏi Kuwait. Một thông báo khác với Abu Fouad giải thích ở đâu và bằng cách nào có thể lấy được những đồ đạc vũ khí còn lại và thuốc nổ còn chứa ở hai trong số sáu ngôi biệt thự từng là của anh.

Buổi chiều anh lái chiếc xe tải nhẹ của mình đi về trang trại lạc đà trên Sulaibiya, nơi những trạm canh cuối cùng của Kuwait City chạy đến và sa mạc bắt đầu.

Những con lạc đà của anh vẫn còn ở đó và đang rất khỏe. Con con đã trở giò và hứa hẹn trở thành một con thú đáng giá, nên anh dùng nó để trả luôn món nợ cho người chủ trang trại đã nuôi nó hộ anh.

Ngay trước khi hoàng hôn anh leo lên con lạc đà cái và theo hướng tây nam, để khi đêm buông xuống và bóng tối lạnh lẽo của sa mạc bao phủ, thì Martin đã ở xa những dấu hiệu cuối cùng của con người.

Anh mất bốn tiếng đồng hồ chứ không phải một như thường lệ để đến được nơi anh đã chôn đài của mình, địa điểm được đánh dấu bởi một cái vỏ sẫm xe ô tô, trước đây rất lâu đã bị nổ và bị vứt lại đây.

Anh giấu đài vào giữa những cái mà anh đã giấu các giỏ của mình. Ngay cả với những cái đó, con lạc đà vẫn thoải mái mang như là nó đã mang thuốc nổ và vũ khí vào Kuwait chín tuần trước đây.

Nó sẽ không để lộ dấu hiệu gì, chán nản đi vì đã bị mang nặng và bị tách khỏi chỗ sung sướng ở trang trại. Nhưng nó không từ chối và đi hàng dặm trong bóng tối. Tuy nhiên, đó là một chuyến đi khó nhọc, so với chuyến đi giữa tháng Mười. Trong khi đi về phía nam, Martin nhìn thấy ngày càng nhiều dấu hiệu của quân đội Iraq giờ đây đã vào sâu trong khu vực phía nam thành phố, trải dài xa hơn về phía tây biên giới Iraq.

Thường thì anh có thể nhìn thấy dấu những ngọn đèn của các giếng dầu ở đâu đó trong sa mạc, và biết người Iraq có thể đã chiếm chúng, bèn đi sâu vào trong vùng cát để tránh họ. Vào những dịp khác anh đã hít thở khói đốt gỗ từ một đám lửa của người Iraq và đã có thể chui vào đâu đó ngủ. Một lần anh suýt rơi vào một trung đội tăng, trốn sau những bức tường cao của cát ngay trước mặt người Mỹ và người Xêut ngang qua biên giới về phía nam. Anh nghe thấy tiếng động của kim loại đúng lúc, để giật cương đột ngột sang phải, và quay lại lủi vào trong những đụn cát.

Khi anh xâm nhập chỉ có hai đội Vệ binh Cộng hoà Iraq ở phía nam Kuwait, và xa hơn về phía đông, sang nam của Kuwait City. Giờ đây sư đoàn Hammurabi đã nhập vào hai cái đó, và 11 sư nữa, chủ yếu là quân chủ lực, đã được lệnh đi vào miền nam Kuwait để đánh nhau với người Mỹ và Liên quân ở bên kia. 14 sư đoàn là một nguồn nhân lực lớn, ngay cả khi trải rộng trên sa mạc. May làm sao cho Martin, có vẻ họ canh gác mà không có trạm canh và ngủ rõ say giữa xe cộ của mình. nhưng số lượng người đó đẩy anh đi xa mãi về phía tây.

Không thể vượt qua 15 km ngắn ngủi để đến được ngôi làng Xêut của Hamatiyyat với trang trại lạc đà Kuwait, anh đã bị đẩy lên phía tây đến tận biên giới với Iraq, được đánh dấu bởi vịnh nước sâu của Wadi el Batin, cái mà anh thực sự không hề muốn đi qua.

Bình minh đã lên khi anh ở phía tây của vùng dầu Manageesh và còn ở Bắc của trạm cảnh sát Al Mufrad, cái đánh dấu biên giới ở những điểm nổi lên.

Đất đã dốc lên, và anh thấy một đám đá trong đó có thể qua ngày. Khi mặt trời lên, anh xuống lạc đà, đang thở phì phò và nhìn cát với đá về kinh tởm, chẳng buồn đi kiếm một cọng cỏ để ăn sáng, rồi chui vào chỗ ngủ.

Vừa mới sau buổi trưa, anh bị đánh thức bởi tiếng động của những chiếc xe tăng khá gần và nhận ra anh ở quá gần đường chính dẫn đến Jahra, ở Kuwait, về tây nam để vượt qua Ả-rập Xêut ở trạm hải quan Ai Salmi. Sau khi mặt trời xuống anh đợi đến lúc đêm xuống thật tối rồi mới lên đường. Anh biết biên giới không thể xa hơn 12 dặm về phía nam. Sự khởi hành muộn của anh cho phép anh đi về giữa những đội canh Iraq vào khoảng ba giờ sáng, cái giờ tâm trí con người đang xuống thấp nhất và chỉ muốn ngày khò khò.

Bằng ánh sáng trăng, anh nhìn thấy trạm cảnh sát Qaimat Subah đang đứng một bên đường, và còn cách đó hai dặm, anh biết mình đã vượt được qua biên giới. Để đến được bên an toàn, anh đã phải bỏ đường cái đông-tây giữa Hamatiyyat và Ar-Rugi. Ở đó anh tháo chiếc đĩa của mình. Vì người Iraq phía bắc đã đi sâu vào hàng dặm bên kia biên giới Kuwait, và vì các lực lượng cho kế hoạch của tướng Schwarzkopf tên là Lá chắn Sa mạc cũng đứng sát đó để đảm bảo sẽ biết, khi bị tấn công. rằng liệu Iraq có thật sự xâm lược Kuwait hay không, nên Martin thấy mình ở giữa một vùng không bóng người. Một ngày nào đó, vùng đất vắng người đó có thể sẽ trở thành một dòng thác khủng khiếp của các dòng suối quân Xêut và Mỹ theo hướng bắc về phía Kuwait. nhưng trong bóng tối trước bình minh của ngày 24 tháng Mười đó anh chỉ có một mình mà thôi.

Simon Paxman bị đánh thức bởi một thành viên cấp thấp của đội Nhà Thế kỷ đang ở trong biệt thự.

- Râu Đen đã gửi tin. Simon. Anh ta đã vượt được qua biên giới.

Paxman nhảy ra khỏi giường và chạy vào phòng điện đàm trong bộ pyjama. Một người điều hành điện đàm trên một chiếc ghế đung đưa ngồi trước một màn hình chạy suốt một bức tường đã từng là một căn phòng ngủ khá thanh lịch. Bởi vì đã là ngày 24, các mặt mã đã thay đổi.

- Corpus Christi gửi Texas Ranger, anh là ai? Nói lại đi, định vị địa điểm của anh đi.

Giọng nói hơi nhỏ, nhưng hoàn toàn rõ.

- Phía nam Qaimat Subah, trên đường từ Hamatiyyat đến Ar-Rugi.

Người điều khiển máy quay lại liếc nhìn Paxman. Nhân viên SIS ấn nút Gửi và nói:

- Ranger, ở nguyên đó. Có một chiếc taxi đang đến đón anh đấy.

- Hiểu, giọng nói cất lên. Tôi sẽ đợi chiếc xe đen.

Đó thực ra không phải là một chiếc xe buýt màu đen. Đó là một chiếc trực thăng Blackhawk của Mỹ đang bay trên đường từ hai giờ trước, một chiếc chở nặng đang ở cửa dưới người phi công, mắt đeo một đôi kính, đang nhìn xuống dấu vết mờ mịt ở trên đường. Từ hai trăm fít, chiếc máy bay nhìn thấy một người đàn ông đang đứng cạnh một con lạc đà và bay xuống khi người đàn ông vẫy tay.

Chiếc Blackhawk thả xuống một cái thang dây và nhìn người Bedou chăm chăm. Cho đến khi người phi công biết, thì đã quá gần biên giới một cách khó chịu. Còn nữa, địa điểm bản đồ anh đã được đưa bởi sĩ quan tình báo đội bay rất chính xác, và lại không còn ai trong tầm nhìn nữa cả.

Chính Chip Barber đã thu xếp với quân đội Mỹ ở căn cứ không quân Riyadh cho mượn một chiếc Blackhawk để đi đón một người Anh đã vượt qua biên giới khỏi Kuwait. Chiếc Blackhawk đã lên đường, nhưng không ai nói với viên phi công về một người thổ dân Bedouin với một con lạc đà hết cả.

Khi những phi công quân đội Mỹ nhìn từ hai trăm fít, người đàn ông dưới đất đang đứng giữa một dải đá. Chiếc máy bay to định vị vào tấm gương của mình để nhìn cách bố trí những viên đá. Nó nói rất đơn giản: Chào, ở đây này.

Người lái nói qua chiếc mặt nạ.

- Đúng thẳng cha đó rồi. Xuống mang hần lên đi.

Viên phi công gật đầu, và chiếc Blackhawk bay vòng vòng và đi xuống cho đến khi nó chỉ còn cách mặt đất 20 yard cách người đàn ông và con thú của anh ta.

Martin đã cầm các giỏ và bộ yên lạc đà nặng khỏi con vật và đẩy nó sang bên đường. Bộ điện đàm và vũ khí cá nhân của anh, khẩu Browning 9 ly mười ba phát tự động rất được người của SAS yêu thích, đang nằm trong chiếc túi đeo qua vai.

Khi chiếc trực thăng hạ xuống, con lạc đà sợ hãi và vùng ra chạy. Martin nhìn nó chạy đi. Nó đã phục vụ anh rất tốt, dù cái tính khí dở người của nó. Nó có thể sẽ không gặp nguy hại gì khi đi một mình trong sa mạc.

Hần nó sẽ về nhà. Nó có thể đi lang thang tự do, tự tìm thức ăn và nước, cho đến khi một người Bedou nào đó tìm thấy nó, thấy không có dấu và súng sướng chiếm nó thành của riêng luôn.

Martin cúi gò người tránh gió và chạy đến cánh cửa đang mở. Qua tiếng ồn của động cơ, người lái phụ hét lên:

- Tên anh là gì?

- Thiếu tá Martin.

Một bàn tay chìa ra khỏi cửa để kéo Martin vào trong khoang lái.

- Xin chào mừng lên máy bay, thiếu tá.

Vào điểm máy móc âm ĩ không thể nói chuyện được, người lái phụ trao cho Martin cái che tai rồi ngồi sau, và quay trở về Riyadh.

Lại gần thành phố, người phi công lượn xuống một ngôi biệt thự ngoài ngoại ô thành phố. Gần đó là một khoảng đất trống rộng ai đó đã để đó thành hình chữ H. Khi chiếc Blackhawk lượn xuống, người đàn ông trong bộ áo Ả rập nhảy từ ba fít xuống đất, quay lại vẫy tay cảm ơn đội bay, và đi về phía ngôi nhà khi chiếc trực thăng bay đi. Hai người phục vụ kéo rèm lại.

Martin đi qua cửa hình vòm vào bức tường ngôi biệt thự và thấy mình trong một cái sân có treo cờ. Hai người đàn ông đi ra từ cánh cửa ngôi nhà. Một người anh nhận ra từng gặp ở đại bản doanh SAS ở tây London nhiều tuần trước.

- Simon Paxman, người trẻ hơn nói, bắt tay anh. Tốt làm sao là anh lại về được. Đây là Chip Barber, một trong những người anh em của chúng ta từ Langley.

Barber bắt chặt tay anh và tiến lên trước mặt anh, một chiếc áo dài màu trắng trùm từ cằm xuống sàn nhà, một chiếc khăn quấn quanh vai, một keffiyeh với hai cái dây màu đen để giữ yên nó, một khuôn mặt xương, nặng nề, tóc đen, mắt đen.

- Rất mừng được gặp anh, thiếu tá. Tôi đã nghe nói nhiều về anh. Mũi ông ta nhảy nhảy. Anh cần nước nóng để tắm chứ?

- Ồ đúng, tôi sẽ chuẩn bị ngay thôi, Paxman nói.

Martin gật đầu nói “Cám ơn”, và đi vào trong ngôi biệt thự mát mẻ. Paxman và Barber vào sau anh. Barber cảm thấy rất hạnh diện với bản thân.

- Mẹ kiếp, ông ta nghĩ. Không thể nghĩ thành cha này làm thế được.

Mất nhiều lần tắm liên tục trong chiếc bồn tắm bằng đá của biệt thự, do hoàng thân Khaled bin Sultan tặng người Anh. Martin mới bỏ được những bụi bặm và hôi hám của nhiều tuần dồn lại. Anh ngồi khoanh tay trong khi một người thợ cạo được gọi đến cho mục đích cắt tóc cho anh, rồi cạo râu với nước cạo của Simon Paxman.

Chiếc keffiyeh của anh, khăn choàng, rồi áo dài, và dép đã được mang ra ngoài vườn, nơi một người hầu Xêut cho vào lửa đốt Hai giờ sau, trong một đôi giày cô tông nhẹ của Paxman và một chiếc áo phông ngắn, Mike Martin ngồi tại bàn ăn và ngắm nhìn bữa trưa hết sức ngon lành.

- Anh có thể nói cho tôi được không, anh hỏi, tại sao anh lại rút tôi ra?

Chip Barber trả lời.

- Câu hỏi hay đấy, thiếu tá. Mẹ kiếp câu hỏi hay thật. Xứng đáng một câu trả lời thật chuẩn. Đúng không nào? Sự thật là, chúng tôi muốn anh vào Baghdad. Tuần sau. Xalat hay cá nào?

10. Chương 10

Cả CIA và SIS đều rất khẩn trương. Dù không lộ liễu, cuối tháng Mười đã xuất hiện rất nhiều nhân viên CIA tại Riyadh. Trước đó, sự có mặt của CIA đã gây bất hoà với cơ quan chỉ huy quân sự cách đó một dặm, trong những căn phòng hoạch định kế hoạch bên dưới Bộ Quốc phòng Xêut. Tâm trạng, ít nhất của các vị tướng không quân, là bằng mọi cách, thông qua việc sử dụng thành thạo ma trận lằng nhằng những trò kỹ thuật ở trong tầm kiểm soát của mình, tìm hiểu về phòng thủ và chuẩn bị của Iraq.

Và đó là một ma trận đáng ngạc nhiên. Ngoài những vệ tinh trên không cung cấp liên tục nguồn ảnh về mảnh đất của Saddam Hussein; ngoài Rạng Đông và U-2 làm cùng việc đó nhưng với khoảng cách gần hơn, còn có những bộ máy khác còn có mức độ phức tạp lớn hơn nhiều dành cho việc cung cấp những thông tin quan trọng.

Một mạng vệ tinh khác, ở tầng bình lưu, đi vòng quanh Trung Đông, có nhiệm vụ nghe ngóng người Iraq nói gì, và những vệ tinh đó bắt được từng lời một nói trong một đường dây mở. Nó có thể không bắt được những cuộc họp bàn kế hoạch được thực hiện trên độ cao 45.000 dặm của những cái dây siêu dẫn.

Với các máy bay, chỉ huy là Hệ thống Cảnh báo bay và Hệ thống Kiểm soát, được biết dưới cái tên AWACS. Đó là những chiếc Boeing 707, mang theo một chiếc rada vòm khổng lồ trên lưng. Quay những vòng chậm rãi trên bờ bắc của Vịnh, luôn chuyển động hai tư giờ mỗi ngày, AWACS có thể thông báo cho Riyadh trong

vài giây mọi chuyển động không trung phía trên Iraq. Hiếm khi một máy bay Iraq có thể di chuyển hay đi làm nhiệm vụ bay lên mà Riyadh lại không biết được số hiệu, hình dáng, tốc độ, và độ cao của nó.

Chỗ dựa của AWACS là một Boeing 707 khác, E8-A, được biết dưới cái tên J-STAR, theo dõi các chuyển động trên mặt đất trong khi AWACS kiểm soát những chuyển động trên không trung. Với cái rada Norden lớn của mình nó quét phía dưới và các bên, để có thể bao trùm khắp Iraq mà không cần xâm nhập không phận Iraq, chiếc J-STAR có thể nghe thấy tiếng mọi mẫu kim loại bắt đầu chuyển động.

Sự phối hợp của những máy móc đó và nhiều điều kỳ diệu kỹ thuật khác mà Washington đã tiêu hàng tỷ và hàng tỷ đôla đã thuyết phục các vị tướng lĩnh rằng nếu có gì được nói ra, họ có thể nghe thấy, nếu có gì chuyển động, họ có thể nhìn thấy nó, và nếu họ biết rõ như vậy rồi, họ có thể tiêu diệt nó khi cần thiết.

Hơn nữa, họ có thể thấy được mọi thứ dù trời mưa hay sương mù, dù là đêm hay ngày. Không bao giờ kẻ thù có thể trốn dưới một cái hầm hay trong rừng rậm mà thoát được khỏi sự dò xét.

Những con mắt trên trời cao có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ đó. Các sĩ quan tình báo từ Langley rất đa nghi, và điều đó thấy rất rõ. Cánh dân sự hay nghi ngờ. Đối mặt với cái đó cánh quân sự trở nên điên tiết. Nó có một công việc khó nhọc để làm, nó tiếp tục làm, cần gì đến những cái khác.

Bên phía người Anh tình hình lại khác hẳn. Chiến dịch SIS trên sân khấu vùng Vịnh không hề giống với CIA, nhưng nó còn là một chiến dịch lớn hơn nhiều theo các tiêu chuẩn của Nhà Thế kỷ. và theo cung cách của Nhà Thế kỷ thì nó là khía cạnh thấp kém hơn và bí mật hơn.

Hơn thế nữa, người Anh đã được chỉ định chỉ huy tất cả các lực lượng Anh ở vùng Vịnh, và là người đứng bên cạnh tướng Schwarzkopf, một người lính không bình thường của hoàn cảnh bất thường.

Norman Schwarzkopf là một người đàn ông to lớn, quả quyết với năng lực quân sự to lớn và là một người lính rất có chất lính. Được biết đến dưới cái tên Norman Bão táp hay “Con Gấu”, tâm trạng ông có thể chuyển từ rất tốt bụng đến bùng nổ tức giận, luôn luôn thất thường, đức tính mà các nhân viên của ông có thể nhận ra khi vị tướng sắp đi thực địa. Đối tác người Anh của ông không thể nào khác hơn được thế. Thiếu tướng Sir Peterr de le Billiere, người đã tới vào đầu tháng Mười để chỉ huy người Anh ở đây là một người gây gò xương xẩu, cương nghị với thái độ thờ ơ với cách nói năng ngắc ngứ. Người Mỹ to lớn hướng ngoại và người Anh mảnh khảnh hướng nội làm thành một cặp thật cộc cạch, những người chỉ nhường bước bởi vì người này đã hiểu người kia quá rõ để nhận ra là chẳng việc gì phải đối đầu với nhau hết cả.

Ngài Peter, được các đội quân biết đến như là P.B, là người lính có nhiều huân chương nhất trong Quân đội Anh, một vấn đề mà ông không bao giờ nói đến dù trong bất kỳ trường hợp nào. Chỉ những ai đã theo ông trong nhiều chiến dịch mới đôi khi dám thì thầm sau những vại bia về sự lạnh lùng dưới làn đạn, đức tính đã làm “mọc lên” trên áo ông nhiều huân chương lấp lánh đến thế. Ông cũng từng là sĩ quan chỉ huy của SAS, một lính bộ binh, điều khiến ông có những hiểu biết hữu dụng nhất về vùng Vịnh, về tiếng Ả-rập, và các chiến dịch giả trang.

Bởi vì vị chỉ huy người Anh đã làm việc trước đó với SIS, đội của Nhà Thế kỷ tìm thấy ở ông một cái tai quen thuộc hơn để nghe những lời của họ hơn là với nhóm CIA. SAS đã có một sự có mặt tốt ở sân khấu vùng Vịnh, nhất là trong trại kín của họ ở góc của một căn cứ quân sự lớn hơn nằm bên ngoài Riyadh. Với tư cách là chỉ huy cũ của những người đó, tướng P.B cho rằng những tài năng đáng chú ý của họ không thể nào để bị bỏ phí trong những công việc ngày ngày buồn chán mà bộ binh hoặc lính đánh dù phải làm. Những người đó là các chuyên gia trong việc xâm nhập sâu và bắt con tin.

Ngồi trong ngôi biệt thự ngoài Riyadh trong tuần cuối tháng Mười, đội CIA và SIS đang bàn luận về một chiến dịch rất có trong phạm vi hoạt động của SAS. Chiến dịch là tung chỉ huy địa phương của SAS, và ông ta đi làm việc hoạch định.

Cả buổi chiều của ngày thứ nhất của Mike Martin ở ngôi biệt thự được dành để giải thích về sự phát hiện của Liên quân Anh-Mỹ về điệp viên Jericho tại Baghdad. Họ nói với anh rằng anh vẫn có quyền từ chối và trở lại trung đoàn của mình. Anh suy nghĩ trong suốt buổi tối. Rồi anh nói với các sĩ quan thường trực của CIA-SIS:

- Tôi sẽ vào đó. Nhưng tôi có những điều kiện, và tôi muốn chúng được thực hiện.

Vấn đề chủ yếu, như tất cả đều biết là câu chuyện giả danh của anh. Đó không phải là một nhiệm vụ nhanh chóng vào rồi ra ngay, phụ thuộc vào tốc độ và sự tinh quái của mạng lưới phản gián. Cũng không phải anh tính đến chuyện hỗ trợ bên ngoài và bảo vệ như đã từng có ở Kuwait. Cũng không phải anh lang thang trong sa mạc bên ngoài Baghdad như một thổ dân bộ lạc Bedouin lang thang. Thời gian này Iraq đã trở thành một trại lính khổng lồ. Thậm chí các vùng đất có trên bản đồ dường như đã đổi khác và trở nên trống trơn, nơi các đội tuần tra đi suốt ngày. Tại Baghdad, quân đội và những đội AMAM có mặt ở khắp mọi nơi, Cảnh sát Quân sự tìm kiếm những kẻ đơn độc và AMAM thì tìm mọi người khả nghi.

Nỗi sợ hãi mà AMAM gây ra được mọi người trong ngôi biệt thự chia sẻ. Các báo cáo từ các doanh nhân và nhà báo, và từ các nhà ngoại giao Anh và Mỹ trước khi họ bị rút đi, mở rộng phân tích sự có mặt khắp nơi của cảnh sát mật, những người luôn khiến công dân Iraq sợ hãi và run rẩy.

Nếu Martin vào trong đó, anh có thể sẽ phải ở lại. Điều khiển một điệp viên như Jericho hẳn sẽ không hề dễ dàng với anh. Thứ nhất, người đàn ông phải sẵn sàng tìm dấu những hộp thư chết và được thông báo ông ta đã quay trở lại nhiệm vụ.

Các hộp thư có thể đã bị theo dõi. Jericho có thể đã bị bắt và bị buộc phải khai hết ra.

Hơn thế nữa, Martin cũng phải thiết lập một chỗ để sống, một căn cứ nơi anh có thể gửi và nhận các thông tin. Anh sẽ phải đi vòng vòng khắp thành phố, theo dõi các hòm thư nếu nguồn tin bên trong của Jericho được thu hẹp lại, mặc dù giờ đây nó có thể được dành cho những vấn đề khác nữa.

Cuối cùng, và tệ nhất trong mọi chuyện, có thể không có vỏ bọc ngoại giao nào hết, không hề có lá chắn bảo vệ để giúp anh thoát khỏi những cơn khủng khiếp rằng có thể bị bắt và bị xử lý. Với một con người như thế, các phòng thẩm vấn của Abu Khatib có thể đã sẵn sàng.

- Anh - e hèm - đang nghĩ gì vậy? Paxman hỏi khi Martin đưa ra đề nghị của mình.

- Nếu tôi không thể trở thành một nhà ngoại giao, tôi muốn là một tùy viên cho một nhà ngoại giao.

- Không dễ đâu, anh bạn ạ. Các Đại sứ quán đều bị theo dõi.

- Tôi không nói là Đại sứ quán. Tôi nói nhà của nhà ngoại giao.

- Một dạng như tài xế? Barber hỏi.

- Không. Quá lộ liễu. Người lái xe phải luôn ngồi sau tay lái Anh ta lái xe chở nhà ngoại giao đi khắp nơi và trông giống như nhà ngoại giao.

- Thế gì?

- Trừ phi mọi việc thay đổi hoàn toàn, rất nhiều nhà ngoại giao cao cấp sống bên ngoài toà nhà Đại sứ quán, và nếu chức đủ cao, thì họ vẫn còn có một biệt thự có vườn với tường bao. Ngày xưa những ngôi nhà đó có một người làm vườn.

- Một người làm vườn? Barber hỏi lại. Nhưng đó là một công việc tay chân. Anh sẽ bị tóm cổ và bị đưa vào quân đội.

- Không đâu. Người làm vườn làm mọi việc ở ngay trong nhà. Anh ta chăm sóc vườn tược, đi mua bán trên xe đạp, mua cá ở chợ cá, hoa quả và rau. bánh và dầu rán. Anh ta sống trong một căn lều ở cuối vườn.

- Thế điểm mấu chốt là ở đâu, Mike? Paxman hỏi.

- Mấu chốt là ở chỗ, anh ta vô hình. Anh ta tầm thường đến vậy, không ai để ý đến anh ta cả. Nếu anh ta bị bắt, tấm thẻ căn cước của anh ta sẽ hợp lệ và anh ta sẽ cầm một lá thư đại sứ quán, bằng tiếng Ả-rập, giải thích rằng anh ta làm việc cho nhà ngoại giao và được miễn quân dịch, và có quyền xin cho anh ta đi làm việc. Trừ khi anh ta làm việc gì sai trái, không thì chẳng người cảnh sát nào gây rắc rối với anh ta và lại còn không muốn làm chông lại đại sứ quán nữa chứ.

Hai nhân viên tình báo nghĩ ngợi.

- Có thể được đấy, Barber đồng ý. Tầm thường, vô hình. Anh nghĩ thế nào, Simon?

- Tốt. Paxman nói. nhà ngoại giao có thể làm được điều này.

- Chỉ là một phần thôi, Martin nói. ông ta có thể cần phải được nhận một lệnh đơn giản từ chính phủ của mình để nhận một người lạ vào làm việc. Anh ta nghi ngờ là chuyện riêng của anh ta. Anh ta sẽ giữ chặt mồm miệng nếu anh ta muốn giữ được công việc của mình và nghề nghiệp. Nghĩa là lời đề nghị phải đến từ cấp khá cao.

- Đại sứ quán Anh bị thôi rồi, Paxman nói. Người Iraq có thể làm mọi cách để làm hại người chúng ta.

- Chúng tôi cũng thế thôi. Barber nói. Anh có nghĩ đến ai không, Mike?

Khi Martin nói với họ: họ nhìn anh chăm chăm như không tin.

- Anh không nghiêm túc rồi. người Mỹ nói.

- Tôi nghiêm túc, Martin bình thản nói.

- Thế quái nào đấy, Martin, một lời yêu cầu như thế có thể toi mất, trời đất, ngài thủ tướng.

- Và tổng thống nữa. Harber nói.

- Nào, chúng ta giờ đây đã là cánh bạn bè rồi, tại sao không chứ? Ý tôi là, nếu sản phẩm của Jericho có thể cứu được tính mạng của Liên quân. thì một cú điện thoại chẳng lẽ lại là quá đáng ư?

Chíp Barber liếc nhìn đồng hồ. Giờ Washington sớm hơn bảy giờ so với ở vùng Vịnh. Langley có thể đang kết thúc bữa trưa của mình. London chỉ sớm hơn có hai giờ, nhưng các sĩ quan cấp cao có thể đã ngồi vào bàn làm việc rồi.

Barber chạy thẳng về Đại sứ quán Mỹ và gửi một bức tin khẩn bằng mật mã về phó giám đốc, Bill Stewart, người, khi đọc điều đó mang đến cho giám đốc, William Webster. Đến lượt ông này gọi điện sang Nhà Trắng và xin một cuộc gặp với tổng thống.

Simon Paxman gặp may. Cú phân mã hoá của anh ta đã tóm được Steve Laing đang ngồi ở bàn ở Nhà Trắng ký, và sau khi nghe, người chỉ huy các Chiến dịch Trung Đông gọi Chỉ huy ở nhà riêng.

Ngài Colin suy nghĩ và gọi một cú điện thoại đến thư ký Chính phủ, ngài Robin Butler.

Chỉ huy Cơ quan Tình báo mật, trong những trường hợp khẩn cấp, có thể yêu cầu và được chấp nhận một cuộc gặp cá nhân với thủ tướng, và Margaret Thatcher luôn dễ tính đối với những người điều hành các công vụ tình báo và các Lực lượng Đặc biệt. Bà đồng ý gặp Chỉ huy tại văn phòng riêng của mình tại số 10 phố Downing vào tám giờ sáng ngày hôm sau.

Bà, như vẫn luôn vậy, làm việc từ trước bình minh và đã dọn bàn trước khi Chỉ huy có mặt. Bà nghe lời đề nghị kỳ khôi với một cái nhăn trán khó hiểu, đòi giải thích nhiều lần, nghĩ ngợi, và sau đó, theo cách thông thường của bà, bà ghi nhớ ngay không chậm trễ.

- Tôi sẽ thoả thuận với tổng thống Bush ngay khi ông ấy muốn, và chúng ta sẽ xem có thể làm gì được. Thế cái, ùm, người đó - sẽ thực sự làm việc đó à?

- Đó là chủ đích của anh ta, thưa thủ tướng.

- Một trong số người của ông à, ngài Colin?

- Không, anh ta là thiếu tá của SAS.

Mắt bà sáng bừng.

- Một người đáng chú ý đấy.

- Tôi cũng tin vậy, thưa bà.

- Khi mọi chuyện xong, tôi cũng muốn gặp anh ta.

- Tôi chắc sẽ thu xếp được, thưa thủ tướng.

Khi Chỉ huy đã đi, nhân viên phổ Downing thiết lập một cú điện thoại cho Nhà Trắng, ngay vào giữa đêm ở đó, và tạo một kết nối nóng vào tám giờ sáng ở Washington và một giờ chiều ở London. Bữa trưa của thủ tướng được lùi lại mười ba phút.

Tổng thống Bush, cũng giống người tiền nhiệm Ronald Reagan, luôn luôn thấy khó khăn trong việc từ chối thủ tướng Anh điều gì đó khi bà đã tấn công từ khắp mọi hướng.

- Tốt thôi, Margaret, tổng thống nói sau năm phút, tôi sẽ gọi điện.

- Anh ta có thể từ chối, bà Thatcher nhấn mạnh, và anh ta đã không làm thế. Dù sao đi nữa, chúng ta phải làm mọi chuyện để giúp anh ta.

- Đúng vậy, sẽ làm, tổng thống nói.

Hai vị lãnh đạo Chính phủ gọi điện trong một giờ cả hai, và câu trả lời từ người đàn ông bối rối ở đầu dây bên kia là đồng ý ông ta có thể gặp các đại diện của họ, gặp riêng, ngay khi họ tới

Tối đó Bill Stewart đi khỏi Washington, và Steve Laing bắt chuyến bay cuối cùng của ngày từ Heathrow.

Nếu Mike Martin có ý tưởng nào đó về sự nhanh chóng của hoạt động của yêu cầu của anh đã được bắt đầu, thì anh cũng không để lộ chút nào hết cả. Anh trải qua ngày 26 và 27 tháng Mười nghỉ ngơi, ăn uống, và ngủ. Nhưng anh ngừng cạo râu, để mặc chòm râu đen tiếp tục dài ra. Những công việc theo yêu cầu của anh đang được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau.

Chỉ huy Trạm SIS ở Tel Aviv đã đến thăm tướng Kobi Dror với một lời yêu cầu cuối cùng. Chỉ huy Mossad nhìn chăm chăm tò mò người đàn ông người Anh.

- Anh thực sự sẽ làm cái đó chứ? ông ta hỏi.

- Tôi chỉ biết là tôi được lệnh là nhờ ông, Kobi ạ.

- Quý thật. Các ông biết anh ta sẽ bị bắt, có biết không hả?

- Ông có thể làm không hả. Kobi?

- Tất nhiên chúng tôi có thể làm được điều đó.

- Hai mươi tư giờ nhé?

Kobi Dror lại vào vai Fiddler in the Roof.

- Với anh, anh chàng dở hơi, tay phải của tôi đây này. Nhưng xem này, lạ lùng chưa, anh đề xuất cái gì thế này?

Ông đứng dậy và đi ra sau bàn của mình, vòng một tay quanh vai người đàn ông người Anh.

- Anh cũng biết đấy, chúng tôi đã phá bỏ mất phân nửa quy tắc của chúng tôi rồi đấy, và chúng tôi gặp may. Thường thì, chúng tôi không bao giờ có người của mình đến thăm một hòm thư chết. Nó có thể là một cái bẫy. Với chúng tôi, hòm thư luôn là một chiều: từ katsa đến điệp viên. Với Jericho, chúng tôi bỏ quy tắc đó đi. Moncada lấy sản phẩm theo cách đó bởi vì không còn có cách nào khác nữa cả. Và anh ta đã gặp may - gặp may trong hai năm liền. Nhưng anh ta có vỏ bọc ngoại giao. Giờ thì các anh lại muốn... điều đó.

Ông cầm lên một bức ảnh nhỏ của một người đàn ông khuôn mặt trông như người A-rập với tóc đem sậm và xoăn, bức ảnh người Anh mới nhận được từ Riyadh, mang nó đến (từ nơi đó không có đường dây thương mại nào giữa hai thủ đô) bởi chiếc máy bay phản lực HS-125 riêng của tướng de la Billière. Chiếc 125 đang đỗ ở sân bay quân sự Sde Dov, nơi những dấu hiệu sống động của nó đã được chụp ảnh lại rất nhiều.

Dror nhún vai.

- Thôi được. Sáng mai nhé. Hứa đấy.

Mossad có một sổ dịch vụ kỹ thuật tốt nhất trên thế giới Ngoài một máy điện toán trung tâm với dữ liệu khoảng hai triệu tên và số liệu, ngoài những dịch vụ tốt vào loại nhất trên thế giới, còn có tại căn cứ và dưới đất của đại bản doanh Mossad một loại những phòng nơi nhiệt độ được kiểm soát hết sức kỹ càng. Những phòng đó để chứa giấy tờ. Không phải chỉ là giấy tờ cũ - những giấy tờ rất đặc biệt. Những bản gốc của gần như mọi loại hộ chiếu trên thế giới nằm ở đây, cùng với vô vàn những giấy tờ căn cước khác, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm xã hội, và đủ thứ linh tinh.

Rồi còn có những thẻ căn cước trống, để không trên đó người viết có thể điền vào, sử dụng các bản gốc như là một hướng dẫn để tạo ra đồ giả với chất lượng tuyệt hảo. Các thẻ căn cước không chỉ có tính đặc biệt. Những giấy ngân hàng khó bắt chước có thể và được làm ra với số lượng lớn. dù là để giúp làm lụn bại đồng tiền một nước láng giềng thù địch, hay để cấp tiền cho các chiến dịch bí mật của Mossad. những cái mà cả thủ tướng lẫn Knesset đều không biết mà cũng không muốn biết.

CIA và SIS phải nhờ đến Mossad, đơn giản vì họ không thể làm nổi một tấm thẻ căn cước của một người lao động chân tay người Iraq 45 tuổi với một sự chắc chắn có thể qua được mọi kiểm soát trong nước Iraq.

Thật may mắn, Sayeret Matkal, một nhóm trinh sát qua biên giới bí mật đến nỗi tên nó không thể được in lên thậm chí ở Israel, đã làm một chuyến đi vào Iraq hai năm trước để cấy một oter Arập có quan hệ ở mức độ này ở đó. Trong khi đi lại ở Iraq, các điệp viên đã bắt chọt hai người đang làm việc trên đồng ruộng, xử lý họ, và lấy thẻ căn cước của họ.

Như đã hứa. những người của Dror làm việc thâu đêm và đến bình minh thì đã làm được một tấm thẻ căn cước Iraq, bản thủ đến mức chấp nhận được và trông nhàu nát như đã dùng từ lâu lắm, với cái tên Mahmoud Al-Khouri. 45 tuổi, từ một ngôi làng ở trên những quả đồi phía bắc Baghdad. làm việc ở thủ đô với nghề tay chân.

Những người làm giả không biết Martin đã lấy tên của Al- Khouri, người từng kiểm tra tiếng Arập của anh trong một quán ăn Chelsea hồi đầu tháng Tám; họ cũng không thể biết rằng anh đã chọn ngôi làng từ đó người cha làm vườn của ông ta đã đến, ông già, trước đó rất lâu gần một cái cây ở Baghdad, đã nói cho đứa con người Anh của mình về nơi nó ra đời, về ngôi nhà thờ Hồi giáo và quán cà phê và những ruộng đồng trồng alfalfa và dưa hấu bao quanh. Và đó lại thêm một điểm nữa mà những người làm giả không hề hay biết.

Trong buổi sáng Kobi Dror đưa tấm thẻ căn cước cho người của SIS đóng ở Tel Aviv.

- Nó sẽ không làm hại anh ta đâu. Nhưng tôi nói nó, ông đập vào bức ảnh với một ngón tay béo trực, nó, cái tay Arập bắt kham đó, sẽ phản bội các anh ngay lập tức hoặc sẽ bị bắt trong vòng một tuần.

Người của SIS chỉ có thể nhún vai. Thậm chí anh ta cũng không biết người đàn ông có trong bức ảnh giả hoàn toàn không phải là người Arập. Anh ta phải cần biết, thế là anh ta không được nói. Anh ta chỉ làm điều được ra lệnh - đưa chiếc thẻ lên máy bay HS-125, trên đó nó sẽ được chở quay về Riyadh.

Quần áo cũng đã chuẩn bị xong, chiếc dish-dash đơn giản của một người lao động Iraq, một cái keffiyeh cũ màu nâu, và đôi giày cổ lỗ to xù Một chiếc mũ lưỡi trai có vành, không thể biết anh làm gì, đã tạo ra một kiểu ăn mặc kỳ quái. Anh ta là một người Xêut đáng thương.

Bên ngoài thành phố Riyadh, một căn cứ quân sự bí mật, nơi tập hợp các loại xe cộ đặc biệt đang được chuẩn bị. Chúng được mang đến trên một chiếc Hercules của RAF từ căn cứ chính của SAS xa hơn về phía bán đảo Arập ở Oman và được thả xuống và trang bị lại cho một chuyến đi dài và gian khổ.

Điều cốt yếu của cuộc thoả thuận về hai chiếc Land-Rover loại lớn là không cần trang bị vũ khí nhưng tốc độ cao và đi được xa. Mỗi xe có thể chở được những vật dụng thông thường cho bốn nhân viên SAS, và một cái có thể mang một khách. Chiếc còn lại có thể mang một chiếc xe máy to đùng cũ rích, cũng có bình xăng đi được rất lâu. Quân đội Mỹ cũng đã cho mượn sức mạnh của mình theo yêu cầu, lần này dưới dạng hai chiếc trực thăng Chinook to phản lực. Chúng chỉ được biết là luôn phải túc trực.

Mikhail Sergeivitch Gorbachev đang ngồi như thường lệ ở cái bàn của văn phòng làm việc cá nhân của mình ở tầng thứ bảy và là cao nhất của toà nhà Trung ương Đảng ở Novaya Ploshad, cùng hai người thư ký, khi máy điện thoại nội bộ reo để báo sự đến của hai sứ giả từ London và Washington. Trong hai mươi tư giờ ông đã rối tinh lên bởi những yêu cầu của cả tổng thống Mỹ và thủ tướng Anh mà ông nhận được một đặc phái viên cá nhân từ mỗi phía. Không phải là một chính trị gia, không phải một nhà ngoại giao - chỉ là một người đưa tin. Trong cái ngày này và ở tuổi tác đó, ông tự hỏi, thông điệp như thế nào mà lại không thể nói qua các kênh ngoại giao thông thường Họ có thể sử dụng một đường dây nóng có độ an toàn tuyệt đối không thể xâm nhập được, mặc dù cần đến các phiên dịch và kỹ thuật viên.

Ông bối rối và tò mò, và vì tò mò là một trong những đặc tính nổi bật nhất của ông, ông nóng lòng được gỡ mối tơ rối. Mười phút sau, hai người khách đã vào đến trong văn phòng riêng của Tổng Bí thư Đảng Cộng

sản Đỏ và Chủ tịch nước Liên Xô. Đó là một căn phòng dài, hẹp với một dãy cửa sổ dọc theo hai bên, nhìn sang Quảng trường Đỏ. Không có cửa sổ sau lưng chủ tịch, người ngồi quay lưng vào tường ở cuối một cái bàn họp dài.

Ngược hẳn với phong cách u buồn, nặng nề được những người tiền nhiệm mình ưa thích, Andropov và Chernenko, Gorbachev trẻ tuổi thích cách bài trí sáng sủa, thoáng mát. Cái bàn riêng và bàn làm việc được làm từ gỗ sáng, dọc theo là những cái ghế êm ái. Các cửa sổ được bảo vệ bằng những bức rèm thanh nhã.

Khi hai người đi vào, ông vẫy tay bảo các thư ký đi ra. Ông nhồm lên khỏi bàn và đi ra đón.

- Xin chào, các quý ngài, ông nói bằng tiếng Nga. Trong số các ông có ai nói được bằng thứ tiếng của tôi không?

Một người, mà ông cho là người Anh, trả lời bằng tiếng Nga ngập ngừng. “Có lẽ phải cần phiên dịch, thưa ngài chủ tịch”.

- Vitali, Gorbachev gọi với vào một trong những thư ký đã đi ra, bảo Yevgeny đến ngay đây.

Trong khi còn chưa nói năng gì được, ông mỉm cười và hoa chân múa tay cho các vị khách bảo ngồi xuống. Phiên dịch riêng của ông đi vào trong vài giây và ngồi về cùng phía, ở cái bàn của chủ tịch.

- Thưa ngài, tên tôi là William Stewart. Tôi là phó giám đốc của Cơ quan Tình báo Trung ương ở Washington, người Mỹ nói.

Miệng Gorbachev mím lại và lông mày co lại.

- Và, thưa ngài, tôi là Stephen Laing, giám đốc Chiến dịch, phân ban Trung Đông, của Tình báo Anh.

Sự bối rối của Gorbachev càng tăng lên. Gián điệp, chekisti - cái quỷ quái gì thế này?

- Mỗi cơ quan của chúng tôi. Stewart nói, đều yêu cầu với Chính phủ của mình để yêu cầu ông đón tiếp chúng tôi. Vấn đề là: thưa ngài, Trung Đông đang tiến đến một cuộc chiến tranh. Tất cả chúng ta đều biết điều đó. Để có thể tránh được nó, chúng tôi cần biết được nội tình của chế độ Iraq. Những cái họ nói cho dân chúng và những cái họ bàn thảo trong bí mật, chúng tôi tin là khác nhau hoàn toàn.

- Thì có gì là mới mẻ cái chuyện đó đâu.

- Không hề mới, thưa ngài. Nhưng đó là một chế độ có tính bất ổn rất cao. Nếu chúng ta chỉ có thể biết được trong văn phòng của tổng thống Saddam Hussein thực sự nghĩ gì ngày hôm nay, chúng ta sẽ có thể có được kế hoạch tốt hơn để lập chiến lược để ngăn chặn cuộc chiến sắp xảy ra. Laing nói

- Dĩ nhiên là có các vị ngoại giao lo chuyện đó rồi, Gorbachev chỉ ra.

- Thường là như thế, đúng, thưa ngài chủ tịch. Nhưng có những giai đoạn mà ngoại giao quá mở, quá công cộng cho một kênh những suy nghĩ bên trong có thể mà mở ra được. Ông còn nhớ trường hợp Richard Sorge không?

Gorbachev gật đầu. Mọi người Nga đều biết đến Sorge. Chân dung ông xuất hiện trên những con tem bưu điện. ông là một người anh hùng sau khi chết cho Liên Xô.

- Thời gian đó, Laing tiếp tục. thông tin của Sorge về Nhật Bản có thể không tấn công Xibêri là cốt tử với đất nước của ngài. Nhưng nó không thể về với các ngài thông qua con đường đại sứ quán được.

- Vấn đề là, ngài chủ tịch, chúng tôi có lý do để tin tưởng trong Baghdad có tồn tại một nguồn tin, ở vị trí khá là cao, người đã được chuẩn bị để làm lộ cho chúng tôi những bàn luận tuyệt mật bên trong Saddam Hussein. Thông tin như thế có thể làm ra sự khác biệt giữa chiến tranh và một sự rút lui tự nguyện của người Iraq khỏi Kuwait.

Mikhail Gorbachev gật đầu. Ông không phải là bạn của Saddam Hussein. Đã từng là một bạn hàng ngoại giao của Liên Xô, Iraq đã dần ngày càng trở nên độc lập hơn, nhưng còn xói vị lãnh đạo của nó mới chịu chống lại Liên Xô.

Hơn thế nữa. vị lãnh đạo Xô viết đã rất ý thức tốt rằng nếu ông muốn tiếp tục được các cải cách của mình, ông sẽ có thể phải cần tới những trợ giúp về tài chính và công nghiệp bên ngoài. Điều đó có nghĩa là sự hảo

tâm của phương Tây. Chiến tranh lạnh đã kết thúc - đó là một thực tế. Đó là tại sao ông nhân danh Liên Xô cất lời lên án sự tấn công Kuwait của Iraq tại Hội đồng Bảo an.

- Thế thì, thưa các quý ngài, hãy liên lạc với nguồn tin đó đi: Gorbachev trả lời. Hãy cho chúng tôi thông tin rằng những thế lực đó có thể sử dụng để làm lợi cho tình thế đó, và chúng tôi sẽ rất lấy làm biết ơn. Liên Xô không hề muốn thấy một cuộc chiến tranh ở Trung Đông chút nào đâu.

- Chúng tôi cũng muốn thiết lập liên lạc chứ, thưa ngài, Stewart nói. Nhưng chúng tôi không thể. Nguồn tin từ chối tự bộc lộ mình, và chẳng ai biết được tại sao cả. Với ông ta, các mối nguy hiểm hẳn là phải rất lớn. Để liên lạc được, chúng tôi sẽ phải tránh con đường ngoại giao. Rõ ràng là chúng tôi phải chơi trò giả danh để kết nối được với anh ta.

- Thế các ông cần gì ở tôi nào?

Hai người phương Tây lấy hơi.

- Chúng tôi muốn tuồn một người vào Baghdad để làm việc như là cầu nối giữa nguồn tin và chúng tôi, Stewart nói.

- Một điệp viên?

- Phải. thưa ngài chủ tịch, một điệp viên. Vào trong Iraq.

Gorbachev nhìn chằm chằm vào ông ta.

- Các ông có một người như thế?

- Có thưa ngài. Nhưng anh ta phải có được khả năng sống ở đâu đó - trầm lặng, kín đáo, vô tội - trong khi anh ta lấy các thông tin và chuyển chúng cho chúng tôi. Chúng tôi yêu cầu rằng anh ta được phép vào đó như một người Iraq trong số các nhân viên của một thành viên của Đại sứ quán Liên Xô.

Gorbachev chống cằm lên các đầu ngón tay. Ông chẳng hề biết gì về những chiến dịch đội lốt thế này; KGB của ông đã làm nhiều rồi. Giờ đây ông đang được yêu cầu giúp những nhân vật cũ chính của KGB thoát tội, và cho mượn Đại sứ quán Liên Xô như một thứ ô dù của ai đó. Thật là lạ kỳ, ông bật cười phá lên.

- Nếu người của các ông bị bắt. thì Đại sứ quán của tôi sẽ bị liên lụy mất.

- Không. thưa ngài. Đại sứ quán nước ngài sẽ luôn được coi là kẻ thù cũ của phương Tây. Saddam sẽ tin điều đó, Laing nói

Gorbachev nghĩ ngợi. Ông nhớ đến một thoả thuận của một tổng thống và một thủ tướng về vấn đề này. Rõ ràng là nó phải quan trọng lắm, và ông không có lựa chọn nào khác là coi những thiện chí của họ là cũng quan trọng như thế. Rốt cuộc ông gật đầu.

- Tốt thôi. Tôi sẽ báo tướng Vladimir Kryuchkov để hợp tác chặt chẽ với các ông.

Thời kỳ đó, Kryuchkov là chủ tịch KGB. Mười tháng sau, trong lúc Gorbachev đang vắng mặt đi Biển Đen, Kryuchkov, cùng với bộ trưởng Quốc phòng Dmitri Yazov và những người khác, sẽ gây ra một cuộc đảo chính chống lại chính chủ tịch của mình.

Hai người phương Tây nặng nhọc thở hắt ra.

- Với sự kính trọng cao nhất, thưa ngài chủ tịch, Laing hỏi. liệu chúng tôi có thể yêu cầu rằng bộ trưởng Ngoại giao của ngài và chỉ mình ông ấy được biết chuyện này không?

Eduard Shevardnadze đang là bộ trưởng Ngoại giao và là một người bạn tin cậy của Mikhail Gorbachev.

- Chỉ mình Shevardnadze thôi? Chủ tịch hỏi.

- Vâng. thưa ngài, nếu ông cho phép.

- Tốt thôi. Những sắp xếp sẽ được thực hiện chỉ thông qua bộ Ngoại giao.

Khi các sĩ quan tình báo phương Tây đã đi, Mikhail Gorbachev ngồi suy nghĩ hồi lâu. Họ đã muốn chỉ ông và Eduard được biết về chuyện này. Không phải là Kryuchkov. Liệu họ, ông tự hỏi, có biết điều gì đó mà chủ tịch nước Liên Xô không biết không?

Có mười một điệp viên của Mossad ở đó - hai đội năm và người giám sát, người mà Kobi Dror đã đích thân chỉ định, đưa ra khỏi công việc nhằm chán là giảng viên tuyển người ở một trường dạy nghề ở bên ngoài Herzlia.

Một trong số hai đội đến từ nhánh yarid, một bộ phận của Mossad liên quan đến an ninh chiến dịch và giám sát. Đội kia từ neviot, những người có chuyên môn là chui lủi, phá hoại và xâm nhập - nói tóm lại, là mọi thứ gắn liền với những đối tượng máy móc.

Tám trong số mười người là người Đức xịn, và người giám sát cũng nói tiếng Đức trôi chảy. Hai người còn lại là các kỹ thuật viên. Nhóm tiền trạm cho Kế hoạch Joshua xâm nhập vào Vienna hơn ba ngày nay, đến từ nhiều điểm khác nhau của châu Âu, mỗi người với một hộ chiếu và một câu chuyện giả trang hoàn hảo.

Joshua đã được đánh dấu ain efes, nghĩa là một công việc không thể hỏng, công việc mà, được phát lệnh từ chính bản thân ông chủ, có ý nghĩa ưu tiên đặc biệt.

Thường thì mỗi đội yarid và neviot có từ bảy đến chín người, nhưng bởi vì mục tiêu đã giảm xuống mức dân sự, trung tính, nghiệp dư, và để tránh không bị nghi ngờ, số lượng người đã được giảm xuống.

Chỉ huy trạm Riyadh của Mossad ở Vienna đã dành ba trong số những ngôi nhà an toàn của mình và ba bodlim để giữ chúng sạch sẽ, đẹp đẽ và được tiếp tế đủ vào mọi thời điểm. Một bodet, mà số nhiều là bodlim: thường là một người Israel trẻ, hay là sinh viên, được tham gia vào với tư cách một người tập sự trong sự kiểm soát chặt chẽ của những người độ tuổi phụ huynh và có nền tảng. Công việc của anh ta là điều hành những người lang thang, tạo ra những tiếng vọng, và không hỏi han gì hết. Đổi lại anh ta được phép sống thoải mái trong một ngôi nhà an toàn của Mossad, một mối lợi rất lớn đối với một sinh viên thiếu thốn tiền bạc ở một thủ đô nước ngoài.

Khi những người “bắn súng” đến thăm vào ở, bodel phải đi chỗ khác nhưng có thể được giữ lại để làm việc dọn dẹp, giặt giũ, và mua sắm.

Mặc dù Vienna có thể không phải một thủ đô lớn, với thế giới điệp viên nó lại luôn rất quan trọng. Lý do quay trở lại năm 1945, khi Vienna, với tư cách là thủ đô thứ hai của Đế chế Thứ ba, bị quân Đồng minh chiến thắng chiếm giữ và bị chia thành bốn phần - Pháp, Anh, Mỹ và Nga. Không giống như Berlin, Vienna đã giành lại được quyền tự do của mình - ngay cả khi người Nga không chịu rút đi - nhưng cái giá là phải chấp nhận một sự trung lập hoàn toàn. Vienna cũng như toàn nước Áo. Với chiến tranh lạnh diễn ra ngầm trong thời cấm vận Berlin năm 1948. Vienna sớm trở thành một ổ tình báo. Khá là trung lập, với đường như không có mạng lưới phản gián của riêng mình, lại gần biên giới với Hungari và Czech, mở thẳng ra phương Tây nhưng lại dính với Đông Âu, Vienna là một căn cứ hoàn hảo đối với nhiều cơ quan tình báo thế giới.

Không lâu sau khi thành lập năm 1951. Mossad cũng nhìn thấy những lợi thế của Vienna và đưa vào đó một Chỉ huy Trạm với quyền hành còn to hơn cả vị đại sứ.

Quyết định càng được coi là đúng đắn vì thủ đô thanh lịch và lừng danh thế giới của Vương quốc Áo-Hung trước kia trở thành một trung tâm của hệ thống ngân hàng tuyệt mật, có trụ ở của ba tổ chức độc lập của Liên Hợp Quốc, và là điểm vào châu Âu được ưu tiên đối với những tên khủng bố.

Vì có chế độ trung lập, Áo từ lâu đã có phản gián và cơ chế an ninh trong nước rất đơn giản để mà xâm nhập đến nỗi các điệp viên Mossad đã biến thành những sĩ quan có định hướng tốt như là fertsalach, một từ không hẳn là kinh khủng có nghĩa là một fart.

Người giám sát chiến dịch do Kobi Dror lựa chọn là một katsa nghiêm khắc với nhiều năm kinh nghiệm với châu Âu, Berlin, Paris, và Brussels. Gideon Barzilai cũng đã phục vụ một thời gian trong một trong những đơn vị hành quyết kidon, đã theo dõi những tên khủng bố người Ả-rập có trách nhiệm với vụ thảm sát các vận động viên điền kinh Israel tại Thế vận hội Munich 1972.

May mà với sự nghiệp của chính mình, ông chưa từng dính vào một trong những thất bại lớn nhất trong

lịch sử Mossad, khi một đơn vị kidon bắn vào một người hầu bàn vô hại người Maroc tại Lillehammer, Na Uy, sau khi định vị nhầm người đàn ông là Al Hassan Salameh, bộ não đứng đằng sau vụ thảm sát.

Gideon “Gidi” Barzilai giờ đây là Ewald Strauss, đại diện cho một nhà sản xuất đồ nhà tắm ở Frankfurt. Không chỉ giấy tờ của ông hoàn toàn hợp lệ, mà lục tìm hồ sơ của ông chỉ có thể thấy những quyển quảng cáo nhỏ, sách đặt hàng, và thư từ của công ty.

Ngay cả một cú điện thoại đến văn phòng trung tâm của ông ở Frankfurt cũng có thể đã khẳng định câu chuyện giả danh của ông ta, đó là số điện thoại của một văn phòng ở Frankfurt do Mossad điều hành.

Giấy tờ của Gidi, cũng như của mười người trong nhóm của ông, là sản phẩm của một đơn vị khác của các dịch vụ hậu thuẫn toàn diện của Mossad. Trong cùng tòa nhà hành dinh ở Tel Aviv do phòng làm giả đóng là một loạt những căn phòng được dành để chứa những chi tiết của một số lượng thực sự khổng lồ các công ty, thực cũng như ma. Các giấy tờ kế toán của công ty, mua bán, đăng ký, và trung tâm chính được giữ lưu trong sự đầy đủ đó để mà bất kỳ một katsa nào trong một chiến dịch tại nước ngoài có thể được trang bị với một điểm đặc biệt được hợp tác chặt chẽ không thể để xâm nhập.

Sau khi đã đến ở trong căn hộ của mình, Barzilai đã có một cuộc họp mở rộng với chỉ huy Trạm địa phương và bắt đầu sứ mệnh của mình với một nhiệm vụ khá là đơn giản: tìm ra mọi thứ có thể về một ngân hàng kín đáo và tuyệt đối truyền thống tên là Winkler Bank, ngay ở Franziskanerplatz.

Cùng cuối tuần đó, hai máy bay Chinook của Mỹ bay vào không trung từ một căn cứ quân sự bên ngoài Riyadh và theo hướng bắc để bay đến đường Tapline chạy dọc biên giới Xeut - Iraq.

Trong khoang của mỗi chiếc Chinook là một chiếc Land- Rover chuyên đi đường xa được bó cẩn thận, chỉ có những bộ phận cốt yếu nhất nhưng được trang bị những thùng dầu rất lớn. Có bốn người của SAS đi cùng mỗi xe, cũng ngồi cùng chỗ sau đội bay. Đích đến cuối cùng không phải ở đây, nhưng phía trên Tapline Road đã đợi sẵn hai máy bay tiếp nhiên liệu lớn, đến từ Dammam ở ven bờ vùng Vịnh.

Khi những chiếc Chinook khát nhiên liệu đổ xuống đường, đội lái chở nhiên liệu đến làm việc cho đến khi những chiếc trực thăng lại tiếp tục bay được với đầy đủ nhiên liệu. Trong khi cất cánh, chúng hướng đến con đường theo hướng Jordan, giữ độ cao để tránh ra đa Iraq đặt dọc theo biên giới. Ngay trên thành phố Badanah của Xeut, trong khi tiếp cận điểm các đường biên giới của Arap Xeut, Iraq và Jordan gặp nhau, hai chiếc Chinook lại hạ cánh lần nữa. Lại có thêm hai chiếc xe tiếp nhiên liệu đợi để tiếp cho chúng, nhưng ở điểm này chúng đã dỡ hàng và các hành khách của mình.

Nếu đội bay Mỹ biết nơi những người Anh trầm tính sẽ đến, họ cũng sẽ không tỏ dấu hiệu gì, và nếu không như thế, họ cũng không hỏi. Những chiếc chở hàng hạ những chiếc xe chuyên chạy trên sa mạc xuống đường, bắt tay, và nói. “hey, chúc các cậu may mắn nhé”. Rồi họ nạp nhiên liệu và bay trở về con đường cũ. Những chiếc tiếp nhiên liệu bay theo họ.

Tám người SAS nhìn họ đi, rồi tiến về hướng khác, xa hơn về con đường hướng Jordan. 50 dặm về phía đông bắc của Badanah họ dừng lại và chờ đợi. Viên đại úy chỉ huy nhiệm vụ hai chiếc xe kiểm tra lại vị trí của họ. Thật không giống với những năm trước khi đại tá David Stirling ở sa mạc tây Libya, định vị theo mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Công nghệ năm 1990 cho phép làm điều đó dễ dàng và chính xác hơn trước nhiều.

Trong tay viên đại úy có một thiết bị kích thước bằng một quyển sách. Nó được gọi là Hệ thống Định vị Toàn cầu, hay SATNAV, hay Magellan. Mặc dù kích thước của nó, máy GPS có thể định vị cho người cầm nó tới một địa điểm không lớn hơn 10 yard ở mọi nơi trên bề mặt trái đất. Chiếc máy GPS cầm tay của viên đại úy được vận cả theo lệnh-Q lẫn lệnh-P. Lệnh-P chính xác cho vị trí 10-10 yard, nhưng nó cần bốn trong số các vệ tinh Mỹ mang tên NAVSTAR ở trên chân trời ở cùng thời điểm. Lệnh-Q chỉ cần hai chiếc NAVSTAR ở trên nhưng chỉ chính xác với mức độ 100-100 yard.

Ngày hôm đó chỉ có hai chiếc vệ tinh đang bay qua, nhưng thế đã là đủ. Không ai lại không nhìn thấy người khác trong phạm vi 100 yard vuông bên ngoài sự trống trải của cát và cát, hàng dặm cách xa cả Badanah và biên giới Jordan.

Thoả mãn đã đến được điểm hẹn, viên đại úy tắt máy GPS và chui xuống chiếc lều nguy trang do người của anh ta dựng lên giữa hai chiếc xe để che cho chúng khỏi mặt trời. Nhiệt kế chỉ 130 độ F.

Một giờ sau đó, chiếc trực thăng Gazelle của Anh bay tới từ phía nam. Thiếu tá Mike Martin đã bay từ Riyadh trong một chiếc Hercules RAF vận chuyển đến thành phố Al Jawf của Xêut, vị trí gần nhất với biên giới. Chiếc Hercules đã mang chiếc Gazelle với máy móc gập lại của nó, phi công của nó: đội dưới đất. và những bình nhiên liệu lớn cần thiết để cung cấp cho chiếc Gazelle từ Al Jawf đến Tapline Road và quay trở về. Để tránh trường hợp có rada theo dõi của Iraq tại nơi hoang vắng này, chiếc Gazelle bay là trên sa mạc, nhưng viên phi công nhanh chóng nhìn thấy phát pháo sáng do viên đại úy SAS bắn lên khi anh ta nghe tiếng động cơ lại gần.

Chiếc Gazelle đổ xuống đường cách 50 yard khỏi hai chiếc Land-Rover, và Martin bước xuống. Anh cầm một chiếc túi to trên vai và một cái gói ở tay trái, trong đó là những cái mà phi công chiếc Gazelle cứ thắc mắc liệu có phải anh ta sẽ đến gia nhập Không lực Hoàng gia - hay một nhánh nào đó của Hiệp hội Nông dân. Chiếc giỏ chứa hai con gà còn sống nguyên. Mặt khác, Martin ăn vận như tám người SAS đang đợi: giày đi sa mạc, những chiếc giày rộng với vành cứng, áo phông, máy, và chiếc áo chiến nguy trang trong sa mạc. Quanh cổ anh là một chiếc keffiyeh có thể gập lên thành tấm lá chắn khuôn mặt anh khỏi cát bay, và trên đầu anh là một chiếc mũ len đan tròn có thêm một đôi dây to tướng.

Viên phi công tự hỏi tại sao người này không chết ngót trong cái của nợ đó, nhưng đó là khi anh ta chưa được trải qua cái lạnh của sa mạc về đêm.

Những người của SAS mang từ đằng sau chiếc Gazelle những can nhựa đựng xăng với trọng tải tối đa có thể, và đổ đầy các bình nhiên liệu. Khi đã đổ đầy, viên phi công vẫy tay tạm biệt và cất cánh, đi về phía nam về Al Jawf, rồi về Riyadh, và một lần quay lại để làm dấu thánh cho những kẻ điên trên sa mạc.

Chỉ khi anh ta đã đi những người của SAS mới cảm thấy thoải mái. Mặc dù tám người với hai chiếc Land-Rover là người của đội D - những chuyên gia về xe cộ loại nhẹ - và Martin là một lính dù của Đội A, thì anh cũng biết hai người trong đó. Với những lời chào hỏi nhau, họ làm điều mà lính Anh làm khi có thời gian: họ uống một tách trà.

Viên đại úy đã chọn điểm vượt biên giới vào Iraq, một nơi rất hoang vắng. Địa điểm càng khắc nghiệt thì càng dễ xâm nhập, rủi ro rơi vào đúng một đội tuần tra Iraq lại càng ít. Công việc của anh ta không phải là hạ gục lính Iraq mà là trốn hoàn toàn khỏi sự kiểm soát.

Lý do thứ hai là điều anh phải làm nhiệm vụ càng gần càng tốt con đường cao tốc của Iraq đi từ Baghdad về phía Tây ngang qua những bình nguyên bao la của sa mạc để đến biên giới với Jordan đi qua ở Ruweishid. Cái điểm canh đáng thương trong sa mạc này đã trở thành quá quen thuộc với những người xem vô tuyến sau cuộc tấn công đầu tiên vào Kuwait. Bởi vì nó là nơi của những dòng thác người tị nạn không may mắn - Philippin, Bengal, Palestine. Và những người khác - được đến để đi qua sau khi đã cảm nhận được sự hỗn loạn mà vụ xâm chiếm gây ra.

Tại cái góc xa xôi ở Tây Bắc Ả rập Xêut đó, khoảng cách từ biên giới đến đường đi Baghdad là ngắn hơn cả. Viên đại úy biết rằng ở phía đông anh ta, từ Baghdad đi xuống biên giới Xêut, mặt đất nghiêng dần xuống sa mạc phẳng lỳ, êm như mặt bàn billard ở gần như mọi chỗ, cho phép có thể chạy nhanh từ biên giới đến con đường gần nhất đi đến Baghdad. Nhưng cũng có thể là nó bị các đội tuần tra của quân đội theo dõi. Ở đây trong những sa mạc của Iraq, mặt đất nhấp nhô hơn, bị chia cắt bởi những đường nếp trở thành cơn lũ sau những trận mưa và vẫn còn phải rất thận trọng trong mùa khô nhưng có vẻ như là không có các đội tuần tra Iraq.

Điểm vượt biên giới được lựa chọn cách 50km về phía bắc nơi họ đang đứng, và trên đường biên giới không được đánh dấu một trăm km nữa để đến được đường Baghdad-Ruweishid. Nhưng viên đại úy đã quyết định cần đợi đêm xuống hoàn toàn, để dễ dàng cho nguy trang trong cả ngày hôm sau, và đêm tiếp đó, để có thể chuyển hàng của mình đến địa điểm trong khoảng cách đi bộ của con đường.

Họ đợi đến bốn giờ chiều. Mặt trời vẫn còn chiếu sáng, và hơi nóng như là trong lò. Vào sáu giờ bóng tối toả xuống, và nhiệt độ bắt đầu hạ - rất nhanh. Bảy giờ thì trời tối hoàn toàn, và sự lạnh lẽo bắt đầu hoành hành. Mồ hôi đông cứng lại trên người họ, và họ rất cảm ơn những áo ấm mà viên phi công chiếc Gazelle đã ngâm chế nhạo.

Trên chiếc xe dẫn đường người chỉ lối ngồi bên cạnh lái xe và liên tục kiểm tra vị trí và lộ trình. Về đến căn cứ, anh ta và viên đại úy đã ngồi nhiều giờ dò theo những bức ảnh phóng to, độ phân giải lớn, được những

chiếc U-2 Mỹ thân tín cung cấp tại căn cứ Taif của họ, cái tạo nên một bức tranh hơn là một bản đồ.

Họ lái xe không bật đèn, mà chỉ với một cái đèn pin của người dẫn đường giữ lối cho chuyển đi gian nan của họ, sửa lại mỗi lần có chỗ sai khi họ đi quá nhiều khi về phía đông hoặc phía tây.

Mỗi giờ, họ dừng lại để chắc chắn vị trí bằng chiếc máy Magellan. Người dẫn đường đã phóng to kích thước những bức ảnh của mình theo từng phút và giây kinh độ và vĩ độ, để những con số đo màn hình số của chiếc Magellan cung cấp cho họ biết chính xác họ đang ở đâu trên những bức ảnh.

Tiến trình rất chậm bởi vì ở mỗi chỗ quanh một trong số những người phải chạy lên trước và nhìn ngó cẩn thận để đảm bảo không có sự bất ngờ khó chịu nào ở bên kia đường.

Một giờ trước khi bình minh lên, họ tìm thấy một wadi rộng rãi, lái vào đó, và phủ vải bạt lên trên. Một trong số những người rút đến một điểm cao gần đó để theo dõi xuống doanh trại và chỉnh lại cho đến khi anh ta hài lòng về chỗ dừng có thể không bị nhìn thấy từ bên ngoài wadi.

Trong ngày họ ăn, uống và ngủ, luôn có hai người gác trong trường hợp một bác chăn cừu hay một lũ khách lang thang nào đó xuất hiện. Nhiều lần họ nghe tiếng máy bay Iraq ngay trên đầu, và một lần một đàn dê đã đi ngang rất gần cái đồi Nhưng những con dê, có vẻ như không có người chăn đi cùng, đi lang thang sang hướng khác. Sau khi mặt trời lặn họ lại lên đường.

Có một thị trấn Iraq nhỏ tên là Ar-Rutba nằm cạnh đường quốc lộ, và ngay trước bốn giờ sáng họ đã nhìn thấy ánh đèn của nó từ khoảng cách khá xa. Chiếc Magellan khẳng định họ đã ở nơi họ muốn đến, ngay ở phía nam của thị trấn, cách con đường khoảng 5 dặm.

Bốn người đi dò đường xung quanh cho đến khi tìm được một wadi với một cái nền mềm mại, có cát. Ở đó họ đào hố, im lặng, sử dụng những dụng cụ nhẹ để ở trong hai chiếc Land- Rover. Họ chôn chiếc xe máy đi đường trường với những chiếc lốp dự trữ, và những bình nhiên liệu đủ có thể ra đến biên giới, dùng đến khi cần. Mọi thứ đều được bọc trong những túi polyetylen chắc chắn để bảo vệ chống lại cát và nước, chống lại nước mưa sẽ đến.

Để bảo vệ nơi cất giấu khỏi bị cuốn đi mất, họ dựng một đồng đá lên trên để tránh nước xói mòn. Người dẫn đường bò lên đồi phía trên wadi và định vị chính xác từ điểm đến đài điện đàm ở phía trên Ar-Rutba, mà ánh đèn đỏ báo hiệu có thể nhìn thấy từ xa.

Trong khi họ làm việc, Mike Martin cũng mở túi của mình và lấy ra chiếc áo dài, khăn đội đầu, và dép xăng đan của Mahmoud Al-Khour, người nông dân Iraq và là người làm vườn. Với một cái túi quần áo chứa bánh mì, dầu ăn, xúc xích, và dầu ôliu cho bữa sáng, một ví tiền rách tươm với thẻ căn cước và những bức ảnh của cha mẹ già của Mahmoud, và một cái vỏ lon cũ với vài đồng xu, anh đã sẵn sàng để lên đường. Những chiếc Land- Rover cần một giờ để đi khuất khỏi nơi này trước khi trời sáng.

- Chân cứng đá mềm nhé, viên đại úy nói.

- Đi sẵn may mắn, ông chủ, người dẫn đường nói.

- Chỉ ít thì cậu cũng sẽ có một quả trứng tươi cho bữa sáng, một người khác nói, và có một tràng cười bùm miệng vang lên. Mike Martin vẫy một tay chào và bắt đầu đi qua sa mạc để đến đường cái. Mấy phút sau, hai chiếc Land-Rover lên đường, và wadi lại trở lại trống trơn.

Trưởng trạm Vienna có trong số của mình một sayan làm trong ngành ngân hàng, một giám đốc cao cấp trong một ngân hàng hàng đầu của nước này. Người này được yêu cầu chuẩn bị một bản báo cáo, càng đầy đủ càng tốt về Ngân hàng Winkler.

Người sayan chỉ có thể cho biết một số công ty Israel đã có quan hệ với Winkler và muốn được đảm bảo về sự vững chắc, về tiền sử, và các nghiệp vụ ngân hàng của nó. Anh ta được cho biết thời gian gần đây ngân hàng này dính vào một số hoạt động buôn lậu cần được điều tra. Người sayan chấp nhận lý do cho lời yêu cầu và anh ta làm với tất cả khả năng của mình, anh ta khám phá ra ngay là Winkler được vận hành theo những cách thức khá là bí ẩn.

Ngân hàng được thành lập gần một trăm năm trước đây bởi cha của người chủ và chủ tịch duy nhất hiện thời. Ngài Winkler năm 1990 đã 91 tuổi và trong giới ngân hàng Vienna được gọi là der Alte. nghĩa là “bố

già”. Mặc dù tuổi tác, ông ta vẫn từ chối lui về nghỉ chức chủ tịch hay tự mình quản lý nguồn lợi. Goá vợ và không con cái, không có người thừa kế, cho nên sau đó tất cả đều do ý muốn của ông.

Tuy nhiên, việc điều hành ngân hàng có thêm ba phó chủ tịch. Những cuộc gặp với Bố già Winkler được thực hiện một tháng một lần tại nhà riêng của ông, trong đó vấn đề chủ yếu nhất có vẻ là để thuyết phục những tiêu chuẩn cổ lỗ của ông vẫn còn đang được giữ lại.

Những quyết định cuối cùng đều qua tay các phó chủ tịch, Kessler, Gemuetlich và Blei. Đó không phải là một ngân hàng bù trừ, dĩ nhiên, không có cổ đông giữ tài khoản hiện thời, và không phát hành sổ séc. Công việc của nó là nhận tiền gửi từ quỹ của các khách hàng, và có thể được đem đi đầu tư rất chắc chắn, những đầu tư an toàn, chủ yếu là trên thị trường châu Âu.

Nếu lãi suất từ những đầu tư đó không bao giờ được đưa vào trong số mười hăng thành công nhất, thì cũng chẳng vấn đề gì hết cả. Các khách hàng của Winkler không trông chờ mức độ tăng trưởng hoặc thu nhập tăng chóng mặt. Họ tìm kiếm sự an toàn và sự vô danh tuyệt đối. Ngân hàng Winkler đảm bảo cho họ điều đó, và ngân hàng hoạt động được.

Những tiêu chuẩn trên đó Bố Già Winkler đầu tư là nhấn mạnh vào sự kín đáo tuyệt đối như là danh tính của những người chủ sở hữu những tài sản được đánh số của họ, đi kèm với một sự tránh né hoàn toàn cái mà Bố Già đặt tên là “sự vô nghĩa mới mẻ”.

Chính sự thù ghét thiết bị hiện đại một cách mù quáng đã khiến ngân hàng không dùng máy vi tính để chứa những thông tin nhạy cảm hay quản lý tài khoản, không dùng máy fax. Và nơi nào có thể, cả máy điện thoại. Ngân hàng Winkler có thể chấp nhận những lời chỉ dẫn và thông tin qua điện thoại, nhưng nó có vẻ không bao giờ tin tưởng vào đường dây điện thoại. Nơi nào có thể, Ngân hàng Winkler thích sử dụng những lá thư viết tay cổ lỗ sĩ trên đó có in tên công ty, hay những cuộc gặp cá nhân tại chính công ty.

Tại Vienna người đưa tin của ngân hàng có thể chuyển mọi lá thư và lời thông báo trong những phong bì có đóng dấu sáp ong, và chỉ khi phải gửi thư đi tỉnh ngoài hay nước khác ngân hàng mới tin tưởng vào hệ thống bưu điện công cộng. Với các tài khoản có đánh số do các khách hàng ngoại quốc sở hữu - viên sayan được hỏi rất kỹ về điều này - không ai biết chẳng hạn có bao nhiêu cái, nhưng lời đồn đại về hàng trăm triệu đôla. Rõ ràng, nếu quả thực là như thế, và cứ cho rằng một phần trăm trong số các khách hàng bí mật bỗng khi nào đó bị chết đột ngột không nói gì về chuyện vận hành tài khoản, thì Ngân hàng Winkler có thể là rất sung sướng, biết ơn người đó.

Gidi Barzilai đọc rất lâu bản báo cáo. Bố Già Winkler có thể chẳng biết gì về những kỹ thuật mới nhất về nghe trộm điện thoại và xâm nhập máy tính, nhưng những bản năng thính nhạy của ông ta thì quả là đáng gờm.

Trong những năm của xây dựng công nghệ vũ khí Iraq, mỗi một cuộc mua bán từ Đức đều được thanh toán thông qua một trong ba ngân hàng Thụy Sĩ. Mossad biết rằng CIA đã xâm nhập vào các máy tính của cả ba ngân hàng đó - đặc biệt trong công cuộc tìm kiếm rửa tiền buôn ma túy - và chính nhờ những thông tin nội bộ đó Washington đã thu thập được tài liệu về những phản kháng trong chính phủ Đức về xuất khẩu. Đó là một lỗi lầm hiếm hoi của CIA khi thủ tướng Đức Helmut Kohl bỗng đứng đỡ chứng loại bỏ tất cả những ai phản đối; thông tin đã hoàn toàn chính xác.

Nếu Gidi Barzilai nghĩ ông có thể xâm nhập vào máy tính trung tâm của Ngân hàng Winkler. thì ông đã nhầm, làm gì có. Còn lại việc xâm nhập phòng, chặn thư, và nghe trộm điện thoại. Không cách nào trong số đó có thể giải quyết được vấn đề của ông.

Nhiều tài khoản ngân hàng cần có một Losungswort, một mật khẩu được mã hoá, để điều hành chúng, để có thể rút tiền và chuyển khoản. Nhưng những người có tài khoản có thể chỉ sử dụng một mật khẩu để định danh chính mình trong một cuộc gọi điện thoại hay trong một bản fax, cũng như trong một bức thư. Ngân hàng Winkler dường như mã hoá cao độ các khách hàng của mình, một người khách nước ngoài chẳng hạn như Jericho có thể có cả một hệ thống quản lý phức tạp khó xâm nhập; ở đây sử dụng cả về ngoài mang tính hình thức cao với sự cá nhân hoá cao độ, một mẫu chuyển tiền đặc biệt và những mật khẩu mã hoá cùng những thứ biểu tượng phải xuất hiện ở những chỗ đã định. Rõ ràng là, Ngân hàng Winkler có thể chấp nhận sự gửi tiền từ bất kỳ ai, vào bất kỳ lúc nào và ở bất kỳ đâu. Mossad biết vậy bởi vì cơ quan này đã trả đồng tiền xương máu của mình cho Jericho đến Winkler qua một số tài khoản duy nhất.

Thuyết phục Ngân hàng Winkler thực hiện một vụ chuyển khoản ra ngoài có thể là cả một công việc khác. Bằng cách nào đó. Ở bên trong cái áo khoác nơi ông ta trải qua phần lớn cuộc đời mình để nghe nhạc nhà thờ. Bố Già Winker đã loại được công nghệ nghe trộm thông tin bất hợp pháp có thể làm lộ ra những kỹ thuật chuyển thông tin thông thường. Mẹ kiếp thằng già khôn ngoan.

Chỉ một điều khác mà sayan có thể nói chắc là những tài khoản đánh số với giá trị cao đó chắc chắn là được điều hành cá nhân bởi một trong ba phó chủ tịch và chỉ mình ông ta thôi. Bố Già đã chọn các thuộc cấp của mình thật cao tay: Tiếng tăm của cả ba đều cho thấy họ không có óc hài hước, nghiêm nghị, và được trả lương cao. Nói tóm lại, không thể nào xâm nhập được.

Israel, người sayan thêm vào. chẳng nên để ý đến Ngân hàng Winkler làm gì hết. Anh ta, dĩ nhiên, đã không nắm bắt được vấn đề Gidi Barzilai, vào tuần đầu tiên của tháng Mười một, đã vô cùng chán ngán Ngân hàng Winkler.

Đó là chuyến xe buýt một giờ sau khi bình minh lên, và nó chậm lại để đón một hành khách đang ngồi trên một tầng đá bên đường cách Ar-Rutba ba dặm khi ông ta đứng lên và vẫy tay. Ông ta cầm hai tờ giấy bạc dinar, tìm một chỗ ngồi ở đằng sau, đứng đưa cái giỏ trong lòng, và ngủ thiếp đi.

Có một đội tuần tra của cảnh sát ở trung tâm thị trấn, nơi chiếc xe buýt dừng lại một chút trong cơn giạt đùng đùng của nó và một số hành khách xuống để đi làm hay đi chợ, trong khi những người khác đi lên. Nhưng trong khi cảnh sát kiểm tra thẻ căn cước của những người đi lên, thì họ chỉ liếc mắt nhìn qua những cửa sổ bản thủ vào số những người ít ỏi còn lại và chẳng buồn để mắt đến người nông dân mang theo mấy con gà ở cuối xe. Họ đang tìm kiếm những kẻ xâm nhập, những kẻ khả nghi.

Một giờ sau, chiếc xe buýt quành sang hướng đông, lác lư và lảo đảo, đôi khi lại rùng lên khi một đội xe lính phía sau vượt lên, đáng vẻ buồn bã ở đằng sau, nhìn chằm chằm vào những đám mây xám đang nổi lên trên bầu trời.

Mắt nhắm nghiền, Mike Martin lắng nghe lời bàn tán xung quanh, bắt lấy một từ khung quen thuộc hay một chút sắc thái âm điệu mà anh có thể đã quên. Tiếng Ả-rập của những người Iraq này khá là khác so với ở Kuwait. Nếu anh đóng vai một fellagha thất học và vô hại ở Baghdad, thì những âm sắc và câu nói nhà quê lên tỉnh này có thể là rất hữu dụng, ít thứ mà một cảnh sát thành phố có thể phát hiện nhanh hơn là một âm sắc quê mùa.

Những con gà trong lồng của anh đang có một chuyến đi thật khó khăn, ngay cả khi anh đã cho chúng ăn ngô trong túi và rót nước từ bình của mình cho nó uống, khi ở trong một chiếc Land-Rover dưới những tấm lưới trong sa mạc phía sau lưng anh.

Có lẽ cần có con mắt tinh tường để quan sát rằng cái đáy của cái lồng là đáy kép, tạo ra khoảng trống cao bốn inch. Trong khoảng không gian đó có một số những thứ mà cảnh sát ở Ai-Rutba có thể sẽ thấy rối trí nhưng rất thú vị. Một là một cái đĩa vệ tinh được gấp lại, giống như một cái ô nhỏ. Một cái khác là một máy nhận, còn mạnh hơn cái Martin từng sử dụng ở Kuwait. Baghdad sẽ không cho phép nhận sóng dễ dàng như khi đi lang thang trong sa mạc. Những cuộc chuyển tin dài có thể không được, nhưng đã có thiết bị ghi, có một pin sạc, nhét trong một cái hốc của khoang. Đó là một máy ghi âm, nhưng là loại khá đặc biệt.

Công nghệ mới thật mênh mông, rối tinh, và khó khăn để mà sử dụng. Khi nó phát triển, hai điều xảy ra. Những chi tiết bên trong ngày càng trở nên phức tạp hơn, nhưng lại nhỏ hơn. và cách vận hành trở nên dễ dàng hơn.

Những máy radio được mang vào Pháp bởi những điệp viên cho Lực lượng Chiến dịch Đặc biệt của Anh trong Thế chiến hai là một cơn ác mộng bởi các tiêu chuẩn hiện đại. Cần đến một cái va li để đựng, nó cần một ăng ten bắt sóng dài hàng yard, những chiếc van công kênh với kích thước của những bóng đèn trên tường, và chỉ có thể chuyển thông tin trên một chiếc máy Morse. Người sử dụng phải gõ rất lâu, trong khi các đội tuần tra của Đức có thể khoanh vùng theo nguồn phát của nó và xiết chặt vòng vây.

Chiếc máy ghi âm của Martin rất đơn giản để sử dụng nhưng cũng có những khía cạnh khá hữu dụng ở bên trong. Một thông tin 10 phút có thể được đọc chậm và rõ ràng từng âm tiết một. Trước khi nó được thu lại, một con chip bán dẫn mã hoá nó lại, nên dù có nghe trộm được, người Iraq cũng không sao giải mã

được. Khi bấm nút, máy sẽ tua trở lại. Một nút khác có thể cho phép ghi lại, nhưng với tốc độ nhanh gấp hai trăm lần, rút thông tin lại thành một đoạn có ba giây có thể không sao dò ra được.

Đó chính là cách máy có thể chuyển tin khi nối với một đĩa vệ tinh, pin, và máy ghi âm. Ở Riyadh thông tin sẽ được bắt lấy, được làm chậm lại, giải mã, và được chạy thật bình thường.

Martin rời chiếc xe buýt ở Ramadi, nơi nó dừng lại, và lên một chiếc khác để đi qua hồ Habbaniyah và căn cứ Không quân cũ, giờ đây đã chuyển thành một trạm máy bay chiến đấu hiện đại của Iraq. Chiếc xe buýt dừng lại ở ngoại ô Baghdad, và mọi thẻ căn cước đều được kiểm tra.

Martin đứng khiêm nhường ở dòng người, nắm chặt cái lồng gà, khi các hành khách lại gần cái bàn khi viên trung sĩ cảnh sát đang ngồi. Khi đến lượt mình, anh đặt cái giỏ nặng lên mặt bàn và trình thẻ căn cước của mình. Viên trung sĩ liếc mắt vào đó. Trời nóng và anh ta rất khát. Đó là một ngày thật dài.

Anh ta chỉ tay vào nơi nguyên quán của người cầm thẻ.

- Đây là ở đâu?

- Đây là một làng nhỏ phía bắc Baji. Rất nổi tiếng vì dưa hấu, bey.

Miệng viên trung sĩ chun lại. Bey là một dạng xưng hô kính trọng có từ thời Vương quốc Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ đôi khi mới được nghe thấy, và chỉ những người thật sự hạ tiện mới dùng.

Anh ta thấy tay; Martin nhắc lu gà của mình lên và quay trở lại xe buýt.

Ngay sau bảy giờ tối, chiếc xe buýt đến một điểm dừng nữa và thiếu tá Martin bước xuống bên xe buýt chính ở Kadhimiya, Baghdad.

11. Chương 11

Phải mất một chặng đi bộ khá dài vào lúc sáng sớm từ trạm xe buýt phía bắc thành phố đến ngôi nhà của Bí thư thứ nhất Liên Xô ở quận Mansour, nhưng Martin thích điều này.

Thử nhất, anh đã phải đi hai chiếc xe buýt khác nhau, trong vòng 12 tiếng đồng hồ, đi tới 240 dặm từ Al-Rutba đến thủ đô và không phải trên những chiếc ghế bành hảo hạng. Một lý do nữa, cuộc đi bộ cho anh cơ hội một lần nữa có lại được cảm giác về thành phố anh đã không nhìn thấy kể từ khi rời khỏi trên một chuyến máy bay đi London khi còn là một cậu bé học trò 13 tuổi đầu óc luôn sôi sục, và đã là hai mươi tư năm trôi qua rồi.

Rất nhiều thay đổi. Thành phố anh nhớ từng là một thành phố rất Ả-rập, nhỏ hơn nhiều, quây lầy xung quanh các quận trung tâm Shaikh Omar và Saadun ở bờ Tây Bắc của sông Tigris ở Risafa, và quận Aalam đi qua con sông ở Karch. Trong cái thành phố bên trong này nơi phần lớn cuộc sống diễn ra; ở đó là những phố chật hẹp, lối đi, chợ, nhà thờ Hồi giáo, và những ngôi nhà nhỏ chiếm lĩnh đường chân trời để nhớ đến những người phục vụ cho thánh Allah.

Hai mươi năm thu nhập từ dầu hỏa đã mang đến những đường cao tốc phân luồng đi qua những không gian trước đây rộng mở với những cầu quay, cầu vượt, và những chỗ giao nhau lớn. Xe cộ đông đặc, và những toà nhà chọc trời, Mammon đã vượt đối thủ cũ. Mansour, khi anh đã đến nơi của phố Rabia, rất khó nhận biết. Anh nhớ đến những khoảng không gian rộng mở xung quanh Cầu lạc bộ Mansour nơi cha anh từng mang cả nhà đến vào các buổi chiều kỳ nghỉ cuối tuần. Mansour rõ ràng vẫn còn là một ngoại ô nghèo nàn, nhưng những không gian rộng mở đã được lấp đầy với đường phố và các căn nhà cho những người có khả năng chi trả sống có phong cách.

Anh chỉ đi cách vài trăm yard ngôi trường dự bị cũ kỹ của ông Hartley, nơi anh đã học những bài học và đã chơi đùa trong những giờ nghỉ với những người bạn Hassan Rahmani và Abdelkarim Badri, nhưng trong bóng tối anh không nhận ra phố đó.

Anh chỉ biết công việc Hassan hiện giờ đang làm, nhưng hai người con trai của bác sĩ Badri thì anh chẳng hề nghe thấy gì trong suốt một phần tư thế kỷ nay. Liệu đứa nhỏ, Osman, với năng khiếu toán học của mình, cuối cùng đã trở thành một kỹ sư. Anh tự hỏi. Và còn Abdelkarim, người từng đoạt nhiều giải thưởng đọc thơ Anh - liệu anh ta có trở thành nhà thơ hay nhà văn không?

Nếu Martin đi bộ theo cách của SAS, chỉ bằng gót và đầu ngón chân, vai giữ nguyên để trợ sức cho đôi chân, anh có thể đi hết chặng đường chỉ trong một nửa thời gian. Anh cũng có thể nhớ là, cũng giống như hai kỹ sư ở Kuwait, mà “anh có thể ăn mặc kiểu A -rập, nhưng anh vẫn đi theo kiểu người Anh”.

Nhưng đôi giày của anh không buộc dây chặt lắm. Chúng là những chiếc cũ với đế tốt, đồ đi dưới chân của một fellagha nghèo Iraq, cho nên anh vừa huýt sáo vừa gù gù đi, đầu cúi gằm.

Ở Riyadh họ đã cho anh xem một bản đồ mới cập nhật của thành phố Baghdad, và nhiều bức ảnh chụp từ độ cao nhưng khá là đẹp phóng to, người ta có thể nhìn vào những khu vườn sau những bức tường, có thể dựa vào những bể bơi và xe ô tô để biết về sự phong lưu và quyền lực.

Tất cả những cái đó anh đã ghi nhớ. Anh rẽ trái đi vào đường Jordan và đi vừa qua quảng trường Yarmuk anh đi sang phải đến một đại lộ đầy cây nơi nhà ngoại giao Liên Xô sống.

Trong những năm 1960, dưới Kassem và những vị tướng tiếp theo ông ta, Liên Xô đã có được một vị thế được ưu đãi và đầy uy tín tại Baghdad, thu phục được chủ nghĩa dân tộc Ả-rập bởi vì nó được coi là chống phương Tây, trong khi cổ đẩy thế giới Ả-rập sang đi theo Chủ nghĩa Cộng sản. Trong những năm đó đại sứ quán Liên Xô đã mua nhiều ngôi nhà rộng rãi ở bên ngoài khu của mình, những ngôi nhà không hoàn toàn chỉ cho nhân viên, và như một sự nhân nhượng những ngôi nhà đó và mặt đất của chúng đã được chuyển sang chế độ lãnh thổ Liên Xô Đó là một đặc quyền mà ngay cả Saddam Hussein cũng không bao giờ dám bỏ đi, nhất là vào những năm 1980 khi những đồ tiếp tế chính yếu ở Matxcova, và 6000 cổ vấn quân sự đang huấn luyện cho Không quân và các đội lính thủy của ông với trang thiết bị của Nga.

Martin tìm thấy toà biệt thự và nhận ra nó bởi hàng rào nhỏ báo hiệu ngôi nhà thuộc về Đại sứ quán Liên Xô. Anh bấm chuông ngoài cổng và đứng chờ.

Sau nhiều phút cửa mở ra để lộ một người Nga đồ sộ, tóc cắt cua trong bộ đồ màu trắng của một người quản gia.

- Da? Anh ta nói.

Martin trả lời bằng tiếng Ả-rập, lời của một người thuộc cấp nói với cấp trên của mình. Người Nga gật đầu. Martin cúi xuống trong chiếc áo dài của mình và trình thẻ căn cước. Điều này có ý nghĩa đối với ông quản gia. Ông ta cầm lấy thẻ, nói. “Chờ nhé ” bằng tiếng Ả-rập, và đóng cửa lại.

Năm phút sau ông ta quay lại. báo cho người Iraq trong chiếc dish-dash nhàu nhĩ đi qua cửa vào sân trước. Ông ta dẫn Martin đi tới những bậc thang dẫn tới cửa chính của biệt thự.

Khi họ đến dưới thềm một người xuất hiện ở trên cao. .

- Được rồi để tôi, anh ta nói tiếng Nga với người phục vụ. Anh ta nhìn người Ả-rập và đi vào ngôi nhà.

Yuri Kulikov, bí thư thứ nhất của Đại sứ quán Liên Xô, là một nhà ngoại giao rất chuyên nghiệp, người đã thấy lệnh từ Matxcova thật kỳ quặc nhưng không thể thoái thác. Rõ ràng anh ta đang ăn tối, vì đang quần một chiếc khăn anh mà anh ta dùng để chùi miệng và đi xuống các bậc thang.

- Thế là ông tới rồi đấy, anh ta nói bằng tiếng Nga. Giờ thì nghe nhé, nếu chúng ta phải làm cái trò này, thì phải làm thôi. Nhưng bản thân tôi thì sẽ không làm gì đâu đấy nhé. Panimayesh?

Martin, không nói được tiếng Nga, nhún vai tuyệt vọng và nói bằng tiếng Ả-rập:

- Xin ngài, bey?

Kulikov thay đổi ngôn ngữ rất chóng. Martin nhận ra với một sự mỉa mai tinh tế rằng nhà ngoại giao Liên Xô thật sự nghĩ nhân viên mới không mời mà tới là một người Nga đồng chí đã gán cho anh ta bởi những chuyện gì đó ở Lubianka ở Matxcova.

- Ôi tốt lắm, tiếng Arập nếu anh muốn, anh ta nói buồn rầu. Anh ta đã phải cố công học tiếng Arập. Thứ tiếng anh ta nói tốt với một âm sắc nặng của Nga. Thật tệ nếu người trước mặt anh ta là một nhân viên của KGB. Thế là anh ta tiếp tục bằng tiếng Arập.

- Đây là thẻ của anh. Còn đây là bức thư tôi được lệnh chuẩn bị cho anh. Bây giờ, anh sẽ sống trong túp lều ở cuối vườn nhé, hãy lo cho đất đai, và đi chợ nếu quản gia ra lệnh. Ngoài đó ra, tôi không muốn biết gì. Nếu anh bị tóm, tôi không biết gì ngoài việc tôi đã nhận anh một cách vui lòng. Giờ thì đi làm việc của anh và quãng những con gà đáng nguyên rửa đó đi nhé. Tôi sẽ không nhìn thấy gà què chạy trong vườn đâu đấy.

Cũng là may, anh cay đắng nghĩ khi anh ta quay trở lại để tiếp tục bữa tối bị bỏ dở. Nếu bị tóm đến một chỗ nào đó, AMAM sẽ nhanh chóng biết anh ta là người Nga, và ý tưởng anh là một trong số những nhân viên thân cận của bí thư thứ nhất nhờ đâu sẽ lại là tốt để bị chui xuống sông Tigris. Yuri Kulikov thực sự rất cú Matxcơva.

Mike Martin tìm thấy chỗ của mình dựa lưng vào bức tường hậu của cái vườn rộng một phần tư acre, một bungalow một buồng có phòng tắm, một cái bàn, hai cái ghế. một hàng chốt trên tường, và một chỗ tắm kín trong một góc. Kiểm tra xa hơn anh thấy một nhà vệ sinh mặt đất gần đó và một vòi nước lạnh trên tường khu vườn. Điều kiện vệ sinh hiển nhiên là khá cơ bản và thức ăn được đưa tới từ cái cửa bếp ở sau ngôi biệt thự. Anh nháy mắt. Ngôi nhà ngoại ô Riyadh có lẽ là xa xôi quá rồi.

Anh tìm thấy một đồng nền và một số bao diêm. Nhờ ánh sáng lim rim, anh kéo rèm che cửa sổ và đi làm việc trên mặt đất cứng của nền nhà với chiếc dao găm của mình. Một giờ lao động mệt nhọc anh đào được bốn hố, và một giờ nữa đào thêm được hố để máy phát điện đàm, pin, máy thu, và đĩa vệ tinh.

Một hỗn hợp bùn và đất bẩn giữa hố là những dấu hiệu còn lại duy nhất của công việc của anh. 'Ngay trước nửa đêm, anh dùng con dao của mình để cạy cái đáy giả của lồng gà và đưa những thứ trong đó vào đúng chỗ, cho nên không còn dấu vết gì còn lại của cái hố rộng bốn inch. Trong khi anh làm việc lũ gà đi lại trên sàn nhà, hy vọng tìm kiếm những hạt lúa mì không tồn tại nhưng lại tìm được những con sâu.

Martin ăn nốt những quả ôliu và xúc xích của mình và chia những mẩu còn lại của chiếc bánh pita với những người bạn đồng hành của mình, cùng với một cái bát nước lấy từ cái vòi bên ngoài lều.

Bọn gà quay trở lại lồng, và nếu chúng tìm thấy nhà của mình giờ đây sâu hơn trước bốn inch thì chúng cũng chẳng phàn nàn teo teo nào. Chúng đã trải qua một ngày thật dài, và chúng muốn ngủ.

Cuối cùng Martin nhìn qua một lượt những cây hoa hồng của Kulikov trước khi thổi tắt nến, cuộn người vào trong chăn và cũng làm giống như bọn gà.

Đồng hồ tay của anh đánh thức anh dậy lúc bốn giờ sáng. Lẫy đồ phát sáng từ trong những chiếc túi nhựa ra anh ghi một lời nhắn ngắn cho Riyadh, tua nhanh nó lên hai trăm lần, nối với chiếc máy ghi âm vào máy phát, và dựng đĩa vệ tinh lên, cái chiếm khá nhiều chỗ trong lều hướng về cửa sổ mở rộng.

Vào bốn giờ 45 sáng anh gửi một thông tin một chiều trong kênh của ngày, rồi tháo rời tất cả và cất chúng xuống dưới sàn nhà.

Bầu trời vẫn còn tối đen trên khắp Riyadh khi một chiếc đĩa tương tự trên nóc toà nhà SIS bắt được tín hiệu dài có một giây và giải mã nó ra trong căn phòng thông tin. Thời gian chuyển tin "cửa sổ" là từ bốn giờ rưỡi đến năm giờ sáng, và cái đồng hồ nghe đã báo.

Hai cái băng quay bắt được tin từ Baghdad, và một ánh sáng báo hiệu loé lên để báo cho các kỹ thuật viên. Họ tua chậm thông tin hai trăm lần cho đến khi âm thanh trong tai nghe trở nên rõ ràng. Một người ghi lại bằng tay, gõ nó vào máy tính, và ra khỏi phòng.

Julien Gray, chỉ huy trạm, được lay dậy vào lúc 5 giờ 15.

- Râu Đen đấy. anh ta đã ở trong rồi.

Gray đọc bức tin với sự xáo động tăng cao và đi đánh thức Simon Paxman dậy. Chỉ huy bàn Iraq giờ đây đang trong nhiệm vụ mở rộng ở Riyadh, nhiệm vụ của anh ta ở London đã được thuộc cấp của anh ta đảm nhiệm. Anh ta ngồi dậy, tỉnh táo, và đọc nó.

- Mẹ nó chứ, cho đến giờ thì tốt quá.

- Vấn đề có thể nảy sinh, Gray nói, khi anh ta thử đánh động Jericho.

Đó là một suy nghĩ thật u tối. Tài sản trước đây của Mossad ở Baghdad đã tắt lịm trong tròn ba tháng trời. Ông ta có thể đã khai hết ra hoặc đã bị bắt, hoặc chỉ đơn giản là thay đổi suy nghĩ. Ông ta có thể đã biến, đặc biệt nếu như ông ta ở vào trong số những người đang chỉ huy các đội quân ở Kuwait.

- Điều gì cũng có thể xảy ra. Paxman đứng lên.

- Tốt hơn là báo cho London. Có uống cà phê không?

- Tôi sẽ bảo Mohammed mang đến cả đây, Gray nói.

Mike Martin tưới những luống hoa vào năm giờ rưỡi, khi ngôi nhà bắt đầu dậy. Người đầu bếp, một phụ nữ Nga kín tiếng, nhìn thấy anh từ cửa sổ của bà và, khi nước nóng, gọi anh qua cửa sổ bếp.

- Kak mazyvaetes? Bà ta hỏi, rồi nghĩ một lúc và nói bằng tiếng Arập: Tên là gì?

- Mahmoud, Martin nói.

- Được có cà phê đây này, Mahmoud.

Martin gật đầu nhiều lần tỏ ý đồng ý, lẩm bầm “sukran” và cầm lấy chén nước bằng hai tay. Anh không đùa; đó thật là thứ cà phê ngon và là đồ uống nóng đầu tiên của anh ở bên kia biên giới của Xêut.

Bữa sáng vào lúc bảy giờ, một bát đậu và bánh pita, mà anh ăn rất ngon lành. Có vẻ như là người quản gia anh đã gặp tối qua và vợ ông ta, người đầu bếp, chăm sóc bí thư thứ nhất Kulikov, người có vẻ như không có vợ. Khoảng tám giờ, Martin gặp người tài xế, một người Iraq nói bập bẹ tiếng Nga và có thể là người phiên dịch hữu hiệu những thông điệp đơn giản đến nhưng người Nga.

Martin quyết định không quá thân với người tài xế, người có thể là người của Cảnh sát mật AMAM gài vào, hay thậm chí là người của cơ quan phản gián của Rahmani. Việc đó có vẻ như chẳng vấn đề gì hết cả; điệp viên hay không, người tài xế cũng là một kẻ hãnh tiến và đối xử với người làm vườn mới với vẻ khinh khỉnh. Anh ta, tuy nhiên, cũng đồng ý giải thích với người đầu bếp là Martin phải đi khỏi một lúc vì ông chủ của họ đã lệnh cho anh rũ bỏ khỏi lũ gà.

Đi ra phố, Martin hướng về trạm xe buýt, giải phóng hai con gà ra một cái đường có khoảng sân rộng trên đường. Cũng như nhiều thành phố Arập, bến xe buýt ở Baghdad không chỉ đơn giản là nơi để lên các xe cộ rời đi các tỉnh. Đó còn là một nơi nhung nhúc người của giai cấp lao động nơi người ta có đủ thứ để mua và bán. Chạy dọc theo bức tường phía nam là một cái chợ trời rất hữu dụng. Chính ở nơi đó mà Martin, sau khi đã lựa chọn chán chê, mua một chiếc xe đạp củ rích có thể đi được lác lác nhưng có thể sửa lại khi tra thêm dầu vào.

Anh biết anh không thể đi lại bằng ô tô, và thậm chí một chiếc xe máy cũng là quá đáng với một người làm vườn tâm thường. Anh nhớ đến người làm cũ cho cha mình cong lưng đạp xe qua thành phố từ chợ này đến chợ khác, mua thực phẩm hàng ngày và qua đó anh có thể thấy một cái xe đạp vẫn còn là cách thức thông thường hoàn hảo cho những người lao động để đi lại.

Một công việc nhỏ với cái dao găm lên trên cái lồng gà, biến nó thành một cái lồng xe vuông có nắp ở trên, mà anh có thể đảm bảo chỗ đằng sau xe với hai cái dây, trước đây là dây bảo hiểm trên ô tô mà anh mua được từ một gara ô tô phố sau.

Anh đạp xe quay trở về trung tâm thành phố và mua bốn cây phấn viết màu sắc khác nhau từ một trạm bán ở đường Shurja, ngay bên kia Nhà thờ Thiên chúa giáo thánh Joseph, nơi những người Công giáo Chaldee gặp nhau để cầu nguyện.

Anh nhớ lại khu vực của tuổi thơ mình, Agid al Nasara, hay Khu vực Công giáo, và Shurja và những phố Bờ sông vẫn còn đầy những chiếc ô tô đậu trái phép và những người ngoại quốc đổ vào mua rau cỏ và những thứ hương liệu.

Khi anh còn là một cậu bé, thì chỉ có ba cái cầu bắc qua sông Tigris: cầu Đường sắt ở phía bắc, cầu Mới ở giữa, và cầu Vua Faisal ở phía nam. Giờ thì có chín cái. Bốn ngày sau cuộc không kích lại đến, có thể

chẳng còn cái nào, vì cái nào cũng là mục tiêu của Hồ Đen ở Riyadh. Nhưng vào tuần đầu tiên của tháng Mười một, cuộc sống của thành phố vẫn nhộn nhịp không ngừng qua lại chúng.

Điều khác mà anh nhận ra là sự có mặt khắp mọi nơi của Cảnh sát mật AMAM, mặc dù phần lớn trong họ không tỏ vẻ gì là mật cả. Họ nhìn ngó các góc phố và từ những chiếc xe đỗ. Hai lần anh nhìn thấy những người nước ngoài bị chặn lại và đòi trình thẻ căn cước, và hai lần anh nhìn thấy chuyện đó xảy đến với người Iraq. Cách đối xử với người nước ngoài là sự tức bực dồn nén, nhưng còn với người Iraq thì đúng là sự đe dọa ra mặt.

Trên bề mặt cuộc sống thành phố vẫn tiếp tục, và người dân Baghdad vẫn còn rất vui vẻ như cũ, nhưng anh biết là dưới vẻ ngoài đó, dòng sông hoang loạn do bạo chúa áp đặt trong toà cung điện khổng lồ ngay bên bờ sông gần cầu Tammuz là rất mạnh và sâu sắc.

Sáng đó anh dạo cái chợ nơi người Baghdad vẫn đến mua thực phẩm. Anh đang ở chợ hoa quả và rau Kasra, ở bên kia qua sông ngôi nhà mới của anh, mặc cả giá về một loại quả tươi với một người bán hàng già cả. Nếu những người Nga vẫn tiếp tục cho anh ăn đậu và bánh, anh ít nhất có thể hỗ trợ cho cái thực đơn nghèo nàn đó bằng một số hoa quả.

Gần đó, bốn người của AMAM đang khám xét một anh chàng trẻ tuổi rất gắt gao trước khi để anh ta đi. Người bán hoa quả già lắc đầu và phủ bụi, suýt làm vỡ những quả trứng của mình.

- Một ngày nào đó Beni Naja sẽ trở lại và đánh bật lũ bản thủ này đi, ông ta lẩm bẩm.

- Cần thận nào, sao lại nói những lời ngu ngốc thế. Martin thì thào, đang chọn mấy quả lê chín. Người đàn ông nhìn chăm chăm vào anh.

- Anh từ đâu đến, người anh em?

- Từ xa lắm. Một làng ở phía bắc, trên Baji ấy.

- Thế thì quay về nhà đi, nếu anh coi trọng lời khuyên một người già. Tôi đã nhìn thấy nhiều rồi. Bem Naji sẽ quay trở lại từ trên trời, áy dà, và Beni el Kalb.

Ông ta lại phủ tay, và lần này những vỏ trứng không được may mắn như lần trước nữa. Martin trả tiền những gì mình chọn, lê và chanh, và đạp xe đi. Anh về đến nhà của bí thư thứ nhất Liên Xô vào buổi trưa. Kulikov đã đi đến Đại sứ quán từ lâu và lái xe đi với anh ta, thế là dù Martin có bị người đầu bếp đối xử tệ, nói bằng tiếng Nga, thì anh cũng chỉ nhún vai và đi ra vườn.

Nhưng anh bối rối về điều mà người bán rau già đã nói. Một số người, có vẻ thế, có thể nhìn thấy trước sự xâm chiếm của họ và không chống lại. Câu “Đuổi lũ bản thủ này đi” chỉ có thể dẫn đến Cảnh sát mật, và do đó nhất là Saddam Hussein.

Trên các đường phố Baghdad, người Anh được gọi là Beni Naji. Chính xác thì hài cốt Naji đã tan theo thời gian, nhưng người ta vẫn tin ông là một người thông thái và đáng tôn kính. Các sĩ quan trẻ người Anh đóng ở phần đó của vương quốc thường đến thăm ông, ngồi dưới chân ông và nghe những lời thông thái của ông. Ông đối xử với họ như con trai của mình. ngay cả khi họ là người Công giáo và do đó dù phản bội. thì người ta vẫn gọi họ là “Các con trai của Naji”.

Người Mỹ được gọi là Beni el Kalb. Kalb trong tiếng Ả-rập là một con chó, và con chó, thì không phải là tạo vật được đánh giá cao trong văn hoá Ả-rập.

Gideon Barzilai ít nhất cũng có thể rút được vài điều có ích từ báo cáo về Ngân hàng Winkler do viên sayan chuyển về ngân hàng của đại sứ quán cung cấp. Nó cho ông ta thấy được hướng cần theo.

Ưu tiên số một của ông là nhận diện đầu trong ba phó chủ tịch, Kessler, Gemuetlich, hay Blei, là người quản lý tài khoản thuộc về người Iraq bí mật Jericho.

Con đường nhanh nhất có thể là một cú điện thoại, nhưng xem theo báo cáo, Barzilai chắc chắn không ai trong số họ sẽ chấp nhận nó bất cứ điều gì qua một đường dây điện thoại bình thường.

Ông chuyển lời yêu cầu của mình đã được mã hoá cao độ từ trạm Mossad đặt ngầm dưới đất dưới Đại sứ quán tại Vienna và nhận được trả lời từ Tel Aviv nhanh hết mức có thể lo được.

Đó là một bức thư, được làm giả từ một trong những ngân hàng Anh lâu đời và uy tín bậc nhất, Coutts of The Strand, London, ngân hàng riêng của Nữ hoàng tôn kính. Chữ ký là một bản làm giả hoàn hảo chữ viết tay của một nhân viên cao cấp của Coutts, tại một chi nhánh nước ngoài.

Không có tên người nhận, trên phong bì của thư chỉ bắt đầu đơn giản bằng lời chào “Ngài kính mến.”

Văn bản của bức thư đơn giản và đi thẳng vào vấn đề. Một khách hàng quan trọng của Coutts có thể sắp tới sẽ thực hiện một chuyển khoản lớn vào tài sản được đánh số của Ngân hàng Winkler - và nêu rõ số ra. Khách hàng của Coutts được báo là họ phải dính vào những lý do kỹ thuật và không thể tránh khỏi, đó có thể là bị hoãn nhiều ngày để chuyển số tiền. Liệu khách hàng của Winkler có thể yêu cầu không đến đúng lúc, Coutts có thể vô cùng biết ơn nếu ông Winkler có thể báo cho họ khách hàng của họ rằng cuộc chuyển khoản đang được thực hiện và có thể đến do một sự chậm trễ mà họ không muốn. Cuối cùng: Coutts rất coi trọng một sự hiểu biết của sự đến an toàn của chuyển hàng của mình.

Barzilai tính rằng vì các ngân hàng thích viễn cảnh tiền sắp được chuyển đến, chí ít là Winkler, nên cái ngân hàng cũ kỹ bảo thủ ở Ballgasse sẽ cho các chủ nhà băng của Hoàng gia Windsor sự dễ mến của một lời phúc đáp - bằng thư. Ông đã nghĩ đúng.

Phong bì của Coutts từ Tel Aviv đến được trạm và được đóng dấu bằng tem Anh, có vẻ như được gửi đi từ bưu điện Quảng trường Trafalgar hai hôm trước. Nó được ghi địa chỉ đơn giản đến “Giám đốc, các tài khoản khách hàng nước ngoài, Ngân hàng Winkler” . Dĩ nhiên không có chức vụ đó ở Winkler kể từ khi công việc được chia cho ba người phó.

Phong bì được gửi đi, vào lúc đêm sắp hết, bằng cách tuồn vào hòm thư của ngân hàng ở Vienna. Đội giám sát yarid đã theo dõi ngân hàng một tuần nay, nhận ra và chụp ảnh lại những thói quen hàng ngày, những giờ mở và đóng, sự đến của thư từ, sự đi của các thông tin tại đó. Sự định vị của người nhận sau bàn của cô ta ở hành lang tầng dưới, và vị trí của gác cửa ở cái bàn nhỏ đối diện với cô ta.

Ngân hàng Winkler không ở một toà nhà mới. Ballgasse - và cả khu Franziskanerplatz - nằm ở khu quận cũ ngay ở Singerstrasse. Toà nhà của ngân hàng chắc từng là nơi cư trú của một gia đình thương gia giàu có của Vienna, chắc chắn và thịnh vượng, được đóng sau một cánh cửa gỗ nặng nề có những ô canh.

Để đánh giá từ cách bài trí của một ngôi nhà tương tự trên quảng trường mà đội yarid đã giả làm khách hàng của viên kế toán trong đó để do thám; toà nhà chỉ có năm tầng, mỗi tầng sáu phòng. Theo như quan sát của họ, đội yarid nhận ra rằng mỗi tối có một chuyến đưa thư từ ra, ngay trước giờ đóng cửa, đến một hòm thư ở quảng trường. Đó là một thói quen do một nhân viên hay một viên gác cửa thực hiện, rồi sau đó quay về toà nhà để giữ cánh cửa mở trong khi nhân viên đi ra. Cuối cùng anh ta để lại cho người gác đêm trước khi về nhà. Người gác đêm đóng cửa vào, đóng kín cánh cửa gỗ.

Trước khi cái bì thư từ Coutts London được đưa vào cho cánh cửa ngân hàng, chỉ huy đội neviot về kỹ thuật đã kiểm tra hòm thư trên Franziskanerplatz và khịt mũi vì kinh tởm. Hiếm khi có một sự đối đầu như thế. Một người trong đội của anh là một chuyên gia phá khoá đã mở và đóng lại hòm thư trong vòng ba phút. Anh ta đã làm được một chìa khoá chuẩn. Sau khi chỉnh lại một chút, nó đã hoạt động tốt như chìa khoá của người đưa thư.

Theo dõi thêm cho thấy rằng người gác ngân hàng thường xuyên ra lấy thư của ngân hàng khoảng 12, 13 phút sau chuyến đưa thư 6 giờ sáng thường lệ từ hòm thư bởi một xe chở thư của bưu điện.

Ngày mà thư của Coutts đến vào trong hòm thư, đội yarid và người thợ khoá neviot làm việc cùng nhau. Khi người gác ngân hàng quay trở lại ngân hàng theo lối đi sau khi đã nhét thư vào hòm, người phá khoá mở hòm thư ra, 24 lá thư đi ra từ Ngân hàng Winkler nằm ở trên cùng. Mất 30 giây để nhận ra có một cái chuyển đến ông Coutts ở London, để lại những cái còn lại, và khoá hòm thư lại.

Cả năm người của nhóm yarid đã đứng trong quảng trường đề phòng ai đó định can thiệp “người đưa thư” , có mặc đồng phục, được mua vội tại một cửa hàng đồ cũ, mang một cái mác giả của những bộ đồng phục thật của những người đưa thư của Vienna.

Nhưng những công dân tốt của Vienna không quen với những điệp viên của Trung Đông đến phá vỡ một cái hòm thư. Chỉ có hai người trên quảng trường vào lúc đó, và chẳng ai buồn để ý đến người xuất hiện như

là một nhân viên bưu điện đang đi làm công việc hợp pháp của mình. 20 phút sau, người lấy thư thật đến làm việc của mình, nhưng khi đó những người kia đã đi và thay vào đó là những người mới.

Barzilai mở bức trả lời của Winkler cho Coutts và nhận ra rằng đó là một thư ngắn nhưng lịch sự biết ơn, được viết bằng thứ tiếng Anh dễ hiểu, và ký tên Wolfgang Gemuetlich. Vị chỉ huy của đội Mossad giờ đây đã biết chính xác người nào quản lý tài khoản của Jericho. Việc còn lại là bắt chọt hoặc xâm nhập ông ta.

Barzilai không hề biết là những vấn đề của ông mới chỉ bắt đầu.

Đã khá lâu sau khi bóng tối buông xuống khi Mike Martin rời khỏi toà nhà ở Mansour. Anh thấy không lý do gì để làm phiền những người Nga bởi chuyện đi ra bằng cổng chính; có một cái cổng hậu nhỏ hơn nhiều ở tường sau, với một cái khoá hồng mà anh có chìa khoá. Anh đi xe đạp ra đến ngõ, khoá cổng lại, và bắt đầu đạp xe đi.

Anh biết có thể đây sẽ là một đêm dài. Nhà ngoại giao người Chile tên Moncada đã miêu tả rất chính xác cho các nhân viên Mossad chỉ huy anh khi anh đặt ba cái hòm thư chết dành cho những tin tức từ anh đến Jericho và nơi viết những phần đánh dấu để báo hiệu cho tay Jericho vô hình rằng một thông điệp đang đợi ông ta. Martin cảm thấy mình không có lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng cả ba cái đó cùng một lúc, với cùng một thông điệp để lại ở mỗi chỗ.

Anh đã viết những thông điệp đó bằng tiếng Ả-rập trên một tờ giấy viết thư mỏng và gấp mỗi cái lại thành một gói nhỏ vuông. Ba cái túi được nhét sâu trong túi anh. Những cục phấn viết nằm ở trong túi.

Hộp thư thứ nhất nằm ở nghĩa trang Alwazia, qua sông ở chỗ Risafa. Anh đã biết chỗ này, nhớ đến đã lâu lắm từng nghiên cứu những bức ảnh phóng to ở Riyadh. Tìm thấy viên gạch hồng trong bóng tối thì lại là chuyện khác. Mất mười phút, dò dẫm với đầu ngón tay trong bóng tối của khu nghĩa địa có tường bao bọc, trước khi anh tìm thấy chỗ.

Nhưng đó đúng là nơi Moncada đã nói. Anh hạ viên gạch xuống, tuồn một cái gói nhỏ vào trong đó, và đặt viên gạch trở lại chỗ cũ.

Hòm thư thứ hai là một bức tường cũ và tồi tàn khác, lần này gần thành đổ nát ở Asdhamiya, nơi một cái hồ sâu là tất cả những gì còn lại của ngày xưa. Không xa toà thành là khu tôn giáo Aladham, và giữa chúng là một bức tường, cũng cũ và tồi tệ như chính ngôi thành. Martin tìm thấy bức tường và cái cây duy nhất mọc dựa vào đó. Anh với tay ra sau cái cây và đếm mười lần gạch từ trên nóc xuống. Viên gạch thứ mười lung lay như răng bà lão. Chiếc phong bì thứ hai được nhét vào trong đó, và viên gạch cũng về chỗ cũ. Martin kiểm tra để chắc chắn không ai nhìn thấy, nhưng anh thực sự hoàn toàn đơn độc; không ai đến cái nơi hoang vắng này sau khi trời đã tối cả.

Cái thứ ba và cũng là hòm thư cuối cùng nằm ở một nghĩa địa khác, nhưng lần này là nghĩa trang của người Anh, bị bỏ hoang ở Waziraya, gần Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ. Cũng như ở Kuwait, đó là một ngôi mộ, nhưng không có một cái gì ở bên trong tấm bia đá; mà bên trong một cái bình đá trét xi măng, ở cuối của một cái lỗ bị bỏ từ lâu ngày.

- Đùng để ý nhé. Martin lẩm bẩm với người chiến binh chết từ lâu lắm của vương quốc bên dưới. Chỉ một chút thôi, anh sẽ ổn thôi mà.

Vì Moncada ở toà nhà Liên Hợp Quốc, xa hơn nhiều dặm về đường sân bay Matar Sadam, anh ta đã khôn ngoan để những dấu phần gần với những con đường không gian rộng rãi ở Mansour, nơi chúng có thể dễ dàng nhìn thấy từ trên xe ô tô.

Quy tắc là bất kỳ ai - Moncada hay Jericho - nhìn thấy một dấu phần, thì anh ta có thể nhận ra nó muốn nói đến hòm thư nào. rồi đến đó với một bộ quần áo sẫm màu. Người đánh dấu, qua một ngày hoặc hơn, có thể nhìn thấy nó biến đi và biết được rằng thông tin của mình đã được nhận và (có thể đoán) rằng hòm thư đó và cái bưu kiện đã được an toàn.

Theo cách đó cả hai điệp viên đã liên lạc với nhau trong suốt hai năm mà không hề gặp nhau.

Martin, không giống với Moncada, không có ô tô, nên anh phải đạp xe suốt chặng hành trình. Dấu hiệu đầu tiên của anh, một chữ thập theo hình chữ X, được viết với phấn xanh lên một tảng đá ở tường của một toà nhà bỏ hoang.

Dấu thứ hai được viết bằng phấn trắng, trên một cánh cửa nẹp sắt màu đỏ sẫm của một gara ô tô ở cuối một ngôi nhà ở Yarmuk. Nó mang hình một dấu thập Lorraine. Cái thứ ba bằng phấn đỏ - một hình lưới liềm Hồi giáo với một thành ngang qua giữa - được viết lên trên tường của một khu nhà của Liên đoàn Nhà báo Ả-rập, ở lề của quận Mutanabi. Các nhà báo Iraq không được khuyến khích để trở thành những người thực sự tìm kiếm tin tức, và một dấu phấn trên tường của họ có thể hiếm khi tạo ra chú ý.

Martin không thể biết liệu Jericho, mặc dù đã có lời báo trước của Moncada là anh ta có thể trở lại, vẫn tiếp tục đi kiểm tra trong thành phố, từ cửa xe của mình nhìn ra bên ngoài để xem có các dấu hiệu được viết trên các bức tường không. Tất cả những gì Martin biết được bây giờ là ngày nào cũng đi kiểm tra và chờ đợi.

Vào ngày thứ bảy của tháng Mười một anh nhận thấy dấu phấn màu trắng đã không còn. Liệu có phải người chủ của gara đã xóa dấu phấn trên cửa để làm sạch tấm kim loại đó? Martin đi vòng vòng. Phấn xanh trên cổng toà nhà vẫn còn; phấn đỏ trên tường của các nhà báo cũng vậy.

Đêm đó, anh đi kiểm tra ba hòm thư chết được dành cho các thông tin từ Jericho đến người điều hành ông ta.

Một cái ở đằng sau một viên gạch rỗng ở sau một bức tường đóng vào khu chợ rau quả Kasra cuối phố Saadun. Một mảnh giấy vỡ hành. Hòm thư thứ hai, dưới một hòn đá rỗng của một ngôi nhà đổ nát ở một cái ngõ trong đó nhiều con phố ngoằn ngoèo tạo thành một soukh trên bờ bắc con sông gần cầu Shuhada, cũng cho cùng kết quả. Cái thứ ba và cũng là cuối cùng, dưới một cán cờ rỗng của một cái sân bị bỏ quên cuối phố Abu Nawas, có chứa một phần tư một tờ giấy mỏng. Martin giấu nó dưới áo và đạp về nhà ở Mansour.

Nhờ ánh sáng của cây nến mờ tỏ, anh đọc được chúng. Thông tin giống nhau: Jericho vẫn còn sống và vẫn ổn. Ông ta sẵn sàng tiếp tục làm việc cho phương Tây, và ông ta hiểu rằng người Anh và người Mỹ bây giờ là những người cần thông tin của ông. Nhưng những đe dọa đã tăng lên không thể tưởng tượng, và do đó ông ta muốn được trả cao. Ông ta chờ sự đồng ý về điều đó và một chỉ dẫn xem họ đang cần gì.

Martin đốt cả ba bức thông tin và vứt giấy vào trong lò. Anh đã biết câu trả lời cho cả hai câu hỏi. Langley đã chuẩn bị tỏ ra rộng rãi, thực sự rộng rãi, nếu sản phẩm tốt. Cũng như thông tin cần thiết, Martin đã ghi nhớ danh sách những câu hỏi liên quan đến trạng thái tinh thần Saddam, khái niệm về chiến dịch của ông ta, và những địa điểm trung tâm chỉ huy chính và những điểm sản xuất vũ khí.

Ngay trước bình minh, anh cho Riyadh biết rằng Jericho đã quay trở lại cuộc chơi.

Người mà họ gọi là “kẻ chỉ điểm” bay tới Vienna từ Tel Aviv qua London và Frankfurt, không có ai đón, và đi một chiếc taxi từ sân bay Schwechat đến khách sạn Hilton, nơi anh ta đã đặt chỗ trước.

Kẻ chỉ điểm rất ngộ nghĩnh và vui vẻ, trên giấy tờ là một luật gia Mỹ đến từ New York. Tiếng Anh giọng Mỹ của anh ta thật trơn tru - không nghi ngờ gì nữa. Quả là anh ta đã sống nhiều năm ở Mỹ - và tiếng Đức cũng khá.

Vài giờ sau khi tới Vienna, anh ta đã sử dụng các dịch vụ thư ký của khách sạn Hilton để thảo một bức thư lịch thiệp trên giấy viết thư in sẵn của hãng luật của mình đến một ông Wolfgang Gemuetlich, phó chủ tịch Ngân hàng Winkler.

Trạm cảnh thận kiểm tra bằng điện thoại, thì rõ ràng anh ta là một đối tác uy tín của hầu hết cả hãng luật uy tín của New York. mặc dù anh ta đang đi vắng (điều Mossad đã kiểm tra ở New York) và chắc hẳn không cùng là người khách đến Vienna. Bức thư vừa tán dương vừa tự miêu tả, như cần phải thế. Người viết đại diện một khách hàng rất giàu có và vững vàng đang muốn có những chỗ cất giấu tốt cho tài sản của ông ở châu Âu.

Người khách hàng tự nhấn mạnh, rõ ràng sau khi nghe lời khuyên từ một người bạn, rằng Ngân hàng Winkler đáng đồng tiền bát gạo, và nhất là ngài Gemuetlich kính mến. Người viết nhẽ ra đã hẹn gặp từ trước, nhưng cả khách hàng của anh ta cũng như hãng luật đã đặt lên rất cao tầm quan trọng phải tuyệt đối kín đáo, tránh các đường điện thoại mở và fax để tránh giao thiệp về công việc của khách hàng, cho nên người viết đã chọn cách sang thăm châu Âu và tự mình đến Vienna.

12. Chương 12

Sau mười một năm nắm quyền và đã thắng trong ba cuộc bầu cử phổ thông, thủ tướng Anh đã thực sự đổ vào ngày 20 tháng Mười một, dù hai ngày sau bà mới thông báo quyết định từ chức của mình.

Sự đổ khỏi quyền lực của bà được thúc đẩy bởi một quy tắc mờ ám trong nguyên tắc Đảng Bảo thủ đòi sự tái đắc cử danh nghĩa của bà với chức danh Chủ tịch Đảng vào những thời điểm định kỳ. Một định kỳ như thế xảy ra vào tháng Mười một. Sự tái bầu cử của bà có thể chỉ là một thủ tục, cho đến khi một cựu bộ trưởng chọn cách ứng cử chống lại bà. Không lường được mối nguy hiểm, bà đã không coi cuộc cạnh tranh là nghiêm túc, đã dẫn đến lơ là chiến dịch chạy đua và cuối cùng đã đi dự một cuộc họp ở Paris đúng ngày diễn ra cuộc bỏ phiếu.

Sau lưng bà là cả một loạt những đòn đánh, những chống đối, và những sợ hãi khủng hoảng đã khiến bà thậm chí không thể dự cuộc bầu cử sắp đến, một liên minh thù địch đã ngăn cản bà không với được chức lãnh đạo Đảng ngay từ lần bỏ phiếu đầu tiên. Liệu bà có lùi bước quá không, có thể không có lần bỏ phiếu thứ hai, và người đối địch có thể đã biến mất vào trong sự tối tăm. Trong cuộc bỏ phiếu ngày 20 tháng Mười một bà cần có hai phần ba đa số, bà đã chỉ thiếu có bốn phiếu, buộc phải kéo đến cuộc bỏ phiếu thứ hai.

Trong vài giờ, cái đã bắt đầu như một vài viên gạch khó chịu nhỏ bé đã rơi xuống đồi thành một cuộc lở tuyết. Sau khi đã tham khảo Nội các của mình, người ta nói bà giờ đây có thể mất chức, bà bèn từ chức. Người chỉ huy phe đối lập, bộ trưởng Tài chính John Major, xuất hiện và chiến thắng.

Tin tức làm hoảng sợ những người lính ở vùng Vịnh. Mỹ cũng như Anh. Ở Oman, các phi công máy bay chiến đấu người Mỹ giờ đây ngày ngày làm việc với SAS từ căn cứ kẻ bên hỏi người Anh điều gì đang diễn ra và nhận được những cái nhún vai chẳng nói lên điều gì hết cả.

Mike Martin nghe tin khi người lái xe Iraq đi qua và nói cho anh. Martin nghe tin, tỏ vẻ chẳng biết gì, hỏi:

- Bà ấy là ai?

- Điện à, tay lái xe tức mình. Lãnh đạo của Beni Naji đấy.

Giờ thì chúng ta sẽ thắng. Hẳn quay về xe để nghe tin tức từ đài phát thanh Baghdad. Một lúc sau bí thư thứ nhất Kulikov đứng từ nhà hét gọi hấn và được chở đi thẳng về sứ quán của mình.

Đêm đó, Martin gửi một tin dài về Riyadh. chứa cả đồng những câu trả lời mới nhất của Jericho và một câu hỏi thêm vào của chính anh để nhận được chỉ thị nhiều hơn. Dựa vào cánh cửa của túp lều anh có thể phát hiện những kẻ đột nhập, vì cái đĩa vệ tinh được đặt ở lối ra hướng về phía nam. Martin đợi trả lời. Một ánh sáng chậm, run run ở màn hình của máy nhận nhỏ nói với anh vào lúc một giờ rưỡi rằng vào buổi sáng anh sẽ có câu trả lời. Anh tháo đĩa, cất nó vào dưới sàn nhà với những cái pin và máy nhận, làm chậm thông điệp, và nghe nó quay lại.

Đó là một danh sách những yêu cầu mới về thông tin từ Jericho và một đồng ý cho đòi hỏi mới nhất của điệp viên về tiền, đã được chuyển vào tài khoản của ông ta. Trong vòng một tháng thành viên Hội đồng Chỉ huy Cách mạng đã kiếm được hơn một triệu đôla.

Thêm vào danh sách là hai chỉ dẫn cho Martin. Đầu tiên là gửi cho Jericho một thông điệp, không phải ở dạng một câu hỏi, mà là hy vọng ông ta có thể bằng cách nào đó xâm nhập vào suy nghĩ của những người lập kế hoạch ở Baghdad. Đó là tìm hiểu hiệu ứng tin từ London lên Rais.

Liệu thông tin lạch lạch này có đến được các hội đồng cao nhất của Baghdad không, nhưng trong một tuần Saddam Hussein đã tuyên bố rằng sự sụp đổ của Thatcher là do sự phản đối của người Anh.

Chỉ dẫn thứ hai trong cuộn băng của Mike Martin đêm đó là hỏi Jericho xem liệu ông ta đã từng bao giờ nghe về một vũ khí hay hệ thống vũ khí có liên quan đến Cú đấm của Thượng đế chưa.

Bằng ánh sáng của một ngọn nến, Martin dành gần như cả đêm đó để viết các câu hỏi bằng tiếng Ả-rập vào hai tờ giấy viết thư. Trong hai mươi giờ, các giấy đã được bí mật giấu sau viên gạch rỗng trong tường gần với nhà thờ Imam Aladham ở Aadhamiya.

Mất một tuần để các câu trả lời quay trở lại. Martin đọc bản viết bằng tiếng Ả-rập loằng ngoằng của chữ viết tay của Jericho và dịch mọi thứ sang tiếng Anh. Từ quan điểm một người lính, nó rất hấp dẫn. Ba sư đoàn Vệ binh Cộng hoà dàn trước người Anh và người Mỹ dọc theo biên giới, Tawakkulna và Medina, giờ đây có thêm Hammurabi, được trang bị hỗn hợp T-54/55, T-62 và T-72 những loại xe tăng chiến đấu chính, cả ba đều do Nga sản xuất.

Nhưng trong một lần sau, Jericho tiếp tục, tướng Abdullah Kadiri của Đội lính đã kinh hoàng phát hiện phần lớn các đội bay đã đổi pháo và sử dụng chúng làm quạt, bếp, đài phát thanh và máy quay cassette. Thật đáng nghi ngờ rằng những đội quân đó có thể chiến đấu được. Đã có nhiều cuộc hành quyết tại chỗ, và hai chỉ huy cao cấp đã bị cách chức và đuổi về nhà.

Người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam, Al Hassan Majid, giờ là tổng quản Kuwait, đã báo cáo rằng sự chiếm đóng đã bắt đầu trở thành một cơn ác mộng, với những cuộc tấn công vào lính Iraq vẫn không thể dò ra và những mất mát tăng lên. Quân kháng chiến không xuất đầu lộ diện, mặc dù những cuộc tra khảo thẩm khốc và nhiều cuộc hành hình bởi đại tá Sabaawi của AMAM và hai lần đến thăm của đích thân ông chủ của nó, Omar Khatib.

Tệ hơn nữa, quân kháng chiến giờ đây đã không biết bằng cách nào có được chất nổ dẻo tên là Semtex, cái mạnh hơn nhiều so với thuốc nổ công nghiệp.

Jericho đã chỉ ra hai địa điểm chỉ huy quân sự quan trọng nữa, cả hai đều được xây dựng trong các hầm ngầm và từ trên không trung không thể nào nhìn thấy được.

Rồi đến tin rằng những người thân cận với Saddam Hussein thực sự nghĩ rằng sự sụp đổ của Margaret Thatcher có phần ảnh hưởng của ông ta. Ông ta đã hai lần đưa ra lời từ chối thẳng thừng của mình để xem xét việc rút khỏi Kuwait.

Cuối cùng, Jericho chưa từng bao giờ nhìn thấy bất cứ gì có mặt danh Cú đấm của Thượng đế nhưng có thể đã từng nghe đến câu đó. Cá nhân, ông ta nghi ngờ có tồn tại một thứ vũ khí hay một hệ thống vũ khí mà Liên quân còn chưa biết.

Martin đọc cả bức thông điệp vào băng, quay nhanh nó lên, và chuyển nó đi. Ở Riyadh nó được tiếp nhận nhanh chóng và các kỹ thuật viên phát thanh ghi giờ đến của nó: 23.55 giờ, ngày 30 tháng Mười một 1990.

Leila Al-Hilla từ từ ra khỏi phòng tắm, dừng lại ở cửa với cái đèn sau cô để giơ tay lên khung cửa ở cả hai bên và nghỉ một lúc. Ánh đèn của phòng tắm, chiếu sáng qua tấm kính mờ, cho thấy nếp nhăn và cái dáng đứng gợi tình của cô ta một cách rõ ràng nhất. Cần phải thế, trời tối, rất tối, và đã đáng giá một gia tài nhỏ, một đồ nhập từ Paris mua được từ một cửa hiệu ở Beirut.

Người đàn ông to béo trên giường hau háu nhìn, thè cả lưỡi ra khỏi một làn môi dưới dày, và cười nhạo nhỏ. Leila thích đắm mình trong phòng tắm trước khi làm tình. Có những chỗ cần được rửa sạch và tắm thơm, mắt cần được bôi mascara, môi cần được tô đỏ, và nước hoa được sử dụng, những hương vị khác nhau cho những phần khác nhau của cơ thể cô.

Đó là một cơ thể đẹp chừng ba mươi xuân xanh, những khách hàng tàu nhanh thích: không béo, nhưng đầy đặn nơi cần thiết, đầy đà và ngực to, với gân săn chắc. Cô hạ thấp cánh tay và tiến về cái giường tối om, cởi áo, đôi giày cao gót tăng thêm bốn inch cho chiều cao của cô ta.

Nhưng người đàn ông trên giường, ở trên tấm lưng trần của ông ta, phủ như một con gấu từ cằm đến mắt cá, đã nhắm mắt lại.

Đừng có đến ngủ với tao lúc này, đồ ngốc, cô nghĩ, không phải đêm nay khi tôi cần anh. Leila ngồi lên mép giường và luồn những ngón tay nhuộm đỏ lên đến tóc của ông béo cho đến ngực, cựa vào, rồi cho tay xuống nữa, đến bụng và bụng dưới. Cô nhồm lên và hôn người đàn ông vào môi, lưỡi cô hé mở. Nhưng môi người đàn ông chỉ ngậm ngừng đáp lại cô, và cô nhận thấy mùi arak rất nặng.

Lại nốc đầy rượu rồi. Cô nghĩ - tại sau lão ngổ này không thể bỏ được nhỉ. Dù sao nó cũng có những lợi thế, một chai arak mỗi tối. Ồ tốt thôi, làm việc nào.

Leila Al-Hilla là một kỹ nữ giỏi, và cô ta biết điều đó. Trình độ cao nhất ở Trung Đông, ai đó đã nói, và nhất định là một trong những cô nàng đắt đỏ nhất.

Cô ta đã được đào tạo nhiều năm trước, khi còn là một đứa bé gái, trong một học viện tư ở Li bằng nơi những trò làm tình và những thủ thuật của ouled-nails của Maroc, của những cô gái Ấn nautch. và những kỹ nghệ gia tình tế của Fukutomi-cho đã được thực hành bởi những cô gái khác trong khi những đứa trẻ nhìn và học theo.

Tài năng của cô ta là phỉnh nịnh, tăng bốc, tán dương, và dỗ dành, nhưng giỏi nhất là kích thích được nhưng gã mít ướt nhất và khiến đối tượng của mình lúc nào cũng cảm thấy thèm muốn.

Cô đã đưa tay xuống bụng dưới và cảm thấy của quý của gã đàn ông. Không thấy gì. Ngắn một mẫu. Tướng Abdullah Kadiri, chỉ huy đội lính của Quân đội Cộng hoà Iraq, đêm nay cần một chút kích thích.

Cô lấy từ gầm giường lên một cái túi mềm và đổ chất lỏng bên trong ra một mẫu giấy bên cạnh. Bôi một thứ chất lỏng nhờn vào tay, một thứ chất như kem, cô luồn một cái dương vật giả cỡ trung bình rung rung vào giữa háng ông tướng.

Tướng Kadiri nhăn mặt, mở mắt, liếc nhìn xuống ả đàn bà đang nằm bên cạnh của mình, và lại cười nhăn nhở, hàm răng lộ lên giữa chòm ria đen dày.

Leila bóp chặt máy: và bắt đầu làm đầy phần dưới của vị tướng. Cô đã nhận ra trong tay mình cơ quan đó đã bắt đầu nổi lên. Cô ngậm một thứ chất dầu không mùi không vị vào miệng rồi chồm lên ấn của quý của người đàn ông vào mồm mình. Chất dầu mềm mại và cử động nhanh của cái lưỡi thành thực của cô đã bắt đầu có hiệu quả. Mười phút sau, cho đến khi đau nhức cả hàm, cô ta vuốt ve và mút đến lúc sự cương cứng của vị tướng đã tốt như chưa bao giờ được như thế.

Trước khi ông ta mất đi trạng thái đó, cô luồn đầu xuống, phủ lên người ông ta, đưa ông ta vào mình, và bắt đầu. Cô đã từng có trong người những cái to hơn và tốt hơn, nhưng cái này cũng đang làm việc đầy chứ. Leila chồm lên và cọ ngực mình vào mặt ông ta.

- A, con gấu đen khỏe mạnh to béo của em, cô ta rử rử, anh thật là tuyệt, như mọi khi vậy.

Ông ta cười nhìn cô. Cô bắt đầu nhún, không nhanh quá, cho đến khi đã vào đến nơi, chậm chậm cho đến khi được cả. Khi cô chuyển động, cô sử dụng những cơ vận động để nhún lên nhún xuống, nghỉ và lại tiếp.

Cô biết hiệu ứng của sự gợi hứng nhân đôi. Tướng Kadiri bắt đầu rên ư ử và sau đó thì thét lên, những tiếng kêu ngắn ngủn buột ra khỏi miệng bởi cảm giác cực khoái nơi vùng người đàn bà nhổm lên nhổm xuống vũng vàng với nhịp điệu tăng dần.

- Phải, phải, ôi phải, sướng quá, làm nữa đi, em yêu, cô cọ vào mặt ông ta cho đến khi ông ta ra được. Trong khi ông ta giật lên, Leila bò xuống, quấn quanh người ông ta, liếm láp đồng tình dịch với sự thích thú, rồi cũng oải ra.

Khi ông ta đã ra xong, ông ta đột ngột nẩy lên và trong vài giây cô tháo chiếc dương vật giả, lay lay để ông ta khỏi ngủ mất quá nhanh. Cô cũng muốn ngủ lắm rồi sau một công việc nặng nhọc đến vậy. Nhưng vẫn còn có việc cần phải làm.

- Con gấu tội nghiệp của em, cô ta lẩm bẩm, anh có mệt lắm không? Anh đã làm việc nặng nhọc như thế, người tình tuyệt diệu của em. Họ làm cho anh mệt quá nhỉ. Hôm nay ra sao hả? Nhiều vấn đề ở Hội đồng lắm hả, và luôn luôn là anh phải giải quyết chúng à? Mm? Nói cho Leila đi, anh biết anh có thể nói cho Leila bé nhỏ mà.

Thế là trước khi ông ta ngủ, ông ta đã nói.

Sau đó, khi tướng Kadiri đang ngáy do hiệu ứng của arak và tình dục, thì Leila rút ra phòng tắm nơi, với cánh cửa khoá và ngồi xuống bồn cầu với một cái khay trên lòng, cô ta ghi lại một bản tiếng Ả-rập ngắn gọn, nguệch ngoạc.

Sau đó, vào buổi sáng, những tờ giấy mỏng tang của cô được giấu kín để tránh bị kiểm tra, cô có thể đưa nó cho người đàn ông trả tiền cho cô.

Thật là nguy hiểm, cô biết, nhưng ra tiền lắm chứ, gấp đôi thu nhập cho cùng một công việc, và một ngày nào đó cô có thể trở nên giàu có - đủ giàu để rời khỏi Iraq mãi mãi và tự lập cho mình một lần xanh, có thể ở Tangier, với một đoàn các thiếu nữ trẻ đẹp để ngủ với những ông lớn Maroc khi cô cảm thấy nhu cầu.

Nếu Gidi Barzilai đã bị bắt ngờ bởi các hệ thống an toàn của Ngân hàng Winkler, hai tuần theo dấu Wolfgang Gemuetlich khiến ông thất vọng. Người đàn ông đó không thể tiếp cận được.

Theo sự nhận diện của kẻ chỉ điểm, Gemuetlich đã nhanh chóng bị theo đến nhà của ông ta ở ngoài công viên Prater. Ngày hôm sau, trong khi ông đang làm việc, đội yarid đã theo dõi ngôi nhà cho đến khi bà Gemuetlich đi chợ. Thành viên nữ của đội đi theo bà, có liên lạc với các đồng nghiệp của mình bằng máy điện đàm cá nhân để báo động họ khi bà ta về. Trên thực tế vợ của nhân viên ngân hàng đã đi vắng đến hai tiếng đồng hồ - nhiều thời gian hơn cần thiết.

Cuộc đột nhập bởi các chuyên gia neviot không vấp phải vấn đề gì, và những máy theo dõi đã nhanh chóng được đặt tại phòng khách, phòng ngủ, và máy điện thoại. Sự nghiên cứu - nhanh: có nghề, và không để lại dấu vết - không mang lại được gì cả. Có những giấy tờ thông thường: giấy nhà, hộ chiếu. giấy khai sinh, giấy hôn thú, thậm chí cả một loạt giấy tờ ngân hàng.

Mọi thứ đều được chụp ảnh, nhưng một sự liếc qua ở tài khoản ngân hàng không đưa lại bằng chứng nào về sự gian trá của Ngân hàng Winkler - thậm chí còn có nguy cơ đưa người đàn ông trở thành người hoàn toàn lương thiện.

Tủ quần áo và những đồ phòng ngủ không có gì đáng ngạc nhiên, những quần áo cá nhân - quần áo tầng lớp trung lưu đáng kính - và chỉ huy đội neviot, người đã trông thấy bà Gemuetlich ra khỏi nhà, không bị bắt ngờ vì điều này.

Nếu thư ký riêng của người đàn ông là một cô gái nhỏ xíu, thì vợ ông như là một con của giấy. Người Israel nghĩ ông hiểm khi cảm thấy chán nản như thế này.

Khi cô gái của đội yarid nói vào máy điện đàm báo động vợ người nhân viên ngân hàng đang về, các chuyên gia đột nhập neviot đã kết thúc và đi ra. Cửa trước được khoá lại bởi người trong đồng phục bưu điện sau khi phần còn lại đã ra bằng cửa sau và qua vườn.

Từ đó trở đi, đội neviot có người đàn ông trong các máy thu trong cái xe to đổ ngoài phố để nghe những gì diễn ra trong ngôi nhà.

Hai tuần sau một chỉ huy thất vọng nói với Barzilai rằng các băng của họ đã chạy hết cả rồi. Tối đầu tiên họ thu được 18 từ Bà ta nói: “Bữa tối của ông đây, Wolfgang” - không có lời đáp lại Bà ta đòi thay rèm cửa mới - từ chối. ông ta nói “Sáng sớm mai tôi sẽ dậy sớm”.

- Đêm quái nào lão ta cũng nói thế cả, cứ như vẫn nói thế từ ba mươi năm nay vậy, người của đội neviot phàn nàn.

- Không có chuyện tình ái gì à?

- Anh đùa đấy à, Gidi. Họ thậm chí còn chẳng nói năng, chỉ có thể thôi.

Mọi điều có thể khắc hoạ tính cách Gemuetlich đều là con số không. Không đánh bạc, không chơi cờ, không giao tiếp, không hộp đêm, không tình nhân, không vượt đèn đỏ ngoài phố. Một lần ông ta rời nhà, các thành viên của đội theo dõi lập tức bám theo. Gemuetlich trong đồ đen và đội mũ, sau khi trời tối và món súp tối, đi qua ngoại ô mờ tối cho đến khi tới một ngôi nhà cách đó năm khu. ông ta gõ cửa và đợi. Cửa mở ra, ông ta đi vào, và cửa đóng lại. Một ngọn đèn tầng dưới bật lên, sau những tấm rèm dày. Trước khi cửa đóng lại, một trong số những người theo dõi Israel bắt được một cái liếc của một người phụ nữ trông mờ tối mặc bộ áo dài bằng vải nỉ.

Đi tắm chẳng? Tắm hơi, xông hơi với hai người chẳng?

Một sự kiểm tra vào sáng hôm sau cho thấy người phụ nữ vận bộ đồ dài là một điều trị viên nhiều tuổi làm việc ngay tại nhà. Wolfgang Gemuetlich bị bệnh gì đó.

Vào ngày đầu tiên tháng Mười hai, Gidi Barzilai nhận được một thư hỏa tốc từ Kobi Dror ở Tel Aviv. Đó không phải là một chiến dịch với thời gian vô tận, ông ta cảnh báo. Liên Hợp Quốc đã cho Iraq thời hạn đến 16 tháng Giêng để rút khỏi Kuwait. Sau đó, có thể là chiến tranh. Mọi thứ đều có thể xảy ra. Khẩn trương lên đi.

- Gidi, chúng ta có thể theo thằng cha này mãi cũng thế thôi, hai chỉ huy đội nói với người tổng chỉ huy. Chẳng có vết tỳ nào trong cuộc đời của hắn cả. Tôi không thể hiểu được thằng cha. Không gì hết - hắn chẳng làm gì để ta có thể sử dụng được cả.

Barzilai đang đứng trước chọn lựa. Họ có thể bắt cóc vợ và dọa người chồng tốt hơn hết là cộng tác với họ nếu không... Vấn đề rắc rối là, có thể sẽ chẳng đi đến đâu. Tệ hơn nữa, ông ta có thể gọi cớm.

Họ cũng có thể tóm Gemutlich và buộc ông ta. Ở đây vấn đề lại là người đàn ông có thể quay về ngân hàng để thực hiện chuyển khoản đóng tài khoản của Jericho lại. Một khi đã vào trong ngân hàng, thì lão sẽ làm gì có trời biết. Kobi Dror đã nói, không để lỡ và không dấu vết.

- Thế thì chuyển sang cô thư ký nhé, Barzilai nói. Những thư ký tin cậy thường biết đủ mọi thứ về ông chủ mình.

Thế là hai đội chuyển sự chú ý sang cô Edith Hardenberg cũng có vẻ ngoài tối tăm như thế.

Thậm chí họ chỉ mất ít thời gian hơn, chỉ có mười ngày. Họ theo đuôi cô về nhà, một căn hộ nhỏ trong một ngôi nhà cũ ngay ngoài Trautenauplatz xa về quận 19, ngoại ô tây bắc của Grinzing.

Cô sống một mình. Không tình nhân, không bạn trai, thậm chí không cả một con chó con mèo gì. Một nghiên cứu giấy tờ riêng của cô ta cho thấy một tài khoản ngân hàng khiêm tốn, một bà mẹ đang nghỉ hưu ở Salzburg. Căn hộ đã từng được bà mẹ thuê, như trong sổ thuê nhà cho biết, nhưng người con gái bảy năm trước mới chuyển đến khi bà mẹ lui về sống ở thành phố quê hương Salzburg của mình.

Edith lái một chiếc Seat nhỏ, mà cô ta đỗ ở ngoài phố ngoài ngôi nhà, nhưng chủ yếu cô ta đi làm bằng phương tiện giao thông công cộng, không nghi ngờ gì là do đậu xe khó khăn ở trung tâm thành phố.

Cô ta được trả lương thấp đến thảm hại - "dã man", một người của đội neviot kêu lên khi nhìn thấy con số - và giấy chứng sinh của cô ta cho thấy cô ta mới 39 tuổi - "và trông như đã 50 rồi ấy, người kia nhận xét.

Không có ảnh người đàn ông nào trong căn hộ, chỉ có ảnh mẹ cô ta, một trong cuộc đi nghỉ ở cái hồ nào đó. và một cái có vẻ như là người bố đã quá cố của cô ta trong bộ đồng phục nhân viên hải quan.

Nếu có người đàn ông nào đó trong cuộc đời cô ta. thì đó chỉ có thể là Mozart.

- Cô ta mê nhạc opera lắm, và đó là tất cả. Chỉ huy đội neviot báo cáo với Barzilai, sau khi căn hộ đã được để lại nguyên trạng như họ đã trông thấy. Có một sừ tập lớn đĩa hát - cô ta chưa có đĩa CD - và toàn là đĩa opera thôi. Có thể là phải tiêu phần lớn tiền dành dụm của cô ta vào đó. Sách về opera, về các tác giả ca sĩ, và chỉ huy dàn nhạc. Tranh ảnh của lịch diễn mùa đông Nhà hát Vienna, dù cô ta chẳng bao giờ đủ tiền mua một cái vé hết cả.

- Không người đàn ông nào trong cuộc đời cô ta cả ư?

Barzilai mơ màng.

- Có lẽ cô ta mê Pavarotti, nếu ông có thể tóm được ông ta. Ngoài đó ra, thì quên tất cả đi.

Nhưng Barzilai không quên nó. Ông nhớ lại một trường hợp ở London, lâu rồi. Một viên chức ở Bộ Quốc phòng, thực sự là khó nhằn; rồi người Liên Xô đã đưa vào cô gái Nam Tư trẻ xinh đẹp đó... ngay cả thẩm phán cũng phải mê đắm.

Tối đó Barzilai gửi một bức điện đã mã hoá dài cho Tel Aviv.

Vào giữa tháng Mười hai, lực lượng Liên quân ở miền Nam biên giới Kuwait đã trở nên rất lớn, hàng lần sóng người và sắt thép.

Ba trăm nghìn đàn ông và phụ nữ từ ba mươi nước ở dọc theo sa mạc Xêut từ bờ biển đi về phía Tây một trăm dặm. Tại các cảng của Jubail, Dammam, Bahrain, Doha, Abu Dhabi, và Dubai các chuyến tàu chở

hàng từ biển đến không ngớt đổ xuống súng ống và xe tăng, dầu và hàng hoá, thực phẩm và đồ ăn, nhu yếu phẩm và đồ đạc. Từ những chuyến hàng đi về phía tây theo Tapline Road để thiết lập những cơ sở hậu cần rộng lớn mà một ngày nào đó sẽ cung cấp cho quân đội tiến công.

Một phi công Tornado từ Tabuq, bay về phía nam một cuộc tấn công nhỏ vào biên giới Iraq, nói với những đồng nghiệp của mình anh ta đã bay ngay trước mũi một đoàn xe tải và sau đó bay ngược đến hết đoàn. Với vận tốc 500 dặm một giờ, mất sáu phút anh ta mới đi hết được đoàn xe 50 dặm.

Ở Căn cứ Hậu cần Alpha một khu nhà đã có những cái thùng dầu chồng lên nhau, trên những khay 6 feet vuông, với những đường xe tải ở giữa. Khu này rộng 40 km vuông. Và đó mới chỉ là dầu. Những khu khác ở Log Alpha chứa đạn dược, tên lửa, súng, những cỗ pháo chống tăng, và lựu đạn. Nhưng nơi khác có thực phẩm và nước, máy móc, nòng pháo tăng và những đội người di động.

Vào thời gian đó các lực lượng Liên quân được chỉ huy bởi tướng Schwarzkopf đến phần sa mạc nam Kuwait. Điều mà Baghdad không biết là trước khi tấn công, vị tướng Mỹ đã chủ đích gửi nhiều đội dọc theo Wadi và Batin và một trăm dặm nữa xa hơn về hướng tây đến sa mạc, để xâm nhập vào Iraq, đẩy về phía bắc và sau đó sang đông để đánh thọc sườn Đội Vệ binh Cộng hoà và tiêu diệt.

Ngày 13 tháng Chạp những đội phóng tên lửa, Đội 336 của Chỉ huy chiến thuật không quân USAF, rời khỏi căn cứ của mình ở Thumrait ở Oman và chuyển đến Al Kharz ở Ả-rập Xê-út. Đó là một quyết định đã được thực hiện vào ngày đầu tiên của tháng Chạp.

Al Kharz là một sân bay lộ liễu, được xây dựng với những đường băng và lối đi cho taxi nhưng ngoài ra không có gì nữa cả. Không có tháp chỉ huy, không có hăng ga, không kho tàng, không có gì thích hợp với bất kỳ ai

- chỉ là một mảnh trơn trong sa mạc với những chuyến bay cụ thể.

Nhưng đó là một sân bay. Với vẻ ngoài thật kỳ lạ, chính phủ Xê-út đã ra lệnh xây dựng đủ số căn cứ không quân để có được một lực lượng không quân đạt mức tổng cộng nhiều hơn năm lần - Không lực Hoàng gia Xê-út.

Sau ngày Một tháng Chạp các đội xây dựng người Mỹ chuyển vào đó. Chỉ trong 30 ngày một thành phố lớn khả năng đón được 5000 người và 500 đội bay chiến đấu đã được xây dựng xong.

Chủ chốt trong số những người xây dựng là những kỹ sư giỏi những đội Ngựa Đỏ, được hậu thuẫn bởi 40 máy phát điện khổng lồ từ Không quân. Một số thiết bị được chuyển đến bằng đường bộ bằng xe tải, nhưng phần lớn bằng đường không. Họ dựng lên những hăng-ga kín, những công trường, kho chứa dầu, các phòng chiến dịch, các tháp chỉ huy, lều chứa, và gara ô-tô.

Cho đội bay và đội dưới đất họ dựng lên những phố lều với đường lớn giữa đó, với phòng tắm, hấp, sảnh lớn, và một tháp nước được làm đầy bởi những đoàn xe tải từ nguồn nước gần nhất. Al Kharz nằm 50 dặm về đông nam Riyadh, nơi giờ đây đã

chỉ còn cách tầm bán tối đa 3 dặm của những tên lửa Scud của Iraq. Nó sẽ là nơi ở trong ba tháng cho năm đội bay: hai trong số những Con đại bàng F-15E - đội ném tên lửa 336 và những chỉ huy, đội 335 ngoài Seymour Johnson, cũng đến nhập vào đây; và hai đội máy bay chiến đấu Falcon F-16.

Có một phố đặc biệt dành cho đội ngũ 250 phụ nữ trong đội; nơi này có luật sư, các chỉ huy đội dưới đất, lái xe tải, nhân viên, y tá, và hai sĩ quan tình báo đội. Đội bay cũng bay đến từ Thumrait; đội mặt đất và các nhân viên khác tới trên máy bay chở hàng. Việc vận chuyển mất hai ngày, và khi họ đến, các kỹ sư vẫn còn làm việc và có thể còn phải tiếp tục cho đến Giáng Sinh.

Don Walker đầu tiên tới Thumrait. Các điều kiện sống thật hiện đại và thật tuyệt, và trong không khí thư giãn của Oman, những đồ uống có cồn được cho phép trong căn cứ. Lần đầu tiên, anh gặp những người của SAS. Những người có một căn cứ huấn luyện thường xuyên ở đây, và các "sĩ quan hợp đồng" khác phục vụ các lực lượng Oman của Sultan Qaboos.

Lái những chiếc Đại bàng trong những phi vụ nhỏ ở biên giới Iraq thật là tuyệt.

Về những người SAS, sau một chuyến đi đến sa mạc với họ trong những chiếc xe nhẹ, Walker nhận xét với chỉ huy đội vừa được bổ nhiệm, trung tá Steve Turner:

- Những thằng cha đó đúng là mất trí.

Al Kharz hoàn toàn khác so với Thumrait. Là nơi có cả hai vùng đất thánh, Mecca và Medina, Ả-rập Xê-ut buộc phải thắt chặt, cũng như bắt phụ nữ ăn mặc kín đáo, chỉ để lộ bàn tay và chân. Trong công lệnh Số một, tướng Schwarzkopf đã cấm mọi thứ rượu cồn đối với toàn thể Liên quân dưới quyền chỉ huy của ông. Tất cả các đơn vị Mỹ đều bị đặt dưới lệnh đó, và nó được thực hiện nghiêm ngặt ở Al Kharz.

Tuy nhiên tại cảng Dammam, những người Mỹ đổ bộ sững sốt trước hàng đồng nước gọi dầu dành cho Không lực Hoàng gia Anh quốc. Từng thùng từng thùng được dỡ xuống, được chất lên những chiếc xe tải hay những máy bay chở hàng Hercules C-130, và được mang đến cho các đội RAF. Họ rất bối rối rằng ở trong không gian rộng lớn không có nước, đội bay Anh lại có thể mất nhiều thời gian thế để gọi dầu. Đó là một bí ẩn sẽ tiếp tục làm họ bối rối cho đến cuối cuộc chiến tranh.

Ở bên kia bán đảo, trên căn cứ sa mạc Tabuq, mà các Tornado của Anh chia sẻ với những chiếc Falcon của Mỹ, các phi công USAF còn rối trí hơn nhiều khi thấy người Anh lúc chiều xuống, ngồi gần họ, mở một gói nước gọi dầu nhỏ trong một cái cốc và uống nó với nước.

Ở Al Kharz vấn đề không nảy sinh - vì không có thứ nước đó. Hơn nữa các điều kiện ở đây hà khắc hơn ở Thumrait. Ngoài vị chỉ huy bay, người có riêng một túp lều, những người khác từ đại tá trở xuống đều cùng nhau ở hai, bốn, sáu, tám hay mười hai người một cái lều, tùy theo cấp bậc.

Tệ hơn nữa, các nhân viên nữ bị đặt ở ngoài, một vấn đề còn khó chịu hơn nhiều do ở chỗ những phụ nữ Mỹ, đúng theo văn hoá của mình, khác hẳn với Mutawa của Xê-ut - cảnh sát tôn giáo - choàng khăn tắm trên những chiếc bikini sau những hàng rào thấp dựng ngay xung quanh lều của họ.

Ngoài những bó buộc về quân sự như thế, hầu như tất cả còn phải nằm trên những chiếc giường cũ kêu cọt két.

Cũng có một tâm trạng mới do một lý do khác. Liên Hợp Quốc đã ban hành hạn cuối vào 15 tháng Giêng cho Saddam Hussein. Baghdad vẫn tiếp tục không nghe lời. Lần đầu tiên rõ ràng rằng họ sẽ đi vào cuộc chiến tranh. Các phi vụ tập dượt được thực hiện với một sự khẩn cấp mới.

Vì một nguyên nhân nào đó, ngày 15 tháng Chạp ở Vienna khá là nóng. Mặt trời chiếu sáng, và nhiệt độ tăng. Vào giờ ăn trưa cô Hardenberg rời khỏi ngân hàng như thường lệ để đi ăn bữa trưa đạm bạc của mình và quyết định bỏ một đồng mua bánh xăng ụch và ăn chúng ở Stadtpark cách Ballgasse vài khối nhà.

Đó là thói quen của cô trong mùa hè và thậm chí còn vào cả trong mùa thu, và vì vậy cô thường xuyên mang theo bánh xăng ụch. Ngày 15 tháng Chạp đó không phải là mùa hè cũng không phải mùa thu.

Tuy nhiên, nhìn bầu trời xanh trong trên Franziskanerplatz và được bảo vệ bởi chiếc áo khoác của mình, cô quyết định rằng nếu trời hào phóng tặng, dù chỉ trong một ngày, một chút của Altweibersommer - mùa hè của các bà già, theo cách nói của người Vienna - thì cô có thể ra ngồi ăn ở công viên.

Có một lý do đặc biệt khiến cô yêu cái công viên nhỏ dọc theo sông Rhine này. Một đầu là Hubner Kursalon, một nhà hàng tường bằng kính giống như một giàn nhạc lớn. Tại đó vào bữa trưa một giàn nhạc nhỏ đến chơi những giai điệu của Strauss: người mang đậm chất Vienna nhất trong số các nhạc sĩ.

Không đủ tiền để ăn ở đó, những người khác có thể ngồi bên ngoài gần đó và thưởng thức âm nhạc không mất tiền. Hơn thế nữa. Ở trung tâm công viên, được bảo vệ bởi vòm đá của mình, là bức tượng của chính Johann vĩ đại.

Edith Hardenberg mua bánh xăng ụch ở cửa hàng bán đồ ăn gần đó, tìm thấy một ghế đá công viên trong ánh mặt trời, và lơ đãng lắng nghe những giai điệu valtz.

- Entschuldigung.

Cô nhảy dựng lên, cảm thấy chấn động bởi cái giọng trầm nói "Xin lỗi".

Cô Hardenberg không hề trông đợi được một người nước ngoài hướng tới. Cô liếc nhìn về phía đó.

Anh ta còn trẻ, tóc đen, với đôi mắt nâu dịu dàng, và giọng nói của anh có âm sắc của người nước ngoài. Cô đang nhìn thẳng ra trước sau khi nhận ra người đàn ông trẻ đang có một quyển sách nhỏ minh hoạ hình vẽ trong tay và chỉ một từ trong đó Mặt dù cô đã sụp mắt xuống. Quyển sách là chương trình có minh hoạ của “Cây sáo thần”.

- Xin cho hỏi, từ này - không phải là tiếng Đức có phải không?

Ngón tay trở của anh ta chỉ vào từ partitura.

Cô có thể bỏ nơi đó, và sau đó, tất nhiên. chỉ việc bỏ đi. Cô bắt đầu gói bánh của mình lại.

- Không, cô nói ngắn gọn, đó là tiếng Italia.

- A. người đàn ông nói giọng hối lỗi. Tôi đang học tiếng Anh nhưng tôi cũng không hiểu tiếng Italia. Nó có nghĩa là câu chuyện có phải không?

- Không, cô nói. nó có nghĩa là bản nhạc.

- Cám ơn cô. anh ta nói với sự biết ơn trù mền. Thật là khó để hiểu được những bản opera thành Vienna của các cô, nhưng tôi thật sự rất thích chúng đấy.

Những ngón tay của cô chậm lại trong khi gói lại những cái bánh xăng ụch và đi.

- Nó được phổ nhạc ở Ai Cập, cô biết đấy, người đàn ông trẻ tuổi giải thích. Ôi thật là ngớ ngẩn, cô thì biết hết về Cây sáo thần còn gì.

Thật sự là thế, cô nói. Thế là đã đi xa quá rồi, cô tự nhủ. Dù anh ta là ai đi nữa, anh ta cũng là một chàng trai dễ mến. Tại sao. họ lại trò chuyện mới được chứ. Ý tưởng mới kỳ quặc sao.

- Aida cũng thế đấy, anh nhận xét. quay trở lại nghiên cứu tờ chương trình của mình. Tôi yêu nhạc Verdi, nhưng tôi nghĩ tôi thích Mozart hơn.

Những chiếc bánh của cô đã được gói lại; cô đã sẵn sàng để đi Cô chỉ cần đứng lên và đi. Cô quay sang nhìn anh ta, và anh ta chọn đúng lúc đó để nhìn lên và mỉm cười.

Đó là một nụ cười rất rụt rè. gần như cầu khẩn; đôi mắt nâu sẫm có làn mi mà cô người mẫu nào cũng sẵn sàng giết người để có được.

- Không có so sánh, cô nói. Mozart là bậc thầy của tất cả.

Nụ cười của anh mở rộng ra. cho thấy hàm răng trắng.

- Ông đã từng sống ở đây. Có thể ông đã từng ngồi ở đây, ngay trên cái ghế này, và soạn nhạc của mình.

- Tôi chắc rằng ông ta không làm thế đâu, cô nói. Hồi đó chưa có cái ghế này đâu.

Cô đứng lên và quay đi. Người đàn ông trẻ tuổi cũng đứng lên và cúi chào nhanh kiểu Vienna.

- Tôi xin lỗi đã làm phiền cô, thưa cô. Nhưng cám ơn cô vì đã giúp đỡ

Cô đang đi ra khỏi công viên: quay trở về bàn của mình để ăn xong bữa trưa. tức giận với chính mình. Trò chuyện với những người đàn ông trẻ tuổi ở công viên - còn gì sẽ xảy ra nữa đây? Dù sao, anh ta chỉ là một sinh viên nước ngoài đang cố học về opera thành Vienna. Không có nguy hại gì cả, rõ là thế.

Nhưng đủ là đủ. Cô đi qua một tấm tranh quảng cáo, dĩ nhiên, dàn nhạc Opera Vienna đang diễn vở Cây sáo thần trong ba ngày. Có thể đó là một phần trong kỳ học của chàng trai.

Mặc dù sự say mê của mình. Edith Hardenberg chưa từng hao giờ được vào nghe nhạc ở Staatsoper. Dĩ nhiên, cô đã đi vào trong đó khi nó mở cửa ban ngày, nhưng một vé xem hoà nhạc nằm ngoài tầm với của cô. Chúng đắt quá mức. Những vé opera trong mùa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Muốn đặt dài hạn trong mùa phải thực sự giàu có. Những cái vé khác chỉ có thể mua được nếu có thể lực, mà cô thì chẳng hề có. Ngay cả những cái vé thường cũng nằm ngoài khả năng của cô. Cô thở dài và quay trở lại công việc của mình.

Đã kết thúc đợt ẩm. Những đám mây màu ghi lạnh lẽo quay trở lại. Theo thói quen của bữa trưa cô đến quán café quen thuộc và ở cái bàn quen thuộc. Cô là một người rất nguyên tắc, có những thói quen bất di bất dịch.

Vào ngày thứ ba sau chuyện ở công viên cô đến bàn của mình vào giờ thường lệ, đúng đến từng phút. và chợt nhận ra cái bên cạnh đã có người. Có hai quyển sách sinh viên – cô không buồn ngó qua tên - và một chai nước uống dở.

Cô vừa gọi xong món thì người ngồi bàn quay ra từ nhà vệ sinh nam. Chỉ đến khi ngồi xuống rồi anh ta mới nhận ra cô và tỏ ra rất ngạc nhiên.

- Ôi Gruss Gott - lại gặp cô nữa rồi. anh nói.

Môi cô mím lại tức tối. Người phục vụ đi tới và đặt trước cô đĩa thức ăn. Cô không thể đi được. Nhưng chàng trai không chịu lùi bước.

- Tôi đã xem xong tờ chương trình rồi. Tôi nghĩ giờ đây tôi đã hiểu được toàn bộ rồi.

Cô gạt đầu và bắt đầu một cách tinh tế để ăn. “Tốt lắm. Cậu học ở đây à?”

Chẳng rõ tại sao cô lại hỏi thế? Cái thứ điên rồ nào đã chạy vào trong người cô vậy? Nhưng những cuộc trò chuyện trong hàng ăn thì luôn có. Thế thì phải lo gì, hả Edith? Rõ ràng đó là một cuộc trò chuyện có văn hoá, ngay cả với một sinh viên nước ngoài, có hại gì đâu nào? Cô tự hỏi ông Gemuetlich có thể nghĩ gì, ông sẽ tức lắm, tất nhiên rồi.

Đôi mắt sẫm màu của chàng trai ánh lên hạnh phúc.

- Phải. Tôi học kỹ sư. Ở Đại học kỹ thuật. Khi tôi có bằng, tôi sẽ về nhà và giúp xây dựng đất nước tôi. Xin lỗi, tên tôi là Karim.

- Cô Hardenberg, cô nói chậm rãi. Thế anh từ đâu đến thế, thưa anh Karim?

- Tôi từ Jordan đến.

Ôi chúa nhân từ ơi, một người Ả-rập. Thì cô cũng cho rằng có nhiều người bọn họ ở đại học Kỹ thuật, cách Karntner hai dãy nhà. Phần lớn trong số đó cô nhìn thấy trên phố, những người kinh tế bán thảm và báo tại những quán cà phê vỉa hè và không chịu bỏ đi. Chàng trai gần cô thì lại trông thật đáng kính. Có lẽ anh ta đến từ một nhà khá giả. Nhưng dù sao đi nữa... một người Ả-rập. Cô kết thúc bữa ăn và gọi tính tiền. Thời gian đã đến để thoát khỏi chàng trai, dù cô nghĩ rằng thật lịch sự đáng ngạc nhiên. Đối với một người Ả-rập.

- Thế, anh nói về tiệc nuôi, tôi không nghĩ tôi có thể đi.

Giấy tính tiền của cô đã tới. Cô đếm mấy đồng tiền.

- Đi đâu?

- Đến rạp opera. Để xem Cây sáo thần. Không phải một mình - tôi chẳng điên đến thế. Nhiều người lắm. Không biết đi đâu cả không biết vỗ tay thế nào.

Cô mỉm cười vẻ khoan dung.

- Ôi tôi không nghĩ anh sẽ đến đây đâu, chàng trai trẻ ạ, bởi vì anh không có vé.

Anh có vẻ bối rối.

- Ôi không, không phải thế đâu.

Anh với tay vào túi áo và đặt hai vé lên mặt bàn. Bàn của cô. Ngay cạnh giấy tính tiền. Hàng thứ hai từ dàn nhạc. Cách các ca sĩ có mấy fit. Ngồi giữa.

- Tôi có một người bạn ở Liên Hợp Quốc. Họ có vé mà, cô biết đấy. Nhưng anh ta không muốn xem, thế là cho tôi.

Cho. Không bán, mà là cho. Ngoại hạng, và người ta cho đi

- Liệu cô, chàng trai hỏi giọng cầu khẩn, có thể đi cùng cô không? Xin cô mà.

Anh ta nói thật dịu dàng, như thể cô có thể mang anh ta đi vậy.

Cô nghĩ đến chuyện được ngồi trong cái thiên đường lớn lao, có vòm. lung linh, diệu kỳ đó, tâm trí cô nhảy dựng lên với âm sắc của những giọng trầm, giọng trung, giọng cao, và giọng buồn trong trần nhà phía trên.

- Chắc là không được rồi, cô nói.

- Ôi tôi xin lỗi, thưa cô. Tôi đã xúc phạm đến cô.

Anh ta chìa tay ra và cầm lấy hai cái vé, mỗi tay cầm một nửa và chuẩn bị xé chúng.

- Đừng. Tay anh hạ xuống ngay trước khi xé những tấm vé vô giá thành đôi. Anh không được làm thế.

Cô đỏ hồng cả má lên.

- Nhưng chúng chẳng có ích gì với tôi cả.

- Thế thì. tôi đề nghị...

Khuôn mặt anh căng lên.

- Thế cô sẽ chỉ cho tôi Nhà hát Opera chứ?

Chỉ cho anh ta rạp Opera. Chắc chắn việc đó thì lại là khác. Không phải là một cuộc hẹn hò. Không phải cái loại hẹn hò mà người ta... chấp nhận các cuộc hẹn. Giống một tua du lịch hơn, rõ là thế. Một sự lịch thiệp thành Vienna, chỉ cho một sinh viên từ nước ngoài đến với những bản khoản về thủ đô nước Áo.

Không có gì nguy hại trong đó hết cả...

Họ gặp nhau trên bậc tam cấp lúc bảy giờ năm mươi. Cô đã lái xe đến từ Grinzing và đỗ xe không gặp trở ngại nào. Họ hài lòng gặp nhau.

Nếu Edith Hardenberg đã xoay xoã với hai mươi mùa hè không tình yêu, đã rơi vào một thiên đường, thì đó là cái đêm vào năm 1990 đó khi cô ngồi cách sân khấu có vài fít và tự cho phép mình đắm vào âm nhạc. Nếu cô chưa từng bao giờ có cảm giác say rượu, thì tối đó cô đã tự cho phép mình có một chút ít trong cơn thác những giọng ca trầm bổng.

Vào nửa đầu cuộc diễn, khi Papageno hát và biểu diễn trước cô, cô cảm thấy một bàn tay mạnh mẽ đặt lên trên tay cô. Bản năng khiến cô rút phắt tay mình lại. Vào nửa cuối. khi chuyện đó lại diễn ra lần nữa, cô không làm gì hết cả và cảm thấy, với âm nhạc, sự ấm nóng tăng lên trong cô một bầu máu khác.

Khi buổi diễn kết thúc, cô vẫn còn ngất ngây. Mặc dù vậy nhẽ ra cô không nên cho phép anh đưa cô đi bộ qua quảng trường đến ngôi nhà cũ của Freud, quán cà phê Landlmann, giờ đây được dựng lại cho vinh quang năm 1890 của ông. Chính người hầu bàn siêu hạng Robert chỉ bàn cho họ, và họ ăn một bữa tối muộn.

Sau đó, cô đi về xe của mình. Cô đã bình tâm lại. Đã nguội đi

- Tôi sẽ rất thích nếu cô có thể chỉ cho tôi thành Vienna thật sự, Karim trầm giọng nói. Thành Vienna của cô, thành Vienna của những bảo tàng và những buổi hoà nhạc. Tôi sẽ không bao giờ hiểu được văn hoá nước áo, nếu cô không chỉ cho tôi.

- Anh nói gì thế, Karim?

Họ đứng cạnh chiếc xe. Không, cô sẽ nhất định không để anh dẫn mình đến nhà anh ta, dù ở đâu đi chăng nữa, và sẽ nhất quyết không mời anh ta về nhà cô.

- Tôi rất thích được gặp cô nữa.

- Tại sao?

Nếu anh ta nói mình đẹp, mình sẽ đánh anh ta, cô nghĩ.

- Vì cô dễ mến quá, anh nói.

Cô đổ hồng má trong bóng tối. Anh không nói một lời nào nữa mà chỉ cúi về phía trước và hôn vào má cô. Rồi anh đi, chạy qua quảng trường. Cô lái xe về nhà một mình.

Tối đó, những giấc mơ của Edith Hardenberg thật lộn xộn.

Cô mơ về trước đó lâu. Cô mơ thấy Horst, người đã yêu cô qua mùa hè năm 1970 khi cô mười chín tuổi và còn trinh trắng. Horst, người đã kêu gọi và làm cô yêu anh. Horst, người đã đi vào mùa đông không một lời để lại hay giải thích hay chỉ là một lời từ biệt.

Đầu tiên cô nghĩ anh ta gặp tai nạn, và cô gọi đến các bệnh viện. Rồi nghĩ rằng công việc bán hàng lưu động của anh ta đã gọi anh ta ra đi và anh ta sẽ gọi lại cho cô.

Sau đó, cô được biết anh ta đã cưới cô gái ở Graz, người anh ta đã yêu khi đi đến đó.

Cô đã kêu khóc cho đến mùa xuân. Rồi cô mang mọi thứ kỷ niệm về anh ta, mọi dấu hiệu về sự hiện hữu của anh ta ở đó, và đốt đi. Cô đốt các món quà và ảnh họ đã chụp khi họ đi trên mặt đất và khi lái tàu đi trên những cái hồ Schlosspark ở Laxemburg, và phần lớn trong đó cô đốt bức ảnh cái cây dưới đó anh yêu cô lần đầu tiên, thật sự yêu cô và làm cho cô thuộc về anh ta.

Cô không có người đàn ông nào nữa cả. Họ chỉ bội bạc con và bỏ rơi con, mẹ cô nói thế, và mẹ cô đã đúng: Không thể bao giờ có người đàn ông nào nữa hết, không bao giờ, cô đã thề.

Đêm đó, một tuần trước lễ Giáng Sinh, những giấc mơ tan biến trước bình minh, và cô ngủ với tờ chương trình Cây sáo thần bên cạnh. Trong khi cô ngủ, một vài nét dễ dàng từ khoe miệng cô và khoe mồm cô lộ ra. Và khi ngủ, cô mỉm cười. Chắc chắn chẳng có gì hại ở đó hết cả.

13. Chương 13

Chiếc Mercedes to lớn màu ghi đang gặp tắc đường. Bấm còi như điên, người lái xe đẩy dạt vào hai bên một dòng thác ô tô, xe tải, hàng chợ, và những xe đẩy tạo nên một dòng cuộc sống giữa các phố tên là Khulafa và Rashid.

Đó là Baghdad cổ, nơi những người buôn bán và bán hàng, những người bán quần áo, vàng, hương liệu, những người mua hầu hết các hàng hoá, phải khó khăn đi lại trong suốt mười thế kỷ qua.

Chiếc xe rẽ xuống phố Bank, nơi hai đường đầy xe ô tô đang đỗ, và cuối cùng lao sang phố Shurja. Trước đó, chợ trên phố của những người bán hương liệu là không thể vào được.

Người lái xe quay đầu lại.

- Tôi chỉ có thể đi vào được đến thế này thôi.

Leila Al-Hilla gạt đầu và đợi cánh cửa mở ra cho mình. Bên cạnh người lái xe là Kemal, vệ sĩ thân tín của tướng Kadiri, một trung úy sắt thép của các Lực lượng Vũ trang đã trở thành nhân viên của Kadiri trong nhiều năm. Cô ghét anh ta.

Sau một lát dừng lại, viên trung sĩ mở cửa, nhấc thân hình cao lớn của mình lên vỉa hè, và mở cửa sau. Anh ta biết một lần nữa cô lại nhục mạ anh, và nó được thể hiện trong mắt anh ta. Cô nhẹ nhàng bước ra khỏi xe và chẳng buồn liếc nhìn hay một lời cảm ơn.

Một lý do khiến cô ghét người vệ sĩ là vì anh ta đi theo cô mọi nơi. Đó là công việc của anh ta, dĩ nhiên do Kadiri giao, nhưng điều đó không làm cô bớt ấn tượng xấu về anh ta. Khi nghiêm túc, Kadiri là một người lính chuyên nghiệp rất nghiêm khắc; trong vấn đề dục tình thì ông ta cũng ghen tuông ở mức độ không thua kém. Từ đó quy tắc của ông ta là cô không bao giờ được một mình trong thành phố hết cả.

Lý do khác khiến cô không ưa người vệ sĩ là rõ ràng anh ta đang ve vãn cô. Một người đàn bà với ham muốn cao độ như cô có thể hiểu rõ mọi người đàn ông đều ham muốn cơ thể cô, và nếu giá chấp nhận được cô sẽ chấp nhận ngay, không quan tâm đến cái trò kỳ quặc đến thế nào. Nhưng Kemal đã phạm vào cái lỗi xấu

xa nhất: Là một trung sĩ. anh ta nghèo, làm thế nào mà anh ta lại cả gan có những ý nghĩ đó kia chứ Anh ta rõ ràng là đã dám - một sự pha trộn của chiêm ngưỡng cô và ham muốn nhục dục. Điều đó lộ ra khi anh ta biết tướng Kadiri không có đó.

Về phần mình anh ta biết sự mãnh liệt của cô, và điều đó làm anh ta thích ve vãn cô bằng những cái liếc nhìn trong khi ngôn ngữ vẫn lộ rõ sự chần chừ.

Cô đã phàn nàn với Kadiri về sự sỗ sàng láo toét của anh ta, nhưng ông chỉ phá lên cười. Ông có thể nghi ngờ bất kỳ người đàn ông nào ham muốn cô, nhưng Kemal được phép có nhiều tự do bởi vì Kemal đã cứu sống ông trong trận Al Fao chống người Iran, và Kemal có thể vì ông mà hy sinh.

Người vệ sĩ sắp cửa lại và đứng cạnh cô khi họ tiếp tục đi xuống phố Shurja.

Vùng này là Agid al Nasara, vùng của người Công giáo- Ngoài nhà thờ thánh George bên kia sông, được xây dựng bởi người Anh cho chính mình và niềm tin Tin lành của mình, có ba giáo phái Công giáo ở Iraq, chiếm khoảng 7% dân số nước này. Giáo phái lớn nhất là Assyry hoặc Syriac, mà nhà thờ nằm giữa vùng Công giáo, bên ngoài phố Shurja. Một dạng cách đó là nhà thờ Armenie, gần một cái khác rất gần những phố nhỏ và đường đi mà lịch sử được lùi lại nhiều thế kỷ tên là Campel Arman, khu phố cổ Armeny.

Kề với nhà thờ lớn Syriac là nhà thờ thánh Joseph, của người Công giáo Chaldea, giáo phái nhỏ nhất. Nếu lễ nghi Syriac giống nhà thờ Chính giáo Hy Lạp, thì của Chaldea lại hao hao nhà thờ Thiên chúa giáo. Người Iraq đáng kính nhất trong số các tín đồ công giáo Chaldea khi đó là bộ trưởng ngoại giao Tang Aziz, mặc dù sự trung thành như chó săn của ông ta với Saddam Hussein và những chính sách diệt chủng của mình, ông ta, Aziz, vẫn luôn mồm rao giảng về hoà bình. Leila Al-Hilla cũng đã sinh ra là một tín đồ Chaldea, và giờ đây điều này tỏ ra rất hữu dụng.

Cặp trai gái không ưa gì nhau đi đến cái cổng nép thếp dẫn vào cái sân to trước mặt một cánh cửa vòng cung của nhà thờ Chaldea. Kemal dừng lại. Là một tín đồ Hồi giáo, anh ta không thể đi thêm một bước nào nữa. Cô gật đầu với anh ta và đi vào trong cổng. Kemal nhìn cô khi cô mua một cây nến nhỏ ở một cửa hàng ngoài cửa. lật chiếc mũ ra đằng sau, và đi vào bên trong tối om.

Người vệ sĩ nhún vai và đi lùi lại vài yard để mua một lon Coke và tìm một chỗ để ngồi và nhìn đường ra. Anh ta tự hỏi tại sao ông chủ của mình lại cho phép cái trò vô tích sự này. Người đàn bà là một thứ dễ hơi; vị tướng có thể một ngày nào đó sẽ bỏ cô ta và anh ta, Kemal, đã được hứa. có thể rất sung sướng trước khi cô ta bị loại đi. Anh ta mỉm cười về triển vọng, và làm tràn nước ngọt ra cằm.

Trong nhà thờ Leila dừng lại để thấp ngọn nến từ một trong những hàng trăm ngọn lửa gần cửa, rồi. cúi lom khom, đi vào những ô xưng tội ở bên kia. Một nhà tu mặc áo chùng đen đi qua nhưng không đoái hoài gì đến cô cả.

Luôn cùng trong một ô xưng tội. Cô đi vào vào giờ chính xác, nới đuôi một người đàn bà vận đồ đen cũng đang tìm một nhà tu để nghe những tội lỗi cho mình, có khả năng còn tâm thường hơn người đàn bà trẻ đang tiếp đuôi bà ta và ngồi vào chỗ của mình.

Leila đóng cửa sau lưng mình, quay lại, và ngồi vào chỗ của người xưng tội. Bên phải cô là một cái mắc lưới chắc chắn.

Cô nghe thấy có tiếng động nhỏ đằng sau. Anh ta có thể đã ở đó rồi; anh ta luôn ở đó vào giờ đã hẹn.

Anh ta có thể là ai? Cô tự hỏi. Tại sao anh ta lại trả nhiều tiền đến thế cho thông tin mà cô mang đến cho anh ta? Anh ta không phải là người ngoại quốc - tiếng Ả-rập của anh ta quá tốt, tiếng Ả-rập của một người sinh ra và lớn lên ở Baghdad này. Và tiền của anh ta thì tốt, thật là tốt.

- Leila phải không? Giọng nói là một tiếng thì thầm, nhỏ và đều đều. Cô luôn phải đến sau anh ta và rời đi trước anh ta. Anh ta đã báo trước là không được rình mò bên ngoài để nhìn anh ta, nhưng bằng cách nào cô có thể làm vậy, với Kemal luôn kề kề bên cạnh cơ chứ? Thằng cha có thể thấy cái gì đó và báo lại cho ông chủ của hắn. Cuộc đời cô đáng giá hơn thế chứ.

- Hãy nói con là ai đi.

- Thưa cha, con đã phạm tội trong những vấn đề xác thật và không đáng được cha tha thứ.

Chính anh ta là người đã sáng tác ra câu nói đó. bởi vì không ai khác có thể nói như thế.

- Thế cô có gì cho tôi?

Cô luồn tay vào giữa hai chân, kéo ra, và xé một gói băng vệ sinh anh ta đã đưa cô nhiều tuần trước. Một đầu rơi ra. Cô kéo ra một cuộn giấy dày hình ống không lớn hơn một cái bút chì. Cô chuyển nó qua tấm màn của cái ô.

- Đợi nhé.

Cô nghe thấy tiếng sột soạt của giấy nên khi người đàn ông đưa con mắt chuyên nghiệp kiểm tra những ghi chép của cô - Một báo cáo về những suy tính và kết luận của hội đồng kế hoạch ngày hôm trước do đích thân Saddam Hussein chủ trì, tại đó tướng Abdullah Kadiri cũng có mặt.

- Tốt, Leila. Tốt lắm.

Hôm nay tiền bằng đồng frăng Thụy Sĩ, những đồng tiền có mệnh giá rất cao, được tuồn qua song từ anh ta đến cô. Cô giấu kín tất cả chúng vào chỗ cô đã để thông tin của mình, một chỗ cô biết hầu hết những tin đồ Hồi giáo nam đều coi là bản thủ trong một khoảng thời gian nào đó. Chỉ bác sĩ hay lữ AMAM chết dẫm mới có thể tìm thấy ở đó.

- Phải tiếp tục bao lâu nữa đây? Cô hỏi chần song.

- Không lâu nữa đâu. Chiến tranh sẽ sớm xảy ra thôi. Khi nó kết thúc, Rais sẽ sụp đổ. Những người khác sẽ lên nắm quyền. Tôi sẽ có thể là một trong số đó. Khi đó cô sẽ thực sự được thưởng, Leila ạ. Hãy bình tĩnh làm công việc của mình, và kiên nhẫn.

Cô mỉm cười. Thực sự được trả công. Tiền, rất nhiều tiền, đủ để đi xa và sống những ngày cuối đời trong giàu có.

- Giờ thì đi đi.

Cô đứng lên và rời khỏi cái ô. Người đàn bà nhiều tuổi mặc đồ đen đã tìm thấy ai đó khác để xưng tội. Leila lại đi qua khung nhà và đi ra ánh mặt trời. Thăng khôn Kemal đang đứng ở cánh cổng nép thếp, vung vẩy một lon nước ngọt trên một ngón tay to đùng, phơi mình ra trước cái nóng. Tốt, cứ để hẳn ta đổ mồ hôi. Hẳn sẽ còn đổ nhiều mồ hôi hơn nữa nếu hẳn biết...

Không thèm liếc qua anh ta, cô quay lại phố Shurja, đi qua cái chợ đông nghịt đi đến cái xe đang đợi sẵn. Kemal diên tiết nhưng không biết làm thế nào, lủi thủi đi theo cô ta. Cô không thèm để ý dù chỉ một chút một cái fellagha tòi tệ đây một cái xe đạp với một cái giỏ trần dang trước, và người này cũng không mấy may quan tâm đến cô. Người đàn ông là người duy nhất trong chợ đi mua đồ ăn, đi mua các thứ quả.

Một mình trong ngăn xưng tội, người đàn ông trong chiếc cassock đen của một thầy tu Chaldea ngồi đợi một lúc lâu để chắc chắn rằng nhân viên của mình đã rời khỏi phố. Cô ta chẳng thể nào nhận ra ông ta, nhưng trong trò chơi này ngay cả những điều vớ vẩn cũng có thể dẫn đến thảm họa. Ông ta nghĩ về những điều đã nói với cô. Chiến tranh đang đến gần. Người Mỹ đã mắc vào và không thể rút được nữa. Trừ khi người trong cung điện bên dòng sông ở cầu Tamuz không chịu rút lui đơn phương khỏi Kuwait. May mắn sao, ông ta có vẻ như là đã dính chặt vào chuyện phá hủy của mình. Người Mỹ có thể chiến thắng trong cuộc chiến, và rồi sau đó họ có thể quay trở lại Baghdad để hoàn thành công việc của mình.

Chắc chắn là họ không thể chỉ chiến thắng ở Kuwait và nghĩ là đó là kết thúc của chuyện đó? Không ai có thể mạnh hơn và ngu ngốc hơn thế.

Khi họ tới, họ có thể phải cần đến một chính quyền khác.

Là người Mỹ, họ có thể ngã mạnh về ai đó có thể nói tiếng Anh lưu loát, người nào đó hiểu các phương cách của họ, các suy nghĩ của họ, và tiếng nói của họ, và người có thể biết phải nói gì để làm vui lòng họ và trở thành lựa chọn của họ.

Với giáo dục tốt, sự tinh thông tài năng giờ đây là những thứ phản lại anh, lại có thể là cái sẽ đem lại mọi thứ. Lúc này, anh ta bị gạt ra khỏi các hội đồng cao nhất và những quyết định tốt mật của Rais - bởi vì

anh ta không phải thuộc bộ lạc Al- Tikriki khốn khiếp, hay là một người đệ tử trung thành cả đời của đảng Ba'ath, hay một ông tướng, hay một anh em cùng cha khác mẹ của Saddam.

Nhưng Kadiri thuộc bộ lạc đó - và được tin tưởng. Chỉ một ông tướng xe tăng tầm thường và với những sở thích của một con lạc đà ngổ ngẩn, từng chơi trong cát bụi của những con đường Tikrit với Saddam và tộc người của ông ta, và thế là đã đủ. Kadiri có mặt ở mọi cuộc họp đưa đến quyết định và biết mọi bí mật. Người trong đó cần biết những cái đó để mà tự có những chuẩn bị của mình.

Khi nghĩ rằng đã đợi đủ rồi, người đàn ông đứng dậy và đi ra. Thay vì đi ngang qua cửa chính, anh ta lướt qua một cửa bên đi ra hông, gạt đầu với một thầy tu chính hiệu đang mặc quần áo cho một nghi lễ, và rời khỏi nhà thờ bằng cửa sau.

Người đàn ông đi xe đạp chỉ cách đó có 20 feet. Rất tình cờ anh ta liếc nhìn lên khi người thầy tu trong bộ cassock màu đen của mình hiện lên trong ánh mặt trời và tiến tới đúng lúc đó.

Người đàn ông mặc cassock cũng liếc nhìn người kia, chỉ trông thấy cái fellagha quần trên chiếc xe đạp thay cho xích, và đi nhanh xuống cái ngõ đi về hướng một cái xe nhỏ rất bình thường.

Người đi chợ mua thức ăn thấy mồ hôi ròng ròng trên mặt và tim nảy lên. Gần quá, mẹ kiếp, gần quá. Anh đã cố gắng tìm cách tránh mọi chỗ gần đại bản doanh của Mukhabarat ở Mansour tránh trường hợp bị nhìn thấy mặt. Thế quái nào ông ta lại là một thầy tu trong khu phố Công giáo cơ chứ?

Chúa ơi, đã nhiều năm trôi qua - nhiều năm kể từ khi họ cùng chơi với nhau trên sân của ngôi trường Tasisiya của ông Hartley, từ khi anh đắm vào hàm răng nhóc vì đã nhạo báng đứa em trai yêu quý của anh: kể từ khi họ ngâm thơ trong lớp: luôn bị Abdelkarim Badri vượt mặt. Đã là một khoảng thời gian dài kể từ khi anh nhìn thấy người bạn cũ Hassan Rahmani, giờ đây là chỉ huy Phán giám của Cộng hoà Iraq.

Giáng sinh đang đến gần, và trong các sa mạc của miền bắc Ả-rập Xê-út, ba trăm nghìn người Mỹ và người Âu hướng suy nghĩ của mình về nhà khi họ chuẩn bị cho buổi lễ trong một vùng đất rất đậm chất Hồi giáo. Nhưng mặc dù buổi lễ ra đời Chúa đang đến gần, đội quân của lực lượng xâm lược lớn nhất từ sau Normandie vẫn tiếp tục.

Phần sa mạc trong đó các lực lượng Liên quân đóng quân vẫn ngả về phía nam của Kuwait. Không hề có gì che giấu cuối cùng một nửa lực lượng này sẽ được đưa đi xa hơn về phía tây.

Ở các cửa ngõ ven biển các sư đoàn mới vẫn tiếp tục đổ vào Lữ đoàn số bốn của Anh đã gia nhập Những con chuột Sa mạc, đội thứ Bảy, để tạo nên Sư đoàn thứ nhất. Người Pháp cũng đã có đóng góp của mình lên tới 10.000 người, trong đó có cả đội lính Lê dương.

Người Mỹ đã nhập khẩu, hay gần như thế, Sư đoàn Kỵ binh số Một, số Hai và Số Ba, Sư đoàn Bộ binh tiên tiến số Một và Ba, hai sư đoàn Hải quân. và Đội không quân 82 và 101.

Ngay trên đường biên giới, nơi họ muốn ở, là lính thường trực Xê-út và các lực lượng đặc biệt, với các sư đoàn Ai Cập và Syrie hỗ trợ và những đơn vị khác được rút đến từ nhiều quốc gia Ả-rập nhỏ hơn.

Các nguồn nước phía bắc của Vịnh Ả-rập phần lớn đã được đập bởi những tàu chiến từ các hải quân Liên quân. Trong Vịnh hay trên Biển Đỏ bên kia của Ả-rập Xê-út, Mỹ đã đặt năm đội tiếp tế do các tàu Eisenhower, Independence, John F. Kennedy, Midway, và Saratoga chỉ huy, với những chiếc America. Ranger, và Theodore Roosevelt vẫn đang trên đường tới.

Chỉ riêng lực lượng không quân của những chiến hạm này, những chiếc Tomcat, Hornet, Intruder, Prowler, Avenger, và Hawkeye đã gây ấn tượng lắm rồi.

Trong vịnh, chiến hạm Wisconsin của Mỹ đang ở trạm, đi cùng với chiếc Missouri vào tháng Giêng.

Tại các nước vùng Vịnh và Ả-rập Xê-út, mọi sân bay có giá trị đều có máy bay chiến đấu, máy bay thả bom, máy bay tiếp nhiên liệu, máy bay chở hàng, và máy bay do thám, tất cả trong số đó đều sẵn sàng bay vào mọi lúc, mặc dù vẫn chưa xâm phạm không phận Iraq, với ngoại lệ là những chiếc máy bay do thám bay tít ở trên không bị phát hiện.

Trong nhiều trường hợp Không lực Mỹ chia sẻ sân bay với các đội bay của Không lực Hoàng gia Anh. Vì các đội bay cùng ngôn ngữ, liên lạc dễ dàng, thoải mái, và thân thiện. Đôi lúc, tuy nhiên, cũng có những

hiểu lầm.

Một trong số đó liên quan đến một địa điểm bí mật của Anh được biết đến đơn giản là MMFD.

Vào một công vụ tập sớm, một chiếc Tornado của Anh đã bị người kiểm soát không lưu hỏi có phải đang đi đến một địa điểm nào đó không. Phi công trả lời là không, anh ta vẫn ở trên MMFD.

Vào lúc đó, nhiều phi công Mỹ nghe về địa điểm này và giữ bản đồ để tìm. Đó là một sự rắc rối vì hai lẽ: người Anh có vẻ đã bỏ quá nhiều thời gian vào đó, và nó không ở trên một bản đồ hàng không nào của Mỹ. Lý thuyết được đặt ra rằng nó có thể là một sự nghe nhầm của KKMC, cái được đặt cho Khu quân sự Vua Khaled, một căn cứ lớn của Xêut. Điều này được tranh luận, và sự tìm kiếm tiếp tục. Cuối cùng những người Mỹ đành bỏ. Mọi nơi MMFD được đặt, đó chỉ đơn giản được tìm thấy trên các bản đồ hàng không do các đội USAF cung cấp bởi các nhà hoạch định chiến lược ở Riyadh.

Cuối cùng các phi công Tornado chấp nhận sự bí mật của MMFD. Nó nằm ở “hàng dặm hàng dặm trong cái sa mạc chó chết”.

Trên mặt đất, lính tráng đang ở trong MMFD. Với nhiều người, ngủ dưới xe tăng, lau súng, và ô tô, cuộc sống thật nặng nhọc, và còn tệ hơn, thật nhàm chán.

Tuy vậy cũng có những trò giải trí, và một trong số đó là đi thăm các đơn vị lân cận vào thời gian cho phép. Người Mỹ được trang bị với những chiếc túi tốt, mà người Anh rất thèm muốn. Do tình cờ, người Mỹ cũng có cùng những món ăn được chuẩn bị, một nhân viên phục vụ của Lầu Năm Góc thà chết còn hơn phải ăn nó ba ngày một lần.

Chúng được gọi là MRE, có nghĩa là Món-ăn-sẵn. Lính Mỹ từ chối vì chất lượng tồi của nó và cả quyết rằng MRE thực sự là những món đồ ăn do người Ethiopia vứt đi. Ngược lại, người Anh lại chén rất ngon lành. đến nỗi một vụ chuyển nhượng chớp nhoáng được thiết lập giữa các giường Mỹ và đội Anh.

Một mẩu tin khác từ bên các đội Anh làm người Mỹ há hốc mồm là Bộ Quốc phòng Anh đặt nửa triệu bao cao su cho lính vùng Vịnh. Trong các sa mạc hoang vu của Ả-rập một vụ mua bán như thế hẳn nhiên ngụ ý người Anh phải biết gì đó mà lính Mỹ không biết.

Điều bí ẩn đã được làm sáng tỏ cái ngày trước khi trận chiến trên bộ mở màn. Người Mỹ đã tiêu tốn hàng trăm ngày lau chùi súng và còn mất nhiều hơn để tránh chúng khỏi cát bụi. Người Anh biến bao cao su của mình thành những cái túi đựng dầu lau súng tuyệt vời.

Ngay trước Giáng sinh đánh dấu bằng sự kiện Pháp gia nhập trở lại trái tim của cơ quan lập kế hoạch của Liên quân. Trong những ngày đầu tiên, Pháp đã có một thảm họa do Bộ trưởng Quốc phòng tên là Jean-pierre Chevenement gây ra, người tỏ ra rất thân thiện với Iraq và ra lệnh người chỉ huy Pháp chuyển mọi quyết định về kế hoạch của Liên quân về Paris. Khi tướng Schwarzkopf biết điều đó, ông và ngài Peter de la Billière gần như phá lên cười. Ông Chevenement vào thời điểm đó cũng là ngọn đèn dẫn lối cho Hội Hữu nghị Pháp - Iraq.

Mặc dù đội của Pháp do một người lính tốt chỉ huy trong quân phục tướng Michel Roquejoffre, nước Pháp vẫn bị loại khỏi các cuộc họp lên kế hoạch.

Cuối năm đó, Pierre Joxe lên nắm quyền Bộ trưởng Quốc phòng Pháp và ngay lập tức đã ngừng lệnh đó lại. Từ lúc đó, tướng Roquejoffre có thể được đưa vào trong vòng tin cậy của người Mỹ và người Anh.

Hai ngày trước Giáng sinh, Mike Martin nhận được từ Jericho câu trả lời cho một câu hỏi được đặt ra một tuần trước đó Jericho biết rất rõ: Trong vài ngày trước một cuộc họp nội các khẩn cấp chỉ gồm bộ sậu của Saddam Hussein, Hội đồng Chỉ huy Cách mạng, và những tướng lĩnh cao cấp nhất đã được tổ chức.

Vấn đề Kuwait được nêu ra theo hướng từ chối đề nghị của Liên Hợp Quốc. Tất cả đều chờ đợi Saddam đưa ra một gợi ý ông ta không chịu làm vậy, như thường lệ ngồi ở đầu bàn như thể chờ đợi con rắn hổ mang, mắt đảo nhìn từ người này sang người khác như thể rình mò một chút gì đó không trung thành ở họ.

Không như lệ thường, không có một lời hướng dẫn của Rais, cuộc tranh luận bị đình xuống. Khi Saddam bắt đầu nói thật bình thản, điều đó có nghĩa là khi ông ta đang nguy hiểm nhất.

Bất kỳ ai, ông nói, có trong đầu ý nghĩ chấp nhận sự nhục mạ lớn đến thế với Iraq trước người Mỹ, dù chỉ là một ý nghĩ thoáng qua, đều là một kẻ liếm gót Mỹ cả đời. Một kẻ như thế không thể có chỗ ở cái bàn này được.

Và chỉ có thế. Tất cả những người có mặt đều ngửa ra sau giải thích một ý tưởng như thế không bao giờ, trong trường hợp nào đi nữa, xuất hiện trong đầu họ.

Rồi vị tổng thống Iraq thêm vào một điều nữa: chỉ khi Iraq chiến thắng và được coi là chiến thắng mới có thể rút quân khỏi tỉnh thứ mười chín của Iraq.

Mọi người quanh bàn đều gật đầu ngoan ngoãn, mặc dù không ai hiểu ông ta đang nói gì.

Đó là một báo cáo dài, và Mike Martin chuyển nó cho ngôi biệt thự bên ngoài Riyadh cùng trong đêm đó.

Chíp Barber và Simon Paxman chăm chú hàng giờ vào đó. Mỗi người đều quyết định rời Ả-rập Xê-út về nhà vài ngày, để Julian Gray và Chỉ huy Trạm CIA địa phương người Mỹ lại liên lạc với Mike Martin tiếp tục điều hành Jericho. Chỉ còn có 24 ngày là đến hạn cuối của Liên Hợp Quốc và bắt đầu của cuộc chiến tranh trên không của Chuck Horner chống Iraq. Cả hai người đều muốn có một kỳ nghỉ ở nhà, và báo cáo đầy sức nặng của Jericho cho họ cơ hội đó. Họ có thể cầm nó về nước.

- Anh nghĩ hẳn ta muốn nói gì, chiến thắng và được coi là chiến thắng? Barber hỏi.

- Không hiểu được, Paxman nói. Chúng tôi có một số chuyên gia phân tích giỏi hơn chúng ta sẽ xem xét điều này.

- Chúng tôi cũng có. Tôi sẽ đưa nó cho Bill Stewart, và ông ấy có lẽ sẽ có cách nào đó phân tích sâu hơn trước khi nó đi đến tay giám đốc và Bộ Ngoại giao.

- Tôi cũng có một nhân vật để làm việc này, Paxman nói. và họ chia tay tại sân bay để bay về nước của họ.

Vào đêm Giáng sinh, ngồi trong một bar rượu kín đáo ở London vùng tây với Simon Paxman, tiến sĩ Terry Martin được cho xem toàn văn bản của thông điệp của Jericho và được hỏi liệu anh có thể cố làm sáng tỏ điều đó, hoặc bất cứ gì, mà Saddam Hussein muốn nói đến bằng cách chiến thắng Mỹ với giá rời khỏi Kuwait.

- Nhân tiện, anh hỏi Paxman, tôi biết điều này phá vỡ các quy tắc cần-biết, nhưng tôi thực sự lo lắng. Tôi làm những điều này cho anh - thì anh hãy làm cho tôi một điều nhé. Anh Mike của tôi đang làm thế nào ở Kuwait? Anh ấy vẫn được an toàn chứ?

Paxman nhìn chăm chăm vào vị tiến sĩ Ả-rập nhiều giây liền.

- Tôi chỉ có thể nói là từ lâu nay anh ấy đã không còn ở Kuwait nữa rồi, anh ta nói. Và còn lại thì công việc của tôi không biết được.

Terry Martin thở phào.

- Đây là Giáng sinh tốt đẹp nhất mà tôi có được. Cám ơn anh, Simon. Anh nhìn lên và vẫy một ngón tay. Chỉ một điều thôi - đừng có nghĩ việc gửi anh ấy đến Baghdad đấy nhé.

Paxman đã trong nghề được 15 năm. Anh giữ khuôn mặt lạnh băng, cách nói năng vẫn nhẹ nhàng như cũ. Nhà học giả rõ ràng là chỉ đang đùa thôi.

- Thật ư?, Tại sao không?

Terry uống cạn ly rượu của mình và không nhìn thấy cái thoáng tình quái trong mắt viên sĩ quan tình báo.

- Simon thân mến của tôi, Baghdad là thành phố anh ấy không thể đặt chân vào. Anh còn nhớ những cuộn băng mà đài Iraq đã bắt được mà Sean Plummer đã đưa tôi không?

Một số trong những giọng nói đó đã được nhận ra. Tôi nhận ra một trong số những cái tên. Quý quái thật, nhưng tôi tin là tôi đúng.

- Thật ư? Paxman hờ hững nói. Nói rõ cho tôi xem nào.

- Đã lâu lắm rồi, dĩ nhiên, nhưng tôi biết đó vẫn là con người ấy. Và tại sao không cơ chứ? Anh ta bây giờ là giám đốc Phủ giám Baghdad, tay sấn gián điệp số một của Saddam.

Hassan Rahmani, Paxman lẩm bẩm. Paxman không thể bình tĩnh được nữa, dù là đang ngay trước Giáng sinh. Anh ta không thể giữ được nữa. Anh đã buột miệng.

- Chính đó. Họ đã học cùng trường với nhau, anh biết không. Tất cả chúng tôi. Ở cái trường của ông già Hartley ấy. Mike và Hassan là bạn rất thân. Thấy không nào? Thế cho nên anh ấy không bao giờ được để trông- thấy ở Baghdad.

Paxman bỏ ngay quỳ rượu và nhìn chăm chăm nhà Arập học đang đi ra phố.

- Ôi mẹ kiếp, anh ta nói, ôi mẹ kiếp, mẹ kiếp thật.

Ai đó vừa mới mất vui trong đêm Giáng sinh, và anh ta cũng đi phá hoại luôn đêm Noel của Steve Laing.

Edith Hardenberg đã tới Salzburg để nghỉ với mẹ mình, một truyền thống gia đình đã có từ nhiều năm nay. Karim, cậu sinh viên Jordan trẻ tuổi, đã có thể đến thăm Gidi Barzilai ở căn hộ an toàn của ông, nơi người điều hành chiến dịch Joshua đang uống rượu giải sầu với các nhân viên đội yarid và neviot làm việc dưới quyền của mình. Chỉ một người không may mắn phải đến Salzburg, theo dõi cô Hardenberg trong trường hợp cô đột ngột quay về thủ đô.

Tên thật của Karim là Avi Herzog, 29 tuổi đã từng phục vụ cho Mossad nhiều năm nay ở Đơn vị 504, một nhánh của Tình báo Quân đội chuyên gia về vượt biên, công việc đã cho anh ta một thứ tiếng Arập thật chuẩn. Vì vẻ ngoài ngon lành của anh ta và vẻ rụt rè ngây thơ và cung cách rất được lòng chị em mà anh ta có thể sử dụng khi cần, Mossad đã hai lần sử dụng anh ta trong hai vụ “nam nhân kế”

- Công việc tiến triển thế nào rồi, chàng trai đang yêu?

Gidid hỏi khi anh ta đi vào chỗ những chai rượu.

- Chậm chạp lắm, Avi nói.

- Đừng để kéo dài quá đấy nhé. Ông già muốn một kết quả, nhớ đấy.

- Đó là một mục tiêu rất khó chơi đấy, Avi trả lời. Chỉ quan tâm đến những vấn đề trí tuệ thôi.

Trong vỏ bọc là một sinh viên từ Amman, anh ta có một căn hộ nhỏ cùng ở với một sinh viên Arập khác, trên thực tế là một thành viên của đội neviot, một chuyên gia nghe trộm điện thoại cũng nói tốt tiếng Arập. Đó là để đề phòng trường hợp Edith Hardenberg hay ai đó có thể nhúng mũi kiểm tra nơi anh ta ở và người sống cùng anh ta.

Căn hộ chia nhau có thể không bị kiểm tra - nó chất đầy các sách về cơ khí và vài tờ báo và tạp chí Jordan. Cả hai người đều ghi tên theo học ở Đại học Kỹ thuật trong trường hợp một sự kiểm tra cũng được thực hiện ở đó. Chính người cùng ở với Herzog trong căn hộ đó lên tiếng.

- Trí thức Hây phân tích xem nào.

- Đó là vấn đề, Avi nói. Tôi không thể.

Khi tiếng cười đã lắng xuống, anh ta nói thêm:

- Nhân tiện, tôi đang sắp gặp nguy hiểm đây.

- Tại sao hả? Gidi hỏi. Nghĩ cô ta sẽ cắn vỡ nó khi cậu cởi cái quần jean của cậu à?

- Đâu có Đó là các phòng trưng bày nghệ thuật, các buổi hoà nhạc, opera, độc tấu. Tôi không thể chết vì buồn chán trước khi nó đi quá xa đấy nhé.

- Cậu chỉ cần làm cái cậu có thể biết thôi, cậu bé xinh xẻo ạ Cậu chỉ ở đây bởi vì Văn phòng nói cậu có cái mà chúng tôi không thể.

- Đúng vậy, cô gái thành viên của đội yarid theo dõi nói. Khoảng 9 inch.

- Đủ rồi đây Yael trẻ tuổi ạ. Cô có thể phải về vì nhiệm vụ thường ngày ở phố Hayarkon bất kỳ lúc nào cô muốn mà.

Uống, tiếng cười, và những lời đùa cợt bằng tiếng Do Thái tới tấp bay ra. Đêm đó. Yael phát hiện mình đã đúng. Đó là một đêm Giáng sinh tốt đẹp cho đội Mossad ở Vienna.

- Thế anh đang nghĩ gì vậy, Terry?

Steve Laing và Simon Paxman đã mời Terry Martin đến gặp họ ở một trong số các căn hộ của Hãng ở Kensington. Họ cần nhiều riêng tư hơn có thể có được ở một quán ăn. Hai ngày nữa thì sang năm mới.

- Thật tuyệt. Martin nói. Thật là rất tuyệt. Có thật không hả? Saddam đã nói tất cả những thứ đó hả?

- Tại sao anh lại hỏi thế?

- Nào, nếu các anh thứ lỗi nếu tôi hỏi thế, đó quả là một cú nghe trộm điện thoại kỳ lạ đó. Người nói có vẻ như đang báo cáo đến ai đó trong một cuộc họp mà ông ta tham dự... Người kia ở bên đầu dây không thấy nói gì.

Dù chỉ đơn giản là cách Hãng sẽ nói với Terry Martin bằng cách nào họ có bản báo cáo.

- Những can thiệp của người kia là rất đúng, Laing nhẹ nhàng nói. Chỉ là những tiếng khùng khục và những câu tỏ ý quan tâm.

- Nhưng đó đúng là ngôn ngữ Saddam đã dùng chứ?

- Thì chúng tôi tin thế mà.

- Thật là tuyệt vời. Lần đầu tiên tôi nghe được điều gì đó ông ta nói không phải để xuất bản hay cho một công chúng rộng rãi đấy.

Martin có trong tay không phải báo cáo viết tay của Jericho, cái đã bị huỷ bởi chính anh trai anh ở Baghdad ngay khi đọc xong nó, từng từ một, vào máy thu thanh. Mà là một bản đánh máy bằng tiếng Ả-rập của văn bản đã đến Riyadh trong chuyến chuyến sớm trước Giáng sinh. Anh ta cũng có bản dịch tiếng Anh của văn bản này.

- Câu cuối cùng này, Paxman nói, người có thể phải quay về Riyadh ngay trong tối hôm đó, ông ta nói chiến thắng và được coi là chiến thắng - điều này có gợi cho anh điều gì không?

- Tất nhiên rồi. Nhưng các anh cũng biết đấy, các anh vẫn sử dụng từ chiến thắng trong nghĩa của châu Âu hay là của Bắc Mỹ. Tôi có thể sử dụng từ thắng trong tiếng Anh.

- Tốt thôi, Terry ạ. thế ông ta nghĩ thế nào mà có thể giành thắng lợi trước người Mỹ và Liên quân? Laing nói.

- Bởi sự nhục nhã. Tôi nói với các anh rồi cơ mà, ông ta bị Mỹ coi là một kẻ điên hoàn toàn.

- Nhưng ông ta sẽ không chịu rút khỏi Kuwait trong hai mươi ngày nữa ư? Chúng tôi thực sự cần biết điều đó, Terry ạ.

- Nhìn này, Saddam đã vào đó bởi vì những đòi hỏi của ông ta không được đáp ứng, Martin nói. ông ta đòi hỏi bốn điều: - chiếm các đảo Warba và Bubiyan để có đường ra biển, - bồi thường cho những mất mát về dầu mà ông ta cho rằng Kuwait đã lấy mất bằng cách chia sẻ các vùng dầu, và chấm dứt sự sản xuất quá nhiều của Kuwait, - và một bồi thường chiến tranh 15 tỷ đôla. Nếu ông ta có được những cái đó, ông ta có thể rút lui trong danh dự, rời khỏi gọng kìm của người Mỹ một cách thoải mái. Đó là chiến thắng đấy.

- Không có gợi ý nào rằng ông ta nghĩ có thể có được chúng à? Martin nhún vai.

- Ông ta nghĩ những người mong mỗi hoà bình ở Liên Hợp Quốc có thể trải thảm. Ông ta đánh cuộc rằng thời gian này đứng về phía ông ta, rằng nếu ông ta có thể giải quyết được chuyện này, thì giải pháp của Liên Hợp Quốc có thể là có khả năng. Có lẽ ông ta có lý đấy.

- Nhưng ông ta có nói thế đâu, Laing xen vào. Ông ta đã có hạn cuối cùng. Ngày 15 tháng Giêng, không phải hai mươi ngày nữa. Ông ta đang đi đến chỗ bị quét sạch.

- Trừ phi, Paxman đề xuất, một trong các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an có thể có được một kế hoạch hoà bình ở phút cuối cùng để đẩy lùi thời hạn này lại.

Laing trông có vẻ tức tối.

- Paris hoặc Matxcơva, hoặc là cả hai, ông dự báo.

- Nếu chiến tranh xảy ra, Terry Martin nói. Nhưng quay trở lại cái tôi đã nói với các anh đó - thiệt hại về người của Mỹ. Đừng quên, Saddam từng là một tay súng đường phố. Chính thể của ông ta không phải là những hành lang ngoại giao của Cairo và Riyadh. Đó là tất cả những đường đi lối lại và những cửa hàng người Palestine và những người Ả-rập khác đang căm ghét người Mỹ, kẻ đứng đằng sau Israel. Không một người nào có thể rời khỏi Mỹ an lành.

- Nhưng ông ta không thể làm như thế được, Laing khẳng định.

- Ông ta thì lại nghĩ mình có thể, Martin đáp. Xem này, ông ta cũng đủ thông minh để thấy rõ rằng trong mắt người Mỹ, Mỹ không thể thua, phải không được thua. Đó chỉ là cách duy nhất không chấp nhận được. Hãy nhìn vào Việt Nam, vấn đề cựu chiến binh. Với nước Mỹ, những thiệt hại về người nhìn thấy của một quân đội bị nghiền nát là một dạng của thất bại. Thất bại không thể chấp nhận được. Saddam có thể hy sinh ngay một lúc 50 nghìn người của ông ta. Ông ta chẳng buồn quan tâm. Chú Sam thì không làm thế được. Nếu Mỹ chơi cái kiểu đó, thì nó sẽ bị lung lay đến tận gốc rễ. Đầu sẽ phải rơi, các thứ sẽ bị nát vụn, các chính phủ sẽ bị đổ. Những cái đó có thể dai dẳng suốt một thế hệ.

- Ông ta không thể làm thế được đâu, Laing lặp lại.

- Ông ta nghĩ mình có thể, Martin đáp lại.

- Đó là vũ khí khí độc, Paxman lẩm bẩm.

- Có thể. Cuối cùng, liệu các ông có thể tìm thấy ý nghĩa trong băng không nào?

Laing liếc nhìn Paxman. Lại là Jericho. Không thể nêu tên Jericho được.

- Không. Không ai chúng tôi hỏi nghe ra nổi. Không ai có thể làm sáng tỏ được.

- Nó có lẽ là quan trọng lắm đấy, Steve ạ. Một cái gì khác cơ - không phải là khí độc.

- Terry. Laing kiên nhẫn nói. Trong vòng dưới hai mươi ngày người Mỹ, cùng với chúng ta, người Pháp, người Italia, người Xêut, và những người khác, sẽ tiến lên lật đổ Saddam Hussein với những chiến lược trên không lớn nhất mà thế giới chưa từng trông thấy bao giờ. Đã đủ hoả lực để kéo dài được trong vòng hai mươi ngày nữa trước cả một cơn sấm chớp rơi xuống đầu trong Thế chiến 2. Các tướng lĩnh ở Riyadh rất bận rộn.

Chúng ta thực sự không thể đi đến đó và nói "Mọi việc thế nào, các bạn. Chúng ta có một câu nói trong cuốn băng nghe trộm mà chúng ta không thể làm rõ được". Hãy nhìn thẳng vào đó, đó có thể chỉ là một kẻ loạn óc trên một đường dây điện thoại gợi ý Chúa đang ở bên họ mà thôi. Không có gì lạ trong đó đâu, Terry ạ, Paxman nói. Mọi người đi đến chiến tranh đều đã tuyên bố có sự trợ giúp của Chúa từ khi thời gian bắt đầu kia mà. Chỉ thế thôi.

- Người khác đã nói với người kia im mồm đi và rời khỏi máy nói, Martin nhắc lại cho họ.

- Chỉ vì hấn ta đang bận và đang tức thôi. Hấn ta gọi người kia là đồ chó.

- Có lẽ hấn ta không thích anh ta cho lắm.

- Cũng có thể.

- Terry, xin anh đẩy, bỏ nó đi. Đó chỉ là một câu nói thôi mà. Đó chỉ là khí độc thôi. Đó là cái ông ta đang tính đến. Mọi cái còn lại của phân tích của anh chúng tôi đều nhất trí cả.

Martin là người đi đầu tiên, còn hai sĩ quan tình báo hai mươi phút sau. Xỏ tay vào áo mưa, dựng cổ lên, họ đi ra bên đường tìm taxi.

- Anh cũng biết đấy, Laing nói, anh ta thật là thông minh như quỷ, và tôi khá là thích anh ta. Nhưng anh ta thực sự khủng khiếp quá. Anh có nghe nói gì về đời tư của anh ta không ?

Một chiếc xe trở tới. Chưa có khách, đèn trên nóc chưa bật. Thời gian nghỉ uống trà. Laing chửi thề.

- Phải, dĩ nhiên rồi, Hộp đang kiểm tra mà.

Chiếc Box, hay Box 500, là một tiếng lóng trong ngành An ninh, MI-5. Một lần, đã lâu rồi, địa chỉ của MI-5 thực sự là P.O. Box 500, London.

- Tốt, đó là nơi anh đã ở hồi đó mà. Laing nói.

- Steve, tôi thực sự không nghĩ rằng có cái gì đó phải làm với nó đâu.

Laing dừng lại và quay về người thuộc cấp của mình.

- Simon, tin tôi đi. Anh ta có cái gì đó trong đầu, và anh ta chỉ làm mất thời gian của chúng ta mà thôi. Hãy đi xin chỉ dẫn đi .Bỏ tên giáo sư này đi.

- Đó chính là khí độc, thưa ngài tổng thống.

Ba ngày sau năm mới, những hoạt động ăn mừng ở đó đã có trong Nhà Trắng - và phần lớn trong đó đều không dừng lại -tất cả đều bỏ đi. Cả Cảnh Tây, trung tâm của hành chính Bush, đều đầy các hoạt động.

Trong sự tĩnh lặng của phòng Bầu dục, George Bush ngồi sau cái bàn lớn, dựa vào những cửa sổ cao hẹp, 5 inch của tấm kính chống đạn màu xanh, và giữa đầu của Hộp Chung quốc Hoa kỳ.

Đối diện với ông là trung tướng Brent Scowroft, Cố vấn An ninh Quốc gia.

Tổng thống liếc nhìn xuống người đi sâu vào phân tích vừa có mặt trước ông.

- Tất cả đều nhất trí như thế chứ? ông hỏi .

- Vâng, thưa ngài. .Nhóm vừa từ London đến cho thấy người của họ cũng đều đồng ý hoàn toàn với người của ta. Saddam Hussein sẽ không rút lui khỏi Kuwait chừng nào ông ta không bị tống ra khỏi đó, một sự giáp lá cà, cái mà chúng ta sẽ đảm bảo ông ta không thể có được. Còn lại thì, ông ta sẽ dựa vào những vụ tấn công hàng loạt bằng khí độc vào các lực lượng trên bộ của Liên quân, kể cả trước hay trong cuộc xâm chiếm đi qua biên giới.

George Bush là tổng thống Mỹ đầu tiên từ John F. Kennedy từng tham gia chiến tranh. Ông từng nhìn thấy những xác lính Mỹ bị giết trong khi chiến đấu. Nhưng ở đó có cái gì đó đặc biệt xấu xa, đặc biệt điên khùng, trong suy nghĩ của những lính chiến trẻ đã qua những giờ phút cuối cùng của cuộc đời mình khi chịu khí độc xâm chiếm bùng nổ làm hại đến những hệ thống thần kinh trung ương của họ.

- Thế ông ta sẽ tung khí đó ra thế nào? ông hỏi .

- Chúng tôi nghĩ có bốn khả năng, thưa tổng thống. Khả năng rõ rệt là bằng các hộp nhỏ được thả từ các máy bay chiến đấu và những máy bay thả bom. Colin Powell đã vừa mới nói chuyện với Chuck Homer ở Riyadh.

Tướng Horner nói ông cần 35 ngày không ngừng không kích. Sau ngày thứ 20, không máy bay Iraq nào còn có thể đến được biên giới. Đến ngày thứ 30. không máy bay Iraq nào sẽ có thể cất cánh nổi quá 60 giây. Ông nói ông đảm bảo điều đó, thưa ngài. Ông ta có những ngôi sao của ông ta để đảm bảo mà.

- Thế còn lại?

- Saddam có một số lượng những pháo MLRS. Chúng là khả năng thứ hai.

Các hệ thống bắn tên lửa đa chức năng của Iraq là những cái do người Xô viết xây dựng và dựa vào những chiếc Katyushka cũ kỹ được sử dụng với hiệu ứng phá hủy bởi Quân đội Xô viết trong Thế chiến thứ 2. Giờ đây được nâng cấp lên nhiều, những tên lửa đó, được phóng theo từng đợt nhanh từ một "gói" tứ giác trên thùng của một chiếc xe tải hoặc từ một vị trí đa dạng, có một tầm bắn một trăm km.

- Một cách thông thường, thưa ngài tổng thống. nhờ vào tầm bắn của mình, họ có thể phải bắn ở khoảng giữa Kuwait hoặc là sa mạc Iraq để đến được phía tây. Chúng tôi tin rằng các J-STAR sẽ tìm thấy chúng

bằng radar và chúng sẽ bị thả bom san phẳng. Người Iraq có thể nguy trang chúng thế nào đi chăng nữa, nhưng tiếng kim loại sẽ làm lộ chúng ra. Còn lại, Iraq có những kho vũ đạn khí để sử dụng bằng xe tăng và pháo binh. Tầm bắn, dưới 37 km - 19 km. Chúng tôi biết các kho này đã được đưa vào vị trí, nhưng với tầm bắn đó để bắn qua sa mạc thì không thể. Các chàng trai của Không quân tự tin rằng họ có thể tìm thấy và tiêu diệt chúng. Và rồi còn có tên lửa Scud họ sẽ được quan tâm ngay khi chúng ta nói ra.

- Thế còn các biện pháp phòng chống?

- Đã hoàn thành rồi, thưa tổng thống. Trong trường hợp có tấn công bệnh than, mỗi người đều đã được miễn dịch. Người Anh cũng đã làm điều đó. Chúng tôi đang tăng cường sản xuất các vacxin chống bệnh than trong từng giờ. Và mỗi người đàn ông cũng như phụ nữ đều có mặt nạ phòng độc và một bình khí.

Nếu ông ta định dùng cách đó...

Tổng thống đứng lên, quay đi, và nhìn chăm chăm vào huy hiệu. Con đại bàng sói đầu, đang mang vòng của mình. cũng nhìn lại.

Hai mươi năm trước, đã từng có những gói bọc xác người khủng khiếp đó được đưa từ Việt Nam về, và ông biết rằng một sự cung cấp thậm chí giờ đây có thể được chứa trong những chiếc container không mác bí ẩn dưới bầu trời Xêut. Ngay cả với những biện pháp phòng ngừa, vẫn có khả năng có những vết sạm da, những mặt nạ không thể với tới được và được đưa ra đúng lúc.

Năm tới là kỳ bầu cử lại. Nhưng đó không phải vấn đề quan trọng. Thắng hay thua, ông cũng không có ý định đi vào lịch sử như một vị tổng thống Mỹ buộc hàng chục nghìn người lính phải chết, không phải như ở Việt Nam trong chín năm, mà chỉ là trong vài tuần hay thậm chí vài ngày.

- Brent này...

- Thưa tổng thống.

- James Baker phải đến gặp Tariq Aziz ngay.

- Trong sáu ngày ở Genève.

- Yêu cầu ông ta đến gặp tôi nhé.

Trong tuần đầu tiên của tháng Giêng, Edith Hardenberg bắt đầu thoả mãn với mình một cách thật sự, lần đầu tiên trong nhiều năm. Thật sung sướng khi được khám phá và giải thích người bạn trẻ tuổi nồng nhiệt những thắc mắc về văn hoá thành phố của cô.

Ngân hàng Winkler đã cho phép nhân viên của mình nghỉ bốn ngày nhân dịp năm mới; sau đó, họ sẽ phải lùi những hoạt động văn hoá của mình về buổi tối, đã được hứa hẹn dành cho sân khấu, hoà nhạc, độc tấu, và kỳ nghỉ cuối tuần, khi các bảo tàng và phòng tranh vẫn còn mở.

Họ đã trải qua nửa ngày ở Jegendstil, ngưỡng mộ Nghệ thuật Mới, và một nửa ngày khác ở Sezession, nơi luôn có triển lãm thường kỳ và các phòng tranh về tác phẩm của Klimt. Chàng thanh niên Jordan rất thích thú và sung sướng. hàng loạt những câu hỏi được chàng ồ ạt tung ra, và Edith Hardenberg đầy sự hứng khởi, đôi mắt cô sáng bừng khi cô giải thích rằng có một triển lãm khác ở Kunstlerhaus mà nhất định sẽ diễn ra vào cuối tuần tới.

Sau khi đến nhìn Klimt, Karim đưa cô đi ăn tối ở Rotisserie Sirk. Cô phản đối vì ở đó đắt quá, nhưng người bạn mới của cô giải thích rằng cha anh ta là một nhà phẫu thuật khá giả ở Amman và tiền chu cấp cho anh ta rất rộng rãi.

Hồi hộp, cô cho phép anh rót cho cô một ly rượu vang và không nhận ra khi nào anh ta rót đầy nó lần nữa. Cuộc trò chuyện của cô trở nên sống động hơn, và có một màu phớt hồng hiện ra trên gò má tái nhợt của cô.

Khi uống cà phê, Karim nhòm về phía trước và đặt tay lên tay cô. Cô trông thật bối rối và liếc nhìn nhanh xung quanh để xem có ai nhìn thấy không, nhưng không ai bận tâm hết cả. Cô rút tay ra. nhưng rất chậm rãi.

Cuối tuần đó, họ đã đến thăm bốn trong số các kho tàng văn hoá cô có trong đầu, và khi họ đi bộ về qua bóng tối lạnh giá về xe ô tô của cô sau một buổi tối ở Musikverein, anh cầm bàn tay đeo găng của cô trong tay mình và giữ chặt nó. Cô không rút tay về, cảm thấy sức nóng truyền qua cái găng tay bằng vải cotton.

- Cô thật tốt đã làm mọi thứ đó cho tôi, anh nói nghiêm trang. Tôi chắc rằng cô thấy nhàm chán lắm nhỉ.

- Ô! không đâu, hoàn toàn không, cô nói sôi nổi. Tôi rất thích được xem và nghe những điều đẹp đẽ đó. Tôi rất vui vì anh cũng vậy. Sẽ sớm thôi, anh sẽ trở thành chuyên gia về nghệ thuật và văn hoá châu Âu.

Khi họ đi đến chỗ chiếc xe, anh mỉm cười với cô, lấy tay nâng khuôn mặt đang tím lại vì lạnh của cô giữa đôi bàn tay để trần nhưng lại nóng đến ngạc nhiên của mình, và hôn thoáng qua môi cô.

- Danke, Edith.

Rồi anh đi. Cô lái xe về nhà như thường lệ, nhưng tay cô run lên và cô suýt đâm phải một cái xe điện.

Bộ trưởng Ngoại giao James Baker gặp Bộ trưởng Ngoại giao Iraq Tariq Aziz ở Genève vào ngày 9 tháng Giêng. Đó không phải là một cuộc gặp kéo dài, và không phải là một cuộc họp thân thiện. Nó không được chủ định như thế. Có một phiên dịch Anh- Ảrập có mặt. dù tiếng Anh của Tariq Aziz là hoàn hảo để có thể hoàn thành công việc gặp mặt người Mỹ, người nói chậm và rất rõ ràng. Thông điệp của ông ta khá là đơn giản.

Nếu, trong cuộc chạy đua của mọi đối lực có thể xảy ra giữa hai nước chúng ta, nếu chính phủ chúng tôi bắt gặp vũ khí bị cấm trên quốc tế là khí độc, tôi được phép thông báo với ông và tổng thống Hussein rằng đất nước của chúng tôi sẽ sử dụng vũ khí nguyên tử. Chúng tôi sẽ, nói tóm lại, phá tan hoang Baghdad ra.

Người Iraq gầy gò, tóc màu ghi hiểu ý nghĩa của thông điệp ngay lập tức nhưng không tin vào điều đó. Trong suy nghĩ của mình ông ta không nghĩ ai đó lại dám dọa nạt Rais của ông trắng trợn như thế.

Một lý do khác, ông không chắc ngay lập tức rằng người Mỹ nghiêm túc. Thiệt hại kinh người. khủng khiếp của một quả bom nguyên tử. có thể không xảy đến với Baghdad. chắc thế chứ? Nó sẽ phá huỷ phân nửa Trung Đông, liệu có thể không nào?

Tariq Aziz, khi quay trở về nhà ở Baghdad trở thành một người bối rối cực điểm, không biết đến ba điều.

Thứ nhất là cái gọi là những quả bom nguyên tử “sân khấu” của khoa học hiện đại là một tiếng vọng xa vời của quả bom Hiroshima năm 1945. Những quả bom mới, “sạch sẽ” với độ tàn phá hạn chế được đưa vào, độ phóng xạ để lại sau đó rất ngắn.

Điều thứ hai là trong chiến hạm Wisconsin, khi đó đang neo ở Vịnh và được chiếc Missouri đến gia nhập, là ba kho thếp hợp kim cực kỳ đặc biệt, đủ mạnh, nếu tàu đắm, không để lộ ra trong 10.000 năm nữa. Trong đó có ba tên lửa hành trình Tomahawk mà nước Mỹ hy vọng không bao giờ phải sử dụng đến cả. Thứ ba là vị Ngoại trưởng không hề đùa cợt một chút nào.

Tướng Sir Peter de la Billière đi một mình trong bóng tối của đêm sa mạc, những suy nghĩ rối bời trong đầu ông. Là một lính cả đời chuyên nghiệp và một cựu lính chiến, những sở thích của ông khá là khiêm nhường. Không thể chịu đựng được sự xa hoa của đô thị, ông cảm thấy là ở nhà mình hơn, thoải mái hơn trong những trại lính và trong các lều với sự kề cận của những người lính bạn chiến đấu của mình. Cũng giống như những người khác trước ông, ông coi trọng sa mạc Ảrập - những đường chân trời mênh mông của nó, sức nóng kinh người của nó, và một sự lạnh lẽo kinh người của nó, và nhiều lần là sự im lìm thê lương của nó.

Đêm đó, trong một chuyến đi thăm các tuyến mặt trận - một trong số các điều mà ông tự cho phép mình làm thường xuyên khi có thể - ông đã đi bộ khỏi trại St. Patrick, rời sau lưng mình những chiếc xe tăng Challenger khủng khiếp giữa những tảng, những con thú trầm tĩnh chờ đến giờ phút của mình, và những người lính đang chuẩn bị bữa tối của mình.

Khi đó với tư cách là một bạn thân của tướng Schwarzkopf và được coi trọng trong mọi cuộc họp hoạch định chiến lược tối mật, vị tướng biết rằng chiến tranh đang đến gần. Chưa đến một tuần trước hạn cuối cùng của Liên Hợp Quốc, vẫn không có dấu hiệu nào cho thấy Saddam Hussein có bất kỳ ý định rút quân khỏi Kuwait.

Cái làm ông lo lắng đêm nay dưới những vì sao của sa mạc Xêut là ông không thể hiểu được cái điều chúa tể của Baghdad đang nghĩ. Là một người lính, vị tướng Anh thích hiểu được kẻ thù của mình, đoán biết được những dự tính của họ, những chuyển biến của họ, chiến thuật của họ, và chiến lược chung của họ.

Cá nhân mà nói, ông chỉ quan sát người đàn ông ở Baghdad. Những đồng hồ sơ tài liệu chất đống miêu tả sự giết chóc, tra tấn, và những thứ liên quan đến ông ta. Saddam không phải là một người lính, chưa từng bao giờ, và cái mà tài năng quân sự thực sự ông ta có trong quân đội là ông ta đã tiêu phí hàng đống những tướng lĩnh của mình mà phần lớn những người giỏi nhất đều đã bị xử lý.

Đó có thể không phải là vấn đề; vấn đề là Saddam Hussein đã rõ ràng có sự chỉ huy chung của một thứ - chính trị và quân sự - và với ông ta không cái nào thực sự có ý nghĩa gì hết cả.

Ông ta đã xâm chiếm Kuwait vào thời điểm chẳng ra sao và với những nguyên do sai lầm. Khi đã làm điều đó, ông ta đã tự mình vứt đi những cơ hội cho phép các đồng minh Ả-rập của mình mở ra các cơ hội ngoại giao, và vấn đề có thể được giải quyết trong những thương lượng bên trong thế giới Ả-rập với nhau, ông ta đã không chọn con đường đó.

Đó là sự ngu ngốc của chính vị độc tài đã mang đến cho phương tây, và đã chiếm đóng Kuwait, với sự tàn bạo của mình và chủ đích sử dụng người phương Tây làm lá chắn sống cho mình. đã đảm bảo sự cô lập hoàn toàn của ông ta.

Trong những ngày đầu tiên Saddam Hussein đã có được những vùng dầu lớn nhất của phía đông bắc Ả-rập Xêut trong tay, và ông ta đã bỏ đi. Với quân đội và không quân của mình dưới sự chỉ huy của ông ta, ông ta thậm chí có thể đánh đến tận Riyadh và thiết lập sự chiếm giữ của mình. Ông ta đã thất bại. và Lá chắn Sa mạc đã được dựng lên đúng chỗ trong khi những quan hệ công chúng giỏi giang của ông ta đi xuống ở Baghdad.

Ông ta có thể khôn vặt, nhưng trong một vấn đề khác ông ta là một con bò về chiến lược. Và còn nữa, vị tướng Anh lập luận, bằng cách nào mà một người lại có thể ngu đến thế được cơ chứ?

Ngay cả ở trước mặt không quân giờ đây đã được sắp đặt để chống lại ông ta, Saddam Hussein đã làm đủ thứ sai lầm, cả về chính trị cũng như quân sự. Ông ta chẳng hề có ý tưởng nào về việc sẽ bị viếng thăm từ bầu trời ư? Liệu ông ta có thực sự không hiểu được mức độ của sức mạnh trên không có khả năng làm tiêu tung quân đội ông ta xây dựng suốt mười năm trong vòng năm tuần không?

Vị tướng dừng lại và nhìn chằm chằm qua sa mạc về phía bắc. Không có trăng đêm nay, nhưng các vì sao của sa mạc sáng đến mức có thể làm hiện lên những đường nét mờ mờ có thể trông thấy bởi chỉ ánh sáng của chúng. Mặt đất phẳng, chạy về mê cung của các bức tường cát, những đường lữa, vùng mỏ, những chỗ linh tinh, tạo nên đường phản công của Iraq, xuyên qua đó các kỹ sư Mỹ của Đội Một Đỏ có thể làm bay đi để những xe tăng Challenger có thể tiến lên.

Ông độc tài Baghdad lại không có con át chủ bài nào trong số những cái vị tướng biết được và lo sợ: Saddam có thể chỉ đơn giản rút khỏi Kuwait.

Thời gian không ở bên phía Liên quân; nó thuộc về Iraq. Ngày 15 tháng Ba kỳ Ramadan thiêng liêng sẽ bắt đầu. Trong một tháng không lương thực không nước uống có thể trôi qua những làn môi tím đỏ Hồi giáo giữa mặt trời lên và mặt trời lặn. Đêm mới được ăn uống. Không thể tiến hành chiến tranh với một quân đội đang hành lễ Ramadan, gần như là một điều không thể.

Sau ngày 15 tháng Tư, sa mạc có thể trở thành một địa ngục, với nhiệt độ lên đến 130 độ. Sức ép có thể khiến những chàng trai phải lui; trong mùa hè, sự thê thảm của sa mạc có thể trở nên không thể chịu đựng nổi. Liên quân có thể phải rút lui, và, khi đã làm thế, có thể không bao giờ còn quay trở lại như thế được nữa. Liên quân chỉ là một hiện tượng - một lần mà thôi.

Thế thì 15 tháng Ba là giới hạn. Lùi lại: chiến tranh trên bộ có thể kéo dài trong 20 ngày. Nó có thể phải bắt đầu, nếu không là nhất thiết, vào 23 tháng Hai. Nhưng Chuck Horner cần 35 ngày không kích để đề nạt các vũ khí của Iraq, các đơn vị và các thứ phòng thủ của đối phương. 17 tháng Giêng - đó là hạn cuối cùng có thể chấp nhận được.

Người đàn ông điên rồ này dựa vào cái gì? Vị tướng tự hỏi mình lần nữa. Liệu ông ta có chờ đợi điều gì đó,

một sự can thiệp thần thánh theo tưởng tượng của ông ta: cái có thể đẩy lui kẻ thù và khiến ông ta chiến thắng không?

Có một tiếng động từ trại xe tăng sau ông, ông quay lại. Sĩ quan chỉ huy của Đội Khinh kỵ hoàng gia Ireland của Anh, Arthur Denaro, đang gọi ông về ăn súp. Anh chàng Arthur Denaro vui vẻ, nhộn nhĩ, người sẽ được ở trong chiếc xe tăng đầu tiên đi qua khoảng cách đó một ngày nào đó.

Ông mỉm cười và bắt đầu bước về. Thật là tốt được bước đi trong cát với người của mình, tung tẩy hạt đậu đóng lon và cầm cái gì đó nghe những giọng nói sắc lửa, những cái của Lancashire, tiếng gầm gừ của Hampshire, và tiếng nhẹ nhàng Ireland; để cười vào sự lè chân và bông đùa, cái từ vựng ghê người của những người sử dụng thứ tiếng Anh trúc trắc để nói chính xác điều họ muốn nói, và với sự hài hước. Chúa sẽ đưa người đàn ông này lên phía bắc. Cái quái quỷ gì đang đợi ông đây?

14. Chương 14

Câu trả lời cho sự bối rối của vị tướng Anh nằm ở một cái xe đẩy đầy ắp dưới những ánh sáng rực rỡ của nhà máy, tám mươi fit bên dưới sa mạc Iraq, nơi nó đã được xây dựng.

Một kỹ sư bước lùi lại chờ cánh cửa dẫn sang căn phòng đang mở. Chỉ có năm người đàn ông trong đó trước hai vệ sĩ có vũ trang từ đội an ninh của tổng thống, đội Amn-al-Khass, đóng cửa lại.

Bốn trong số năm người đang hướng tới người còn lại đứng giữa, ông ta mặc, như thường lệ, bộ quân phục chiến đấu trên một đôi ủng cũ, vũ khí tùy thân trong tâm tay, chiếc khăn tay màu xanh bằng vải cotton phủ lên tam giác giữa cái áo và cổ họng.

Một trong số bốn người kia là vệ sĩ cá nhân, người, ngay ở đây, nơi mọi người đều bị khám xét năm lần cho những vũ khí cấm, cũng không rời khỏi ông ta. Giữa Rais và vệ sĩ của mình là con rể ông ta, Hussein Kamil, Bộ trưởng Công nghiệp và công nghiệp hoá Nhà binh, Mimi. Cũng như nhiều chỗ khác, Mimi đã được tách khỏi Bộ Quốc phòng.

Bên kia tổng thống là bộ não của chương trình, tiến sĩ Jaafar Al-Jaafar, thiên tài về nguyên tử của Iraq. Bên cạnh ông ta nhưng hơi lùi lại một chút, là tiến sĩ Salah Siddiqui. Nếu Jaafar là nhà vật lý, thì Siddiqui là kỹ sư.

Ánh thép của khẩu súng của họ ánh lên trong ánh sáng trắng. Nó dài 14 fit và chỉ có đường kính 3 fit. Đằng sau, cách bốn fit là cái thiết bị cấm động vào sẽ nảy lên khi bắn ra viên đạn. Phần còn lại của cái hộp 10 fit dài cũng thực tế là một xabót, một thiết bị chia làm tám phần. Những hộp thuốc nổ nhỏ có thể làm nó nổ tung như đầu đạn bắn ra, để lại một cái lõi đường kính 2 fit ở lại một mình. Xabót ở đó để lấp đầy đầu đạn 24 inch cho 39 inch cần để đủ cho nòng súng, và để bảo vệ 4 đầu mông bên trong. Iraq không sở hữu những thiết bị hiện đại để vận hành những đầu di động bằng các thiết bị radio từ mặt đất, nhưng những đầu cứng có thể phục vụ để thiết lập sự cân bằng viên đạn khi bay và ngăn cản nó không bị hỏng.

Phía trước, cái vòng tròn mũi làm bằng thép siêu cứng và rất nhọn. Trên thực tế nó cũng trở nên không cần thiết. Khi một hoả tiễn, được đưa vào không gian bên trong của đường bay của mình, vượt qua được bầu khí quyển trái đất, không khí trở nên đặc hơn khi đường bay xuống tạo nên độ nóng lớn đủ để thiêu cháy đầu đạn nhọn. Chính vì thế mà các phi hành gia có kinh nghiệm cần có tấm lá chắn chống nóng này - để ngăn chặn lõi không bị thiêu huỷ.

Thiết bị mà năm người Iraq đang kiểm tra đêm đó cũng giống như thế. Mũi thép hình chóp có thể làm dễ dàng đường bay lên trên nhưng có thể không còn tồn tại khi quay trở xuống. Nó được giữ lại, thứ kim loại cháy có thể gặp xuống và cháy, tạo ra thân rơi xuống để tan ra, tung lên, quay tròn vào trong không khí nóng bỏng, và cháy mất. Mũi thép được thiết kế để loại bỏ nguy cơ này khi bay, được dựng lên ở bên dưới trong chóp bay xuống. ngắn hơn, rắn hơn, bằng sợi cacbon.

Trong những ngày tiến sĩ Gerald Bull còn sống, ông đã mua thiết bị này, nhân danh Baghdad, từ một nhà máy Anh ở Bắc Ireland tên là LearFan. Đó là một công ty hàng không đang sắp phá sản. Nó đã cố dựng lên những chiếc máy bay mang tính quyết định với nhiều thành phần làm bằng sợi cacbon. Cái hấp dẫn tiến sĩ Bull và Baghdad không phải các máy bay có ý nghĩa lớn, mà là những máy móc xử lý sợi cacbon ở LearFan.

Sợi cacbon đặc biệt chống chịu tốt, nhưng nó cũng rất rắn để có thể xử lý. Cacbon được chế từ một dạng của gỗ, từ đó một sợi dây hay thanh được rèn ra. Sợi dây được đặt và uốn nhiều lần trên một cái đe, rồi được quấn lại thành vỏ để tạo ra hình dáng mong muốn.

Bởi vì sợi cacbon là cực kỳ cần thiết trong công nghệ hoá tiễn, công nghệ đó được xếp hạng cẩn thận cao độ, được quan tâm trong việc điều hành xuất khẩu những máy móc đó. Khi tình báo Anh biết các thiết bị của LearFan được dành cho và được Washington cảnh báo, cuộc mua bán đã bị huỷ bỏ. Chính vì vậy Iraq khi đó đã không thể có được công nghệ làm thanh sợi cacbon.

Các chuyên gia đã sai lầm. Iraq đã thực hiện một cách khác. Một nhà cung cấp điều hoà nhiệt độ và các sản phẩm tốt của Mỹ đã không e ngại gì khi được thuyết phục bán cho một công ty ở biên giới Iraq máy móc để cuộn gỗ tấm. Tại Iraq các kỹ sư trong nước đã biến cái máy đó thành máy uốn sợi cacbon.

Từ cái đuôi hấp thụ tác động đến cái mũi chóp nhọn là công việc của tiến sĩ Siddiqui - một người nhỏ bé, cần mẫn. Nhưng có hiểu biết hoàn hảo về bom nguyên tử, để có được hiểu biết về nguyên lý súng ống, sử dụng các tác nhân lythium và polonium để tạo ra cái đồng những nơ-tron cần thiết để bắt đầu phản ứng dây chuyền.

Trong khi thực hiện tiến sĩ Siddiqui làm một thành công thực sự, một quả bóng hình cầu và một cái lỗ nhỏ, giữa chúng có 35 kg nặng và được sản xuất dưới sự giám sát của tiến sĩ Jaafar. Cả hai đều có chất uranium-235 làm giàu. Một nụ cười nhẹ đặc trưng giữa hàm ria rậm rì. Tổng thống tiến lên và chỉ một ngón tay trở vào cái thép bị đốt cháy.

- Nó có hoạt động không đấy? Nó có thực sự hoạt động không? ông ta thì thầm.

- Có, thưa Rais, nhà vật lý đáp.

Đầu ngửa ra trong cái mũ bê-rê gật đầu chậm chậm nhiều lần.

- Các ông được khen ngợi đấy, những người anh em của tôi.

Dưới viên đạn, trên một cái bệ gỗ, là một khay đơn giản. Nó ghi chữ: Qubth-ut-Allah.

Tariq Aziz đã nghiên ngẫm rất lâu và kỹ càng mình sẽ báo cho tổng thống về sự đe dọa của Mỹ như thế nào, trước khi ông ta từ Genève về.

Hai mươi năm biết nhau, hai mươi năm trong đó vị bộ trưởng Ngoại giao đã phục vụ ông chủ của mình với sự trung thành của chó, luôn luôn đứng ở bên ông ta trong những ngày đầu tiên chiến đấu với cấp bậc của Đảng Ba'ath khi đã từng có những tranh giành quyền lực, luôn theo ông ta với sự đánh giá cá nhân rằng sự cao lớn nhất của con người từ Tikrit có thể chiến thắng, và luôn luôn biểu hiện được quyền lực.

Họ đã leo lên được chỗ cao nhất của một chế độ Trung Đông cùng với nhau, một người luôn là cái bóng của người kia. Ông Aziz tóc ghi, nhỏ bé đã biết cách đè nén bất lợi lớn về giáo dục cao hơn của mình và sự thông thạo hai ngôn ngữ châu Âu để nhắm mắt nghe lời.

Tariq Aziz, cũng giống như tất cả những người xung quanh Rais, biết rằng không còn chỗ nào khác cho mình để đi. Nếu có điều gì đó xảy ra với ông chủ của mình, thì ông cũng sẽ hết đời theo luôn.

Không giống như một số người quanh ngai vàng, ông quá thông minh để tin rằng đó là một chế độ nhân dân. Sự sợ hãi lớn nhất của ông không phải là những người nước ngoài mà là sự trả thù tàn khốc của những người Iraq chỉ khi sự bảo vệ của Saddam được vén lên bị chuyển đi khỏi ông ta.

Vấn đề ngày 11 tháng Giêng của ông, khi ông chờ đợi cuộc gặp cá nhân mà ông xin hội kiến khi từ châu Âu về, là làm cách nào để nói ra lời đe dọa của Mỹ mà không khơi gợi lên sự điên khùng không thể tránh khỏi nhằm vào chính ông. Rais, ông biết quá rõ, có thể chỉ đơn giản nghi ngờ rằng chính ông, bộ trưởng Ngoại giao, đã thực sự đề xuất sự đe dọa cho người Mỹ. Không có logic để mà lo sợ, chỉ là một bản năng nội tại,

khi nào đó là đúng và khi nào đó là sai. Nhiều người vô tội đã chết, và gia đình của họ cũng bị thanh toán luôn, dựa trên cơ sở của một cảm hứng nghi ngờ nào đó của Rais.

Hai giờ sau, quay trở lại xe của mình, ông thở phào, mỉm cười và bối rối.

Lý do khiến ông thở phào thật đơn giản; Tổng thống của ông đã tỏ ra thư giãn và dễ tính. Ông ta lắng nghe với sự đồng tình với báo cáo đáng sợ của Tariq Aziz về chuyến công cán Genève của mình, về sự thân thiện rộng lớn ông tỏ ra trong tất cả những gì ông nói về với sự dẫn chiếu đến vị thế của Iraq, và về cảm giác chống Mỹ chung hiện ra đang tăng dần lên ở phương Tây.

Ông đã gạt đầu tỏ vẻ hiểu biết khi Tariq phàn nàn về việc những con quỷ chiến tranh Mỹ. và khi đó, cuối cùng kết luận với chính sự phẫn nộ của mình, ông nêu lên những điều James Baker đã thực sự nói với ông, thì sự bùng nổ giận dữ đang được chờ đợi của Rais đã không đến.

Trong khi những người khác quanh bàn nhăn nhó và tức giận, Saddam Hussein vẫn tiếp tục gạt đầu và mỉm cười.

Bộ trưởng Ngoại giao mỉm cười khi ông rời đi bởi vì cuối cùng Rais đã chúc mừng ông về công vụ ở châu Âu. Vấn đề là, bằng những tiêu chuẩn ngoại giao, công vụ này thực ra là một thảm họa - bị đối đáp ở mọi phía bị coi như là một sự lịch sự bằng giá bởi những người khác, không cho phép giải quyết vấn đề Liên quân đang dàn trận chống lại đất nước của ông - đã chẳng tỏ ra hề hấn gì hết cả.

Sự bối rối của ông càng tăng thêm về điều mà Rais nói khi cuộc họp kết thúc. Đó là một nhận xét nhỏ, thì thậm chí đến bộ trưởng Ngoại giao khi tổng thống gặp ông ta ở cửa ra vào.

- Rafeek. Đồng chí thân mến, đừng lo sợ. Tôi sẽ sớm có điều bất ngờ dành cho người Mỹ. Chưa đâu. Nhưng nếu bọn Beni el Kalb còn cố vượt qua biên giới, tôi sẽ không trả lời bằng khí độc đâu, mà bằng Cú Đấm của Thượng Đế.

Tariq Aziz đã gạt đầu tán thành. dù ông ta chẳng biết tổng thống đang nói về chuyện gì nữa. Cùng với những người khác, ông sẽ tìm ra câu trả lời 24 giờ sau.

Buổi sáng ngày 12 tháng Giêng diễn ra cuộc họp toàn thể cuối cùng của Hội đồng Chỉ huy Cách mạng tại Cung điện Tổng thống góc phố 14 tháng nầy Và phố Kindi. Một tuần sau nó sẽ bị bom phá sập, những con chim bên trong lồng đã bay mất.

Nếu ông vẫn còn sống sau tất cả những cái đó, thì những là vì quan tâm nghiêm túc nhất về sự ám sát, chính bởi vì sự ám ảnh của ông đối với an ninh cá nhân.

Không phải Cục Phản gián cũng như Cảnh sát Mật của Omar Khatib, và chắc chắn cũng không phải Quân đội; cũng không phải đội Vệ binh Cộng hoà được tin cậy giao cho việc này. Nhiệm vụ này thuộc về đội Amn-al-Khass. Họ có thể còn trẻ, nhiều người mới vừa ở tuổi thiếu niên ra, nhưng lòng trung thành của họ thì rất ấn tượng và là tuyệt đối. Chỉ huy của họ chính là con trai của Rais. Kusay.

Không kể phản loạn nào có thể dù chỉ biết về con đường nào Rais đã sử dụng để đi khi, khi, hoặc ở đâu xe của ông. Những chuyến thăm của ông đến các căn cứ quân sự hay các cơ sở công nghiệp luôn là những bất ngờ, không chỉ cho người được đến thăm mà cả những người xung quanh ông nữa.

Ngay cả ở Baghdad ông cũng chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, đôi khi ở lại vài ngày ở một cung điện. lúc khác lại ngủ ở boong ke của riêng mình bên cạnh và ở dưới khách sạn Rashid.

Mọi thứ được đưa lên phục vụ ông ta đều được nếm trước, và người nếm thức ăn là con cả của sếp. Mọi thứ đồ uống đều được đưa vào trong một cái chai với dấu niêm phong chưa mở.

Sáng hôm đó những lệnh triệu tập cuộc họp ở cung điện đến với từng thành viên của RCC bởi người đưa tin đặc biệt một giờ trước khi cuộc họp diễn ra. Không hề có thời gian để chuẩn bị và để ám sát.

Những chiếc limousin đi qua cổng, đưa những người trên đó đến, và đi mất đến một gara đỗ xe đặc biệt. Mỗi thành viên của RCC đi qua một cửa vòng cung bằng kim loại; không được phép mang vào thứ vũ khí cá nhân nào hết.

Tổng cộng có 33 người ngồi quanh cái bàn hình chữ T. Tám người ngồi ở bề ngang chữ T, chỗ chính giữa vẫn trống. Những người còn lại ngồi đối diện nhau dọc theo thân của chữ T. Bảy người trong số những người có mặt có quan hệ huyết thống với Rais và ba người có quan hệ thông gia. Những người này cộng với tám người nữa đến từ Tikrit hoặc từ những vùng phụ cận. Tất cả những thành viên ngồi theo chiều dọc đều là đảng viên Đảng Ba'ath.

Mười trong số 33 người là các bộ trưởng trong nội các và chín người là các tướng lĩnh quân đội và không quân. Saddi Tumah Abbas, trước đây là chỉ huy Vệ binh Cộng hoà. Đã được thăng chức Bộ trưởng Quốc phòng ngồi ở đầu bàn. Ông ta được thay thế bởi Abd Al-jabber Shenshall. vị sư trưởng người Kurd đã từ lâu tách khỏi và trở thành đồ tể của chính dân tộc mình.

Giữa các tướng lĩnh quân đội có Mustafa Radi từ Bộ binh, Farouk Ridha của Pháo binh. An Musuli của Phản gián, và Omar Khatib của Cảnh sát Mật. Khi Rais bước vào, mọi người đứng lên và vỗ tay. Ông ta mỉm cười, ngồi vào ghế của mình, vẫy tay cho họ ngồi xuống, và bắt đầu phát biểu. Họ ở đây không phải là để thảo luận cái gì hết; họ chỉ có ở đây để nghe một cái gì đó mà thôi.

Chỉ con rể ông, Hussein Kamil, cho thấy không bất ngờ nào khi Rais nói: Khi, sau 40 phút phát biểu đến những loạt thắng lợi không chấm dứt dưới sự lãnh đạo của ông, ông cho họ biết tin mới, phản ứng tức thời là sự im lặng câm nín.

Cái Iraq đã thử làm từ nhiều năm nay, họ đều biết cả. Sự kinh ngạc trong lĩnh vực công nghệ này chỉ riêng nó cũng có vẻ có khả năng tạo ra sự cảm hứng một đồng những sợ hãi trên toàn thế giới và ngay cả những người Mỹ hùng mạnh cũng phải ghê người - giờ đây, khi đã cận kề chiến tranh - có vẻ như là thật khó tin. Sự can thiệp của thánh thần. Nhưng Thần thánh không ở trên thiên đường: chính người đang ngồi đây, với họ, trầm tĩnh mỉm cười.

Chính Hussein Kamil, tiến lên trước, đứng lên và lái theo các ánh mắt. Những người khác dõi nhìn theo, ai cũng sợ là người cuối cùng theo sự vỗ tay đột ngột của anh ta. Rồi không ai được chuẩn bị để là người đầu tiên dừng lại.

Khi quay lại văn phòng của mình hai giờ sau đó, Hassan Rahmani, vị chỉ huy lịch thiệp và quảng giao của bộ phận Phản gián. dọn sạch bàn, lệnh không cho ai vào, và ngồi vào bàn với một tách cà phê đen. Anh cần suy nghĩ, và nghĩ thật

Như mọi người khác trong phòng ban này, tin tức đã lay động anh. Trong thoáng chốc cán cân quyền lực tại Trung Đông đã thay đổi. thậm chí dù không ai biết đến điều đó. Sau Rais. người với những bàn tay giơ lên kêu gọi một sự đánh giá cao ngưỡng mộ không ngừng, đã kết luận sự thống trị của mình: mọi người trong phòng đều chìm trong im lặng.

Điều đó thì Rahmani có thể hiểu được. Mặc dù sự rào đón mập mờ của ông ta, anh cũng hiểu được những vấn đề chính. Không một thiết bị nào dạng đó có giá trị trừ khi những người bạn của bạn - và quan trọng hơn. những kẻ thù của bạn - biết rằng bạn có nó. Một số quốc gia đã phát triển thứ vũ khí này chỉ đơn giản thông báo về sự kiện với một lần thử nghiệm chính và để cho phần còn lại của thế giới làm rõ các hậu quả. Những nước khác. như Israel và Nam Phi. đã chỉ đơn giản là che giấu những gì họ có nhưng không bao giờ khẳng định, để cả thế giới và nhất là những nước xung quanh phải đoán già đoán non. Một đôi khi nó còn làm tốt hơn; những tưởng tượng dẫn đến bất ổn.

Nhưng điều đó, Rahmani từng nghĩ, chỉ đơn giản là không đến với Iraq được. Nếu cái mà anh được nói là đúng - và anh không được thuyết phục rằng toàn bộ công trình đó không phải là một chuyện thêu dệt khác, tính đến sự thua kém thực thể để có được một sự thực hiện khác - thì không ai ở bên ngoài Iraq có thể tin điều đó.

Cách duy nhất với Iraq để ngăn chặn nó là chứng tỏ nó. Có vẻ như Rais hiện giờ đang từ chối làm điều đó. Dĩ nhiên, có những vấn đề quan trọng khi để lộ ra những cái đó. Thử nghiệm trên lãnh thổ của mình thì chẳng có vấn đề gì cả cực kỳ điên rồ. Gửi một con tàu sâu xuống nam Ấn Độ Dương, rồi bỏ nó, và để cho cuộc thử nghiệm diễn ra ở đó có thể từng là có thể, nhưng giờ thì không. Tất cả các cảng đều bị phong tỏa hoàn toàn. Nhưng một đội từ Cơ quan Năng Lượng hạt nhân Quốc tế của Liên Hợp Quốc ở Vienna có thể được mời đến để kiểm tra và chứng nhận đó không phải là một lời nói dối. Dù sao, IAEA đã từng được mời

gần như hàng năm trong một thập niên gần đây và gần như thường xuyên phải khẳng định cái họ thấy chỉ là một sự điên rồ. Với bằng chứng hiển hiện, họ có thể phải tin vào chính mắt mình và khẳng định sự thật.

Thế còn anh, Rahmani, liệu anh đã nghe nói đến con đường đó đã chính thức bị cấm. Tại sao? Bởi vì đó hoàn toàn là một lời nói dối ư? Bởi vì Rais đã có cái gì đó khác trong đầu ư? Và quan trọng hơn nữa, cái gì trong đó dành cho anh, Rahmani?

Trong nhiều tháng anh đã tính đến chuyện Saddam Hussein khoác lác để tung hỏa mù lên cuộc chiến tranh mà ông có thể không chiến thắng được; giờ đây ông ta đã làm điều đó. Rahmani đã tính đến sự thất bại cuối cùng của Rais dưới bàn tay người Mỹ, và chính anh sẽ được đánh giá cao trong chế độ tiếp theo do Mỹ hậu thuẫn. Giờ đây mọi việc đã thay đổi. Anh cần, anh nhận ra, thời gian để suy nghĩ, để tìm ra cách tốt nhất để chơi quân bài mới đầy huyền bí này..

Tối hôm đó, khi màn đêm đã buông, một dấu phấn xuất hiện trên bức tường sau Nhà thờ Chaldea của Thánh Joseph tại Lãnh địa của người Công giáo.

Đêm đó cư dân của Baghdad run lên. Dù tiếng ồn ào của tuyên truyền vẫn không ngớt tại đài phát thanh Iraq và niềm tin mù quáng của nhiều người rằng điều đó tất cả đều đúng. thì vẫn có những người khác bí mật nghe đài BBC World Service bằng tiếng Ả-rập. chuẩn bị ở London nhưng được phát ở đảo Síp, và biết rằng Beni Naji đang nói đúng. Chiến tranh đang đến gần.

Trong thành phố lan truyền tin đồn rằng người Mỹ có thể bắt đầu bằng ném bom rải thảm ở Baghdad, một tin đồn đến cả Cung điện Tổng thống. Sẽ có những thiệt hại về người. Chế độ biết nhưng chẳng thèm quan tâm. Những người lãnh đạo cao cấp tính toán điều này sẽ gây ra hiệu ứng toàn cầu trước sự tiêu diệt hàng loạt dân thường trong nhà họ và có thể tạo nên một sự phản đối quy mô thế giới chống Mỹ: buộc nước này phải ngừng tay và bỏ cuộc. Vì vậy khá đông báo chí nước ngoài vẫn được phép ở lại và trên thực tế được khuyến khích ở khách sạn Rashid. Có cả những trợ giúp và chỉ dẫn các camera các đài nước ngoài đến những cảnh tượng nôi da nấu thịt không chóng thì chày sẽ bắt đầu.

Tính tế nhị của luận điểm này bằng cách nào đó đã đến được những người còn ở trong nhà ở Baghdad. Nhiều người thực tế đã đi, những người không phải Iraq trực chỉ hướng biên giới với Jordan để ở trong dòng thác suốt năm tháng trời người tị nạn từ Kuwait, những người Iraq tìm kiếm chỗ trú ngụ ở nông thôn.

Hàng triệu người dán mắt lên màn hình vô tuyến ở Mỹ và châu Âu không biết đến mức độ thật sự tinh vi của các thiết bị giờ đây đã trong tầm của Chuck Horner u buồn ở Riyadh.

Không ai khi đó có thể cho rằng phần lớn các mục tiêu có thể được lựa chọn từ một bảng do các camera vệ tinh chuẩn bị trong không trung và bị phá hủy bởi những quả bom do laser hướng lối hiếm khi bắn trúng cái mà chúng không hướng đến.

Điều mà các cư dân Baghdad không biết. cũng như sự thật do BBC rò rỉ qua những cửa hàng và những chợ, rằng là bốn ngày từ 12 tháng Giêng. hạn cuối để rút khỏi Kuwait có thể hết và các máy bay chiến đấu Mỹ có thể sẽ tới. Vì thế thành phố vẫn khá yên tâm trong nhận định.

Mike Martin đạp chiếc xe đạp của mình chậm chậm khỏi phố Shurja và quanh phía sau nhà thờ. Anh nhìn thấy dấu phấn trên tường khi anh đạp xe ngang qua, và đi qua. Cuối đường anh dừng lại, xuống xe, và dừng một lúc để sửa xích trong khi nhìn ngoài lại sau con đường để xem có cái gì đó chuyển động sau lưng mình không.

Không hề có. Không có dấu của cá chìm ở đằng sau, không có những cái đầu ló ra từ những mái nhà. Anh đạp xe trở lại, đi đến chỗ đó, xoa vết phấn, và bỏ đi.

Số tám có nghĩa là một thông điệp đang đợi anh dưới cán cờ trong cái sân bỏ hoang ngoài phố Abu Nawas, cách bờ sông chỉ nửa dặm.

Khi còn là một đứa trẻ anh từng chơi đùa ở đó, chạy dọc theo các bến nước với Hassan Rahmani và Abdelkarim Badri, nơi những người bán hàng chở những masgouf ngon tuyệt trên những chiếc giường bươu lạc đà. bán những mẫu nhỏ của cá chép sông Tigris cho khách qua đường.

Bây giờ các cửa hiệu đều đã đóng cửa, các hàng trà im lìm; một vài người đang đi dạo dọc theo các bến nước theo thói quen. Sự tĩnh lặng giúp ích anh rất nhiều. Ở đầu phố Abu Nawas anh nhìn thấy một nhóm

vệ binh thường phục AMAM, nhưng chúng không để ý đến người fellagha đang đạp xe đi mua đồ. Anh hơi hoảng khi nhìn thấy họ; người của AMAM không bao giờ khôn ngoan lắm. Nếu họ đi đến để bóc một hòm thư chết, họ có thể đưa đi một nhóm người rất rõ rệt ở đầu đường. Cách làm việc của họ rất tinh vi, nhưng không thật kín đáo.

Thông điệp có ở đó. Viên gạch được đưa về chỗ sau một giây, mẫu giấy gấp chui tọt vào túi anh. Mấy phút sau, khi anh đang đi qua cầu Ahrar bắc ngang sông Tigris, từ Risafa đi Karch, và đi về ngôi nhà của nhà ngoại giao Xô viết ở Mansour.

Trong chín tuần cuộc sống của anh được thiết lập bên trong ngôi biệt thự kín cổng cao tường. Người Nga nấu ăn và chồng bà ta đối xử với anh rất thân ái, và anh đã học được một ít ngôn ngữ của họ. Ngày nào anh cũng đi chợ để mua thức ăn tươi, điều đó cho anh lý do tốt để đảo qua tất cả các hòm thư chết của mình. Anh đã chuyển 14 thông điệp cho Jericho giấu mặt và đã nhận về 13 trả lời từ ông ta.

Tám lần anh bị AMAM chặn lại, nhưng lần nào thái độ khúm núm của anh, chiếc xe và cái giỏ đầy rau, quả, cà phê, gia vị và đồ xanh, cộng với bức thư của nhà ngoại giao và vẻ bên ngoài nghèo đói hiển hiện đã khiến họ thả cho anh đi ngay.

Anh có thể không biết rằng các kế hoạch chiến tranh đã được lên ở Riyadh, nhưng anh đã phải viết mọi câu hỏi và trả lời cho Jericho bằng chữ Ả-rập của chính anh sau khi nghe chúng trong những cuộn băng đến, và anh phải đọc trả lời của Jericho để gửi chúng trở lại trong những lần chuyển tin chớp nhoáng cho Simon Paxman.

Là một người lính, anh chỉ có thể đánh giá là thông tin của Jericho, về chính trị và quân sự, hẳn là vô giá với một vị tướng cầm quân đang chuẩn bị tấn công Iraq.

Anh cũng đã yêu cầu một máy sưởi chạy dầu cho túi ngủ của mình và đèn dầu để đốt nó. Những túi ngủ Hessian từ chợ giờ đây đã trở thành rèm che tất cả các cửa sổ, và tấm chùi chân trước cửa báo hiệu cho anh nếu có ai đó đang tiến đến gần cửa.

Đêm đó, anh chậm chậm sưởi ấm trong nhà của mình. đóng kín cửa, chắc chắn là các rèm cửa đã che hết mọi inch vuông của các cửa sổ, thấp đèn của mình lên, và đọc thông điệp mới nhất của Jericho. Nó ngắn hơn thường lệ, nhưng không hề gì Martin đọc nó hai lần để chắc chắn không để lọt một từ nào, lẩm bẩm “Chúa ơi” và chuyển đồ nghề của mình ra để lấy máy ghi âm.

Phải tránh mọi hiểu lầm, anh đọc tẩm thông điệp thật chậm và thật rõ cả bằng tiếng Ả-rập và bằng tiếng Anh vào trong cái máy trước khi chuyển cần tốc độ để cho nó chạy nhanh lên và chuyển tin của mình từ 5 phút xuống còn có nửa giây.

Anh chuyển nó đi vào 20 phút sau nửa đêm.

Vì biết sẽ có một lần chuyển tin giữa 15 và 30 phút sau 12 giờ đêm nay. Simon Paxman đã không vào giường. Anh chơi bài với một trong hai người trông coi máy điện đàm khi thông tin đến nơi. Người vận hành máy đưa tin từ phòng thông tin ra.

- Tốt hơn là anh vào đây và nghe luôn đi. Simon ạ, anh ta nói.

Mặc dù đội SIS ở Riyadh có liên quan nhiều hơn bốn người, thì người quản lý Jericho không được coi là bí mật đến thế mà chỉ Paxman, chỉ huy Trạm Julian Gray, và hai người trực đài cũng biết. Ba phòng của họ bề ngoài trông tách biệt hẳn khỏi phần còn lại của toà biệt thự.

Simon Paxman nghe giọng nói trong cái máy to tướng trong bọc đài, cái trên thực tế là một phòng ngủ được sửa lại. Martin nói bằng tiếng Ả-rập trước, đọc chính xác bức thư viết tay của Jericho hai lần, rồi đọc bản dịch tiếng Anh của chính anh. Khi nghe, Paxman cảm thấy một sự lạnh giá ghê gớm đang chuyển sâu vào trong bao tử mình. Một cái gì đó sai, hoàn toàn sai. Điều anh nghe được chỉ đơn giản là không thể. Hai người kia đứng im lặng sau lưng anh.

- Đó có phải là anh ta không? Paxman hỏi gấp ngay khi thông điệp kết thúc. Suy nghĩ đầu tiên của anh ta là Martin đã bị bắt và giọng nói là của một kẻ khác.

- Anh ta đấy - tôi đã kiểm tra cao độ rồi. Không nghi ngờ gì nữa chính anh ta đấy.

Những đặc điểm của giọng nói dao động trong nhiều cao độ và trường độ, cao và thấp, nhịp điệu có thể được ghi lại trong một máy đo âm được rút lại thành một loạt những đường chạy trên một màn hình, giống như một màn hình điện tâm đồ ở bệnh viện. Mọi giọng nói con người đều có khác biệt nhỏ, không thể có chuyện bắt chước được. Trước khi rời Baghdad, giọng của Mike Martin đã được ghi âm vào cái máy đó. Những lần chuyển tin sau đó từ Baghdad đều cùng được kiểm tra, trong trường hợp đọc chậm lại cũng như đọc nhanh, cùng nhau với độ chênh do máy hoặc vệ tinh truyền sai, tạo ra các biến dạng.

Giọng nói từ Baghdad đêm đó đã được kiểm tra so sánh với giọng ghi ở trong máy. Đó chính là tiếng của Martin chứ không phải ai khác.

Lo sợ thứ hai của Paxman là Martin đã bị bắt, đã bị tra tấn và phản bội, và giờ đây anh ta chuyển tin dưới sự ép buộc. Anh vứt bỏ ý nghĩ xấu xa nó ra khỏi đầu ngay.

Có những từ được giao hẹn trước, một sự dừng lại, một sự lưỡng lự, một tiếng ho có thể báo động cho những người nghe ở Riyadh nếu anh không được tự do chuyển tin. Và lại, lần phát sóng trước của anh chỉ trước đây có ba ngày mà thôi.

Những tay cảnh sát mật ghê gớm của Iraq có thể làm được, nhưng không thể nhanh đến thế. Và Martin rất cứng. Một người dao động và phản bội trong thời gian ngắn như thế có thể bị hành hạ, tra tấn rất kinh khủng, và có thể biểu hiện trong khi chuyển tin.

Điều đó có nghĩa Martin vẫn ổn - thông điệp anh đã đọc là chính xác những gì anh nhận được đêm đó từ Jericho. Điều đó không còn bàn cãi gì nữa. Dù Jericho đúng hay sai, nhầm lẫn, hoặc là nói dối.

- Gọi Julian đi, Paxman nói với một trong hai người gác đài

Trong khi người đó đi mời trưởng Trạm Anh từ giường ngủ của ông ta tầng trên, Paxman gọi số điện thoại riêng cho đối tác người Mỹ của mình, Chip Barber.

- Chip, tốt hơn hết là anh lại đây nhanh lên đi, anh ta nói.

Người của CIA tỉnh rất nhanh. Một điều gì đó trong giọng nói của người Anh khiến ông ta không còn vương vấn ngủ ghê gì nữa cả.

- Có vấn đề rồi hả, anh bạn?

- Có vẻ là thế ở đây đây, Paxman công nhận.

Barber chạy băng qua thành phố đến ngôi nhà của SIS trong 30 phút, quần áo ngủ lung tung. Đã là một giờ sáng. Khi đó, Paxman đã kịp có băng bằng tiếng Anh và tiếng Ả-rập, cộng với một bản trong cả hai thứ tiếng. Hai người trực đài những người nhiều năm nay làm việc ở Trung Đông, rất thạo tiếng Ả-rập và khẳng định bản dịch của Martin khá chính xác.

- Anh ta đùa chắc, Barber thì thào khi ông ta nghe băng. Paxman cho chạy những cái để kiểm tra giọng Martin là không phải giả mạo.

- Xem nào, Simon- Barber nói- đó chính là điều Jericho báo cáo điều mà anh ta có thể đã nghe từ Saddam sáng hôm nay - xin lỗi nhé, sáng hôm qua. Nhiều khả năng là Saddam nói dối. Hãy đối mặt với cái đó, ông ta nói dối như cuội ấy mà.

Nói dối hay không, thì không vấn đề gì cả với Riyadh cả. Các trạm SIS và CIA có thể cung cấp cho các vị tướng của mình với những thông tin quân sự chiến thuật và thậm chí chiến lược từ Jericho, nhưng cánh chính trị ở London và Washington? Barber nhìn đồng hồ. Bảy giờ tối ở Washington.

Chắc là họ đang uống cốc tai đây, ông ta nói. Tốt hơn là phá hỏng của bọn họ đi, các bạn ạ. Tôi sẽ gọi ngay về Langley đây

- Coca và bánh bích quy ở London: Paxman nói. Tôi sẽ báo về Nhà Trắng kỹ. Để cho họ mất luôn đi.

Barber đi để gửi bản sao bản tin được mã hoá cao độ đến Bill Stewart, với dấu thượng khẩn, tuyệt mật. Điều đó có nghĩa là dù ông ta đang ở đâu, thì người ta cũng phải tìm cho ra ông ta và bảo ông ta đến một đường dây điện thoại an toàn.

Paxman cũng làm giống như thế với Steve Laing, người có thể bị đánh thức dậy vào giữa đêm và bị bắt phải rời khỏi cái giường ấm áp của mình để chạy trong đêm lạnh giá và quay ngay về London.

Có điều cuối cùng mà Paxman phải làm, mà anh ta đã làm. Martin đã có một lần chuyển tin chỉ để nghe, và mới là một giờ sáng. Paxman chờ đợi và gửi cho người của mình ở Baghdad một thông điệp cực ngắn nhưng cực kỳ rõ ràng. Nó nói Martin không được có cử động gì trước khi có chỉ thị để tiếp cận bất kỳ cái nào trong số sáu hòm thư chết. Khẩn cấp.

Karim, chàng sinh viên Jordan, đang thực hiện được những tiến triển chậm chạp nhưng vững chắc trong công cuộc theo đuổi cô Edith Hardenberg. Cô đã cho phép anh ta cầm tay khi hai người đi dạo những phố của thành Vienna cổ, những vệ đường với băng giá giữa chân họ. Cô thậm chí còn thú nhận với anh rằng cầm tay thế này cô thấy thật thú vị.

Vào tuần thứ hai của tháng Giêng cô có được vé đến Burgtheater - do Karim trả tiền. Buổi biểu diễn là một vở kịch của Grillparzer, vở "Gygus và chiếc nhẫn". Cô nồng nhiệt giải thích trước khi họ đi vào đó rằng vở kịch là về một ông vua già với nhiều đứa con trai, và người sẽ nối ngôi sẽ nhận được chiếc nhẫn của ông. Karim ngồi xem hết vở kịch và hỏi nhiều điều về lời thoại, mà anh luôn lưu ý.

Giờ nghỉ Edith rất hạnh phúc được trả lời chúng. Sau đó. Avi Herzog có thể nói với Barzilai rằng tất cả đều rất hay ho như là xem tranh khô vậy.

- Cậu đúng là con bò, người của Mossad nói. Cậu chẳng có tí ti văn hoá nào hết cả.
- Thì tôi ở đây để học đấy thôi. Avi nói.
- Thế thì học đi: cậu bé.

Vào chủ nhật, Edith. một tín đồ Công giáo ngoan đạo, đi đến buổi lễ mixa sáng ở nhà thờ Votiv. Karim giải thích rằng vì mình là tín đồ Hồi giáo nên không thể đi theo cô nhưng anh sẽ đợi cô ở một quán cà phê gần quảng trường.

Sau đó, khi uống cà phê mà anh ta đã lén cho vào một ít rượu mạnh khiến má cô ửng hồng, anh giải thích những khác biệt và tương đồng giữa Công giáo và Hồi giáo - đều chung lòng tin vào Đức chúa thực sự, những người anh em và tiên tri, việc rao giảng những cuốn kinh và những đạo luật đạo đức. Edith tỏ ra sợ hãi nhưng bị cuốn hút. Cô tự hỏi liệu nghe mọi thứ đó có làm hỏng đi tâm hồn mình không, nhưng cô đã rất hào hứng biết được rằng cô đã sai lầm khi nghĩ những tín đồ Hồi giáo đã lật đổ các thần tượng.

- Tôi muốn đi ăn tối quá, Karim nói ba ngày sau.
- Tốt thôi, nhưng mà anh tiêu tốn nhiều tiền vì tôi quá đấy Edith nói. Cô thấy rằng cô có thể nhìn thẳng vào khuôn mặt trẻ trung của anh và đôi mắt nâu với sự thích thú, trong khi luôn tự cảnh báo mình rằng khoảng cách 10 tuổi giữa họ khiến họ chỉ có thể có được một tình yêu kiểu Platon khá là nực cười.
- Không phải ở một quán ăn đâu.
- Thế thì ở đâu?
- Cô có thể nấu cho tôi ăn không, Edith? Cô có nấu không? Thức ăn thành Vienna nhé?

Cô đỏ ửng mặt và suy nghĩ. Mỗi tối, trừ khi đi một mình tới một buổi hoà nhạc, cô thường tự chuẩn bị cho mình một cái bánh tôi tằm trong một cái bếp nhỏ trong căn hộ của mình dành cho phòng ăn tối. Nhưng có, cô nghĩ, cô có thể nấu ăn. Đã lâu quá rồi.

Ngoài ra, cô tự biện luận với chính mình, anh ta đã cho cô những bữa ăn sang trọng như thế ở các quán ăn... và anh là một người đàn ông trẻ tuổi rất có học thức và lịch thiệp. Chắc là chẳng có gì hại ở đó đâu.

Khỏi phải nói báo cáo của Jericho đêm ngày 12-13 tháng Giêng đã tạo ra những rối loạn tại những vòng London và Washington như thế nào. Sự hoảng hốt gắn lên đến đỉnh điểm.

Một trong các vấn đề là nhóm nhỏ những người biết về sự tồn tại của Jericho, tin ngay những chi tiết đó. Nguyên tắc cần- biết có thể rất khó nghe hay thậm chí vẫn ám ảnh. nhưng nó cần bởi một lý do. Mọi tổ chức tình báo đều cảm thấy một sự bất buộc đối với một cá chìm làm việc cho họ trong tình hình nguy hiểm

cao độ, không vấn đề gì khác thật là quá bất nhẫn rằng người đó có thể bị coi như đối xử như một người bình thường.

Jericho là một kẻ tầm thường và không có đầu óc xuất chúng không phải là vấn đề. Vấn đề là ông ta đã phản bội một cách kỳ cục đất nước của mình và chính phủ của mình thật khó hiểu. Chính phủ Iraq có tiếng về trấn áp đến thế, cho nên thật nguy hiểm khi mạo hiểm.

Vấn đề là, ngoài giá trị rõ ràng và sự thực những thông tin của ông ta có thể giúp Liên quân khỏi thiệt hại rất nhiều người người trên chiến trường, Jericho còn là một cửa chìm giá trị cao, và cả hai cơ quan đang điều hành ông ta đã chỉ để cho một nhóm rất ít người quan trọng biết đến sự tồn tại của ông ta. Không bộ trưởng nào, không chính khách nào, không công chức nào, và không người lính nào được chính thức nói là Jericho đang tồn tại. Sản phẩm của anh ta vì lẽ đó được nguy trang theo nhiều cách. Một loạt những câu chuyện nguy tạo đã được làm ra để giải thích từ đâu dòng thác thông tin này tới.

Các vị trí quân sự được giả thiết được có từ một loạt những phản bội của những người lính Iraq ở trên sân khấu Kuwait, bao gồm cả một loạt những thứ không tồn tại có ở một cơ sở tình báo bí mật ở Trung Đông nhưng không phải ở Ả-rập Xêút.

Các thông tin khoa học và kỹ thuật xem xét về các vũ khí huỷ diệt hàng loạt đã được nói là đã có được từ một nhà khoa học Iraq phản bội, về Anh sau khi học ở Trường Hoàng gia London, và yêu một cô gái người Anh, và một loạt những nhà kỹ thuật khác của châu Âu đã làm việc ở Iraq giữa 1985 và 1990.

Tình báo chính trị được đến một hỗn hợp các người tị nạn chạy khỏi Iraq, các thông tin giả qua phát thanh từ nước Kuwait đang bị chiếm đóng, và tình báo về các dấu hiệu rõ ràng và tình báo điện tử, nghe trộm, và giám sát trên không.

Nhưng bằng cách nào để giải thích một báo cáo trực tiếp về lời lẽ của chính Saddam, dù câu hỏi đó có vẻ thật là lạ lùng, được thực hiện trong một cuộc họp kín trong chính lâu đài của ông ta, mà không để lộ một điệp viên trong những giới chức cao cấp nhất tại Baghdad?

Những nguy hiểm khi đưa ra lời chấp nhận đó là rất lớn. Thứ nhất, có những rò rỉ. Thời nào cũng có rò rỉ. Về tài liệu của Chính phủ, về thông tin trao đổi của công chức, và những thông tin nội bộ các cơ quan.

Các chính khách, cho đến nay những người giả danh đang liên quan, là những người tồi tệ nhất. Để tin vào những cơn ác mộng của những bậc thầy, họ nói với vợ, bạn gái, bạn trai, thợ cắt tóc, lái xe, và người bán rượu. Họ thậm chí còn tỉ tê tâm sự với nhau ngay cả khi một người hầu bàn ăn đứng ngay bên cạnh.

Thêm vào đó là vấn đề Washington và London đã có áp lực và các cơ quan truyền thông lớn mà tài năng do thám của họ: FBI và Scotland Yard còn lâu mới theo kịp, và còn có vấn đề là giải thích thế nào về sản phẩm của Jericho, mà không chấp nhận là có một Jericho.

Cuối cùng, London cũng còn có hàng trăm sinh viên Iraq - một số trong đó chắc chắn là điệp viên của tình báo Nước ngoài của tiến sĩ Ismail Ubaidi của Mukhabarat - đã chuẩn bị sẵn sàng để báo cáo về mọi thứ họ nghe và nhìn thấy được.

Không thể có chuyện ai đó khai ra tên Jericho, điều đó không thể xảy ra. Nhưng nếu ngụ ý rằng thông tin đã đến từ Baghdad, thì mạng lưới phản gián Rahmani có thể sẽ nhanh chóng tiến hành điều tra và cô lập được đầu mối. Tốt nhất, thì điều đó có thể làm Jericho im tiếng trong tương lai như ông ta đã dọa để tự bảo vệ mình; trường hợp xấu nhất là ông ta sẽ bị bắt.

Vì cuộc tấn công trên không sắp bắt đầu, hai cơ quan đã liên lạc lại với mọi chuyên gia về vật lý nguyên tử và hỏi lại về những thông tin đã được biết một cách nhanh chóng. Liệu ở đó có một khả năng hiện thực nào đó rằng Iraq có thể có phản ứng tách nhanh hơn và lớn hơn như trước đây từng nghĩ không?

Các trung tâm của Mỹ ở Sandia, Lawrence Livermore, và Los Alamos được hỏi lại, ở Anh là Harwell và Aldermaston. Khoa Z ở Livermore, những người đã từng phụ trách về sự nảy nở của Thế giới thứ ba về nguyên tử, là những người bị hỏi nhiều nhất.

Các chuyên gia quay trở lại, rất chắc chắn, tái khẳng định lời nói của mình. Dù đã đặt ra kịch bản xấu nhất, họ nói - đặt giả thuyết không phải một mà hai trung tâm sản xuất khí độc hoạt động không phải trong một

mà là hai năm - thì cũng không cách nào Iraq tạo được hơn một nửa số uranium-235 cần thiết cho một thiết bị đơn giản thấp kém nhất.

Điều này đặt các cơ quan tình báo vào lựa chọn một trong nhiều khả năng.

Saddam đã nhầm bởi vì ông ta đã bị lừa dối. Kết luận: không thể được. Những người phụ trách có thể mất mạng với cái kiểu đùa thế với Rais.

Saddam đã nói như vậy, nhưng là nói dối. Kết luận: khá có khả năng - để lên dây cót tinh thần trong số những cận thần của mình. Nhưng tại sao phải nói tin đó ra trong vòng những cận thần thân tín nhất, những người không hề sợ phản trắc?

Tuyên truyền nâng cao tinh thần phải được thực hiện với đám đông và bên ngoài chứ. Không thể giải thích nổi. Saddam đã không nói thế. Kết luận: toàn bộ báo cáo là chuyện bịa đặt. Kết luận thứ hai: Jericho nói dối bởi vì ông ta muốn tiền và nghĩ chiến tranh đang đến và thời gian của ông ta sẽ chóng hết. ông ta đã ra giá một triệu đôla cho thông tin của mình.

Jericho nói dối bởi vì ông ta đã bị phát hiện và đã khai ra tất cả. Kết luận: cũng có khả năng, và lựa chọn này đặt ra mối nguy hiểm cá nhân rất lớn cho người ở Baghdad để giữ đường dây.

Người của CIA lúc lắc sau tay lái. Langley, là người trả tiền chính, đã có quyền tuyệt đối để làm thế.

- Tôi sẽ đưa anh kết luận, Steve ạ, Bill Stewart nói với Steve Laing trong một đường dây an toàn từ CIA đến Nhà Trắng vào tối ngày 14 tháng Giêng. Saddam đã sai hoặc ông ta nói dối. Dù thế nào đi nữa, Chú Sam cũng sẽ không trả một triệu tiền xanh vào tài khoản ở Vienna cho cái thể loại giả dối này.

- Không có cách nào khác hả Bill?

- Cách nào mới được chứ?

- Rằng Saddam đã nói và ông ta nói đúng.

- Không có chuyện đó đâu. Đó là một cú lừa kẹp ba. Chúng ta sẽ không nuốt quả đắng này đâu. Xem nào, chín tuần qua Jericho đã tỏ ra thật tuyệt, dù giờ đây chúng ta phải kiểm tra lại những thứ hắn đã cho chúng ta. Một nửa trong đó đã được chứng tỏ, và là tốt. Nhưng ông ta đã chơi đều ở báo cáo gần nhất. Chúng tôi nghĩ đó là đoạn kết rồi. Chúng tôi không biết tại sao, nhưng đó là điều được nói từ trên cao xuống đấy.

- Thế thì chúng tôi gay rồi. Bill ạ.

- Tôi biết, anh bạn ạ, và chính vì thế mà tôi đã gọi cho anh chỉ sau cuộc họp với giám đốc mấy phút nay. Dù Jericho đã bị bắt và đã nói ra mọi thứ với đội hành quyết, hay ông ta đã chuồn và cao cẳng. Nhưng nếu ông ta biết được rằng chúng ta sẽ không gửi cho ông ta triệu đôla nào nữa, thì tôi chắc ông ta sẽ nổi đóa lên. Dù cách nào đi nữa, thì đó cũng là tin xấu cho anh bạn trẻ của các anh ở đó. Anh ta giỏi đấy chứ, phải không?

- Giỏi nhất đấy. Mẹ kiếp nhà nó chứ.

- Thế thì rút anh ta về đi. Steve ạ. Lẹ lên.

- Tôi nghĩ sẽ phải làm vậy thôi, Bill. Cám ơn đã khuyên. Tội thật - đang tốt thế cơ mà.

- Giỏi nhất. trong khi còn được thế.

Stewart đập máy. Laing đi lên tầng để gặp ngài Colin.

Quyết định được đưa ra trong vòng một giờ đồng hồ.

Vào giờ ăn sáng ngày 15 tháng Giêng ở Ảrập Xêút, tất cả các thành viên của đội bay, người Mỹ, người Anh, Italia, Xêút, và Kuwait, biết rằng họ sẽ đi vào cuộc chiến tranh. Các chính khách và nhà ngoại giao, họ tin thế, đã thất bại trong việc ngăn cản điều đó. Qua ngày mọi đơn vị không quân chuyển sang tình trạng chuẩn bị chiến đấu.

Các trung tâm đầu não của chiến dịch đặt ở ba cơ sở tại Riyadh.

Ở ngoại ô Riyadh căn cứ không quân là một tập hợp những lều trại có gắn máy lạnh, được biết đến bởi ánh sáng xanh lan toả trên những tấm vải bạt ở chỗ Barn. Đó là nơi đầu tiên lọc đồng ảnh tình báo chụp từ trên không trong nhiều tuần và có thể sẽ gấp đôi, gấp ba trong những tuần tới.

Sản phẩm của Barn - một tổng hợp của những thông tin ảnh quan trọng nhất đổ xuống từ rất nhiều những câu chuyện tình báo - đã đi được một chặng đường để đến được đại bản doanh của Không lực Arập Xêut, một đồng những cái đã được chuyển lên cho Không quân Trung ương. CENTAF.

Một toà nhà khổng lồ bằng nhôm kính được dựng lên trên một khu 50 mét chiều dài, đại bản doanh đang hoạt động hết công suất, và chính ở đó, sâu dưới mặt đất, là trụ sở CENTAF.

Trong toà nhà bộ phận quan trọng nhất là Trung tâm Sản xuất Hình ảnh Hợp tác, một cơ quan hợp tác với nhiều phòng trong đó làm việc qua chiến tranh 250 nhà phân tích. Mỹ và Anh, của cả ba binh chủng, và mọi cấp bậc. Đó là Hồ Đen.

Tổng chỉ huy không quân, tướng Chuck Horner, phụ trách về kỹ thuật, nhưng vì ông thường bị gọi lên Bộ Quốc phòng cách đó một dặm đường, nên phó của ông có mặt thường xuyên hơn, tướng Buster Glosson.

Các nhà hoạch định chiến lược cho cuộc chiến trên không tại Hồ Đen đọc một đồng tài liệu hàng ngày, thậm chí hàng giờ gọi là Sơ đồ Mục tiêu Cơ bản, một danh sách và bản đồ mọi thứ ở Iraq đã được nhắm đến để tấn công. Từ đó chúng được chia ra làm tài liệu hàng ngày của mỗi chỉ huy không quân, sĩ quan tình báo không quân, các sĩ quan chiến dịch lên kế hoạch, và đội bay tại vùng Vịnh - Lệnh Bay (ATO).

ATO của mỗi ngày là một tài liệu hết sức chi tiết. lên tới hơn 100 trang đánh máy. Mất đến ba ngày để chuẩn bị. Tiếp đến đầu tiên là Phân chia - quyết định về các tỉ lệ của các dạng mục tiêu ở Iraq có thể được xử lý trong vòng một ngày và những đội bay có thể sử dụng cho trận đó.

Ngày thứ hai là Đặt chỗ - thảo luận về tỉ lệ các mục tiêu Iraq thành các số và địa điểm cụ thể. Ngày thứ ba là Phân chia quyết định “ai có ai không”. Chính trong quá trình phân chia này có thể quyết định, chẳng hạn, cái đó là cho những chiếc Tornado của Anh, cái này cho Eagle của Mỹ, cái khác cho Tomcat của Thủy quân, rồi thì cho Phantom, và cho Pháo đài bay B52.

Chỉ khi đó mỗi phiên đội bay và người bay cùng mới được lên danh sách trong ngày hôm sau. Sau đó, là thực hiện - tìm mục tiêu, vạch đường, nối với những máy bay tiếp nhiên liệu, kế hoạch hướng đánh, tính toán những mục tiêu thứ yếu trong trường hợp thất bại, và tìm đường trở về nhà.

Người chỉ huy phiên đội có thể chọn các nhân viên của mình và đề nghị những người chỉ huy chuyến bay và người đi cùng. Những sĩ quan phụ trách vũ khí - mà Don Walker là một trong số đó, có thể lựa chọn cách thức - bom “thép” hay là “ngu ngốc”, những bom không có định hướng, rồi bom do laser định hướng, hoả tiễn laser dẫn đường, và nhiều thứ nữa.

Cách đường Sân bay cũ một dặm là toà nhà thứ ba. Bộ Quốc phòng Xêut rất menh mông, gồm năm toà nhà chính nối với nhau bằng xi măng trắng, cao bảy tầng, với những cột nhà cao lênh khênh.

Trên tầng thứ tư toà nhà này tướng Norman Schwarzkopf được dành cho một dãy phòng mà hiếm khi ông dùng đến. thường xuyên ngã lưng thẳng xuống cái giường nhỏ dưới tầng ngầm, cạnh vị trí chỉ huy của mình.

Trong tất cả, bộ dài tới 400 mét và hàng chục feet cao, một sự sạch sẽ đã trả các cỗ tức trong Chiến tranh vùng Vịnh, khi Riyadh phải đóng vai trò chủ nhà với nhiều người nước ngoài. Dưới đất là hai tầng nữa gồm nhiều phòng chạy dọc theo chiều rộng của toà nhà, và trong số 400 mét. Ban Chỉ huy liên quân đóng trong 60. Chính ở đây các vị tướng lĩnh ngồi trong suốt cuộc chiến, nhìn vào một bản đồ lớn trong khi các sĩ quan tùy tùng chỉ ra cái đã được xử lý, cái đã bị trượt. cái đã để lộ ra, cái đã di chuyển, và cái mà sự đáp lại của Iraq và những vị trí có.

Được bảo vệ khỏi ánh mặt trời gay gắt ngày tháng Giêng đó, một chỉ huy đội của Anh ngồi trước một tấm bản đồ treo tường chỉ ra 700 mục tiêu được lên danh sách tại Iraq. 240 mục tiêu chính và những cái khác còn lại là thứ yếu, nhận xét:

- Tốt, thế là đúng đấy.

Thực ra, không phải là như thế. Những người lập kế hoạch không hề hay biết, cả những vệ tinh và mọi thứ công nghệ, tính tàn bạo của con người được nguy trang và maskirovka đã làm họ bị đánh lừa.

Tại hàng trăm địa điểm qua Iraq và Kuwait, các xe tăng Iraq đã đổ và ở dưới sự nguy trang của chúng, hướng bắn rất chuẩn bởi Liên quân nhờ vào chất liệu kim loại của chúng: được phát hiện bởi các radar tốt nhất. Trong nhiều trường hợp làm bằng gỗ, gỗ ép, và thanh mỏng, những cái trống của thép cứng bên trong tạo ra thứ gần giống như thép với các máy cảm ứng.

Những điểm của xích xe tải cũ giờ đây chất đống những ống cho tên lửa Scud. Những “máy phóng” di động này cũng có thể bị Liên quân bỏ qua.

Nhưng nghiêm trọng hơn nữa, 70 mục tiêu chính yếu liên quan đến các vũ khí của Iraq đã không được định vị bởi vì chúng được chôn sâu hay được nguy trang một cách khéo léo thành một cái gì đó khác. Chỉ sau này các nhà hoạch định mới bối rối về cách người Iraq đã xử lý để dựng lại toàn bộ những sư đoàn bị phá huỷ với tốc độ nhanh đến khó tin; chỉ sau này các điều tra viên của Hoa Kỳ mới phát hiện hàng loạt nhà máy và kho hàng đã bị bỏ sót: và không biết được những căn cứ ngầm dưới đất.

Nhưng vào cái ngày nóng nực năm 1990 đó không ai biết được những điều đó. Cái mà những người đàn ông trẻ tuổi ngoài những đường bay từ Tabuq miền tây đến Bahrain ở phía đông và xuôi xuống vùng Khamis Mushait bí mật cao độ ở phía nam được biết rằng là trong 40 tiếng đồng hồ họ có thể vào cuộc chiến tranh và một số trong đó sẽ không trở về.

Trong toàn bộ ngày cuối cùng trước khi những cái quyết định bắt đầu, phần lớn trong số họ viết thư về nhà. Một số cần bút chì nghĩ nên viết gì. Những người khác nghĩ đến vợ và con cái mình và khóc khi viết thư; những bàn tay quen điều khiển hàng tấn kim loại chết người tìm cách nguệch ngoạc những từ chẳng ra sao để nói điều họ đang cảm thấy; những người đang yêu thì cố diễn tả điều họ nên nói trước, những người cha khuyến nhủ -con trai mình chăm lo cho mẹ chúng nếu điều xấu nhất xảy đến.

Đại úy Don Walker nghe tin tức với tất cả các phi công và những người trong đội lái khác của Đội Rocketeers của TFS số 336 trong một thông báo từ đội trưởng ở Al Kharz. Ngay trước 9 giờ sáng: và mặt trời đã bắt đầu thiêu đốt sa mạc giống như một thứ lò nung.

Không có lệnh cấm nào buộc những người lính không được ra khỏi lều, mỗi người chìm trong suy nghĩ riêng của mình. Với mỗi người, những suy nghĩ đó rất gần với nhau: ý định gần đây nhất để tránh chiến tranh đã được thử và đã thất bại; các chính khách và nhà ngoại giao đã đi như con thoi từ cuộc họp này đến cuộc họp khác, đã đầu hàng và tuyên bố như vậy, đã thúc đẩy, đốt cháy, xin xỏ, dọa nạt, và ve vãn hàng tháng trời trước khi đến ngày hôm nay.

Walker nhìn đội trưởng Steve Turner đang đi khỏi lều của mình để viết điều anh tin tưởng sâu sắc có thể là bức thư cuối cùng của anh cho Betty Jane ở Goldsboro, Carolina Bắc, Randy Roberts có một vài từ ngắn gọn, thân mật với Boomer Henry. rồi họ chia tay và đi.

Chàng trai Oklahoma trẻ tuổi nhìn vào vòm trời xanh nhạt nơi anh đã muốn lao vào từ khi còn là một chú nhóc ở Tulsa và nơi đó anh đã sớm có thể chết vào độ tuổi ba mươi, và quay bước chân về cái máy đo. Cũng giống những người khác, anh muốn được một mình.

Không có hàng rào để đi sang căn cứ ở Al Kharz, chỉ có hàng núi cát, và những đồng đất trải dài đến chân trời và trên đó lại tiếp nữa và tiếp nữa. Walker đi ngang qua những túp lều nhỏ bé được tụ lại quanh một nơi cụ thể, nơi các thợ máy đang làm việc với chức trách của mình và các đội trưởng đang đi qua các đội, nói và kiểm tra để chắc rằng khi một cái trong số các baby của mình cuối cùng vào cuộc chiến, thì chúng có thể là những chiếc máy hoàn hảo trong tay những người biết sử dụng chúng.

Walker đỡ chiếc Eagle của mình giữa chúng và vẫn thấy thật ngưỡng mộ khi chiêm ngưỡng chúng từ xa theo cái dáng điệu đe dọa cảm lạnh của chúng. Nó bay chậm qua đoàn đàn ông và phụ nữ, thậm chí yêu mến hoặc thích thú, căm ghét hoặc sợ hãi, kiên nhẫn đợi đến lúc khi nó cuối cùng có thể làm cái đã được thiết kế để làm hàng năm trước trên khoang lái - mang lửa và cái chết đến cho những kẻ được đưa vào tầm ngắm bởi vị tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Walker ghen tị với chiếc Eagle của mình; với mọi sự phức tạp kinh người, nó có thể không cảm thấy gì hết cả, nó có thể không bao giờ phải e ngại. Anh rời khỏi thành phố của lều trại đằng sau mình và rảo bộ trên

dường. đôi mắt anh ánh lên bởi độ cao của cái gậy bóng chày và những đôi kính bay, hiếm khi cảm thấy sức nóng của mặt trời trên vai mình.

Tám năm nay anh đã bay trên chiếc máy bay của Tổ quốc mình, làm điều đó và thích thú nó. Nhưng chưa từng bao giờ anh thật sự, thành thật ngắm nhìn triển vọng mình có thể chết trong trận chiến. Một phần trong số mọi phi công chiến đấu thường đùa cợt với khái niệm thử nghiệm kỹ năng, thần kinh của anh, và sự hoàn hảo của chiếc máy bay chống lại một người đàn ông khác trong thực tế chứ không phải một bài kiểm tra vở vắn nào đó. Nhưng một phần khác vẫn luôn giải thích rằng sẽ không bao giờ xảy ra như thế. Nó sẽ không bao giờ thực sự biết đến việc giết những đứa con của những bà mẹ khác, hay bị họ giết chết.

Sáng hôm đó, cũng giống như các buổi sáng khác, anh cuối cùng cũng nhận ra rằng trong thực tế điều đó đã xảy đến: rằng mọi năm học hành và huấn luyện trước đây đã cuối cùng đi đến ngày này và đến thời điểm này; rằng trong 40 giờ nữa anh có thể lại đưa chiếc Eagle của mình lên không trung, và lần này anh có thể sẽ không quay trở về.

Cũng giống như những người khác, anh nghĩ về ngôi nhà. Khi chỉ còn là một đứa trẻ và một người độc thân, anh nghĩ về bố mẹ mình. Anh nhớ mọi thời gian và mọi địa điểm của tuổi thơ mình ở Tulsa, những việc mà anh và cha mẹ anh đã cùng nhau làm trong cái sân sau nhà, cái ngày anh được tặng cái mitt đầu tiên và đã bắt bố mình chơi cùng cho đến tận khi mặt trời xuống.

Những suy nghĩ của anh quay trở về những kỳ nghỉ mà họ đã ở cùng nhau trước khi anh rời nhà đi học đại học rồi vào Không quân. Người anh nhớ đến nhiều nhất là cái lần bố anh mang anh trên một chiếc tàu đánh cá chỉ toàn đàn ông đến Alaska vào mùa hè năm anh 20 tuổi.

Ray Walker

Giờ đây anh thấy mình đang đi lang thang qua một biển cát trong đất liền xa nhà với nước mắt chảy dài trên gò má, không ngăn được, khô đi trong ánh nắng mặt trời. Nếu anh chết, anh sẽ không bao giờ được cưới vợ và sẽ không bao giờ có con hết cả. Hai lần anh đã suýt cưới vợ; một lần với một cô gái ở trường đại học, nhưng đó là khi anh còn quá trẻ chưa có kinh nghiệm gì, lần thứ hai với một người phụ nữ chín chắn hơn mà anh gặp ngoài căn cứ gần Mc Connell, người đã làm anh hiểu cô sẽ không bao giờ trở thành vợ của một tay lính chiến lái máy bay.

Giờ đây anh muốn, như chưa từng muốn như thế bao giờ trước đây, có con của riêng mình; anh muốn một người đàn bà để trở về vào lúc cuối ngày, và một đứa con gái đùa nghịch với anh và nghe anh đọc chuyện cổ tích khi sắp đi ngủ, và một đứa con trai để dạy cho nó bắt một quả bóng đang xoáy, để chiến đấu và thi đấu, để chơi đùa và câu cá, đúng theo cái cách bố anh đã dạy anh. Còn hơn thế nữa, anh muốn quay trở về Tulsa và ôm hôn mẹ anh lần nữa, người đã lo lắng bao nhiêu về những việc anh đã làm và đã can đảm không chịu...

Chàng phi công trẻ tuổi cuối cùng cũng quay về căn cứ, ngồi xuống cái bàn ăn tại căn lều ở chung với mấy người khác, và tìm cách viết một bức thư về nhà. Anh không phải người viết thư giỏi. Từ ngữ không đến dễ dàng. Anh thường thử miêu tả những điều vừa mới xảy ra trong đội bay, bạn bè anh, tình hình thời tiết. Điều đó thật là khác.

Anh viết cho bố mẹ mình hai trang giấy, cũng giống như nhiều đứa con trai khác trong ngày hôm đó. Anh tìm cách giải thích điều đang diễn ra trong đầu anh, cái chẳng dễ dàng một chút nào.

Anh nói với họ về những tin tức mới vừa được thông báo sáng hôm đó và ý nghĩa của những tin đó, và anh bảo họ đừng có lo lắng cho anh. Anh đã có sự đào tạo tốt nhất thế giới và bay trên chiếc máy bay chiến đấu tốt nhất thế giới trong không lực mạnh nhất thế giới.

Anh viết là anh rất tiếc về thời gian anh còn nhỏ, và cảm ơn họ với mọi điều họ làm cho anh trong những năm qua, từ ngày đầu tiên xa lác xa lơ cho đến hiện tại khi vị tướng đã có trên ngực những cánh máy bay.

Trong 40 tiếng đồng hồ, anh giải thích, anh có thể sẽ cất cánh chiếc Eagle của mình và lại bay, nhưng lần này có thể sẽ khác nhiều. Lần này, lần đầu tiên, anh có thể sẽ thấy mình phải giết những người khác, và họ cũng sẽ tìm cách để giết anh. Anh có thể không nhìn thấy khuôn mặt của họ hay cảm giác về nỗi sợ hãi của họ, khi họ biết được điều đó, vì không có cách nào khác trong chiến tranh hiện đại. Nhưng nếu họ lùi

bước và anh thất bại, thì anh cũng muốn bố mẹ mình biết anh yêu họ thế nào, và anh hy vọng anh đã là một đứa con trai tốt của họ.

Khi anh viết xong, anh dán thư lại. Nhiều bức thư khác cũng được dán trong ngày hôm đó dọc theo chiều dài và chiều rộng của Ảrập Xêút. Rồi các nhân viên bưu chính quân đội sẽ thu thập chúng, và chúng được chuyển cho Trenton , Tulsa, London , Rouen và Rome.

Đêm đó Mike Martin nhận được một tin khẩn từ những người đang kiểm soát anh ở Riyadh. Khi anh cho máy chạy lại, anh nhận ra giọng Simon Paxman đang nói. Đó không phải là một bản tin dài, nhưng rõ ràng và đi thẳng vào vấn đề ngay. Trong thông điệp trước của mình, Jericho đã sai lầm, hoàn toàn và tuyệt đối sai. Mọi kiểm tra khoa học đều chứng tỏ không có cách nào hấn ta lại đúng được cả.

Hấn ta đã sai dù là cố ý hay vô ý. Trong trường hợp đầu tiên hấn ta có thể đã phản bội, đã bị loá mắt vì tiền, hay đã bị bắt buộc. Trong trường hợp thứ hai hấn ta có thể đã chán ngán bởi vì CIA đã từ chối nhất quyết không trả thêm đôla cho cái loại sản phẩm này nữa.

Điều đó có nghĩa là, không có lựa chọn nào khác ngoài việc tin rằng, sự hợp tác của Jericho, toàn bộ chiến dịch đã bị Phản gián Iraq phát hiện, giờ đây đang ở trong tay “Hassan Rahmani bạn anh”; hoặc điều đó rồi không chóng thì chày sẽ xảy ra, nếu Jencho tìm cách trả thù bằng cách gửi một thư nặc danh.

Và cũng phải bỏ cả sáu hòm thư chết. Kiểu gì cũng phải làm. Martin có thể tự mình chuẩn bị để thoát khỏi Iraq với cơ hội an toàn đầu tiên, có thể là dưới trường hợp một cuộc hỗn loạn có thể đến trong 24 giờ nữa. Hết thông báo.

Martin nghĩ về nó trong suốt phần còn lại của đêm. Anh không ngạc nhiên rằng phương Tây đã không còn tin Jericho nữa. Rằng các khoản tiền sẽ ngừng chảy nữa. Người đã chỉ báo cáo nội dung của một cuộc họp tại đó Saddam có dự. Thế là Saddam đã nói dối - không có gì mới mẻ cả. Thế thì Jericho sẽ làm gì khác đây - bỏ qua nó ư? Người đàn ông đang đòi đến một triệu đôla đã làm điều đó.

Do đó, logic của Paxman thật không chấp nhận được.

Trong bốn ngày, có thể là năm, Jericho sẽ kiểm tra và phát hiện chưa có thêm tiền. Ông ta có thể trở nên giận dữ, cáu bẳn. Nếu không bị rơi vào tay Omar Khatib “Kẻ Tra tấn”, thì ông ta sẽ có thể hoàn toàn trả lời bằng cách bịa ra một kẻ nặc danh nào đó Cũng có thể thật là điên rồ đối với Jericho nếu hấn làm thế. Nếu Martin bị bắt và bị đánh - và anh không chắc sẽ đau đớn thế nào trong tay Khatib và những tên chuyên nghiệp đấm bóp của hấn - thông tin của chính anh có thể chỉ ra Jericho, dù đó là ai đi chăng nữa.

Hơn nữa, con người ta lại hay làm những việc điên rồ. Paxman đúng, các hộp thư cần được giám sát.

Còn với việc rời khỏi Baghdad, điều đó nói dễ hơn là làm. Qua câu chuyện phiếm ở các chợ, Martin đã nghe thấy rằng các con đường ra khỏi thành phố đầy đặc những đội tuần tra của AMAM và Cảnh sát quân sự, tìm kiếm những kẻ lang thang và chó săn. Bức thư của nhà ngoại giao Nga Kulikov chỉ cho phép anh phục vụ ông ta với tư cách người làm vườn ở Baghdad. Thật khó giải thích cho một điểm kiểm tra điều anh muốn làm khi đi về phía tây về sa mạc, nơi chiếc mô tô của anh được chôn ở đó. Suy đi tính lại anh quyết định ở lại trong khu nhà Xô viết một thời gian nữa. Đó lại có thể là chỗ an toàn nhất ở Baghdad này.

15. Chương 15

Hạn cuối cho Saddam Hussein để rời khỏi Kuwait đã hết vào nửa đêm ngày 15 tháng Giêng. Trong một nghìn căn phòng, lều, tầng, và cabin trên khắp nước Ảrập Xêút, và ở Biển Đỏ cũng như vịnh Ảrập, những người đàn ông nhìn đồng hồ rồi nhìn nhau. Chẳng có gì mà nói cả.

Hai tầng bên dưới Bộ Quốc phòng Xêút, sau những cánh cửa thép có thể chống mọi quả đạn tăng trên đời, gần như có một cảm giác chán ngán. Sau tất cả các công việc, tất cả những gì đã được lên kế hoạch, chẳng còn gì để làm nữa cả - trong vài giờ. Giờ đây công việc đã đổ xuống vai những chàng trẻ tuổi. Họ đã có nhiệm vụ của mình, và họ có thể thực hiện trong bóng tối đường băng rất xa bản doanh của các vị tướng.

Vào 2 giờ 15 sáng, tướng Schwarzkopf đi vào gian phòng chiến tranh. Mọi người đều đang đứng. Ông đọc to một thông báo cho các đội quân, người đàn ông cầu nguyện, và vị chỉ huy nói: “Được rồi, để họ đi làm đi”.

Ngoài xa qua sa mạc, những người đàn ông đã vào việc. Lần đầu bay qua biên giới không phải những chiếc máy bay chiến đấu mà là một đội bay gồm tám chiếc trực thăng Apache thuộc về Sư đoàn Không quân 101 của quân đội. Nhiệm vụ của họ nhỏ nhưng là chủ yếu.

Về phía bắc biên giới nhưng không xa Baghdad là hai căn cứ radar mạnh của Iraq, với những chiếc đĩa quan sát cả bầu trời vùng Vịnh từ đông sang tây sa mạc.

Những chiếc máy bay trực thăng đã được lựa chọn, dù có tốc độ thấp so với những chiếc máy bay siêu âm, bởi hai lý do. Đi thăm dò sa mạc, chúng có thể bay dưới tầm radar và tiếp cận các căn cứ đó mà không bị phát hiện; hơn thế nữa, những người chỉ huy muốn có sự xác nhận của mắt con người rằng các căn cứ đó đã thật sự tồn tại, và ở rất gần. Chỉ những chiếc cánh quạt mới làm được điều đó. Có thể tốn nhiều mạng người nếu những máy radar đó hoạt động được.

Những chiếc Apache làm được tất cả những gì được yêu cầu Chúng đã không bị phát hiện khi bắt đầu khai hỏa. Tất cả đội bay đều có mũ đội gắn kính hồng ngoại, trông như những chiếc ống nhòm thò ra từ phía trước. Chúng giúp phi công có tầm nhìn đêm hoàn hảo, để trong đêm tối mịt mù với mắt thường anh ta có thể nhìn mọi thứ như thể trong một đêm sáng trăng.

Thoạt tiên họ dò các máy phát điện phục vụ máy radar, rồi các thiết bị liên lạc từ đó sự có mặt của họ có thể bị báo cáo cho các trận địa tên lửa xa hơn trong nội địa, và cuối cùng, họ bắn tung các đĩa radar.

Trong chưa đầy hai phút họ đã bắn tới tấp 27 tên lửa có laser dẫn đường Hellfire, một loạt 100 quả rocket 70 ly, và 4000 vòng đạn pháo hạng nặng. Cả hai địa điểm radar đều bị phá hủy.

Công vụ mở ra cả một lỗ hổng lớn trong hệ thống phòng không của Iraq, và qua lỗ hổng đó đã nhảy xổ vào cả phần còn lại của chuyến tấn công đêm này.

Những người nhìn thấy kế hoạch chiến tranh trên không của tướng Chuck Horner sau này đều cho rằng đó là một trong những kế hoạch giỏi nhất từng có. Nó bao gồm một cột trụ, chính xác đến từng bước và có đủ độ linh hoạt để đối đầu với mọi bất trắc cần đến thay đổi.

Bước một đã khá rõ ràng trong các mục tiêu và được chuyển sang ba giai đoạn khác. Đó là tiêu diệt mọi hệ thống phòng không của Iraq và chứng tỏ sự vượt trội của không quân Liên quân? với nó họ đã bắt đầu, thành tối cao của không quân.

Trong ba giai đoạn còn lại tiếp theo trong vòng kỳ hạn 35 ngày tự đặt ra, máy bay của Liên quân sẽ phải có được thế thượng phong đè bẹp đối phương ở trên không. Khi đàn áp phòng không của Iraq, vấn đề cốt yếu là radar.

Trong chiến tranh hiện đại, radar là cái quan trọng hàng đầu và là công cụ được sử dụng nhiều nhất, mặc cho sự chói sáng của tất cả những cái khác trong khí tài.

Radar dò xét được các máy bay chiến đấu đang bay đến gần, radar hướng lối cho máy bay của chính họ đến nơi cần đến; radar hướng lối cho các tên lửa phòng không; và radar hướng đường bắn cho pháo.

Phá hủy radar khiến kẻ thù trở nên mù loà, giống như một võ sĩ quyền anh hạng nặng trên sàn đấu không có mắt. Anh ta có thể to lớn và vẫn rất khỏe, anh ta có thể ra được những cú đấm kinh người, nhưng kẻ thù của anh ta có thể vòng xung quanh chàng Samson mù loà, nháy nhót và chơi những cú làm anh chàng khổng lồ mệt mỏi cho đến lúc trọng tài tuyên bố anh ta thua cuộc.

Với lỗ thủng to đùng ngay ở tầm khống chế hệ thống radar của Iraq, các máy bay Tornado và Eagle, những chiếc Aardvard F-111 và F-4G Wild Weasel sẽ xuyên qua chỗ hở đó, đến được các địa điểm radar sâu hơn trong nội địa, đến được các căn cứ tên lửa do các căn cứ radar đó hướng lối, nhắm vào các trung tâm chỉ huy nơi các viên tướng Iraq đang ngồi, và thổi bay các địa điểm liên lạc qua đó các viên tướng cố truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị bên ngoài.

Từ các tàu chiến Wisconsin và Missouri và chiếc San Jacinto ngoài Vịnh, 52 tên lửa hành trình Tomahawk được bắn ra trong đêm đó. Chúng do một tổ hợp ngân hàng dữ liệu được máy tính hoá và máy camera vô

tuyến điện, những chiếc Tomahawk đến được các nơi, chiếm thế thượng phong tại đó. Khi đã đến nơi, chúng “nhìn” thấy mục tiêu, so sánh chúng với cái có trong bộ nhớ, xác định toà nhà chính xác, và bắn vào trong đó.

Wild Weasel là một phiên bản của Phantom, nhưng được chế tạo đặc biệt để tiêu diệt rada. Nó mang theo những HARM, những tên lửa chống xạ tốc độ cao. Khi một chiếc đĩa rada loé sáng hoặc “phát sáng”, nó sẽ tạo ra các sóng điện từ, và để bị lộ. Nó không thể tránh thế được. Công việc của những HARM là tìm những sóng đó bằng các bộ cảm ứng của mình và đi thẳng đến trung tâm của rada trước khi nổ tung.

Có thể máy bay chiến đấu lạ nhất trong số đó đang bay về bắc ở trên trời cao đêm đó là máy bay F-117A, được biết đến như máy bay chiến đấu Stealth. Toàn thân màu đen, nó được chế tạo với một hình dạng mà nhiều chiều của nó tránh được hầu hết các sóng rada hướng lên vào nó và hấp thụ phần còn lại vào chính mình, chiếc chiến đấu Stealth không để những sóng rada đối nghịch trở về máy thu và do đó để lộ sự tồn tại của nó cho kẻ thù.

Là tàng hình, những chiếc F-117A đêm đó đã bay qua bay lại không bị phát hiện qua các màn hình rada Iraq để ném những quả bom 2000 pound do lazer dẫn đường rất chính xác vào 34 mục tiêu dính với hệ thống phòng không quốc gia. 13 trong số các mục tiêu đó là ở ngay ngoài Baghdad.

Khi những quả bom đó xuống đến mặt đất người Iraq sẽ loé hết cả mắt nhưng nhìn lên sẽ không thấy gì hết. Trong tiếng Ả-rập, Stealth có nghĩa là shabah; có nghĩa là “ma”. Chúng đến từ căn cứ bí mật của Khamis Mushait sâu ở miền nam Ả-rập Xê-ut, nơi chúng đã được chuyển từ nhà Tonopah, Nevada, cũng bí mật như thế. Trong khi những phi công Mỹ kém may mắn hơn phải sống trong lều trại, Khamis Mushait được xây dựng cách xa hàng dặm nhưng với bầu nhiên liệu rất lớn và hệ thống điều hoà nhiệt độ, nguyên nhân người ta để những chiếc Stealth ở đó.

Vì phải bay xa đến thế, có thể là những phi vụ đường xa nhất trong chiến tranh, đến sáu giờ bay từ khi cất cánh đến khi tiếp đất, và tất cả đều bí mật. Chúng bay mà không hề bị phát hiện qua một số trong các hệ thống phòng không dày đặc nhất trên thế giới - của Baghdad - và không một cái nào bị hề hấn gì, trong đêm đó cũng như những đêm khác.

Khi chúng đã làm xong điều phải làm, chúng liền bay đi, hành trình như những đợt sóng trên một mặt biển hiền hoà, và quay trở về Khamis Mushait.

Công việc nguy hiểm nhất của đêm đến với những chiếc Tornado của Anh. Nhiệm vụ của họ, và trong tuần tiếp đó cho đến khi không còn nữa, là “không chiến”, sử dụng những quả bom JP-233 to đùng của mình. Vấn đề của họ khó gấp hai. Người Iraq đã xây dựng những lá chắn tên lửa cực kỳ lớn. Tallil lớn gấp 4 lần Heathrow, với 16 đường băng và đường cho xe taxi có thể được sử dụng để cất và hạ cánh cùng lúc. Chỉ đơn giản là không thể tiêu diệt nó hoàn toàn ngay lập tức được.

Vấn đề thứ hai là về độ cao và tốc độ. Những quả bom JP-233 phải được phóng ra từ một chiếc Tornado trong khi bay thẳng tuyệt đối và ở một độ cao nào đó. Ngay cả sau khi thả bom, những chiếc Tornado vẫn không có cách lựa chọn nào khác là bay qua mục tiêu. Ngay cả khi những chiếc rada đã bị hạ gục, thì những tay súng vẫn không hề: pháo chống máy bay, được biết đến như là A nhân ba, bắn đến chúng bằng những đợt sóng cuộn khi chúng lại gần, cho nên một phi công đã miêu tả những phi vụ đó là “bay qua những cái ống thép mềm”.

Những người ném bom không phải là những người duy nhất bay đêm đó. Đằng sau chúng và với chúng còn bay theo cả một đồng công tác phục vụ đặc biệt khác nữa.

Những chiếc máy bay chiến đấu sức mạnh vượt trội bay qua lại trên những chiếc thả bom. Những lệnh của những người chỉ huy mặt đất của Iraq cho các phi công của mình - một số ít người được cất cánh đêm đó - đã bị những chiếc Raven của Mỹ và Prowler của Hải quân đè nát. Các phi công Iraq bay đêm đó không có chỉ dẫn bằng lời và không có rada hướng lối. Một cách khôn ngoan, hầu hết đều bay về nhà.

Bao quát phần phía nam của biên giới là 60 chiếc tiếp nhiên liệu: KC-135 và KC-10 của Mỹ, KA-6D của Hải quân Mỹ và Victor và VC-10 của Anh. Công việc của chúng là nhận những chiếc máy bay chiến đấu đến từ Ả-rập Xê-ut, cấp nhiên liệu để chúng đi làm nhiệm vụ, rồi gặp chúng trên đường chúng lui về để tiếp

nhiên liệu nữa để về được nhà. Điều này nghe có vẻ thường, nhưng trên thực tế được làm trong bóng tối được miêu tả bởi một lái máy bay là “cổ nhét spaghetti vào một cái lỗ nhỏ”.

Và bên ngoài Vịnh, nơi chúng đã ở đó 5 tháng nay, những chiếc Hawkeye E-2 của Hải quân Mỹ và những chiếc Sentry AWACS E-3 của USAF bay vòng vòng. ra đa của chúng hướng lên mọi máy bay của mình và của bên đối phương trên bầu trời, cảnh báo, khuyến nử, hướng lối, và nhìn ngó.

Vào lúc hoàng hôn, những chiếc radar của Iraq đã gần như bị quét sạch, các căn cứ quân sự của nước này trở nên mù loà Và những trung tâm chỉ huy chính bị phá huỷ. Có thể mất đến bốn ngày đêm nữa mới có thể hoàn thành công việc, nhưng thế thượng phong về không lực đã thấy rõ. Sau đó có thể đến các trạm phát điện, các tháp thông tin, liên lạc điện thoại, các trạm hoãn, kho chứa máy bay, các tháp điều khiển, và tất cả những cái được coi là thiết bị để sản xuất và trữ vũ khí huỷ diệt toàn bộ.

Sau đó có thể đến sự “xuống cấp” có hệ thống dưới 50% lực lượng không quân của quân đội Iraq ở phía nam và tây nam biên giới với Kuwait, một điều kiện mà tướng Schwarzkopf nhấn mạnh trước khi ông có thể dùng quân trên bộ tấn công.

Hai nhân tố khi đó chưa được biết đến sau này có thể làm thay đổi tiến trình cuộc chiến. Một là quyết định của Iraq bắn một loạt tên lửa Scud vào Israell cái còn lại là một hành động nóng nảy của đại úy Don Walker của Đội bay chiến thuật số 336.

Bình minh đang lên vào buổi sáng ngày 17 tháng Giêng trên Baghdad đã bị rung chuyển rất mạnh. Các công dân không thể ngủ tiếp sau một chấn động vào lúc ba giờ sáng, và khi ánh sáng ban ngày đến, một số trong đó đã liêu lĩnh ra ngoài để thám thính một cách tò mò một số địa điểm chính của thành phố. Họ sống sót qua đêm dường như đã là cả một sự kỳ diệu, vì họ không thể không nhận ra rằng 20 chỗ đang bốc khói đã được lựa chọn cẩn thận và được bắn với độ chính xác mà dân thường không hề bị nguy hiểm gì lớn.

Nhưng cảm giác sốc thật sự là giữa các quan chức. Saddam Hussein đã rời khỏi Dinh Tổng thống và đang trốn ở boong ke kỳ ảo lạ lùng của mình ở sau và dưới khách sạn Rashid, vẫn còn rất đông người phương Tây, chủ yếu là giới truyền thông.

Boong ke đã được xây dựng nhiều năm trước đây trong một khu chống được động đất, chủ yếu với công nghệ Thủy Điện. Các biện pháp an ninh của nó rất tinh vi và thực sự là một cái hộp ở trong một cái hộp khác, và bên dưới và xung quanh cái hộp bên trong là hàng loạt những sức mạnh để bảo vệ những người trong đó khỏi một quả bom nguyên tử, giảm bớt các xung lực có thể làm đảo lộn cả thành phố bên trên mà ở dưới chỉ còn thấy như một chấn động nhỏ.

Mặc dù đường vào phải đi qua cả một loạt những hệ thống ống nước ở dưới khách sạn, thì cấu trúc chính vẫn nằm dưới Rashid, cái đã được xây dựng có tính toán ở mặt đất phía trên như một nơi ở đặc biệt dành cho người phương Tây ở Baghdad.

Bất kỳ kẻ thù nào có ý định thâm nhập sâu bằng cách ném bom vào boong ke sẽ phải chơi Rashid trước. Dù cố gắng cách nào, những ống ngầm xung quanh Rais vẫn rất chắc chắn tạo ra những rung động ban đêm. Chậm chậm, mức độ của thảm họa sẽ đi vào trong mọi tâm trí.

Họ đã trông chờ tất cả vào một trận ném bom boong ke, cái đã làm cho các vị trí bị san phẳng và hàng nghìn người dân vô tội phải chết. Thảm họa này sẽ được giới báo chí đưa tin, sẽ được quay phim và chứng tỏ cho tất cả các khán giả rõ cả người vì sợ ở nhà. Do đó có thể bắt đầu làn sóng phản đối tổng thông Bush và nước Mỹ trên toàn thế giới, có thể đạt đến một phiên họp khẩn cấp của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và phiếu chống của Trung Quốc và Nga.

Rõ ràng rằng “Con của Chó” từ bên kia Đại Tây Dương không thể dám làm. Cho đến lúc này khi các vị tướng của Iraq đã đề phòng, những quả bom rơi lân cận nơi họ đã nhắm đến, nhưng đó là tất cả. Với tất cả các vị trí trọng yếu về quân sự ở Baghdad được xây dựng có chủ đích tại các khu dân cư đông đúc, sẽ là không thể đối với các thương vong dân thường để phải tránh. Và trong một lần đi vòng quanh thành phố 20 điểm chỉ huy, các địa điểm tên lửa, căn cứ radar, và các trung tâm liên lạc bị bắn vào, những cái trong các toà nhà ở tầm ngầm đã sống hơn là các cửa sổ bị vỡ và thậm chí không bị hư hại gì quá nặng cả.

Giới cầm quyền phải tự thoả mãn với việc tự sáng tác một danh sách dân thường bị chết và kêu la rằng Không quân Mỹ đã bắn rụng như lá mùa thu. Phần lớn người Iraq, trong nhiều năm bị tuyên truyền làm

mê mụ, tin tưởng ở các báo cáo đầu tiên đó - trong một thời gian.

Các viên tướng chịu trách nhiệm phòng không biết rõ hơn. Rõ ràng với họ đã mất hầu hết các ra đa áo trước mọi chuyện, rằng các SAM của họ - các tên lửa đất đối không - đã bị mù, và liên lạc với các đơn vị bên ngoài đã bị cắt đứt hoàn toàn. Tồi tệ hơn nữa, những người vận hành ra đa sống sót đã làm thiệt hại lớn hơn do các máy bay thả bom chỉ đơn giản là không làm hiện lên trên màn hình. Những tên nói dối đã ngay lập tức bị tóm cổ.

Một số thiệt hại về dân thường trên thực tế cũng có xảy ra. Ít nhất hai tên lửa đạn đạo Tomahawk đã nổ trật mục tiêu. Một cái đã làm sập hai ngôi nhà và làm lật mái một nhà thờ, mà báo chí đã đưa tin vào buổi trưa.

Quả còn lại đã rơi vào đất trong phố và tạo ra một lỗ sâu hoắm. Trong buổi trưa đầu tiên xác một người phụ nữ đã được tìm thấy ở dưới đáy, bị nát như bởi sức ép.

Những loạt thả bom tiếp tục trong ngày, đến nỗi cứu thương không được chuẩn bị về cảng, đưa đến nhà xác của bệnh viện gần nhất, và để nó lại đó. Bệnh viện lại gần với một trung tâm chỉ huy Không quân đã bị phá hủy, và tất cả các giường đều có các nhân viên bị thương ở đó nằm. Nhiều xác người đã được đưa đến cùng nhà xác đó, tất cả đều chết vì bom. Người phụ nữ chỉ là một trong số đó.

Với các nguồn tin ở mục tin khẩn cấp, nhà bệnh học làm việc rất nhanh và đầy tò mò. Sự định dạng và nguyên nhân cái chết là những ưu tiên hàng đầu của ông ta. và ông ta không có thời gian để khám những bệnh nhẹ. Qua thành phố tiếng ì ùng của bom nổ có thể nghe thấy, và ánh chớp của lưới đạn phòng thủ cũng không ngừng. ông ta không nghi ngờ gì rằng tối và đêm có thể sẽ mang lại cho ông nhiều xác chết hơn.

Điều làm vị bác sĩ ngạc nhiên là tất cả các xác chết của ông đều là nhân viên Nhà nước, trừ người phụ nữ. Thứ bụi có trong vệt máu trên khuôn mặt đã như nát của cô ta, đi kèm với chỗ cô ta được tìm thấy, cho thấy không có giải thích nào ngoài việc cô ta đang chạy thì quả tên lửa đã rơi xuống bãi đất và giết chết cô ta. Xác chết đã được gói lại, rồi đem đi chôn.

Chiếc xác tay của cô ta được tìm thấy gần xác chết, và nó chứa một gói bột, son môi, và những cái thẻ của cô ta. Đó là Leila Al-Hilla, không nghi ngờ gì nữa là nạn nhân dân thường đầu tiên của đợt bom, nhà bệnh học kiệt sức đã lệnh đưa cô ta đi để chôn ngay lập tức.

Khám nghiệm tử thi mà ngày 17 tháng Giêng đó không thể thực hiện có thể cho thấy người đàn bà đã bị hiếp dâm nhiều lần và rất tàn bạo trước khi bị đánh một cách có hệ thống đến chết. Mãi nhiều giờ sau đó thứ bột trong hố bom mới được tìm thấy.

Tướng Abdullah Kadin đã chuyển từ văn phòng trắng lệ của mình ở Bộ Quốc phòng hai ngày trước. Không thể có chuyện ở lại đó để bị bom Mỹ bắn như, và ông ta được chắc rằng Bộ có thể bị ném trúng và bị phá hủy trước khi cuộc không chiến còn nhiều ngày nữa. ông ta đã đứng.

Ông đã về ngôi biệt thự của mình, mà ông có thể chắc chắn một cách có lý là khá không được biết tới - dù rất xa hoa - không hề nằm trên bản đồ mục tiêu của Mỹ. Về điểm thì ông lại tiếp tục đứng.

Ngôi biệt thự từ lâu đã được cung cấp với phòng liên lạc riêng, với nhân viên từ Bộ vận hành. Tất cả các máy móc liên lạc cho đại bản doanh chỉ huy của Quân đội xung quanh Baghdad đã được chôn ngầm, xây cáp quang, cái cũng ở ngoài tầm của những máy bay ném bom.

Chỉ các đơn vị xa mới được thông tin qua vô tuyến điện, với một đường dây nối - dĩ nhiên, là những đơn vị ở Kuwait.

Vấn đề của ông, khi bóng tối đã trùm lên Baghdad đêm đó, là không biết dùng cách nào để liên lạc với các vị chỉ huy Quân đội hay truyền lệnh gì cho họ. Họ có thể không tham dự vào cuộc không chiến, đã được lệnh phân tán xe tăng của mình càng trên diện rộng càng tốt, giữa những dãy cát hay chôn chúng xuống trong các boong ke ngầm sâu dưới đất và chờ đợi.

Vấn đề của ông ta đúng hơn là an ninh cá nhân, và ông ta không hề sợ người Mỹ.

Hai đêm trước, tỉnh dậy trong giường của mình với một bộ mặt nhàu nhĩ vì rượu arak như thường lệ, ông ta chui vào nhà tắm, ông nghĩ cánh cửa bị kẹt và xô thật mạnh, 200 pound cơ thể ông ta lao đánh âm vào

và cánh cửa mở tung ra.

Rất hung ác, nhưng Abdullah Kadin không phải đến từ một phố hậu gần Tikrit để có thể chỉ huy tất cả các xe tăng của Iraq ngoài Đội Vệ binh, đã không leo lên bằng con đường huyết thống bên trong đảng Ba'ath, và đã không có được một vị trí được tin cậy trong Hội đồng Chỉ huy Cách mạng mà không có hàng đồng khôn ngoan của con thú.

Ông ta đã im lặng nhìn chăm chăm vào nhân tình của mình, quần mình trong một chiếc áo dài ngồi trên bồn cầu, tờ giấy là mặt sau của một hộp Kleenx, mồm cô ta thành hình chữ O vì kinh ngạc và hoảng sợ, chiếc bút vẫn còn lung lẳng. Rồi ông đá vào chân cô ta và đắm vào hàm cô.

Khi cô ta bị nhúng đầu vào trong nước, ông ta có thời gian đọc báo cáo cô ta đang chuẩn bị và gọi khẩn cấp anh chàng Kemal trung thành từ chỗ của anh ta đi qua sân. Chính Kemal là người chịu trách nhiệm cho toàn bộ toà nhà.

Kadiri đã đọc đi đọc lại bản báo cáo cô ta gần như đã viết xong. Liệu nó có liên quan đến những thói quen và sở thích cá nhân của ông ta, một kẻ ghét thư từ, ông ta có thể đã đuổi và chỉ đơn giản là giết cô ta. Những kẻ xung quanh Rais cũng khá giống Rais. Ông cũng biết là Rais sẽ chẳng để ý đâu.

Điều đó còn tồi tệ hơn. Về ngoài ông ta nói về những điều đã xảy ra trong chính phủ và trong Quân đội. Quá rõ là cô ta đang làm gián điệp. Ông cần biết cô ta đã làm thế trong bao lâu và đã báo những gì, và cơ bản hơn cả, là làm cho kẻ nào. Kemal đầu tiên sung sướng vô cùng, với sự cho phép của ông chủ. Không người đàn ông nào thoả mãn đến thế sau khi Kemal đã kết thúc cuộc hỏi cung. Mất hàng giờ. Rồi, Kadiri đã biết, Kemal đã có tất - chỉ ít, mọi điều cô gái giang hồ biết.

Sau đó, Kemal tiếp tục sự thoả mãn riêng của mình cho đến khi cô ta chết.

Kadiri đã được thuyết phục rằng cô ta không biết sự thật về người đàn ông đã trả tiền cho cô ta và thuê cô ta do thám ông, nhưng bức tranh đó đã đủ để vẽ ra Hassan Rahmani.

Sự mô tả của những vụ đổi chác thông tin lấy tiền trong phòng xưng tội của nhà thờ Thánh Joseph cho thấy người đàn ông rất chuyên nghiệp, và Rahmani rõ ràng là người như thế. Điều có thể bị nhìn thấy không làm Kadiri bận lòng. Tất cả những người xung quanh Rais đều bị nhìn thấy; trên thực tế, họ nhìn lẫn nhau. Các quy tắc của Rais rất đơn giản và rõ ràng.

Mọi người ở cấp cao đều bị theo dõi và bị báo cáo bởi ba trong số những người khác. Một sự phản bội có thể và có khả năng làm sụp đổ tất cả Do đó, ít kẻ phản bội có thể đi xa được. Một trong số những người đó tin tưởng có thể báo cáo về vấn đề, và điều đó có thể đến được tai Rais.

Để làm vấn đề thêm phức tạp, mỗi thành viên xung quanh đều đôi khi bị thử, để xem thử phản ứng của người đó. Một đồng nghiệp, được sử dụng để làm điều đó, có thể lôi kéo theo người bạn và làm anh ta liên lụy.

Nếu người bạn đồng ý, thế là anh ta tiêu. Nếu anh ta thất bại không báo cáo được người đề nghị, anh ta cũng tiêu. Thế là cách nào cũng có thể là một sự khiêu khích - điều đó chỉ đơn giản là quá bất cần để mà làm khác. Do đó, tất cả đều báo cáo về những người khác.

Nhưng ở đây thì lại khác. Rahmani là giám đốc Phản gián. Liệu ông ta có báo cáo về chính mình, và nếu có thể, thì tại sao? Liệu đó có phải là một chiến dịch với sự hiểu biết và đồng tình của chính bản thân Rais, và nếu đúng thế, thì tại sao?

Ông ta đã nói gì? Viên tướng bản khoản. Mọi điều đều rất kín đáo, hẳn nhiên rồi. Nhưng phản bội ư?

Cái xác ở trong toà nhà cho đến khi bom rơi xuống, khi Kemal đã tìm thấy một hồ bom ở một bãi đất trống để đùn nó xuống. Viên tướng nhấn mạnh là cái túi xách cần để bên cạnh đó. Hãy để cái thang con hoang Rahmani đó biết điều gì đã xảy đến với kế hoạch chó má của hắn.

Khi đã quá nửa đêm, tướng Abdullah Kadiri lên cơn nóng sốt, rỏ nước vào arak. Nếu đó chỉ là Rahmani, thì ông ta có thể kết thúc tên con hoang. Nhưng bằng cách nào có thể biết cái thang đó dẫn đến đâu? Ông ta có thể cần cẩn trọng, cẩn trọng hơn nhiều so với trước. Những chuyến đi đêm vào thành phố cần kết thúc. Dù thế nào đi nữa, khi cuộc chiến tranh trên không đã bắt đầu, thì đã là thời gian để dừng lại rồi.

Simon Paxman bay về London. Không còn vấn đề gì nữa để tiếp tục ở lại Riyadh. Jericho chắc hẳn đã bị đá bởi CIA, mặc dù sư đoàn vô hình ở Baghdad có thể còn chưa biết điều đó, và Mike Martin vẫn ở lại cho đến khi có thể trốn thoát ra sa mạc và tìm cách an toàn trốn qua biên giới.

Tiếp theo đó, Paxman có thể đặt tay lên tim cuộc họp vào buổi tối ngày 18 với tiến sĩ Terry Martin như là một sự trùng hợp thật sự. Anh ta biết Martin sống ở Bayswater, cũng như chính anh ta, nhưng đó là một khu ngoại ô rộng lớn với nhiều cửa hàng.

Với người vợ đã đi thăm mẹ ốm và chưa biết lúc nào quay về, Paxman đã đến nhà vào căn hộ trống không và một tủ lạnh rỗng tuếch, thế là anh ta đi mua sắm ở siêu thị mở cửa muộn ở Westbourne Grove.

Xe của Terry Martin suýt đâm thẳng vào anh ta khi anh ta đang đi qua góc của những ngăn hàng pasta và thức ăn gia súc Cả hai người đều la hoảng.

- Tôi có được phép biết anh không đấy? Martin hỏi với một nụ cười bối rối.

Lúc đó trong đường không có ai khác.

- Sao không chứ? Paxman nói. Tôi chỉ là một công chức bình thường đang đi mua đồ cho bữa tối thôi mà.

Họ cùng nhau đi mua đồ và thoả thuận đến ăn ở một cửa hàng Ấn Độ. Hilary, có vẻ như thế, cũng đang đi xa.

Paxman có thể, dĩ nhiên, không làm điều đó. Anh ta có thể không bao giờ cảm thấy bất tiện rằng người anh của Terry Martin đang ở trong một tình cảnh khá là nguy ngập và rằng anh ta, với những người khác, đã đẩy anh ta vào đó, điều đó có thể không làm anh ta bận tâm lớn rằng nhà học giả tin người có thể thực sự tin rằng người anh em yêu quý của mình đang được an toàn trong Arập Xêut. Mọi thứ đều nhấn mạnh rằng người kia không bận tâm đến cái loại việc đó. Nhưng anh ta lại làm thế.

Đó là một mối bận tâm khác. Steve Laing là thượng cấp của anh ở Nhà Thế kỷ, nhưng Laing chưa từng bao giờ đến Iraq. ông ta chuyên về Ai Cập và Jordan. Paxman biết Iraq – và tiếng Arập. Không như Terry Martin, dĩ nhiên, nhưng Martin là biệt lệ. Paxman biết khá đủ, qua nhiều chuyến đến thăm trước khi trở thành chỉ huy bàn Iraq, để tạo ra một sự kính trọng chân thành với trình độ các nhà khoa học Iraq và sự giỏi giang của các kỹ sư của họ. Không có gì bí mật rằng phần lớn các viện kỹ thuật của Anh đều coi những người tốt nghiệp ở Iraq là giỏi nhất trong thế giới Arập.

Điều bận tâm đã đeo đẳng anh ta từ khi được các thượng cấp cho biết báo cáo cuối cùng của Jericho có thể không gì hơn là một thứ vô nghĩa chỉ đơn giản là sự lo lắng rằng, dù mọi thứ lộn xộn, Iraq giờ đây có thể còn tiến lên xa hơn các nhà khoa học phương Tây đã chuẩn bị để tin.

Anh ta đợi cho đến khi hai suất ăn đã được dọn ra, được bao quanh bởi các lọ nhỏ gia vị mà nếu không có thì không món ăn Ấn Độ nào được là hoàn chỉnh cả, rồi nói:

- Terry này, anh ta nói, tôi sẽ làm một điều mà nếu nói ra có thể là cắt đứt sự nghiệp của tôi trong cơ quan đó.

Terry ngừng lại một chút.

- Có vẻ trầm trọng đó. Tại sao nào?

- Bởi vì tôi đã không báo cho anh.

Nhà học giả dừng lại khi đang gấp một mẫu xoài vào đĩa.

- Tôi không được coi là đáng tin nữa à?

- Chính Steve Laing đã bắt tôi phải làm thế đấy.

- Không phải. Vấn đề là - anh quá lo lắng đấy.

Paxman không được chuẩn bị để dùng những từ chữ thề của Laing.

- Có thể là thế. Đó là chuyện huấn luyện mà. Giới học giả không thích những thứ rắc rối dường như không có lời giải đáp.

- Còn chúng tôi thì phải tiếp tục lo lắng cho đến khi cái mẫu tự rắc rối đó bắt đầu có ý nghĩa. Câu đó có ý nghĩa gì khác không nhỉ?

- Có đấy, đó là những việc khác.

Paxman đã chọn món gà; Martin thích đồ nóng hơn, vindaloo. Vì anh biết món ăn phương Đông của mình, Martin uống trà đen, chứ không phải bia ướp lạnh, cái chỉ làm cho món ăn trở nên tồi tệ hơn mà thôi. Anh nháy mắt với Paxman qua khoé mắt.

- Được rồi. Thế lời thú tội to lớn là gì nào?

- Liệu anh có hứa là không ai biết nữa không?

- Dĩ nhiên rồi.

- Đã có một lời nói dối.

Paxman đã không có chủ định nhỏ nhất nào tiết lộ sự tồn tại của Jericho. Nhóm người biết có cá chìm ở Iraq rất nhỏ và nên chỉ là như thế.

- Liệu tôi có được nghe không đấy?

- Không. Đã bị khoá rồi. Đừng tiếp cận Sean Plummer. Ông ta đã phải chối, và điều đó có thể để lộ anh biết thông tin.

Martin ăn thêm raita để làm bớt vị cay của món cary.

- Thế cái mới đó là gì thế?

Paxman nói cho anh biết. Martin để rơi cái đĩa và mở mắt trừng trừng, đổ hồng lên vì vị gừng.

- Liệu điều đó - liệu nó, trong bất kỳ trường hợp nào, có là đúng được không? Paxman hỏi.

- Tôi không biết. Tôi không phải nhà vật lý. Hẳn ta đã nói thế à, phải không?

- Phải. các nhà khoa học về hạt nhân đã chỉ đơn giản là đồng ý điều đó không thể là sự thật. Rằng Saddam đã nói dối.

Thâm tâm, Martin nghĩ đó là một đoạn băng được nghe dở. Nó có thể như là một thông tin từ bên trong một cuộc gặp kín.

- Saddam nói dối, Martin nói, lúc nào cũng thế. Nhưng thường thì là với đám đông. Điều đó được nói ra trong đám thân tín của ông ta à? Tôi tự hỏi là tại sao? Một cách lên dây cót trước nguy cơ chiến tranh à?

- Các ông chủ nghĩ thế đấy, Paxman nói.

- Các vị tướng có được nói cho không?

- Không. Sự suy luận là, họ quá bận bịu để mà có thể ngay lập tức và không cần bị phiền nhiễu bởi cái gì đó chỉ đơn thuần là một sự rắc rối.

- Thế anh muốn gì ở tôi, hả Simon?

- Tâm trạng của Saddam. Không ai có thể làm rõ điều đó. Không gì có thể được coi là có nghĩa ở phương Tây. Liệu ông ta có bắn thối và cuội như cáo không?

- Trong thế giới của ông ta, thì là cái sau. Trong thế giới của ông ta, cái đó thì có nghĩa đấy. Sự kinh hoàng làm đảo lộn chúng ta không có nghĩa lý với ông ta đâu, và điều đó có nghĩa đấy. Những đe dọa và sự trừng phạt có nghĩa với ông ta. Chỉ khi nào ông ta cố gắng len chân vào thế giới của chúng ta - với những bài học PR ở Baghdad, cạo tóc đưa trẻ người Anh đó, chơi trò ông chú hiền từ, cái thể loại đó - chỉ khi đó ông ta mới cố tỏ ra một kẻ điên mà thôi. Trong thế giới riêng của ông ta thì ông ta không điên đâu. Ông ta sống sót, còn có quyền lực, ông ta giữ được Iraq thống nhất, kẻ thù của ông ta thất bại và thua đau.

- Terry, chúng ta đang ngồi đây, còn đất nước ông ta thì đang được mạ bạc.

- Không vấn đề gì đâu, Simon ạ. Điều đó có thể thay thế được mà.

- Nhưng tại sao ông ta lại nói điều ông ta cần phải nói?

- Thế các ông chủ nghĩ thế nào?

- Rằng ông ta nói dối.

- Không đâu, Martin nói, ông ta nói dối với đám đông thôi. Còn với những kẻ thân tín của mình, ông ta chẳng việc gì phải làm thế đâu. Họ là của ông ta cơ mà, dù sao đi nữa. Hoặc nguồn thông tin này đã nói dối hoặc

Saddam chưa bao giờ nói điều đó; hoặc ông ta nói bởi vì ông ta tin là nó đúng.

- Lúc đó thì chính ông ta lừa dối ông ta?

- Cũng có thể chứ. Ai mà chẳng làm điều đó có thể tốt khi ông ta tìm ra. Nhưng nào, đoạn này có thể nghe được đấy. Một thứ có tính toán, được dựng ra để được nghe thấy.

Paxman không thể nói điều anh ta biết: rằng nó không phải thứ nghe trộm được. Điều đó đến từ Jericho. Và trong hai năm dưới quyền của Israel và ba tháng dưới tay người Anh-Mỹ, Jericho đã chưa bao giờ sai hết cả.

- Anh vẫn còn nghi ngờ gì à? Martin nói.

- Tôi cho rằng có đấy, Paxman công nhận.

Martin nhún vai.

- Thứ linh tinh thôi, Simon ạ. Một câu trong một đoạn ghi âm được, một người bảo người kia cầm mồm đi và gọi một đứa con của thần, một câu của Saddam về nhường bước và được xem như là thắng lợi - trong cuộc truy bắt của người Mỹ - và giờ đây là cái này. Chúng ta cần xâu chuỗi lại.

- Xâu chuỗi?

- Cọng rơm chỉ tạo nên được hình hài khi anh quấn nó xung quanh chuỗi này. Đã từng có cái gì đó khác như là cái thực sự trong đầu. Mặt khác, các ông chủ đã đúng đấy, và ông ta sẽ dùng vũ khí sinh học đã có được thực sự.

- Được rồi. Tôi sẽ tìm kiếm một đoạn.

- Còn tôi, Martin nói, đã không hề gặp anh trong buổi tối hôm nay, và đã chẳng nói gì hết cả.

- Cám ơn anh, Paxman nói.

Hassan Rahmani nghe về cái chết của điệp viên Leila của mình hai ngày trước khi điều đó xảy ra, vào ngày 19 tháng Giêng. Cô ta đã không xuất hiện để trao thông tin từ giường của tướng Kadiri theo kế hoạch, và lo sợ điều xấu nhất có thể xảy ra, anh ta đã đi kiểm tra lại sổ của các nhà xác.

Bệnh viện ở Mansour đã đưa ra bằng chứng, mặc dù cái xác đã bị chôn, với nhiều người khác từ các toà nhà quân sự, trong một cuộc thanh trừng hàng loạt.

Hassan Rahmani không còn tin rằng điệp viên của mình bị bom nổ trúng khi đang đi qua một khu đất hoang giữa đêm, rằng anh ta tin vào ma quỷ. Chỉ có những con ma duy nhất trên bầu trời thủ đô Baghdad là những chiếc máy bay ném bom vô hình của Mỹ mà anh đã đọc được trên các tạp chí phương Tây, và không có ma quỷ theo cách suy luận của logic. Do đó đó là cái chết của Leila Al-Hilla.

Kết luận duy nhất theo logic của anh ta là Kadiri đã phát hiện các hoạt động bên ngoài của mình và đã dừng lại. Điều đó có nghĩa cô ta có thể đã nói ra trước khi chết.

Điều đó có nghĩa là, với anh, Kadiri đã trở thành một kẻ thù hùng mạnh và hết sức nguy hiểm. Tội tệ hơn thế, mỗi duy nhất của anh nói với các phiên họp kín của chế độ đã mất biến.

Liệu anh ta có biết rằng Kadiri đã từng lo đến chính anh, Rahmani có thể thấy thoải mái. Nhưng anh ta không hề hay biết. Anh ta chỉ biết rằng từ lúc này trở đi phải cực kỳ thận trọng.

Vào ngày thứ hai của cuộc không chiến, Iraq bắn loạt tên lửa đầu tiên vào Israel. Báo chí ngay lập tức thông báo chúng là những tên lửa Scud-Bs do Xô viết sản xuất, và cái tên đó sẽ đeo đuổi trong suốt cuộc chiến. Trên thực tế, không có tên lửa Scud nào hết cả.

Vấn đề của cuộc bắn giết là không hề điên rồ. Iraq nhận ra khá rõ ràng Israel không phải là một đất nước được chuẩn bị để tiếp nhận số lượng lớn dân thường thiệt mạng. Ngay khi quả tên lửa đầu tiên rơi vào vùng ngoại ô thành phố Tel Aviv, Israel đã trả đũa bằng cách tham chiến. Đó chính là điều mà Baghdad mong muốn.

Trong Liên quân 50 nước tập hợp để chống Iraq có 17 quốc gia Ả-rập, và nếu có điều gì làm chia rẽ từ lòng tin Hồi giáo, thì là sự thù ghét người Israel. Iraq đã tính toán, có thể là đúng, rằng Israel có thể bị khiêu khích để tham gia cuộc chiến bằng một cuộc tấn công chống lại họ, các nước Ả-rập trong liên quân có thể rút lui. Ngay cả Fahd, quốc vương của Ả-rập Xê-út và là người cầm trịch của hai vùng đất thánh, cũng có thể ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan.

Những phản ứng đầu tiên của vụ bắn tên lửa vào Israel là chúng có thể mang theo chất độc sinh học hay mầm vi trùng gây bệnh. Đã như vậy, Israel không thể ngồi ngoài được nữa. Đã được nhanh chóng chứng tỏ rằng ngồi nổ chiến tranh đã bùng lên.

Nhưng hiệu ứng tâm lý trong Israel còn to lớn hơn nhiều. Nước Mỹ ngay lập tức gây áp lực buộc Jerusalem không được bắn trả đũa. Liên quân, Itzhak Shamir được cho biết, có thể đề phòng giúp chuyên đó. Israel đã thực sự bắn trả đũa theo cách của mình bằng đợt những máy bay ném bom F-15 nhưng được gọi lại khi vẫn trong không phận Israel.

Chiếc Scud thật sự là một quả tên lửa Xô viết to đùng, bướng bỉnh mà Iraq đã mua 900 quả nhiều năm trước đây. Nó có tầm bắn dưới 300 km và có trọng lượng gần 1000 pound. Nó không được dẫn đường, và ngay cả trong hình dáng nguyên thủy của mình nó cũng có thể, trong tầm bắn tối đa, đậu vào bất kỳ đâu trong phạm vi cách đích nửa dặm.

Theo quan điểm của Iraq, rõ ràng bề ngoài chẳng ích lợi gì để mua cả. Nó không thể với tới Teheran trong cuộc chiến Iran-Iraq, và chắc chắn là không thể nào bay đến Israel được, ngay cả khi được bắn đi từ điểm cực tây của Iraq.

Điều người Iraq làm trong lúc đó, với sự giúp đỡ của Đức, thật kỳ quặc. Họ đã cắt những quả Scud thành nhiều đoạn và sử dụng ba trong số chúng tạo ra những quả tên lửa mới. Để không gây chú ý nhiều quá vào đó, tên lửa Al-Husayn mới là một sự hỗn độn.

Bằng cách thêm vào Iraq đã tăng được tầm bắn lên tới 620 km có thể đến được (và trên thực tế đã đến được) Teheran và Israel. Nhưng trọng lượng của nó đã được giảm xuống chỉ còn 160 pound. Sự hướng lối của nó, luôn sai hướng, giờ đây thật loạn xạ. Hai trong số chúng, được bắn đi vào Israel, đã không chỉ bắn trượt Tel Aviv, mà còn trượt cả nước đó và rơi ngay vào Jordan.

Nhưng với tư cách là một thứ vũ khí gây khủng bố thì rõ ràng nó có hữu hiệu. Ngay cả dù tất cả những quả Al-Husayn rơi trên Israel đã có trọng lượng giảm hơn bom 2000 pound rơi ở Iraq, thì nó lại làm cho dân chúng Israel một phen kinh hoàng.

Nước Mỹ trả lời bằng ba cách. Đúng 1000 phát được bắn ra để hạ những quả tên lửa đến và thậm chí còn với cả những cái phóng cơ động hơn. Pháo của những quả tên lửa Patriot của Mỹ được gửi đến Israel trong vài giờ với mục đích bắn hạ các quả tên lửa bay đến nhưng chủ yếu là với mục đích bảo Israel đứng ngoài cuộc chiến.

Và SAS, mà sau đó là lính Mũ nổi xanh của Mỹ, được gửi đến các sa mạc miền tây Iraq để tìm các máy phóng tên lửa cơ động và hơn nữa là phá hủy chúng với những tên lửa Milan của mình hay gọi máy bay đến bằng vô tuyến điện.

Những chiếc Patriot, mặc dù đã có được những ưu điểm nổi bật, chỉ có được những thành công hạn chế - nhưng đó không phải lỗi của chúng. Raytheon đã thiết kế Patriot để cho máy bay, chứ không phải tên lửa, và chúng đã được áp dụng quá hấp tấp cho một vai trò mới. Lý do chúng hiếm khi đạt được mục đích không bao giờ được để lộ.

Vấn đề là, khi mở rộng tầm bắn của tên lửa Scud bằng cách đổi chúng thành Al-Husayn, người Iraq cũng đã tăng tầm cao của chúng. Tên lửa mới này, đi vào không trung bên trong của đường bay hình parabol của mình, nóng rực lên khi đáp xuống, một điều mà tên lửa Scud không bao giờ được thiết kế để trở thành như thế. Khi quay trở lại bầu khí quyển trái đất thì nó nổ tung. Cái rơi xuống Israel không phải toàn bộ quả tên lửa mà chỉ là một đám khói bụi mà thôi.

Chiếc Patriot, đang làm việc của mình, đi lên để ngăn chặn và tìm kiếm không mảnh kim loại nào được đi đến. Cho nên bộ não nhỏ bé của nó nói cái đã được lập trình để làm - đi đến cái to nhất. Thường thì nó chỉ tiêu tốn nhiên liệu, rơi ra ngoài tầm khống chế. Đầu đạn, nhỏ hơn nhiều và dính chặt vào đằng sau, chỉ rơi tự do mà thôi. Nhiều cái đã không hề nổ, và phần lớn khẩu đội pháo của Israel bị ảnh hưởng thiệt hại.

Nếu cái được gọi là tên lửa Scud là một đòn khủng bố tâm lý thì Patriot lại là một thứ nâng cao tâm lý. Nhưng tâm lý có tác dụng, là giải pháp tốt để giữ Israel ở ngoài cuộc chiến.

Một phần khác của lời hứa là tên lửa đã cải tiến đáng kể đã sẵn sàng - được dựng lên vào năm 1994. Phần thứ ba ngay ở Israel để chọn được 100 mục tiêu phụ mà không lực Liên quân cần đến được. Các lựa chọn đã được thực hiện - chủ yếu là các mục tiêu do vị trí địa lý không có gì để làm với sự giải phóng Kuwait ở bên kia bán đảo.

Các máy bay ném bom của không lực Mỹ và Anh để chống tên lửa Scud có được rất nhiều thắng lợi, những lời tuyên bố có ngay sự hoài nghi của CIA, đối với sự điên giân của tướng Chuck Horner và tướng Schwarzkopf.

Hai năm trước cuộc chiến tranh, Washington đã chính thức từ chối rằng một máy phóng tên lửa Scud di động đã bị phá huỷ bởi không quân - một đề xuất hiện nay vẫn còn có khả năng làm bấy kỳ phi công nào trở nên giân điên lên. Vấn đề là ở chỗ các phi công đã vô cùng thất vọng bởi maskirovka.

Nếu sa mạc phía nam của Iraq là một cái bàn bi-a chẳng có hình thù gì, thì các sa mạc tây và tây bắc có địa hình núi đá, dốc, và có tới cả nghìn wadis và gullies. Đó là vùng đất trên đó Mike Martin đã đi trong phi vụ đột nhập Baghdad. Trước khi phóng các tên lửa để tấn công, Baghdad đã tạo ra hàng đồng máy phóng tên lửa Scud dỏm, và những cái đó được giấu giếm, cùng với những cái thật, ở khắp mọi nơi.

Thói quen là sản xuất chúng trong đêm, một ống kim loại cứng để trên một cái xe tải to, và vào bình minh một thùng dầu và vải trong ống. Xa hơn, các bộ cảm ứng của AWACS sẽ bắt được hơi nóng và coi đó là một bộ phóng tên lửa. Các phi công sẽ căn điểm đó để thả bom.

Những người không bị lừa bịp kiểu đó là người của SAS. Mặc dù chỉ một nhóm người, họ cũng lao vào các sa mạc phía tây trên những chiếc Land-Rover và xe mô tô, trong suốt những ngày nóng như đổ lửa và những đêm buốt giá, và theo dõi. Từ cách xa 200 yard, họ có thể thấy rằng đó thực sự là một máy phóng di động chứ không phải của giả.

Khi các máy phóng tên lửa thứ thiệt ra khỏi các chỗ cất giấu và bên dưới những cây cầu nơi chúng được giấu để tránh sự quan sát từ trên không trung, những con người lặng lẽ trong quân phục nhìn qua ống nhòm. Nếu có quá nhiều người Iraq quanh đó, họ sẽ bình thản gọi lên các đội bay bằng điện đàm. Nếu có thể thực hiện ở đó, họ bèn sử dụng chính những tên lửa Milan chống tăng của mình, tạo ra một tiếng nổ rất to khi đâm vào xe tăng của một Al-Husayn thứ thiệt.

Đã được nhận ra từ sớm có một đường bắc-nam vô hình chạy trong sa mạc. Ở phía tây con đường đó, tên lửa của Iraq có thể đến được Israel; phía đông, là ngoài tầm. Công việc là khủng bố các đội bay Iraq để sao cho họ không dám đi thám thính về phía tây con đường này mà chỉ bắn từ phía đông và phải khuất phục trước sức mạnh vượt trội. Mất tám ngày, và rồi các cuộc tấn công bằng tên lửa vào Israel đã ngừng lại. Chúng không bao giờ lại tiếp tục nữa.

Về sau, con đường Baghdad-Jordan đã được sử dụng như một đường phân cách. Phía bắc đường là đường Scud Bắc, lãnh địa của các Lực lượng Đặc biệt Mỹ, đến trong những chiếc máy bay trực thăng bay được xa. Dưới con đường là đường Scud Nam, đại bản doanh của Không lực Anh. Bốn con người giỏi giang đã chết ở các sa mạc đó, nhưng họ đã làm công việc mà mình được gửi đến để làm, nơi hàng tỉ đôla công nghệ đã không thể làm gì được.

Vào ngày thứ tư của cuộc chiến trên không, ngày 20 tháng Giêng, đội 336 ra khỏi Al Kharz là một trong số những đơn vị đã không được chuyển xuống các sa mạc phía tây.

Nhiệm vụ của họ hôm đó là chờ một tên lửa SAM lớn về phía tây bắc của Baghdad. Các SAM do hai đĩa radar kiểm soát. Các cuộc tấn công bằng không quân trong kế hoạch của tướng Horner đã chuyển lên phía bắc. Với gần như toàn bộ căn cứ tên lửa và đĩa radar ở phía nam một đường nằm ngang từ phía nam Baghdad đi ra, thời điểm đã tới để quét sạch không gian phía tây, phía đông, và bắc của thủ đô.

Với 24 chiếc Eagle chiến đấu trong đội, ngày 20 tháng Giêng đã trở thành một ngày nhiều nhiệm vụ. Chỉ huy đội bay, trung tướng Stever Turner, đã định vị nhóm 12 máy bay cho căn cứ quân sự. Một nhóm Eagle được biết đến với cái tên “gorilla”.

Gorilla được dẫn đầu bởi một trong số hai chỉ huy bay cao cấp. Bốn trong số 12 máy bay đang mang theo HARM, các tên lửa có gắn radar được hướng lối từ một đĩa radar. Tám chiếc còn lại chở hai quả bom dài, thuôn, hợp kim thép do laser hướng lối, có tên GBU-10-I. Khi các radar đã câm tiếng và tên lửa bị mù, chúng có thể theo các HARM và làm thổi tung các khẩu đội hỏa tiễn.

Dường như sẽ chẳng có điều gì bất thường xảy ra hết. 12 chiếc Eagle cất cánh thành ba nhóm mỗi nhóm bốn máy bay, tự tạo thành một hình thang rộng, và lên đến độ cao 1700 feet. Bầu trời xanh trong tuyệt vời, và sa mạc nâu sẫm phía dưới nhìn rất rõ.

Dự báo thời tiết về mục tiêu cho thấy có gió mạnh hơn ở Arập Xêút nhưng không hề nói gì đến một shamal, một trong số những cơn bão cát có thể làm mục tiêu biến mất trong vài phút. Phía nam biên giới, 12 chiếc Eagle gặp các máy bay tiếp nhiên liệu của mình, hai chiếc KC-10. Mỗi chiếc tiếp nhiên liệu có thể cắm vòi cho sáu máy bay đang đói nhiên liệu, nên từng cái Eagle đi vào trạm sau các chiếc tiếp nhiên liệu và đợi khi bộ phận thả bom, nhìn chằm chằm vào chúng với cửa sổ Perspex chỉ cách có vài feet, “nón” đang đợi tiếp xăng.

Cuối cùng, 12 chiếc Eagle đầy xăng cho nhiệm vụ và quay sang bắc hướng đến Iraq. Một AWACS trên Vịnh cho họ biết không hề có hoạt động thù địch nào trên không hướng đến họ hết. Đã có các máy bay chiến đấu Iraq trên không trung, thì Eagle đã có, ngoài bom, hai loại hỏa tiễn không đối không; chiếc Air Interception 7 và chiếc AIM-9, được biết đến nhiều hơn với tên Sparrow và Sidewinder.

Căn cứ tên lửa ở đó, chính chỗ đó. Nhưng các radar không hoạt động. Nếu các đĩa radar không vận hành ở chỗ đến của mình, họ có thể mở nó ngay lập tức để hướng lối cho các SAM trong khi tìm kiếm những kẻ đang đến. Ngay khi các radar bắt đầu hoạt động, bốn chiếc Eagle mang HARM đã có thể phóng đạn, theo USAF hướng dẫn.

Dù cho chỉ huy quân Iraq có lo ngại cho tấm da của mình hay chỉ là vì quá khôn ngoan, người Mỹ không bao giờ thực hiện điều đó hết cả. Nhưng các radar đó từ chối không chịu sống lại.

Bốn chiếc Eagle đầu tiên, do chỉ huy bay dẫn đầu, lao xuống mãi để khiêu khích các radar bật lên. Chúng từ chối. Có thể là điên rồ đối với các máy bay chở bom để mà đi vào với các radar vẫn im như tờ - liệu chúng có đột nhiên bừng lên mà không báo trước, các SAM có lẽ đã làm nguội những chiếc Eagle.

Sau 20 phút lao vào mục tiêu, cuộc tấn công đã bị huỷ. Các thành phần của gorilla đã bị gọi sang các mục tiêu thứ yếu.

Don Walker đã có một lời trao đổi nhanh với Tim Nathanson, trợ lý của mình, ngồi sau anh. Mục tiêu thứ yếu cho ngày hôm đó là một căn cứ Scud cố định ở phía nam Samarra, dù trong trường hợp nào cũng bị các máy bay ném bom viếng thăm bởi vì nó được biết đến như là một cơ sở khí độc. AWACS khẳng định không có hoạt động cất cánh nào từ hai căn cứ không quân lớn của Iraq ở đông Samarra và đông nam Balad. Don Walker gọi người cùng bay, và đội bay hai máy bay trực chỉ về hướng căn cứ Scud.

Mọi liên lạc giữa đội bay Mỹ đã được mã hoá bởi hệ thống Nhanh, đã làm tăng tốc độ đến nỗi bất kỳ ai có ý định nghe trộm sẽ không thể bắt được cùng những âm thanh như thế. Các mã hoá có thể được thay đổi hàng ngày nhưng rất quen thuộc đối với các lính bay của Liên quân.

Walker nhìn lướt xung quanh. Bầu trời trong sáng; nửa dặm cách chiếc máy bay đi cùng, Randy “R-2” Roberts, đang bay vòng quanh và hơi ở trên anh một chút, với wizzo Jim “Boomer” Henry ngồi ở đằng sau.

Trên địa điểm chiếc máy phóng tên lửa Scud cố định, Walker nhào xuống để nhận rõ mục tiêu. Trong cơn điên giận của mình, nó bị che lấp bởi mây đen do gió bụi sa mạc gây nên, một shamal đã nổi lên, tào ra bởi

gió sa mạc rất mạnh đổ xuống phía dưới.

Những quả bom có laser hướng lối của anh không thể trật mục tiêu, miễn là nó có thể theo hướng đã được lên mục tiêu từ chính đội bay của anh. Để lên được hướng đúng, anh phải nhìn thấy mục tiêu của mình.

Điên lên và đang dần hết nhiên liệu, anh quay đi. Hai lần thất vọng trong một buổi sáng thế là đã quá đủ. Anh ghét hạ cánh với đầy bom đạn như cũ. Nhưng không có chỗ nào để trú trên đường về ở phía nam hết cả.

Ba phút sau, anh nhìn thấy một khu công nghiệp rất lớn ở ngay dưới.

Cái gì thế Anh hỏi Tim. WSO kiểm tra trên bản đồ lược của mình.

- Gọi là Tarmiya.
- Chúa ơi, nó to quá.
- Ừ

Dù cả hai đều không biết, khu công nghiệp Tarmiya chứa tới 381 toà nhà và chiếm một khu vực rộng đến mười dặm vuông.

- Có trong danh sách không?
- Không thấy.
- Cứ chơi đi. Randy, chuẩn bị nhé.
- ừ chơi đi, người cùng bay với anh nói qua không trung.

Walker chúi chiếc Eagle xuống 10.000 fít. Khu công nghiệp trải ra rộng ngút ngát. Trong trung tâm là một toà nhà mênh mông, kích cỡ của một sân vận động.

- Vào đi
- Don, chơi thôi chứ.

Hạ xuống 8.000 fít, Walker kích hoạt hệ thống hướng lối bằng laser và hướng về cái nhà máy khổng lồ ở dưới ngay trước mắt anh. Màn hình trước mắt chỉ ra khoảng cách đang ngắn dần lại và cho anh vài giây để bắn. Khi đã đạt đến số không, anh nhấn nút thả bom, giữ mũi mình hướng vào mục đích đang đến.

Loé laser lên trước hai quả bom là hệ thống PAVEWAY. Dưới sự phóng ra của anh là môđun hướng lối tên là LANTIRN. LANTIRN chỉ ra một đường vô hình hướng tới mục tiêu, nơi đường đó phản ngược lại để tạo ra một kiểu sóng điện từ hướng ngược về.

Chiếc mũi PAVEWAY những cái hình chóp cảm ứng được cái giỏ đó, đi vào trong, và theo đường ống đi xuống và đi vào trong cho đến khi chạm được một cách chính xác nơi đường đó hướng đến.

Cả hai quả bom đều thực hiện được công việc của mình. Chúng nổ tung dưới mái nhà máy. Nhìn thấy chúng nổ, Don Walker lại lao lên, trượt xuống Eagle, và lao ngược lên 25.000 fít. Một giờ sau, anh và người bay cùng, sau một lần tiếp nhiên liệu giữa đường, bay về Al Kharz.

Trước khi trượt xuống mũi, Walker nhìn thấy chóp sáng bùng lên của hai vụ nổ và một cột khói lớn nổi lên, và anh nhìn liếc về đám mây bụi tiếp theo quả bom nổ.

Điều anh không nhìn thấy là hai quả bom này đã nổ bùng ở một đầu nhà máy, để một mái nhà chổng ngược lên vào không khí như lá buồm một con thuyền trên biển.

Anh cũng không quan sát thấy cơn gió sa mạc mạnh sáng đó - cũng giống như cái đã tạo ra cơn bão cát thổi bay địa điểm Scud - làm nốt phần còn lại. Nó làm lật mái của nhà máy, làm tung nó về đằng sau như mở một hộp cá xác đìn, như những tờ mảnh thép bay tung toé về đủ các hướng.

Quay về căn cứ, Don Walker, cũng giống như tất cả các phi công khác, được lui về. Đó là một quá trình đáng ngán với mọi phi công, nhưng cần phải hoàn thành. Chịu trách nhiệm là sĩ quan tình báo đội bay, thiếu tá Beth Kroger.

Không ai cho là gorilla có được thắng lợi, nhưng mọi phi công đều đã có được mục tiêu thứ yếu của mình, trừ một cái. Những vũ khí nóng của họ người sĩ quan đã bỏ mục tiêu thứ yếu của mình và tấn công hú họa một chỗ khác.

- Các anh làm cái đó vì quỷ quái gì vậy? Kroger hỏi.
- Bởi vì nó rất lớn và trông có vẻ quan trọng.
- Nó có trong Danh Sách Nhiệm vụ đâu nào, cô lên tiếng.

Cô chỉ vào mục tiêu đã được lựa chọn, vị trí chính xác và miêu tả của nó, và báo cáo về thiệt hại do bom và cùng với sự lưu ý của TACC - Trung tâm Quản lý Chiến thuật Bay, cái chia sẻ căn cứ của CENTAF dưới đại bản doanh Không quân Ả rập Xêút với các nhà phân tích của Hồ Đen ở Riyadh.

- Nếu làm nổ tung một nhà máy đóng nước hay một nhà máy sản xuất thức ăn trẻ em, thì các anh liệu hồn đấy, cô ta cảnh báo Walker.
- Cô cũng biết đấy, Beth, cô rất đẹp khi cô nổi giận, anh chọc tức cô.

Beth Kroger là một sĩ quan có sự nghiệp tốt. Nếu cô ta để bị phỉnh phờ, thì cô thích đại tá trở lên cơ.

- Đại úy anh đi lạc đề rồi đấy, cô nói với anh, và đi để cất bản báo cáo của mình.

Walker nhún vai và đi về nghỉ. Cô ta nói đúng, dù sao đi nữa. Nếu anh chỉ tính đến việc trại trẻ mồ côi lớn nhất thế giới. Khi nó xảy ra, thì người ta không bao giờ nói Don Walker chỉ cái anh đã chạm phải sáng hôm đó.

Nhưng đó không phải một trại trẻ mồ côi.

16. Chương 16

Krim đến ăn tối với Edith Hardenberg ở căn hộ của cô tại Grinzing tối hôm đó. Anh ta tìm thấy đường đến khu ngoại ô bằng phương tiện giao thông công cộng, và mang theo quà: một đôi nến tẩm hương liệu rất thơm tho, mà anh đặt lên trên một cái bàn nhỏ trong phòng ăn; và hai chai rượu vang đắt tiền.

Edith để anh vào, má hồng lên và bối rối hơn bất kỳ lúc nào, rồi quay trở lại về những thứ thành Vienna mà cô đã chuẩn bị trong cái bếp nhỏ của mình. Đã 20 năm kể từ ngày cô chuẩn bị bữa ăn cho một người đàn ông; cô tìm kiếm sự trầm tĩnh thường ngày, nhưng kinh ngạc thấy mình rất bồn chồn.

Karim đón chào cô với một nụ hôn nhẹ vào má ở cửa ra vào, làm cho cô càng trở nên bối rối hơn, rồi tìm thấy bản Nabucco của Verdi trên giá sách của cô và cho vào máy. Ngay lập tức hương thơm của những cây nến, êm dịu và mê đắm, thêm vào nhịp điệu cao quý của “Hợp xướng Xlavơ” lan toả khắp căn hộ.

Điều này giống hệt như đội neviot đã miêu tả: rất ấm áp, rất nhỏ bé, rất sạch sẽ. Căn hộ này là của một người phụ nữ khô cứng sống một thân một mình.

Khi đồ ăn đã xong, Edith giới thiệu với những lời xin lỗi bối rối. Karim thử món thịt và tuyên bố đó là thứ ngon nhất anh từng được dùng, làm cho cô càng bối rối hơn nữa, nhưng rất dễ chịu.

Họ nói chuyện trong khi ăn, về văn hoá; về chuyến thăm đã được dự định đến Cung điện Schonbrunn và để xem những con ngựa Lippizzaner lừng danh, trường đua ngựa Tây Ban Nha bên trong Hofburg tại Josefplatz.

Edith ăn cũng như khi cô làm bất cứ chuyện gì khác - nói một cách chính xác, giống như một con chim đang mổ xác chết. Cô buộc tóc ra đằng sau như mọi khi, thành một búi to

sau đầu.

Trong ánh sáng của những ngọn nến, vì anh đã tắt đèn điện trên bàn, Karim trở nên đẹp trai một cách hắc ám và lịch thiệp như chưa bao giờ thế. Anh rót đầy cốc rượu của cô ngay lập tức, nên cô uống nhiều hơn số rượu cô tự cho phép mình trong thường thường.

Hiệu ứng của thức ăn, rượu vang, nến, âm nhạc, và sự có mặt của một người bạn trẻ tuổi dần dần làm giảm đi sự đề kháng của cô.

Trên những cái đĩa rỗng Karim ngả người về phía trước và nhìn vào mắt cô.

- Edith?

- Vâng.

- Tôi có được phép hỏi cô một điều không?

- Nếu anh muốn.

- Tại sao cô lại để tóc như thế

Đó là một câu hỏi bất ngờ, rất riêng tư. Cô thở rất sâu ra.

- Tôi... tôi vẫn luôn như thế mà.

Không, điều đó không đúng. Đã có thời, cô nhớ lại, với Horst, khi nó đã dài xuống đến vai cô, dày và nâu, trong cái mùa hè năm 1970. Đó là thời khi nó đã nâu trong gió của hồ ở Schlosspark ở Laxenburg.

Karim nhồm lên không nói lời nào và đi vòng ra sau lưng cô. Cô cảm thấy nỗi sợ tăng lên. Điều này thật kích thích.

Những ngón tay đầy kinh nghiệm ve vuốt làm cái lược cắm vào búi tóc rời ra. Điều này phải chấm dứt. Cô cảm thấy cả người nổi gai, tóc cô trở nên mất trật tự, rơi xuống sau lưng cô. Cô ngồi cứng đờ ở trên ghế. Cùng những ngón tay đó vuốt mái tóc cô và dần đi xuống khuôn mặt cô.

Karim đứng sau cô, và cô nhìn sang. Anh ta rút tay lại và mỉm cười.

- Như thế này đẹp hơn đấy. Cô trông trẻ ra mười tuổi và đẹp hơn nhiều. Hãy ngồi lên ghế sofa đi. Cô bật cái đĩa cô thích nhất còn tôi đi chuẩn bị cà phê, được chứ?

Không đợi được phép, anh ta cầm lấy đôi bàn tay nhỏ nhắn của cô và đỡ cô đứng dậy khỏi ghế. Để một tay buông thõng, anh dẫn cô ra khỏi phòng bếp để đi sang phòng khách.

Rồi anh quay trở lại trong bếp, để tay kia xuống. Ôn Chúa anh ta đã làm thế. Cô cảm thấy run rẩy từ đầu đến chân. Như thế có thể hướng đến một tình bạn trong trắng kiểu Platon. Nhưng khi đó, anh ta không hề chạm vào cô, không thực sự chạm vào cô. Cô có thể, dĩ nhiên, không bao giờ cho phép loại việc như thế.

Cô liếc nhìn dung nhan mình trong một cái gương treo trên tường, đỏ hồng và bối rối, tóc rơi xuống hai vai, trùm lên tai, đổ xuống khuôn mặt cô. Cô nghĩ cô đã có một cái liếc nhìn thiếu nữ cô từng biết hai mươi năm trước.

Cô lên cơn sốt với chính mình và chọn một cái đĩa Strauss yêu thích của cô, những bản valse mà cô biết từng nốt một, “Những bông hồng từ phương Nam”, “Rừng Vienna”, “Những người trượt tuyết”, “Danube”... Cảm ơn Chúa lòng lành anh ta đã ở trong bếp và không nhìn thấy cô suýt ngã khi đứng ở chỗ cái bàn. Anh ta dường như cảm thấy rất thích thú khi đi chuẩn bị cà phê, nước nóng,phin pha, đường.

Cô ngồi vào một đầu xa của ghế sofa khi anh ta quay trở lại đầu gối chụm lại, cà phê trong lòng. Cô muốn nói về buổi hoà nhạc đã được lên kế hoạch cho Musikverein vào tuần sau, những từ ngữ không ra nổi khỏi miệng cô. Thay vào đó cô uống cà phê.

- Edith này, xin đừng sợ hãi tôi, anh thì thâm. Tôi có phải là bạn cô không nào?

- Đừng thế chứ. Dĩ nhiên tôi có sợ đâu.

- Tốt. Bởi vì tôi sẽ không bao giờ làm cô đau khổ, cô cũng biết đấy.

Bạn. Phải, họ từng là bạn, một tình bạn sinh ra từ một tình yêu giống nhau về âm nhạc, nghệ thuật, opera, văn hoá. Không có gì hơn nữa, chắc hẳn rồi. Với một khoảng cách nhỏ như thế, bạn với cả bạn trai. Cô biết rằng các thư ký khác ở ngân hàng có chồng và bạn trai, nhìn họ hồi hộp trước khi đi đến một chỗ hẹn, tràn trề sung sướng ở cơ quan vào buổi sáng hôm sau, thương hại cô cô đơn đến thế.

- Có phải bản Những bông hồng từ phương Nam hay không?

- Phải, đúng rồi.

- Tôi nghĩ đó là bản valse tôi thích nhất.

- Tôi cũng thế. Thật là tốt khi quay trở về âm nhạc.

Anh cầm lấy tách cà phê khỏi lòng cô và để ra sang bên cạnh mình trên một cái bàn để cạnh đó. Rồi anh nhồm đống lên, cầm lấy tay cô và kéo cô.

- Cái gì

Cô thấy tay phải mình đã ở trong tay trái của anh, một cánh tay khoẻ khoắn đầy tin cậy, và cô quay nhẹ nhàng trên nền nhà của căn phòng nhỏ giữa đồ đạc, nhảy một điệu valse.

Gidi Barzilai có thể đã nói, đi làm điều đó đi, cậu bé, đừng có mất thời gian thêm nữa. Anh đã biết được gì rồi nào? Không có gì hết cả. Đầu tiên của sự thật, rồi rơi. Karim để tay phải của mình sau lưng của Edith.

Khi họ quay, nhiều inch không gian ngăn cách họ, Karim giữ đôi tay dính chặt vào vai anh, và với cánh tay phải anh kéo Edith lại gần mình. Điều này là không thể chống lại được. Edith thấy mặt mình đã ở trong ngực anh và cố quay đi. Đôi vú nhỏ của cô đã tựa vào người anh, và có thể lại cảm thấy mùi đàn ông một lần nữa.

Cô đẩy ra. Anh để cô làm, nới tay phải cô, và dùng tay trái nâng cằm cô lên. Rồi anh hôn cô, trong khi họ vẫn đang nhảy. Đó không phải là một nụ hôn nhẹ nhàng. Anh giữ môi cô, không để cô đẩy ra. Trí óc cô lộn tung phèo đủ mọi cảm giác, một chiếc máy bay không còn kiểm soát được nữa, xoay tròn, rơi xuống, những ý muốn phản kháng nổi lên nhưng thất bại. Ngân hàng, Gemuetlich, tiếng tăm của cô, tuổi trẻ của cô, sự xa lạ của cô, tuổi tác của cô, sự ấm áp, rượu, hương thơm, sức mạnh, đôi môi. âm nhạc ngừng lại. Nếu anh làm thêm điều gì đó nữa, cô sẽ đuổi anh đi.

Anh rời môi khỏi môi cô và nâng đầu cô lên cho đến khi dựa vào ngực anh. Họ đứng đó như thế trong căn hộ im lặng trong nhiều giây liền.

Cô là người tách ra. Cô quay về ghế sofa và ngồi xuống, nhìn lên trước. Cô thấy anh quỳ gối trước mặt mình. Anh cầm cả hai tay cô nói.

- Cô có giận tôi không, Edith?

- Lẽ ra anh không nên làm thế, cô nói.

- Tôi không muốn thế đâu. Tôi thề mà. Tôi không thể.

- Tôi nghĩ anh nên đi đi.

- Edith, nếu cô giận và muốn trừng phạt tôi, thì chỉ có một cách cô có thể. Nhưng hãy cho phép tôi gặp lại cô nữa nhé.

- Tôi không chắc đâu.

- Hãy nói cô sẽ để tôi gặp cô nữa.

- Tôi cũng cho là thế.

- Nếu cô nói là không, tôi sẽ bỏ học để về nhà. Tôi không thể sống ở Vienna nếu cô không chịu gặp tôi nữa.

- Đừng điên thế. Anh phải học chứ.

- Thế cô sẽ gặp tôi nữa chứ?

- Thôi được rồi.

Năm phút sau anh đi. Cô tắt đèn, thay bộ đồ ngủ, xoa mặt và chải răng, rồi lên giường ngủ. Trong bóng tối cô ngồi bó gối. Sau hai giờ cô làm điều chưa từng làm trong suốt nhiều năm: mỉm cười trong bóng tối. Một ý nghĩ điên rồ vừa lướt qua tâm trí cô đi đi lại lại, và cô không chú ý. Mình đã có một bạn trai. Anh ta trẻ hơn đến mười tuổi, là một sinh viên, một người ngoại quốc, một người Ả-rập, và một người Hồi giáo. Thế mà mình cũng không thèm để ý.

Đại tá Dick Beatty của USAF đang đứng trên sân trong đêm đó, rất sâu ở dưới đường sân bay Cũ ở Riyadh. Hồ Đen không bao giờ dừng, nó không bao giờ giảm đi, và trong những ngày đầu tiên của cuộc không chiến, nó đã làm việc nhiều hơn và nhanh hơn bất kỳ khi nào.

Bản kế hoạch tài năng của tướng Chuck Horner cho cuộc chiến trên không đã được thử nghiệm bằng sự sai chỗ do bởi sự đa dạng của hàng trăm máy bay đi săn lùng các điểm bắn tên lửa Scud thay vì bắn vào các mục tiêu đã được chỉ định trước.

Bất kỳ vị tướng đánh trận nào cũng sẽ khẳng định rằng một kế hoạch cần được thực hiện đúng từng ly từng tý, nhưng khi quả bóng đã bay lên, thì không bao giờ giống được như thế hết cả. Cuộc khủng hoảng do các hỏa tiễn rơi xuống Israel gây ra đã chứng tỏ một vấn đề nghiêm trọng. Tel Aviv đã gào lên với Washington, và Washington đã gào vào Riyadh. Sự đa dạng của tất cả những máy bay đó chỉ đi tìm những máy phóng di động mạnh là cái giá Washington phải trả để giữ Israel không nhảy vào với những hành động trả đũa, và các lệnh của Washington cũng không có luận lý gì cả. Mọi người đều có thể thấy rằng Israel đã mất kiên nhẫn và việc họ tham gia cuộc chiến có thể gây ra thảm họa đối với Liên quân giờ đây đang họp nhau lại để chống Iraq, nhưng vấn đề còn lớn hơn nữa.

Các mục tiêu thông thường được định ra cho ngày thứ ba đã bị dời lại vì thiếu lực lượng máy bay, và hiệu ứng giống như những cơn domino. Một vấn đề thêm nữa là điều có thể vẫn không có Giám sát Thiệt hại do bom, hay BDA. Điều này là cốt yếu, và phải được thực hiện. Lựa chọn có thể là như thế.

Các BDA là rất cốt tử bởi vì Hồ Đen phải biết được mức độ của thành công, hay nếu không, của làn sóng các máy bay chiến đấu mỗi ngày. Nếu một trung tâm chỉ huy chủ yếu của Iraq, chỗ của radar, hay một khẩu đội tên lửa có ở Bộ phận Tác chiến Bay, điều đó có thể rất dễ bị tấn công. Nhưng nếu nó đã bị phá hủy chưa? Nếu đã, thì ở mức độ nào? Mười phần trăm, năm mươi phần trăm, hay chỉ là một cơn gió thoảng?

Chỉ đơn giản là giả dụ rằng căn cứ của Iraq đã bị thổi bay là không ổn. Ngày tiếp sau, các máy bay Liên quân không nghi ngờ gì có thể được gửi đến địa điểm đó trong một nhiệm vụ nữa. Nếu địa điểm đó vẫn còn hoạt động được, các phi công có thể hy sinh.

Vậy mỗi ngày các nhiệm vụ được điều lên, và các phi công mệt mỏi miêu tả một cách chính xác việc mình đã làm và đã tiêu diệt được gì. Hoặc nghi họ đã đâm phải gì. Ngày tiếp theo, các máy bay khác bay đến các mục tiêu và chụp ảnh chúng.

Do đó, mỗi ngày khi Cơ quan Nhiệm vụ Bay bắt đầu chuyển bay ba ngày để chuẩn bị, danh mục nguyên gốc của các mục tiêu được chỉ định phải bao gồm cả các nhiệm vụ cần đến thứ hai, để kết thúc công việc chỉ được thực hiện một lần.

Ngày 20 tháng Giêng, ngày thứ tư của cuộc chiến trên không, các lực lượng bay của Liên quân đã không chính thức đến được gần để bỏ phí các nhà máy công nghiệp đã được nhắm đến như những cái tạo ra vũ khí tiêu diệt hàng loạt. Chúng vẫn đặt trọng tâm vào SEAD - áp lực của Các lực lượng Phòng không địch.

Đêm đó, đại tá Beatty chuẩn bị danh sách các nhiệm vụ chụp ảnh hôm sau. Vào khoảng nửa đêm, ông đã rất gần, và những lệnh sớm đã được truyền đi theo đường của mình đến các đội bay khác nhau được chỉ định cho nhiệm vụ chụp ảnh từ trên không vào bình minh.

- Được rồi, thưa ngài.

Một sĩ quan cấp cao của Hải quân Mỹ, đứng bên cạnh ông. Viên đại tá liếc nhìn vào mục tiêu.

- Anh muốn nói gì vậy, Tarmiya?

- Tôi đã nói rồi, thưa ngài.

- Thế Tarmiya là cái quái quỷ gì vậy?

- Đây này, thưa ngài.

Viên đại tá liếc nhìn lên bản đồ hàng không. Địa điểm chẳng có nghĩa gì với ông hết cả.

- Rađa à? Tên lửa, căn cứ không quân, điểm chỉ huy?

- Không, thưa ngài. Cơ sở sản xuất công nghiệp.

Đại tá đã mệt. Đã qua một đêm dài, và có thể còn phải tiếp tục đến bình minh.

- Vì chúa, chúng ta chưa nhằm vào các mục tiêu công nghiệp đâu. Nhưng dù sao cũng đưa tôi danh sách nào.

Ông dùng mắt chạy qua danh sách. Nó bao gồm gần như tất cả các cơ sở công nghiệp mà Liên quân biết đến có liên quan đến sản xuất vũ khí; nó có các nhà máy được biết sản xuất vỏ đạn, thuốc nổ, xe cộ, linh kiện súng, và xe tăng.

Trong hàng đầu tiên có tên Al Quam, As-Sharqat, Tuwaitha, Fallujah, Al-Hillah, Al-Atheer, và Al-Furat. Viên đại tá có thể không biết đã thiếu trong danh sách cái tên Rashadia, nơi người Iraq đã lắp đặt tầng máy ly tâm khí thứ hai để sản xuất uranium tinh chế, vấn đề đã được các chuyên gia của Hội đồng Medusa loại bỏ. Nhà máy đó, được phát hiện bởi Liên Hợp Quốc mãi sau này, đã không bị chôn sâu xuống nhưng đã được ngụy trang như một nhà máy sản xuất nước đóng chai.

Đại tá Beatty cũng không biết rằng Al-Furat là địa điểm chôn sâu dành cho tầng uranium thứ nhất, địa điểm mà người Đức, tiến sĩ Stemmler đã đến thăm, “nơi nào đó gần Tuwaitha”, và vị trí chính xác của nó đã bị Jericho tiết lộ.

- Tôi không thấy đâu là Tarmiya cả, ông cần nhìn.

- Không đâu, thưa ngài. Nó không có ở đó. Viên sĩ quan nói

- Hãy đưa cho tôi điểm quy chiếu nào.

Không ai có thể đoán trước rằng các nhà phân tích nhớ được hàng trăm cái tên địa danh Ả-rập lằng nhằng, trong một số trường hợp một cái tên lại chỉ đến hàng chục mục tiêu khác nhau, nên tất cả các mục tiêu đều được đưa ra một điểm quy chiếu được thực hiện bởi Hệ thống Định vị Toàn cầu, được chuyển xuống chỉ còn 12 đơn vị, một mảnh vuông 50 yard vuông.

Khi ném bom nhà máy khổng lồ ở Tarmiya, Don Walker đã nhận ra điểm quy chiếu này, đã gắn vào báo cáo ngăn gọn của mình.

- Nó không có ở đây, đại tá phản đối. Đó thậm chí không phải là một mục tiêu đáng nguyên rủa. Ai đã chơi vậy?

- Một phi công nào đó của đội 336 ở Al Kharz. Trượt ở hai mục tiêu được chỉ định đầu tiên của mình dù không phải lỗi của cậu ta. Không muốn quay về nhà với đầy súng đạn. Đây là tôi đoán thế.

- Mẹ, viên đại tá lẩm bẩm. Tốt thôi, dù sao hãy chuyển cho BDA. Nhưng để ưu tiên ít thôi. Đừng có phí phim vào đó đấy nhé.

Trung úy Chỉ huy Darren Cleary ngồi ở chỗ kiểm soát của chiếc Tomcat F-14 của mình. Anh ta là một anh chàng hết sức nồng nhiệt.

Dưới anh ta là con tàu chở hàng to lớn màu ghi USS Ranger đã nhúng mũi vào làn gió nhẹ và đang thực hiện 27 nút qua nước. Biển bắc vùng Vịnh đang lặng tờ trong lúc sắp mặt trời lên, và bầu trời có thể sớm sáng lên và màu xanh. Hẳn sẽ là một ngày rất thoải mái cho một phi công hải quân bay một trong những chiếc máy bay chiến đấu tốt nhất thế giới.

Được đặt biệt danh “Đội Phấn công”, chiếc Tomcat chở được hai người đã đến với một số lượng khán giả lớn hơn khi được tái hiện trong phim Top Gun. Khoang lái của nó có khả năng là chiếc ghế được tìm kiếm nhiều nhất trong số các máy bay chiến đấu, chắc chắn là trong đội bay Hải quân, và đang trong tầm kiểm soát của một máy bay chiến đấu như thế trên một ngày đẹp đẽ như thế ngay một tuần trước khi đến trạm ở vùng Vịnh đã có thể làm cho Darren Cleary rất sung sướng.

Nguyên do của sự chán nản của anh là anh đã được chỉ định không phải đi một nhiệm vụ chiến đấu mà là BDA, “đi chụp những hình ảnh cận cảnh may mắn”, như anh đã phàn nàn đêm hôm trước. Anh đã có được từ sĩ quan chiến dịch của đội bay để anh đi săn tìm những chiếc MIG, nhưng chẳng ăn thua gì.

“Ai đó phải làm việc này chứ”, đó là câu trả lời của anh ta. Cũng giống như các phi công chiến đấu kiên cường trong Liên quân ở chiến tranh vùng Vịnh, Cleary sợ rằng các máy bay Iraq có thể rời khỏi bầu trời sau chỉ ít ngày, dẫn đến kết quả họ chẳng còn gì để mà chiến đấu hết nữa cả.

Vậy cho nên anh buồn lắm, anh đã bị “gài” - đã bị ra lệnh - cho một nhiệm vụ TARPS.

Đằng sau anh và sĩ quan bay của anh, hai kỹ sư máy bay của General Electric đang quay cuồng với chiếc móc vào cái máy đẩy hơi nước, dí mũi vào đường trung tâm của chiếc Ranger. Cleary đang đợi, gạt cần lái bằng tay trái, điều khiển cái cột thật vững và trụ được ở bên phải, khi các chuẩn bị cuối cùng đã hoàn thành. Cuối cùng sự đòi hỏi, cái nút, và sự bùng lên mãnh liệt của năng lượng khi chiếc cần đẩy lên trước, sang phải qua một cánh cửa để phụt ra, và chiếc máy phóng đã đẩy anh và 68000 pound trọng lượng chiếc máy bay chiến đấu từ 0 đến 150 nút trong vòng ba giây.

Thép xám của chiếc Ranger biến mất ở đằng sau anh, và mặt biển u tối lùi lại phía dưới. Chiếc Tomcat kêu ù ù không khí xung quanh, và trườn một cách nhẹ nhàng để tiến về đường chân trời.

Sẽ là một nhiệm vụ dài bốn tiếng đồng hồ với hai lần tiếp nhiên liệu. Anh có 12 mục tiêu cần chụp ảnh, và không thể được ở một mình. Đã ở trên anh là một chiếc Avenger A-6 với những quả bom có gắn laser dẫn đường trong trường hợp rơi vào pháo phòng không, trong đó chiếc Avenger biết cách dạy cho các tay súng Iraq cần im miệng. Một chiếc Prowler EA-6B cùng đi với nhiệm vụ như thế, có trang bị các HARM trong trường hợp rơi vào một địa điểm tên lửa SAM do radar chỉ đường. Chiếc Prowler có thể sử dụng các HARM của mình để thổi bay radar, và chiếc Avenger có thể sử dụng bom của mình vào các tên lửa.

Trong trường hợp Quân lực Iraq hiện ra, hai chiếc Tomcat nữa có thể giương súng lên, ở phía dưới và ở một bên người chụp ảnh, những chiếc ra a AWG-9 mạnh mẽ của họ có khả năng làm nhiễu độ đo của các phi công Iraq trước khi thoát khỏi lưới đạn.

Tất cả những thứ kim loại và công nghệ đó để bảo vệ cái đang treo dưới và đằng sau chân của Darren Cleary, một Hệ thống Pod Nhận biết Không quân Chiến thuật, hay TARPS.

Treo hơi nghiêng về bên phải của chiếc Tomcat, TARPS trông giống như một cái hộp ngậm dài 17 feet. Nó chỉ hơi phức tạp hơn một chiếc Pentax của khách du lịch.

Ở mũi của nó là một máy chụp ảnh mạnh với hai hướng: lên trước và xuống, hay thẳng xuống. Dưới nó là chiếc máy chụp toàn cảnh nhìn ra bên ngoài, ở bên cạnh, và phía dưới. Sau nó là bộ nhận biết được bọc kỹ, dành để ghi sức nóng (độ nóng) các hình ảnh và nguồn gốc của nó. Trong một vòng cuối cùng, phi công có thể nhìn trên màn hình phía trước bên trong khoang lái của mình cái anh ta đang chụp trong khi vẫn ở phía trên.

Darren Cleary nâng độ cao lên 15 nghìn feet, cùng với phần còn lại của đội hộ tống mình, và họ bắt đầu kết nối với chiếc truyền nhiên liệu KC-135 ngay ở phía nam biên giới Iraq.

Không bị làm rối bởi sự kháng cự Iraq, Cleary chụp ảnh 11 mục tiêu chính đã được ra lệnh rồi bay qua Tarmiya cho địa điểm được quan tâm ở mức độ thứ yếu.

Khi bay qua Tarmiya, anh nhìn liếc qua màn hình và lẩm bầm “Cái chó chết gì thế này?” Đó là thời khắc các ống kính 750 của những máy camera chính của anh đang chọn để bấm máy.

Sau lần tiếp nhiên liệu thứ hai nhiệm vụ đổ về chiếc Ranger không có rắc rối nào. Các nhân viên mặt đất gỡ những chiếc camera và mang chúng vào phòng ảnh để rửa thành phim âm bản.

Cleary đang nói vắn tắt về nhiệm vụ bắt đắ dĩ của mình, Lùi ngòi xuống cái bàn nhẹ cùng với nhân viên tình báo. Khi các phim âm bản đã được đưa lên màn hình với ánh sáng trắng ở dưới, Cleary giải thích cái mà mỗi khung đã chụp và nói ở nơi nào. Viên sĩ quan tình báo ghi chép cho báo cáo của anh ta, cái có thể được gắn vào với báo cáo của Cleary, kèm với các bức ảnh.

Khi họ xem đến những bức cuối cùng, viên sĩ quan tình báo hỏi:

- Gì thế này?

- Đừng có hỏi tôi, Cleary nói. Nó đến từ cái mục tiêu ở Tarmiya đấy. Anh còn nhớ không - cái mà Riyadh đã thêm vào ở phút cuối ấy?

- Phải rồi. Thế những cái này là ở bên trong nhà máy à?

Thì cứ nhìn những cái đĩa quay nhựa khổng lồ này,

Cleary đề xuất một cách tinh quái.

Đó là câu nói hóc hiểm. Viên sĩ quan tình báo đưa nó vào báo cáo của mình, đi cùng với một lời chứng nhận không phải là ý tưởng vợ vẫn như người ta đã nghĩ. Khi cái gói đã đầy, một chiếc Viking S-3 Lockheed được chuyển lên trên boong chiếc Ranger và đưa toàn bộ cái gói về Riyadh. Darren Cleary quay trở lại với các phi vụ bay chiến đấu, không bao giờ chạm trán với những chiếc MIG nổi danh, và rời khỏi vùng Vịnh cùng chiếc USS Ranger vào cuối tháng Tư năm 1991.

Wolfgang Gemuetlich ngày càng trở nên lo lắng, qua cái buổi sáng hôm đó, vào trạng thái của người thư ký riêng của mình.

Cô ta thật lịch thiệp và trang trọng như chưa bao giờ thế và có ích hết mức ông ta có thể yêu cầu - và ngài Gemuetlich đòi hỏi rất nhiều. Không phải người có sự nhạy cảm cao, thoạt tiên ông chưa nhìn thấy điều gì bất thường, nhưng chuyển đến thăm văn phòng riêng của cô ta để lấy một bức thư, ông ta quan sát có cái gì đó không bình thường ở cô.

Dĩ nhiên không có gì phải lo lắng, và rõ ràng không nhẹ dạ - ông ta có thể không bao giờ lượng thứ cho điều đó. Đó là một trạng thái tâm lý cô ta có với mình cô ta. Ở lần đến thứ ba ông ta quan sát cô cận hơn, như, đầu cúi gập trên quyển sổ, cô ghi ra lời đọc của ông ta.

Đúng là bộ đồng phục làm việc màu tối vẫn đúng chỗ, dài quá đầu gối. Tóc vẫn được cặp lại ở đằng sau thành một búi sau đầu. Lần đến thứ tư ông ta nhận ra với một sự kinh hoàng rằng Edith Hardenberg đang có một bộ mặt thoa phấn. Không nhiều lắm, nhưng nhận ra được. Ông ta kiểm tra nhanh để chắc rằng không có son trên môi cô.

Có thể, ông ta lý luận, ông đã tự đánh lừa mình. Đó là tháng Giêng, trời lạnh bên ngoài có thể làm da cô trắng bệch ra; không nghi ngờ gì nữa phấn là để đỡ làm nhợt nhạt. Nhưng vẫn còn cái gì đó khác nữa.

Đôi mắt. Không có kẻ mắt - Chúa ơi, hãy đừng có kẻ mắt nhé. Ông ta kiểm tra lại, nhưng rõ là không có. Ông ta đã tự huỷ hoại mình, ông lại tự trấn an. Vào giờ ăn trưa khi ông ta trải chiếc khăn trải bàn ra và ăn những chiếc xăng ụch được chuẩn bị kỹ càng bởi bà Gemuetlich, như mọi ngày, thì lời giải đáp đã đến.

Chúng ánh lên. Đôi mắt của cô Hardenberg ánh lên. Không thể là do khí hậu mùa đông được - cô đang ở trong nhà trong suốt bốn giờ đồng hồ cơ mà. Ông chủ ngân hàng để chiếc xăng ụch ăn dở xuống và nhận ra ông đã nhìn thấy triệu chứng đó trong một trong số các thư ký trẻ ngay trước giờ được nghỉ làm vào thứ Sáu.

Đó là hạnh phúc. Edith Hardenberg đang thực sự hạnh phúc. Điều đó thể hiện ra, ông ta giờ đây đã nhận ra, theo cách cô ta bước đi, cách cô ta nói năng, và cách cô ta nhìn. Cô đã giống như mọi buổi sáng - rằng, có dùng phấn. Thế là đủ để làm khuấy động Wolfgang Gemuetlich rất nhiều. Ông ta hy vọng cô ta đã không tiêu tiền.

Những bức ảnh chụp chớp nhoáng do trung úy chỉ huy Darren Cleary chụp đã được đưa đến Riyadh trong buổi chiều, một phần của một đợt những hình ảnh mới mẻ đã đến được đại bản doanh CENTAF mỗi ngày.

Một số trong số những hình ảnh đó đến từ các vệ tinh KH-11 và KH-12 ở phía trên mặt đất, cung cấp những bức ảnh kích thước lớn, tỷ lệ cao, về cả đất nước Iraq. Nếu chúng tỏ ra không có gì khác biệt so với hôm trước đó, thì có nghĩa là đã sa lầy.

Những cái khác đến từ những phi vụ chụp ảnh bất thường bay thấp hơn so với những chiếc TR-1. Một số cho thấy các hoạt động của Iraq, quân sự hoặc công nghiệp - những hoạt động chuyển quân, các máy bay chiến đấu nếu không có ở đó trước, những máy bắn tên lửa tại các địa điểm mới. Chúng đến với cơ quan Phân tích Mục tiêu.

Những bức ảnh từ chiếc Tomcat của Ranger dành cho Bộ phận Đánh giá Thiệt hại do bom. Chúng được lọc chọn qua Barn, tập hợp những lều xanh ở bên lề một căn cứ quân sự; rồi, chúng được dán nhãn và chỉ định, rồi lên đường đến Hồ Đen, nơi chúng đổ bộ xuống phòng BDA.

Đại tá Beatty bắt tay vào việc lúc bảy giờ sáng. Ông làm việc hai giờ đồng hồ nhìn vào các điểm nóng là địa điểm tên lửa (một phần đã bị phá hủy, hai khẩu đội rõ ràng đã câm họng) và một trung tâm thông tin (bằng rub), cộng với một ma trận những lá chắn máy bay được bảo vệ mà các MIG để trong nhà của Iraq, hay những chiếc Mirage, và Sukhois được phân tán.

Khi ông xem đến khoảng một chục bức ảnh về nhà máy ở Tarmiya, ông nhăn trán, đứng lên, và đi lại quanh một chiếc bàn của một trung sĩ bay người Anh của Không lực Hoàng gia.

- Charlie, cái gì thế này?

- Tarmiya, thưa ngài. Ngài còn nhớ cái nhà máy đã bị chiếc Eagle bắn ngày hôm qua không - cái chưa hề có trong danh sách ấy?

- Ôi, phải rồi, cái nhà máy chưa bao giờ là mục tiêu ấy à?

- Chính nó đấy. Một chiếc Tomcat từ tàu Ranger đã chụp được nó ngay sau mười giờ sáng nay đây.

Đại tá Beatty đập tay vào những bức ảnh.

- Thế cái quỷ quái gì đang diễn ra ở dưới này thế

- Không biết, thưa ngài. Chính vì thế tôi phải chuyển sang cho ngài. Không ai có thể làm rõ được.

- Tốt, cái anh chàng Eagle này chắc hẳn đã tình cờ vớ đúng đấy.

Viên đại tá người Mỹ và viên sĩ quan người Anh nhìn chằm chằm vào các bức ảnh do chiếc Tomcat chụp về từ Tarmiya. Chúng rất rõ, đủ độ phân giải. Một số từ khung camera trước và dưới ở trước mũi pod TARPS cho thấy nhà máy đổ nát khi chiếc Tomcat tiếp cận từ 15 nghìn feet; những bức khác từ camera toàn cảnh ở khoảng giữa của khu. Những người ở Barn đã rút lại chỉ lấy những cái đẹp nhất và rõ nhất.

- Nhà máy này to cỡ nào? viên đại tá hỏi.

- Khoảng chừng mười km dài và rộng sáu km, thưa ngài.

Cái mái ngói khổng lồ đã bị lật ra, và chỉ một mảnh bị lộ nằm lên một khoảng vuông của sàn nhà của cái nhà máy Iraq.

Trong ba phần tư còn lại đã được nhìn rõ, toàn bộ bố trí của nhà máy có thể thấy rõ theo cách nhìn từ trên cao. Có những phân xưởng chia ra, và trong mỗi cái có một cái đĩa màu đen lớn nằm rất lớn trên sàn.

- Là kim loại à?

- Đúng vậy, thưa ngài, dựa theo máy quét cảm ứng. Thép hoặc là cái gì đó.

Lại càng rối rắm hơn, và lý do cho tất cả những chú ý của những người ở BDA, là phản ứng của Iraq với hành động tấn công của Don Walker. Quanh cái nhà máy bị tốc mái có không chỉ một mà là đến năm chiếc cần trục cực lớn, những cánh tay của chúng chìa vào bên trong như đang truy điệu người chết. Với tất cả những thiệt hại đang có ở Iraq: những chiếc cần trục cỡ đó là của cực hiếm.

Quanh nhà máy và bên trong, một toán thợ không thể nhìn thấy được đang làm việc để gắn những chiếc đĩa vào cần máy để chuyển đi.

- Có đếm được bao nhiêu người không, Charlie?

- Hơn hai trăm người, thưa ngài.

- Thế còn những cái đĩa đó? - đại tá Beatty tư vấn báo cáo của sĩ quan tình báo của Ranger - những cái "Đĩa khổng lồ đó"?

- Không có ý kiến gì, thưa ngài. Chưa từng nhìn thấy gì giống như thế.

- Thôi được, rõ ràng nó cực kỳ quan trọng đối với ngài Saddam Hussein. Liệu Tarmiya có thể thực sự là một vùng không có mục tiêu nào không?

- Thôi được rồi, thì cho vào danh sách vậy, thưa đại tá. Nhưng liệu ông có thể xem cái này không?

Viên trung sĩ bay cầm lên một bức ảnh khác mà anh ta lấy ra từ đồng hồ sơ. Viên đại tá nhìn vào chỗ anh ta chỉ.

- Đây chuyện đôi.

- Đây chuyện đôi. Còn ở đây?

Đại tá Beatty cầm lên chiếc cốc đẹp tuyệt và nhìn lại lần nữa.

- Chuỗi khai thác mỏ... những khẩu đội A... tháp canh. Anh lấy những cái này ở đâu thế, Charlie?

- Ở đây thôi. Hãy lấy một bức ảnh lớn mà xem.

Đại tá Beatty nhìn chằm chằm vào bức ảnh mới được đặt trước mặt mình, một bức chụp từ rất cao được toàn bộ Tarmiya và vùng phụ cận. Rồi ông ta thở dài.

- Chúa tôi, chúng ta đang phải đánh giá lại toàn bộ Tarmiya đây. Thế quái nào mà chúng ta lại bỏ qua nó nhỉ?

Vấn đề là, toàn bộ khu công nghiệp gồm 381 toà nhà của Tarmiya đã bị xoá ngay từ những nhà phân tích đầu tiên như là không hề có tính chất quân sự và không phải là mục tiêu với những lý do sau này sẽ trở thành một phần của những giai thoại lưu truyền ở Hồ Đen.

Có người Mỹ và người Anh, và họ đều là người của NATO. Sự đào tạo của họ trong việc đánh giá các mục tiêu Xô viết, và họ nhìn theo cách Xô viết cách làm các việc. Các đầu mối họ tìm kiếm là những chỉ số chuẩn. Nếu toà nhà hay khu nhà là quân sự và quan trọng, nó là ngoài giới hạn. Nó có thể được bảo vệ không được đi qua và được bảo vệ khỏi các tấn công.

Thế liệu những tháp canh, dây chuyền, các khẩu đội A, tên lửa, dây chôn, trại lính là thế nào đây? Chúng có phải là các dấu hiệu của những xe tải nặng ra vào; chúng có phải là những đường dây năng lượng lớn hay một trạm phát điện bên trong?

Những cái đó đều có nghĩa là một mục tiêu. Tarmiya cũng không hề có những cái đó - có vẻ như thế.

Cái mà viên trung sĩ RAF đã làm, trong một lúc, là kiểm tra lại một bức ảnh có độ mở cực cao về toàn thể khu vực. Và đã có hàng rào, các khẩu đội, trại lính, những cửa được gia cố, tên lửa, những hàng rào mạnh mẽ. Nhưng còn xa hơn thế. Người Iraq chỉ đơn giản là lấy một phần đất lớn một trăm km vuông và vây lại. Không một vùng nào có thể đối với người phương Tây và thậm chí cả người Đông Âu.

Khu công nghiệp đó, gồm 381 toà nhà mà 70 trong số đó sau này sẽ bị coi là sản xuất đồ chiến tranh, nằm ở giữa khu đất vuông đó, được phân tán rộng để tránh bom đánh phá, nhưng chỉ còn 500 acre bên ngoài 10000 được bảo vệ cẩn mật.

- Những đường dây điện à? Viên đại tá hỏi. Không có gì ở đây có thể phát điện hơn một cái bàn chải đánh răng.

- Trên đây này, thưa ngài. 45 km về phía tây. Các đường dây điện chạy theo hướng ngược lại. 50 đến một độ nóng, những đường dây này là dây điện thoại. Cái dây cáp thực sự sẽ bị chôn dưới đất và chạy từ trạm năng lượng đến trung tâm Tarmiya. Đó là một trạm phát điện 150 MW, thưa ngài.

- Mệ nó chứ, viên đại tá thở dài. Rồi ông ta đi thẳng ra và nhìn vào đồng ảnh.

- Làm tốt đấy, Charlie. Tôi sẽ mang tất cả những cái này đến cho Buster Glosson. Trong lúc đó, không phải đợi ở đây ở cái nhà máy mất mái này đâu. Nếu nó là quan trọng đối với người Iraq - chúng ta sẽ cho nó tiêu tùng luôn.

- Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ cho nó vào trong danh sách.

- Không phải trong vòng ba ngày kể từ hôm nay. Ngày mai. Cái gì thế nhỉ?

Viên trung sĩ bay đi đến một màn hình máy tính và gõ yêu cầu

- Không có gì đâu. Mọi việc ổn, tất cả các đơn vị.

- Không thể làm một đội nào à?

- Không thực tế. Bởi vì về chiến dịch săn đuổi tên lửa Scud, chúng ta đã chậm rồi. Nào, tiếp tục đi, 4300 đã xuống Diego. Chúng có năng lực đấy.

- Tốt rồi, hãy đưa chúng cho Buffs.

- Nếu ngài tha lỗi tôi đã nói, viên sĩ quan bay nhận xét, với sự lịch thiệp rất trang trọng nhấn mạnh vào những cái mặt nạ không lấy gì làm hay ho. Các Buff không phải là những tay thả bom chính xác tuyệt đối đâu.

- Xem nào. Charlie, trong 24 giờ nữa những tên Iraq đó sẽ xoá sạch dấu vết. Chúng ta không có lựa chọn nào khác. Hãy đưa nó sang cho Buffs.

- Vâng, thưa ngài.

Mike Martin cẩn trọng nằm im trong toà nhà của người Xô viết thêm vài ngày nữa. Tay giúp việc người Nga và vợ ông ta rất bức bối, không ngủ được đêm vì những loạt bom và tên lửa rơi không dứt đi cùng với tiếng gầm rú của đạn phòng không Iraq to mồm nhưng chẳng mấy hiệu quả.

Họ đã rất thận trọng với cửa sổ với tất cả các tay lái bay người Mỹ hay Anh, nhưng cũng sẽ không còn gì ăn, và dạ dày Nga là một luận lý thúc đẩy. Giải pháp là gửi Mahmoud người làm vườn đi chợ trở lại.

Martin đạp xe vòng vòng quanh thành phố trong vòng ba ngày, khi anh nhìn thấy vạch phấn. Nó nằm trên bức tường phía sau của một trong những ngôi nhà của khu Khayat cổ ở Karadit-Mariam, và có nghĩa là Jericho đã gửi hàng đến hòm thư chết tương ứng.

Mặc dù có bom rơi, sự sống hàng ngày của người dân vẫn diễn ra và bắt đầu thích ứng được. Không một lời nào thốt ra, trốn dưới những tảng đá và rồi chỉ một thành viên gia đình không thể phản bội nói với người của AMAM, sự nhận ra đã ám ảnh tầng lớp lao động rằng “Con của Chó” và “Con của Naji” có vẻ như đã có vẻ đánh trúng được cái muốn đánh và để phần còn lại được yên.

Sau 5 ngày Cung điện Tổng thống trở thành một đồng bùng nhùng. Bộ Quốc phòng không còn tồn tại, cũng chẳng còn trao đổi điện thoại hay những trạm phát điện chính. Thậm chí còn kinh hơn, tất cả 9 cây cầu giờ đây đã trang hoàng cho đáy dòng Tigris, nhưng một loạt những nhà doanh nghiệp đã dựng ngay dịch vụ phà qua sông, rộng đủ để chở cả xe tải và xe hơi, một số còn mang được chục hành khách và xe đạp của họ, với chỉ vài mảnh ghép lại.

Phần lớn các toà nhà chính vẫn còn chưa bị động đến. Khách sạn Rashid ở Karch vẫn đầy dân báo chí nước ngoài, thậm chí dù cho Rais chắc hẳn đã xuống trú chân ở dưới đó. Còn tồi tệ hơn thế, đại bản doanh của AMAM, một khu những toà nhà liên kết với nhau với vẻ ngoài tồi tàn và bên trong tồi tàn trong một khu phố chắc chắn gần Qasr-el-Abyad ở Risafa, vẫn còn yên lành. Bên dưới hai ngôi nhà trong số đó là Nhà tập, không bao giờ được nêu tên chỉ trừ khi thăm thì, là Omar Khatib Đồ tế đang khai thác người bị bắt.

Qua sông đến Mansour, toà nhà văn phòng lớn đơn độc tạo thành đại bản doanh của Mukhabarat, cả nước ngoài và Phản gián, vẫn chưa bị tìm ra.

Mike Martin xem xét vấn đề của phần đánh dấu khi anh đạp xe về toà biệt thự Xô viết. Anh biết những mệnh lệnh với mình đều là chính thức - không có cách tiếp cận nào. Anh liệu đã từng là một nhà ngoại giao người Chile tên là Benz Moncada thì anh có thể nghe theo lời chỉ dẫn đó, và luôn đúng. Nhưng Moncada đã không được huấn luyện để nằm bất động, nếu là cần thiết trong một số ngày, trong một trạm quan sát đơn lẻ và nhìn ngó cảnh vật xung quanh cho đến khi những con chim đến làm tổ trên mũ anh ta.

Đêm hôm đó, đi bộ, Martin lại đi qua sông đến Rifasa khi các máy bay chiến đấu đã bắt đầu và đi đến chợ rau quả ở Kasra. Có những khuôn mặt hai bên đường đây đó, đang ngả về phía trước như những ngôi nhà bình thường có thể thoát khỏi một tên lửa tự hành Tomahawk và anh đã chỉ là một trong số chúng. Quan trọng hơn, sự đánh bạc của anh coi các đội tuần tra của AMAM chẳng ra gì: chúng không có khiếu đánh hơi đối với những phố rộng với người Mỹ ở trên đầu.

Anh tìm thấy điểm quan sát của mình trên mái của một nhà kho hoa quả, từ lễ của nó anh có thể nhìn ngó con phố, bức tường của chợ rau quả. Và gạch và cái cán cờ đánh dấu chỗ hòm thư. Trong tám tiếng đồng hồ, từ tám giờ tối đến bốn giờ sáng hôm sau, anh chỉ nằm và nhìn.

Nếu hòm thư đã lộ, AMAM không thể sử dụng dưới 20 người. Lúc nào đó sẽ có gì đó như một tiếng giày trên đá, một tiếng ho, một cử động nào đó, một ánh diêm, một điều thuốc cháy, giọng ra lệnh bằng cổ họng đề buộc tất cả trật tự; nhất định phải có cái gì đó. Anh chỉ đơn giản là không tin người của Khatib hay Rahmani có thể bất động và im lặng trong suốt tám tiếng đồng hồ.

Ngay trước bốn giờ sáng, trận ném bom kết thúc. Không có ánh sáng nào trong chợ phía dưới. Anh kiểm tra lại lần nữa xem có máy camera nào trên một cái cửa sổ cao nào không, nhưng trong khu đó không hề có cái cửa sổ ở trên cao nào. Lúc bốn giờ 10 phút anh trườn khỏi mái nhà, đi ngang qua đường, trong cái dish-dash màu ghi sẫm di chuyển trong bóng tối, tìm thấy viên gạch, lấy đi bức thông điệp: và đi.

Anh vượt tường khu nhà của Bí thư thứ nhất Kulikov ngay trước bình minh và đã nằm gọn trong túi ngủ của mình trước khi bất kỳ ai có thể tỉnh giấc.

Thông điệp từ Jericho rất ngắn gọn: Anh ta không nghe ngóng được gì từ chín ngày nay. Anh ta đã không nhìn thấy phần đánh dấu. Kể từ lần gửi thông điệp cuối cùng đến giờ không có liên lạc nào hết. Không hề có tiền công chuyển vào trong tài khoản ngân hàng của anh ta. Liệu thông điệp của anh ta có sao không; anh ta biết điều đó bởi vì anh ta đã kiểm tra. Có gì sai trái chăng?

Martin không chuyển thông điệp này đến Riyadh. Anh biết anh không nên làm trái mệnh lệnh, nhưng anh tin là anh, chứ không phải Paxman, là người đang ở chốt và anh có quyền có quyết định nào đó cho bản thân mình. Anh đã liều thân đêm nay để cho một cái đã tính toán trước; anh đã sử dụng những kỹ năng của mình chống lại người mà anh biết là thấp hơn trong một trò chơi nguy hiểm. Liệu còn có cái gì đó che giấu con đường dưới sự kiểm soát, anh có thể tiêu khi anh ta đến, và không ai có thể nhìn thấy anh ta.

Có thể là Paxman đã đúng và rằng Jericho đã hỏng. Cũng có khả năng Jericho chỉ đơn giản đã gửi tin đi vì đúng là anh ta đã nghe Saddam Hussein nói vậy. Điểm rắc rối là hai triệu đôla mà CIA từ chối trả. Martin tự viết câu trả lời. Anh nói là đã có một số vấn đề bởi sự bắt đầu cuộc không kích nhưng một chút kiên nhẫn nữa cũng chẳng có hại gì. Anh nói Jericho rằng thông điệp trước của anh ta đã được lấy và đã được chuyển đi, nhưng rằng anh ta, Jencho, cũng phải hiểu một triệu đôla là một số tiền rất lớn và rằng thông tin còn cần được kiểm tra lại nữa. Việc đó có thể phải mất chút thời gian. Jericho nên bình tĩnh trong khoảng thời gian rối tinh này và chờ đợi khi có dấu phần đánh dấu sau báo hiệu cho anh ta mọi việc lại đã đầu vào đầy

Trong ngày Martin để lại bức thông điệp vào sau viên gạch trên tường gần chỗ của thành cổ Aadhamiya, và trong bụi anh viết phần lên bề mặt đồ quạch của cái cửa gara ô tô ở Yarmuk.

24 giờ sau, dấu phần lại xuất hiện. Mỗi đêm Martin đều mở máy hướng về Riyadh nhưng không gì đến cả. Anh biết các mệnh lệnh bảo mình trốn khỏi Baghdad và rằng những người quản lý anh có khả năng đang chờ anh vượt biên giới. Anh quyết định đợi thêm một thời gian nữa.

Diego Garcia không phải một trong những địa điểm du lịch được ưa thích nhất trên thế giới. Nó chỉ là một hòn đảo nhỏ, còn nhỏ hơn một đám san hô, ở tận cùng quần đảo Chagos ở phía nam Ấn Độ Dương. Đã từng là lãnh thổ thuộc Anh, đã nhiều năm nay nó được chuyển sang cho Mỹ thuê.

Mặc dù sự trợ trợ của mình, trong chiến tranh vùng Vịnh nó đã đóng vai trò chủ nhà cho đội ném bom số 4300 cực nhanh của USAF, là những pháo đài bay B-52. B-52 không nghi ngờ gì nữa là ông anh già cả nhất trong cuộc chiến, đã phục vụ từ hơn 30 năm nay. Với nhiều cái trong đó đã từng là xương sống của Chỉ huy Bay Chiến dịch, đóng trụ sở ở Omaha, Nebraska, đầu sĩ bò tốt bay đã vòng quanh vương quốc Xô viết ngày và đêm mang theo những khí cụ chiến tranh.

B-52 có thể là già nua, nhưng vẫn là loại máy bay ném bom gây khiếp sợ, và trong chiến tranh vùng Vịnh phiên bản G đã nâng cấp được sử dụng để tạo nên hiệu ứng phá huỷ trong những đội thọc sâu của Iraq có tên là Vệ binh Cộng hoà trong các sa mạc ở nam Kuwait. Nếu điều quan trọng của Quân đội Iraq là những boong ke và với những cánh quân nổi lên tại vùng đất của Liên quân để phản công, thì nó là một phần vì quan trọng của nó được rải ra và tinh thần bị bẻ gãy bởi những chiếc B-52 bay lượn vòng quanh.

Chỉ có 80 chiếc máy bay ném bom loại này trong cuộc chiến, nhưng trọng tải cực lớn của nó và số lượng bom chở được rất nhiều đã đổ xuống 26.000 tấn bom theo lệnh, 40% số bom được ném xuống trong toàn cuộc chiến.

Chúng rất lớn trên mặt đất, sải cánh của chúng, đến tám động cơ Pratt và Whitney J-57 trong bốn cụm, mỗi cụm mang hai chiếc, đổ xuống mặt đất. Khi cất cánh với trọng lượng tối đa, các cánh nâng lên trước, như thể trượt lên trên cái đồi lớn như một con mòng biển. Chỉ trong khi bay chúng mới dựng thẳng lên theo đúng chiều của mình.

Một trong các nguyên nhân chúng tạo ra nỗi kinh hoàng lớn đến vậy cho Vệ binh Cộng hoà trong sa mạc là vì chúng bay ngoài tầm kiểm soát về hình ảnh cũng như âm thanh, cao đến nỗi bom của chúng rơi xuống không hề được báo trước và là điều đáng sợ nhất. Nhưng nếu chúng là những máy bay rải thảm cực tốt, thì độ chính xác trong thả bom lại không phải là điểm mạnh, như viên trung sĩ bay đã chỉ ra.

Vào buổi bình minh ngày 22 tháng Giêng, ba chiếc Buff trượt lên khỏi Diego Garcia và hướng về Ả-rập Xêút. Mỗi chiếc đều chở theo trọng tải tối đa, 51 bom mỗi quả 750 pound để được thả xuống từ độ cao 35.000 ft. 27 quả bom được chứa ở bên trong, phần còn lại được ở dưới cánh.

Ba máy bay ném bom này tạo nên một đội bay cho các chiến dịch Buff, và đội bay của chúng trông chờ một ngày đi câu, đi bơi, và chơi bời trong vùng đất nhiệt đới. Không nghi ngờ gì, họ đi một chuyến đến cái nhà máy xa xôi mà họ chưa từng nhìn thấy và cũng sẽ không bao giờ nhìn thấy được.

Pháo đài bay B-52 được gọi là Buff bởi vì nó được vẽ bằng một nét màu nâu sẫm. Từ đó không phải là một phái sinh của hai âm tiết của số của nó - B-52. Nó được coi là tên cường dâm béo xấu xa to lớn. Cho nên các Buff đang bay về phía bắc, đi tìm Tarmiya, mang theo hình ảnh của cái nhà máy đã bị định vị, và thả xuống 153 quả bom. Rồi chúng trở về nhà ở quần đảo Chagos.

Vào buổi sáng ngày 23, vào giờ London và Washington bắt đầu đòi hỏi có thêm hình ảnh về những chiếc đĩa bí ẩn đó, một nhiệm vụ BDA hơn nữa được định ra, nhưng lúc này máy điện thoại đã được chở đến bởi một chiếc Phantom được bay bởi Đội Vệ binh Không quân Quốc gia bên ngoài căn cứ Sheikh Isa ở Bahrain, về địa điểm được biết là bánh Pizza của Shakey.

Trong một buổi nghỉ đáng chú ý theo truyền thống, những chiếc Buff đã thực sự đạt đến được mục tiêu. Khi nhà máy với những cái đĩa lớn đã trở thành một hồ sâu hoắm, Washington và London đã buộc phải thoả mãn với hơn chục bức ảnh có được từ trung úy chỉ huy Darren Cleary.

Các nhà phân tích giỏi nhất của Hồ Đen đã xem các bức ảnh, nhún vai vì sự không biết gì của mình, và gửi chúng lên thượng cấp tại hai thủ đô lớn.

Các ảnh sao ngay lập tức đến được JARIC, trung tâm phân tích ảnh của Anh, và Ở Washington tại ENPIC. Những người từng đến đó, toà nhà gạch vuông vắn tại một góc của thủ đô Washington, có thể không thích ở lại cái ở trong. Chỉ một đầu mối trung tâm Phân tích ảnh Quốc gia để lộ từ khu nhà có lắp đặt điều hoà nhiệt độ bên trong, giữ nhiệt độ được kiểm soát với một cái pin cực lớn của những siêu máy tính mạnh nhất của Mỹ. Phần còn lại, những cửa sổ chống bụi và mưa, cánh cửa nặng nề, và bụi bay từ phố bên ngoài có thể gợi ý đó là một nhà kho chẳng lấy gì làm sang trọng.

Nhưng ở đây có những hình ảnh do các vệ tinh đưa về; có những nhà phân tích làm việc để nói cho những người ở Văn phòng Tình báo Quốc gia và Lầu Năm Góc và CIA chính xác những “con chim” đất đỏ đã bị trông thấy. Họ rất giỏi, các chuyên gia này, luôn có được những công nghệ mới nhất, rất trẻ, thông minh, và đầy trí tuệ. Nhưng họ không bao giờ được nhìn thấy những cái đĩa như ở Tarmiya. Cho nên họ đóng hồ sơ những bức ảnh lại và nói như thế.

Các chuyên gia ở Lầu Năm Góc tại Washington và ở Bộ Quốc phòng ở London, những người chỉ biết về vũ khí thực sự từ chỗ của mình, kiểm tra các bức ảnh, lắc đầu, và đặt chúng xuống.

Trong trường hợp họ có điều gì đó để làm việc với các vũ khí huỷ diệt hàng loạt, chúng được đưa đến cho các nhà khoa học ở Sandia, Los Alamos, và Lawrence Livermore ở Mỹ và ở Porton Down, Harwell, và

Aldermaston ở Anh. Kết quả hoàn toàn giống nhau.

Lời đề xuất tốt nhất là rằng các đĩa là một phần của những máy chuyển điện dành cho một trạm phát điện mới của Iraq. Đó là lời giải thích buộc phải đi đến, khi yêu cầu những bức ảnh nhiều hơn nữa từ Riyadh đã được đáp ứng với các tin tức rằng nhà máy Tarmiya đã thực sự không còn tồn tại nữa.

Đó là một lời giải thích rất hay, nhưng đã thất bại không làm sáng tỏ được một vấn đề: Tại sao trong bức ảnh chính quyền Iraq lại cố gắng một cách tuyệt vọng để cứu thoát chúng?

Tối ngày 24 Simon Paxman, từ một trạm điện thoại gọi cho tiến sĩ Terry Martin tại căn hộ của anh.

- Muốn đi ăn đồ Án tối nay nữa không? anh ta hỏi.

- Tối nay thì không được đâu, Martin nói. Tôi đang đóng gói đồ đạc.

Anh không nói là Hilary đã về, và anh cũng muốn có một tối với cô bạn mình.

- Anh sẽ đi đâu nào? Paxman hỏi.

- Mỹ, Martin nói. Một lời mời đi dạy về Abassid Caliphate. Khá là đáng nể, thật đấy. Họ có vẻ thích nghiên cứu của tôi về hệ thống của caliph thứ ba. Xin lỗi nhé.

- Chỉ có điều là có cái gì đó đã đến từ phía nam. Một câu đố nữa mà không ai có thể giải thích được. Nhưng không phải về các khía cạnh ngôn ngữ Ả-rập đâu, mà là kỹ thuật cơ. Vẫn...

- Cái gì thế hả?

- Một bức ảnh. Tôi đang cố hiểu một bức ảnh.

Martin do dự.

- Một cơn rơm nữa trong cơn gió à ?. Anh hỏi. Thôi được rồi. cùng cửa hàng đó nhé. Tám giờ.

- Dĩ nhiên là được, Paxman nói. Chỉ là một cơn rơm thôi.

Anh không biết là cái anh sắp sửa tiếp cận được một thứ thật là quan trọng.

17. Chương 17

Terry Martin đỗ xuống sân bay quốc tế San Francisco đúng vào ba giờ chiều ngày hôm sau, được chủ nhà của mình, giáo sư Paul Maslowski, một thiên tài, đứng đón trong bộ đồng phục Viện Hàn lâm Mỹ, áo jacket và bộ đồ da, và ngay lập tức được ôm lấy bằng vòng tay ấm áp của tình nồng nhiệt Mỹ.

- Betty và tôi đã chọn một khách sạn có vẻ rất kín đáo và tự hỏi liệu anh có thích ở cùng với chúng tôi hay không?

Maslowski hỏi khi ông đưa khách ra khỏi khu sân bay và đi ra đường cao tốc.

- Cám ơn ông, thế thì tuyệt lắm, Martin nói, và quả thực anh nghĩ vậy.

- Các sinh viên đang mong ngóng được nghe anh giảng, Terry ạ. Không có nhiều trong chúng tôi đâu, dĩ nhiên – khoa Ả-rập của chúng tôi hẳn là nhỏ hơn khoa của anh ở SOAS rồi, nhưng rất sôi nổi đấy.

- Tuyệt. Tôi cũng mong được gặp họ.

Hai người chuyện gẫu vui vẻ về mỗi say mê chung của mình, Lương Hà thời Trung đại, cho đến khi họ về đến nhà riêng giáo sư Maslowski ở một vùng ngoại ô đang phát triển ở Công viên Menlo.

Tại đó anh gặp vợ của Paul, Betty, và được dẫn vào một phòng khách ấm áp và tiện nghi. Anh liếc nhìn đồng hồ: 15 phút nữa thì đến năm giờ.

- Tôi có thể dùng điện thoại không? anh hỏi khi đi xuống tầng.

- Dĩ nhiên rồi, Maslowski nói. Anh muốn gọi điện về nhà à?

- Không, chỉ trong vùng thôi. ông có cuốn danh bạ không?

Giáo sư đưa cho anh cuốn danh bạ điện thoại và đi ra. Đó là ở Livermore: Phòng thí nghiệm quốc gia Lawrence Livermore ở hạt Alameda. Anh đã đứng giờ.

- Có thể nói máy cho tôi tới Phòng Z không? anh hỏi, phát âm nó là Zed, khi người trực tổng đài trả lời.

- Ai cơ? cô gái hỏi.

- Phòng Zee, Martin sửa lại. Giám đốc văn phòng. - Xin hãy giữ máy.

Một giọng phụ nữ khác nói vào máy.

- Văn phòng giám đốc đây. Tôi có thể giúp gì cho ngài?

Giọng tiếng Anh. Martin giải thích anh là tiến sĩ Martin, một nhà khoa học từ Anh sang thăm, và rất mừng nếu có thể nói chuyện được với ngài giám đốc. Một giọng đàn ông vang lên.

- Tiến sĩ Martin phải không?

- Vâng.

- Tôi là Jim Jacobs, phó giám đốc. Tôi có thể giúp gì cho ngài?

- Xem nào, tôi biết đây là một thông tin quá vắn tắt. Nhưng tôi vừa tới đây trong một chuyến viếng thăm ngắn để giảng cho khoa Cận Đông ở Đại học Berkeley. Rồi tôi sẽ phải bay trở về. Vấn đề là, tôi tự hỏi liệu tôi có thể đến thăm Livermore để gặp ông không?

Sự bối rối lộ ra bên kia dây nói.

- Ngài có thể cho tôi biết là về việc gì không, thưa tiến sĩ Martin?

- Thật không dễ đâu. Tôi là một thành viên của Hội đồng Medusa bên Anh. Liệu điều đó có nói lên điều gì không?

- Tất nhiên là có rồi. Chúng tôi đang chuẩn bị đóng cửa trong chốc lát. Liệu ngày mai có được không thưa ngài?

- Tốt rồi. Tôi sẽ phải giảng bài trong buổi chiều. Thế buổi sáng nhé?

- 10 giờ nhé? Tiến sĩ Jacobs hỏi.

Việc hẹn gặp đã xong. Martin đã khéo léo tránh nêu mình hoàn toàn không phải là một nhà vật lý nguyên tử, mà là một chuyên gia tiếng Ả-rập. Chẳng việc gì phải làm rối các vấn đề lên cả.

Đêm đó, qua thế giới thành Vienna, Karim đưa Edith Hardenberg lên giường. Sự quyến rũ của anh ta không vội vàng cũng chẳng cuồng cuồng nhưng như thể trong một buổi tối có nhạc giao hưởng và ăn tối với sự tự nhiên hoàn hảo. Ngay cả khi cô đã lái xe đưa anh từ trung tâm thành phố về đến căn hộ của mình ở Grinzing, Edith cố thuyết phục mình rằng đó chỉ là cho một tách cà phê và một nụ hôn tạm biệt, dù sâu thẳm ý nghĩ cô biết đã sắp đến lúc đó rồi.

Khi anh ôm cô trong vòng tay và hôn cô thật dịu dàng nhưng đầy quả quyết, cô nghĩ chỉ cho phép anh ta làm thế mà thôi; lời tự dối mình trước đó rằng cô có thể chống cự lại dường như đã tan biến, và cô không thể ngăn được điều đó lại. Không, tận sâu bên trong, cô không còn muốn nữa.

Khi anh đặt cô nằm xuống và đưa cô vào trong buồng ngủ nhỏ bé của cô, cô chỉ quay mặt mình vào vai anh ta và để điều đó xảy ra. Cô hiếm khi cảm thấy mình ít nghiêm túc đến thế khi chiếc quần lót rơi xuống sàn nhà. Những ngón tay của anh ta có một ma lực mà Horst không bao giờ có được.

Cô vẫn còn mặc quần lót khi anh dẫn cô xuống chiếc chăn Bettkissen, chiếc chăn mềm to kiểu Vienna, và sức nóng từ cơ thể trẻ trung mạnh mẽ của anh giống như một thứ tiện nghi tuyệt vời trong một đêm mùa đông.

Cô không biết phải làm gì, thế là cô nhắm chặt mắt và để cho điều đó xảy ra. Những cảm giác xa lạ, khủng khiếp, tội lỗi bắt đầu xâm chiếm cô với những cảm giác lạ lùng bên dưới những chú ý của môi anh ta và những ngón tay dò tìm nhẹ nhàng. Horst chưa từng bao giờ như thế cả.

Cô bắt đầu sợ khi môi anh ta chạm vào môi cô và từ ngực cô đi đến những chỗ khác, những chỗ xấu xa, cảm kỵ mà mẹ cô thường chỉ nói là “ở phía dưới”.

Cô cố đẩy anh ra, yếu ớt phản đối, biết là những đợt sóng đã bắt đầu tràn ra từ thân dưới của cô không sạch sẽ và trong sáng gì, nhưng anh ta thật phần hứng và trườn xuống dưới.

Anh không hề tỏ ra chú ý gì đến câu nói lấp đi lấp lại của cô “Nein, Karim, das sollst du nicht”, anh không được làm thế, và những đợt sóng đã bắt đầu thành dòng và cô là một con tàu xoay tròn trong một đại dương điên rồ cho đến khi đợt sóng lớn cuối cùng tràn qua cô và cô rơi vào một cảm giác cô chưa từng bao giờ có trong suốt 39 năm cuộc đời mình.

Rồi cô ôm đầu anh ta vào tay và ấn khuôn mặt anh ta vào giữa đôi gò vú gầy gò và lặng lẽ lắc anh.

Hai lần nữa trong đêm anh ta làm tình với cô, một lần ngay sau nửa đêm và lại làm nữa trong bóng tối trước khi bình minh, và mỗi lần anh lại dịu dàng và mạnh mẽ đến nỗi cô say lên vì yêu và tự mình dâng hiến cho anh theo cái cách cô chưa từng bao giờ nghĩ tới là có thể. Chỉ sau lần thứ hai cô mới có thể tự bắt mình choàng tay quanh người anh ta để vuốt ve trong khi anh ta ngủ và tự hỏi về làn da và tình yêu cô cảm thấy đối với mỗi inch trên đó.

Mặc dù không có ý tưởng nào rằng người khách của mình có quan tâm đến thế giới ngoài các nghiên cứu Ả-rập, tiến sĩ Maslowski vẫn nhấn mạnh rằng ông sẽ lái xe chở Terry Martin tới Livermore trong buổi sáng chứ không để để anh phải đi xe buýt.

- Tôi cho rằng tôi có một chàng trai quan trọng hơn tại nhà mình mà tôi đã nghĩ, ông gợi ý khi lái xe. Nhưng dù Martin nói rõ điều đó là không đúng, nhà học giả xứ California biết khá đầy đủ về Phòng thí nghiệm Lawrence Livermore để biết rằng không phải ai ắt ơ cũng vào được đó sau một cú điện thoại. Tiến sĩ Maslowski, với sự kín đáo rất cao thủ, ngăn mình không hỏi thêm về điều đó.

Ở cửa an toàn chính các vệ binh mặc đồng phục kiểm tra một danh sách, kiểm tra hộ chiếu của Martin, gọi một cú điện thoại, và đưa họ vào một khu để xe.

- Tôi sẽ đợi ở đây, Maslowski nói.

Công việc đang tiến triển. Phòng thí nghiệm là một tập hợp nhà cũ kỹ ở đường Vasco, một số trong chúng hiện đại, nhưng nhiều cái đã có từ những ngày khi nó còn là một căn cứ quân sự. Để thêm vào đồng hồ loạn các phong cách, các tòa nhà “thời vụ” một cách nào đó đã trở nên thường xuyên được dựng lên giữa các doanh trại cũ. Martin được đưa đến một nhóm các văn phòng ở đại lộ phía đông của khu nhà.

Trông không giống thế lắm, nhưng nó ở bên ngoài đồng nhà cửa này mà một nhóm các nhà khoa học đang điều khiển sự mở rộng của một công nghệ hạt nhân chuyển qua Thế giới Thứ ba.

Jim Jacobs trông già hơn Terry Martin một chút, sắp sang tuổi 40, một tiến sĩ, và là một nhà vật lý nguyên tử. Anh chào đón Martin vào văn phòng dán đầy giấy của mình.

- Buổi sáng lạnh ghê. Hẳn ông nghĩ California phải ấm lắm. Ai cũng thế. Nhưng ở đây thì không đâu. Cà phê chứ?

- Vâng.

- Với đường hay kem nhỉ?

- Không, cà phê đen thôi.

Tiến sĩ Jacobs ấn một cái nút nội bộ.

- Sandy, mang cho chúng tôi hai tách cà phê được không?

- Cửa tôi thì cô biết rồi đấy. Và một cốc đen.

Anh ta mỉm cười qua cái bàn với người khách của mình. Anh không ngại ngần gì mà nói ra rằng anh đã nói chuyện với Washington để khẳng định về tên của người khách Anh và rằng anh ta thực sự là một thành viên của Hội đồng Medusa. Một số người ở bên phía Mỹ trong hội đồng, mà anh có biết, đã kiểm tra một danh sách và khẳng định là đúng. Jacobs rất có ấn tượng. Người khách có thể trông rất trẻ, nhưng anh ta hẳn là phải có thể lực ở Anh lắm. Phó giám đốc biết tất cả về Medusa bởi vì anh ta và các đồng nghiệp đã được tư vấn trong nhiều tuần về Iraq và anh đã trao tất cả những gì mình có, mọi chi tiết về câu chuyện nực cười và bỏ qua trong một phần của phương Tây rằng đã có trong Saddam Hussein vũ khí hạt nhân.

- Thế tôi có thể giúp gì nào? anh ta hỏi.

- Tôi biết sẽ dài lắm, Martin nói, mở cặp của mình ra. Nhưng tôi cho rằng ông đã nhìn thấy cái này rồi chứ?

Anh chìa ra một bản sao khoảng chục bức ảnh về nhà máy Tarmiya lên trên bàn, cái mà Paxman đã trái thượng lệnh mà đưa cho anh. Jacobs liếc nhìn và gật đầu.

- Tất nhiên, cũng có một đồng được gửi từ Washington đến đây 3 hay 4 ngày trước gì đó. Tôi có thể nói gì nào?

Chúng chẳng nói lên điều gì cả. Không thể nói hơn cho anh điều tôi đã nói cho Washington. Chưa từng bao giờ nhìn thấy gì giống thế cả.

Sandy đi vào một khay cà phê, một cô gái tóc vàng hoe California đầy vẻ tự tin.

- Xin chào, mời ông.

- À, xin chào. ông giám đốc có ở đây không nhỉ?

Jacobs nhăn trán. Thế có nghĩa anh chưa ở cấp cao cho phép. “Giám đốc đang đi trượt tuyết ở Colorado cơ. Nhưng ở đây tôi đang có một số bộ óc giỏi nhất chúng tôi có, và hãy tin tôi, họ rất giỏi đấy.”

- Ôi tất nhiên là thế rồi, Martin nói.

Sandy đặt hai tách cà phê lên bàn. Mất cô rơi xuống những bức ảnh.

- Ôi lại chúng nữa kia, cô nói.

- Phải, lại là chúng đấy, Jacobs nói, và mỉm cười độ lượng.

Tiến sĩ Martin ở đây nghĩ có thể có ai đó... cao tuổi hơn có thể xem xét chúng.

- Thế thì, cô nói, hãy mang chúng sang cho bố Lomax vậy.

Nói đoạn cô ra khỏi phòng.

- Bố Lomax là ai thế Martin hỏi.

- Ôi đừng để ý đi mà. Chỉ là cách gọi thân mật ở đây thôi.

Đã nghỉ hưu rồi, sống một mình trên núi kia. Lừng danh một thửa. Các cô gái thì thích ông, ông mang cho họ cả một núi hoa. ông già kỳ lắm.

Họ uống cà phê, nhưng không còn gì để nói nữa. Jacobs có việc phải làm. Anh xin lỗi lần nữa vì đã không thể giúp được gì nhiều. Rồi anh dẫn người khách đi ra, quay trở vào xưởng, và đóng cửa lại. Martin đợi ở hành lang một lúc, rồi thò đầu vào qua cửa

- Thế tôi có thể tìm thấy bố Lomax ở đâu? Anh hỏi Sandy.

- Tôi không biết. Sống đâu đó trên các ngọn đồi. Không ai lên đến đấy cả.

- Ông ấy có điện thoại không?

- Không, không có đường dây nào lên trên đó cả. Nhưng tôi nghĩ có thể ông ấy có một máy di động. Công ty bảo hiểm đặt dấu nhấn rồi. Tôi muốn nói ông ấy già kinh khủng.

Cách đó 10 múi giờ, là buổi tối ở Baghdad. Mike Martin đang đạp xe, đạp về phía tây bắc về phố Cảng Said. Anh vừa mới đi qua Cầu lạc bộ Anh cũ kỹ ở đó thường được gọi là Southgate, và bởi vì anh nhớ lại từ hồi còn trẻ con, anh đã vào trong đó chơi.

Sự thiếu chú ý của anh suýt gây tai nạn. Anh đến được rìa Quảng trường Nafura và không hề nghĩ gì cả vẫn đạp dần về phía trước. Tại đó một chiếc limousin to tướng đang đi ra từ bên trái anh, nó đi không đúng đường quy định, nhưng có cả hai đoàn hộ tống xe máy. Một trong số họ quặt rất gấp để tránh chiếc fellagha dờ hơi với một cái giỏ đựng rau quả gắn vào phía sau, bánh trước của chiếc mô tô đè lên chiếc xe đạp nhỏ hơn và đẩy nó bật xuống đường.

Martin ngã nhào cùng chiếc xe đạp của mình, nằm trên đường, rau dưa tung toé cả. Chiếc limousin phanh lại, dừng, và ngoặt đi trước khi phóng đi. Quỳ trên đầu gối, Martin nhìn lên khi chiếc xe đi ngang. Khuôn mặt người ở ghế sau nhìn chằm chằm ra khỏi cửa sổ vào kẻ dám làm chậm rãi mình một khoảnh khắc.

Đó là một khuôn mặt lạnh lẽo trong bộ quân phục của trung tướng, gày gò và đầy nét Arập, những đường nhăn dọc theo các chiều mũi để tạo nên cái miệng nghiệt ngã. Trong nửa giây, điều Martin chú ý nhất là đôi mắt. Không phải mắt lạnh lùng cũng không phải giận giữ, không phải đỏ long lên hay thậm chí cũng không ác độc. Đôi mắt trắng dã, trắng khùng khiếp và trắng hoàn toàn, đôi mắt của sự chết. Rồi khuôn mặt sau cửa sổ đi qua.

Anh không cần những tiếng thì thầm của hai người lao động đang nhắc anh đứng lên và giúp anh nhặt rau quả của mình. Anh đã nhìn thấy khuôn mặt đó trước rồi, nhưng mờ tối, rõ ràng được chụp ở một căn cứ, trong một bức ảnh trên cái bàn tại Riyadh nhiều tuần trước. Anh đã vừa nhìn thấy khuôn mặt đáng sợ nhất của Iraq sau Rais, có thể kể cả Rais luôn. Đó là người có tên Al Mu'azib, tức Đồ tể, kẻ tra khảo, chỉ huy AMAM, Omar Khatib.

Terry Martin cố gọi số máy anh có được trong giờ ăn trưa. Không có trả lời, chỉ có giọng nói mềm oặt trong máy ghi nói với anh: “Số điện thoại quý khách vừa gọi không liên lạc được hoặc ở ngoài vùng phủ sóng. Xin gọi lại sau”.

Paul Maslowski đã chở Martin đi ăn trưa với các đồng nghiệp của ông ở trường đại học. Cuộc tranh luận rất sôi nổi và đầy chất học thuật. Trong bữa ăn Martin cảm ơn những người chủ nhà lần nữa đã mời anh và nhắc lại anh đánh giá cao sự nhiệt tình của họ đã tài trợ tài chính cho chuyến đi này. Anh lại cố thử gọi lần nữa sau bữa trưa khi đang trên đường về Barrows Hall, hướng về giám đốc Kathlene Keller của Khoa Cận Đông, nhưng lại một lần nữa không có trả lời.

Bài giảng rất tốt. Có 27 sinh viên cao học, tất cả đều đang làm tiến sĩ, và Martin rất ấn tượng về trình độ và độ sâu sắc hiểu biết của họ về các tác phẩm anh đã viết về chủ đề Caliphate đã lãnh đạo Lương Hà trung tâm trong đó người châu Âu gọi là thời Trung Cổ. Khi một trong số các sinh viên đứng dậy cảm ơn anh đã đến để nói với họ và tất cả những người còn lại vỗ tay, Martin đỏ mặt và lắp bắp lời cảm ơn của mình đến họ. Tiếp sau đó, anh đi đến một điểm gọi điện thoại phải trả tiền trên tường trong hành lang. Lần này có một câu trả lời, và một giọng cộc cằn

- Vâng.

- Xin thứ lỗi, có phải tiến sĩ Lomax không?

- Chỉ có một người thôi mà, anh bạn. Tôi đây.

- Tôi biết điều này có vẻ ngu ngốc, nhưng tôi từ Anh đến, tôi muốn gặp ông. Tên tôi là Terry Martin.

- Nước Anh à? Xa xôi nhỉ. Thế anh muốn gì ở một thằng già như tôi nào, ông Martin?

- Muốn cầu tới một trí nhớ bền bỉ. Cho ông xem thứ này. Mọi người ở Livermore nói ông làm ở đó lâu hơn tất cả họ, đã từng nhìn thấy mọi thứ. Tôi muốn cho ông xem thứ này. Rất khó để giải thích trong điện thoại. Tôi có thể lên gặp ông không?

- Không phải phiếu thu thuế đấy chứ?

- Không.

- Thế thì là một tập playboy chẳng?

- Chắc chắn là không rồi.
- Thế thì anh làm tôi tò mò rồi đấy. Anh biết đường chưa?
- Chưa. Tôi có giấy bút đây. Chỉ cho tôi nào.

Bố Lomax nói cho anh cách lên được nơi ông đang sống. Mất khá thời gian. Martin viết tắt cả ra.

- Sáng mai nhé, nhà vật lý về hưu nói. Giờ thì quá muộn xe ô tô đầy lạch đường trong bóng tối mất. Và anh sẽ cần phải có bản đồ

Một trong số hai chiếc E-8A J-STAR ở vùng Vịnh đã bắt được tín hiệu sáng đó, 27 tháng Giêng. Những chiếc J-STAR vẫn còn là những chiếc bay có kinh nghiệm và đang bay với các kỹ thuật viên dân sự ở trên khi chúng bị lao xuống trong sớm tháng Giêng từ căn cứ của mình ở nhà máy Grumman Melbourne ở Florida nửa đường thế giới sang Ả Rập. Sáng đó, một trong hai chiếc đang bay trên căn cứ không quân Riyadh cao trên biên giới Iraq, vẫn còn ở trong lãnh thổ Saudi, nhìn bằng chiếc radar Norden xuống và sang bên hơn một trăm dặm vào trong sa mạc phía tây của Iraq.

Không rõ lắm, nhưng nó chỉ ra được kim loại, đang di chuyển chậm chạp, rất xa trong nước Iraq, một đoàn xe không dài hơn hai, có thể là ba xe tải. Vẫn thế, chính là cái mà chiếc J-STAR có ở đó, cho nên người chỉ huy nhiệm vụ nói với một trong những chiếc AWAC đang bay vòng vòng ở đầu phía bắc biển Đỏ, cho các AWAC vị trí chính xác của đoàn xe nhỏ của Iraq.

Bên trong AWAC người chỉ huy nhiệm vụ ngồi đúng chỗ và nhìn nhanh tìm một nhân tố bay nào đó có thể đang tiện để cho đoàn xe một đòn choáng váng. Tất cả các đơn vị sa mạc phía tây đều đang hướng đến việc tìm các tên lửa Scud vào lúc đó, ngoài sự chú ý được đưa ra cho hai căn cứ không quân khổng lồ của Iraq gọi là H2 và H3 đang được định vị trong những sa mạc đó. Chiếc J-STAR nhẽ ra đã gọi một máy phóng Scud di động, ngay cả dù điều đó có thể là bất thường giữa thanh thiên bạch nhật như thế này.

AWACS cuối cùng cũng tìm ra một toán hai chiếc Eagle chiến đấu F-15E đang từ đường Scud Bắc đến phía nam này.

Don Walker đang lái về phía nam ở độ cao 20 nghìn feet sau một công vụ đến vùng ngoại ô Al Quam, nơi anh và người bay cùng, Randy Roberts, đã vừa tiêu diệt xong một căn cứ tên lửa hỗn hợp bảo vệ cho một trong số những nhà máy sản xuất khí đã được đánh dấu làm mục tiêu cho lần huỷ diệt sau đó.

Walker cầm máy nói và kiểm tra nhiên liệu. Đã xuống thấp rồi. Tệ hơn nữa, với những quả bom có laser hướng lối đã thả. những phần dưới máy bay anh chỉ còn lại hai Sidewinder và hai Sparrow.

Nhưng đó là các tên lửa không đối không trong trường hợp rơi đúng vào các máy bay tiêm kích Iraq. Ở nơi nào đó phía nam biên giới chiếc máy bay tiếp nhiên liệu của anh đang kiên nhẫn chờ đợi, và anh có thể cần từng giọt một để có thể về được tới Al Kharz. Nhưng đoàn xe chỉ là 50 dặm cách đó. Ngay cả nếu anh không có gì, thì cũng chẳng hại gì nếu đến đây xem sao.

Người cùng bay với anh đã nghe được tất cả, và hai chiếc Eagle lặn vào trong một cái đường hầm bên phải mình. Từ độ cao 8000 feet, anh có thể nhìn thấy nguồn của tiếng động hiện ra trên màn hình chiếc J-STAR. Đó không phải là một máy phóng Scud, mà là hai xe tải và hai BRDM-2, những xe có gắn vũ khí nhẹ do Liên Xô làm đang lăn bánh, nhưng không phải xe tải.

Từ chỗ của mình, anh có thể nhìn thấy nhiều hơn rất nhiều là chiếc J-STAR. Ở dưới trong một wadi sâu ở dưới anh là một chiếc Land Rover chống chọi. Từ độ cao 5000 feet, anh có thể nhìn thấy 4 người SAS của Anh đang đứng quanh chiếc xe, những con kiến nhỏ bé trong bộ quần áo màu nâu của sa mạc.

Điều họ không trông thấy là bốn chiếc xe của Iraq đang tạo thành một gọng kìm xung quanh, cũng không thể thấy những tên lính Iraq đang tràn xuống từ các thùng xe của hai xe tải để bao vây lấy cái hố.

Don Walker đã gặp người của SAS Ở Oman. Anh biết họ hoạt động trong các sa mạc phía tây chống các máy phóng Scud; và nhiều người trong đội bay của anh đã từng có liên lạc radio với những cái giọng Anh nghe rất kỳ đó từ mặt đất khi các SAS đang hướng đến một mục tiêu họ không thể đến được.

Cách 3000 feet, anh có thể thấy bốn người Anh đang nhìn lên về tò mò. Thế là khi còn cách nửa dặm, là lính Iraq. Walker nhấn nút truyền tin của mình.

- Phía dưới, bắn lữ xe tải đi.

- Được rồi.

Dù anh chẳng còn bom hay hoả tiễn, đang còn ở bên cánh phải, ngay bên ngoài không khí, là một chiếc M-61 nòng Vulcan 20 ly, 6 barrel xoay có khả năng phóng ra tổng cộng 450 viên đạn cùng với tốc độ rất ấn tượng. Viên đạn cỡ nòng 20 ly là cỡ của một quả chuối nhỏ và sẽ nổ khi có tác động. Đối với những người đang ở trong xe tải hay chạy bên ngoài, chúng có thể phá hỏng bất kỳ cái gì.

Walker nhấn vào các nút Aim và Arm, và màn hình Head Up của anh - HUD - cho anh thấy hai chiếc xe hơi đang chạy thẳng qua màn hình của anh, rồi một cái chạy vụt qua, mà vị trí đã rơi đúng vào tầm.

Chiếc BRMD đầu tiên dính một trăm viên đạn thần công và thổi tung đi. Hơi phồng mũi, anh lại hướng nòng về Plexiglas của HUD vào cửa của chiếc xe thứ hai. Anh nhìn kim chỉ nhiên liệu đang xuống. Rồi anh đứng lên và bắn, trườn ra và lặn cho đến khi sa mạc màu nâu hiện ra dưới anh. Giữ cho nó chạy tiếp, Walker lại cho chiếc Eagle nhào xuống lần nữa. Chân trời màu xanh và nâu lại trở lại vị trí quen thuộc, cùng với sa mạc màu nâu ở đáy và trời xanh ở trên cùng.

Cả hai BRDM đều bùng cháy, một xe tăng đã lật ra, chiếc còn lại khựng lại. Những khuôn mặt nhỏ xíu kinh hoàng chạy ra ẩn nấp vào các tầng đá.

Bên trong wadi bốn người của SAS đã bắt được thông báo. Họ chạy ra ngoài, nhào xuống dòng suối cạn và chạy khỏi điểm bị phục kích. Họ không biết rõ điều xảy ra, nhưng họ biết người đã vừa cứu sống họ.

Những chiếc Eagle bay đi, đảo cánh, và trườn về phía biên giới nơi có chiếc tiếp nhiên liệu đang chờ.

NCO chỉ huy SAS là một trung sĩ tên là Peter Stephenson. Anh ta giơ tay lên chỉ vào những chiếc máy bay chiến đấu vừa bay đi và nói.

- Không biết anh bạn là ai, nhưng tôi nợ anh đấy.

Và điều đó đã xảy ra, bà Maslowski có một chiếc Jeep của Suzuki chạy được, và dù bà chưa từng bao giờ lái xe bốn bánh, bà nhấn mạnh với Terry Martin là hãy mượn nó. Chuyến bay của anh đến London phải đến năm giờ chiều, và anh đã hoãn vì không biết phải mất bao nhiêu thời giờ. Anh nói với bà anh đang định quay lại khoảng hai giờ là muộn nhất.

Tiến sĩ Maslowski phải quay về văn phòng của mình nhưng ông đã kịp tặng cho Martin một bản đồ để anh không thể bị lạc được.

Con đường đi đến thung lũng sông Mocho khiến anh phải ngược đường về Livermore, nơi anh tìm thấy con đường Mines chạy qua Tesla. Từng dặm một, những ngôi nhà cuối cùng của ngoại ô Livermore đã xa, và đường bắt đầu cao lên. Anh may mắn về mặt thời tiết. Mùa đông ở vùng đó chưa bao giờ lạnh, nhưng do gần biển nên có nhiều mây dày và những chỗ ngoặt gặp với sương mù. Ngày 27 tháng Giêng đó bầu trời xanh và trong sáng, không khí yên lành và lạnh.

Xuyên qua vùng gió anh có thể nhìn thấy chỏm băng của núi Cedar ở xa đó. Sau khi rẽ mười dặm, anh rời đường Mines và rẽ vào một đường bẻ, cho đến bên một cái đồi dốc. Ở dưới trong thung lũng mãi tít dưới, sông Mocho ánh lên trong mặt trời và rơi xuống giữa những tảng đá của mình. Bãi ở ở cả hai bên bờ hoà lẫn nhiều thứ ở phía trên, một đôi cái đang chống lại màu xanh, và con đường chạy dọc theo lề của dãy núi Cedar vào trong vùng hoang dã.

Anh đi qua một ngôi nhà trang trại màu xanh đơn độc, nhưng Lomax đã bảo anh đi đến cuối đường. Sau 3 dặm nữa anh tìm thấy túp lều, trơ trọi với một ống khói đá và một làn khói nhẹ đang toả lên trời xanh.

Anh dừng xe trong sân và đi ra. Từ một góc, một con bò Jersey đơn độc dò xét anh với đôi mắt ẩm ướt. Những âm thanh có tiết tấu đến từ đầu kia của túp lều, thế là anh bèn đi quanh để gặp được bố Lomax trong một góc tối nơi ở dưới thung lũng và dòng sông đã xa xôi.

Ông hẳn đã phải 75 tuổi, nhưng dù mối lo ngại của Sandy, ông trông thật phong độ với chòm râu rậm như một thứ trò tiêu khiển. Cao khoảng 6 fit hơn, trong bộ đồ jean nhàu nát và một chiếc áo phông, nhà khoa học già nua có vẻ chưa già lắm.

Mái tóc bạc sương phủ lên vai, và một chòm râu màu ngà voi phủ xuống. Những mảng lông còn trắng hơn hiện ra sau làn áo, và ông trông như không hề cảm thấy lạnh, trong khi Terry Martin thấy thật may vì ông mời anh một cốc rượu.

- Thấy khi nào? Nghe là anh sắp đến. Lomax nói, và chặt khúc củi cuối cùng chỉ với một nhát chặt. Rồi ông đặt rìu xuống và đi đến người khách. Họ bắt tay nhau, Lomax chỉ một khúc gỗ gần đó và tự mình cùng ngồi lên một cái.

- Tiến sĩ Martin phải không nhỉ?

- Vâng.

- Từ Anh?

- Vâng.

Lomax với lên túi trên, lôi ra một nắm thuốc lá và một tờ giấy và bắt đầu cuộn một điếu thuốc lá.

- Không đúng đắn về mặt chính trị, anh nghĩ thế à?

Lomax hỏi.

- Không, tôi không nghĩ thế.

Lomax nhăn nhó với vẻ đồng ý bề ngoài.

- Một tiến sĩ chuẩn mực về chính trị. Luôn muốn ngăn tôi không hút thuốc.

Martin để ý ông ta dùng thì quá khứ.

- Tôi cho là anh đã bỏ ông ta?

- Không đâu, ông ấy chứ. Chết tuần trước. 56 tuổi. Stress.

Thế điều gì đưa ông lên đây vậy?

Martin chìa chiếc cặp tài liệu ra.

- Tôi phải xin thứ lỗi vì chẳng ra sao. Có thể chỉ lãng phí thời gian của ông và của tôi mà thôi. Tôi chỉ tự hỏi liệu ông có thể nhìn một cái không.

Lomax cảm bức ảnh rõ nhất và nhìn chăm chăm vào đó

- Anh đến từ Anh thật chứ?

- Vâng.

- Anh đi xa thật để đến đưa cho tôi cái này.

- Ông có nhận ra không?

- Phải thế thôi. Thì đã làm việc ở đó suốt 5 năm trong đời tôi mà.

Miệng Martin trở nên tròn xoe.

- Ông thực đã ở đó à?

- Sông ở đó 5 năm đấy.

- Ở Tarmiya?

- Cái nơi quái gì thế. Đây là Oak Ridge.

Martin nuốt khan nhiều lần.

- Tiến sĩ Lomax, bức ảnh này do Hải quân Mỹ chụp được cách đây sáu ngày khi bay qua một nhà máy bị đánh bom ở Iraq đấy

Lomax liếc nhìn, đôi mắt xanh sáng dưới đôi kính trắng, rồi lại nhìn bức ảnh.

- Mẹ nó chứ, cuối cùng ông nói. Tôi đã báo trước lũ con hoang rồi mà. Ba năm trước. Đã viết một bài cảnh báo đó là một kiểu công nghệ của Thế giới Thứ ba thích sử dụng.

- Thế là thế nào?

- À, tôi đoán là họ đã nguy trang.

- Ai cơ?

- Anh cũng biết rồi đấy, những cái đầu đất.

- Những cái đĩa này - Frisbee trong nhà máy - ông có biết chúng ở đâu không?

- Dĩ nhiên, Calutron. Đó là một phiên bản của Oak Ridge cũ kỹ.

- Calu... - cái gì cơ?

Lomax lại trợn mắt nhìn.

- Anh không phải tiến sĩ khoa học à? Không phải nhà vật lý à?

- Không. Chuyên ngành của tôi là Arập.

Lomax lại nhăn mặt, như thể không phải nhà vật lý thì quả là một gánh nặng cho một con người để sống hết một cuộc đời

- Calutron. Cyclotron của California. Calutron, nói ngắn gọn.

- Thế chúng dùng làm gì?

- EMIS. Phản ứng phân hạch. Trong ngôn ngữ của anh, chúng tinh hoá uranium-238 để lọc những quả bom uranium- 235. Anh nói nó ở Iraq à?

- Phải. Nó đã bị vô tình đánh bom trúng một tuần trước.

Bức ảnh này được chụp ngày sau đó. Không ai tỏ ra hiểu nó có ý nghĩa gì hết.

Lomax chăm chăm nhìn qua thung lũng, ngậm đầu bút chì, và thả một làn khói ra xa.

- Mẹ nó chứ, ông lại nói. Thưa ngài, tôi sống ở trên này vì tôi muốn thế. Xa mọi thứ khói và đi lại - đã đủ năm rồi đấy. Không TV, nhưng tôi có nghe đài. Có phải về một người tên là Saddam Hussein không?

- Đúng đấy. Có thể nói về calutron cho tôi không?

Ông già nhả khói cái tẩu và lại nhìn chăm chăm, không chỉ qua thung lũng mà còn qua nhiều năm tháng.

- Năm 1943. Lâu rồi phải không? Gần 50 năm rồi. Trước khi anh sinh ra, trước phần lớn những người hôm nay. Một nhóm người chúng tôi thử sức để làm điều không thể. Chúng tôi còn trẻ, hăng hái, và tài ba, và không hề biết đó là không thể. Thế là chúng tôi đã bắt đầu làm. Có Fermi từ Italia, và Pontecorvo; Fuchs từ Đức, Nils Bom từ Đan Mạch, Nunn May từ Anh, và nhiều người khác. Và chúng tôi những người Mỹ: Urey và Oppie và Ernest. Tôi còn rất trẻ. Vừa mới 27 thôi. Phần lớn thời gian, chúng tôi cảm thấy theo cách của chúng tôi, làm những việc chưa từng bao giờ được thử, thử nghiệm những cái mà họ nói là không thể làm được. Chúng tôi có ngân sách mà hôm nay chẳng đủ để mua gì hết, và thế là chúng tôi làm ngày làm đêm và thử những lối tắt. Buộc phải - hạn cuối cùng đã rất gần cũng như tiền bạc. Và bằng cách nào đó chúng tôi đã làm được điều đó, trong ba năm. Chúng tôi đã mở được những mật mã và làm được bom. Little Boy và Fat Man. Rồi Không lực ném bom họ ở Hiroshima và Nagasaki, và thế giới nói chúng tôi lẽ ra không nên làm điều đó. Điều khó xử là, nếu chúng tôi không làm, ai đó cũng sẽ làm. Nước Đức của quân Nazi, hoặc nước Nga của Stalin...

- Thế còn calutron... Martin thử gợi ý.

- Phải. Anh đã nghe nói về Dự án Manhattan chứ?

- Dĩ nhiên rồi.

- Tốt, chúng tôi có những thiên tài ở Manhattan, đặc biệt là hai người. Robert J. Oppenheimer và Ernest O. Lawrence. Đã nghe về họ chưa?

- Rồi.

- Có nghĩ họ là đồng nghiệp đối tác không?

- Tôi cho là vậy.

- Thế thì sai rồi. Họ là đối thủ của nhau. Xem nào, tất cả chúng tôi đều biết chìa khoá là uranium, nguyên tố hiếm nhất trên thế giới. Và chúng tôi biết vào năm 1941 rằng chỉ uranium nhẹ, tức 235, có thể tạo ra phản ứng dây chuyền mà chúng tôi cần. Thủ thuật là phải tách được 7% của 235 giấu ở cách nào đó trong quặng uranium 238. Khi nước Mỹ bước vào cuộc chiến, chúng tôi đã có sự sững sốt lớn. Sau nhiều năm lơ là, người ta cần những cái đó. Lại vẫn chuyện như thế. Chúng tôi phải tìm cách tách những thứ đó ra. Oppenheimer đi đến chỗ triển khai khí - giảm uranium thành một chất lỏng rồi thành khí, flor uranium, độc và có tính ăn mòn, rất khó để làm việc. Trung tâm đến sau đó, do một người Mỹ bị người Nga bắt phát minh và được đưa vào việc ở Sukhumi. Trước lò trung tâm, trưng bày khí rất lâu và khó. Lawrence thì lại đi con đường khác - tách theo cách điện từ bằng cách gia tốc phân tử. Biết có nghĩa là gì không?

- Tôi sợ là không.

- Cơ bản mà nói, anh phải tăng tốc nguyên tử đến một mức kinh khủng, rồi sử dụng những nam châm khổng lồ để hút chúng vào trong một cái khoanh. Hai xe ô tô sẽ bị hút ngay vào đó một xe nặng và một xe nhẹ. Thế cái nào sẽ kết thúc ở đầu bên kia nào?

- Cái nặng hơn, Martin nói.

- Đúng rồi. Đó là nguyên lý. Các calutron phụ thuộc vào các nam châm khổng lồ cao khoảng 20 feet. Những cái đó - ông gõ tay xuống các Frisbee trên bức ảnh - là nam châm đẩy. Cách bài trí là một sự lặp lại cái thứ của tôi ở Oak Ridge, Tennessee.

- Nếu chúng hoạt động được, thì tại sao họ là ngắt đứt chúng? Martin hỏi.

- Tốc độ, Lomax nói. Oppenheimer đã thắng. Cách của ông nhanh hơn. Các calutron cực kỳ chậm và cực kỳ đắt. Sau năm 1945, và thậm chí còn hơn khi người Áo đó bị người Nga sa thải và đi đến để trình diện với chúng tôi phát minh lò trung tâm của mình, công nghệ calutron đã bị bỏ rơi. Đã bị xếp hạng kém. Anh có thể biết tất cả các chi tiết này, và các bản vẽ, từ Thư viện Quốc hội. Có khả năng đó là cách mà người Iraq đã làm.

Hai người ngồi yên lặng trong nhiều phút.

. Điều ông nói, Martin gợi ý, có nghĩa là Iraq đã quyết định sử dụng công nghệ của Ford Mẫu T, và bởi vì mọi người đều đặt giả thuyết họ sẽ tìm những người đã sử dụng công nghệ đó, nên họ đã không bị để ý.

- Anh nói đúng rồi đấy, con trai ạ. Mọi người đã quên - Ford Mẫu T có thể cổ, nhưng vẫn xài được. Nếu có nó, nó có thể chuyển được từ A sang B. Và hiếm khi hỏng.

- Tiến sĩ Lomax, các nhà khoa học của chính phủ tôi và ông đã tư vấn biết rằng Iraq đã có được một tầng máy ly tâm chạy khí làm việc được, và đã có trong năm vừa qua. Một cái khác là về việc đến được trọng tâm, nhưng có khả năng chưa vận hành được. Trên cơ sở này, họ tính toán rằng Iraq không thể có khả năng tạo ra đủ được uranium - nghĩa là, 35 kg - đủ để tạo một quả bom hạt nhân.

- Khá đúng đấy, Lomax gật đầu. Cần 5 năm với cái tầng đó, có khi còn hơn nữa. Tối thiểu là ba năm với hai cái.

- Nhưng giả sử họ đã sử dụng kèm vào đó các calutron. Nếu ông là giám đốc chương trình bom của Iraq, thì ông sẽ làm thế nào?

- Không phải cách đó, nhà vật lý già nói, và bắt đầu đốt một điều thuốc mới. Họ có nói với anh là, ở London ấy, rằng anh bắt đầu nhầm lẫn, cái được gọi là tinh khiết một trăm phần trăm, và anh phải lọc nó 93% để có được chất lượng đủ làm bom không nhỉ?

Martin nghĩ về tiến sĩ Hipwell, với cách hút tẩu của ông ta, trong một căn phòng dưới Whitehall đã nói đúng điều đó.

- Có, họ có nói.

- Nhưng họ đã không chịu phiền nói rằng quá trình làm tinh khiết từ 0 đến 20 mất phần lớn thời gian? Họ không nói rằng sau đó nó sẽ tinh khiết hơn, và quá trình sẽ diễn ra nhanh hơn à?

- Không.

- Nhưng mà như thế đấy. Nếu họ có cả calutron và các lò trung tâm, thì tôi không thể sử dụng cùng lúc được đâu. Tôi sẽ sử dụng chúng nối tiếp nhau. Tôi sẽ chạy uranium ở bước đầu với calutron để có được nó từ số không đến 20, có thể 25 phần trăm; rồi sử dụng nó như là nhiên liệu cho các tầng mới.

- Tại sao?

- Có thể giảm nhiều thời gian cho các tầng của anh bằng một loạt 10 cái.

Martin nghĩ ngợi về điều đó trong khi bố Lomax thở phì phì.

- Thế ông tính khi nào Iraq có thể có được 35 kg uranium tinh chất?

- Phụ thuộc khi nào họ bắt đầu với các calutron.

Martin suy nghĩ. Sau khi các máy bay Israel phá hủy lò phản ứng của Iraq ở Osirak, Baghdad đã vận hành hai chính sách một lúc: phân tán và nhân đôi, chia sẻ các phòng thí nghiệm trên toàn quốc để không thể cùng bị đánh bom một lúc được, và sử dụng một kỹ thuật nguy trang tất cả bằng cách mua sắm và học hỏi kinh nghiệm. Osirak đã bị ném bom vào năm 1981.

- Thế cho rằng họ mua các phần trên thị trường chúng trong năm 1982 và lắp ráp chúng vào năm 1983.

Lomax cầm lấy một cây gậy từ dưới đất gần chân ông và bắt đầu hua hua vào bụi đất.

- Những chàng trai đó có vấn đề gì với sự cung ứng không? Những nguyên liệu cơ bản ấy? ông hỏi.

- Không, đầy đủ hết cả.

- Cứ cho là như thế, Lomax nhăn nhó. Mua thứ đồ đó ở siêu thị ngày nay.

Sau một lúc ông đập cây gậy lên bức ảnh.

- Tấm ảnh này chụp được khoảng 20 calutron. Đó là tất cả họ có à?

- Có thể còn có hơn nữa. Chúng tôi không biết được. Thì cứ giả sử đó là tất cả đang hoạt động.

- Từ năm 1983 phải không?

- Giả dụ là thế.

Lomax vẫn vẽ vẽ vào không khí.

- Ngài Hussein có thiếu điện bao giờ không?

Martin nghĩ về trạm điện 150 MW trên cát từ Tarmiya, và lời gợi ý từ Hồ Đen rằng dây cáp được chạy ngầm dưới đất đến Tarmiya.

- Không, không thiếu điện.

- chúng ta đã từng thiếu, Lomax nói. Các calutron cần một lượng khổng lồ năng lượng điện để hoạt động. Ở Oak Ridge chúng tôi đã xây dựng trạm nhiệt điện chạy than lớn nhất thời đó. Thậm chí chúng tôi còn phải khâu vào lưới điện dân dụng. Mỗi lần chúng tôi cho chúng chạy, thì tạo ra sự khủng hoảng khắp Tennessee - những thứ kinh khủng - chúng tôi đã dùng rất nhiều.

Ông đi dò dẫm với cây gậy, tính toán, rồi xoá đi và lại tính trong cùng chỗ đó.

- Họ có thiếu dây đồng không?

- Không, họ cũng có thể mua nó trên thị trường tự do.

- Các nam châm khổng lồ đó phải được quấn bằng hàng nghìn dặm sợi dây đồng, Lomax nói. Quay trở lại cuộc chiến nhé, chúng tôi đã không hề có. Cần cho công nghiệp quốc phòng, từng ounce một. Có biết Lawrence đã làm thế nào không?

- Không.

- Đã vay tất cả các thanh đồng ở Fort Knox và đun lên để tạo ra sợi. Làm chỉ vừa đủ thôi. Chiến tranh kết thúc, chúng tôi phải mang tất cả về Fort Knox. Ông chun mũi. Ông quả là có tính cách mạnh.

Cuối cùng ông kết thúc và đứng thẳng lên.

- Nếu họ tập hợp được 20 calutron vào năm 1983 và chạy chúng cho đến năm 89... rồi có uranium được làm tinh 30% và cung cấp cho các lò trung tâm trong một năm, họ sẽ có đủ 35 kg của mình chìa khóa cho quả bom 93% của mình... tháng Mười một.

- Tháng Mười một tới, Martin nói.

Lomax nhồm dậy, đi lại, rồi ngồi xuống, và chỉ cho người khách chân mình.

- Không, con trai ạ, tháng Mười một vừa rồi.

Martin lái xe xuống khỏi núi và liếc nhìn đồng hồ. Giữa trưa. Tám giờ chiều ở London. Paxman có thể đã rời nhiệm sở và về nhà. Martin không có số điện thoại ở nhà của anh ta. Anh có thể chờ mười hai tiếng đồng hồ ở San Francisco để gọi điện thoại, hoặc có thể bay về. Anh quyết định bay. Martin xuống sân bay Heathrow vào 11 giờ trưa ngày 28 tháng Giêng và đã gặp được Paxman vào lúc 12 giờ 30. Khoảng 2 giờ chiều,

Steve Laing nói khẩn cấp với Harry Sinclair ở Đại sứ quán trong Quảng trường Grosvenor và một giờ sau đó trưởng trạm CIA ở London đã nói chuyện ở đường dây trực tiếp và cực kỳ an toàn đến phó giám đốc Bill Stewart.

Không phải chờ đến sáng ngày 30 tháng Giêng Bill Stewart mới có khả năng có được một báo cáo đầy đủ lên DCI, William Webster.

- Tôi kiểm tra, ông nói với vị cựu thẩm phán của Kansas. Tôi đã có người đến tận túp lều ở gần núi Cedar, và ông già, Lomax, đã xác nhận tất cả. Chúng tôi đã kiểm tra hồ sơ của ông ta - tất cả đều được lưu. Các hồ sơ từ Oak Ridge khẳng định những cái đĩa đó là calutron.

- Thế quái nào mà điều đó lại có thể xảy ra được? DCI hỏi. Thế nào mà chúng ta lại không hề để ý gì hết thế?

- Chà, ý tưởng có thể đến từ Jaafar Al-Jaafar, ông chủ Iraq của chương trình đó. Ngoài việc đến từ Harwell ở Anh, ông ta cũng đã từng được đào tạo ở CERN, bên ngoài Geneve. Đó là một máy gia tốc phân tử khổng lồ.

- Thế thì sao?

- Các calutron là các máy gia tốc phân tử. Bằng cách nào đi nữa, toàn bộ công nghệ calutron đã bị xếp xó từ năm 1949 rồi. Có thể yêu cầu nó từ đó.

- Thế còn các calutron - chúng đã được mua thế nào?

- Từng mẫu một, chủ yếu là từ Áo và Pháp. Các cuộc mua bán không làm ai chú ý vì bản chất lỗi thời của công nghệ này. Nhà máy được người Nam Tư xây dựng theo hợp đồng. Họ nói họ muốn có bản vẽ để xây dựng, thế là người Iraq chỉ đơn giản là đưa ra các bản vẽ của Oak Ridge - cho nên tại sao Tarmiya chính là một bản sao.

- Những cái đó diễn ra khi nào vậy? DCI hỏi.

- Năm 1980.

- Thế tại sao tay điệp viên đó, tên là gì nhỉ...

- Jericho, Stewart nói.

- Điều hẳn ta nói lại không phải là nói dối à?

- Jericho từng có một lần báo cáo hẳn ta nghe được Saddam Hussein nói vào lúc một cuộc họp kết thúc. Tôi e là chúng ta có thể không thể tiếp tục kết luận rằng thời gian đó anh ta đã nói sự thật.

- Và chúng ta đã đá Jericho rồi phải không?

- Hẳn ta đòi một triệu đôla cho thông tin của mình. Chúng ta chưa từng bao giờ trả đến mức đó, và vào lúc đó...

- Chúa tôi, Bill, giá rẻ quá mà!

DCI đứng lên và đi ra khung cửa sổ bức tranh. Các màn hình đã được hạ xuống, không phải còn như họ vào tháng Tám và trong thung lũng sông Potomac đi ra biển.

- Bill, tôi muốn anh gặp Chip Barber ở Riyadh. Xem liệu có cách nào nối lại quan hệ với cái tên Jericho đó không.

- Khó đấy, thưa ngài. Một điệp viên người Anh ở tại Baghdad. Anh ta hoá trang thành người Ả-rập. Nhưng chúng tôi đã gợi ý bên Nhà thế kỷ gợi anh ta về.

- Cầu Chúa họ chưa làm điều đó, Bill. Chúng ta lại cần Jericho rồi. Đừng bao giờ để ý đến tiền nong tôi sẽ lo. Ngay khi con cá chìm này tìm lại được, chúng ta sẽ phải tìm thấy và ném bom trước khi quá muộn.

- Vâng, thưa ngài. à, ai sẽ đi gặp để nói cho các vị tướng?

Giám đốc gật đầu, Tôi sẽ gặp Colin Powell và Brent Scowcroft trong hai giờ nữa.

Ngài làm thì tốt hơn tôi nhiều đó, Stewart nghĩ khi đi ra.

18. Chương 18

Hai người từ Nhà Thế kỷ đến Riyadh trước Chip Barber từ Washington. Steve Laing và Simon Paxman hạ cánh trước bình minh, bay đêm từ Heathrow.

Julian Gray, trạm trưởng Riyadh, gặp họ trong chiếc xe quen thuộc và đưa họ về ngôi biệt thự nơi ông vờ như đang ở, với vài cuộc viếng thăm tình cờ về nhà để gặp vợ mình, trong vòng năm tháng nay. Ông bối rối vì sự xuất hiện trở lại đột ngột của Paxman từ London; ông chưa biết đến thượng cấp cao hơn Steve Laing, để khôi phục một chiến dịch đã được đóng lại.

Trong biệt thự, sau những cánh cửa đóng kín, Laing nói với Gray chính xác tại sao Jericho cần được tìm lại và đưa vào vai diễn ngay không chậm trễ.

- Chúa ơi. Thế cái thằng con hoang đó lại đúng à?

- Chúng tôi e rằng đúng, Laing nói. Khi nào Martin sẽ nghe?

- Giữa 11 giờ 15 và 11 giờ 45 đêm nay, Gray nói. Để an toàn, chúng tôi đã không gửi gì cho anh ta từ năm ngày nay. Chúng tôi cho rằng anh ta sẽ về biên giới vào bất cứ lúc nào.

- Hãy hy vọng rằng anh ta vẫn còn ở lại đó. Nếu không, chúng ta thực sự rơi vào vực thẳm đó. Chúng ta sẽ lại phải gài lại anh ta, và điều đó có thể không thể thực hiện được. Các sa mạc của Iraq đã đầy lính tuần tra rồi.

- Bao nhiêu người biết được điều đó? Gray hỏi.

- Càng ít càng tốt, và vẫn thế mà, Laing trả lời.

Một nhóm rất nhỏ những người cần-phải-biết đã được thiết lập giữa London và Washington, nhưng với giới chuyên nghiệp như thế vẫn còn là quá nhiều. Ở Washington có tổng thống và bốn thành viên trong chính

phủ của ông ta, cộng thêm chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia và Chủ tịch Đội hoạt động chung. Cộng thêm vào đó là bốn người ở Langiey, trong số đó, Chip Barber, đang chỉ huy ở Riyadh. Tại California, vị tiến sĩ không may Lomax có một người khách không mời đến túp lều của mình để đảm bảo ông không liên lạc với bất kỳ ai ở bên ngoài.

Ở London, tin đã đến với vị thủ tướng mới, John Major, thư ký Chính phủ, và hai thành viên của Chính phủ; Ở Nhà thế kỷ, ba người biết. Tại Riyadh hiện tại chỉ có ba người trong căn hộ của SIS, và Barber đang trên đường đến. Trong giới quân sự, thông tin chỉ được truyền cho bốn vị tướng, ba người Mỹ và một người Anh.

Tiến sĩ Terry Martin đã có hộ chiếu ngoại giao và hiện đang sống rất tiện nghi trong một ngôi nhà an toàn của SIS ở thôn quê, được trông coi bởi một người trông nhà hiền lành và ba người không được hiền lành cho lắm.

Kể từ đó, tất cả các chiến dịch chống Iraq có quan hệ đến việc truy tìm, và tiêu diệt, thiết bị của Liên quân được đặt biệt danh Qubth-ut-Allah, hay Cú đấm của Thượng đê, có thể được tiến hành dưới vỏ bọc của những biện pháp tích cực được chỉ định để kết liễu chính Saddam Hussein, hay vì một nguyên do có thể nào khác.

Hai chủ định khác trên thực tế đã được tiến hành. Hai địa điểm đã được phát hiện ở chỗ mà tổng thống Iraq có thể ở, ít nhất là đôi khi. Không ai có thể nói chính xác khi nào, đối với Rais chuyển đến một biệt thự từ chỗ trốn của mình đến một địa điểm trốn khi ông ta không ở boong ke ở Baghdad.

Sự kiểm soát chung đã nhìn thấy hai địa điểm. Một là biệt thự ở thôn quê cách Baghdad 40 dặm, cái khác là một ngôi nhà di động lớn được chuyển hoá thành một chiếc xe chiến tranh và trung tâm lên kế hoạch.

Trong một cơ hội những người nhìn từ không trung đã nhìn thấy các khẩu đội tên lửa di động và xe nhẹ di chuyển đến địa điểm quanh biệt thự. Một máy bay của đội Eagle đã bay đến và thả bay ngôi biệt thự. Đó là một báo động nhầm - và con chim bay mất.

Vào cơ hội thứ hai, hai ngày trước khi tháng Giêng kết thúc, chiếc xe lớn được nhìn thấy đang di chuyển đến một vị trí mới. Lại một lần nữa tấn công; và lại thêm lần nữa mục tiêu không có ở đó.

Ở cả hai cơ hội các phi công đều phải chịu những hiểm nguy cực lớn khi tấn công, bởi các tay súng Iraq đã bắn theo rất rát. Sự thất bại trong việc kết liễu độc tài Iraq ở cả hai cơ hội đã khiến Liên quân mất ăn mất ngủ. Chỉ đơn giản là họ không biết được các di chuyển chính xác của Saddam Hussein. Vấn đề là, không ai biết được chúng, ngoài một nhóm nhỏ các vệ sĩ cá nhân được đến từ Amn-al-khass, được chính con trai của ông ta, Kusay chỉ huy.

Trên thực tế, ông ta luôn di chuyển. Mặc dù giả thuyết rằng Saddam đang ở trong boong ke của mình ở sâu dưới lòng đất trong hầu hết thời gian cuộc không chiến, thì quả thực ông ở chỗ đó chỉ một nửa thời gian mà thôi. Nhưng sự an toàn của ông ta được đảm bảo bởi hàng loạt những dấu vết giả. Nhiều lần ông ta đã bị “nhìn thấy” bởi những đội quân thân yêu của ông ta, một sự mỉa mai. Người mà các đội quân Iraq nhìn thấy trong tất cả những lần đó chỉ là một người rất giống Saddam đóng giả nhưng chỉ những người thân cận nhất với ông ta mới biết được điều đó

Những lần khác, các đoàn xe limousin, khoảng một tá, đi quanh khắp Baghdad với cửa sổ đen ngòm, khiến cho dân cư nghĩ rằng Rais của họ đang ở trong xe. Không phải vậy; đó chẳng qua là cách trang trí. Khi ông ta di chuyển, đôi khi ông ta chỉ đi trên một chiếc xe hơi không thể nhận diện.

Ngay cả giữa những người thân cận nhất của ông ta, các biện pháp an toàn cũng được sử dụng. Các thành viên Chính phủ được thông báo đi họp với ông ta có thể chỉ được báo trước có năm phút để rời khỏi nhà, lên xe, và theo một người đi xe mô tô đằng trước. Ngay cả khi đó, đích đến cũng không phải là địa điểm họp.

Họ có thể được dẫn đến một xe buýt đỗ với cửa sổ đóng kín, thấy ở đó các bộ trưởng khác đang ngồi trong bóng tối. Có một tấm chắn giữa các bộ trưởng và người tài xế. Ngay cả người lái xe cũng phải theo một người của Amn-al-khass lái mô tô dẫn đến chỗ hẹn thực sự.

Sau người lái, các bộ trưởng, tướng lĩnh, và cố vấn ngồi trong bóng tối giống như những cậu bé học trò trong một chuyến đi kỳ bí, không bao giờ biết sẽ đi đâu, hoặc, sau đó, đang ở đâu.

Phần lớn các trường hợp những cuộc họp như thế diễn ra trong các biệt thự rộng và biệt lập, được đặt trước cho ngày đó và được làm trống trước khi nửa đêm. Một nhiệm vụ đặc biệt của Amn-al-khass là tìm kiếm một biệt thự khi Rais muốn họp, bắt những người chủ đi chỗ khác, và cho họ về nhà sau khi Rais đã đi từ lâu.

Chẳng khó hiểu tại sao Liên quân không thể nào tìm thấy ông ta. Nhưng họ đã thử - cho đến tuần đầu tiên của tháng Hai. Sau đó, mọi ý định ám sát đều bị bỏ, và bên quân sự không bao giờ biết tại sao.

Chip Barber đến biệt thự người Anh ở Riyadh ngay sau giữa trưa ngày cuối cùng tháng Giêng. Sau khi chào hỏi, bốn người ngồi xuống và chờ đến giờ có thể liên lạc với Martin, nếu anh còn ở đó.

- Tôi cho là chúng ta có một hạn cuối về việc này chứ?

Laing hỏi. Barber gật đầu.

- Ngày 12 tháng Hai. Norman Bão tổ muốn đổ bộ vào đó ngày 12 tháng Giêng.

Paxman huýt sáo. Hai mươi ngày, quái quỷ thật. Chú Sam liệu có chuyển ngày đó lại được không?

- Có. Giám đốc đã ra lệnh giao cho Jericho một triệu đôla đến ngay tài khoản của anh ta ngay lập tức, trong ngày hôm nay. Với địa điểm của thiết bị, hãy giả thuyết có một và chỉ một thôi, và chúng ta sẽ trả cho tên con hoang đó gấp năm lần.

- Năm triệu đôla? Laing thốt lên. Chúa tôi, không ai được trả nhiều tiền như thế cho một thông tin hết cả!

Barber nhún vai. Jencho, dù là ai đi chẳng nữa, được xếp vào hàng đại phú rồi đấy. Hẳn ta thích tiền, không gì ngoài tiền. Thế thì cứ để hẳn ta kiếm chác. Đó là cái bẫy. Người Ả-rập thì thế, chúng ta thì không. Năm ngày sau khi hẳn ta nhận được lời báo, chúng tôi sẽ nhỏ giọt từng nửa triệu mỗi ngày cho đến khi hẳn ta chỉ được địa điểm chính xác. Hẳn hẳn ta phải biết.

Ba người Anh lẩm bẩm rằng đó là tổng cộng tiền lương của tất cả họ cộng lại trong suốt đời.

- Tốt. Laing nhận xét, điều này có thể làm hẳn ta phải nói ra đấy.

Thông điệp được tạo ra vào buổi chiều và tối. Đầu tiên, liên lạc không nối được với Martin, người có thể phải khẳng định với mật mã mới những từ anh đã có rằng anh vẫn ở đó và vẫn chưa bị tóm. Rồi Riyadh có thể nói anh ta về món quà cho Jericho, một cách chi tiết, và cho anh hiểu tình thế bây giờ gấp đến mức nào rồi.

Những người đó ăn một cách chán ngán, thấy thức ăn thật dở, bị gánh nặng phải đối mặt với áp suất trong phòng. Mười giờ rưỡi Simon Paxman đi vào phòng radio với những người khác và nói thông điệp đã được đưa vào máy. Đoạn nói được tăng tốc hai trăm lần và biến thành chỉ còn hai giây. Vào 11 giờ 15 quá 10 giây, kỹ sư trưởng của radio gửi tín hiệu ngắn gọn - có nghĩa "anh có ở đó không". Ba phút sau, có một tiếng động nhẹ nghe như rất tĩnh. Chiếc đĩa vệ tinh bắt được nó, và khi đã bật chậm lại, năm người nghe thấy giọng của Mike Martin: "Râu Đen gửi Núi Đá. Đang nhận. Hết."

Cả một niềm vui bùng nổ trong ngôi biệt thự ở Riyadh, bốn người đàn ông trưởng thành nhảy lên lưng nhau như những cổ động viên bóng đá ăn mừng khi đội của mình thắng trong giải Super Bowl.

Ai chưa từng ở tình cảnh đó hẳn khó hình dung cảm giác khi được biết "một người trong số chúng ta" vẫn còn ở đó sau đường dây, bằng cách nào đó vẫn sống và an toàn.

- Anh ta đã ngồi ở đó mười bốn ngày thật chó chết, Barber cảm kích. Thế quái nào mà anh ta lại không ngu ngốc rời khỏi đó khi đã được báo tin nhỉ?

- Bởi vì anh ta quả là một tay cứng đầu, Laing lẩm bẩm.

- Chỉ là quá tốt mà thôi.

Người trực điện đàm kém phần kích hơn đang gửi một bản câu hỏi vẫn tất khác. Anh ta muốn năm từ để khẳng định - thậm chí cả khi người đọc tin nói với anh ta giọng nói bắt được. Quả là của Martin - vị chỉ huy SAS vẫn bắt phải kiểm tra kỹ.

Mười bốn ngày còn hơn là một kỳ nghỉ cho một người.

Thông điệp của anh ta từ Baghdad ngăn hết mức có thể. “Của Nelson và bác, tôi nói lại. của Nelson và bác. Ra.”

Ba phút nữa trôi qua. Ở Baghdad, Martin nằm bò trên sàn nhà trong cái bao của mình trong góc vườn nhà Bí thư thứ nhất Kulikov, bắt được âm thanh, nói trả lời, ấn nút tăng tốc, và gửi đi một đoạn một phần mười giây đến thủ đô Xêut.

Những người bên kia nghe anh nói “Hát một ngày chói lọi đã biết”. Người trực nhìn nhỏ cười.

- Chính là anh ta đấy, thưa ngài, còn sống hoạt bát và tự do.

- Một bài thơ đấy à? Barber hỏi.

- Câu đúng là, Laing nói, Hát ngày vinh quang đã biết.

Nếu anh ta đọc đúng, thì tức là anh ta đang nói với một họng súng dí vào thái dương. Trong trường hợp đó... ông nhún vai. Người trực gửi thông điệp cuối cùng, thông điệp thực sự, và đóng lại. Barber với chiếc cặp tài liệu của mình.

- Tôi biết có thể không đúng lắm với thể thức ở đây, nhưng cuộc đời ngoại giao có một số ưu tiên nhất định.

- Tôi nói, Gray nói, Dom Pengnon. Ông có nghĩ Langley có thể trả tiền không?

-Langley, Barber nói, vừa mới bỏ năm triệu đôla giấy xanh vào trong bàn đánh bạc. Tôi cho rằng có thể cho người của các ông một chai sâm banh đấy.

- Tuyệt thật, Paxman nói.

Một tuần đã trôi qua với sự chuyển hoá bên trong Edith Hardenberg - một tuần, nghĩa là, và những hiệu ứng đang yêu. Với sự khuyến khích nhẹ nhàng của Karim cô đã có một bộ tóc mới ở Grinzing, người đã thả xoà tóc cô xuống, cắt nó và làm đẹp cho nó, phủ xuống đến cằm, nên nó rơi xuống trước mặt cô, điền vào những nét hẹp và cho cô một sự quyến rũ chín muồi hơn.

Người yêu của cô đã chọn một loạt những đồ trang sức với sự đồng ý rụt rè của cô; không có gì lố lăng, chỉ là một bút kẻ mắt, kem dưỡng da, một ít phấn, và một vệt son môi ở miệng.

Ở ngân hàng, Wolfgang Gemuetlich cảm thấy thật khó chịu, ngằm nhìn cô đi ngang qua gian phòng, giờ đã cao hơn với đôi giày cao gót một inch. Thậm chí không phải giày cao gót hay tóc hay đồ trang sức làm ông khó chịu, dù ông đã thẳng thắn cấm chúng. Cô Gemuetlich còn gợi lên một ý tưởng khác nữa. Điều làm ông ta quấy động nhất trong cung cách của cô, một cảm giác tự tin khi cô đứng trước ông ta với những bức thư để ký hay để đọc lại.

Dĩ nhiên ông biết điều đã xảy ra. Một trong số những cô gái điên rồ ở tầng dưới đã thuyết phục cô tiêu nhiều tiền hơn. Đó là chìa khoá của tất cả, tiêu tiền. Điều này luôn luôn, theo kinh nghiệm của ông ta, dẫn đến chỗ thảm hoạ, và ông ta e sợ kết cục xấu nhất.

Sự rụt rè bản chất của cô chưa hoàn toàn tan biến, và trong ngân hàng cô vẫn giữ nguyên giọng nói cũng như trong cung cách. Nhưng khi có mặt Karim, khi họ ở lại một mình với nhau, cô thường xuyên tự làm đom với khả năng của mình. Trong suốt hai mươi năm những thứ vật chất đã là quá kinh tởm với cô, và giờ đây cô giống như một lữ khách trong một chuyến đi với sự khám phá chậm và tuyệt vời, nửa lo sợ hãi hùng, nửa tò mò kích thích. Thế là sự yêu đương của họ - thoát tiên hoàn toàn là đơn phương - đã trở nên có tính khám phá và từ cả đôi bên. Thời gian đầu cô chạm vào anh ta “ở dưới đó”, cô nghĩ cô đã chết vì sốc và ngưỡng, nhưng cô ngạc nhiên thấy cô vẫn còn tiếp tục sống được.

Vào buổi tối ngày ba tháng Hai anh mang về nhà cho cô một cái hộp gói bằng giấy gói quà với một ruy băng.

- Karim, anh không phải làm những việc như thế đâu. Anh tiêu nhiều tiền quá đấy.

Anh ôm cô vào lòng và vuốt tóc cô. Cô đã học được cách thích điều này khi anh làm vậy.

- Xem này, em thân yêu, cha anh giàu có. ông cho anh nhiều tiền. Liệu em có thích anh tiêu nó vào các hộp đêm không nào?

Cô cũng thích khi anh vuốt ve cô. Dĩ nhiên, Karim không bao giờ có thể đi đến những chỗ kinh tởm như thế. Thế là cô nhận những lọ nước hoa và đồ trang điểm mà, chỉ mới hai tuần trước thôi, cô còn nghĩ mình sẽ không bao giờ chạm vào.

- Em có mở được không? cô hỏi.

- Thì chính nó ở đây là để em mở mà.

Đầu tiên cô không hiểu chúng là gì. Bên trong của cái hộp như là một lớp lụa và dây và màu sắc. Khi cô hiểu ra, bởi vì cô đã xem quảng cáo trên các tạp chí - không phải loại mà cô mua, dĩ nhiên - mặt cô trở nên đỏ bừng.

- Karim, em không thể đâu. Em không thể đâu.

- Có chứ, em có thể mà, anh nói, và cười. Hãy thử chúng đi, em yêu. Hãy vào phòng ngủ và mặc thử chúng xem. Đóng cửa phòng vào - anh không nhìn trộm đâu.

Cô để những thứ đó lên trên giường và nhìn chăm chăm vào chúng. Cô, Edith Hardenberg ư? Không bao giờ. Đó là những thứ tất dài và đồ nữ, quần lót các loại, và áo ngủ, đủ các màu đen, hồng, đỏ, kem, và be. Những cái buộc dây hoặc không, những đồ lót mềm bằng lụa mà trên đó ngón tay cảm thấy như là chạm vào băng.

Cô ngồi một mình trong phòng suốt một tiếng đồng hồ trước khi mở cửa phòng trong bộ đồ ngủ. Karim đặt tách cà phê xuống, đứng lên, và tiến lại. Anh nhìn xuống cô với một nụ cười triu mến vào bắt đầu cởi dây buộc bộ váy. Cô lại thấy nóng bừng cả người và không thể có được sự hứng khởi như anh. Cô ngó lơ.

Anh để chiếc váy đang cởi dở.

- Ồ em yêu, em đa cảm quá.

Cô không biết phải nói gì, chỉ biết quàng tay lên cổ anh, không còn thấy hoảng sợ hay ghê tởm khi hông cô chạm vào vật cứng trong quần jean của anh.

Khi họ đã làm tình xong, cô đứng lên và đi vào trong phòng tắm. Khi quay lại cô đứng sững và nhìn xuống anh. Không phần nào trên cơ thể anh mà cô không yêu. Cô ngồi lên thành giường và lần đầu ngón tay đi xuống cái sẹo nhỏ dọc theo một bên cằm anh, cái mà anh đã có khi ngã từ một nhà kính của vườn ươm của bố anh ở bên ngoài Amman.

Anh mở mắt, mỉm cười, và nâng khuôn mặt cô lên. Cô ngậm lấy tay anh và luồn ngón tay xuống dưới, cho đến cái nhẩn nhỏ trên ngón út của anh, cái nhẩn với màu phớt hồng mà mẹ anh đã cho anh.

- Chúng ta sẽ làm gì tối nay? Cô hỏi.

- Đi ăn đi, anh nói. Cửa hàng Sirk's ở Bristol.

- Anh thích steak quá nhỉ.

Anh trườn ra sau cô và nắm lấy đôi nhũ đào nhỏ bé của cô dưới lần áo mỏng.

- Đây là món steak mà anh thích đấy. Anh cười.

- Ngừng lại đi - anh kinh khủng thật đấy, Karim!, cô nói, em phải mặc quần áo.

Cô đẩy anh ra và liếc nhìn mình trong gương. Làm thế nào mà cô có thể thay đổi ghê gớm đến thế nhỉ? Cô nghĩ. Bằng cách nào cô lại có thể mặc vào người đồ lạnh như thế này? Rồi cô nhận ra vì sao. Đó là cho Karim, Karim của cô, người cô yêu và người yêu cô, có có thể làm bất cứ việc gì. Tình yêu có thể chỉ đến vào lúc cô đã có tuổi, nhưng nó đến với sức mạnh của một dòng thác chảy xuống từ núi cao.

Mike Martin tìm thấy dấu phần vào ngày 7 tháng Hai và nhận phong bì mỏng từ hòm thư chết cùng tối hôm đó. Ngay sau nửa đêm, anh dựng đĩa vệ tinh ra hướng về cửa ra vào của túp lều và đọc bản tin tiếng Ả-rập trên một trang duy nhất giấy nền trắng vào máy ghi. Sau tiếng Ả-rập, anh thêm vào bản dịch tiếng Anh của mình và gửi thông tin vào lúc 0 giờ 16, một phút sau vào cửa sổ của mình.

Khi thông tin chạy qua và vệ tinh bắt được nó tại Riyadh, người trực đài đang làm nhiệm vụ kêu to lên:

- Anh ta đây. Râu Đen trở lại rồi.

Bốn người đàn ông đang ngủ trong phòng phụ chạy vào. Chiếc máy ghi to dùng dựa vào tường đọc chậm lại và giải mã thông điệp. Khi kỹ thuật viên ấn nút quay chậm, căn phòng đầy âm thanh của Martin đọc tiếng Ả-rập. Paxman, với tiếng Ả-rập tốt nhất, nghe được nửa chừng:

- Anh ta tìm thấy rồi. Jericho nói anh ta tìm thấy rồi.

- Trật tự nào, Simon.

Tiếng Ả-rập ngừng lại, và đoạn tiếng Anh bắt đầu. Khi giọng nói dừng lại và tắt đi, Barber đấm một cú từ tay này vào tay kia đầy phấn khích.

- Cậu bé, cậu làm được rồi. Các anh, các anh có thể cho tôi một bản cái đó, ngay bây giờ không?

Kỹ thuật viên chạy lại băng, cắm tai nghe vào, quay máy chữ của mình, và bắt đầu gõ.

Barber đi đến một cái điện thoại trong phòng khách và gọi cho đại bản doanh ngầm dưới đất của CENTAF. Chỉ có một người mà anh cần nói chuyện.

Tướng Chuck Horner cần ngủ rất ít. Không ai khác trong các văn phòng Chỉ huy Liên quân dưới Bộ Quốc phòng Xét của đại bản doanh CENTAF dưới toà nhà của Không lực Xét trên đường Old Airport ngủ nhiều trong những tuần đó, nhưng tướng Horner là người ngủ ít nhất.

Khi đội bay yêu quý của ông đang bay và đang chao lượn tận bên trong lãnh thổ kẻ thù, ông không hề cảm thấy có thể ngủ được. Khi chuyến bay đã được thực hiện hai bốn giờ mỗi ngày, thì lại càng có ít thời gian để ngủ hơn.

Ông có một thói quen đi dạo trong các văn phòng của toà nhà CENTAF vào lúc giữa đêm, đi từ chỗ các nhà phân tích của Hồ Đen dọc đến Trung tâm Chiến thuật Bay. Nếu một cú điện thoại kêu lên một cách không chờ đợi và ông đang ở gần đó, ông có thể trả lời được ngay. Nhiều sĩ quan Không lực thích đùa trong sa mạc, gọi về để hỏi điều gì đó, thấy mình được nói chuyện với chính ông chủ.

Đó là một thói quen dân chủ, nhưng nhiều khi mang lại bất ngờ. Trong một lần một chỉ huy đội bay, người sẽ phải giữ bí mật tên, gọi để than phiền rằng các phi công của anh ta đang chạy trong đêm một chiếc máy A ba lần trên đường đến mục tiêu của mình. Liệu các tay súng Iraq có thể bị quét sạch bởi một chuyến thăm từ các máy bay ném bom nặng được không, hử Buff?

Tướng Horner nói với viên trung tá rằng điều đó là không thể được - các Buff đều đã được trao nhiệm vụ đầy đủ. Người chỉ huy đội bay ở bên ngoài sa mạc phản đối, nhưng câu trả lời vẫn giữ nguyên. Tốt, viên trung tá nói, trong trường hợp đó ông có thể bú tôi đi.

Rất ít sĩ quan có thể nói với một vị tướng toàn quyền làm điều đó và làm điều đó. Việc này nói lên rất nhiều phương pháp của Chuck Horner với các đội bay của mình, hai tuần sau người chỉ huy đội bay đó đã được thăng vượt cấp lên tướng.

Chính theo cách này mà Chip Barber tìm thấy Horner đêm đó, ngay trước khi một giờ đêm; ông gặp vị tướng trong văn phòng riêng ở toà nhà dưới lòng đất 40 phút sau đó.

Vị tướng đọc bản viết bằng tiếng Anh từ nhóm ở Riyadh. Barber đã sử dụng máy chữ để đánh dấu một số phần - trông nó không còn giọng một thông tin điện đàm nữa.

- Cái thông tin khác này của sự diễn giải của anh là từ các cuộc phỏng vấn các doanh nhân ở châu Âu đây hả? ông châm biếm hỏi.

- Chúng tôi tin thông tin này là chính xác, thưa tướng quân.

Horner nhăn mặt. Cũng giống như những chiến binh khác, ông có ít thời gian cho thế giới giả trang. Còn hơn thế. Nguyên nhân thật đơn giản. Chiến đấu được dành cho sự tìm kiếm sự lạc quan - lạc quan tếu cũng có thể, nhưng tuy nhiên vẫn là lạc quan hoặc không ai có thể dự phần vào đó. Thế giới tình báo được dành cho giả thuyết sự bị quan. Hai triết lý có rất ít điểm chung, và thậm chí ở bước đó của cuộc chiến Không lực Mỹ đã trở nên ngày càng sôi mấu bởi những gợi ý nhắc đi nhắc lại của CIA rằng nó đã phá hủy được ít mục tiêu hơn là đã tưởng.

- Và có thể cho rằng là mục tiêu gắn với đó tôi nghĩ? Vị tướng hỏi.

- Chúng tôi chỉ tin nó là rất quan trọng, thưa ngài.

- Tốt, điều thứ nhất, thưa ngài Barber, chúng tôi sẽ xem xét mẹ kiếp, vấn đề này.

Lần này một chiếc TR-1 ra ngoài Taif để thực hiện những chiến công hiển hách. Một phiên bản được nâng cấp của U-2 đời cũ TR-1 đã được sử dụng như một loại máy thu thập thông tin đa chức năng, có khả năng bay trên Iraq mà không bị nhìn thấy và nghe thấy, sử dụng công nghệ của mình để nằm sâu vào trong hàng phòng thủ cùng với radar tưởng tượng ra và nghe ngóng trang thiết bị. Nhưng nó vẫn có các camera và đôi khi vẫn được sử dụng không phải để chụp ảnh cỡ lớn mà chỉ cho một nhiệm vụ bí ẩn nhỏ bé nào đó. Nhiệm vụ chụp ảnh một địa điểm chỉ được biết tên là Al Qubai là một đặc vụ nhỏ bé như ai đó có thể đoán ra.

Có một lý do thứ hai để chọn TR-1: Nó có thể chuyển các bức ảnh của mình vào thời điểm thực sự. Không chờ phải trở về, truyền tải TARPS, rửa phim, và đưa thẳng về Riyadh. Khi chiếc TR-1 đang thám tiểu trên đường sa mạc đã được định vị phía tây Baghdad và nam căn cứ quân sự Al-Muhammadi, các hình ảnh nó thấy đã đến thẳng một màn hình vô tuyến trong căn cứ của đại bản doanh nằm ở Không lực Xêut.

Có năm người đàn ông ở trong phòng, gồm kỹ thuật viên vận hành màn hình và là người có thể, theo lệnh từ một trong số bốn người kia, lệnh cho máy tính giữ lại một khung hình và in ra ngay lập tức để nghiên cứu.

Chip Barber và Steve Laing đang ở đó, hiện diện trong bộ đồ dân sự ở thánh địa của khí tài quân sự đó; hai người còn lại là đại tá Beatty của USAF và chỉ huy đội bay Joe Peck của RAF, cả hai đều là chuyên gia về phân tích mục tiêu.

Lý do sử dụng Al Qubai chỉ đơn giản là nó gần mục tiêu hơn chỉ vì nó quá nhỏ bé để có thể hiện ra trên các bản đồ của họ, nó là điểm tham chiếu đi kèm và miêu tả rất quan trọng đối với các nhà phân tích.

Chiếc TR-1 tìm ra nó cách vài dặm điểm tham chiếu do Jericho gửi, nhưng ở đó không vấn đề gì rằng miêu tả đã chính xác, và ở đó không hề có địa điểm nào gần đó từ xa hợp với miêu tả.

Bốn người nhìn vào mục tiêu đang hiện dần ra, lưu lại khung hình đẹp nhất, và giữ lại. Máy in ra một bản để nghiên cứu.

- Ở dưới này chẳng? Laing thở hổn hển

- Hẳn là thế rồi, đại tá Beatty nói. Chẳng có gì khác giống thế trong hàng dặm xung quanh hết cả.

- Chầy rặn thật, Peck nói.

Al Qubai trên thực tế là một nhà máy chế tạo nguyên tử cho chương trình nguyên tử toàn Iraq của tiến sĩ Jaafar Al- Jaafar.

Một kỹ sư nguyên tử người Anh một lần đã nhận xét rằng đội cùng làm của anh ta là "10% thiên tài và 90% ngu ngốc". Thậm chí còn có phần hơn thế. Nhà máy chế tạo là nơi đội đó tạo ra sản phẩm của các nhà vật lý, các tính toán của các nhà toán học và các máy tính, và các kết quả của các nhà hoá học và tổng hợp tất cả lại để thành sản phẩm cuối cùng, chính các kỹ sư nguyên tử đã thực sự làm cho thiết bị trở thành một linh kiện kim loại có thể di chuyển được.

Iraq đã chôn nhà máy Al Qubai của mình hoàn toàn dưới sa mạc, sâu tới 80 feet, và đó chính là độ cao của mái. Bên dưới, 3 tầng xuống chạy sâu xuống dưới. Điều khiến chỉ huy Đội Peck phải thốt lên "chầy rặn thật" là kỹ năng với nó nhà máy đã được ngụy trang.

Không khó lắm để xây dựng cả một nhà máy ở dưới lòng đất, nhưng nguy trang nó lại gặp phải những vấn đề lớn. Một khi nó đã được xây dựng trong cái hố khổng lồ của mình, cát có thể làm hiện hình những bức tường thép và trên mái trừ khi toà nhà được xoá sạch đi. Cho toà nhà chìm xuống dưới tầng thấp nhất có thể phải đối mặt với vấn đề nước thải.

Nhưng nhà máy sẽ cần phải có điều hoà nhiệt độ; điều này đòi hỏi đưa vào một máy lọc không khí và một kiểu máy to đùng - cả hai đầu ống sẽ đều phải tòi ra trên nền sa mạc. Nó cũng sẽ cần có rất nhiều năng

lượng điện và do đó một máy phát điện diesel mạnh. Nó cũng rất cần một lớp đặt không khí và bộ phận xả lại thêm hai ống nữa.

Lại còn cần một máy đi hoặc một thang máy chở người và một máy chở hàng để chuyên chở và đi lại cho nhân viên và dụng cụ - một cấu trúc làm lộ lên trên mặt đất nữa. Những xe tải chuyên chở sẽ không thể chạy trên nền cát mềm; nó cần có đường nền cứng, phải có nhựa đường chạy chỉ ít trên đường chính.

Cũng sẽ phải có các máy khí nóng, sử dụng được trong ngày khi bên ngoài rất nóng, nhưng không còn được như thế trong những đêm giá lạnh.

Do đó làm cách nào có thể nguy trang khỏi sự giám sát từ không trung một vùng đất sa mạc trinh nguyên có chứa một con đường trải nhựa có vẻ như không chạy đến đâu, bốn cái ống chính, một đường thang máy, điểm đến và đi cố định của các xe tải, và các máy sưởi thường xuyên sử dụng?

Chính đại tá Osman Badri, thiên tài trẻ tuổi của Quân giới Iraq, đã làm được điều đó; và giải pháp của anh ta làm yên tĩnh cả Liên quân với tất cả những máy bay do thám của mình.

Từ không trung, Al Qubai là một cái sân di động chiều ngang 5 acre chiều dài 40 acre. Mặc các con mắt quan sát ở Riyadh, ngay cả với những dụng cụ tốt nhất, cũng không thể nhìn thấy được nó, bốn trong số những cái xe vút ngổ ngang - những vòm vũng chắc với kim loại cuộn - dưới đó các ống được đưa ra ngoài không khí hoặc được lọc khí qua các thân xe ô tô và xe tải gậy.

Vùng chính, xưởng cán thép, với những cái thùng to bằng thép chứa ôxy và axêtylen được đặt một cách bướng bỉnh bên ngoài, che giấu lối vào của các thang máy. Sự tự nhiên của ngôi nhà ở một chỗ như thế chứng tỏ một nguồn khí ấm. Lý do khiến con đường đi vào không bị nhìn thấy thật rõ ràng - các xe tải chở những chiếc xe vút đi đến đó rồi chở thép đi

Toàn bộ hệ thống thực sự đã được nhìn thấy trước bởi AWACS, cái đã thông báo nhìn thấy một khối lượng kim loại khổng lồ ngay giữa sa mạc. Liệu đó có phải là sư đoàn xe tăng? Một đập nước? Một chuyến bay do thám đã sớm được thực hiện trả lời đó chỉ là một bãi rác xe hơi, và mối quan tâm liền bị bỏ qua.

Cái mà bốn người đàn ông ở Riyadh cũng không thể nhìn thấy là bốn đồng xác xe hơi khác cũng tạo nên những khung lớn, bên trong được tạo thành hình vòm, nhưng với các ống thủy lợi bên dưới chúng. Hai trong số chúng có chứa các khẩu đội pháo phóng không hoá lực mạnh, nòng ZSU-23-4 của Nga với nhiều phát bắn; cái khác là hai SAM, đời 6,8, và 9, không phải do radar hướng lối mà là một kiểu dò tìm bằng sức nóng nhỏ hơn một đĩa radar có thể hướng được lối.

- Vậy thì nó phải ở dưới đó, Beatty thì thầm.

Họ nhìn thấy cả một xe tải dài đang kéo các xác xe hơi cũ kéo đi. Nó có vẻ di chuyển trong những lối đi nhỏ, bởi vì TR-1, bay 80 nghìn feet phía trên Al Qubai, đã chạy qua vãn các khung hình đó ở tỉ lệ nhiều giây. Phấn khích, hai sĩ quan tình báo nhìn cho đến khi chiếc xe tải lại quay trở về địa điểm cũ.

- Cá là đồ ăn, nước uống, và đồ tiếp tế đều ở dưới các xác xe hơi đấy, Beatty nói. ông ngồi xuống. Vấn đề phức tạp là, chúng ta sẽ không bao giờ đến được cái nhà máy thổi tha đó. Ngay cả khi các Buff có thể ném bom đạt đến độ sâu đó.

- Chúng ta có thể phong toả chúng, Peck nói. Phá vỡ đường vào ra, cố định chúng ở trong đó. Rồi nếu chúng thử cố các biện pháp cứu chữa để phá vây, chúng ta sẽ bắn chúng tung xác.

- Nghe hay đấy, Beatty đồng ý. Thế phải mất mấy ngày nữa mới tới ngày đổ bộ?

- Mười hai, Barber nói.

- Chúng ta có thể làm được điều đó. Độ cao, laser dẫn lối, nhiều máy bay, một chiếc gorilla.

Laing ném sang Barber một cái liếc xéo cảnh báo.

- Chúng tôi thích một cái gì đó kín đáo hơn một chút Barber nói. Một cuộc tiêu trừ hai chiếc, độ cao thấp, xác nhận bằng mắt thường sự phá hủy.

Một sự im lặng bao trùm.

- Người của anh đang cố nói chúng ta điều gì đó à? Beatty hỏi.

- Baghdad không được phép biết là chúng ta đang quan tâm

- Thế có thể làm như thế được không? Laing gợi ý. Có vẻ như là chẳng có phòng thủ gì cả đâu. Chia khoá ở đây là sự nguy trang thôi mà.

Beatty gật đầu. Mẹ kiếp bọn này chứ, ông nghĩ. Họ đang cố bảo vệ ai đó đây mà. Tốt thôi, chẳng phải việc của ta. - Anh đang nghĩ gì thế hả Joe? ông hỏi vị chỉ huy đội bay.

- Các Tornado có thể làm được việc này, Joe Peck nói, cùng với các Buccaneer hướng mục tiêu cho chúng. Sáu quả bom một nghìn pound sẽ rơi đúng vào cửa của chỗ đó. Tôi cá cửa đó sẽ được gia cố ở bên trong đó. Có thể khó phá.

Beatty gật đầu.

- Tốt rồi, người của anh sẽ làm việc đó. Tôi sẽ nói lại với tướng Horner. Anh thích sử dụng ai hả Joe?

- Đội 6, à 8, ở Maharraq. Tôi biết viên sĩ quan, Phil Curzon. Tôi gọi anh ta đến đây nhé?

Chỉ huy bay Philip Curzon chỉ huy mười hai trong số những chiếc Tornado Panavia của Không lực Hoàng gia trong Đội 608, trên đảo Bahrain, nơi họ đã đến hai tháng trước từ căn cứ của mình ở Laarbruck, Đức. Ngay sau buổi trưa ngày hôm đó mùng tám tháng Hai, anh ta nhận được lệnh không được chối từ: ngay lập tức về trung tâm CENTAF ở Riyadh. Độ khẩn cấp lớn đến nỗi vào thời điểm anh biết được thông điệp, thì người sĩ quan cấp trên báo cáo rằng một chiếc Beach King phải từ Shakey's Pizza ở bên kia đảo đã đổ xuống và đang đổ đó chờ đón anh ta. Khi anh ta lên được chiếc Beach King sau khi đã vợ vội quân phục, anh ta phát hiện chiếc máy bay hai động cơ là thuộc về đích thân tướng Horner.

- Cái quái gì đang xảy ra đây? chỉ huy bay tự hỏi, rất băn khoăn.

Tại căn cứ quân sự Riyadh một chiếc ô tô chở người của USAF đang đợi để mang anh ta đi một dặm khỏi đường Sân Bay Cũ để đến Hồ Đen.

Bốn người trên đã ở trong phòng họp để xem các bức ảnh do chiếc TR-1 gửi về vào 10 giờ sáng vẫn còn ở đó. Chỉ thiếu người kỹ thuật viên. Họ không cần có thêm ảnh nữa. Những cái họ có được trải rộng trên mặt bàn. Chỉ huy đội Peck đang dẫn giải.

Steve Laing giải thích điều họ cần, và Curzon kiểm tra các bức ảnh.

Philip Curzon hoàn toàn không điên, hoặc là anh ta chưa từng chỉ huy một phi đội bay của những chiếc máy bay ném bom vô cùng đắt giá của Nữ Hoàng. Trong các phi vụ ít quan trọng trước với những quả bom JP-233 chống các địa điểm sân bay của Iraq; hai người anh biết đã chết. Hai người khác đã bị dẫn lối đi, bị đánh và hành hạ, trên TV Iraq, một trong số các kiệt tác của PR của Saddam.

- Tại sao không đưa mục tiêu này vào danh mục Nhiệm vụ Không quân, giống như mọi cái khác? Anh trầm ngâm hỏi. Tại sao phải vội thế?

- Hãy để tôi nói thật thẳng thắn với anh, Laing nói. Chúng tôi giờ đây đã biết được mục tiêu này là đang chứa đựng cái chính yếu của Saddam và có thể chỉ chứa những đầu đạn khí độc rất nguy hiểm. Rõ ràng là các kho đang dần được chuyển ra ngoài mặt trận. Vì thế cần phải rất khẩn trương.

Beatty và Peck gật gù. Đó là lời giải thích đầu tiên họ nhận được cho mỗi quan tâm quá đáng vào cái nhà máy nằm dưới cái bãi rác.

- Nhưng mà hai máy bay tấn công thôi à? Curzon vẫn khăng khăng. Chỉ có hai? Như thế làm cho nó trở thành nhiệm vụ hết sức không quan trọng. Tôi sẽ nói thế nào với người của tôi đây? Tôi sẽ không nói dối họ đâu, thưa các ngài. Xin hãy nói thẳng thắn ra đi.

- Không cần đâu, Laing nói. Chỉ cần nói với họ sự thật mà thôi. Rằng kiểm soát từ trên không đã nhận ra các chuyển động của xe tải đến và đi khỏi địa điểm. Các nhà phân tích tin rằng đó là các xe tải quân sự, và họ đã đi đến kết luận rằng cái có vẻ vô hại đó che giấu một đồng những thứ kinh tởm - đặc biệt là bên trong cái tầng khổng lồ trung tâm đó. Do vậy nó trở thành mục tiêu. Và còn với điệp vụ ít quan trọng, anh có thể thấy là sẽ không có tên lửa, không có loại A đâu.

- Và đó là sự thật chứ? Viên chỉ huy bay hỏi.

- Tôi thề mà.

- Thế thì tại sao, thưa các ngài, chủ định rõ thế rằng nếu bất kỳ ai trong số người của tôi sẽ bị bắn hạ và bị thẩm vấn, Baghdad có thể không moi được thông tin từ đó? Các anh không tin câu chuyện xe tải quân sự cũng như tôi vậy đâu.

Đại tá Beatty và chỉ huy bay Peck ngồi xuống. Người này quả thực khó chơi. Thật tốt.

- Nói với anh ta đi, Chip, Laing chào thua nói.

- Tốt thôi, chỉ huy bay, tôi sẽ nói với anh vậy. Nhưng chỉ là cho riêng anh thôi đấy nhé. Phần còn lại là hoàn toàn đúng. Chúng tôi có một tay trong. Trong đó. Vào trước chiến tranh như là một sinh viên sau đại học. Bây giờ anh ta đang say mê một cô gái Mỹ và muốn ở lại trong đó. Trong các cuộc phỏng vấn với người di cư, một số điều đã xảy đến. Một người phỏng vấn thông minh đã chuyển anh ta cho chúng tôi.

- CIA phải không? Curzon hỏi.

- Phải, đúng là CIA. Chúng tôi trò chuyện với chàng trai. Anh ta có thể xanh, đã cứu chúng tôi. Khi anh ta còn ở Iraq, trong Đội Công binh, anh ta đã làm việc với một số dự án bí mật. Giờ anh ta nói hết chúng ra. Nên chúng tôi biết được. Nhưng nó là tuyệt mật đấy. Nó sẽ không phải là sau nhiệm vụ, và sẽ không phải là nói dối nếu anh không nói với người của anh chuyện đó - nếu chẳng may, anh không thể làm.

- Câu hỏi cuối cùng nhé, Curzon hỏi. Nếu người đó an toàn trong đó, thì tại sao lại cần chơi đũa Baghdad một cú như thế?

- Còn có những mục tiêu khác anh ta hờ cho chúng tôi nữa cơ. Mất thời gian, nhưng chúng tôi có thể có được 20 mục tiêu nóng sốt nhờ anh ta. Chúng tôi báo động Baghdad rằng anh ta đã hót như một con chim yến, họ đã rời các chỗ đó trong đêm rồi. Họ còn có thể thêm vào hai cái nữa, anh cũng biết đấy.

Philip Curzon đứng dậy và nhặt những bức ảnh lên. Mỗi cái đều có điểm tham chiếu chính xác trên bản đồ để kẻ bên.

- Tốt rồi. Rạng sáng ngày mai. Điểm này sẽ ngừng tồn tại. Rồi anh ta đi. Trên chuyến bay trở về anh ta mãi mê nghĩ về nhiệm vụ. Cái gì đó bên trong nói với anh ta rằng mình đã bị lừa dối thảm hại. Nhưng những lời giải thích hoàn toàn có thể chấp nhận, và anh ta đã nhận lệnh. Anh không thể nói dối, nhưng anh đã bị cấm để lộ bất cứ gì. Phần tốt đẹp là, mục tiêu được đặt ở chỗ trống, không có bảo vệ. Người của anh ta có thể đến và đi về không gặp gì trắc trở. Anh đã biết người có thể đi thực hiện cuộc tấn công đó.

Chỉ huy bay Lofty Williamson đang sung sướng lắc lư trong một cái ghế trong ánh mặt trời buổi chiều khi tiếng chuông điện thoại vang lên. Anh ta đang đọc số mới nhất của tạp chí Không lực Thế giới, kinh thánh của phi công chiến đấu, và đang buồn chán đến chết một bài báo đầy chất mệnh lệnh về một trong số những máy bay thả bom của Iraq anh có thể phải lao vào.

Chỉ huy đội bay đang ở trong văn phòng của mình, những bức ảnh bày ra trước mặt. Trong một giờ đồng hồ anh trình bày ngắn gọn với thượng cấp của mình điều họ cần.

- Anh sẽ có hai chiếc Buck để đánh dấu mục tiêu cho anh, nên anh cần chuẩn lẹ khỏi đó trước khi quý biết được điều gì xảy ra.

Williamson tìm thấy hoa tiêu của mình, người ngồi ở băng ghế sau mà người Mỹ gọi là wizzo, người giờ đây đã làm nhiều việc hơn chỉ là dẫn đường, đang chịu trách nhiệm các đồ điện tử và các hệ thống vũ khí. Trung úy bay Sid Blair đã nổi tiếng với khả năng tìm thấy được một cái vỏ lon trên sa mạc Sahara nếu cần phải ném bom.

Giữa họ, với sự trợ giúp của những người của Chiến dịch, họ đánh dấu trên bản đồ mục tiêu của phi vụ. Địa điểm chính xác của cái bãi rác được tìm thấy, từ chỗ tham chiếu của nó trên các bản đồ bay.

Viên phi công phàn nàn anh ta muốn tấn công từ phía đông vào đúng lúc mặt trời lên, để nếu có tay súng Iraq nào có thể giương súng lên trong mắt họ trong khi anh ta, Williamson, có thể nhìn thấy mục tiêu với độ chính xác cao.

Blair nhấn mạnh anh ta muốn một “stone bonker”, một vị trí không thể nhầm lẫn dọc theo đó anh ta có thể có được những điều chỉnh là phút cuối cùng trong cuộc đi của anh ta. Họ tìm thấy hơn một dặm ngược lại khỏi mục tiêu trong một hướng lệch sang đông - một làn sóng điện từ chính xác đúng một dặm từ chỗ đó.

Đến nơi vào lúc bình minh cho họ Thời điểm Mục tiêu cốt tử hay TOT, mà họ cần. Lý do TOT phải được làm theo đến từng giây là vì độ chính xác này quyết định sự khác biệt giữa thành công và thất bại. Nếu phi công thứ nhất bị chậm dù chỉ một giây, thì phi công thứ hai có thể theo đúng chính xác chỗ những quả bom của đồng nghiệp mình nổ; tệ hại hơn thế, phi công thứ nhất sẽ có một chiếc Tornado đến vào sau anh ta vào gần 10 dặm một phút - không phải một dấu hiệu hay. Cuối cùng, nếu phi công thứ nhất vào quá sớm hoặc phi công thứ hai vào quá muộn, các tay súng sẽ có thời gian để tỉnh giấc, hướng nòng súng của họ lên, và nhắm bắn họ. Do đó những người bay thế sẽ phải vào thật đúng khi có vụ nổ bùng lên dưới đất.

Williamson mang theo người bay cùng mình và hoa tiêu thứ hai, hai trung úy bay trẻ tuổi, Peter Johns và Nicky Tyne. Thời điểm chính xác khi mặt trời lên trên dãy đồi thấp ở phía đông mục tiêu đã được nhất trí là 7 giờ 8 phút, và cuộc tấn công sẽ trực chỉ vào 270 độ tây.

Hai chiếc Buccaneer từ Đội số 12, cũng đóng ở Maharrag, đã được chỉ định. Williamson có thể dựa vào các phi công ở đó trong buổi sáng. Các khẩu pháo đã được hướng về để cung cấp ba quả bom một nghìn pound trang bị các mũi laser hướng dẫn PAVEWAY cho mỗi chiếc Tornado. Vào tám giờ tối đó, bốn người trong đội ăn và đi ngủ, với đồng hồ đặt chuông chỉ 3 giờ sáng.

Vẫn còn tối om khi một người trong đội bay đi một chiếc xe tải đến những khu phố còn đang say ngủ của đội số 608 để mang bốn người lên chỗ bay.

Nếu những người Mỹ ở Al Kharz đã đi cày dưới canvas, thì những người đóng ở Bahrain vẫn còn vui vẻ với những tiện nghi cuộc sống dân sự. Một số đóng trong những căn phòng hai người ở khách sạn Sheraton. Những người khác trong những khu độc thân xây bằng gạch gần căn cứ không quân. Thức ăn rất tuyệt, đồ uống sẵn sàng, và sự cô đơn tệ hại nhất của đời lính chiến được giảm bớt đi bằng sự có mặt của 300 nữ phục vụ bay đang huấn luyện trong một trường huấn luyện của Không quân vùng Vịnh.

Những chiếc Buccaneer đã được đưa ra ngoài Vịnh chỉ một tuần trước đó, đầu tiên được nói là không được muốn. Kể từ đó, chúng đã thể hiện hơn cả giá trị của mình. Về bản chất là những chiếc đánh ngầm dưới nước, các Buck quen hơn với việc chìm sâu dưới nước của Biển Bắc tìm kiếm những quả thủy lôi của Xô viết, nhưng không hề để ý đến sa mạc.

Khả năng đặc biệt của chúng là bay thấp, và mặt dù chúng đã là những chiến binh già tới 30 tuổi, chúng được biết đến, trong những cuộc tập trận chung với USAF ở Trường Bay Không quân ở Miramar, California, để tấn công nhanh hơn rất nhiều những máy bay chiến đấu của Mỹ chỉ đơn giản bởi “ăn bắn” - bay thấp đến nỗi trở nên không thể bị theo dõi theo các mô đất và ụ đất của sa mạc.

Sự đối nghịch trong nội bộ không lực sẽ có cái mà những người Mỹ không thích bay thấp và dưới 500 feet cổ thấp hơn nữa, vì Không lực Hoàng gia thích điều đó và trên 100 feet thì không thể được nữa. Trên thực tế, cả hai chiếc đều bay thấp hoặc cao, nhưng những chiếc Buck, không siêu âm nhưng được chế tạo một cách tuyệt diệu, cho thấy chúng có thể xuống thấp hơn bất kỳ ai mà vẫn sống sót được.

Lý do sự xuất hiện của chúng ở vùng Vịnh là những thất bại ban đầu của những chiếc Tornado, ở những phi vụ thấp kỷ lục làm việc một mình, những chiếc Tornado phải ném bom rồi sau đó đi theo chúng mọi cách thức đến được mục tiêu, ngay vào trung tâm của hình tam giác chữ A. Nhưng khi chúng và những chiếc Buccaneer làm chung với nhau, bom của Tornado với mũi gắn PAVEWAY, trong khi những chiếc Buck có thiết bị truyền

laser, được gọi là PAVESPIKE. Lái bên trên và bên dưới một chiếc Tornado, một chiếc Buck có thể “đánh dấu mục tiêu, để chiếc Tornado định vụ bom và sau đó thổi tung tất cả.

Hơn thế nữa, hệ thống PAVESPIKE của Buck được chứa trong một cái hộp hình ống chắc chắn ở bụng mình, bằng cách đó nó cũng có thể quay và vẫy, trong khi vẫn giữ tia laser thẳng vào mục tiêu cho đến khi bom đến và thổi đi.

Trong buồng lái, Williamson và hai phi công Buck đồng ý thiết lập IP của họ - tức là Điểm Đầu tiên, khởi điểm của bom - ở 12 dặm về phía đông của địa điểm cần ném bom. Rồi họ đi thay đồ bay. Như thường lệ, họ đã đến trong bộ đồ thường phục; ở Bahrain có quá nhiều dấu hiệu quân sự trên đường phố có thể đánh động người dân sở tại.

Khi họ đã thay đồ xong, Williamson với tư cách chỉ huy phi vụ điền vào báo cáo. Vẫn còn hai giờ nữa mới đến lúc cất cánh. Những phi công của chiếc “scramble” 32 của Thế chiến hai còn nhiều thời gian. Vẫn còn đủ để uống cà phê và bước sang bước tiếp theo của các chuẩn bị. Mỗi người cầm súng tay lên, một khẩu Walther PPK nhỏ đều đã được lắp đạn, cần đến nếu cuộc tấn công trong sa mạc cần bắn vào một cái đầu Iraq nào đó và hy vọng xử lý được bằng cách này.

Họ cũng rút 1000 bảng của mình bằng đồng tiền vàng và “goolie chít”. Tài liệu đáng chú ý này lần đầu được người Mỹ đưa vào sử dụng ở Chiến tranh vùng Vịnh, nhưng người Anh, người đã bay chiến đấu trong khu vực này kể từ những năm 1920, hiểu rõ chúng. Một goolie chít là một thư bằng tiếng Ả-rập và sáu thứ tiếng phương ngữ Bedouin. Nó nói rằng “Kính thưa ngài Bedou, người cầm lá thư này là một sĩ quan người Anh. Nếu ngài đưa anh ta về với đội tuần tra gần nhất của Anh, với sự an toàn tuyệt đối của anh ta, ngài sẽ được thưởng 5000 bảng bằng vàng”. Đôi khi cách đó cũng được việc.

Các bộ quân phục bay đã được trang bị ở vai miếng kim loại để có thể được nhìn thấy bởi các đội tìm kiếm của Liên quân nếu phi công bị rơi xuống sa mạc.

Sau khi uống cà phê là đến lúc khử trùng - không đến nỗi ghê gớm như nghe qua. Mọi thứ nhẵn, thuốc lá, bật lửa và ảnh gia đình đều bị thu lại, mọi thứ có thể cung cấp cho người tra hỏi một thứ cá tính của tù binh. Việc tìm kiếm này được thực hiện bởi một WAAF đáng sợ tên là Pamela Smith - đội bay cho rằng đó là phần hay ho nhất của phi vụ, và các phi công trẻ hơn sẵn sàng giấu những thứ có giá nhất của mình ở những chỗ

đáng kinh ngạc để xem Pamela có tìm ra không. Thật may mắn, cô đã từng là y tá và chấp nhận cái trò đùa nhắm gì này với sự vui vẻ bình thản.

Một giờ trước khi cất cánh. Một số người ăn, một số không thể, một số gấp chăn, một số uống cà phê và hy vọng sẽ không bị chơi bất thành linh trên đường đi làm phi vụ, một số người khác mặc kệ.

Chiếc xe bus chở tám người đến chỗ, đã được chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, vũ khí. Mỗi phi công đi quanh chỗ mình, tìm xem theo nghi lễ tiền cất cánh. Cuối cùng họ trèo lên khoang lái. Nhiệm vụ đầu tiên là ngồi yên, thật chắc, và nói với điện đàm nhanh do đó có thể nói được. Rồi APU - đơn vị trợ lực đã lắp mọi thứ đồ đạc dụng cụ nhảy.

Williamson khởi động máy bên phải, cái bắt đầu rú lên chậm rãi, rồi bên trái. Đóng lại, bấm vào nút số một, điểm đã chọn. Có dấu hiệu từ tháp, bấm vào nút cất cánh. Williamson liếc nhìn sang bên phải. Chiếc Tornado của Peter Johns đang ở sau anh và hơi chậm hơn, và bên dưới anh là hai chiếc Buccaneer. Anh giơ một tay lên. Ba cánh tay đeo găng tay màu trắng cũng giơ lên trả lời.

Nhấn ga, đẩy đến mức năng lượng tối đa. Chiếc Tornado hơi chòng chành nhẹ nhẹ. Qua cánh cửa để bay ra, giờ đây nó đã ở trên. Một lần giơ ngón cái lên cuối cùng và ba lời đáp lại. Thả phanh ra, trôi lên, lăn đi, nền đường ray ngày càng bị nghiêng đi nhanh hơn nhanh hơn, và rồi chúng bị vượt, bốn cái trong đội, lao thẳng ra ngoài biển đen sẫm, những ánh đèn của Manama để lại đằng sau, chuẩn bị đường cho cuộc gặp gỡ với chiếc tiếp nhiên liệu đang đợi ở đâu đó trên biên giới giữa Xêut và Iraq.

Williamson đẩy năng lượng lên trên mức cao và lượn một vòng ở độ cao 12 nghìn feet. Với rada, họ tìm thấy chiếc tiếp nhiên liệu trong bóng tối, rất gần, và cắm chiếc mũi tiếp nhiên liệu vào những chiếc máy bay. Khi đã được đổ đầy nhiên liệu, cả bốn chiếc lại quay đi và lao về hướng sa mạc.

Williamson nâng độ của mình lên f00 rít, lập một cruise tối đa 480 knot, và lao thẳng vào Iraq. Anh đang bay với sự trợ sức của TIALD, hình ảnh Nhiệt và Chỉ định Ijaser, là tương đương của Anh với hệ thống LANTIRN. Thấp dưới sa mạc đen sẫm, các phi công có thể nhìn thấy mọi thứ đang đến với mình, các tảng đá, bụi cây, mưa, đồi, khi chúng đang đến gần.

Ngay trước khi mặt trời mọc, họ quay IP của mình đến chế độ sẵn sàng thả bom. Sid Blair nhìn vào màn hình điện đàm và nói với phi công của mình chính lộ trình một độ. Williamson chỉnh lại độ thả bom đến độ

tự động và liếc xéo về màn hình trước mặt, nó đang chạy hàng dặm và hàng giây đến mục tiêu thả. Anh hạ xuống 100 feet, trên nền đất phẳng và giữ nguyên như thế. Ở nơi nào đó bên dưới anh, người bay cùng cũng làm giống hết. Thời gian Mục tiêu đã chính xác.

Anh nhấn nút thả và giữ tốc độ tấn công ở 540 knot. Mặt trời đã chiếu lên những quả đồi, những sợi khói đầu tiên lan toả trên bình nguyên, và còn cách 6 dặm nữa. Anh có thể nhìn thấy ánh thép, những đồng xe bị vứt chổng chơ, và cái miệng màu ghi to lớn ở trung tâm, hai cánh cửa chìa về phía anh.

Những chiếc Buck đang ở 100 feet phía dưới và một dặm phía sau. Những câu nói từ những chiếc Buck, đã bắt đầu ở IP, tiếp tục vang vào tai anh. Sáu dặm nữa đang lại gần, năm dặm nữa, một chuyển động nào đó trên khu vực mục tiêu, bốn dặm.

“Tôi đang đánh dấu đây”, hoa tiêu của chiếc Buck thứ nhất nói. Mũi laser của chiếc Buck đã chìa thẳng vào cửa khu đó Cách ba dặm, Williamson bắt đầu “lướt”, thả lỏng dần, nhìn chăm chăm vào mục tiêu. Không vấn đề gì hết, công nghệ có thể làm nốt phần còn lại. Cách 300 feet HUD của anh bảo anh thả bom. Anh nhấn vào nút thả bom, và cả ba quả bom một nghìn pound rơi xuống dưới. Vì anh đang lướt, những quả bom lao lên cùng anh một chút trước khi trọng lực trái đất kéo chúng xuống và chúng bắt đầu đường rơi hình parabol xuống bãi rác.

Máy bay của anh nhẹ đi được một tấn rưỡi, anh lao lên nhanh đến 1000 feet, rồi chuyển sang 135 độ nghiêng và giữ theo cột điều khiển. Chiếc Tornado đang lao xuống và quay lại, quay về phía mặt đất và về phía con đường đã đến. Chiếc Buck của anh lao theo, rồi cũng quay ngược.

Vì có màn hình camera ở bụng máy bay, người hoa tiêu của chiếc Buccaneer có thể nhìn thấy tác động của những quả bom vào chính diện những cánh cửa của cái bãi rác. Toàn bộ khu vực phía trước bãi rác chuyển thành một tầng lửa và khói, trong khi một cột bụi bay lên từ nơi trước kia từng là một bãi rác.

Vì đã bắt đầu yên trở lại, Peter Johns trong chiếc Tornado thứ hai đã đến, chậm hơn người chỉ huy 30 giây. Người hoa tiêu của chiếc Buck nhìn thấy nhiều hơn thế. Những chuyển động anh ta thấy trước đó được ấn định vào một mảng. Những họng súng lộ ra.

- Chúng có pháo phòng không đấy! Anh ta gào lên. Chiếc Tornado thứ hai đang lao lên. Chiếc Buccaneer thứ hai có thể nhìn thấy toàn bộ. Bãi rác, bị thổi bay thành từng mảnh dưới áp lực của ba quả bom đầu tiên, để lộ ra một cấu trúc bên trong đang bị xoáy lên và đổ rạp. Nhưng có những họng súng phòng không đang chìa lên từ những chiếc xe nát bẹp.

- Thả bom rồi! Johns hét lên, và chuyển chiếc Tornado của anh ta vào chế độ quay hình chữ G tối đa. Chiếc Buccaneer của anh ta cũng chạy ra khỏi mục tiêu, nhưng cái PAVESPIKE ở dưới bụng nó vẫn giữ hướng về bãi rác.

- Trúng rồi! Người hoa tiêu của chiếc Buck kêu lên.

Có một tiếng động của đạn giữa những chiếc xe đổ nát. Hai SAM bắn dựa trên vai khạc lửa sau chiếc Tornado. Williamson đã chuyển sang chế độ quay, trở về 100 feet bên trên sa mạc nhưng hướng sang hướng khác, về phía mặt trời

đang hiện ra. Anh nghe thấy giọng thét lên của Peter Johns:

“Chúng tôi bị trúng rồi!”

Sau anh, Sid Blair im lặng. Trong cơn điên giận,

Williamson giật chiếc Tornado quay thêm một vòng nữa, nghĩ rằng có cơ may bắn được các tay súng Iraq bằng súng của mình. Anh đã quá chậm.

- Anh nghe thấy một trong hai chiếc Buck nói, “Họ có tên lửa dưới đó”, và rồi anh nhìn thấy chiếc Tornado của Johns, đang lao xuống, khói bốc ra từ động cơ đang cháy, nghe thấy anh chàng 25 tuổi nói khá rõ, “Đang rơi... đang phóng ra”.

Họ không còn có thể làm được gì nữa rồi. Trong những phi vụ trước đó những chiếc Buck thường đi theo những chiếc Tornado về nhà. Trong ngày hôm nay, đã thoả thuận rằng những chiếc Buck có thể về bằng

đường riêng của mình. Trong im lặng hai chiếc đánh dấu mục tiêu đã làm cách tốt nhất của mình: Họ chĩa bụng xuống sa mạc và giữ nguyên như thế để trở về.

Lofty Williamson đang trong cơn giận mù quáng, rõ ràng anh đã bị lừa dối. Anh ta đã không: không ai biết về pháo phòng không và những quả tên lửa giấu ở Al Qubai.

Ở bên trên, một chiếc TR-1 gửi về những bức ảnh đúng lúc cuộc tàn phá về Riyadh. Một đoàn E-3 đã nghe thấy mọi thứ trong cuộc trò chuyện trên không và nói với Riyadh họ đã mất một chiếc Tornado.

Lofty Williamson trở về nhà một mình, để báo cáo và đổ sự tức giận của mình vào những kẻ lựa chọn mục tiêu ở Riyadh. Tại đại bản doanh của CENTAF ở đường Old Airport, mềm vui mừng của Steve Laing và Chíp Barber rằng Quả Đám của Thượng đế đã bị chôn vùi trong cát bụi nơi nó được tạo ra đã bị che mờ bởi sự thể mất hai người lính trẻ.

19. Chương 19

Thiếu tướng Hassan Rahmani ngồi trong văn phòng riêng của mình ở toà nhà Mukhabarat ở Mansour để oải quan sát các sự kiện của hai mươi tư giờ trước đó.

Việc các trung tâm quân sự và quân giới chủ chốt của đất nước anh ta đã bị xoi mói một cách có hệ thống bởi những quả bom và hoả tiễn không làm anh ta lo ngại. Những tiến triển đó, anh đã tiên liệu từ nhiều tuần trước, chỉ đơn giản làm gằn lại hơn sự xâm chiếm của Mỹ và sự rơi khỏi ghế của con người đến từ Tikrit.

Đó là cái anh ta đã lên kế hoạch, đã chờ đợi, và dự định một cách tự tin, không mảy may nghi ngờ vào cái ngày giữa tháng Hai năm 1991 là sẽ không đến. Rahmani là một người rất thông minh, nhưng cũng không thể là một quả bóng pha lê không tì vết.

Vụ ném bom lúc rạng đông ngày hôm trước vào nhà máy chế tạo bom nguyên tử ở Al Qubai, được hướng lối chính xác đến những ấy mà không ai hiểu nổi, đã làm lung lay sức mạnh của tinh hoa Baghdad đến tận gốc rễ.

Trong vài phút sau khi hai máy bay ném bom của Anh bay đi, những tay súng sống sót đã liên hệ trực tiếp với Baghdad để báo cáo về vụ tấn công. Khi nghe về sự kiện, tiến sĩ Jaafar Al-jaafar đã trực tiếp lên xe và lái đến điểm đó để kiểm tra về đội ngũ dưới đất của mình. Ông ta giận dữ đến điên người và vào buổi trưa đã phàn nàn một cách cay đắng với Hussein Kamil, dưới lệnh của người này Bộ Công nghiệp và Công nghiệp hoá Quân sự toàn bộ chương trình nguyên tử được đặt ở đó là một chương trình, nhà khoa học báo cáo lại với người con rể của Saddam, rằng ngoài tổng cộng chi phí trị giá 50 tỉ đôla trong suốt một thập kỷ đã tiêu đến 8 tỉ đôla, và vào lúc sắp đạt được thắng lợi thì lại bị phá huỷ. Liệu Nhà nước còn có thể bảo vệ người của mình được nữa hay không?

Nhà vật lý Iraq có thể đã nhảy dựng lên trên cao năm fit và bị đốt cháy như một con muỗi, nhưng trong điều kiện ảnh hưởng của ông ta lớn đến chừng đó, và lời lẽ của ông ta cứ thể dâng trào.

Hussein Kamil bị xúc phạm báo cáo cho bố vợ của mình, người cũng đã rơi vào một cơn điên giận khủng khiếp. Khi điều đó xảy ra, cả Baghdad run lên cho cuộc sống của mình. Các nhà khoa học dưới lòng đất đã không chỉ sống sót mà đều thoát ra ngoài được, vì nhà máy còn có một đường hầm hẹp dẫn đến nửa dặm dưới sa mạc và kết thúc trong một cái thang máy có đường ray gắn vào tường.

Những người đó đã lên mặt đất theo con đường đó, nhưng không thể nào di chuyển được máy móc nặng nề qua cùng đường hầm và thang máy đó. Thang máy chính và đường tiếp tế hàng hoá đã bị thổi tung khỏi mặt đất sâu đến 20 fit. Tái tạo lại nó có thể mất đến hàng tuần - những tuần mà Hassan Rahmani ngỡ rằng Iraq không có nổi.

- Liệu đã kết thúc vấn đề đó chưa, anh ta chỉ đơn giản bị nghi, vì đã lo lắng sâu sắc con người đó từ cuộc họp ở cung điện trước khi cuộc không chiến bắt đầu, khi Saddam đã để lộ sự tồn tại của thiết bị “của ông ta”.

Cái giờ đây đang làm Rahmani lo sợ là cơn điên giận kinh khủng của người đứng đầu Nhà nước. Phó tổng thống Izzat Ibrahim đã gọi anh lên ngay sau buổi trưa ngày hôm trước, và vị chỉ huy Tình báo không bao giờ biết đến người thân cận nhất của Saddam đang ở trong tình trạng đó.

Ibrahim nói với anh ta Rais đang điên lên, và khi điều đó xảy ra, máu có thể chảy như suối. Chỉ điều đó mới làm dè nén được cơn giận của người đến từ Tikrit. Phó tổng thống cho rằng anh - Rahmani - có thể phải tạo ra chứng cứ, và thật nhanh. “Chính xác thì chứng cứ nào, ông đã nghĩ ra chưa?” anh ta hỏi Ibrahim. “Hãy tìm cho ra”, Ibrahim gào lên vào tai anh ta, “cách nào đó mà họ hiểu được”.

Rahmani đã có quan hệ với bạn bè mình trong Quân đội. Những người đã nói chuyện với các tay súng, và các báo cáo đã hướng đến một điểm: quân Anh đã cử đến hai chiếc máy bay. Đã có hai cái nữa bay cao hơn, nhưng kết luận là những cái đó chỉ là nguy trang; chắc chắn chúng đã không hề thả quả bom nào hết.

Từ Quân đội, Rahmani đã nói chuyện với đơn vị Lập kế hoạch Không quân. Quan điểm của họ - và nhiều trong số sĩ quan đã được huấn luyện của phương Tây - là không có mục tiêu nào với mức độ quan trọng về quân sự lại chỉ được gửi đến có hai máy bay. Không bao giờ như thế hết.

Vậy là Rahmani suy luận, nếu người Anh không nghĩ bãi rác ô tô là một đồng rác rưởi bỏ đi, thì họ nghĩ nó là cái gì? Câu trả lời có khả năng nằm ở hai giặc lái người Anh bị rơi. Cá nhân mà nói, anh thích tự trực tiếp tiến hành các cuộc xét hỏi, chắc chắn rằng với một số thuốc kích thích anh có thể buộc họ nói thật trong vài giờ.

Quân đội đã khẳng định họ đã bắt được viên phi công và viên hoa tiêu sau ba giờ truy đuổi, sâu trong sa mạc, một bị bỏ lại do vỡ mất cá. Thật không may, một chi tiết từ AMAM đã làm quay ngược mọi thứ với tốc độ đáng kể và đã mang theo những người bay. Không ai lý luận gì với AMAM hết. Do đó hai người Anh giờ đây đang ở chỗ Omar Khatib, và chỉ Allah mới có thể rủ lòng thương đến họ.

Bị mất cơ hội tuyệt vời tạo ra thông tin do những viên giặc lái trao cho, Rahmani nhận ra anh ta có thể phải tạo ra cái gì đó Câu hỏi là - ai? Chỉ một điều có thể đủ là cái Rais mong muốn. Và ông ta muốn gì? Tại sao, một sự phản bội. Rồi một sự phản bội. Vấn đề then chốt có thể là máy phát. Anh ta cảm máy nói và gọi thiếu tá Mohsen Zayeed, chỉ huy lĩnh vực nghe trộm của đơn vị anh, người chịu trách nhiệm nghe ngóng các cuộc truyền tin bằng radio. Đã là lúc cần nói chuyện lại.

Hai mươi dặm về phía tây Baghdad có một thị trấn nhỏ tên là Abu Ghraib, một địa điểm rất khó nhận diện và cho đến giờ vẫn không hề được biết đến nếu vì hiếm khi được nhắc đến trong Iraq. Bởi vì ở Abu Ghraib có một nhà tù lớn, được dành gần như tuyệt đối để sử dụng cho những cuộc hỏi cung và những vụ thanh trừng về chính trị. Vì lẽ đó, nó được trang bị người và được điều hành không phải bởi một cơ quan tù quốc gia mà là Cảnh sát Mật, AMAM.

Vào thời gian Hassan Rahmani đang gọi chuyên gia nghe lén của mình, một chiếc Mercedes dài màu đen đang lại gần những cánh cửa gỗ dày cộp của nhà tù. Hai người gác, nhận ra người trong xe, hú lên vào những cái cổng và mở chúng ra. Vừa đúng lúc, người đàn ông trong xe có thể trả lời với sự bạo tàn lạnh lùng đối với những ai cả gan làm chậm ông ta một giây phút vì lơ là công việc. Chiếc ô tô đi vào, những cánh cửa đóng lại. Khuôn mặt ở ghế sau nhận ra những nỗ lực của những người gác mà không để lộ ra nét vẻ gì. Không bao giờ có biểu hiện nào hết.

Trước những bậc thang dẫn lên toà nhà văn phòng chính, xe dừng lại, và một người gác khác đi đến mở cửa sau xe. Tướng Omar Khatib xuống xe, giằng dịn trong bộ quân phục barathea vừa khít, và rảo bước lên các bậc thang. Những cánh cửa nhanh chóng được mở ra cho ông ta ở mọi lối. Một sĩ quan cấp dưới, trợ tá của ông ta, cầm theo chiếc cặp công tác của ông ta.

Đến tầng văn phòng của mình, Khatib sử dụng chiếc thang máy lên đến tầng năm và là tầng cao nhất, và khi ông đã ở lại một mình, ông ta yêu cầu mang cà phê Thổ Nhĩ Kỳ lên và bắt đầu nghiên cứu giấy tờ. Các báo cáo của ngày miêu tả chi tiết tiến bộ trong việc khai thác những thông tin cần thiết từ những người ở tầng dưới.

Đằng sau vẻ mặt lạnh lùng của mình, Omar Khatib cũng lo lắng như tất cả các đồng nghiệp của mình ở khắp Baghdad.

Không giống như Rahmani, người hưởng giáo dục từ Anh quốc, biết nhiều ngôn ngữ, và không khí cởi mở gần như trở thành đáng ngờ, Khatib có thể tính đến lợi thế cơ bản của mình là đến từ Tikrit. Đã lâu đến thế ông ta làm công việc này do Rais giao phó, và làm rất tốt, luôn giữ được những lời tâm tình để bảo đảm không xảy ra bạo loạn, ông ta an toàn.

Nhưng hai mươi tư giờ vừa qua đã gây xáo trộn rất nhiều. Cả ông ta cũng đã nhận được cú điện thoại ngày hôm trước, nhưng từ người con rể, Hussein Kamil. Cũng giống như Ibrahim đối với Rahmani, Kamil cũng mang đến những tin tức về sự tức giận vô bờ bến của Rais qua sự kiện ném bom Al Qubai và đề nghị có những bằng chứng.

Không giống như Rahmani, Khatib đã có trong tay những người Anh. Đó là lợi thế một mặt, và là sự nguy hiểm ở mặt khác. Rais muốn biết, và nhanh, bằng cách nào các tay lái máy bay này biết được trước phi vụ - chỉ là bằng cách nào mà Liên quân lại biết được nhiều đến thế về Al Qubai, và bằng cách nào họ có được những thông tin đó.

Điều đó phụ thuộc vào ông ta, Khatib, để tạo ra các thông tin. Những người của ông ta đang làm việc với các tay lái trong suốt 15 tiếng đồng hồ, kể từ bảy giờ sáng hôm trước, khi họ đến Abu Ghraib. Cho đến giờ, bọn diên đó vẫn vững vàng.

Từ sân bên dưới cửa sổ của ông ta vang đến âm thanh của một sự va động, một sự va chạm, và một tiếng lướt nhỏ. Lòng mày Khatib nhăn lại, rồi nở ra khi ông ta nhớ lại. Trong cái sân trong dưới cửa sổ của ông ta một người Iraq bị treo cổ tay trên một cái giá chữ thập, những ngón chân tím máu của anh ta chỉ cao quá làn bụi 4 inch. Gần đó có một cái vại, trước màu sáng, giờ đã chuyển sang thẫm hồng.

Mỗi người gác và lính tráng đi ngang qua sân đều nhận lệnh phải đứng lại, cầm lên một trong hai cái roi mây từ cái bình, và đi một vòng ra sau lưng người đàn ông bị treo, đánh vào giữa cổ và đầu gối. Một hạ sĩ đứng gần đó trông coi. Người đó là một tay thương gia ngu xuẩn dám nói tổng thống là con một mẹ đi, kể giờ đây đang học, dù có hơi muộn, cách thức các công dân kính trọng Rais.

Vấn đề gây nhức đầu là ông ta vẫn còn ở đây. Nó chỉ ra sự bất thủ mà những tầng lớp lao động này có. Người thương gia đã phải chịu đựng hơn 500 cái đánh, một kỷ lục đầy ấn tượng. Ông ta có thể chết trước cái thứ một nghìn - không ai có thể chịu đến một nghìn - nhưng như thế đã là thú vị lắm rồi. Điều thú vị khác là rằng người đàn ông đã bị tố cáo bởi đứa con mười tuổi của ông ta. Omar Khatib nhám nháp tách cá phê của mình, đung đưa cây bút nạm vàng, và cúi xuống giấy tờ của mình.

Nửa giờ đồng hồ sau, có một tiếng gõ bí ẩn vào cánh cửa phòng.

- Vào đi, ông ta gọi, và nhìn ra để kiểm tra. Ông ta cần có tin mới, và chỉ một người có thể gõ cửa thẳng chứ không cần qua viên sĩ quan cấp dưới ở ngoài.

Người đi vào to lớn, và ngay cả mẹ anh ta cũng khó có thể bảo anh ta đẹp trai. Khuôn mặt bị rỗ chẳng chịt dấu ấn của bệnh đậu mùa, và hai vết sẹo tròn chạy xuống đang giật giật. Anh ta đóng cửa lại và đứng im, đợi lệnh.

Dù anh ta chỉ mới là một trung sĩ, thì thực ra anh ta không chỉ có cấp hàm thấp như thế, vì anh ta là một trong số rất ít mà viên tướng cảm thấy có sự tin cậy đồng đội. Một mình giữa đám nhân viên nhà tù, trung sĩ Ali được phép ngồi khi có mặt ông ta, khi được mời lên.

Khatib chỉ cho người đàn ông cái ghế và mời anh ta một điều thuốc. Viên trung sĩ ngồi xuống và nhả khói từ từ; công việc của anh ta rất nặng nhọc và mệt mỏi, điều thuốc là một giờ nghỉ đầy may mắn. Lý do Khatib nhân nhượng thứ tình cảm bà con từ một người ở cấp bậc thấp như vậy là vì anh ta thực sự có một sự ngưỡng mộ vô bờ với ông ta. Khatib nắm bắt được sự hiệu quả trong sự đánh giá cao của mình, và viên trung sĩ được ông ta ưu ái là người không bao giờ phản lại ông ta. Bình tĩnh, có phương pháp, một người chồng và người cha tốt, Ali thực sự là một tay chuyên nghiệp.

- Tốt chứ? Ông ta hỏi.

- Viên hoa tiêu kín, rất kín, thưa ngài. Viên phi công... Anh ta nhún vai. Một tiếng hay là hơn rồi đấy.

- Tôi nhắc lại cho anh là cả hai chúng đều phải hé răng. Ali, bắt buộc đấy. Và những câu chuyện của chúng phải ăn khớp với nhau. Chính Rais đang tin tưởng vào chúng ta đấy.

- Ông thì có thể, thưa ngài. Tôi nghĩ trong vòng mười phút ngài sẽ có được câu trả lời của mình. Viên hoa tiêu trước, và khi viên phi công học được điều gì đó, hẳn ta sẽ làm theo.

- Tốt lắm.

Khatib nhồm lên, và viên trung sĩ mở cửa cho ông ta. Cùng nhau họ đi xuống qua tầng trệt đến khu nhất người thứ nhất, nơi thang máy dừng lại. Có một lối đi hướng đến các tầng ngầm dưới đất. Dọc theo lối đi là những cánh cửa bằng thép, và đằng sau chúng, đang thu lu trong còng, là bảy người Mỹ, bốn người Anh, một người Italia, và một phi công lái máy bay Skyhawk của Kuwait.

Ở tầng tiếp theo dưới sâu hơn có nhiều xà lim hơn, tại đó có hai người mới bị bắt. Khatib nhìn qua lỗ khoá trong cánh cửa xà lim thứ nhất. Một ngọn đèn duy nhất đang chiếu sáng xà lim, những bức tường của nó rất chắc chắn và có màu máu sẫm. Giữa phòng, trên một cái ghế văn phòng bằng nhựa, một người đàn ông đang ngồi, gần như trần truồng, trên ngực bê bết vết nôn mửa, máu và nước dãi. Đôi tay của anh ta bị trói giật ra sau, và một mặt nạ đen ngòm không trở lỗ mắt phủ lên mặt anh ta. Hai người của AMAM trong bộ đồ giống hệt với trung sĩ Ali đang lắc người đàn ông trên ghế, tay của anh ta chạm xuống những ống nhựa xếp dưới sàn, những cái thêm vào trọng lượng mà không làm giảm độ nhạy. Họ đang đứng quay lưng, nghĩ một lúc. Trước khi dừng, họ đã tập trung vào ống quyển và xương bánh chè.

Khatib gật đầu và chuyển sang phòng tiếp theo. Qua lỗ khoá ông ta có thể trông thấy người tù thứ hai không bị bịt mắt. Một con mắt hoàn toàn nhắm nghiền, con người lò thịt của lông mày và má đầy máu. Khi anh ta mở miệng, có lỗ hồng do hai chiếc răng bị gãy gãy ra, và một luồng máu trôi lên trên môi anh ta.

- Tyne, viên hoa tiêu thì thào, Nicholas Tyne. Trung úy bay. Năm ôi một ôi chín sáu tám.

- Viên hoa tiêu đó, viên trung sĩ thì thào.

Khatib thì thào trả lời, “Ai trong số người của anh biết nói tiếng Anh?”

Ali chỉ - người ở bên trái.

- Bảo anh ta ra ngoài này.

Ali đi vào xà lim của viên hoa tiêu và đi ra với một trong số hai tra xét viên. Khatib nói chuyện một lúc với người này bằng tiếng Ả Rập. Người đàn ông gật đầu, trở vào xà lim, và đeo mặt nạ lên mặt viên hoa tiêu. Chỉ sau đó Khatib mới cho phép mở cả hai cánh cửa xà lim.

Người biết nói tiếng Anh cúi xuống đầu Nicky Tyne và nói qua làn vải. Tiếng Anh của anh ta có âm sắc rất nặng nhưng có thể hiểu được.

- Tốt rồi, trung úy Bay, đúng đó. Với anh, đã qua rồi. Không còn phải chịu đựng nữa đâu.

Viên hoa tiêu trẻ tuổi nghe thấy câu nói. Cơ thể anh ta như thể rùng lên vì đau đớn.

- Nhưng bạn của anh, anh ta không được may mắn như thế. Anh ta đang chết đấy. Thế là chúng tôi có thể chuyển anh ta vào bệnh viện - những mảnh vải trắng, các bác sĩ, mọi thứ anh ta cần; hoặc chúng tôi có thể kết thúc công việc của mình.

Lựa chọn của anh đấy nhé. Khi anh nói cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ ngừng ngay và đưa anh ta vào bệnh viện. Khatib gật đầu hướng đến hành lang với trung sĩ Ali, người đi vào xà lim bên kia. Từ cánh cửa mở những âm thanh của tiếng nhựa cọ vang lên. Rồi viên phi công bắt đầu hét lên.

- Tốt rồi, đầu đạn? Nicky Tyne hét lên dưới lớp vải. Dừng lại đi, lũ con hoang các người! Đó là một kho khí độc.

Tiếng đánh đập ngừng lại. Ali xuất hiện, thở hổn hển, từ xà lim của viên phi công.

- Ngài đúng là thiên tài, thưa Sayid tướng quân.

Khatib nhún vai khiêm tốn.

- Đừng bao giờ đánh giá thấp tính đa cảm của người Anh và người Mỹ, ông ta nói với học trò của mình. Hãy mang những người phiên dịch đến đây. Ghi vào mọi chi tiết, dù là nhỏ nhất. Khi có bản dịch rồi, mang lên văn phòng cho tôi.

Quay trở lại phòng của mình, tướng Khatib gọi một cú điện thoại tiếng đến Hussein Kamil. Một tiếng đồng hồ sau, Kamil gọi lại. Bố vợ anh ta đã bình tâm trở lại; một cuộc họp có thể được triệu tập, khả năng là đêm nay. Omar Khatib có thể sẽ phải chuẩn bị để sẵn sàng đến cuộc họp.

Tối đó, Karim lại tiếp tục ve vãn Edith, một cách dịu dàng và không chút ma mãnh nào, lần này về công việc của cô.

- Em có bao giờ thấy buồn chán ở ngân hàng không, em yêu?

- Không, đó là một công việc thú vị. Sao anh lại hỏi thế.

- À, anh cũng không biết nữa. Chỉ để hiểu bằng cách nào em lại có thể nghĩ nó là hấp dẫn. Với anh, nó chắc là công việc nhàm chán nhất trên đời đây.

- Nhưng mà không phải thế đâu.

- Thôi được rồi. Thế hấp dẫn ở chỗ nào?

- Anh biết đấy, quản lý các tài khoản, đặt các đầu tư, những việc tương tự như thế. Đó là một công việc quan trọng.

- Chẳng nghĩa lý gì hết cả. Cứ như là nói “Chào buổi sáng, vâng thưa ngài, không thưa ngài, dĩ nhiên thưa ngài” với hàng đồng người đến và ra để rút một cái séc 50 silinh. Chán lắm.

Anh đang nằm ngửa trên giường của cô. Cô đang đi lại và đến nằm bên cạnh anh, choàng tay anh qua vai cô, bằng cách đó họ có thể sát vào nhau. Cô thích sát vào nhau.

- Thỉnh thoảng anh thật là ngốc, Karim ạ. Nhưng em yêu anh ngốc nghếch như thế. Ngân hàng Winkler không phải một ngân hàng phát hành - nó là một ngân hàng buôn bán.

- Thì khác nhau thế nào?

- Bọn em không có tài khoản séc, khách hàng với sổ séc đi ra đi vào. Không làm việc theo cách đó đâu.

- Thế thì bọn em kiếm tiền sao được, vì có khách đâu.

- Dĩ nhiên có tiền chứ, nhưng là với các tài khoản rút tiền.

- Anh chẳng bao giờ có cái nào như thế cả, Karim thừa nhận. Chỉ có một tài khoản vãng lai nhỏ thôi. Dù sao anh vẫn thích tiền mặt hơn.

- Anh không thể có tiền mặt khi anh nói đến hàng triệu. Người ta sẽ ăn cắp của anh. Nên anh phải cho vào một ngân hàng và đầu tư chúng.

- Em muốn nói là ông già Gemuetlich có đến hàng triệu đồng? Tiền của người khác?

- Phải, hàng triệu ấy chứ.

- Siling hay đôla?

- Đôla, đồng bằng, hàng triệu.

- Tốt, anh không thể tin cậy ông ta với tiền của anh được.

Cô ngồi dậy, hơi bị tức.

- Ngài Gemuetlich hoàn toàn trung thực. ông ấy không bao giờ nghĩ đến chuyện làm như thế đâu.

- Có thể là không, nhưng người khác thì có thể chứ. Xem nào - nói thử xem, anh biết một người có một tài khoản ở Winkler. Tên anh ta là Schmitt. Một hôm anh đến và nói: Chào buổi sáng, Ngài Gemuetlich, tên tôi là Schmitt, và tôi có một tài khoản ở đây. Ông ta nhìn vào sổ của mình, và nói: Phải, anh có. Thế là

anh nói: Tôi thích rút toàn bộ ra. Thế là khi anh chàng Schmitt thực sự đến, chẳng còn cái quái gì hết cả. Chính vì thế tại sao anh lại thích tiền mặt hơn đây.

Cô cười phá lên vì sự ngây thơ của anh và kéo anh lên, nói thì thầm vào tai anh ta:

- Không thể thế được đâu. ông Gemuetlich có thể biết được anh chàng Schmitt quý giá của anh. Cách nào đi nữa, ông ấy cũng phải tự xác minh.
- Hộ chiếu có thể làm giả. Thì bọn Palestine quý quái chẳng suốt ngày làm thế còn gì.
- Anh ta còn cần có một chữ ký nữa, với cái đó thì có mẫu
- Thế thì, anh sẽ tập ký giả chữ ký của Schmitt.
- Karim, em nghĩ anh sẽ trở thành một tên tội phạm một ngày nào đó. Anh xấu tính lắm.

Cả hai cười vang lên vì ý tưởng đó.

- Cách nào đi nữa, nếu anh là người nước ngoài và sống bên ngoài, anh có khả năng có một tài khoản được đánh số. Chúng là hoàn toàn không thể bắt chước được.

Anh nhìn xuống vào cô từ một khuỷu tay, lông mày nhăn

- Là cái gì thế?
- Một tài khoản đánh số
- Mmmmm.

Cô giải thích nó hoạt động như thế nào.

- Điên quá nhỉ, anh nói khi cô kết thúc. Bất kỳ ai cũng có thể đến và tuyên bố là chủ. Nếu Gemuetlich chưa từng bao giờ nhìn thấy người chủ thật...
- Có những quy trình nhận diện chứ, anh ngốc. Những mật mã hết sức phức tạp, các phương pháp chữ viết, các cách thức chắc chắn mà các chữ ký phải được định vị - tất cả những thứ đó để kiểm tra rằng người đó thực sự là chủ của tài khoản đó Trừ khi tất cả họ thông đồng với nhau - với chữ viết - ông Gemutlich sẽ không hợp tác đâu. Thế cho nên giả danh là không được đâu
- Thế ông ta hẳn là phải có trí nhớ khủng khiếp lắm nhỉ.
- Ôi, anh quá là ngốc nghếch đấy. Phải viết ra chứ. Thế anh có cho em đi ăn tối không?
- Em có đáng thế không?
- Anh biết là em có mà.
- À thế thì được. Nhưng anh muốn một thứ ăn tại chỗ.

Cô bối rối. "Tốt thôi, thì đặt một chỗ đi".

- Anh muốn nói là em ấy.

Anh với lên và nắm lấy cổ tay của bộ đồ ngủ của cô, kéo cô với một ngón tay đằng sau lên giường. Cô vùng vẫy một cách sung sướng. Anh trườn lên người cô và bắt đầu hôn. đột nhiên anh ta ngừng lại. Cô ngẩng nhìn cảnh giác.

- Anh biết anh sẽ phải làm gì rồi, anh thì thầm trong hơi thở, anh sẽ thuê một cái két an toàn, vào trong kho của ông già Gemuetlich, và nhìn các mật mã. Rồi anh sẽ lấy tiền đi với chúng.

Cô cười phá lên với suy nghĩ anh đã không thay đổi suy nghĩ cả trong lúc làm tình.

- Không thể được đâu. Mmmmm. Làm nữa đi.
- Có chứ.
- Aaaa. Không được đâu.

- Có Những thứ an toàn suốt ngày bị phá. Hãy đọc báo hàng ngày mà xem.

Cô luôn bàn tay khám phá của mình xuống dưới, và mắt cô mở to ra.

- Ooooo, thế là tất cả với em đấy ư? Anh là người đàn ông thật đáng yêu, kỳ vĩ, khoẻ khoắn, Karim, và em yêu anh. Nhưng ông già Gemuetlich, theo cách anh gọi ông ấy, có thông minh hơn anh một chút đấy...

Một phút sau, cô không còn quan tâm xem Gemuetlich thông minh cỡ nào nữa.

Trong khi nhân viên Mossad đang làm tình ở Vienna, Mike Martin đang dựng đĩa vệ tinh của mình khi sắp tới nửa đêm và ngày 11 tháng Hai sắp sửa chuyển sang ngày 12. Iraq thế là chỉ còn cách ngày tấn công theo lịch tám ngày vào ngày 20 tháng Hai. Phía nam biên giới, dải đất phía bắc của sa mạc Arập Xêut chất đầy những trại tập trung lớn nhất của người và vũ khí, súng ống, xe tăng, và các kho được chia ra thành những phần rất nhỏ của vùng đất kể từ Thế chiến hai.

Gió nóng không ngừng thổi từ không khí, dù phần lớn các mục tiêu trong danh sách đầu tiên của tướng Horner đều đã được thăm hỏi, có khi còn đến hai lần hoặc hơn. Mặc dù sự dẫn sâu vào các mục tiêu mới tạo nên bởi hàng rào Scud ngăn ngừa trên đất Israel, kế hoạch không chiến thiên tài đã vào guồng. Mọi nhà máy được biết cho sản xuất vũ khí đều đã bị thổi tung, trong số đó có 12 cái mới thêm vào nhờ thông tin của Jericho.

Không lực Iraq đã rõ ràng ngừng tồn tại. Hiếm khi có những máy bay chiến đấu chống trả, họ không chọn cách đối đầu với những chiếc Eagle, Hornet, Tomcat, Falcom, Phantom và Jaguar của Liên quân, quay trở về căn cứ của mình và vào giữa tháng Hai không còn bận tâm đến việc thử nữa. Một số máy bay chiến đấu và thả bom đã được gửi một cách có suy tính cẩn thận sang Iran, nơi họ đã ngay lập tức bị đánh bật.

Ở cấp độ cao nhất, những người chỉ huy Liên quân có lẽ không hiểu nổi tại sao Saddam đã chọn cách gửi đội tốt nhất của mình sang kẻ thù cũ. Lý do là vì sau một thời điểm nào đó ông ta đã chắc chắn đoán rằng mọi quốc gia trong vùng không còn lựa chọn nào khác là quay mũi kiếm vào mình; vào lúc đó ông ta có thể dùng lại không quân của mình.

Vào lúc đó hiếm khi tìm được một cây cầu nào chưa bị đánh phá trên khắp đất nước hay một trạm sản xuất điện nào còn vận hành được.

Vào giữa tháng Hai, một nỗ lực thêm nữa của Liên quân đã được hướng đến Quân đội Iraq ở nam Kuwait và trên biên giới giữa Kuwait và Iraq.

Từ đông sang tây biên giới bắc Xêut với đường cao tốc Baghdad-Barsa, các Buff vẫn đang truy diệt pháo binh, xe tăng, các khẩu đội tên lửa, và các vị trí đặt quân bộ binh. Những chiếc Thunderbolt A-10 của Mỹ, được đặt biệt hiệu do sự khùng khiếp trên bầu trời của chúng là “những con chó bay”, đang lùng kiếm và sẽ tiếp tục làm tốt nhất có thể - tiêu diệt xe tăng. Những chiếc Eagle và Tornado cũng đang định vị nhiệm vụ “xử lý xe tăng”.

Điều mà các vị tướng của Liên quân ở Riyaôh không biết được là 40 cơ sở được cho là sản xuất vũ khí tiêu diệt hàng loạt vẫn còn được giấu bên dưới sa mạc và đồi núi, hoặc các căn cứ không quân Sixco vẫn còn an toàn.

Kể từ khi chôn vùi được nhà máy Al Qubai, tâm trạng đã nhẹ nhàng hơn giữa bốn vị tướng biết thực sự nó chứa đựng gì, cũng như giữa những người của CIA và SIS đóng ở Riyadh.

Đó là một tâm trạng được phản ánh trong thông điệp ngắn gọn mà Mike Martin nhận được đêm đó. Những người chỉ huy anh ở Riyadh đã bắt đầu thông báo cho anh về thắng lợi của điệp vụ Tornado dù bị mất một máy bay. Đợt chuyển tin đi đến chỗ khen ngợi anh đã ở lại ở Baghdad sau khi đã được phép rời đi và về toàn bộ phi vụ. Cuối cùng, anh được cho biết không còn nhiều việc để làm. Jericho có thể được chuyển cho một thông điệp cuối cùng, để thông báo Liên quân rất vui nhận được thông tin của anh ta, và toàn bộ tiền của anh ta đã được trả, và mối quan hệ này có thể được xây dựng lại sau chiến tranh. Sau đó, Martin được cho biết, anh thực sự đã có thể trốn khỏi đó vì sự an toàn của chính mình để về Arập Xêut trước khi điều này không thể làm được nữa.

Martin đóng lại máy của mình, gói nó và chôn xuống đất dưới sàn, và nằm trên giường của mình trước khi ngủ. Thật thú vị anh nghĩ. Các quân đội sẽ không vào Baghdad. Thế còn Saddam thì sao nhỉ - đầu là mục

đích của việc này? Một cái gì đó đã thay đổi rồi.

Nếu biết về cuộc họp sẽ diễn ra tại đại bản doanh của Mukhabarat chưa đến một dặm cách đó, thì giác ngộ của Mike Martin không thể dễ dàng được.

Về những vấn đề kỹ thuật có bốn mức - thông thạo, rất tốt, xuất sắc và tự nhiên. Cấp cao nhất nằm ở trên mọi kỹ năng và đi vào một lĩnh vực nơi mọi kiến thức kỹ thuật được hỗ trợ bởi một cảm giác bẩm sinh, một bản năng tốt, giác quan thứ sáu một sự giởi giang với chủ đề và máy móc không thể viết trong các sách hướng dẫn.

Về vấn đề phát thanh, thiếu tá Mohsen Zayeeh là một người bẩm sinh. Khá trẻ, với những đường nét ngây thơ làm cho anh ta có vẻ như là một sinh viên năm đầu, Zayeed sống, ăn, và thở với công nghệ phát thanh. Nơi ở của anh ta đầy những tạp chí mới nhất từ phương Tây, và khi anh ta bắt gặp một thiết bị mới có thể làm tăng hiệu quả bộ phận nghe trộm điện đàm của mình, anh ta thế nào cũng đòi mua bằng được. Bởi vì nó có giá trị với anh ta, nên Hassan Rahmani luôn cố kiếm cho anh ta.

Không lâu sau nửa đêm, hai người đàn ông ngồi trong văn phòng của Rahmani.

- Có tiến triển gì không? Rahmani hỏi.

- Tôi nghĩ là có đấy, Zayeeh trả lời. Ở đây này, tốt thôi - không nghi ngờ gì quả là về cái đó. Vấn đề rắc rối là, hần ta sử dụng những cú chuyển nhanh không thể bắt kịp. Chúng chạy nhanh quá. Gần như, nhưng khá đấy. Với kỹ năng và kiên nhẫn, ai đó có thể tình cờ tìm ra một cái, ngay cả thậm chí nó chỉ dài có vài giây thôi.

- Anh đến gần đâu rồi? Rahmani hỏi.

- à, tôi đã theo được các tần số phát đến một dải khá hẹp với tầm sóng siêu dài, làm cho dễ hơn. Nhiều ngày trước, tôi đã gặp may. Chúng tôi đang đổi theo một dải hẹp ngoài tầm: và nó đột nhiên xuất hiện. Nghe nhé.

Zayeeh bật một cái đài và bấm nút Play. Một đồng hồ độn âm thanh tràn ngập văn phòng. Rahmani tỏ ra bối rối.

- Nó đấy à?

- Đó là mật mã, dĩ nhiên.

Dĩ nhiên rồi, Rahmani nói. Anh có phá được không?

- Gần như chắc chắn là không. Họ đã đóng mã bằng một con chip silicon duy nhất, đi kèm với mạch siêu nhỏ phức tạp.

- Có giải mã được không? Rahmani tỏ ra chán nản; Zayeeh sống trong thế giới riêng của anh và nói với ngôn ngữ thân mật.

Anh ta đã thực hiện một nỗ lực lớn để cố và nói thẳng lên cho sĩ quan chỉ huy của mình.

- Đó không phải là một mật mã. Để nghe được cái đồng hồ này với tốc độ ban đầu của nó có thể cần đến một con chip silicon tương tự như thế. Những cái của đó giá hàng triệu đấy

- Thế điểm mấu chốt là gì?

- Vấn đề là, thưa ngài, là - tôi có ý hay rồi.

Hassan Rahmani cúi xuống tò mò.

- Một ý hay?

- Đợi nhé. Và đoán được không nào? Bức thông điệp được gửi vào lúc nửa đêm, 30 giờ trước khi Al Qubai bị oanh tạc. Tôi đoán là, các chi tiết của nhà máy hạt nhân ở trong đó. Còn có gì đó hơn nữa.

- Tiếp tục đi.

- Hần ở trong này.

- Trong Baghdad?

Thiếu tá Zayeeh mỉm cười và gật đầu. Anh ta đã giữ tin tốt nhất của mình đến tận phút cuối cùng. Anh ta muốn được khen.

- Không, thưa ngài, hẳn ta ở trong quận Mansour. Tôi đã khoan được bốn km vuông rồi.

Rahmani suy nghĩ rất lung. Thế thì hẹp thật, thật sự là hẹp. Điện thoại kêu. Anh ta nghe trong vài giây, rồi đặt máy và đứng lên.

- Tôi bị gọi đi họp rồi. Điều cuối cùng. Còn cần nghe trộm được bao nhiêu lần nữa anh mới có thể làm rõ chúng? Đến một toà nhà, hay thậm chí một ngôi nhà?

- Nếu may mắn, tôi nghĩ tôi có thể tóm hẩn nhanh thôi, nhưng với lần đầu tiên tôi nghĩ tôi có thể tìm thấy hẩn. Cầu cho hẩn gửi một bức thông điệp dài, nhiều giây trên không trung. Rồi tôi sẽ có thể đưa cho ông một khu vực diện tích chỉ vài trăm mét vuông thôi.

Rahmani thở ra thật mạnh và đi xuống đến chiếc xe đang chờ sẵn.

Họ đến địa điểm họp với Rais trong hai chiếc xe bus bật bùng. Bảy vị bộ trưởng trong một chiếc, chiếc còn lại gồm sáu vị tướng và ba trùm tình báo. Không ai biết nơi mình sẽ đến, và qua kính trước người lái xe chỉ đơn giản là đi theo chiếc xe mô tô.

Chỉ khi chiếc xe bus dừng lại tại một cái sân có tường bao bọc nơi 9 người trên chiếc xe thứ hai mới được phép xuống. Mất 40 phút lái xe vòng vèo. Rahmani cho rằng họ đang ở vùng nông thôn, cách Baghdad khoảng 30 dặm. Không hề có tiếng ồn ào xe cộ đi lại và những ngôi sao trên bầu trời chiếu lên những nét mờ nhạt của một ngôi biệt thự lớn cửa sổ màu đen.

Trong căn phòng khách chính bảy vị bộ trưởng đang ngồi đợi. Các vị tướng ngồi vào chỗ được chỉ định và im lặng. Các vệ binh chỉ chỗ cho tiến sĩ Ubaidi của Tình báo Nước ngoài, Hassan Rahmani của Phấn gián, và Omar Khatib của Mật. Vụ 3 chỗ ngồi đối diện với cái ghế bành rộng duy nhất có đệm dành cho Rais. Người đàn ông đã gửi tin cho họ đi vào mấy phút sau đó.

Tất cả đứng lên và được vẫy tay để ngồi xuống. Với một số người, đã trên ba tuần nay họ mới được gặp lại tổng thống. Ông có vẻ mệt mỏi, mắt quầng thâm và cái cằm cau có tỏ rõ nhiều điều.

Không rào trước đón sau, Saddam Hussein đi thẳng vào việc của buổi họp. Họ đã bị một trận ném bom - tất cả đều đã biết, kể cả những người trước đó chưa hề biết về một nơi tên là Al Qubai.

Địa điểm bí mật đến nỗi ở Iraq không có quá 10 người biết đích xác nó ở đâu. Giờ nó đã bị ném bom. Chỉ có thể là người ở cấp cao nhất và một số kỹ thuật gia cao cấp được. Đến thăm đó mà không bị bật mất hoặc trong những chiếc xe bật bùng, trước. Khi nó bị đánh bom.

Im lặng trong phòng. Sự im lặng chết chóc. Các vị tướng - Radi của bộ binh, Kadin của đội Hải quân, Ridha của Pháo binh, và Musuli của Công binh, và hai người khác, chỉ huy Đội Vệ binh Quốc gia và chỉ huy Nhân sự - nhìn chằm chằm vào chiếc thảm trước mặt họ.

- Đồng chí của chúng ta, Omar Khatib, đã hỏi cung hai viên phi công người Anh, Rais gần giọng. Giờ thì ông ta có thể giải thích điều gì đã xảy ra.

Không ai dám nhìn thẳng vào Rais, giờ đây mọi cặp mắt đổ dồn vào thân hình mảnh khảnh của Omar Khatib.

Đồ tể vẫn nhìn thẳng vào đoạn giữa người đứng đầu Nhà nước, chiếu thẳng khuôn mặt của mình qua căn phòng.

- Bọn phi công đã phun ra, ông ta lạnh lùng nói. Chúng đang trên đường về phía bắc. Chúng đã được chỉ huy chúng cho biết không quân Liên quân đã nhìn thấy có xe tải, xe tải Quân đội, di chuyển ra vào một khu bãi rác ô tô. Từ đó, Bọn con của Chó đã có cảm giác cái kho được nguy trang một kho vũ khí, đặc biệt một nơi dành cho đầu đạn chứa khí độc. Nó không được quan tâm đặc biệt lắm và không hề nghĩ rằng có phòng không ở đó Cho nên chỉ có hai máy bay được gửi đến để thực hiện nhiệm vụ, cùng với hai chiếc khác bay

trên chúng để hướng dẫn mục tiêu Không hề có sự đề phòng trước sẽ có pháo phòng không, bởi vì chúng không hề nghĩ là có. Chúng - viên phi công và viên hoa tiêu - chẳng biết gì hơn thế cả.

Rais ngoái đầu về phía tướng Farouk Ridha.

- Đúng hay sai, Rafeek?

- Như thế cũng là bình thường, Sayid Rais, người đàn ông, chỉ huy pháo binh tại các địa điểm SAM nói, khi chúng gửi đầu tiên là các máy bay chiến đấu có hỏa tiễn đến để bắn các điểm phòng không, rồi mới có máy bay ném bom đến đánh mục tiêu. Chúng thường xuyên làm như thế. Với một mục tiêu có tầm quan trọng hàng đầu. Chẳng bao giờ có chuyện chỉ có hai máy bay không tiếp viện đến đâu.

Saddam suy nghĩ về câu trả lời, đôi mắt đen của ông ta không hề để lộ chút nào suy nghĩ của ông. Đó chính là một phần của quyền lực ông có được đối với những con người này; họ không bao giờ biết được ông ta sẽ phản ứng như thế nào.

- Có khả năng nào, Rafeek Khatib, rằng bọn đó định giấu anh điều gì, rằng chúng có biết nhiều hơn những điều chúng nói?

- Không, thưa Rais. Chúng đã được... thuyết phục để hợp tác toàn bộ.

- Thế là vấn đề đã xong rồi đấy à? Rais trầm tĩnh hỏi.

Cuộc tấn công đó chỉ là một đòn hú họa của chúng và chúng đã gặp may?

Những cái đầu gật xuống trong cả phòng. Tiếng hét vang lên làm tất cả trở nên tê liệt.

- Sai? Tất cả các ông đều sai?

Trong một giây giọng nói đó đã trở về với mót lời thì thầm bình tĩnh, nhưng sự sợ hãi nó gây ra thì vẫn lơ lửng. Tất cả mọi người đều hiểu rằng sự dịu dàng của giọng nói có thể là báo trước cho những điều kinh khủng nhất, những hình phạt ghê gớm nhất.

- Chẳng có xe tải nào hết cả. xe tải Quân đội ấy. Xin lỗi những tên phi công trong trường hợp chúng bị bắt nhé. Còn có cái gì khác nữa, có không?

Phần lớn mọi người toát mồ hôi hột dù điều hoà nhiệt độ vẫn chạy. Vẫn thường xuyên là như thế, kể từ buổi bình minh của lịch sử, khi thủ lĩnh của một bộ lạc gọi tất cả vào chỗ của phù thủy và tất cả run sợ trước nguy cơ chiếc gậy chỉ thẳng vào mình.

- Có một kẻ phản bội, Rais thì thào. Có một kẻ bán đứng chúng ta. Ai đó là kẻ phản bội, kẻ đó dám chống lại ta.

Ông ta im lặng trong vài phút, để cho họ run lên. Khi ông ta tiếp tục nói, ông ta nhìn về phía ba người đang đứng trước mặt mình đầu kia căn phòng.

- Tìm hắn đi. Tìm hắn và mang hắn về đây cho ta. Hắn ta sẽ biết được những hình phạt cho những tội lỗi như thế. Hắn ta và gia đình hắn ta.

Rồi ông ta đi thẳng ra khỏi phòng, cùng với viên vệ sĩ riêng của mình. 16 người đàn ông rời phòng không ai nhìn ai, không thể bắt được cái nhìn của một ai. Như thế có thể là một sự hy sinh. Không ai muốn trở thành đồ tể. Ai cũng lo sợ cho mình, nếu chẳng may dấu hiệu đó tỏ ra là như thế.

Mười lăm người trong số đó đi cách xa người còn lại, cây gậy của viên thầy cúng, cái kẻ tên là Al-Mu'azib, Đồ tể. Ông ta có thể tạo ra vật tể.

Rahmani im lặng. Không có thời gian để nêu lên những làn sóng dài. Những chiến dịch của anh là rất tinh tế, tinh vi, dựa trên sự dò xét và trí thông minh thực sự. Điều cuối cùng anh cần làm là làm sao bọn AMAM không phá đám những điều tra của anh.

Trong tâm trạng kinh hoàng các vị bộ trưởng và tướng lĩnh quay trở lại vào màn đêm và về với những nhiệm vụ của mình.

- Ông ta không giữ chúng trong hòm an toàn ở văn phòng đâu, Avi Herzog, tức Karim nói, với Gidi Barzilai chỉ huy của mình trong một bữa sáng muộn muộn vào buổi sáng hôm sau.

Cuộc gặp an toàn, trong căn hộ của Barzilai. Herzog đã không gọi điện, từ một bộ điện thoại công cộng, cho đến khi Edith Hardenberg đã chắc chắn yên vị trong ngân hàng. Ngay sau đó, đội yarid đã tới. theo anh ta đến cuộc hẹn để chắc anh ta không bị theo dõi. Nếu anh ta có đuôi, họ sẽ phát hiện ra. Đó là chuyên môn của họ.

Gidi Barzilai chồm lên trước qua cái bàn gỗ, mắt sáng lên.

- Làm tốt đấy, chú nhóc xinh trai. Thế là bây giờ tôi biết ông ta không giữ mật mã. Nhưng vấn đề là chúng ở đâu?

- Trong bàn ông ta.

- Bàn? Cậu điên rồi. Ai chẳng có thể mở một cái bàn.

- Thế ông đã nhìn thấy nó chưa?

- Bàn của Gemuetlich? Chưa.

- Nhìn bề ngoài nó rất lớn, rất đẹp và rất cổ. Thật sự là một thứ đồ cổ đấy. Có một ngăn riêng, do người làm bàn đầu tiên tạo ra, rất bí mật, rất khó tìm, mà Gemuetlich nghĩ là an toàn hơn bất cứ chiếc két sắt nào. Ông ta tin một tên trộm có thể tìm đến két sắt chứ chẳng bao giờ nghĩ đến cái bàn của ông ta. Ngay cả khi một tên trộm mò vào bàn, hẳn ta cũng sẽ chẳng thể tìm thấy cái ngăn đâu.

- Và cô ta Không biết nó ở đâu à?

- Không. Chưa từng thấy nó mở ra. Ông ta luôn tự tay khoá nó trong văn phòng khi ông ta cất giấu gì đó.

Barzilai suy nghĩ.

- Thăng cha lỗi thật. Chẳng bao giờ mình nghĩ được chuyện đó cả. Cậu biết đấy, có khả năng là hẳn đúng.

- Tôi đã ngừng công việc của mình được chưa?

- Chưa, Avi, chưa đâu. Nếu cậu đúng, cậu đã làm rất tốt đấy Nhưng vẫn phải tiếp tục, phải đóng vai tiếp. Nếu bây giờ cậu biến, cô ta sẽ nhớ lại cuộc nói chuyện vừa rồi, chấp nối lại và sẽ nhìn ra đấy. Hãy tiếp tục với cô ta, và đừng bao giờ nói gì về ngân hàng nữa.

Barzilai suy nghĩ về vấn đề. Không ai trong đội của ông ở Vienna này đã từng nhìn thấy cái két, nhưng có một người đã từng.

Barzilai gửi một bức điện được mật mã rất kỹ cho Kobi Dror ở Tel Aviv.

Kẻ chỉ điểm được đưa vào và ngồi trong phòng cùng với một nghệ sĩ. Kẻ chỉ điểm không đa tài lắm, nhưng anh ta có một kỹ năng rất đặc biệt: có một trí nhớ cực tốt. Trong năm giờ anh ta ngồi nhắm mắt và nhớ lại về cuộc phỏng vấn anh ta thực hiện với Gemuetlich trong khi đóng vai một luật sư đến từ New York. Nhiệm vụ chủ yếu của anh ta là tìm các chỗ đặt hệ thống báo động trên cửa sổ và cửa ra vào, tìm một két sắt trên tường. những đường dây điện - mọi thứ thủ thuật để giữ cho căn phòng được an toàn. Những cái đó anh ta đã ghi chép và báo cáo. Cái bàn không thu hút anh ta nhiều lắm.

Nhưng ngồi trong căn phòng dưới đại lộ Vua Saul nhiều tuần sau đó, anh ta có thể nhắm mắt lại và nhìn thấy lại mọi thứ.

Từng dòng một, anh ta miêu tả cái bàn cho người nghệ sĩ. đôi khi kẻ chỉ điểm có thể nhìn vào bản vẽ, sửa lại, và tóm tắt. Người hoạ sĩ làm việc với mực ấn Độ với một chiếc bút nét nhỏ và tô màu chiếc bàn với màu nước. Sau năm tiếng đồng hồ người hoạ sĩ đã có được một mảnh giấy vẽ chi tiết trên đó có bức tranh tô màu của một cái bàn đang ở trong văn phòng của Herr Wolfgang Gemuetlich ở Ngân hàng Winkler ở Ballgasse, Vienna.

Bức tranh đến tay Gidi Barzilai trong một phong thư ngoại giao từ Tel Aviv đến Đại sứ quán Israel ở áo. Ông có nó trong hai ngày.

Trước đó một sự kiểm tra trong danh sách các sayanim khắp châu Âu đã làm nảy ra sự tồn tại của Monsier Michel Levy, một nhà sưu tập đồ cổ ở đại lộ Raspail, Paris, được coi là một trong số các chuyên gia hàng đầu về đồ gỗ cổ điển tại châu Âu.

Không cần đợi đến đêm ngày 14 tức là ngày tại Vienna, Barzilai đã nhận được bức vẽ màu, còn Saddam Hussein lại triệu tập lần nữa cuộc họp với các bộ trưởng, tướng lĩnh và chỉ huy tình báo của mình.

Lần này cuộc họp vẫn được triệu tập theo yêu cầu của chỉ huy AMAM Omar Khatib, người đã thông báo tin thắng lợi của mình qua con rể Hussein Kamil của Rais, và lại là một ngôi biệt thự giữa đêm sâu.

Rais bình thản bước vào phòng và ra hiệu cho Khatib báo cáo về những kết quả của mình.

- Tôi có thể nói gì đây, Sayid Rais? Viên chỉ huy Cảnh sát mật giơ cả hai tay lên và để chúng rơi xuống như thể tuyệt vọng hoàn toàn. Đó là một kiệt tác trong việc biểu lộ nỗi thất vọng.

Rais đã đứng, còn tất cả chúng ta đều sai. Vụ ném bom Al Qubai quả thực không phải là một sự tình cờ. Có một kẻ phản bội, và chúng tôi đã tìm ra hắn.

Một sự kinh ngạc to lớn lan đi trong phòng. Người đàn ông ngồi trên chiếc ghế có nệm cao nhắc lưng hướng về bức tường không có cửa sổ phải giơ tay lên để ngừng những sự tán dương lại Cũng phải mất một lúc trật tự mới được lập lại.

- Ta có nói đúng không nào? nụ cười muốn nói: chẳng phải lúc nào ta cũng đúng sao?

- Làm thế nào mà anh phát hiện ra thế, hã Rafeek? Rais hỏi.

- Một sự phối hợp giữa may mắn và công tác điều tra,

Khatib khiêm tốn lên tiếng. Thật là may mắn, chúng ta đều biết đó là món quà của thánh Allah, người luôn mỉm cười với Rais.

Tiếng đồng tình lại vang lên trong căn phòng.

- Hai hôm trước cuộc tấn công của bọn ném bom của lũ Beni Naja, một chốt giao thông đã được lập lên trên một con đường gần đó. Đó là một điểm canh thường lệ do người của tôi điều hành để quản lý những đi lại của bọn người sa mạc, buôn lậu hàng hóa... Các số xe đều bị ghi lại. Hôm kia tôi đã kiểm tra chúng và phát hiện phần lớn trong số những chiếc xe đó đều là xe địa phương - xe hơi cũng như xe tải. Nhưng một cái rất đắt tiền, được đăng ký ở Baghdad này. Chủ nhân đã bị tìm ra, một người có thể có lý do để đến thăm Al Qubai. Nhưng một cú điện thoại đã chắc chắn anh ta không đến cơ sở đó. Tại sao, tôi tự hỏi, liệu anh ta có ở khu vực đó không?

Hassan Rahmani gật đầu. Đó là công tác điều tra cơ đấy. Và cũng chẳng hề giống với Khatib vẫn thường xuyên chỉ biết chém to kho mận.

- Thế tại sao hắn lại ở đó? Rais hỏi.

Khatib ngừng lại để tăng hiệu ứng lời nói của mình.

- Để ghi chép chi tiết về bãi rác ô tô, để xác định khoảng cách từ vị trí đánh dấu gần nhất và những thứ khác mà Không quân cần để có thể tìm ra.

Một tiếng thở phào vang lên trong cả căn phòng.

- Nhưng điều xảy ra sau đó, Sayid Rais. Thoạt tiên tôi mời thẳng cha đến gặp tôi ở trụ sở AMAM để nói chuyện thẳng thắn.

Đầu óc Khatib quay trở lại về cuộc đối thoại thẳng thắn tại trụ sở dưới tòa nhà của AMAM ở Saadun, Baghdad, khu nhà được biết đến với cái tên Nhà tập.

Thường thì Omar Khatib để những người dưới mình tiến hành hỏi cung, chỉ tự mình làm tùy vào mức độ nghiêm trọng và giám sát kết quả. Nhưng lần này là một vấn đề có tính tế nhị cao mà ông ta đã phải tự mình thực hiện, không cho ai khác bước qua cánh cửa cách âm của căn phòng hỏi cung.

Từ nền của căn xà lim có hai cái cùm đê cách nhau một yard, và từ chúng có treo hai sợi dây xích móc vào một thanh gỗ cứng. Hai cổ tay của người bị tình nghi bị buộc vào thanh gỗ thế là anh ta bị treo bằng tay cách nhau một yard. Vì không được đứng trên chân mình, anh ta cảm thấy đau khủng khiếp.

Chân anh ta bị treo cách sàn bốn inch, mắt cá chân bị buộc vào một thanh gỗ dài một yard. Người tù bị treo thành hình chữ X khiến cho mọi bộ phận cơ thể anh ta đều đau đớn; Anh ta bị treo giữa phòng, có thể bị đánh từ mọi hướng. Omar Khatib để chiếc roi mây trên chiếc bàn bên cạnh và đi vòng ra trước mặt anh ta. Tiếng thét hãi hùng của người đàn ông sau 50 đòn đầu tiên đã ngừng lại, để bật ra những tiếng rên rỉ van lơn. Khatib nhìn chăm chăm vào mặt anh ta.

- Anh điên lắm, anh bạn của tôi ạ. Anh có thể kết thúc tất cả những chuyện này dễ dàng lắm mà. Anh đã phản bội Rais, nhưng ông ấy sẽ tha thứ thôi. Tôi chỉ cần lời khai của anh.

- Không, tôi xin thề. có thánh Allah . . . Allah vĩ đại, tôi chẳng hề phản bội ai hết.

Người đàn ông rên rỉ như một đứa trẻ con, nước mắt ràn rụa trên mặt. Anh ta thật mềm yếu, Khatib nhận ra như vậy; việc này sẽ không tốn mấy thời gian nữa.

- Có chứ, anh đã phản bội. Có thánh Allah - anh có biết như thế có nghĩa là thế nào không?

- Có chứ ạ, người đàn ông thì thảm.

- Và anh biết ở đâu thì được an toàn không?

Khatib nâng đầu gối lên đánh thật mạnh về phía trước. Người đàn ông muốn tránh nhưng không nổi. Anh ta nôn ọc cả người mềm oặt ra.

- Có - gì?

- Có thưa sayid.

- Tốt hơn rồi đấy. Thế Cú đấm của Thượng đê được giấu ở đâu nào - kẻ thù chúng ta không thể biết được chúng phải không nào?

- Không, sayidi, đó là một bí mật.

Bàn tay Khatib vung lên và chìa ra trước mặt người tù.

- Manyouk, manyouk. thế bằng cách nào máy bay kẻ thù lại có thể đến đánh bom và phá hủy của chúng ta vào sáng sớm?

Người tù mở to mắt, cơn choáng đã làm anh ta quên đi sự hổ thẹn của lời lăng nhục. Trong tiếng A-rập manyouk có nghĩa là người đóng vai đàn bà trong các cặp tình nhân đồng tính luyến ái nam.

- Nhưng không thể thế được. Chỉ có rất ít người biết được về Al Qubai...

- Nhưng kẻ thù lại biết... Chúng đã phá hủy chúng.

- Sayidi, tôi thề đấy. không thể được đâu. Chúng không bao giờ có thể tìm ra. Người xây dựng nó, tướng Badri, đã nguy trang nó rất kỹ mà...

Cuộc hỏi cung tiếp tục thêm chừng nửa giờ nữa cho đến khi có kết luận cuối cùng.

Khatib bị chính Rais cắt đứt dòng hồi tưởng.

- Thế kẻ phản bội là ai vậy?

- Tên kỹ sư, tiến sĩ Salah Siddiqui, thưa Rais.

Một khoảng im lặng. Tổng thống chậm rãi gạt đầu, như thể ông đang nghi ngờ toàn bộ con người này.

- Có thể hỏi, Hassan Rahmani nói, thằng cha nó làm việc cho ai?

Khatib liếc một cái nhìn nham hiểm về phía Rahmani và ngừng một lúc.

- Điều đó thì hẳn không chịu nói, sayid Rais.

- Nhưng hẳn sẽ nói, sẽ nói thôi, tổng thống nói.

- Sayid Rais, Khatib thì thầm, tôi e rằng tôi phải báo cáo rằng vào cuối cuộc hỏi cung này, kẻ phản bội đã chết.

Rahmani chồm lên, quên hết cả nghi thức.

- Thưa tổng thống, tôi phải phản đối. Điều này cho thấy một sự kém năng lực đến khó tin. Tên phản bội hẳn phải có đường dây liên hệ với kẻ thù, con đường mà hẳn ta đã gửi đi các thông tin. Chúng ta sẽ không thể biết được.

Khatib ném vào anh một cái nhìn của lòng thù hận cháy bỏng mà Rahmani, người đã đọc Kipling khi còn là một đứa trẻ ở trường của ông Hartley. nhớ đến Krait, con rắn đã kêu lên “Cẩn thận, ta chết đây”.

- Ông có thể nói gì nào? Rais hỏi.

Khatib ngấn người! “Sayid Rais, tôi phải nói gì ư? Những người phục vụ dưới quyền tôi yêu kính ngài như cha đẻ của họ vậy - không, còn hơn thế nữa. Họ có thể chết cho ngài. Khi họ nghe nói rằng thằng cha này phản bội... thật quả là không sao chịu nổi.”

Ngụ thể cơ chứ, Rahmani nghĩ. Nhưng Rais lại chậm rãi gật đầu. Đó là kiểu nói mà ông ta rất thích nghe.

- Có thể hiểu được chứ, Rais nói. Những việc như thế đã xảy ra đây. Còn anh, thưa tướng quân Rahmani, anh chỉ trích đồng nghiệp của mình, thế anh đã có thành công nào chưa? Có thể thấy rằng Rahmani không mấy quan tâm đến Rafeek, “đồng chí”. Anh cần phải thận trọng, rất thận trọng.

- Có một máy phát tại Baghdad này, sayid Rais.

Anh chuẩn bị nói điều thiếu tá Zayeed đã cho anh biết. Anh nghĩ cần thêm vào câu cuối cùng. - thêm một lần chuyển tin nữa, nếu chúng tôi tóm được, tôi nghĩ chúng tôi sẽ tóm được tên gửi chúng đi”. - nhưng anh quyết định có thể chờ đợi thêm.

- Thế thì sau khi kẻ phản bội đã chết: Rais nói, tôi có thể nhắc lại với anh điều tôi đã nói hai ngày trước. Cú đâm. của Thượng đế đã không bị phá hủy, thậm chí còn không bị chôn vùi. 24 giờ sau vụ ném bom, tôi đã lệnh chuyển nó ra chỗ khác an toàn hơn.

Mất nhiều giây những tiếng vỗ tay mới chấm dứt như đám đông đang ngưỡng mộ người chỉ huy thiên tài của mình.

Ông ta nói với họ vũ khí đã được chuyển đến Pháo đài, nơi không thể với đến. và từ Qa'ala nó có thể được phóng ra, để thay đổi toàn bộ lịch sử, vào ngày đầu tiên, chiếc ủng đầu tiên của bộ binh Mỹ bước lên vùng đất thánh Iraq.

20. Chương 20

Tin tức về việc những chiếc Tornado của Anh đã trượt mục tiêu thực của mình tại Al Qubai là một cú sốc lớn đối với người đàn ông chỉ được biết đến với cái tên Jericho. Ông ta chỉ có thể cũng tự bắt mình vỗ tay phụ họa để tỏ lòng ngưỡng mộ Rais của mình như tất cả những người khác.

Trong chiếc xe bus cửa sổ đen ngòm cùng với các vị tướng khác chuyển đến trung tâm Baghdad, ông ta ngồi im lặng ở băng ghế sau, chìm vào những suy nghĩ của riêng mình.

Việc sử dụng thứ vũ khí đang được cất giấu ở đâu đó - tại một chỗ có tên là Qa'ala, Pháo đài, mà ông ta chưa từng nghe đến tên và cũng không biết nằm ở đâu - có thể gây ra nhiều, rất nhiều cái chết, chắc chắn không thể nào là ít được. Chính vị thế của ông ta đã làm ông ta lạc lối. Trong ba năm liền ông ta mạo hiểm tất cả mọi thứ - sự an toàn, sự sống, và một cái chết ghê rợn - để phản bội lại chế độ của chính đất nước mình. Vấn đề không chỉ đơn giản là xây dựng một gia tài khổng lồ cho mình ở nước ngoài; ông ta có

thể làm được điều đó bằng cách lạm dụng chức quyền của mình, ngay ở Iraq này, dù làm việc đó ở đây cũng không phải là không có nguy cơ gì.

Vấn đề là phải ra được nước ngoài với một lý lịch và hình dạng khác hẳn, do những người nước ngoài trả tiền cho ông ta chu cấp: được bảo đảm an toàn khỏi các đội hành hình chuyên đi ám sát. Ông ta đã nhìn thấy số phận của những người chỉ đơn giản là ăn cắp và sau đó chạy trốn; họ thường trực sống trong nỗi sợ hãi cho đến một ngày, những người báo thù Iraq tóm cổ được họ.

Ông ta, Jericho, muốn cả sự giàu có lẫn an toàn, vì lẽ đó ông ta vui mừng khi người đứng sau mình chuyển từ Israel sang Mỹ. Họ có thể lo cho ông ta, do phụ thuộc vào lời cam đoan, và tạo cho ông ta lý lịch mới, cho phép ông ta trở thành một người khác với quốc tịch khác, mua cho ông ta ngôi nhà đẹp đẽ cạnh bờ biển tại Mexico, nơi ông ta sống một cuộc sống nhàn nhã và đầy đủ.

Giờ đây mọi chuyện đã bắt đầu thay đổi. Nếu ông ta im lặng và thứ vũ khí đó được sử dụng, người Mỹ có thể nghĩ ông ta đã nói dối về Al Qubai. Ông đã không nói dối, nhưng trong khi giận dữ họ sẽ không bao giờ quên điều đó. Tệ hơn thế nhiều, người Mỹ có thể sẽ phanh phui tài khoản của ông ta, và điều này có thể được làm vì không lẽ gì cả. Bằng cách nào đó ông ta phải báo cho họ rằng đã có sự nhầm lẫn. Nhiều nguy cơ hơn, và có thể mọi chuyện sẽ qua - Iraq thất bại, Rais bị đổ, và ông ta, Jericho, sẽ thoát khỏi nơi đây và cao chạy xa bay.

Trong văn phòng riêng ông ta viết bức thông điệp của mình, vẫn bằng tiếng Ả-rập, trên tờ giấy mỏng không để lộ mấy khoảng trống. Ông ta giải thích về cuộc họp tối đó; rằng khi ông ta gửi đi thông tin trước, vũ khí đã đúng là có ở Al Qubai. Như ông ta đã nói, nhưng trong 48 giờ sau đó khi những chiếc Tornado đã rút đi, nó đã được chuyển chỗ. Đó không phải là lỗi của ông ta.

Ông ta muốn nói tất cả những gì mình biết: rằng có một địa điểm bí mật tên là Pháo đài; rằng vũ khí đang nằm ở đó, và từ Qa'ala nó có thể được phóng ra khi người Mỹ đầu tiên vượt qua biên giới Iraq.

Ngay sau nửa đêm, ông ta đi một chiếc xe ô tô không biển số và biến mất vào trong những đường phố tối om của Baghdad. Không ai dám hỏi ông ta đi đâu, không ai dám. Ông ta để bức thông điệp của mình dưới cán cờ trong một cái sân cũ ở đường Abu Nawas, rồi đánh dấu phần sau nhà thờ Thánh Joseph ở khu của người Thiên chúa giáo. Lần này dấu phần có hơi khác một chút. Ông ta hy vọng người mà ông ta không biết thường đến nhận tin của mình sẽ không để mất thời gian.

Và quả đúng là như vậy, Mike Martin rời khỏi ngôi biệt thự của người Xôviết rất sớm vào buổi sáng ngày 15 tháng Hai. Người đầu bếp Nga đã đưa cho anh một danh sách dài thức ăn tươi cần mua, một danh sách rất khó để có thể thực hiện đầy đủ Đồ ăn thức uống đang hiếm dần. Không còn những người nông dân ở nông thôn nữa; đã có những vấn đề về vận chuyển. Hầu hết các cây cầu đều đã bị phá. Vùng đồng bằng trung tâm của Iraq là một vùng đất với những con sông cung cấp nước tưới cho cây cối, là nguồn thực phẩm cho Baghdad. Buộc phải trả chi phí tàu phà để đi qua được những con sông đó, những người sản xuất nghĩ tốt hơn hết là ở lại nhà mình.

Thật may mắn, Martin lại bắt đầu từ chợ gia vị ở đường Shurja, rồi đạp xe đến nhà thờ Thánh Joseph để đến con đường đi vòng sau nhà thờ. Khi nhìn thấy dấu phần, anh thiếu điều nhảy dựng lên. Dấu phần trên bức tường đặc biệt này luôn được thỏa thuận là số 8 viết đứng chiều, với một nét ngắn đi qua giao điểm của hai đường tròn. Nhưng anh đã nói Jericho trong trường hợp thực sự khẩn cấp sẽ thay một nét ngắn bằng hai đường tròn nhỏ, mỗi cái trong một hình tròn tạo nên số 8 đó.

Hôm nay dấu vết quả là như thế. Martin đạp vội đến cái sân đường Abu Nawas, đợi cho đến khi mọi người đi cả, lại dừng xe cúi xuống như thể đang sửa dép, luồn một tay vào kẽ tường, và tìm thấy cái bì thư mềm. Khoảng giữa trưa, anh trở về ngôi biệt thự, giải thích cho ông bếp đang cấu kính rằng anh đã cố lắm nhưng thực phẩm hôm nay chẳng chịu đến thành phố gì cả. Anh có thể quay lại để mua vào buổi chiều.

Khi đọc thông điệp của Jericho, anh cảm thấy lạnh toát như người bị một cơn sợ rất lớn. Martin thảo nhanh một thông điệp của chính mình, giải thích cho Riyadh tại sao anh cần phải tự mình đứng ra giải quyết theo cách riêng của mình. Không còn đủ thời gian cho những cuộc họp ở Riyadh và những lần gửi tin tức qua lại nữa. Điều tồi tệ nhất, đối với anh, là tin Phán gián Iraq đã biết được về một máy phát tin bất hợp pháp gửi đi những tín hiệu mật. Anh có thể không biết họ đã ở gần mình đến đâu, nhưng anh phải đặt giả thuyết không thể tiếp tục gửi tin với Riyadh được nữa. Do đó anh phải tự mình ra quyết định.

Martin đọc thông điệp của Jericho bằng tiếng Arập trước, rồi dịch sang tiếng Anh vào máy thu. Anh đọc luôn vào đó thông điệp của chính mình và chuẩn bị để gửi đi. Anh không thể gửi tin đi cho đến đêm muộn - đêm luôn được chọn vì cả nhà Kulikov đều đi ngủ sớm. Nhưng, cũng giống như Jericho, anh có cách liên lạc trong những trường hợp khẩn cấp

Đó là một lần chuyển tin với một âm thanh dài và sắc, trong trường hợp này, là một tiếng huýt gió cao, trên một tần số khác hẳn, so với dải VHF vẫn thường sử dụng. Anh kiểm tra lại xem người lái xe đã đi cùng Bí thư thứ nhất Kulikov đến đại sứ quán ở trung tâm thành phố chưa và người quản gia Nga cùng vợ mình đã đi ăn trưa. Rồi, dù có nguy cơ bị lộ, anh vẫn dựng đĩa vệ tinh ra gần cửa ra vào mở rộng và gửi đi tiếng còi dài.

Trong căn phòng trực đài, một phòng ngủ trước đây trong ngôi biệt thự của SIS tại Riyadh, một ánh đèn lóe lên. Đã là hai giờ rưỡi chiều. Người trực điện, đang nhận những thông tin thường ngày giữa ngôi biệt thự và London, ngừng việc mình đang làm, kêu to qua cánh cửa, và mở máy Nhận với tần số ngày hôm đó.

Kỹ thuật viên thứ hai thò đầu vào cửa.

- Cái gì thế

- Gọi Steve và Simon nhanh lên. Tin của Râu Đen đấy, khẩn lắm.

Người đó biến đi. Martin cho Riyadh 15 phút, rồi chuyển đi bức thông điệp chính.

Riyadh không phải duy nhất có đài bắt được tín hiệu này. Ngoài thành phố Baghdad, một đĩa vệ tinh khác, đang chậm chậm quét dải bằng VHF, cũng bắt được một phần trong đó. Bức thông điệp dài đến mức, dù đã được làm ngắn đi, vẫn kéo dài tới 4 giây. Những người nghe trộm Iraq bắt được 2 giây cuối và đã định vị được.

Ngay khi gửi đi, Martin đóng ngay máy lại và giấu nhanh thiết bị của mình xuống dưới những tấm tôn ở sân nhà. Anh đang làm thì nghe có tiếng bước chân trên sỏi. Đó là người đầu bếp người Nga, vốn tốt bụng, đang đi qua sân để cho anh một liều thuốc Balkan. Martin nhận nó với trống ngực đập dữ dội và thì thầm "Shukran".

Người Nga, tự hào vì lòng tốt của mình, quay trở lại ngôi nhà. "Tội nghiệp chưa kia". Anh nghĩ. "Đúng là cuộc đời".

Khi ở lại một mình, kẻ tội nghiệp bắt đầu viết những ký tự Arập thật sít trên một tờ giấy viết thư anh để dưới cái hộp. Trong khi anh đang làm thế, thiên tài về phát thanh tên là thiếu tá Zayeed đang dò trên một bản đồ thành phố có tỉ lệ xích cực kỳ cao, đặc biệt về quận Mansour. Khi kết thúc những tính toán của mình, anh ta kiểm tra lại lần nữa cho chắc ăn rồi gọi cho thiếu tướng Hassan Rahmani ở đại bản doanh đóng tại Mukhabarat, cách ngôi nhà hình viên kim cương ở Mansour 500 yard mà anh đang dò tìm bằng mực xanh. Cuộc gặp gỡ được ấn định vào lúc 4 giờ.

Tại Riyadh, Chip Barber đang đi vòng quanh căn phòng khác chính của ngôi biệt thự với một tờ giấy in trên tay, theo cách thức ông ta chưa từng lặp lại kể từ rời khỏi Hải quân 30 năm trước.

- Anh ta đang làm cái quỷ quái gì vậy? ông hỏi hai sĩ quan tình báo Anh cũng đang ở trong phòng.

- Dễ hiểu thôi mà, Chip. Laing nói. Anh ta đang phải làm cái quỷ quái dài hạn. Anh ta đang gặp nguy hiểm lớn đấy. Bọn xấu đang ở gần anh ta lắm rồi. Mọi đường dây đều cho chúng ta biết chúng ta nên rút anh ta ra khỏi đó - ngay bây giờ.

- Phải, tôi biết chứ, anh ta là tay cừ. Nhưng anh ta không có quyền làm như thế. Chúng ta là người ra lệnh chứ, nhớ không nào?

- Chúng tôi nhớ chứ, Paxman nói, nhưng anh ta là người của chúng tôi, và anh ta đang gặp nguy hiểm. Nếu anh ta chọn ở lại, thì có nghĩa là hết chuyện, cho các anh cũng như cho chúng tôi.

Barber đã bình tĩnh lại.

- Ba triệu đôla. Làm thế quái nào tôi có thể nói với Langley anh ta đã cho Jericho thêm ba triệu đôla lần này cơ chứ? Thằng cha Iraq này đã có quyền đòi hỏi rồi cơ đấy. Với tất cả những gì tôi biết được, thì hẳn

ta đang chơi trò lờng gạt để kiếm tiền thôi.

- Chip, Laing nói. chúng ta đang nói đến chuyện nghiêm túc đấy nhé.

- Có thể, Barber nhăn nhó, có thể chúng ta đang nói. Có thể Saddam có đủ uranium vào lúc này rồi, có thể ông ta lúc này đã lấp đặt xong tất cả. Mọi thứ chúng ta thực sự có là những tính toán của một số nhà khoa học và lời tuyên bố của Saddam - nếu thực tế lão ta từng nói thế. Mẹ kiếp, Jericho là thằng chỉ giỏi moi tiền. hần ta có thể nói dối lắm chứ. Các nhà khoa học có thể sai lầm, Saddam có thể nói dối, hần vẫn thế mà. Thế thì tại sao lại có thể chỉ một khoản tiền như thế

- Ông muốn nhận mạo hiểm về phần mình à? Laing hỏi.

Barber đung đưa người trên một cái ghế.

- Không, ông ta chậm rãi nói, không đâu. Tốt thôi, tôi sẽ giải quyết vấn đề đó với Washington. Rồi chúng tôi sẽ nói với các vị tướng. Họ phải được biết điều này. Nhưng tôi nói với các anh một điều nhé: một ngày nào đó tôi sẽ gặp thằng cha Jericho này, và nếu hần chơi chúng ta, tôi sẽ đâm vỡ mặt hần và dần hần đến chết thì thôi.

Bốn giờ chiều hôm đó, thiếu tá Zayeed mang theo các bản đồ và các tính toán của mình đến văn phòng của Hassan Rahmani. Anh ta cẩn thận trình bày rằng hôm đó anh ta đã đảm bảo chính xác các tính toán của mình và đã thu hẹp được địa chỉ ở Mansour. Rahmani nhìn anh ta nghi ngờ.

- Chỉ còn 100 yard vuông nữa thôi, anh ta nói. Tôi nghĩ công nghệ hiện đại có thể tìm ra nguồn của lần chuyển tin này với độ chính xác một yard vuông.

- Nếu tôi bắt được một lần chuyển tin dài, phải, tôi có thể, viên thiếu tá trẻ kiên nhẫn giải thích. Tôi có thể tìm ra chỗ của máy nhận không lớn hơn một yard vuông đâu. Cộng cái đó với mẫu tin bắt được từ một vị trí khác, thế là ta sẽ có được một yard vuông cần thiết. Nhưng chúng ngăn khựng khiếp. Chúng chỉ xuất hiện trong không trung có hai giây là đã tắt. Cái tốt nhất tôi thu nhận được là một dải sóng hình nón rất hẹp, điểm của máy nhận, ở ngoài nước và đi rộng lắm. Có thể một góc của một giây của một độ trên com pa. Nhưng chỉ cách có hai dặm, và chúng ta có được 100 yard vuông. Thì nó vẫn là một diện tích nhỏ thôi mà.

Rahmani nhìn vào bản đồ. Địa điểm được đánh dấu gồm có 4 ngôi nhà.

- Thế thì đến thử đó xem sao, anh ta gợi ý.

Hai người theo bản đồ khu Mansour cho đến khi tới được địa điểm đã nêu. Đó là một khu sang trọng và rất giàu có. Bốn toà nhà đều kín cổng cao tường, và là đất riêng. Trời đã tối khi họ đến được nơi.

- Sáng mai hãy khám xét họ, Rahmani nói. Tôi sẽ cho quân đội đến phong toả khu vực, nhưng kín đáo thôi. Anh biết anh đang tìm gì rồi mà. Anh sẽ vào cùng với các chuyên gia của mình và kiểm tra cả bốn chỗ, nhưng một cách riêng biệt. Nếu anh tìm ra, thì có nghĩa chúng ta sẽ bắt được tên gián điệp.

- Một vấn đề là, viên thiếu tá nói, có nhìn thấy cái bảng đồng đồng kia không? Nhà của đại sứ quán Liên Xô đấy.

Rahmani suy nghĩ. Anh không hề muốn làm phát sinh một vụ âm mưu mang tầm quốc tế.

- Thế thì kiểm tra ba toà nhà kia trước đi, anh ra lệnh Nếu không tìm thấy gì, tôi sẽ xử lý nhà của người Liên Xô với sự giúp đỡ của Bộ Ngoại giao.

Trong khi họ nói chuyện, một nhân viên của toà nhà Liên Xô đó đang ở cách xa ba dặm. Người làm vườn Mahmoud Al-Khouri đang ở nghĩa trang cũ của người Anh, đặt một phong bì thư mỏng vào một chiếc bình bằng đá dưới một tấm bia mộ. Sau đó: anh dành một dấu phấn lên bức tường của toà nhà Hội Nhà báo. Trong khi đi về quận Mansour khi đã khuya lắm, anh nhận ra ngay trước nửa đêm rằng vệt phấn đã biến mất.

Tối đó có một cuộc họp ở Riyadh. một cuộc họp rất kín tại một văn phòng kín đáo dưới toà nhà Bộ quốc phòng Ả rập Xêút hai tầng ngầm. Bốn vị tướng có mặt, một trong số đó ngồi ở đầu bàn, cộng thêm hai

người mặc đồ dân sự, Laing và Barber. Khi những người dân sự ngừng nói, bốn vị tướng ngồi trong sự im lặng bão tố.

- Việc đó là nghiêm túc đấy chứ? Một trong số những người Mỹ hỏi.

- Một trăm phần trăm. Barber nói, thì chúng tôi không chắc. Nhưng chúng tôi nghĩ rất nhiều khả năng thông tin đó là đúng.

- Cái gì làm anh chắc chắn đến thế hả? viên tướng của USAF hỏi.

- Như các ông chắc cũng đã từng đoán. từ cách đây vài tháng chúng tôi đã có một cá chìm làm việc cho chúng tôi ở chức vụ cao ở Baghdad.

Nhiều nụ cười mỉa mai hiện ra.

- Xin đừng nói rằng thông tin về mục tiêu đến từ quả bóng chiêm tinh của Langley nữa nhé, vị tướng của Không quân nói, vẫn còn thù CIA vì đã làm ông mất đi các phi công.

- Vấn đề là, Laing nói, cho đến giờ, chúng tôi vẫn chưa hề thấy một thông tin nào của anh ta là không chính xác cả. Nếu anh ta nói dối chúng ta vào lúc này, thì thật kỳ quặc. Thứ hai, chúng ta liệu có sẵn sàng chấp nhận nguy cơ này không?

Một sự yên lặng kéo dài trong nhiều phút.

- Có một việc người của các anh đã làm. Người chỉ huy USAF nói. Vận chuyển.

- Vận chuyển ư? Barber hỏi.

- Đúng đấy. có một vũ khí là một chuyện: chuyên chở nó đi ngay trước mũi kẻ thù thì lại là chuyện khác. Xem nào, không ai có thể tin Saddam lại có tài thu nhỏ mọi vật. Cái đó đòi hỏi công nghệ cực kỳ cao. Tóm lại ông ta không thể bắn cái thứ đó đâu, nếu quả thật ông ta có nó, từ một nòng súng xe tăng. Hay là một thứ pháo bình thường. Hoặc một khẩu đội theo kiểu Cachiusa. Hoặc một hỏa tiễn.

- Thế tại sao không phải là bằng rocket được: thưa Tướng quân?

- Vì tải trọng của nó. viên phi công nói về châm chọc. Cái thứ tải trọng quý quái. Nếu đó là một thứ vũ khí dữ dội. thì chúng ta phải tìm được đến nửa tấn. Tức là chừng 1000 pound. Nếu giờ đây chúng ta đã biết được những quả tên lửa Al-Abeid và Al-Tammuz vẫn chỉ đang được phát triển khi chúng ta nghiên sát dụng cụ ở Saad-l6. Al.Abbas và Al-Badr, cũng giống thế. Không thể được đâu - dù là nghiên ra hay tải trọng cực nhỏ.

- Thế còn Scud thì sao? Laing hỏi.

- Cũng thế thôi, vị tướng nói. Tầm xa được gọi là Al- Husayn sẽ làm vỡ nòng khi bắn và có một tải trọng lên tới 160 kg. Ngay cả với tên lửa Scud do Liên Xô tài trợ cũng chỉ có tải trọng tối đa lên tới 600 kg. Quá nhỏ.

- Thế thì vẫn còn một quả bom ném từ trên máy bay, Barber gợi ý.

Viên tướng Không quân nhăn mặt: " Thưa các quý ngài, tôi dám đưa ra đảm bảo của riêng mình, bây giờ và ở đây: kể từ lúc này. không một máy bay chiến đấu nào của Iraq ra được tới biên giới nữa.

Thậm chí không thể rời được đường bay. Những cái đi về phía nam sẽ bị bắn hạ cách biên giới nửa dặm. Tôi đã có đủ AWACS, đủ máy bay chiến đấu - tôi có thể đảm bảo điều đó.

- Thế còn Pháo đài thì sao? Laing hỏi. Cái máy phóng, Một hangar tuyệt đối bí mật.có thể là ngậm dưới đất. một thứ chỉ rất ít người biết: có một chiếc Mirage, một chiếc MIG, một Sukhoi - đã được lắp đặt và sẵn sàng đi. Nhưng chúng ta sẽ tóm được nó trước khi nó đến biên giới.

Quyết định đã được đưa ra bởi vị tướng Mỹ ngồi đầu bàn chủ trì.

- Các anh có đi tìm kiếm nơi đó không. cái pháo đài ấy? Ông trầm tĩnh hỏi.

- Có thưa ngài. Barber nói. Chúng tôi bây giờ đã thử rồi.

- Chúng tôi cho rằng sẽ mất không nhiều ngày nữa đâu.
- Hãy tìm ra nó đi, và chúng tôi sẽ tiêu diệt nó.
- Thế còn thời hạn đổ quân sắp tới. thưa ngài? Laing hỏi.
- Tôi sẽ cho các anh biết sau nhé.

Tối đó, đã được thông báo rằng cuộc tấn công trên bộ vào Kuwait và Iraq đã được hoãn lại và được lên lại kế hoạch vào ngày 24 tháng Hai.

Sau này, các sử gia đã đưa ra hai nguyên nhân cho sự trì hoãn này. Một: Hải quân Mỹ muốn chuyên trực tấn công chính sang xa hơn vài dặm về phía tây và như thế cần rất nhiều vận chuyển, về đồ đạc, và các chuẩn bị khác nữa. Điều này cũng là đúng.

Lý do thứ hai đi trước trên báo chí cho rằng hai tên tin tặc người Anh đã đột nhập hệ thống máy tính của Bộ Quốc phòng và phá mất các thông tin về dự báo thời tiết cho khu vực sẽ tấn công, gây ra sự hoang mang đối với lựa chọn ngày tốt nhất cho cuộc tấn công từ quan điểm khí hậu.

Trên thực tế, thời tiết vẫn đẹp và trong giữa ngày 12 và ngày 24, và nó chỉ xấu đi khi đội quân tiên phong bắt đầu tiến lên.

Tướng Norman Schwarzkopf là một người đàn ông to lớn và mạnh khỏe, về thể chất cũng như tinh thần. Nhưng tâm trạng của ông có thể thay đổi tùy thuộc vào những ngày vừa qua không bắt đầu nói với ông.

Ông đã làm việc mỗi ngày 20 tiếng đồng hồ trong suốt 6 tháng mà không nghỉ. Ông không chỉ được coi là nhà quân sự lớn nhất và nhanh nhất trong lịch sử, một kỷ lục có thể hạ gục một người kém cỏi hơn, nhưng ông cũng phải đối mặt với những điều phức tạp về quan hệ với những điều nhạy cảm trong xã hội Ảrập Xêút, phải giữ cho được hoà bình hàng chục lần có nguy cơ làm tan rã Liên quân, và phải nghe theo những can thiệp rất nhiều nhưng chẳng mấy cần thiết của đòi Capitol.

Và đó còn chưa phải là mọi thứ quá nhiều giấc ngủ cực kỳ cần thiết của ông trong những ngày vừa qua. Chính trách nhiệm về những sinh mệnh trai trẻ đã khiến ông có những cơn ác mộng.

Trong cơn ác mộng, có một tam giác. Luôn như thế. Đó là một tam giác đất đều đặn, nằm trên bờ của nó. Cái có thể là đáy của tam giác là được từ Khafji trải xuống đi qua Jubail cho đến ba thành phố nối liền với nhau là Dammam, Al Khoba và Dhahran.

Đường chéo của tam giác là đường biên giới chạy sang phía tây từ bờ biển, đầu tiên là giữa Ảrập Xêút và Kuwait, rồi đi vào trong sa mạc để trở thành biên giới của Iraq. Đường trung trực là đường nối điểm ngoài cùng phía tây trong sa mạc với bờ biển ở Dhahran.

Trong tam giác đó gần nửa triệu đàn ông và đàn bà đang ngồi đợi lệnh của ông. 80 phần trăm trong số họ là người Mỹ.

Phía đông là người Xêút, những đội quân Ảrập khác, và Hải quân. Tại trung tâm là các đơn vị bộ binh Mỹ đồ sộ trang bị tối tân. và giữa họ là Sư đoàn Thứ nhất của Anh. Ở sườn bên kia là người Pháp.

Lại thêm một lần nữa, cơn ác mộng lại là hàng chục nghìn chàng trai trẻ đổ vào để tấn công, để rồi phải hứng lấy một trận mưa khí độc và chết giữa những bức tường cát và hàng rào dây thép. Giờ đây mọi chuyện lại còn tồi tệ hơn.

Chỉ mới một tuần trước thôi, quan sát tam giác trên một bản đồ quân sự, một sĩ quan tình báo Quân đội đã thực tế gợi ý, có thể Saddam định sẽ đặt quân ở đây". Người đó từng nghĩ là mình đang nói đùa.

Đêm đó, vị tướng tổng chỉ huy lại cố ngủ và lại thất bại. Luôn là cái Tam giác. Rất nhiều người, và không gian thì quá nhỏ hẹp.

Tại biệt thự của SIS, Laing, Paxman, và hai kỹ thuật viên phát thanh đang chia nhau một cái gì đó được bí mật mang từ Đại sứ quán Anh đến. Họ cũng đang nghiên cứu bản đồ; họ cũng nhìn thấy cái Tam giác. Họ cũng cảm thấy kinh sợ.

- Quả bom khôn khiếp, một quả bom nhỏ, tàn bạo chết mẹ, lần đầu tiên sau quả bom Hiroshima ở đây sẽ có một quả khác, không khí tung lên hay mặt đất sẽ tung lên... Laing nói.

Họ không cần đến các nhà khoa học để biết được rằng vụ nổ đầu tiên có thể giết chết 100.000 người lính trẻ trung. Trong nhiều giờ, cơn mưa phóng xạ, sẽ nhiễm vào hàng tỷ tấn cát trong sa mạc, có thể bắt đầu tác hại, làm mọi thứ trên đường đi của nó phải chết.

Những chiếc tàu đậu ngoài biển có thể còn đủ thời gian để chạy thoát, nhưng những đội quân đang đóng trên mặt đất ở các thành phố Arập Xêut này thì không thể. Về phía đông nó có thể lan rộng về phía Bahrain và các sân bay của Liên quân, làm nước biển nhiễm xạ, đi qua cho đến bờ biển của Iran, tại đó sẽ loại trừ những người mà Saddam Hussein từng tuyên bố là không xứng đáng được sống - " Bọn Ba Tư, bọn Do Thái, và ruồi"

- Hẳn ta nhất định không thể phóng nó đi được. Paxman nói Hẳn không thể có một quả hoả tiễn hay một máy bay có thể làm được việc đó.

Rất xa về phía bắc, giấu mình trong Jebal ở Hamreen, rất sâu trong lòng một khẩu súng với nòng dài 180 mét và tầm bắn hàng nghìn km. Cú đấm của Thượng đế đang nằm im lìm nhưng đã sắp được gọi để bay lên.

Ngôi nhà ở Qadisiyah chỉ mới lơ mơ tỉnh dậy và còn chưa chuẩn bị cho các vị khách đến vào lúc bình minh. Khi người chủ nhà xây nó vào nhiều năm trước. nó đã được đặt vào giữa một vườn hoa lan lớn. Nó nằm đó cách bốn biệt thự ở Mansour mà thiếu tá Zayeeh của Cục phản gián đã chuẩn bị để giám sát đúng ba dặm. Sự lan rộng của vùng ngoại ô tây nam của Baghdad đã bao bọc lấy ngôi nhà, và đường cao tốc Qadisiyah lao lên qua cái đã từng là những đồng ruộng trồng lê và mơ.

Nó vẫn là một ngôi nhà đẹp thuộc sở hữu của một người giàu có từ lâu đã về hưu, kín cổng cao tường và vẫn giữ được một số cây ăn quả ở cuối vườn.

Có hai chiếc xe tải lớn đầy lính AMAM dưới sự chỉ huy của một thiếu tá, và họ không tham dự vào vở kịch. Khóa cửa của chính đã bị phá, cánh cổng bị đá tung, và bọn lính ulla vào, phá tung cánh cửa trước và đánh người hầu đang cố ngăn chúng lại.

Họ chạy qua ngôi nhà, lật tung các chạn bát và đồ đạc. trong khi người đàn ông chủ ngôi nhà kinh hoàng cố phòng thủ và bảo vệ vợ mình.

Bọn lính xông vào khu đất trống và không tìm thấy gì. Khi người đàn ông cầu xin chúng nói cho ông ta biết họ muốn tìm gì, viên thiếu tá chỉ nói ông ta biết quá rõ còn gì. và sự kiểm tra lại tiếp tục.

Sau ngôi nhà, bọn lính khám đến khu vườn. Tại góc vườn gần bức tường chúng tìm thấy đất mới được đào lên. Hai trong số chúng giữ lấy người đàn ông trong khi bọn còn lại đào. Ông kêu lên là mình không biết thể quái quỷ nào mà đất lại được đào lên, rằng ông ta không giấu cái gì hết. Nhưng chúng đã tìm thấy.

Đó là một cái túi rộng và có thể nhìn thấy. Khi chúng đổ nó ra, một bộ điện đàm. Người đàn ông chẳng hề biết gì về đài phát thanh, cũng không thể biết rằng chiếc máy phát tín hiệu Morse ở trong cái túi chẳng liên quan gì tới máy phát siêu hiện đại qua vệ tinh mà Mike Martin sử dụng và vẫn nằm dưới sàn nhà ở vườn nhà Bí thư thứ nhất Kulikov. Đối với viên thiếu tá AMAM. cứ điện thoại là đồng nghĩa với gián điệp, và chỉ cần như thế là đã đủ.

Ông già bắt đầu than vãn rằng ông chưa từng nhìn thấy nó trước đây, rằng ai đó hẳn là đã vượt tường vào ban đêm để chôn nó ở đó, nhưng bọn lính AMAM đánh ông ngã bằng báng súng, và vợ ông cũng bị chúng đánh khi bà kêu lên.

Viên thiếu tá kiểm tra chiến lợi phẩm, và thậm chí hẳn có thể nhìn thấy một số ký tự trên cái túi dường như là chữ Hebrew.

Họ không hề muốn bắt người hầu của ngôi nhà hay bà vợ - mà chỉ người đàn ông, ông đã vào khoảng 70 tuổi, nhưng chúng lôi ông đi xênh xệch, mắt cá và cổ tay bị bọn lính túm lấy, và ông ta bị đẩy lên thùng xe tải giống như một cái túi đựng cá.

Viên thiếu tá rất hoan hỉ. Hành động theo một lời tố cáo nặc danh, hẳn ta đã hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Thượng cấp của hẳn hẳn sẽ mừng lắm. Đó không phải là một trường hợp cho nhà tù Abu Ghraib. Hẳn chở người tù của mình đến đại bản doanh AMAM và Nhà tập. Hẳn lý luận, đó là chỗ duy nhất cho bọn gián điệp Israel.

Cùng ngày hôm đó 16 tháng Hai. Gidi Barzilai đang ở Paris, cho Michel Levy xem bức tranh. Ông già chuyên gia đồ cổ cũng là một sayan rất vui mừng vì có thể giúp được cho Gidi. Trước đây ông ta mới được nhờ làm việc có một lần, việc chuyển một số đồ đạc cho một katsa để cố xâm nhập một tòa nhà nào đó, vào vai một tay trung gian đồ cổ.

Với Michel Levy thật là mừng và thật phấn khích, một cái gì đó làm sống động trở lại cuộc sống của một người đã luống tuổi khi được Mossad hỏi và có thể giúp đỡ theo một cách nào đó

- Boule. ông ta nói.

- Xin ông tha lỗi nhé, Barzilai nói, nghĩ mình đã quá đường đột.

- Boule. ông già nhắc lại. Được đánh vần là B-u-h-l. Nghệ nhân làm bàn nổi tiếng người Pháp. Phong cách của ông ta, anh thấy không, thật rõ nét. Anh có thấy không. Không phải ông ta làm đâu. Thời đó thì quá xa đối với ông ta.

- Thế thì ai làm?

Mexur Levy khoảng hơn 80 tuổi, với mái tóc trắng mảnh trên một cái sọ méo mó, nhưng đôi má hồng hào và đôi mắt sáng vẫn long lanh niềm vui sống. ông đã nói cho kaddish cho nhiều người trong thế hệ của ông ta.

- Tốt, Boule khi chết đã nhường lại cửa hàng của mình cho người mà ông ta bảo trợ, German Oeben. Rồi theo truyền thống ông này lại để lại cho một German khác là Riesener. Tôi nghĩ đây có thể vào thời Riesener. Chắc chắn là do bàn tay một người thợ khéo, có thể chính là người chủ. Anh định sẽ mua nó

Ông ta nheo mắt, dĩ nhiên rồi. ông biết Mossad không bao giờ mua đồ để sưu tầm nghệ thuật cả. Đôi mắt ông ta nhảy múa những ánh nhìn tinh quái.

- Chỉ cần biết là tôi đang quan tâm đến nó. Barzilai nói.

Levy rất vui vẻ. Họ lại gỡ những ngón nghề cũ ra rồi đây. Ông sẽ không bao giờ biết được, nhưng như thế này cũng đã vui chán rồi.

- Làm những bàn đó...

- Bàn làm việc chứ, Levy nói.

- Thôi được rồi, làm những cái bàn đó có ngăn bí mật nào ở bên trong không?

- Càng lúc càng tốt hơn rồi đây - vui thật! Ôi, thật phấn khích làm sao!

- A, ý anh muốn nói đến một cachette phải không. Dĩ nhiên rồi. Anh biết đấy, anh bạn trẻ, nhiều năm trước, khi một người có thể bị gọi ra và bị giết trong một cuộc đấu súng về một vấn đề danh dự, một quý bà có việc gì đó thật là bí mật. Không có điện thoại, không fax. không vi deo vào thời đó. Mọi thứ tư tưởng kỳ dị nhất của người tình bà ta sẽ được viết ra giấy. Thế thì bà ta phải giấu chồng mình như thế nào? Không phải trong một tủ sắt trong tường - họ không hề có đâu. Cũng không phải trong một cái hộp sắt - chồng bà ta có thể sẽ đòi đưa chìa khóa.

Thế thì những người trong xã hội thời đó cần phải có những loại đồ gỗ có cachette. Không phải lúc nào cũng thế, nhưng cũng có lúc Cần phải làm thật khéo, nếu không sẽ lộ mất.

- Thế làm cách nào người ta có thể biết nếu một thứ đồ như thế... nghĩ đến chuyện mua một cái cachette như thế.

Ôi thế này thì tuyệt quá rồi. Người đàn ông từ Mossad sẽ không đi mua bureau của Riesner, anh ta đang cần phá một cái như thế.

- Anh có muốn nhìn một cái không? Levy hỏi.

Ông ta gọi nhiều cú điện thoại, và một lúc sau họ cùng ra khỏi cửa hàng của ông ta và lên một chiếc xe bus. Đó là một người môi giới khác. Levy trò chuyện một lúc ngắn, người đàn ông gật đầu và để họ lại một mình. Levy đã nói nếu ông ta có thể đảm bảo một vụ mua bán, thì sẽ chỉ mất một khoản phí không đáng kể, và chỉ có thế. Người môi giới tỏ ra hài lòng: vẫn thường là như thế trong thế giới đồ cổ.

Chiếc bàn mà họ xem xét rất giống cái ở Vienna.

- Bây giờ, Levy nói, cái cachette sẽ không rộng lắm đâu,. Nó có thể ở bên ngoài cũng như gắn ở bên trong. Nó sẽ rất mỏng. thẳng đứng hoặc nằm ngang. Có khả năng không rộng hơn hai cm đâu, giấu trong một cái ngăn có vẻ như rất cứng, rộng tới ba cm, nhưng trên thực tế có hai ngăn bằng gỗ với cái cachette nằm ở giữa. Đầu mỗi là cái nút bấm.

Ông kéo một trong hai ngăn trên cùng ra.

- Đây này. ông ta nói.

Barzilai sờ bằng đầu ngón tay cho đến đáy.

- Vòng quanh xem nào.

- Chẳng có gì cả. viên katsa nói.

- Thế là bởi vì chẳng có gì thật, Levy nói. Không phải ở trong cái ngăn này. Nhưng có thể có một cái nút hoặc lấy gì đó.

Một cái nút rất mềm. Anh ấn vào đó đi: một cần gạt, anh quay nó đi; nếu là một thanh ngang. Anh hãy dịch chuyển sang hai bên, và xem điều gì xảy ra.

- Cái gì sẽ xảy ra?

Một tiếng động nhẹ, và một mẫu hoa văn bằng ngà thò ra, nhảy lên. Bên dưới đó là cái cachette.

Ngay cả sự tài hoa của người thợ đồ gỗ thế kỷ XVIII cũng có chỗ hạn chế. Trong suốt một giờ đồng hồ, mexừ Levy dạy cho viên katsa về mười chỗ cơ bản cần xem xét cái lấy bí mật có thể làm mở được cái ngăn đó.

- Đừng bao giờ cố đẩy mạnh quá để tìm. Levy nhấn mạnh vì nó để lại dấu vết trên gỗ đấy.

Ông ta liếc nhìn Barzilai và mỉm cười. Barzilai thết ông già một bữa trưa thịnh soạn ở nhà hàng Coupole, rồi đi taxi ra sân bay để quay về Vienna.

Sáng sớm hôm đó, ngày 16 tháng Hai, thiếu tá Zayeed và đội của mình cũng có mặt ở ngôi biệt thự đầu tiên trong số ba biệt thự sẽ bị khám xét. Hai cái khác đã bị niêm phong, với những người án ngữ ở tất cả các lối vào và những người canh gác cẩn mật ở bên trong.

Viên thiếu tá vô cùng lịch sự, nhưng lệnh của anh ta là không thể chống lại. Không giống người của AMAM cách đó một dặm rưỡi tại Qadisiyah, người của Zayeeh là các chuyên gia, rất ít gây ra các thiệt hại trong khi khám nhà, và rất hiệu quả trong việc tìm kiếm của mình.

Bắt đầu từ tầng trệt, tìm kiếm lối vào của một địa điểm bí mật dưới các mái tôn. rồi đi khắp nhà, từng phòng một, từng tủ một, từng hòm một. Khu vườn cũng bị tìm kiếm, nhưng không dấu vết nào được tìm thấy Trước buổi trưa, viên thiếu tá cuối cùng cũng thỏa mãn: xin lỗi những người sống trong đó và rời đi. Anh ta bắt tay vào khám xét ngôi nhà kế bên.

Tại căn phòng dưới đại bản doanh của AMAM tại Saadun, ông già đang bị treo ngược. cổ tay cổ chân buộc chặt vào một cái bàn gỗ và xung quanh là bốn chuyên gia đang khai thác lời khai. Ngoài những người đó ra, còn có một bác sĩ, và tướng Omar Khatib bàn bạc với trung sĩ Ali ở góc phòng.

Chính người chỉ huy của AMAM đã quyết định danh mục các đòn tra tấn sẽ được thực hiện. Trung sĩ Ali nhướng lông mày; anh ta có thể, anh ta nhận ra, chắc chắn cần đến mọi biện pháp trong ngày hôm nay. Omar Khatib gật đầu đồng tình và đi ra. ông ta có giấy hẹn gặp ở tầng trên.

Ông già tiếp tục van xin nói rằng mình chẳng biết gì về máy phát, và đã không vào vườn từ nhiều ngày nay do thời tiết xấu Những tay hời cung chẳng mấy may quan tâm. Chúng treo cả hai mắt cá chân lên một cái

cán chổi đang chạy đi chạy lại. Hai trong số bốn tên giơ chân ông ta lên đến vị trí vừa đủ với đế giày hướng vào trong phòng, trong khi Ali và tên đồng nghiệp còn lại của mình dốc xuống từ trên tường những luồng điện mạnh.

Khi trận đòn vào lòng bàn chân bắt đầu, ông già thét lên, và khi tất cả đã làm xong, cho đến khi mất giọng, rồi tái nhợt. Một gáo nước lạnh ngắt từ trong phòng phun ra, nơi một loạt ca nước đã được xếp sẵn, làm ông ta tỉnh lại.

Đôi khi, trong buổi sáng, những người còn đang ở lại, để thả lỏng cơ bắp cho đôi tay, đã trở nên mệt mỏi với những đòn đánh. Khi chúng dừng lại, những chiếc cốc uống xong bị vứt thẳng vào chân người tù. Rồi, khi đã lại sức, chúng tiếp tục đánh. Giữa những lần tỉnh đi tỉnh lại, ông già tiếp tục phản đối rằng mình còn chẳng biết bật đài radio và do đó chắc là có nhầm lẫn gì đó.

Vào khoảng giữa buổi sáng, da thịt cả hai bàn chân đã rách rưới hết cả và những vụn xương trắng rơi ra qua dòng máu. Viên trung sĩ Ali gạt đầu và ra hiệu rằng đã có thể ngừng được rồi. Hắn ta châm một điếu thuốc và nhâm nhi làn khói trong khi trợ tá của hắn dùng một thanh sắt ngắn để bẻ xương chân từ mắt cá lên đầu gối.

Ông già van vỉ viên bác sĩ, với tư cách là người điều trị bệnh nhân hãy giúp ông, nhưng viên bác sĩ của AMAM nhìn chằm chằm lên trần nhà. Hắn ta đã có lệnh, là phải giữ cho tù binh sống và còn suy nghĩ được.

Bên kia thành phố, thiếu tá Zayeed đã kết thúc việc lục soát đối với ngôi biệt thự thứ hai vào lúc 4 giờ chiều, ngay trước khi Barzilai và Michel Levy đứng dậy khỏi bàn ăn ở Paris. Lại lần nữa anh ta không tìm thấy gì hết cả. Nhà nhận xin lỗi cặp vợ chồng kinh hoàng thấy căn nhà mình bị gỡ ra từng mảnh một cách có hệ thống, anh ta rời đi với đội của mình đi về ngôi biệt thự thứ ba và là cuối cùng.

Ở Saadun, ông già ngắt đi mỗi lúc một nhanh hơn, và viên bác sĩ bảo các nhân viên tra tấn rằng ông ta cần có thời gian để hồi phục. Một mũi tiêm đã được chuẩn bị sẵn và được phóng vào động mạch chủ của người tù. Nó có hiệu quả tức thì, đưa ông ta từ trạng thái lâm sàng về tỉnh táo và kích thích thần kinh ông ta khả năng suy nghĩ.

Sáu giờ ông già lại rơi vào trạng thái mê man, và lần này viên bác sĩ quá chậm trễ. Hắn ta làm cuống cuống, mồ hôi sợ hãi chảy đầy trên mặt, nhưng mọi thứ thuốc kích thích, được tiêm trực tiếp vào tim ông già, đều không có hiệu quả. Ali rời khỏi phòng và quay trở lại sau 5 phút cùng Omar Khatib. Viên tướng nhìn vào cái xác, và hàng bao nhiêu năm kinh nghiệm cho ông ta biết đến lúc này không thể cầu viện vào bất kỳ thứ thuốc nào nữa. Ông ta quay lại, và lòng bàn tay mở rộng của ông ta nắm lấy viên bác sĩ đang run cầm cập đập thẳng vào mặt anh ta.

Sức mạnh của cái tát cũng như uy danh của ông ta khiến viên bác sĩ nằm bẹp trên sàn nhà giữa những dụng cụ y tế của mình.

- Thăng chó. Khalib rít lên. Ra khỏi đây ngay.

Viên bác sĩ thu dọn vội đồ đạc cho vào túi và bò ra khỏi phòng. Đồ tể nhìn vào công cụ của Ali. Có mùi mồ hôi trong không khí mà cả hai đều đã rất quen thuộc, và một thứ trộn lẫn giữa mồ hôi, sự kinh hoàng, nước tiểu, máu, đồ nôn, và mùi thuốc gây mê của một thứ thức ăn quá lửa.

- Cho đến lúc cuối lão ta vẫn khăng khăng, Ali nói. Tôi xin thề, nếu lão ta biết gì, chúng ta sẽ có được ngay.

- Cho lão ta vào trong một cái bao, Omar Khatib lạnh lùng, và chuyển về cho vợ lão ta để chôn cất.

Đó là một chiếc túi to màu trắng dài sáu fit và rộng hai fit. và được để ở bậc cầu thang của ngôi nhà ở Qadisiyah vào lúc 10 giờ tối. Rất chậm và rất khó khăn, vì cả hai người đều đã già cả. người vợ góa và người hầu phòng lôi cái túi vào, kiểm tra ở bên trong, và để nó lại trên bàn ăn. Người đàn bà ngồi phịch xuống cuối bàn và bắt đầu lên tiếng than vãn.

Người hầu tên Talat đi ra chỗ điện thoại nhưng nó đã bị gỡ ra khỏi tường và không còn hoạt động. Cầm lấy số điện thoại của bà chủ, mà anh ta không thể đọc được. anh ta đi xuống phố đến nhà người dược sĩ và nhờ người hàng xóm thử liên lạc với cậu chủ - ai trong số các cậu chủ cũng được.

Cùng vào giờ đó, trong khi người được sĩ cố gọi điện trong Iraq qua hệ thống điện thoại trong nước, và Gidi Barzilai, trở về Vienna, đang chuyển một bức điện khẩn về cho Kobi Dror, thiếu tá Zayeed đang báo cáo về ngày làm việc không kết quả của mình cho Hassan Rahmani.

- Thế thì có nghĩa nó không nằm ở đó, anh ta nói với chỉ huy Cục Phản gián. Nếu có, chúng tôi đã tìm ra rồi. Thế thì chỉ còn lại ngôi biệt thự thứ tư, của tay ngoại giao đó thôi.

- Anh tin là mình không nhầm chứ? Rahmani hỏi. Cũng có thể là ngôi nhà khác thì sao?

- Không, thưa ngài. Ngôi nhà gần bốn biệt thự nhất nằm bên ngoài khu vực mà chúng tôi định vị được. Nguồn gốc của những lần chuyển tin nhanh đó là nằm ở trong hình viên kim cương này trên bản đồ.

Tôi xin thề đấy. .

Rahmani lưỡng lự. Các nhà ngoại giao thật là quý quái để mà có thể kiểm tra, luôn luôn sẵn sàng gửi lời phàn nàn lên bộ Ngoại giao. Để vào được trong nhà của đồng chí Kulikov, anh có thể phải lên cấp cao

- cao đến mức anh có thể tới được.

Khi viên thiếu tá đã đi, Rahmani gọi điện cho Bộ Ngoại giao. Anh may mắn: Bộ trưởng Ngoại giao, người đã đi liên tục trong mấy tháng nay, đang ở Baghdad. Hơn thế nữa, ông ta đang ngồi ở phòng làm việc của mình. Rahmani có được lời hẹn gặp vào lúc 10 giờ sáng hôm sau.

Viên được sĩ là một người đáng mến, đã cố gọi điện suốt trong đêm. Ông không liên lạc được với người con trai, nhưng, sử dụng một đầu mối liên lạc trong Quân đội, ông đã chuyển được tin cho đứa con út của người quá cố. Ông không thể trực tiếp nói chuyện với anh ta, nhưng bên Quân đội sẽ chuyển tin đó hộ ông.

Thông tin đến được với người con trai út tại căn cứ của anh rất xa Baghdad vào bình minh. Ngay khi nghe tin, viên sĩ quan đã lên ô tô lái xe trở về. Thường thì anh chỉ mất không đầy hai giờ lái xe. Nhưng lần này, ngày 17 tháng Hai, anh mất tới sáu tiếng. Có đầy các đội tuần tra và chốt giao thông. Với cấp bậc của mình, anh ta được phép lái xe lên đầu hàng, không phải xếp hàng, và được vẫy tay cho qua.

Điều này không thể làm được với các cây cầu gãy. Tại tất cả cầu anh phải dừng xe đợi phà. Mãi đến giữa trưa anh ta mới về được đến căn nhà của bố mẹ anh ở Qadisiyah. Mẹ anh chạy ra ôm chầm lấy anh và kêu gào trên vai anh. Anh cố hiểu được các chi tiết chính xác những việc đã xảy ra, nhưng bà không còn trẻ nữa và đã bị lên cơn động kinh. Cuối cùng, anh phải bế bà lên và đưa bà về phòng. Trong sự hỗn loạn những dấu vết nhà binh để lại mọi nơi trên sàn nhà tắm, anh ta tìm thấy một cái chai thuốc ngủ bố anh đã sử dụng khi mùa đông lạnh đưa mua ở hiệu thuốc. Anh đưa cho mẹ hai viên, và bà nhanh chóng thiếp đi.

Trong bếp anh ra lệnh cho ông già Talat pha cà phê cho cả hai người, và họ ngồi vào bàn trong khi người hầu miêu tả điều đã xảy ra kể từ bình minh ngày hôm trước. Khi ông ta dừng lại, ông chỉ cho cậu chủ cái hố trong vườn nơi bọn lính đã tìm thấy cái gói với bộ đồ điện đàm. Chàng thanh niên khám xét bờ tường và phát hiện những dấu vết mà kẻ đột nhập đã để lại trong đêm để lên vào chôn nó. Rồi anh ta trở lại ngôi nhà.

Hassan Rahmani phải ngồi đợi, điều mà anh không thích, nhưng anh có cuộc hẹn gặp với Bộ trưởng Ngoại giao, Tariq Aziz, ngay trước 11 giờ.

- Tôi không nghĩ hiểu rõ điều anh nói lắm. vị bộ trưởng tóc màu ghi nói, nhìn một cách thông minh qua cặp kính. Các đại sứ quán được phép liên lạc với thủ đô của họ qua radio, và những lần phát sóng của họ luôn được mã hóa.

- Phải, thưa Bộ trưởng, và chúng đến từ tòa nhà đại sứ quán. Đó là một phần trong công tác ngoại giao. Nhưng đây thì khác. Chúng ta đang nói về một máy phát bí ẩn, được các gián điệp sử dụng, gửi đi các thông tin cực ngắn cho một máy phát mà chúng tôi tin là không phải ở Matxcova mà ở gần hơn nhiều.

- Những lần phát cực ngắn? Aziz hỏi.

Rahmani giải thích đó là cái gì.

- Tôi vẫn không thể theo kịp anh được. Thế tại sao một nhân viên KGB nào đó - và hẳn đây là một chiến dịch của KGB - lại gửi đi những thông điệp cực ngắn từ nhà của Bí thư thứ nhất trong khi họ có quyền

tuyệt đối được gửi chúng từ những máy phát mạnh hơn nhiều từ đại sứ quán?

- Điều này thì tôi không biết.

- Thế thì anh phải cho tôi những lời giải thích tốt hơn mới được, thưa tướng quân. Thế anh có ý tưởng nào về những việc đang xảy ra ở bên ngoài văn phòng của anh không? Chẳng nhẽ anh không biết rằng hôm qua mãi muộn tôi mới từ Matxcơva về sau những lần thảo luận căng thẳng với ngài Gorbachev và đại diện Yevgeny Primacov của ông ta, người đã ở đây vào tuần trước? Anh không biết rằng tôi đã mang theo mình một đề nghị hòa bình mà, nếu Rais chấp nhận - và tôi sẽ trình lên ông trong hai giờ nữa - có thể khiến Liên Xô phản đối trong Hội đồng Bảo an và chặn Mỹ tấn công chúng ta sao? Và trước tất cả những việc đó, vào chính lúc này, anh lại bảo tôi làm nhục Liên Xô bằng cách cho lục soát biệt thự của Bí thư thứ nhất của họ? Thăng thấn mà nói, thưa tướng quân, anh có lẽ bị điên rồi đó.

Cuộc nói chuyện đã kết thúc như vậy. Hassan Rahmani rời Bộ cảm thấy đã tuyệt vọng. Dù sao, cũng có một điều mà Tariq Aziz không cấm. Trong những bức tường của ngôi nhà, Kulikov có thể là bất khả xâm phạm. Trong xe anh ta có thể là không thể chạm tới. Nhưng đường phố thì không thuộc về Kulikov.

- Tôi muốn nó phải đầu hàng, Rahmani nói với đội theo dõi giỏi nhất của mình khi quay trở về văn phòng. Hãy yên lặng, kín đáo, chậm rãi thôi. Nhưng tôi muốn phải theo dõi sát sao tòa nhà đó. Mọi người khách đến và đi - và sẽ phải có khách khứa đấy - tôi muốn các anh phải theo đuôi họ.

Vào buổi trưa, các đội theo dõi đã vào vị trí. Họ ngồi trong những chiếc ô tô đậu dưới những tán cây phủ lên bốn bức tường của ngôi nhà của Kulikov và theo dõi cả hai đầu của con đường duy nhất dẫn đến đó. Những người khác, đứng xa hơn nhưng có liên lạc bằng điện đàm, có thể báo cáo về mọi sự đến gần và có thể đi theo bất kỳ ai ra khỏi nhà.

Người con út ngồi trong phòng ăn của ngôi nhà bố mẹ mình và nhìn vào cái bao tải lớn có chứa bố mình. Những dòng lệ chảy dài trên mặt và rơi xuống bộ quân phục anh ta đang mang. Anh nhớ lại những tháng ngày tươi đẹp ngày xưa. Bố anh là một bác sĩ giàu có vào thời đó, với một phòng khám lớn, thậm chí còn khám bệnh cho một số gia đình người Anh sau khi được giới thiệu đến cho họ bởi người bạn Nigel Martin.

Anh ta nghĩ về khoảng thời gian cùng anh trai mình chơi đùa trong sân nhà Martin với Mike và Terry, và anh ta tự hỏi không biết điều gì đã xảy đến với họ vào lúc này.

Sau một giờ anh ta nhận thấy mùi từ cái túi đã nặng lên. Anh ta đứng lên và đi ra cửa.

- Talat.

- Thưa cậu chủ?

- Mang kéo và một cái dao lại đây.

Còn lại một mình trong phòng, đại tá Osman Badri mở phanh cái túi ra, từ trên miệng dọc sang bên và dọc đến đáy. Rồi anh kéo đầu cái túi ra và quay nó vào. Xác của bố anh gần như trần trụi.

Theo truyền thống, đó là công việc của phụ nữ, nhưng mẹ anh không thể làm gì được vào lúc này. Anh bảo mang đến nước và bông băng, tắm rửa lau chùi cho cái xác tội tã, lấp lại cái chân gãy, duỗi thẳng nó ra và phủ hoa lên. Trong khi làm việc, anh khóc, và trong khi khóc, anh thay đổi.

Vào hoàng hôn anh gọi cho Imam ở nghĩa trang Alwazia ở Risafa và thỏa thuận cho một đám tang vào sáng ngày hôm sau.

Mike Martin trên thực tế đã đi vào trong thành phố trên chiếc xe đạp của mình vào buổi sáng chủ nhật, ngày 17 tháng Hai đó, nhưng anh đã quay về sau khi mua xong rau quả và kiểm tra ba bức tường xem có dấu phần nào không, trở về đến ngôi biệt thự đứng trước buổi trưa. Trong buổi chiều anh rất bận rộn chăm sóc khu vườn. Ông Kulikov, trong khi không người Công giáo cũng như đạo Hồi nào kỷ niệm dù là ngày lễ thánh Hồi giáo vào thứ Sáu hay ngày lễ Sabbath của người Công giáo vào Chủ nhật, vẫn ở nhà với vẻ lạnh lùng, phàn nàn về tình trạng những bông hoa hồng của mình.

Trong khi Martin làm việc với những khóm hoa hồng, các đội theo dõi của Mukhabarat đã kín đáo nhìn vào trong qua bức tường. Anh lập luận rằng Jericho sẽ không có tin tức gì mới trong ít nhất hai ngày nữa; Martin sẽ có thể đi kiểm tra những dấu phần lại vào tối ngày hôm sau.

Đám tang của tiến sĩ Badri diễn ra ở Alwazia rất ngắn sau 9 giờ. Các nghĩa trang của Baghdad rất bận rộn trong thời gian đó, và Imam phải có nhiều việc phải làm. Chỉ vài ngày trước, Mỹ đã ném bom một hầm trú ẩn công cộng, làm hơn 300 người chết. Nỗi buồn thương dâng cao. Nhiều người khóc lóc ở đám tang bên cạnh đều tưởng viên đại tá có người thân chết vì những quả bom của quân Mỹ. Anh trả lời ngắn gọn bố mình chết vì những lý do tự nhiên.

Theo phong tục đạo Hồi, tang lễ thường diễn ra nhanh chóng, không mất thời gian chờ đợi giữa khi chết và khi chôn xuống đất. Và cũng không có quan tài gỗ như ở người Công giáo; xác chết được quấn trong vải. Viên được sĩ tới, giúp đỡ bà Badri, và họ đi về thành nhóm khi nghĩa trang nhỏ bé đã đông người.

Đại tá Badri chỉ cách vài yard từ cửa Alwazia khi anh nghe gọi tên mình. Đứng cách anh vài bước chân là một chiếc limousin với cửa sổ màu đen. Một cửa sổ ở băng ghế sau đang mở. Lại có tiếng gọi tên anh. Đại tá Badri bảo viên được sĩ đưa mẹ mình về nhà ở Qadisiyah; anh sẽ quay về gặp họ sau. Khi họ đã đi, anh bước tới chiếc ô tô.

Giọng nói vang lên: “Lên đây nào, đại tá. Chúng ta cần nói chuyện”.

Anh mở cửa xe và bước vào trong. Người duy nhất trong xe dịch vào dành chỗ cho anh. Badri nghĩ mình biết khuôn mặt này, nhưng thật mù mờ. Anh đã nhìn thấy ở đâu đó. Anh bước vào và đóng cửa.

Người đàn ông trong bộ com lê màu ghi đậm nhấn một cái nút, và cửa sổ đóng trở lại, ngăn tiếng động trong xe không vang ra ngoài.

- Anh vừa mới chôn cất cha mình xong.

- Phải. Người đàn ông đó là ai? Tại sao ông ta không lộ mặt ra?

- Thật điên rồ, cái điều đã xảy ra với ông. Nếu tôi được biết đúng lúc, tôi có thể chặn nó lại. Tôi biết muộn quá.

Osman Badri cảm thấy điều gì đó như một cú đâm vào bao tử. Anh đã nhận ra mình đang nói chuyện với ai - một người đã nói chuyện với anh ở một cuộc tiếp tân của giới quân sự hai năm trước đây.

- Tôi đang định nói cho anh đây, đại tá, rằng, nếu anh báo cáo lại chuyện này, tôi có thể phải chết thảm còn hơn cha anh nhiều.

Thì cũng chỉ vãn chuyện đó thôi, Badri nghĩ. Phản phúc.

- Một lần nữa, người đàn ông trầm giọng nói, tôi nhắc lại là tôi yêu Rais.

- Thì tôi cũng thế, Badri nói.

- Nhưng mọi chuyện đã thay đổi. Ông ấy đang trong cơn điên. Trong cơn điên giận ông ta hành động kinh khủng lắm.

- Ông ta phải bị chặn lại. Anh chắc là cũng biết Qa'ala rồi chứ.

Badri lại ngạc nhiên, lần này bởi sự thay đổi chủ đề đột ngột.

- Dĩ nhiên, tôi đã xây dựng nó rồi mà.

- Chính xác là như thế. Anh có biết nó nằm ở đâu không?

- Không.

Viên sĩ quan cấp trên nói với anh.

- Ông ta hẳn là không nghiêm túc rồi, Badri nói.

- Ông ta hoàn toàn nghiêm túc. Ông ta có ý định sử dụng nó để chống lại người Mỹ. Điều đó có thể không phải là điều chúng ta phải bận tâm. Nhưng anh có biết người Mỹ sẽ trả đũa như thế nào không?

Sẽ rất kinh khủng. Không một viên gạch nào ở đây lành lặn nổi đâu, không một viên đá nào hết. Chỉ Rais là còn sống sót thôi. Anh có muốn là nạn nhân trong đó không?

Đại tá Badri nghĩ về những xác chết nằm trong nghĩa trang, trên đó những sexton ngang bằng với nhau khi đó sẽ tung khỏi mặt đất.

- Thế ông muốn gì? anh hỏi.
- Nói cho tôi biết về Qa'ala.
- Tại sao?
- Người Mỹ sẽ phá huỷ nó đi.
- Ông có thể chuyển thông tin cho họ à?
- Tin tôi đi, có cách mà. Qa'ala...

Thế là đại tá Osman Badri, người kỹ sư trẻ đã từng muốn xây những công trình lớn cho hàng thế kỷ, cũng như tổ tiên anh từng làm, nói với người có tên là Jericho.

- Địa điểm đây.

Badri đưa cho ông ta cái đó.

- Đi về chỗ của anh đi, đại tá. Anh sẽ được an toàn.

Đại tá Badri rời khỏi chiếc xe và đi, lòng anh nặng trĩu. Đi được 100 yard anh bắt đầu tự hỏi mình, hỏi đi hỏi lại: mình vừa làm gì vậy? Đột nhiên, anh hiểu là anh phải nói cho anh trai mình, người anh trai luôn có một cái đầu lạnh lùng. là một người cố vấn khôn ngoan hơn nhiều.

Người mà đội Mossad gọi là kẻ chỉ điểm quay lại Vienna vào thứ Hai đó, do Tel Aviv triệu tập. Lại một lần nữa anh ta vào vai luật gia có uy tín từ New York đến, với mọi thứ giấy tờ cần thiết để chứng minh.

Ngay cả dù cho người luật gia thực sự không còn đang đi nghỉ, các cơ may để Gemuetlich, người ghét điện thoại và fax, gọi điện đến New York để kiểm tra được coi là rất nhỏ. Đó là nguy cơ mà Mossad đã chuẩn bị để ứng phó.

Lại một lần nữa người kẻ chỉ điểm lại ngồi ở Sheraton viết một bức thư riêng đến Herr Gemuetlich. Anh ta lại xin lỗi về đã đường đột đến thủ đô nước Áo nhưng giải thích mình có mang theo kế toán của hãng, và hai người muốn gửi tiền nhân danh khách hàng của mình.

Bức thư được gửi bằng tay vào buổi chiều muộn, và sáng hôm sau trả lời của Gemuetlich đã đến khách sạn, hẹn gặp vào 10 giờ sáng hôm đó.

Kẻ chỉ điểm quả thực có người đi theo. Người đi cùng anh ta chỉ được biết là người phá khoá, chuyên môn của anh ta. Nếu Mossad có được ở đại bản doanh Tel Aviv của mình một bộ sưu tập không thể sánh được các loại công ty giả, hộ chiếu mạo, hòm thư, và mọi thứ linh tinh khác để đánh lừa, thì niềm tự hào của nó phải tính đến những tay chuyên bẻ khoá kết sắt và hòm thư. Khả năng của Mossad đột nhập vào những nơi được khoá kỹ là sở trường trong thế giới ngầm. Về khoa học đột nhập, Lừ lâu Mossad đã được coi là giỏi nhất. Đã từng có đội neviot trong vụ Watergate, không ai có thể biết được. Tiếng tăm của những tay phá khoá Israel cao đến nỗi khi các nhà sản xuất Anh gửi một sản phẩm đến SIS theo lời đề nghị của họ, Nhà Thế kỷ đã chuyển ngay nó sang cho Tel Aviv. Mossad nghiên cứu nó, phá được nó, rồi chuyển về London với nhận xét chắc chắn". SIS bèn bỏ nó.

Lần tới một công ty khoá của Anh đã làm ra được một loại khoá mới rất ưu việt, Nhà Thế kỷ đã đề nghị họ mang về, giữ lấy nó, nhưng cung cấp một cái khác dễ dàng hơn cho các nhà phân tích. Cái dễ hơn đó được chuyển sang Tel Aviv. Tại đó nó được nghiên cứu và cuối cùng bị phá, rồi được chuyển về London với nhận xét "không thể phá được". SIS bèn khuyên nhà sản xuất tung khoá ra thị trường.

Điều này dẫn đến một vụ khá rắc rối một năm sau đó, khi một người phá khoá của Mossad mất nhiều giờ toát mồ hôi và tức điên lên khi làm việc với một cái khoá như thế trong hành lang một toà nhà văn phòng tại một thủ đô châu Âu trước khi phải rời đi trong cơn tức giận. Kể từ đó, người Anh tự kiểm tra lấy khoá của mình và buộc Mossad phải tự mày mò.

Chuyên gia phá khoá mang theo từ Tel Aviv không phải là người giỏi nhất ở Israel mà là người giỏi thứ hai. Nguyên nhân cho việc này: anh ta có một số phẩm chất mà người giỏi nhất không có.

Trong đêm chàng thanh niên đã nghiên cứu một báo cáo dài sáu giờ từ Gidi Barzilai về chủ đề sản phẩm thế kỷ XVIII của nhà sản xuất đồ gỗ Đức-Pháp, Riesener, và một miêu tả đầy đủ của kẻ chỉ điểm về cấu tạo của toà nhà Winkler. Đội theo dõi yarid hoàn tất việc truyền đạt thông tin với việc thông báo các chuyển động của người gác đêm, được quan sát nhiều lần và nhiều địa điểm về ánh sáng ở bên trong cũng như bên ngoài ngân hàng trong đêm.

Cũng trong ngày thứ Hai đó. Mike Martin đợi cho đến năm giờ chiều trước khi đạp chiếc xe cà khố của mình qua cái sân lát gạch đến cửa sau của khu vườn Kulikov, mở cửa, và đi ra.

Anh lên xe và bắt đầu xuôi phố theo hướng lối sang sông gần nhất, tại nơi nơi cầu Jumhuriya từng đứng trước khi những chiếc Tornado chú ý đến nó. Anh quay sang góc, ngoài tầm nhìn của biệt thự, và nhìn thấy chiếc ô tô đầu tiên. Rồi chiếc thứ hai, đỡ xa hơn. Khi hai người đi ra từ chiếc xe thứ hai và ra đứng giữa đường, dạ dày anh bắt đầu thắt lại. Anh cả gan ném một cái liếc nhìn về phía sau, hai người đàn ông từ chiếc xe kia đã phong toả mọi lối ra.

Biết mọi chuyện đã lộ, anh đạp xe đi. Không còn việc gì khác để làm nữa rồi. Một trong những người đàn ông đứng trước mặt anh chỉ sang vệ đường.

- Này anh kia, hấn ta kêu lên. Lại đây.

Anh dừng lại dưới các tán cây ven đường. Ba người đàn ông khác hiện ra, toàn là lính. Súng của họ chìa thẳng vào anh. Anh chậm chậm giơ hai tay lên.

21. Chương 21

Chiều đó ở Riyadh, các đại sứ Anh và Mỹ gặp nhau, không chính thức, cho mục đích rất bình thường là uống trà và ăn bánh theo truyền thống nước Anh. Cũng có mặt tại cơ ngơi người Anh là Chíp Barber, người mà chỉ nhân viên sứ quán biết, và Steve Laing, người nói với tất cả những ai tò mò rằng mình làm việc ở bộ phận Văn hoá Đại sứ quán. Một người khách thứ ba, trong một trong những lần rời khỏi chỗ của mình sâu dưới lòng đất, là tướng Norman Schwarzkopf.

Trong một thời gian ngắn, năm người cùng ở một góc phòng, uống trà. Cuộc sống trở nên dễ dàng hơn khi mọi người đều biết cái mọi người khác thực sự làm trong cuộc sống. Trong số những người khách đó, chủ đề nói chuyện duy nhất là cuộc chiến tranh đang diễn ra, nhưng năm người đó có những thông tin mà không ai biết được hết cả. Một mẫu thông tin là tin tức về các chi tiết kế hoạch chiến tranh do Tariq Aziz đưa ra cho Saddam Hussein, kế hoạch đã được chuyển đến từ Matxcova và những cuộc nói chuyện với Mikhail Gorbachev.

Thật là một chủ đề đáng lo lắng đối với mỗi người trong số năm người khách. nhưng với mỗi người là một nguyên nhân khác nhau.

Tướng Schwarzkopf ngày hôm đó đã nhận được từ Washington ý kiến rằng ông có thể tấn công sớm hơn kế hoạch đã định. Kế hoạch hoà bình của Liên Xô kêu gọi một sự ngừng bắn được tuyên bố, và Iraq phải rút quân khỏi Kuwait trong ngày tiếp sau đó.

Washington biết các chi tiết này không phải từ Baghdad mà từ Matxcova. Lời trả lời sớm của Nhà Trắng là kế hoạch có giá trị nhưng thất bại trong những vấn đề then chốt. Nó không hề gợi lên ý rằng Iraq phải vĩnh viễn từ bỏ sự lăm le với Kuwait; nó không hề gợi lên một sự thiệt hại khó tưởng tượng nổi đối với Kuwait – 500 vụ cháy dầu mỏ, hàng triệu tấn dầu thô bị chảy ra làm ô nhiễm nguồn nước ở vùng Vịnh, 200 người Kuwait bị hành hình, Kuwait City bị tàn phá.

- Colin Powell bảo tôi, vị tướng nói, Bộ Ngoại giao sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn. Họ muốn có được sự đầu hàng vô điều kiện.

- Thế thì họ sẽ có, chắc chắn đấy, đại sứ Mỹ nói.

- Tôi nói với họ, vị tướng nói. Tôi nói rằng các ông cần một người Ả-rập để nhìn nhận vấn đề đó.

- Quả thế, đại sứ Anh đáp, thế tại sao lại có thế?

Cả hai vị đại sứ đều là những nhà ngoại giao lão luyện từng làm việc nhiều năm tại Trung Đông. Cả hai đều nghiên cứu rất nhiều về Ả-rập học.

- Tốt, vị chỉ huy tối cao nói, cái kiểu tối hậu thư này không chơi được người Ả-rập đâu. Trước tiên họ sẽ chết cái đã.

Một sự im lặng trong nhóm. Hai viên đại sứ tìm thấy trên mặt vị tướng một nét mỉa mai.

Hai sĩ quan tình báo vẫn không nói gì, nhưng cả hai đều có chung suy nghĩ ở trong đầu: đó chính là điểm mấu chốt đó, tướng quân thân mến của tôi ạ!

- Anh đi từ trong nhà người Nga ra.

Đó là một lời khẳng định, không phải câu hỏi. Người của Cục Phản gián đang mặc đồ dân sự nhưng chắc chắn đó là một sĩ quan.

- Vâng, bey.

- Giấy tờ đâu.

Martin lần tìm trong các túi của dish-dash của mình và trình căn cước và bức thư nhàu nát do Bí thư thứ nhất Kulikov đưa. Viên sĩ quan ngắm soi thẻ căn cước, liếc nhìn để so sánh với ảnh, và nhìn vào lá thư.

Những người Iraq làm việc rất tốt. Khuôn mặt lạnh lùng của Mahmoud Al-Khourri nhìn xuyên qua cái túi nhựa.

- Khám đi, viên sĩ quan nói.

Người còn lại thò tay vào trong áo dưới cái dish-dash rồi lắc đầu Không có vũ khí.

- Các loại túi

Các túi có một vài tờ tiền dinar, một vài đồng xu, một chiếc dao ăn, những mẫu phấn màu khác nhau, và cái túi bằng nhựa. Viên sĩ quan chú ý đầu tiên đến cái túi.

- Gì đây?

- Người vô đạo sẽ vứt nó đi. Tôi dùng để đựng thuốc lá.

- Không có thuốc trong này.

- Không có, bey, hết rồi. Tôi đang định đi mua ở chợ.

- Và đừng có gọi tôi là bey. Chỉ người Thổ mới nói thế thôi.

- Thế anh từ đâu đến vậy?

Martin miêu tả ngôi làng nhỏ ở phía bắc. “Rất nổi tiếng với dưa hấu”, anh thêm vào.

- Câm mồm về những thứ dưa chết tiệt của anh đi! viên sĩ quan dọa, có cảm giác rằng lính của mình đang cố nén cười.

Một chiếc limousin đi vào đầu kia của phố và dừng lại, cách đó 200 yard.

Viên sĩ quan cấp dưới ra hiệu cho thượng cấp và gật đầu. Thượng cấp quay lại, nhìn. và nói với Martin. “Đợi ở đây”. Anh bước trở lại chiếc xe lớn và dừng lại để nói với ai đó qua cửa sổ bằng ghế sau.

- Anh bắt được ai đấy? Hassan Rahmani hỏi.

- Tên làm vườn, thưa ngài. Làm việc ở đây. Trông coi hoa hồng và làm đất, đi chợ cho tay đầu bếp.

- Khôn ngoan không?

- Không, thưa ngài, đầu óc rất ù lì. Một lão nông dân từ mãi phía bắc, từ một chỗ nào đó trồng dưa ấy.

Rahmam suy nghĩ. Nếu anh giữ lại tên diên khùng này, những người Nga sẽ tự hỏi tại sao người của họ không trở lại. Anh hy vọng nếu tiến trình hoà bình của người Nga thất bại, anh có thể bước vào.

Nếu anh để người này đi mua hàng và quay về, anh ta có thể báo động những người chủ Liên Xô của mình. Theo kinh nghiệm của Rahmani đây là một thứ ngôn ngữ mọi người Iraq nghèo khổ đều nói và nói rất tốt. Anh đưa ra một cái ví và rút ra 100 dinar.

- Đưa cho anh ta. Nói với anh ta đi chợ đi và quay về. Rồi sau đó anh ta sẽ phải theo dõi ai đó với một cái ô lớn, bằng bạc. Nếu anh ta im lặng về chúng ta và ngày mai đến báo cáo đã nhìn thấy gì, anh ta sẽ được thưởng. Nếu nói với người Nga, chúng ta sẽ đưa anh ta đến chỗ AMAM.

- Rõ, thưa tướng quân.

Viên sĩ quan cầm lấy tiền, bước lại, và nói với người làm vườn. Người đàn ông trở nên bối rối.

- Một cái ô, sayidi?

- Phải: một cái bằng bạc rất lớn, hoặc cũng có thể màu đen, hướng lên trên trời. Anh đã từng bao giờ thấy nó chưa?

- Chưa, sayidi, người đàn ông buồn rầu nói. Mỗi khi trời mưa tất cả đều chạy vào nhà hết cả.

- Allah chí Thánh ơi, viên sĩ quan lẩm bẩm, không phải cho trời mưa đâu! Mà là để gửi tin.

- Ô mà gửi được tin, người làm vườn chầm chậm nói. Tôi sẽ thử xem có không, sayidi.

- Thế thì đi đi, viên sĩ quan thất vọng nói. Và phải im lặng về những gì anh đã nhìn thấy nhé.

Martin đạp xe xuôi phố, đi ngang qua chiếc limousin. Khi anh lại gần, Rahmani cúi đầu vào trong băng ghế sau. Không cần để cho anh ta nhìn thấy mặt Trùm Phán giám của nước Cộng hoà Iraq.

Martin tìm thấy dấu phấn vào lúc bảy giờ và nhận được bức thông điệp vào lúc chín giờ. Anh đọc nó trong ánh sáng từ cửa sổ của một quán cà phê - không có đèn điện, không có nữa, mà là một thứ đèn khí. Khi anh đọc bản giấy, anh huýt sáo nhẹ nhẹ, gấp nhỏ tờ giấy lại, và nhét nó vào trong đồ lót của mình.

Anh không bị chặn lại lần nào trên đường về ngôi biệt thự. Máy phát cần phải bỏ đi, vì chỉ cần thêm một lần phát sóng có thể gây ra thảm hoạ. Anh quan sát bên xe bus, nhưng khắp nơi đều có các đội kiểm tra của quân đội và AMAM, tìm kiếm những người từ sa mạc đi vào.

Thay vì đó, anh đi ra chợ rau quả ở Kasra và tìm thấy một người lái xe tải đang đi về phía tây. Người đàn ông sẽ đến nơi cách Habbaniyah vài dặm, và 20 dinar đã thuyết phục được anh ta chở thêm một hành khách. Nhiều xe tải thích đi vào ban đêm, tin rằng bọn Con của Chó ở đó trong những chiếc máy bay không thể nhìn thấy họ trong bóng tối, mà không biết dù ngày hay đêm, những xe tải chở hoa quả có gây ra tiếng động chẳng hề là ưu tiên cao của tướng Chuck Horner.

Vì vậy họ lái xe xuyên màn đêm, nhờ vào những ánh đèn mờ mờ như ngọn nến, và vào bình minh Martin đã đứng trên đường cao tốc ngay ở phía tây hồ Habbaniyah, nơi người lái xe quay sang các trang trại giàu có của vùng thượng thung lũng Euphrates.

Họ bị các đội kiểm tra dừng xe hai lần, nhưng chỉ một lần Martin phải trình giấy và bức thư của người Nga, giải thích rằng anh đã từng làm vườn cho họ, nhưng họ sắp về nước và đã sa thải anh. Anh ca thán về cách họ đối xử với anh cho đến khi những người lính hết kiên nhẫn bảo anh ngậm miệng lại và để anh đi.

Đêm đó, Osman Badri đang ở không xa Mike Martin, đang hướng về cùng một hướng nhưng đi trước. Đích đến của anh là căn cứ máy bay nơi người anh, Abdelkarim đang là chỉ huy đội bay.

Trong những năm 1980, một công ty xây dựng Bỉ tên là Sixco đã thắng thầu để dựng lên tám căn cứ quân sự được bảo vệ nghiêm ngặt cho các máy bay chiến đấu tốt nhất của Iraq vốn rất được cưng chiều.

Vấn đề với họ là hầu như mọi thứ đều được chôn giấu dưới đất - doanh trại, hangar, kho nhiên liệu, nhà ăn, cửa hàng, phòng họp, khu cho phi công, và những máy phát điện diesel lớn để cung cấp năng lượng cho các căn cứ.

Chỉ một thứ được nhìn thấy từ trên cao là những đường băng, dài 3000 mét. Nhưng vì không hề có nhà cửa hay hangar dính liền, nên liên quân nghĩ chúng chỉ là những sân bay bình thường, như Al-Kharz ở Arập Xêút đã từng như vậy trước khi người Mỹ đổ quân vào.

Nhìn gần hơn vào mặt đất có thể thấy những cửa sắt dày tới một mét dựng ở cuối con đường. Một căn cứ rộng 5 km vuông, chu vi bao quanh bởi hàng rào. Nhưng cũng giống như Tarmiya, các căn cứ quân sự Sixco trông như là bỏ không, không dùng đến.

Để vận hành chúng, các phi công phải sống ngầm dưới đất, trong khoang máy bay của mình, và khởi động động cơ tại đó Chỉ khi họ đã sẵn sàng, với bức tường chắc chắn bảo vệ phần còn lại của căn cứ khỏi luồng phản lực và phóng ra chất khí lên trên để đi ra sa mạc bên ngoài, các cánh cửa của bộ phóng mới được mở ra.

Các máy bay chiến đấu có thể chạy qua các bộ phóng, lao lên với tốc lực mạnh nhất, phụt khói xa sau, lao lên đường băng, và ở trên không trung trong vài giây. Ngay cả khi các AWAC định vị được họ, họ cũng có vẻ như đến từ nơi khác và được cho là đang đi làm những nhiệm vụ tầm thấp đến từ nơi nào đó.

Đại tá Abdelkarim Badri đóng ở một trong các căn cứ Sixco đó, chỉ được biết đến với cái tên KM 160 vì nó nằm trên đường từ Baghdad đi Ar-Rutba, cách Baghdad 160 km. Em trai anh trình giấy tờ ở trạm gác ở chỗ hàng rào vào lúc hoàng hôn.

Nhờ vào cấp bậc của anh, một cú điện thoại ngay lập tức được gọi vào từ tháp canh cho nơi ở riêng của người chỉ huy đội bay, và rất nhanh chóng một chiếc xe jeep xuất hiện, lăn bánh qua sa mạc trống không, có vẻ như đến từ nơi nào đó.

Một trung úy Không lực trẻ tuổi dẫn vị khách vào trong căn cứ, chiếc xe jeep lăn bánh vào một bộ phóng khác được giấu kín nhưng rất nhỏ để đi vào khu nhà dưới lòng đất, nơi chiếc xe jeep đỗ lại. Viên trung úy dẫn đường qua các hành lang phức tạp đi qua các hầm nơi các kỹ thuật viên đang vận hành những chiếc MIG 29. Không gian thoáng mát và được lọc khí, và ở mọi nơi đều đây tiếng động cơ phát điện. Ngay khi bước vào khu vực dành cho các sĩ quan cao cấp, viên trung úy gõ một cánh cửa. Khi có lệnh vang ra từ bên trong, anh ta chỉ cho Osman Badri căn hộ của viên chỉ huy.

Abdelkarim đứng lên, và hai anh em ôm chèoàng lấy nhau. Người anh 37 tuổi, cũng là đại tá và rất đẹp trai, với một hàng ria mỏng. Anh không lấy vợ nhưng không bao giờ thiếu đàn bà vây quanh. Về ngoài của anh ta, cái vẻ hững hờ, bộ quân phục đẹp của anh ta và những huy hiệu của phi công đảm bảo cho anh ta điều đó. Về ngoài của anh rất chân thật; các vị tướng Không lực đã coi anh là phi công lái máy bay chiến đấu giỏi nhất nước, và người Nga, những người đã đào tạo anh làm quân bài chiến lược cho phi đội bay của Liên Xô, MIG 29 Fulcrum loại máy bay chiến đấu siêu âm, cũng đồng ý với điều đó.

- Nào, em trai, ngọn gió nào đưa em đến đây vậy? Abdelkarim hỏi.

Osman, khi đã ngồi xuống và uống cà phê từ một cái tách nóng hơi hổi, đã có đủ thời gian để nghiên cứu vẻ mặt của anh trai. Có những nếp nhăn ở khoé miệng nơi trước đây chưa hề có, và có vẻ cảnh giác trong mắt.

Abdelkarim không phải một kẻ diên khùng cũng không hề hèn nhát. Anh đã bay tám phi vụ chống Mỹ và Anh. Anh đều quay về được. Anh đã nhìn thấy những đồng nghiệp giỏi nhất của mình bị hạ gục hoặc bị thổi tung bởi tên lửa Sparrow và Sidewinder, và anh đã từng dính bốn quả như thế. Những lệch lạc, anh đã nhận ra ngay sau lần đầu tiên thử đánh các máy bay ném bom Mỹ, là không thể chấp nhận được Về phần mình, anh không hề có thông tin hay hướng dẫn nơi có kẻ thù, có bao nhiêu, loại nào, trọng tải, đi hướng nào. Các ra đa Iraq đều đã bị bắn hạ, các trung tâm kiểm soát và chỉ huy đều đã bị nghiền vụn, và các phi công chỉ còn có thể dựa vào chính mình.

Tệ hơn thế, người Mỹ với những chiếc AWACS của mình có thể biết được chỗ của các máy bay chiến đấu Iraq trước khi họ đi được quá 1000 fit, nói cho phi công của mình cần đi đâu và phải làm gì để đảm bảo có được vị trí tấn công tốt nhất. Với người Iraq, Abdelkarim Badri biết, mỗi phi vụ chiến đấu chẳng khác gì một đòi hỏi tự sát.

Về tất cả những thứ đó, anh không hề nói gì, cố tạo ra một nụ cười và hỏi tin tức của em trai. Tin đó giết chết ngay lập tức nụ cười.

Osman kể lại những sự kiện trong 60 tiếng đồng hồ qua: lính AMAM đến nhà bố mẹ họ vào sáng sớm, lục soát, và tìm kiếm trong vườn, đánh mẹ và Talat, và bắt bố họ. Anh nói anh đã được người được sĩ hàng xóm gọi về như thế nào, và bằng cách nào anh đã lái xe về nhà để thấy xác chết của bố trên chiếc bàn ăn.

Miệng Abdelkarim mím chặt thành một đường giập dữ khi Osman kể đến khi anh khám phá cái gói chứa xác, và cách bố họ đã được chôn cất sáng hôm đó.

Người anh chồm về phía trước rất đột ngột khi Osman kể anh đã gặp ai và đã rời khỏi nghĩa trang, và về cuộc trò chuyện với người đàn ông.

- Em nói với ông ta tất cả những thứ đó rồi à? Anh hỏi khi em trai mình đã nói xong.

- Vâng.

- Đúng không đấy? Có đúng không đấy? Em đúng là đã xây dựng Pháo đài Qu'ala đấy à?

- Vâng.

- Và em nói với ông ta nó ở đâu, và ông ta có thể nói cho người Mỹ biết à?

- Vâng. Em có làm sai không?

Abdelkarim suy nghĩ một lúc.

- Có bao nhiêu người. Ở toàn Iraq, biết về điều đó hả em?

- Sáu người.

- Kể tên xem nào.

- Rais, Hussein Kamil, người cung cấp tài chính và nhân lực; Amer Saadi, người cung cấp công nghệ. Rồi đến tướng Ridha, người cung cấp pháo binh, và tướng Musuli ở bên Công binh - ông ta đã đề xuất em làm việc đó. Và em, người đã xây dựng nó.

- Thế còn các phi công trực thăng chở khách đến thì sao?

- Họ hẳn là có biết hướng để có thể bay được, nhưng không phải cái gì ở trong đó. Và họ bị cầm trại ở một căn cứ nào đó, em không biết là ở đâu cả.

- Thế khách thì sao - bao nhiêu người trong số họ có thể biết?

- Không ai đâu. Họ bị bịt mắt trước khi máy bay cất cánh cho đến tận khi đến nơi.

- Nếu người Mỹ phá hủy Cú đấm của Thượng đế đó, em nghĩ AMAM sẽ nghi ngờ ai? Rais, các bộ trưởng, các vị tướng - hay là em?

Osman gục đầu vào tay.

- Em đã làm gì thế này? anh rên rỉ.

- Anh sợ là, em trai ạ, em đã tiêu diệt tất cả chúng ta.

Cả hai anh em đều biết các quy tắc. Nếu phản bội, Rais sẽ không đòi một sự hy sinh duy nhất mà sẽ hành hình cả ba thế hệ: cha và chú, do đó không thể còn có dòng giống lưu truyền lại, anh em với cùng lý do, và con trai và cháu trai, để không còn ai có thể lớn lên để trả thù ông ta. Osman Badri đã bắt đầu trở nên yên lặng.

Abdelkarim đứng lên, kéo Osman lại gần và ôm em trai.

- Em đã làm đúng, em ạ. Em đã làm đúng. Bây giờ chúng ta phải tính cách để thoát khỏi nơi đây.

Anh nhìn đồng hồ: tám giờ tối.

- Không có đường dây điện thoại nào cho công cộng từ đây về Baghdad đâu, anh nói. Chỉ có các đường dây ngầm dưới đất đến những người ở Bộ Quốc phòng đang trốn trong các boong ke tại đó Nhưng thông tin này không phải để cho họ. Em mất bao nhiêu thời gian để lái xe về nhà mẹ?

- Khoảng bốn tiếng, Osman nói.

- Em có tám tiếng để đến đó và quay lại đây. Hãy nói với mẹ gói ghém mọi thứ quý giá nhất vào xe ô tô của bố. Mẹ có thể lái xe - không tốt lắm nhưng được. Mẹ có thể mang theo Talat và về làng của Talat. Mẹ nên tìm chỗ trú ẩn ở bộ lạc của Talat cho đến khi một trong hai chúng ta liên lạc với mẹ. Hiểu chưa nào?

- Rồi. Em sẽ trở về vào lúc sáng sớm. Tại sao?

- Trước khi trời sáng. Ngày mai anh sẽ dẫn đầu đội máy bay MIG bay sang Iran. Những người khác sẽ đi trước. Đó thật là một chiến thuật điên rồ của Rais để bảo vệ những máy bay chiến đấu tốt nhất của mình. Chẳng có nghĩa gì cả, dĩ nhiên là như thế, nhưng nó có thể cứu sống bọn anh. Em sẽ đi cùng với anh.

- Em tưởng MIG 29 chỉ có một chỗ ngồi thôi chứ?

Anh còn có một cái dành cho tập luyện với hai chỗ. Loại UB. Em sẽ được ăn mặc như một sĩ quan Không quân. Nếu may mắn, chúng ta có thể đi được bằng cách đó. Giờ thì đi đi.

Mike Martin đang đi bộ về hướng tây trong đêm đó dọc theo đường Ar-Rutba khi chiếc xe chở Osman Badri đi vượt qua anh, hướng về phía Baghdad. Không ai nhận ra người kia. Đích đến của Martin là chỗ nối tới cửa dòng sông, còn cách đó 15 dặm đường. Tại đó, vì cầu đã bị hạ, xe tải có thể phải đứng chờ phà, và anh có cơ hội rất tốt để cho tiền một tài xế khác để đưa anh đi xa hơn về phía tây.

Gần sáng anh quả có tìm được một chiếc ô tô, nhưng nó chỉ có thể mang anh đến một nơi ngay trên Muhammadi. Đến đó sẽ lại phải chờ tiếp. Ba giờ sáng chiếc xe của đại tá Badri lại tăng tốc quay trở lại.

Anh không thương nó chút nào, không hề dừng lại Người lái rõ ràng là đang rất vội. Ngay trước khi trời sáng một chiếc xe tải thứ ba tới, dừng lại ở bên một đường cao tốc lớn, và dừng lại cho anh lên.

Anh lại trả tiền cho người tài xế từ kho tiền dinar của mình, đủ để mọi người nghĩ đã đưa cho anh ở Mansour. Sáng sớm, anh nghĩ vậy, người nhà Kulikov có thể thông báo đã mất người làm vườn của mình.

Việc tìm kiếm anh có thể làm lộ ra cuốn sổ ghi chép giữa tám đêm - một thứ thật không hay ho gì với một kẻ mù chữ - và tìm tiếp có thể thấy máy phát dưới mái nhà. Khoảng giữa ngày, việc truy lùng sẽ bắt đầu, khởi đầu ở Baghdad nhưng sẽ lan rộng ra toàn quốc. Khoảng đến đêm, anh cần phải ở đủ xa trong sa mạc, đi thẳng về hướng biên giới.

Chiếc xe tải trong đó anh đang ngồi đang ở trên KM 160 khi chiếc máy bay MIG 20 bắt đầu cất cánh. Osman Badri đang kinh hoàng, như những người khác lần đầu bay. Trong các hầm ngầm của căn cứ, anh đã đứng bên cạnh anh trai mình với bốn phi công trẻ khác sẽ cùng bay trong phi vụ. Phần lớn những người cùng độ tuổi Abdelkarim đều đã chết; chỉ còn những người trẻ hơn, kém anh đến cả chục tuổi, rời trường học chưa được bao lâu. Họ lắng nghe với sự chú ý cao độ người chỉ huy đội bay của mình và gật đầu ra dấu tuân lệnh.

Trong chiếc MIG, ngay cả khi đã buộc chặt dây, Osman vẫn nghĩ mình chưa từng nghe thấy tiếng gầm nào giống như thế, trong không gian đóng kín, hai động cơ phản lực RD 33 của Liên Xô chạy lên hết công suất. Ngồi rúm ró ở đằng sau anh trai mình, Osman nhìn thấy những cánh cửa kiên cố mở ra với những pít tông thủy lực và một bầu trời xanh nhợt nhạt ở cuối hầm. Tiếng ồn tăng lên khi viên phi công chạy băng qua cổng và lao lên, và chiếc máy của người Liên Xô gầm rú lao lên bầu trời. Khi phanh đã dừng lại, Osman nghĩ mình đã bị một con la đá hậu lao về phía sau. Chiếc MIG nhảy lên trước, những bức tường bị băng qua, và lao khỏi bệ phóng để bay vào ánh sáng của buổi bình minh.

Osman nhắm chặt mắt và cầu nguyện. Tiếng bánh máy bay quay đã dừng lại, anh thấy như mình bị co thắt lại, và mở mắt ra. Họ đã ở trong không trung, chiếc máy bay đã ở trên KM 160 trong khi bốn chiếc khác đang rời khỏi đường hầm ở bên dưới. Khi các cánh cửa đóng lại, căn cứ đã ngừng tồn tại. Xung quanh anh, vì chiếc UB là một máy bay tập luyện, là những thứ khoá, nút bấm, cần gạt, màn hình, nút bấm, và cần đẩy. Giữa chân anh là một cần số. Anh trai anh đã nói anh để mọi thứ nguyên đấy, mà anh thì lại thích làm gì đó. Lên đến độ cao 1000 feet đội bay gồm 5 chiếc MIG tạo thành một đường cong, bốn phi công trẻ phía dưới viên chỉ huy đội bay. Anh trai anh đang trên đường đi thẳng về phía nam lệch sang đông, giữ mình bay ở thấp, hy vọng tránh được sự do thám và đi qua vùng ngoại ô phía nam của Baghdad, thoát khỏi sự dò tìm của người Mỹ trong những nhà máy và các hình ảnh ra đa khác. Đó là một canh bạc nhiều rủi ro,

cố tránh khỏi các radar của AWACS bay trên vùng Vịnh, nhưng anh không còn lựa chọn nào khác. Những mệnh lệnh xuống anh rất chính thức, và giờ đây Abdelkarim Badri đã có một lý do phụ khác để mong đến được Iran.

Sáng hôm đó anh gặp may, loại may mắn không mấy khi đến trong chiến tranh. Vào cuối chặng đường ở vùng Vịnh, AWACS phải quay về căn cứ của mình và được thay bằng cái khác. Việc này được gọi là đi ta xi. Trong khi thay thế như vậy, có một khoảng thời gian khi radar dò sóng ngừng làm việc. Chuyến bay thấp của những chiếc MIG qua nam Baghdad và Salman Pak rơi đúng vào lúc nghỉ may mắn đó. Viên phi công Iraq hy vọng bằng cách giữ độ cao 1000 feet. Anh có thể bay ở bên dưới các máy bay chiến đấu của Mỹ, thường bay ở độ cao 20000 feet và cao hơn. Anh muốn đến được bên ngoài thành phố Al Kut ở phía bắc, rồi đi thẳng một cách an toàn tới biên giới Iran ở điểm gần nhất.

Sáng hôm đó, vào giờ đó, đại úy Don Walker của Đội bay chiến thuật số 336 bay từ sân bay Al Kharz dẫn đầu đội bay gồm bốn chiếc Strike Eagle đi về phía bắc hướng Al Kut, nhiệm vụ của anh là ném bom một cầu cầu chính qua sông Tigris ngang qua đó những chiếc xe tăng của đội Vệ binh Cộng hòa đã bị một chiếc J-STAR bay hướng nam Kuwait phát hiện ra. Đội 336 đã chủ yếu tốn thời gian trong cuộc chiến tranh trong những nhiệm vụ buổi đêm, nhưng chiếc cầu phía bắc Al Kut có thể là một “fix nhanh”, có nghĩa là không có thời gian để mất nếu những chiếc xe tăng Iraq sử dụng nó để đi về phía nam.

Cho nên nhiệm vụ ném bom sáng hôm đó được mang mật danh “trực tiếp Jeremiah”: tướng Chuck Horner muốn nó được thực hiện, và ngay lập tức.

Những chiếc Eagle đang lao đi với những quả bom 2000 pound có laser hướng lối cùng với các tên lửa không đối không. Vì việc đặt vị trí của các cột bom ở dưới cánh chiếc Eagle, trọng tải trở nên mất cân bằng, những quả bom ở một bên sẽ nặng hơn là những hỏa tiễn Sparrow ở bên kia. Điều này được gọi là trọng tải chó chết. Có điều khiển tự động lo cho việc đó, nhưng đó vẫn là loại trọng tải mà hầu hết phi công đều không muốn chọn khi phải đối mặt với kẻ thù.

Cũng như những chiếc MIG, giờ đang bay ở độ cao 500 feet nhìn thẳng xuống phía dưới, đang tiến về phía tây, những chiếc Eagle đang đi về phía nam, cách đó 800 dặm.

Chỉ dẫn thứ nhất mà Abdelkanm Badri có được về sự có mặt của họ là một tiếng động ì ầm nhỏ trong tai-mình. Em trai anh ở đằng sau không hề biết chuyện gì xảy ra, nhưng các phi công chiến đấu thì biết. Chiếc MIG dành cho tập luyện đang dẫn đầu, bốn chiếc đi kèm đang đi ngay sau tạo thành hình chữ V Tất cả đều nghe thấy tiếng động đó.

Tiếng ồn nhỏ đến từ RWR của họ - máy nhận cảnh báo từ radar. Điều đó có nghĩa là có các radar khác đang ở đâu đó, quét lên nền trời.

Bốn chiếc Eagle có radar của mình trong hệ thống kiểm tra, những tín hiệu radio ở phía trước họ đều nhìn thấy là có. Những máy nhận cảnh báo radar của Liên Xô đã nhận ra các tín hiệu đó và đang nói lại cho các phi công của mình. Những chiếc MIG không thể làm gì khác ngoài việc tiếp tục bay. Ở độ cao khoảng 500 feet họ đã ở dưới những chiếc Eagle khá nhiều và đang đi ngang qua tầm bắn của những chiếc đó.

Cách 60 dặm, tiếng ồn trong tai các phi công Iraq to dần thành tiếng ồn rất lớn. Điều này có nghĩa các RWR nói với họ: ai đó ở đằng kia đã bỏ chế độ tìm kiếm và đang lao về phía các anh.

Sau Don Walker, người wizzo Tim của anh nhìn thấy thay đổi trên màn hình radar. Từ một máy quét radar tĩnh vi, những chiếc radar của Mỹ đã bật lên, thu hẹp dần dải quét và chỉ tập trung vào cái mình đã phát hiện được.

- Chúng ta có năm chiếc máy bay chưa thể xác định của bên nào, thấp dưới mười độ. người wizzo thì thầm, và bật IFF. Những người wizzo khác trong đội hình bay cũng làm như vậy.

Sự định vị Bạn hay Thù là một kiểu chuyển tin được mọi máy bay chiến đấu sử dụng. Nó gửi đi một sóng với các tần số nào đó, sẽ được thay đổi hàng ngày. Các máy bay chiến đấu cùng một bên sẽ nhận được xung lực đó và trả lời: “Tôi là bạn”. Máy bay đối phương không thể làm như thế. Năm tiếng bíp trên màn hình radar đang dò tìm hàng dặm phía trước và đang tiến lại gần khu vực có thể năm chiếc máy bay bạn đang quay trở lại từ một phi vụ - hoặc đúng hơn, từ nơi không xa những máy bay Liên quân khác trên bầu trời chứ không phải của Iraq.

Tim hỏi các máy bay lạ theo kiểu 1,2,3,4. Không có câu trả lời

- Bọn địch đấy, anh ta báo cáo. Don Walker, chuyển kim báo tên lửa lên radar, thì thầm: “Sẵn sàng” với ba phi công khác, đang căng thẳng nhìn ra trước và lao lên.

Abdelkarim Badri đang ở thế bất lợi, và anh biết điều đó. Anh biết điều đó kể từ thời điểm người Mỹ đang tiến dần về phía anh. Anh biết mà không cần chiếc IFF nào phải báo với anh rằng những máy bay lạ đó không thể là người Iraq anh em. Anh biết đã bị đối phương định vị, và anh biết các đồng nghiệp trẻ tuổi của mình có thể không hề biết chuyện đó. Bất lợi của anh nằm ở chiếc MIG anh đang lái. Vì đó là loại bay huấn luyện, dạng duy nhất có hai chỗ ngồi, nó không bao giờ được dành cho chiến đấu. Radar của đại tá Badri chỉ có 60 độ ngoài đỉnh. Anh không thể nhìn thấy ai đang tiến lại gần mình.

- Anh có gì vậy? anh hất hàm về phía người cùng bay. Câu trả lời đầy hồi hộp và kinh hoàng.

- Bốn máy bay địch, cao hơn ba độ, đang lao xuống rất nhanh.

Thế là canh bạc đã thất bại. Người Mỹ không bao giờ lao xuống từ bầu trời từ phía nam, chủ đích lao vào họ ngay trên không trung.

- Lao xuống, xuống nhanh lên, đi về sau, hướng về phía Iran, anh gào lên.

Các phi công trẻ không cần đợi chờ gì để ngừng lại. Từ các ống khói của những chiếc phản lực của mỗi chiếc MIG một làn khói dày đặc bắn ra, đưa các phi công vượt tốc độ âm thanh và gần như lao đi với vận tốc gấp đôi.

Mặc kim báo nhiên liệu đã tăng vọt lên. những chiếc máy bay một chỗ có thể bay được xa đủ để tránh người Mỹ và vẫn có thể đến được Iran. Việc họ lao đi trước sẽ tránh cho họ bị các máy bay Mỹ đuổi kịp, cho dù họ đã ở gần kề.

Abdelkarim Badri không có lựa chọn đó. Khi làm các máy bay huấn luyện, các kỹ sư Liên Xô đã không chỉ đưa vào một ra đa đơn giản, mà còn gắn thêm vào trọng tải của người tập luyện và khoang ngồi của anh ta, họ do đó phải giảm bớt khả năng nhiên liệu bên trong.

Viên đại tá phi công đang bay ở rất xa những chiếc máy bay tiếp nhiên liệu, nhưng như thế vẫn còn chưa đủ. Anh có bốn lựa chọn. Nó khiến anh mất hơn hai giây để thực hiện.

Anh có thể chuyển sang chế độ tăng tốc, thoát khỏi các máy bay Mỹ, và quay trở về căn cứ Iraq, nơi đó anh sẽ bị bắt và sớm hay muộn sẽ bị đưa đến chỗ AMAM để bị tra tấn và sẽ chết.

Anh có thể tăng tốc và tiếp tục bay đến Iran, tránh được người Mỹ nhưng hết nhiên liệu ngay sau khi vượt được biên giới Ngay cả khi anh và em trai anh nhảy ra được ngoài một cách an toàn, họ vẫn có thể rơi vào các bộ lạc Ba Tư, những người đã chịu đựng khủng khiếp trong chiến tranh Iran-Iraq từ những chuyến hàng do máy bay Iraq thả xuống đầu họ.

Anh có thể tăng tốc tránh những chiếc Eagle, rồi bay về phía nam để sang A rập Xêút và trở thành một tù binh. Anh không mong gì sẽ được đối xử tử tế.

Có một câu thơ đi vào trong óc anh từ lâu rồi, những câu thơ anh học được ở trường của ông Hartley ở thành phố Baghdad thời anh còn là cậu học trò. Của Tennyson? Wordsworth? Không. Macaulay, đúng rồi, Macaulay, điều gì đó về một người đàn ông trong khoảnh khắc cuối đời mình, điều gì đó mà anh đã đọc to ở trong lớp học.

Với mỗi người trên thế gian này

Cái chết sẽ đến không sớm thì muộn

Và bằng cách nào ai đó có thể chết tốt đẹp hơn

Là đối mặt với những điều xấu xa đáng sợ

Với tro di hài của cha ông anh ta

Và những đền thờ của thánh thần của anh ta ?

Badri đẩy cần gạt qua cánh cổng để chuyển sang chế độ tăng tốc, lao chiếc MIG Fulcrum vào đường vòng lớn, và lao lên để đối đầu với người Mỹ.

Ngay khi anh quay đầu, bốn chiếc Eagle đã lọt vào tầm rada của anh. Hai chiếc đã được định vị, đang tiến xuống sau chiếc máy bay hai chỗ ngồi đang bay, cả hai đều đang phóng rất nhanh, trên tốc độ âm thanh.

Nhưng người chỉ huy đội bay Mỹ đang tiến thẳng xuống lao vào anh. Badri cảm thấy sự rung chuyển khi chiếc Fulcrum đạt tốc độ siêu thanh, khiến cột chỉ huy biến thành một màn rung, và lao lên tìm chiếc Eagle đang lao xuống thẳng vào anh.

- Chúa tôi, hấn lao thẳng vào chúng ta! Tim nói từ băng ghế sau. Walker không cần được nhắc. Màn hình ra đa của anh cho anh thấy bốn nháy đã biến mất của đội bay Iraq đang chuyển hướng sang Iran và chỉ còn một chiếc trong số đó đang lao thẳng về anh. Chiếc máy kêu lên như tiếng chuông báo thức đã ngoài tầm kiểm soát. Còn cách khoảng 30 dặm, họ lao thẳng vào nhau với vận tốc 2200 dặm một giờ. Anh vẫn chưa nhìn rõ được chiếc Fulcrum, nhưng sẽ không còn lâu la nữa đâu.

Trong chiếc MIG, đại tá Osman Badri đã hoàn toàn mất ý niệm. Anh không hiểu gì hết về điều đang diễn ra. Việc đột ngột tăng tốc đã đẩy anh bắn ra đằng sau lần nữa. và việc quay vòng ngược lại khiến anh chết giấc mất mấy giây.

- Điều gì đang xảy ra vậy? anh gào vào mặt nạ của mình, không hề hay biết nút tắt tiếng đã được bật, nên anh trai không thể nghe thấy anh nói gì.

Ngón tay Don Walker đang chỉ vào nút điều khiển tên lửa. Anh có hai lựa chọn: tên lửa tầm xa AIM-7, được rada hướng dẫn từ chính chiếc Eagle, hoặc quả Sidewinder AIM - 9 tầm ngắn, là kiểu dò mục tiêu theo nhiệt lượng.

Còn cách 15 dặm anh đã có thể nhìn thấy nó, cái chấm đen nhỏ xíu đang lao thẳng vào anh. Hai cánh rải rộng cho thấy đó là một chiếc MIG 29 Fulcrum - một trong số những máy bay chiến đấu lao thẳng tốt nhất thế giới ở bên tay phải. Walker không biết được anh đang đối mặt với một chiếc dành cho huấn luyện không được trang bị vũ khí. Điều anh biết là nó có thể chở theo tên lửa AA-10 của Liên Xô, với tầm bắn dài bằng những quả AIM-7 của anh. Do đó anh đã chọn tên lửa Sparrow.

Còn cách 12 dặm anh bắn thẳng hai quả Sparrow ra trước. Những quả hỏa tiễn bay đi, hướng theo sự chỉ dẫn của rada nhận được năng lượng từ chiếc MIG và ngoan ngoãn lao thẳng về hướng đó.

Abdelkarim Badri nhìn thấy chớp sáng khi hai quả Sparrow rời chiếc Eagle, chỉ còn để lại cho anh thêm vài giây sống trừ khi anh có thể khiến cho người Mỹ ngừng tay lại. Anh lù người sang bên trái và hạ một bậc. Don Walker vẫn thường tự hỏi điều đó có thể giống gì. Và giờ đây anh đã hiểu. Từ dưới cánh của chiếc MIG bay ra một chớp ánh sáng. Nó giống như một bàn tay lạnh lùng đang gỡ ra, cái cảm giác lạnh lẽo, tê cứng của nỗi sợ hãi ghê gớm. Một người khác đã bắn hai quả tên lửa vào anh. Anh nhìn chăm chăm vào cái chết chắc chắn đang ở ngay trước mặt.

Hai giây sau khi bắn ra hai quả tên lửa Sparrow. Walker những muốn đã từng chọn những quả Sidewinder. Lý do thật đơn giản: chiếc Sidewinder là những quả tên lửa nổ và biến đi, nó có thể tìm ra mục tiêu mà không biết chiếc Eagle ở đâu.

Những quả Sparrow cần chiếc Eagle phải hướng dẫn chúng, nếu anh bỏ đi, những quả tên lửa, không có người hướng dẫn, có thể "xịt", hoặc đi lang thang trên trời cho đến khi rơi xuống mặt đất một cách vô hại.

Anh chỉ còn một tích tắc nữa là ấn nút thôi thì nhìn thấy những quả tên lửa do chiếc MIG bay ra rơi thẳng xuống phía dưới. Kinh ngạc anh nhận ra chúng hoàn toàn không phải là những quả hỏa tiễn; tên Iraq đã lừa anh bằng cách bắn các thùng xăng dưới cánh vào anh. Các thùng nhôm đựng xăng đã bắt ánh nắng mặt trời buổi sáng trong khi chúng rơi ra, lấp lánh như đuôi những quả hỏa tiễn được phóng ra. Đó là một trò lừa đảo, và anh, Don Walker, đã suýt nữa thì mắc bẫy.

Trong chiếc MIG Abdelkanm Badri nhận ra tên người Mỹ không chịu lùi bước. Anh đã thử thần kinh của đối thủ, nhưng anh đã thua. Trên băng ghế sau Osman đã tìm thấy nút đàm thoại. Anh có thể nhìn được bằng cách nhìn qua vai anh mình rằng họ đang lao xuống, đã xuống hàng dặm rồi.

- Chúng ta đi đâu thế này? anh gào lên. Điều cuối cùng anh nghe thấy là giọng nói của Abdelkarim, khá bình thản:

- Đến với sự yên bình, em trai của anh ạ. Đến gặp cha. Allah-o-Akhabar.

Đúng lúc đó Walker nhìn thấy hai quả Sparrow phát nổ, những mẩu lớn lửa đỏ cách đó 3 dặm, rồi những mảnh vỡ của chiếc máy bay chiến đấu Liên Xô rơi xuống vùng đất phía dưới.

Anh cảm thấy mồ hôi lạnh toát đầm đìa đầy người. Người cùng bay với anh, Randy Roberts, người đã giữ vị trí bên trên và đằng sau anh, xuất hiện ở bên cánh phải, bàn tay đeo găng trắng giơ lên với ngón tay cái dựng lên. Anh trả lời bằng cách đó, và hai chiếc Eagle, đã rời bỏ sự rượt đuổi vô vọng những chiếc MIG còn lại, bay lên trên để tiếp tục đến cây cầu trên Al Kut.

Với tốc độ của những chiếc máy bay chiến đấu, toàn bộ sự việc, kể từ khi ra đa được bật lên cho đến khi tiêu diệt xong chiếc Fulcrum, chỉ kéo dài đúng 30 giây đồng hồ.

Kể chỉ điểm có mặt ở ngân hàng Winkler vào đúng 10 giờ sáng hôm đó, có người “kế toán” đi cùng. Người trẻ hơn cầm theo một cái cặp tài liệu có chứa 100.000 đôla Mỹ tiền mặt. Tiền trên thực tế là một khoản vay nóng do người sayan làm ngành ngân hàng dàn xếp, người đã được cho biết số tiền đó sẽ được gửi vào ngân hàng Winkler trong một thời gian, rồi sẽ được lấy về và đem trả lại cho anh ta.

Khi nhìn thấy tiền, Herr Gemuetlich thấy thật thoải mái. Ông có thể kém nhiệt tình hơn nhiều nếu nhận ra những đồng đôla đó chỉ chứa trong phân nửa bề dày của cái cặp tài liệu, và ông có thể còn phải kinh hoàng thấy cái đang nằm ở tận đáy chiếc cặp giả.

Vì lý do kín đáo, người kế toán yêu cầu không để cô Hardenberg vào phòng trong khi người luật sư và ông chủ nhà băng thống nhất những mật mã cho tài khoản mới.

Người kế toán chịu trách nhiệm về hoá đơn và tiền, và khoảng 11 giờ vấn đề đã được giải quyết. Herr Gemuetlich triệu tập người lục sự để đi theo các vị khách đến hàng lang và ra đến cửa ngoài. Trên đường đi xuống người kế toán thì thăm điều gì đó vào tai viên luật gia người Mỹ, và người luật gia dịch lại cho viên lục sự. Với một nút bấm của người lục sự đã dừng chiếc thang máy cổ lỗ sĩ ở tầng đệm và ba người đi ra ngoài.

Luật sư chỉ vào cánh cửa phòng vệ sinh nam cho đồng nghiệp của mình, và anh chàng kế toán đi vào. Luật sư và viên lục sự vẫn đứng ở bậc đệm bên ngoài phòng.

Đúng lúc đó vang đến tai họ âm thanh hoảng hốt trong hành lang, rõ ràng bởi vì tầng đệm chỉ cách hành lang có 20 fit và thấp hơn 15 bậc thang gác. Lầm bầm xin lỗi viên lục sự chạy thẳng ra hành lang cho đến khi anh ta có thể nhìn từ đầu đoạn cầu thang xuống toàn bộ các bậc thang bằng đá để xem việc gì xảy ra.

Đó là một cảnh tượng kinh hoàng. Bằng cách nào đó ba tên ma cà bông, say khướt, đã đi vào trong hành lang và đang đòi tiền người tiếp tân để đi uống rượu tiếp. Cô ta sau đó chỉ có thể kể lại rằng bọn họ đã lừa cô mở cửa bằng cách nói mình là nhân viên bưu điện.

Thật là nhục nhã, viên lục sự tức tốc tìm cách đẩy những tên hooligan ra ngoài. Không ai nhận ra là một trong ba kẻ đó, khi đã vào được, đã ném một hộp thuốc lá vào khe cửa nên dù đã đóng được nhưng tiếng quát tháo vẫn lọt vào. Cũng không ai để ý, trong khi đang xô đẩy nhau, một người thứ tư đã bò vào trong hành lang. Khi đứng dậy, anh đã đứng cùng vị luật gia từ New York, người đã theo viên lục sự đi xuống từ trên thang gác xuống đến hành lang.

Họ đứng một bên viên lục sự đang đẩy ba tên say về nơi của chúng - trên hè phố. Khi anh ta quay nhìn quanh, người lục sự của ngân hàng nhìn thấy vị luật sư và người kế toán đã đi xuống khỏi tầng đệm cùng với nhau. Với những lời xin lỗi cuống cuống, anh ta mời họ đi ra khỏi ngân hàng.

Khi đã ra đến ngoài phố, viên kế toán thở ra một tiếng.

- Tôi hy vọng không bao giờ phải làm thế này nữa, anh ta nói .

- Đừng lo, luật gia nói. Anh làm khá tốt đấy.

Họ nói bằng tiếng Do Thái, bởi vì viên kế toán không biết thứ tiếng nào khác nữa cả. Trên thực tế anh ta là một người làm cho ngân hàng ở Beershe'eva, và lý do duy nhất anh ta có mặt ở Vienna, trong công vụ đóng giả đầu tiên và duy nhất của mình, là do anh ta trông khá giống với người phá khoá, người giờ đây đã đứng bất động trong bóng tối của nhà vệ sinh trên tầng đệm. Anh ta sẽ phải nín thở đứng đó 12 tiếng đồng hồ.

Mike Martin đến Ar-Rutba vào giữa trưa. Anh mất 20 tiếng đồng hồ để đi qua khoảng cách mà nếu đi bằng ô tô thì chỉ mất không hơn 6 tiếng.

Tại vùng ngoại ô của thành phố anh tìm thấy một người nông dân với một đàn dê và khiến anh ta có vẻ gì đó kỳ bí nhưng khá hạnh phúc khi được đề nghị bán bốn con trong số chúng với toàn bộ số dinar còn lại trong tay, với giá gấp đôi mà người nông dân có thể bán được ở chợ.

Những con dê cũng có vẻ sung sướng lại được đi ra sa mạc, ngay cả khi chúng giờ đây đã bị choàng dây buộc cổ. Chúng khó có thể đoán trước có thể chúng chỉ có ở đó để giải thích tại sao.

Mike Martin lại đi lang thang quanh sa mạc ở phía nam con đường dưới ánh mặt trời giữa trưa. Vấn đề của anh là không có la bàn - nó đang nằm lại với các loại đồ đạc của anh, ở bên dưới những tấm tôn trần nhà ở Mansour. Sử dụng ánh mặt trời và chiếc đồng hồ rẻ tiền của mình, anh tìm kiếm cố hết sức có thể được để đi được từ tháp phát thanh của thành phố để đến wadi nơi xe mô tô của anh đang được chôn giấu.

Lại mất 5 dặm lang thang nữa, bị chậm lại bởi lũ dê, nhưng chúng cũng đáng giá bởi đã hai lần anh nhìn thấy bọn lính đang nhìn chằm chằm vào anh từ con đường cho đến khi anh đi khuất. Nhưng chúng không làm gì cả.

Anh tìm thấy wadi bên phải vào lúc mặt trời đang xuống, nhận ra những dấu hiệu để lại trên các tảng đá gần đó, và anh đứng đó cho đến khi ánh sáng lóe lên trước khi bắt đầu tắt lịm. Những con dê sung sướng đi dạo nhớn nhोर.

Nó vẫn còn ở đó, được gói vào trong cái túi nylông, một chiếc Yamaha vượt địa hình 125 phân khối, toàn thân màu đen, với những cái giỏ để đựng thêm các bình xăng dự trữ. Cái la bàn được chôn ở đó, cộng thêm một khẩu súng ngắn và đồ ăn.

Anh gài khẩu súng tự động vào bên mình. Kể từ lúc đó, không còn vấn đề gì để sợ hãi nữa; không người nông dân Iraq nào có thể chạy loại máy móc này. Nếu anh bị bắt chột, anh có thể bắn súng và trốn thoát.

Anh lái xe suốt đêm, cố tận dụng tối đa thời gian những chiếc Land-Rover không thể đi được. Với bụi cát anh có thể tăng tốc băng qua những chỗ bằng phẳng và lái chiếc xe về những chòm đá của các wadi, sử dụng động cơ và chân để đẩy.

Nửa đêm anh đổ thêm xăng và dừng lại uống nước ăn vài viên đạm để trong cái túi. Rồi anh lái tiếp về phía nam để đến biên giới Ả-rập Xê-út.

Anh không hề biết khi nào thì vượt qua biên giới. Đó là cả một vùng đất hoang vu không dấu hiệu gì đặc biệt toàn đá và cát, hang hốc và đá vụn, và với chuyến đi hình zigzag anh đang thực hiện, không có cách nào biết được anh đã đi được bao nhiêu dặm đường.

Anh cho rằng mình đã sang được Ả-rập Xê-út khi anh đến Tapline Road, con đường cao tốc duy nhất ở vùng đó. Địa hình trở nên dễ đi hơn, và anh đi được tới 20 dặm một giờ khi anh nhìn thấy chiếc xe.

Anh không mệt mỏi, anh có thể phản ứng nhanh hơn, nhưng anh đang cảm thấy tê dại và suy nghĩ cũng chậm chạp đi.

Bánh trước chiếc xe lao vào dây thép, và anh ngã ra, rơi xuống cho đến khi chạm lưng xuống. Khi mở mắt nhìn lên anh nhìn thấy một khuôn mặt đang đứng phía trên và một họng súng thép.

- Bouge pas, mec. (Đừng có động đậy, anh bạn)

Không phải tiếng Ả-rập. Anh cố vận động trí óc mệt mỏi của mình. Cái gì đó như là đã lâu lắm rồi. Haileybury, một thầy giáo kém may mắn nào đó của trường học đã cố dạy anh những thứ phức tạp rối rắm của tiếng Pháp.

- Ne tirez pas, (Đừng bắn) anh nói chậm chậm. Je suis Anglais. (Tôi là người Anh)

Chỉ có ba trung sĩ trong đội quân lê dương Pháp, và một trong số đó tên là Mccullin.

- Anh đang ở đâu ấy à? Anh ta nói bằng tiếng Anh. Rồi, anh tốt hơn là đừng có đâm vào xe chỉ huy chứ. Và tôi sẽ phải sửa pit tông thôi, nếu anh không có ý kiến gì.

Đội tuần tra Lê dương đang ở phía tây của vị trí được chỉ định của họ trong hàng lối Liên quân, đang đi kiểm tra Tapline Road để ngăn chặn những kẻ xâm nhập từ Iraq có thể có. Với trung sĩ Mccullin làm thông ngôn, Martin giải thích cho viên trung úy người Pháp rằng anh trở về từ một công vụ bên trong Iraq.

Điều này có vẻ dễ chấp nhận đối với đội quân Lê dương: làm việc sau các trận tuyến là một trong số các chuyên môn của họ. Tin tốt lành là họ có điện đàm.

Người phá khoá kiên nhẫn đợi trong bóng tối của phòng để chờ qua hết ngày thứ ba và cho đến đêm. Anh ta nghe thấy nhiều nhân viên vệ sinh nam đi vào phòng vệ sinh, làm việc thức bách, và rời đi.

Qua tường anh có thể nghe thấy đôi khi thang máy kêu lạo xạo đi lên đi xuống. Anh ngồi lên trên cái cạp của mình, lưng dựa vào tường, và đôi khi liếc nhìn chiếc đồng hồ dạ quang của mình để xem giờ giấc trôi qua.

Khi quá năm giờ hơn gần sáu giờ anh nghe tiếng các nhân viên đi ra hành lang để về nhà. Anh biết là vào sáu giờ người gác đêm sẽ đến, viên lục sự sẽ tiếp anh ta, sau đó sẽ kiểm tra mọi nhân viên đi qua bàn của mình theo danh sách trong ngày.

Khi người lục sự đi về sau sáu giờ, người gác đêm sẽ đóng cửa trước lại và bật hệ thống còi báo động. Rồi anh ta sẽ ngồi xem chiếc vô tuyến xách tay luôn mang theo hàng tối và xem các chương trình trò chơi cho đến khi phải đi kiểm tra vòng một.

Theo đội yarid, ngay cả các nhân viên vệ sinh cũng bị giám sát. Họ chỉ làm việc các nơi chung - sảnh, cầu thang, và phòng vệ sinh - trong các đêm thứ hai, thứ tư, và thứ sáu, nhưng vào đêm thứ ba người phá khoá có thể ở đó mà không vấn đề gì. Các ngày thứ bảy họ trở lại để lau dọn các phòng làm việc dưới sự giám sát của người lục sự, người lúc nào cũng sẽ kè kè bên cạnh họ.

Thói quen của người gác đêm có vẻ như bao giờ cũng vẫn thế. Anh ta đi kiểm tra toà nhà ba lần, kiểm tra mọi cánh cửa, vào mười giờ tối, hai giờ sáng và năm giờ sáng. Khoảng thời gian giữa thời điểm anh ta đến và lần đi kiểm tra đầu tiên, anh ta xem vô tuyến và ăn món súp mang theo. Trong khoảng thời gian trong dài nhất, giữa mười giờ và hai giờ, anh ta bật một chiếc đồng hồ báo thức để báo cho anh ta dậy vào lúc hai giờ sáng. Người phá khoá đợi để thực hiện vụ ăn cắp của mình trong khoảng thời gian này.

Anh ta đã từng tận mắt nhìn thấy phòng làm việc của Gemuetlich và cánh cửa quan trọng dẫn vào đó. Cánh cửa đó bằng gỗ dày nhưng thật may là không hề gắn thiết bị báo động. Cửa sổ thì có báo động, và anh ta đã nhận ra những sợi dây nhỏ giữa cái hộp và cái thảm.

Đúng mười giờ anh ta nghe thấy tiếng thang máy đi lên trên, nghĩa là người gác đêm bắt đầu vòng đi kiểm tra đầu tiên của mình các cánh cửa phòng làm việc, bắt đầu từ tầng trên cùng và đi xuống từng tầng một. Nửa tiếng đồng hồ sau, người đàn ông đứng tuổi đó kết thúc, thò đầu vào phòng vệ sinh nam, bật đèn lên để kiểm tra cái cửa sổ có chấn song và hệ thống báo động, đóng cửa lại, và quay trở về bàn của mình với trò giải trí ưa thích. Tại đó anh ta chọn xem chương trình trò chơi muộn.

Vào lúc 10 giờ 45 người phá khoá, trong bóng tối mịt mù, rời khỏi phòng vệ sinh và đi lên thang gác cho đến tầng bốn.

Cửa phòng làm việc của Herr Gemuetlich làm anh ta mất đến mười lăm phút mới mở được. Cuối cùng khoá cũng quay, và anh ta bước vào trong phòng. Mặc dù anh ta đeo một dải băng trên đầu có gắn một chiếc đèn pin nhỏ xíu, anh vẫn phải lấy một cái khác, có vòng sáng toả rộng hơn để quan sát toàn bộ căn phòng. Trong ánh sáng của cái đèn, anh ta có thể tránh được hai sợi dây và lại gần cái bàn từ phía không có bảo vệ. Rồi anh ta tắt nó đi và chỉ còn dựa vào ánh sáng của cái đèn nhỏ như cây bút.

Khoá của ba ngăn kéo trên cùng không thành vấn đề - chỉ là những ngăn nhỏ bằng đồng già cả hàng trăm năm nay. Khi ba ngăn tủ đó đã được mở, anh ta thò tay vào và bắt đầu tìm kiếm một cái chốt, một cái nút

hay lấy. Không có gì hết cả. Phải đến một tiếng sau, ở đằng sau cái ngăn thứ ba ở dưới phía bên phải, anh ta mới tìm thấy. Khi anh ta nhấn vào đó, một tiếng cách nhỏ của ổ khoá vang lên, và một dải phía dưới của cái chân bàn mở ra chừng một cm.

Cái khay bên trong khá là hẹp, chỉ nhỏ hơn một inch, nhưng cũng đủ cho hai tờ giấy mỏng. Đó là bản sao của bức thư giao quyền chỉ dành cho các tài khoản dưới sự phụ trách của Gemutlich.

Người đột nhập lấy máy ảnh ra và bấm máy, một thiết bị gồm bốn thanh nhôm giữ cho máy ảnh đứng giữ đúng khoảng cách với tờ giấy bên dưới để có được độ nét tốt nhất.

Tờ giấy trên cùng là một miêu tả phương pháp vận hành của tài khoản do kẻ chỉ điểm mở trước đó vào buổi sáng, nhân danh một người khách hàng bí mật ở Mỹ. Người mà anh ta muốn tìm ở hàng thứ bảy. Số tài khoản đã được biết – Mossad đã chuyển tiền cho tài khoản của Jericho hai năm trước khi người Mỹ tiếp quản ông ta.

Để chắc chắn, anh ta chụp ảnh toàn bộ từ mọi hướng. Sau khi đã quay cái cachette trở lại vị trí ban đầu của nó, anh ta đặt nó lại và khóa lại toàn bộ các ngăn kéo và đi ra, đóng lại cửa căn phòng làm việc sau lưng mình. Vào lúc 1 giờ 10 phút anh ta quay trở lại phòng vệ sinh nam.

Khi ngân hàng mở cửa vào sáng hôm sau, người đột nhập để cho thang máy chạy lên chạy xuống một tiếng đồng hồ, biết rằng viên lục sự không bao giờ cần đi cùng với nhân viên đi vào các văn phòng của họ. Người khách hàng đầu tiên xuất hiện vào lúc 10 giờ 10 phút. Khi thang máy đi lên ngang qua anh ta, người đột nhập rút ra khỏi phòng vệ sinh, rón rén đi đến cuối hành lang, và nhìn xuống cầu thang. Chiếc bàn người lục sự không có ai; anh ta đang ở trên tầng đi theo người khách hàng.

Người đột nhập nhấn một cái chuông hai lần. Trong ba giây cửa trước có tiếng chuông. Người tiếp tân bật máy nói và hỏi:

- Ja?

- Lieferung, một giọng nói từ tốn trả lời. Cô ta nhấn nút mở cửa, và một người đưa hàng to lớn để mền đi vào trong hành lang, Anh ta mang đến một bức tranh sơn dầu gói trong một tờ giấy màu nâu và nói:

- Đây này, thưa cô, đã sạch sẽ để treo lại rồi đây.

Phía sau anh ta cửa đóng lại. Trong khi nó đang đóng lại như thế, một bàn tay chặn nó lại và luồn vào đó một đoạn giấy. Cửa lại mở ra và không đóng được nữa.

Người đưa hàng dựng bức tranh sơn dầu cạnh bàn người tiếp viên. Bức tranh thật lớn, rộng năm fit và cao bốn fit. Nó ngăn cô ta không thể nhìn được về hướng hành lang.

- Nhưng tôi chẳng biết gì về việc này cả - cô ta phản đối.

Cái đầu của người giao hàng thò vào qua mép của bức tranh.

- Thì chỉ cần ký giấy biên nhận thôi mà, thưa cô, anh ta nói, và đẩy vào trước mặt cô ta một cái bảng với mẫu ký nhận.

Trong khi cô ta xem nó, người đột nhập đi xuống các bậc thang bằng đá và đi ra đến cửa.

- Nhưng mà nó nói là Phòng tranh Harzmann cơ mà, cô ta nhận xét.

- Đúng rồi. Ballgasse, số 14.

- Nhưng chúng tôi chỉ là số 8 thôi. Đây là ngân hàng Winkler. Phòng tranh phải đi nữa cơ.

Người giao hàng bối rối xin lỗi và đi. Viên lục sự quay trở lại trên những bậc thang đá. Cô ta giải thích việc vừa xảy ra. Anh ta cau có, quay chiếc ghế của mình về phía hành lang từ chiếc bàn tiếp tân, và lại cúi mũi vào với giấy tờ.

Khi chiếc trực thăng Blackhawk chở Mike Martin về căn cứ không quân ở Riyadh vào giữa ngày hôm đó, thì đã có sẵn tại đó một hội đồng chuẩn bị sẵn để đón anh. Steve Laing có mặt ở đó, cùng với Chíp Barber. Người mà anh không nghĩ mình sẽ gặp là chỉ huy của mình, đại tá Bruce Craig. Trong khi Martin còn ở Baghdad, việc điều hành của những người SAS ở các sa mạc phía tây Iraq đã tăng lên với đầy đủ cả hai đội

bay bên ngoài Hereford. Một cái còn ở lại ở Hereford để làm đội dự bị, đội kia là các đơn vị nhỏ hơn trong các phi vụ huấn luyện khắp thế giới.

- Anh tóm được rồi chứ, Mike? Laing hỏi.

- Phải, thông điệp cuối cùng của Jericho. Không thể gửi được bằng điện đàm.

Anh giải thích ngắn gọn tại sao và chìa ra một tờ giấy mỏng ghi báo cáo của Jencho.

- Đây anh bạn, chúng tôi đã rất lo lắng khi không thể có tin tức gì của anh trong suốt 48 tiếng đồng hồ vừa rồi đây, Barber nói. Anh đã thực hiện được một chiến tích lớn, thiếu tá.

- Chỉ là một việc thôi mà, thưa các ngài, đại tá Craig nói. Nếu anh đã kết thúc với anh ta, có thể để anh ta quay về chỗ chúng tôi được không?

Laing đang nghiên cứu tờ giấy, dịch tiếng Ả-rập theo cách tốt nhất có thể được. Ông nhìn lên.

- Tại sao lại phải hỏi, tôi cũng nghĩ thế. Với những lời cảm ơn chân thành nhất của chúng tôi.

- Đợi một phút nào, Barber nói. Thế anh sẽ làm gì với anh ta bây giờ hả, thưa đại tá?

- Ô, một cái thùng ở sân bay, thức ăn gì đó...

- Thế thì hãy tìm một ý tưởng tốt hơn đi, Barber nói. Thiếu tá này, thế một miếng bít tết và khoai tây chiên vùng Kansas thì thế nào, một giờ trong phòng tắm hơi, và một cái giường thật êm?

- Với những cái kỳ lưng phải không, Martin cười.

- Đúng. Đại tá, người của anh có một đoàn tùy tùng ở Hyatt dọc theo phố trong suốt 24 tiếng đồng hồ, những người ở nước chúng tôi. Đồng ý không nào?

- Tốt thôi. Thế thì ngày mai gặp lại vào giờ này nhé, Mike, Craig nói.

Trong chuyến đi ngắn về khách sạn đối diện đại bản doanh CENTAF, Martin đưa cho Laing và Barber một bản dịch thông điệp của Jericho. Laing ghi chép chăm chú.

- Điều này có nghĩa là, Barber nói. Các chàng trai phi công sẽ bay tới đó và thổi bay nó đi.

Điều này đòi hỏi Chip Barber kiểm tra lại người nông dân Iraq bắn thủ để mặc cho anh ta bộ quần áo đẹp nhất ở Hyatt, và khi anh ta đã mặc xong đồ, Barber rời đi để đến đường tới Hồ Đen.

Martin có một giờ của mình để tắm rửa, xông hơi sạch sẽ và sử dụng bọt để cạo râu và gội đầu, và khi anh đi ra, bít tết và khoai tây chiên đã ở trên một cái khay trong phòng khách. Anh đang dùng dở bữa ăn của mình thì bị giấc ngủ xâm chiếm. Anh chỉ kịp lăn vào cái giường êm ái ở phòng bên cạnh và lăn ra ngủ.

Trong khi ngủ, một số việc đã xảy ra. Những thứ quần áo, giày dép, tất vớ mới toe được chuyển đến phòng cho anh.

Tại Vienna, Gidi Barzilai đã gửi các chi tiết cụ thể về tài khoản có đánh số của Jericho cho Tel Aviv, nơi một bản sao tương tự đã được chuẩn bị sẵn với từ ngữ rất chuẩn.

Karim gặp Edith Hardenberg khi cô rời khỏi nhà băng đi về nhà, mời cô đi uống cà phê, và giải thích anh phải trở về Jordan thăm mẹ anh đang bị ốm. Cô chấp nhận lý do đó, nắm tay anh, và bảo anh phải sớm quay trở lại với cô ngay khi nào có thể.

Các mệnh lệnh đã được Hồ Đen truyền đi cho căn cứ không quân ở Taif nơi một máy bay do thám TR- 1 đã chuẩn bị sẵn để cất cánh cho một phi vụ ở tận cực bắc Iraq, để chụp thêm các bức ảnh của khu sản xuất vũ khí quan trọng ở As-Sharqat.

Phi vụ được gán thêm một nhiệm vụ mới với bản đồ mới. đặc biệt dành cho việc đi thăm và chụp ảnh một vùng đất với một dải đồi nằm ở phía bắc Jebal và Hamreen. Khi người chỉ huy đội bay phản đối sự thay đổi đột ngột đó, anh ta được cho biết các lệnh đó được xếp vào loại "bí mật Jeremiah". Sự phản đối liền chấm dứt.

Chiếc TR- 1 cất cánh ngay sau hai giờ, và đến bốn giờ, những bức ảnh đã xuất hiện trên các màn hình trong phòng họp dưới hành lang của Hồ Đen.

Hôm đó trời nhiều mây và có mưa ở Jebal, nhưng với ra da hình ảnh mới theo nhiệt, thiết bị ASARSI không sợ mây, mưa, sương mù, tuyết và bóng tối, chiếc máy bay do thám vẫn có được các bức ảnh của mình. Chúng được nghiên cứu khi được đại tá Beatty của USAF và chỉ huy bay Peck của RAF mang tới, đó là hai chuyên gia phân tích hình ảnh do thám giỏi nhất của Hồ Đen.

Cuộc họp lập kế hoạch đã bắt đầu vào 6 giờ. Chỉ có 8 người có mặt. Ngồi ghế chủ tọa là đại diện của tướng Horner, cũng có ý nghĩa quyết định tương tự nhưng vui vẻ hơn là tướng Buster Glosson. Hai sĩ quan tình báo, Steve Laing và Chip Barber, có mặt ở đó bởi vì họ là những người biết được mục tiêu và biết từ đâu có lời tiết lộ đó Hai nhà phân tích, Beatty và Peck, được triệu tập để giải thích các chú giải của họ về các bức ảnh vùng đó Và còn có thêm ba sĩ quan, hai người Mỹ và một người Anh, những người có thể ghi chép những sự việc xảy ra và đảm bảo điều đó

Đại tá Beatty khai mạc vấn đề với cái đã trở thành công thức của các cuộc họp.

- Chúng ta đang có một vấn đề, ông ta nói.

- Nói rõ xem nào, vị tướng nói.

- Thưa tướng quân, thông tin cung cấp cho chúng ta một điểm tham chiếu quan trọng. Nhưng đó chưa phải là tham chiếu của SATNAV, đang quay quanh vùng đất để khoanh lại vài yard vuông. Chúng ta đang nói tới một km vuông. Để có thể chính xác hơn, chúng tôi đã mở rộng địa điểm thành một dặm vuông.

- Thế thì sao?

- Và đã có rồi đây.

Đại tá Beatty chỉ lên trên tường. Gần như toàn bộ khoảng không gian mà một bức ảnh khổ lớn chụp được, với độ phân giải cao và được máy tính xử lý rõ, rộng mỗi chiều sáu feet. Tất cả mọi người nhìn chăm chú vào đó.

- Tôi chẳng nhìn thấy gì hết cả, vị tướng nói. Toàn là núi.

- Vâng, thưa tướng quân, đó chính là vấn đề. Nó không nằm ở đây đâu.

Sự chú ý tăng đến cực điểm. Tất cả đều suy nghĩ rất lung.

- Thế thì cái gì, vị tướng chậm rãi nói, có gì ở đó nào?

- Một khẩu súng, Laing nói.

- Một khẩu súng?

- Gọi là súng Babylon.

- Tôi nghĩ người của các anh đã có tất cả các thứ đó ở giai đoạn xây dựng.

- Đúng là thế thật. Có vẻ như ai đó đã vào.

- Chúng ta chưa từng làm trước đây. Trước ai cũng nghĩ là một quả tên lửa, hoặc một căn cứ máy bay chiến đấu. Không khẩu súng nào có thể bắn được một trọng tải lớn đến thế đâu.

- Cái này thì có thể, thưa tướng quân. Tôi đã kiểm tra với London. Một nòng súng dài hơn 180 mét, đường kính đến một mét. Trọng tải hơn nửa tấn. Tầm bắn 1000 km, theo cái được sử dụng. Và tầm bắn từ đây đến Tam giác?

- 470 dặm, tức là 750 km. Thưa tướng quân, liệu các phi công của ngài có ném được một quả đạn như thế không?

- Không.

- Các tên lửa Patriot thì sao?

- Có thể, nếu nó được đặt đúng chỗ và đúng thời điểm và rơi đúng lúc. Có khả năng là không đâu.

- Vấn đề là, đại tá Beatty xen vào, súng hay tên lửa, cũng không có ở đây đâu.
 - Được chôn ngầm dưới đất giống như nhà máy ở Ai Qubai à? Barber gợi ý.
 - Nó được nguy trang với một bãi rác ô tô ở trên, chỉ huy đội bay Peck lên tiếng. Ở đây thì chẳng có gì hết cả. Không đường sá, không lối mòn, không đường dây điện, không có bảo vệ, không sân bay trực thăng, không dây thép gai, không trại lính - chỉ là một vùng đồi và núi thấp hoang vu với rất nhiều thung lũng.
 - Cứ cho là, Laing trả đũa, chúng sử dụng cùng trò ở Tarmiya - đẩy chu vi bảo vệ ra thật xa, tít ở ngoài vùng đó?
 - Chúng tôi đã thử như thế rồi, Beatty nói. Chúng tôi đã nhìn ra mọi hướng xa đến 50 dặm. Không có gì - không có bảo vệ.
 - Thế chỉ là một chiến dịch thất vọng thôi à? Barber đề xuất.
 - Không có cách nào đâu. Người Iraq luôn luôn bảo vệ những gì thuộc về mình, ngay cả người của họ cũng thế. Xem này...
- Đại tá Beatty tiến lên trước đến bức ảnh và chỉ vào một nhóm lều.
- Một ngôi làng nông dân, ngay cạnh. Khói lò, chuồng dê, những con dê đang đi ăn cỏ ở thung lũng đây này. Còn có hai làng khác ở bên ngoài nữa.
 - Cũng có thể họ đào cả quả núi, Laing nói. Các ông đã từng như thế ở núi Cheyenne rồi cơ mà.
 - Đó là cả một loạt những hầm hào, đường ngầm, một loạt những phòng đằng sau các cánh cửa được gia cố, Beatty nói. ông đang nói về một nòng súng dài 180 mét. Hãy thử đặt nó vào trong một quả núi, ông sẽ thấy nó lồi lên khựng khiếp thế nào. Hãy nhìn vào đây, thưa các ngài, tôi có thể nhìn thấy bãi biển, cửa hàng, mọi khu dân cư đang ở dưới ngầm, nhưng một cái nòng súng như thế thì phải ở đâu đó chứ. Làm gì có.
- Tất cả lại nhìn vào bức ảnh. Trong khung giấy có ba ngọn đồi và một phần ngọn thứ tư. Cái lớn nhất không thể nhìn thấy bởi những cánh cửa chắc chắn hoặc đi ngang qua đường.
- Nếu ở đâu đó trong này, Peck lên tiếng, thì tại sao lại ném bom san phẳng cả một dặm vuông đó đi? Điều này có thể làm rụng xuống mọi quả núi phía trên thứ vũ khí.
 - Ý kiến hay đấy, Beatty nói. Thưa tướng quân, chúng ta có thể sử dụng các Buff. Hãy cho nó đánh cả một dặm vuông này.
 - Tôi có thể có một đề xuất không? Barber hỏi.
 - Xin mời, tướng Horner nói.
- Nếu tôi là Saddam Hussein, và tôi có một thứ vũ khí giá trị như thế, tôi sẽ phải có một người chỉ huy mà tôi có thể tin cậy. Và tôi sẽ ra lệnh cho ông ta rằng nếu Pháo đài chịu bất kỳ sự không kích nào, ông ta phải bắn luôn. Nói tóm lại, nếu những quả bom đầu tiên rơi vu vơ - và một dặm vuông quả là một diện tích lớn đấy - thì phần còn lại có thể sẽ trở thành bình địa trong vòng một giây thôi.
- Tướng Glosson chồm lên trước.
- Chính xác ông muốn nói gì, ông Barber?
 - Thưa tướng quân, nếu Cú đấm của Thượng đế' quả có ở trong những quả đồi này, nó sẽ được giấu bằng một chiến lược với một kỹ năng cực kỳ cao. Cách duy nhất là 100 phần trăm chắc chắn nó bị phá hủy bởi một chiến dịch tương tự. Chỉ một máy bay thôi, bay đến bất thần, mang đến một cuộc tấn công, và bắn tung mục tiêu bằng cái nút nhấn bom đầu tiên và duy nhất.
 - Tôi không biết bao lần đã nói điều đó, đại tá Beatty trở nên tức giận, nhưng chúng ta không biết cái nút đó ở đâu cả - một cách chính xác.
 - Tôi nghĩ đồng nghiệp của tôi sẽ nói về việc xác định mục tiêu, Laing nói.
 - Nhưng điều đó có nghĩa là phải có một máy bay khác,

Peck phản đối. Giống như những chiếc Buccanneer đã làm với những chiếc Tornado. Ngay cả người xác định mục tiêu trước hết cũng phải biết mục tiêu ở đâu đã chứ.

- Thì nó làm việc với tên lửa Scud, Laing nói.

- Chắc chắn rồi, người của SAS xác định các máy bắn tên lửa, và chúng tôi thổi bay chúng đi. Nhưng chỉ có thể làm được trên mặt đất mà thôi, hàng nghìn dặm từ những quả tên lửa với ống nhòm, Peck nói.

- Chính xác là như vậy.

Im lặng mất nhiều giây.

- Các anh đang nói, tướng Glosson nói, đến chuyện đưa người vào vùng núi để cho chúng tôi mục tiêu rộng mười yard vuông.

Cuộc tranh luận kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Nhưng vẫn phải quay lại với lời biện luận của Laing.

- Thứ nhất là tìm ra nó, rồi đánh dấu nó, rồi phá hủy nó - và tất cả những cái đó phải sao cho người Iraq không phát hiện được cho đến khi đã quá muộn.

Quãng nửa đêm một hạ sĩ của Không lực Hoàng gia đi đến khách sạn Hyatt. Anh ta không thấy có trả lời ở cửa phòng họp, nên người quản lý đêm để anh ta vào. Anh ta đi vào phòng ngủ và lay vai một người đàn ông đang ngủ trong bộ đồ ngủ ở đầu giường.

- Thưa ngài, dậy đi. Ngài được điều động, thưa thiếu tá.

22. Chương 22

Nó ở đó, Mike Martin nói hai giờ sau đó.

- Đâu cơ? Đại tá Beatty hỏi với sự tò mò lộ rõ.

- Ở đâu đó

Trong phòng họp ở dưới hành lang từ Hồ Đen, Martin đang đứng dựa vào bàn nghiên cứu một bức ảnh về phần đất rộng hơn ở Jeban và dãy Hamreen. Nó chỉ ra một diện tích năm dặm vuông. Anh chỉ vào với đầu ngón tay.

- Những ngôi làng đó, ba ngôi làng - ở đây, ở đây, và ở đây.

- Có chuyện gì với chúng nào?

- Chúng là giả mạo đấy: Được làm thật tuyệt, chúng là những bản sao hoàn hảo của các ngôi làng của nông dân miền núi, nhưng chúng đầy lính gác đấy.

Đại tá Beatty nhìn chăm chăm vào ba ngôi làng. Một cái ở thung lũng cách khoảng giữa ba hòn núi chỉ nửa dặm nằm chính trung tâm khu vực. Hai làng khác ở ngoài rìa xa hơn.

Không ngôi làng nào đủ lớn để có được một nhà thờ; thực tế, chúng quá nhỏ, chỉ hơn một thôn mà thôi. Mỗi cái có kho thóc chính và ở trung tâm để tích trữ cho mùa đông và thức ăn, và những kho nhỏ hơn cho cừu và dê. Khoảng chừng hơn chục túp lều đơn giản tạo nên phần còn lại, những ngôi nhà xây bằng gạch và bùn với thạch hoặc mái tôn theo dạng có thể được nhìn thấy khắp nơi ở vùng núi Trung Đông. Vào mùa hè có thể có những đồng ruộng nhỏ hoặc những ruộng gần đó, nhưng mùa đông thì không.

Cuộc sống vùng núi Iraq rất khắc nghiệt vào mùa đông, với những cơn mưa lạnh giá và mây mù. Khái niệm cho rằng lúc nào ở Trung Đông cũng nóng ẩm là sự sai lầm chung xưa nay.

- Tốt thôi, thiếu tá, anh biết nhiều về Iraq. Tôi thì không.

- Thế tại sao chúng là giả mạo?

- Hệ thống trợ giúp cho cuộc sống, Martin nói. Những ngôi làng quá nhỏ, quá nhiều nông dân, quá nhiều dê và cừu. Không đủ thức ăn. Họ sẽ chết đói.

- Mẹ nó chứ, Beatty nổi điên lên. Đơn giản quá.

- Cũng có thể, nhưng nó cho thấy Jericho đã không nói dối, hoặc nhầm lẫn lần nữa. Nếu chúng đã làm vậy, thì tức là chúng đang giấu cái gì đó.

Đại tá Craig, sĩ quan chỉ huy của đội SAS số 22, đã đến chỗ họ từ căn cứ của mình. Anh đang thì thầm nói chuyện với Steve Laing. Bây giờ anh mới tham gia vào câu chuyện.

- Anh nhận ra gì thế, Mike?

- Ở đây đây, Bruce ạ. Ai đó có khả năng nhìn thấy - từ cách 1000 yard bằng ống nhòm.

- Brass muốn đưa một đội vào đó để đánh dấu. Anh thua rồi.

- Trời ơi, thưa ngài. Những ngọn đồi đó đầy các đội canh phòng. Ông có thể thấy không có đường sá gì cả.

- Thế thì sao? Có thể tránh các đội canh phòng chứ.

- Và thế nếu rơi vào một đội thì sao? Không có ai nói được tiếng Ả-rập như tôi, và ông cũng biết điều đó. Ngoài ra, đó là một HALO. Máy bay trực thăng cũng không làm được gì đâu.

- Anh đã làm mọi thứ anh cần, cho đến giờ tôi có thể nói thế.

- Thật ngớ ngẩn. Tôi chưa từng thấy hành động nào như thế cả. Tôi chán ngán cái việc này rồi. Để tôi làm. Những người khác đã ở sa mạc hàng tuần, trong khi tôi phải đi chăm sóc một khu vườn.

Đại tá Craig nhướng lông mày. Anh đã không hỏi Laing chính xác Martin đã làm gì - anh cũng không muốn nói đến dù là gì đi nữa - nhưng anh đã ngạc nhiên khi một trong những sĩ quan của mình lại phải đi làm người làm vườn.

- Thế thì quay về căn cứ đi. Chúng ta có thể lên kế hoạch tốt hơn ở đó. Nếu tôi có ý tưởng nào, anh có thể thực hiện.

Trước khi trời sáng, tướng Schwarzkopf đã đồng ý không có lựa chọn nào khác và cho sự chuẩn y của mình. Tại cái góc bí mật của căn cứ không quân Riyadh này là chỗ riêng dành cho người của SAS, Martin vạch phác thảo các ý tưởng của mình cho đại tá Craig và đã được chấp thuận để thực hiện.

Sự điều phối của việc lập kế hoạch có thể ở lại với đại tá Craig cho những người trên mặt đất và với tướng Glosson cho vụ tấn công bằng máy bay cuối cùng.

Buster Glosson đã uống cà phê buổi sáng với bạn mình và thượng cấp Chuck Horner.

- Không có ý tưởng nào khác cho đơn vị chúng ta sẽ dùng cho vụ này à? Ông ta hỏi.

Tướng Horner nghĩ đến một sĩ quan nào đó hai tuần trước đã khuyên ông làm cái gì đó thật là dữ dội.

- Có chứ, ông nói. Hãy dành cho đội 336.

Mike Martin đã thuyết phục được đại tá Craig khi chỉ ra - một cách logic - rằng với phần lớn các lính SAS ở vùng Vịnh đã được sử dụng ở Iraq, anh là sĩ quan cao cấp có khả năng làm được, mà anh là chỉ huy đội B, đội đã từng làm những chiến dịch trong sa mạc dưới sự chỉ huy của người dưới quyền anh, và chỉ một mình anh nói được tiếng Ả-rập trôi chảy.

Nhưng lý luận vững chắc của anh là anh từng được huấn luyện và có kinh nghiệm nhảy dù tự do. Chỉ một cách để vào được vùng núi Iraq một cách bí mật là đi đến vùng HALO - mở dù thật thấp - có nghĩa là ra ngoài máy bay ở độ cao 25.000 feet và rơi tự do và chỉ mở dù khi còn cách mặt đất 3.500 feet. Đó không phải công việc cho những tay mơ.

Việc lập kế hoạch toàn bộ phi vụ phải mất đến một tuần lễ, nhưng không còn thời gian nữa. Giải pháp duy nhất là với nhiều kiểu nhảy dù, đi bộ qua vùng đất, và lựa chọn một vị trí lý tưởng để lên kế hoạch. Với cái đó, Martin cần người anh có thể tin cậy cả cuộc đời mình, đó chính xác là cái anh sẽ làm dù thế nào đi nữa.

Quay trở lại cái góc dành cho SAS ở căn cứ không quân Riyadh, câu hỏi đầu tiên đại tá Craig dành cho anh là:

- Tôi có thể lấy ai?

Danh sách rất ngắn; chỉ là những người từng đi chiến dịch trong sa mạc.

Khi người thượng sĩ có tên trong danh sách, một cái tên nảy ra trong anh.

- Peter Stephenson - chắc chắn.

- Anh may mắn đấy, Craig nói. Anh ta vừa quay trở lại qua biên giới một tuần trước. Đang nghỉ ngơi. Anh ta được đấy

Martin đã biết thượng sĩ Stephenson khi viên trung sĩ còn là một viên đội và anh là đại úy lần đầu tiên đi trong sư đoàn với tư cách một chỉ huy nhóm. Cũng giống như bản thân anh, Stephenson có thể nhảy dù tự do và là một thành viên lính dù của đội anh ta.

- Anh ta tốt đấy, Craig nói. chỉ một cái tên khác. Một người quen đi núi nhé. Tôi cho là anh cần hai người.

Tên được chỉ định là hạ sĩ Ben Eastman.

- Tôi biết anh ta. Anh nói đúng đấy - tôi sẽ lấy anh ta. Ai nữa nào?

Lựa chọn cuối cùng là hạ sĩ Kevin North, từ một đội khác. Martin chưa từng bao giờ đi đánh trận với anh ta, nhưng North là một chuyên gia về núi và được người chỉ huy của anh khuyến khích nên sử dụng.

Có năm địa bàn lập kế hoạch mà anh phải tuần tự hoàn thành. Martin chia ra các nhiệm vụ trong đó anh chịu trách nhiệm chung.

Đầu tiên là lựa chọn máy bay để nhảy dù. Không do dự, Martin chọn chiếc Hercules C-130, máy nhảy thông thường SAS sử dụng, và ở đó đã có chín chiếc phục vụ ở vùng Vịnh. Chúng đều đóng ở gần sân bay quốc tế Vua Khaled. Thậm chí tin tốt hơn đến vào bữa sáng: ba trong số chúng đến từ đội số 47, đóng ở Lyneham ở Wiltshire, một đội đã có nhiều năm kinh nghiệm với các vụ nhảy dù của lính SAS.

Giữa những phi công của ba chiếc Hercules là một trung úy tên là Glyn Morris.

Qua cuộc chiến tranh vùng Vịnh, những chiếc máy bay vận chuyển Hercules đã là một phần trong chiến dịch chuyển hàng hoá đến được Riyadh ở các căn cứ bên ngoài của Không quân Hoàng gia ở Tabuq, Muharraq, Dhahran, và thậm chí Seeb ở Oman. Morris đã từng là người chuyên chở hoặc giám sát hàng hoá, nhưng nhiệm vụ chính thức của anh ở miền này là một PJI, hướng dẫn nhảy dù, và Martin đã từng trước đây nhảy dù dưới sự chỉ dẫn của anh ta.

Ngược hẳn với khái niệm mà Paras và SAS tìm kiếm ở sự nhảy dù của mình, mọi sự nhảy dù quân sự trong các lực lượng quân sự Anh quốc đều diễn ra dưới sự chỉ đạo của RAF, và mối quan hệ được dựa trên niềm tin lẫn nhau khi mà mỗi bên đều biết được chính xác đang làm gì. Người chỉ huy bay Ian Macfadyen, chỉ huy RAF Ở vùng Vịnh, đã ra lệnh cho những chiếc Hercules được chỉ định cho nhiệm vụ của SAS vào lúc nó quay trở về sau chuyến chở hàng từ Tabuq, và bắt đầu chuyển nó cho nhiệm vụ HALO được lên kế hoạch cho cùng đêm hôm đó.

Quan trọng nhất trong số các nhiệm vụ phối hợp là tạo ra một chỗ có ôxi trên sàn của chiếc máy bay chở hàng. Chủ yếu bay ở tầm thấp, chiếc cho đến lúc đó không bao giờ cần ô xi ở đằng sau để giữ cho những người ở trong sống được ở độ cao.

Trung úy phi công Morris không cần chỉ dẫn thêm về công việc anh sẽ làm, và anh dẫn đến một PJI thứ hai từ một chiếc Hercules khác, trung sĩ phi công Sammy Dawlish. Họ đã làm việc cả ngày trên chiếc Hercules và đã xong việc chuẩn bị vào lúc mặt trời xuống.

Ưu tiên thứ hai là chính những chiếc dù. Vào thời điểm đó, SAS chưa từng nhảy dù xuống Iraq - họ đã đến các sa mạc Iraq bằng xe cơ giới - nhưng trong những tuần trước khi chiến tranh thực sự nổ ra, các phi vụ tập luyện được tiến hành đều đặn. Tại căn cứ không quân có một bộ phận trang thiết bị được niêm phong và bảo vệ nghiêm mật, nơi SAS để dù của mình. Martin yêu cầu và được phép lấy tám dù chính và tám cái

dự trữ, mặc dù anh và người của mình có thể chỉ cần mỗi người bốn chiếc. Trung sĩ Stephenson cũng được giao nhiệm vụ kiểm tra và đóng gói những cái dù đó trong ngày.

Những chiếc dù không dài hơn loại tròn đỉnh với các đơn vị bay, nhưng với mẫu thiết kế mới hơn được gọi là “vuông”. Chúng không thật sự vuông vắn mà thật ra có hình thuôn với hai khay. Trong khi bay, không khí được trượt đi giữa hai khay đó, tạo ra một “cái cánh” tương tự với một phần giao với không khí, cho phép người nhảy dù tự do “bay” chuyển đó xuống như một người nhện, với sự cơ động và khả năng tác hoạt tốt hơn. Chúng là dạng vẫn thường được nhìn thấy trong những màn biểu diễn nhảy dù tự do.

Hai viên đội có nhiệm vụ xem xét và quản lý mọi thứ đồ đạc cần thiết còn lại. Chúng gồm bốn bộ quần áo, bốn túi ngủ lớn của Anh, các chai nước, mũ bảo hiểm, dây đeo, vũ khí, HVC viên đạn - có thể ăn ở mọi nơi - thuốc nổ, đồ dùng sơ cứu... danh sách rất dài. Mỗi người có thể mang theo được 80 pound trong những chiếc túi Bergen đó và có thể cần đến mỗi ounce trong số đó.

Những người sửa chữa và thợ máy làm việc với chiếc Hercules trong một hangar, chuẩn bị thật kỹ máy móc và quan tâm đến từng bộ phận một.

Chỉ huy đội bay đã chỉ định đội nhân viên giỏi nhất của mình mà trong số đó hoa tiêu sẽ đi theo đại tá Craig về Hồ Đen để lựa chọn một vùng nhảy dù thích hợp, tức là DZ cực kỳ quan trọng.

Martin được sáu kỹ thuật viên giúp đỡ, bốn người Mỹ và hai người Anh, để sử dụng máy tìm ra mục tiêu, định vị nó trong vài yard vuông, và chuyển thông tin trở về Riyadh. Khi đã kết thúc, các dụng cụ nhiều thứ của anh đã được gói ghém cẩn thận để chống đổ vỡ bất ngờ và được mang đến hangar, nơi hàng núi đồ cho bốn người đang dồn đến. Để tuyệt đối an toàn, mỗi thứ dụng cụ khoa học đều có hai thứ, lại thêm vào trọng lượng một người có thể mang.

Martin đi gặp những người lên kế hoạch ở Hồ Đen. Họ cúi lom khom trên một cái bàn rộng trải đầy những bức ảnh mới do một chiếc TR- 1 khác vừa chụp sáng hôm đó. Thời tiết trong sáng, và các bức ảnh cho thấy từng xó xỉnh và hẻm núi một của Jebal và Hamreen.

- Chúng tôi cho là, đại tá Craig nói, cái thứ súng quỹ quái này có thể nằm ở đông nam. Điểm quan sát tốt nhất chính là ở chỗ đó.

Ông chỉ ra một loạt những hẻm núi trong phần núi về phía nam của vùng được cho là Pháo Đài, ngọn đồi ở trung tâm nhóm trong km vuông đã được đại tá Osman Badri xâu số chỉ rõ. Còn với DZ, có một thung lũng nhỏ ở đây, chừng 40 km về phía nam... Anh có thể nhìn thấy nước óng ánh trong một dòng suối chảy xuôi xuống thung lũng.

Martin nhìn. Đó là một sự thấp xuống một chút ở những ngọn đồi, dài 500 yard và rộng khoảng 100, với những sườn dày cộp đầy những tảng đá, và cái rill làm chảy róc rách dòng nước mùa đông của mình dọc theo đáy của dip.

- Đây là chỗ tốt nhất à? Martin hỏi.

Đại tá Craig nhún vai. “Thẳng thắn mà nói, đó là cách của các anh thôi. Cái thứ hai cách mục tiêu tới 70 km cơ. Thì chọn điểm nào gần hơn, để các anh có thể nhìn thấy ngay vùng đất đó.”

Trên bản đồ, trong ánh sáng ban ngày, có thể chắc chắn: trong bóng tối dày đặc, sâu xuyên qua không khí lạnh ở tốc độ 120 dặm/giờ, có thể dễ dàng để mất. Có thể không có ánh sáng để hướng lối chúng, không có đèn pha trên mặt đất. Từ bóng tối đến bóng tối.

- Tôi chọn nơi này, anh nói. Người hoa tiêu của RAF đứng thẳng dậy.

- Tốt, tôi sẽ thực hiện.

Người hoa tiêu có một buổi chiều thật bận rộn. Việc của anh ta là tìm ra đường mà không cần tới đèn đóm và đi qua một bầu trời không trăng sao, không hề biết đến chỗ nhảy dù mà phải nhìn từ một điểm trên không trung từ đó, trong tâm trí căng thẳng, bốn thân hình sẽ ra máy bay của anh để đi tìm cái thung lũng bé xíu đó. Ngay cả những thân hình rơi xuống đó cũng chịu sức gió; công việc của anh qua đó sẽ được đánh giá.

Không phải đến mãi buổi đêm tất cả những người này mới gặp nhau lần nữa tại hangar, giờ đây đã bị cấm đối với tất cả những người khác trong căn cứ. Chiếc Hercules đã sẵn sàng, được tiếp nhiên liệu đầy đủ. Dưới một cánh cửa nó là những thứ đồ đạc mà bốn người có thể cần đến. Tờ mờ sáng, người hướng dẫn của RAF đã gói cẩn thận mỗi cái dù nặng 48 pound như thể chính anh ta sẽ dùng chúng. Stephenson cảm thấy hài lòng.

Trong một góc là một cái bàn rộng. Martin, người đã có được những bức ảnh được phóng to từ Hồ Đen, dẫn Stephenson, Eastman, và North đi đến bàn để chỉ rõ con đường họ sẽ đi đến DZ cho những hẻm núi nơi họ dự định sẽ đi sâu vào và nghiên cứu Pháo Đài để biết nó dài bao nhiêu. Đường như đó là 2 đêm đi bộ nặng nề, vào ngày hôm sau. Không nghi ngờ gì nữa khi bước đi trong ánh sáng, và con đường sẽ không thẳng.

Cuối cùng mỗi người gói lại túi Bergen của mình từ dưới đáy, dụng cụ cuối cùng là cái dây lưng, một vòng dây nặng với số có thể được tháo ra sau khi đã chạm đất và đeo vòng quanh cổ tay.

Những chiếc hamburger và soda Mỹ được mang đến từ căng tin khi mặt trời xuống, và bốn người nghỉ ngơi cho đến giờ cất cánh. Đã được lên kế hoạch là 9h45, hướng đến một cuộc nhảy dù vào 11h30.

Martin vẫn luôn nghĩ chờ đợi là điều tồi tệ nhất; sau hoạt động tích cực trong ngày hôm đó, dường như đó là một nỗi thất vọng lớn. Không có gì để tập trung vào mà chỉ là sự căng thẳng, cái suy nghĩ nóng nảy rằng dù cho đã kiểm tra như thế và kiểm tra lại như thế, cái gì đó thật thiết yếu vẫn bị bỏ quên. Đó là thời điểm khi một số người ăn, hoặc đọc, hoặc viết thư về nhà, hoặc ngủ lơ mơ, hoặc chỉ đơn giản đi đến phòng vệ sinh để tắm rửa.

Chín giờ một máy kéo đưa chiếc Herculee ra khỏi chỗ để, và đội nhân viên gồm phi công chính, phi công phụ, và kỹ sư bay bắt đầu các cuộc kiểm tra máy móc của mình. 20 phút sau đó, một chiếc xe bus cửa sổ đen ngòm đi vào trong hangar để đưa bốn người và đồ đạc của họ ra máy bay, đang đợi với cửa sau mở rộng và sẵn sàng.

Hai PJI đã sẵn sàng cho họ, với người giám sát và người chỉnh dù. Chỉ có bảy người bước đi và đi vào khoang lớn của Hercules. Các cánh cửa đóng lại. Người chỉnh dù đã quay trở lại xe bus; anh ta có thể không bay cùng với họ.

Cùng những người PJI và người giám sát, bốn người lính đi vào chỗ ngồi của mình ở những chỗ dọc theo tường và đợi. Vào lúc 9h44 tối, chiếc Hercules lăn bánh đi khỏi Riyadh và quay cái mũi màu xám của mình về hướng bắc. Trong khi chiếc máy bay RAF đang lao lên bầu trời đêm ngày 21 tháng Hai đó: một chiếc trực thăng Mỹ đã được yêu cầu nằm ở một chỗ trước khi đến gần với bộ phận Mỹ của căn cứ quân sự.

Nó được gửi tới Al Kharz để đón hai người. Steve Turner, người chỉ huy đội 336 chiến thuật bay, đã được triệu tập lên Riyadh theo lệnh của tướng Buster Blosson. Với ông ta, như đã được ra lệnh, anh ta sẽ mang người mà anh đánh giá là phi công giỏi nhất của mình cho những chuyến bay đánh mặt đất tầm thấp.

Không phải người CO của Rocketeer cũng không phải đại úy Don Walker hiểu được tại sao mình lại được chỉ định. Tại một căn phòng nhỏ dưới đại bản doanh của CENTAF một giờ sau đó, họ được cho biết tại sao, và điều đó là cần thiết. Họ cũng được cho biết không ai khác, với người sĩ quan sử dụng hệ thống vũ khí của Walker, người đã bay cùng anh trên băng ghế sau, được phép biết đầy đủ các chi tiết.

Rồi họ được máy bay trực thăng chở về lại căn cứ.

Sau khi cất cánh bốn người lính có thể tháo dây an toàn và di chuyển quanh chỗ của đội bay nhờ vào những ánh đèn màu đỏ mờ tối phía trước. Martin đi lên trước, đến cái thang để đến bàn bay, và ngồi một lúc với đội bay. Họ bay ở độ cao 10.000 feet về phía biên giới với Iraq, rồi bắt đầu lên tiếp. Tại độ cao 25.000 feet chiếc Hercules giữ thăng bằng đi thẳng vào Iraq, dường như hoàn toàn cô độc trong bầu trời không một vì sao.

Trên thực tế nó không phải ở một mình. Trên Vịnh một chiếc AWACS đã có lệnh giữ yên chỉ nhìn quanh bầu trời gần đó và dưới họ. Nếu một màn hình radar bất kỳ của Iraq, vì một lý do nào đó không bị không lực Liên quân thổi bay, đột nhiên “phát sáng”, nó sẽ bị tấn công ngay lập tức. Để thực hiện điều đó, hai chuyến bay của chiếc Wild Weasels với các tên lửa chống ra đa HARM đang ở dưới.

Trong trường hợp một phi công máy bay chiến đấu nào đó của Iraq đột nhiên bay lên trời trong đêm đó, một chiếc máy bay của RAF Jaguars đã ở phía trên và sẽ lao vào nó ở bên trái, một chiếc F-15C Eagle ở

bên phải. Chiếc Hercules đang bay trong một tầm bảo vệ của công nghệ cực kỳ hiện đại Không phi công nào trên bầu trời đêm đó có thể biết tại sao. Họ chỉ biết tuân lệnh.

Trên thực tế, nếu có ai đó ở Iraq nhìn thấy một nhấp nháy nào đó trên radar đêm đó, thì cũng sẽ nghĩ đó chỉ là một chiếc máy bay chở hàng đang bay về phía bắc, Thổ Nhĩ Kỳ. Người chở hàng làm tất cả để những người khách của mình được thoải mái với trà, cà phê, đồ uống nhẹ, và bánh. 40 phút trước khi đến điểm nhảy dù, viên hoa tiêu bật một ngọn đèn báo trước chỉ ra 40 p trừ, và các chuẩn bị cuối cùng được thực hiện.

Bốn người lính đeo dù chính và phụ vào, cái thứ nhất qua vai, cái thứ hai thấp hơn ở sau lưng. Rồi đến những chiếc Bergen, treo ngược ở sau lưng giữa hai cái dù. Vũ khí - một khẩu Heckler giảm thanh và Koch MP5 SD súng bán tự động - được đeo ở hông trái, và bình dưỡng khí cá nhân treo ở thắt lưng.

Cuối cùng họ đeo mũ bảo hiểm và mặt nạ phòng độc trước khi nối dù phụ vào trung tâm, một cấu trúc khung với kích cỡ một cái bàn ăn đầy những chai ô xi. Khi mọi người đã có thể thở được thoải mái, viên phi công được báo và bắt đầu thổi không khí ra ngoài và áp suất bên trong khoang lái trong màn đêm gần như cân bằng giữa hai bên.

Mất khoảng 20 phút. Rồi họ lại ngồi xuống, chờ đợi. 15 phút trước khi đến điểm nhảy dù, một thông điệp nữa lại đến từ bàn bay đến tai người lái. Anh ta nói với các PJI ra hiệu cho những người lính chuyển từ máy ô xi chính sang những cái chai nhỏ riêng của mình. Mỗi người có dự trữ 30 phút, và họ sẽ có thể cần 3 đến 4 phút để có thể nhảy ra.

Vào thời điểm đó chỉ có hoa tiêu trên bàn bay biết được chính xác đang ở đâu; đội SAS đã tin cậy hoàn toàn vào anh ta ở vị trí chính xác.

Khi đó người lái đang liên lạc với những người lính bằng một dòng không ngừng những kí hiệu bằng tay, kết thúc khi anh ta chỉ cả hai tay vào những ngọn đèn trên màn hình. Đến tai anh ta là cả một dòng thác những chỉ dẫn từ người hoa tiêu.

Bốn người đứng lên và bắt đầu di chuyển, chậm chạp, giống như các phi hành gia nặng nề bởi đồ đạc linh kính, ra đến cửa. Các PJI, cũng đang đeo chai ô xi di động, đi cùng với họ. Những người của SAS đứng thành hàng dọc trước cánh cửa hông vẫn còn đóng, mỗi người kiểm tra lại trang thiết bị của mình đang ở trước mặt.

Vào P-minus -4 cửa hông mở ra, và họ nhìn chằm chằm ra ngoài với không khí ở độ cao 25.000 fit. Một ký hiệu ra bằng tay khác - hai ngón tay do PJI đưa lên - nói với họ rằng họ đang ở P- minus-2. Mọi người lùi ra đến bệ cửa và nhìn vào các ngọn đèn (chưa được bật) ở hai bên. Rồi đèn bật đỏ, lừ lừ. Đèn đã chuyển sang xanh...

Cả 4 người quay gót, đứng đối diện vào trong, và nhảy ngược ra, tay chìa ra, mặt cúi gằm. Bậc nhảy lướt qua mặt nạ của họ, và chiếc Hercules bay đi.

Trung sĩ Stephenson dẫn đường. Lấy lại thăng bằng ở vị trí của mình, họ nhảy vào trong bầu trời đêm từ năm dặm không một tiếng động. Tại độ cao 3.500 fit những áp suất tự động đã mở túi dù, và nó bay ra ngoài. Ở vị trí thứ hai, Mike Martin nhìn thấy cái bóng 15 fit dưới anh đã ngừng không chuyển động. Cùng giây phút đó anh cảm thấy sự rung lên của cú mở dù của mình, rồi chiếc dù “vuông” sưng lên và anh chuyển từ tốc độ 120 dặm/giờ sang còn 14, với những loại máy hãm để không bị sốc mạnh.

Còn 1.000 fit mỗi người đóng lại khoá đang giữ Bergen ở lưng họ và trượt xuống chân, nó nơi dính vào chân họ. Những chiếc Bergen sẽ ở đó trên suốt đường bay xuống, để có thể mở rộng đúng lúc.

Dù của viên trung sĩ đi vượt qua Martin ở bên tay phải, nên anh phải đi theo. Bầu trời trong sáng, những vì sao nhìn rõ, những mảng núi đen thẫm hiện lên ở mọi hướng. Rồi Martin nhìn thấy cái viên trung sĩ đã nhìn thấy: sự lấp lánh của dòng nước trong dòng suối đang chảy xuôi thung lũng.

Peter Stephenson bay xuống bên phải ở trung tâm vùng đất, vài yard cách bờ suối, trên cỏ mềm và ẩm. Martin vút chiếc Bergen của mình theo hướng đó, dừng lại trong không trung, cảm thấy chiếc Bergen chạm đất ngay bên dưới mình, và đã đứng được thăng trên hai chân.

Hạ sĩ Eastman ở phía sau và bên trên anh, quay ra, trượt xuống, và trượt đến cách 50 yard. Martin đã cởi dây dù của mình và không nhìn thấy Kevin North cũng đã đáp xuống đất. Trên thực tế, anh chàng người miền núi là người thứ tư và cũng là cuối cùng chạm mặt đất, xa hơn khoảng 100 yard nhưng rơi xuống lưng chừng đồi chứ không phải lên cỏ. Anh cố gắng lại gần đồng đội của mình, giữ thăng bằng, khi chiếc Bergen ở dưới anh đã chạm đất. Khi nó rơi xuống đến đất, chiếc Bergen rơi ra xa kéo tuột người đang bay ở trên mà cổ tay đang buộc vào nó. Nó lăn dọc theo sườn đồi năm yard, rồi mắc vào giữa hai tảng đá. Việc đột ngột đó kéo North lao thẳng xuống và rơi nghiêng nên anh không chạm đất bằng chân mà bằng vai. Trên sườn đồi không có nhiều đá lắm nhưng một trong số chúng đã làm xước hông bên phải của anh tám chỗ.

Viên hạ sĩ cảm thấy rõ ràng xương của mình kêu lạo xạo, anh đau mắt đến vài giây. Rồi rơi vào dòng nước. Anh lăn ra và nắm chặt lấy dây, thậm chí luôn miệng: không, không, cầu Chúa, không.

Dù không nhận ra bởi vì diễn ra bên trong chân, anh bắt đầu thấy mình bị chảy máu. Một trong số xương trong hệ thống chằng chịt đã gãy lòi ra ngoài động mạch, chảy máu đầm đìa. Ba người khác tìm thấy anh sau đó một phút. Tất cả đã cởi được dù và Bergen. Khi họ nhận ra anh không có ở đó, họ đi tìm. Stephenson lấy chiếc đèn pin nhỏ xíu của mình ra và chiếu vào cái chân.

- Ôi mẹ kiếp. anh thì thắm. họ có các dụng cụ sơ cứu, kể cả băng bó, nhưng không thể làm việc với chỗ bị thương này. Viên hạ sĩ cần có liệu pháp chống đau, huyết thanh, được phẫu thuật - và thật nhanh. Stephenson chạy lại chỗ chiếc Bergen của North, lòi ra dụng cụ sơ cứu, và bắt đầu chuẩn bị một liều moocphin. Không cần thiết nữa. Với máu chảy ra, chỗ đau đã tồi tệ đi nhiều.

North mở mắt, nhìn vào khuôn mặt Mike Martin đang ở phía trên anh, thì thắm: “Tôi xin lỗi, thưa chỉ huy” và lại nhắm mắt. Hai phút sau anh tắt thở.

Vào lúc khác và ở chỗ khác, :Martin có thể đã biểu lộ một số cảm xúc anh cảm thấy khi mất đi một người như North, đang dưới quyền chỉ huy của anh. Nhưng lúc này không có thời gian, và cũng không phải chỗ. Hai người NCO còn lại nhận ra điều đó và làm điều họ phải làm trong sự im lặng sâu thẳm. Sự thương tiếc dành cho sau này.

Martin đã từng hy vọng thu dọn dù và đi qua được thung lũng trước khi tìm thấy một cái động đá để chôn đồ đạc còn thừa lại Giờ thì không thể được nữa. Còn phải giải quyết vấn đề cái xác của North.

- Pete, bắt đầu tập hợp tất cả những gì chúng ta phải chôn đi Tìm một cái hố ở đâu đó, hoặc là đào đi. Còn Ben, hãy nhặt đá đi

Martin cúi xuống cái xác, lấy đi các nhãn hiệu và khẩu súng, rồi đến giúp Eastman. Cùng nhau, với dao găm và tay, ba người đào một cái hố dài và để cái xác vào đó. Ở trên còn phải chôn thêm bốn cái dù chính vẫn còn mở, bốn túi đồ ăn, bốn chai dưỡng khí, rồi các thứ đồ khác nữa. Rồi họ bắt đầu chèn đá lên trên, không phải khít vào nhau mà xếp theo kiểu tình cờ, như thể chúng mới rơi từ trên núi xuống. Nước được mang đến từ mách nước để tưới lên đá và cỏ. Lối đá rơi được vạch ra bằng chân, và các mảnh rêu từ bờ nước được gắn lại. Thung lũng được làm sao cho vẫn giống hệt như nó

đã từng như thế một giờ trước khi nửa đêm.

Họ hy vọng có thể đi bộ năm tiếng trước khi trời sáng, nhưng công việc chôn cất đã tốn mất ba tiếng. Một số đồ trong túi Bergen của North vẫn được để lại ở trong và được chôn cùng anh ta: quần áo, đồ ăn, nước uống. Các thứ đồ khác họ phải chia ra để mang, làm cho đồ của mỗi người lại nặng thêm.

Một giờ trước khi trời sáng, họ rời thung lũng và đi vào SOP - quá trình chiến dịch tĩnh. Trung sĩ Stephenson lĩnh trách nhiệm dẫn đường, đi trước hai người còn lại, đến được vùng đất trước và làm các biện pháp để không bị tấn công bất chợt từ bên sườn.

Con đường mỗi lúc một dốc hơn, và anh phải dẫn bước chân. Mặc dù là một người nhỏ bé và có phần hơi mảnh, lại hơn Martin đến năm tuổi, nhưng anh vẫn có thể đi bộ rất nhanh và còn gánh theo 80 pound trong khi đi.

Mây bay tới từ các đỉnh núi đúng vào lúc Martin cần chúng, để làm chậm bình minh và cho anh thêm một tiếng đồng hồ nữa. Trong 90 phút đi bộ nặng nhọc họ đi được tám dặm, đi qua nhiều đèo và hai ngọn đồi

giữa chúng và cái thung lũng. Cuối cùng một ánh sáng nhợt nhạt cũng hiện ra buộc họ phải tìm một chỗ để trú chân.

Martin chọn một hẻm khuất trong các tảng đá dưới một đoạn nổi, có cỏ rậm che phủ và ngay ở trên một wadi khô ráo. Trong bóng tối còn lại họ ăn một vài viên đạm, uống nước, đắp chăn lên người và nằm dài ra ngủ. Có ba phiên thức canh và phiên thứ nhất thuộc về Martin.

Anh đánh thức Stephenson vào lúc 11 giờ sáng và ngủ trong khi viên trung sĩ thức gác. Bốn giờ chiều đến lượt Ben Eastman kêu Martin dậy. Khi thiếu tá mở mắt, anh nhìn thấy Eastman đang đưa tay lên môi. Martin lắng nghe. Từ wadi 10 fít phía dưới vọng lên những tiếng nói âm họng bằng tiếng Ả-rập.

Trung sĩ Stephenson cũng tỉnh dậy và nhướn lông mày. Phải làm gì bây giờ? Martin lắng nghe thêm một lúc. Có bốn người ở đó, đang đi gác, đang chán ngán công việc cứ suốt ngày phải đi lên núi, và đã mệt mỏi. Sau 10 phút anh hiểu bọn họ sẽ cắm trại ngủ ở đây cả đêm.

Vậy là anh đã mất thời gian. Anh cần đi vào lúc sáu giờ, khi bóng tối phủ xuống các ngọn đồi, và anh cần từng giờ để có thể vượt qua những dặm đường để đến được các hẻm đá đó trên đồi qua thung lũng từ Pháo Đài. Anh có thể cần nhiều thời gian hơn để tìm ra các hẻm núi đó.

Cuộc trò chuyện từ wadi phía dưới cho thấy toán lính Iraq đang đi tìm củi để đốt lửa trại. Rất có thể chúng sẽ chú ý đến những bụi cây sau đó người của SAS đang nằm. Ngay cả khi chúng không làm vậy, thì cũng phải mất hàng giờ chúng mới ngủ say để đội của Martin có thể rón rén đi qua. Không còn lựa chọn nào khác.

Theo một tín hiệu từ Martin, hai người còn lại nằm dán người xuống, mở dao ra, và ba người trườn thẳng xuống wadi bên dưới.

Khi đã xong việc, Martin nhìn vào những quyển sổ của toán lính Iraq xấu số. Tất cả trong số đó, anh nhận ra, có Al-Ubaidi. Tất cả đều thuộc bộ lạc Ubaidi, những người miền núi. Tất cả đều có dấu của Đội Vệ binh Cộng hoà. Rõ ràng Đội Vệ binh được tuyển từ những người lính miền núi để tạo thành các đội tuần tra công việc là bảo vệ Pháo Đài an toàn khỏi những kẻ đột nhập. Cũng phải mất một giờ đồng hồ để nhét bốn cái xác vào khe núi, cất lều nguy trang của họ, và phủ lên đó các cây bụi, cỏ dại. Nhưng khi họ đã làm xong, họ thấy vẫn rất dễ để nhận ra. Thật may mắn, đội tuần tra Iraq không được trang bị máy bộ đàm, nên không thể kiểm tra từ căn cứ cho đến khi họ quay trở về - bất kỳ lúc nào. Bây giờ, họ không bao giờ có thể trở về được nữa, nhưng với may mắn có thể là hai ngày trước khi họ bị quên đi.

Khi bóng tối đã buông xuống, những người SAS lại đi, định vị bằng cách dựa vào bóng các đỉnh núi trong ảnh, đi theo địa bàn về phía ngọn núi họ đang tìm kiếm. Tấm bản đồ Martin mang theo có độ phân giải rất cao, do một máy tính vẽ dựa trên các tấm ảnh chụp từ trên không do TR-1 cung cấp và chỉ ra con đường giữa DZ và vị trí cần đến. Thỉnh thoảng dừng lại để xem máy định vị SATNAV đeo trên tay và nghiên cứu bản đồ bằng đèn pin, Martin có thể kiểm tra hướng đi và tiến triển của mình. Quãng nửa đêm, cả hai đều vẫn tốt. Anh cho rằng còn phải đi thêm mười dặm nữa.

Tại Brecons ở Wales, Martin và người của mình đã có thể đi bốn dặm một giờ trên kiểu địa hình này, một cuộc đi bộ nặng nhọc trên một mặt đất phẳng mang theo chớ chứ không phải 80 pound hành lý thể này. Đi bộ theo tốc độ này là bình thường. Nhưng trên những ngọn đồi thù địch này, với khả năng có các đội tuần tra bao quanh họ, không thể đi nhanh như thế được.

Họ đã va phải quân Iraq một lần, và hai lần sẽ là quá nhiều. Một lợi thế của họ so với quân Iraq là những chiếc máy NVG, những chiếc máy dò đường khi đi đêm khiến họ nhìn rõ hơn ở phía trước. Với mẫu mới mở góc rộng họ có thể nhìn thấy toàn bộ cảnh vật phía trước trong một thứ ánh sáng màu xanh nhạt; nó chạy dựa trên nguyên tắc thu thập mọi tia ánh sáng tự nhiên trong không khí và tập trung nó lại.

Hai giờ trước khi trời sáng, họ nhìn thấy hình dáng của Pháo Đài ở trước mặt và bắt đầu trườn sang bên trái. Ngọn núi họ đã chọn nằm trên rìa của km vuông do Jericho cung cấp, và từ các khe núi gần đỉnh họ có thể nhìn qua xuống mặt phía nam của Pháo Đài - nếu quả thật đó là Pháo Đài - gần như rõ ràng hoàn toàn.

Họ trườn một cách khó nhọc trong một tiếng đồng hồ, hơi thở của họ đã trở nên gấp gáp. Trung sĩ Stephenson đi đầu tắt đường bằng một lối đi của dê dẫn lên phía trên và vòng quanh đỉnh núi. Ngay khi sắp tới đỉnh

núi, họ nhìn thấy cái khe mà TR- 1 đã nhìn thấy từ chiếc camera chĩa xuống và vòng quanh của nó. Tốt hơn là Martin có thể hy vọng - một mỏm đá tự nhiên dài tám fit, sâu bốn fit, và cao hai fit. Bên ngoài mỏm là một gờ đá cách hai fit, trên đó Martin có thể nằm lên với nửa người dưới và bên trong các tảng đá.

Mọi người lấy ra chần của mình bắt đầu làm cho mình một cái tổ không thể nhìn thấy được từ bên ngoài. Đồ ăn và đồ uống được chứa trong các túi nhỏ gài vào dây lưng, trang thiết bị kỹ thuật của Martin đã sẵn sàng, vũ khí được kiểm tra và để ngay gần. Ngay trước khi mặt trời lên, Martin sử dụng một trong số các thiết bị của mình. Đó là một cái máy phát, nhỏ hơn rất nhiều so với cái máy anh đã dùng ở Baghdad, chỉ bằng kích thước hai bao thuốc lá. Nó có gắn một cục pin Cadmium-niken với đủ năng lượng cho phép anh nhiều thời gian để nói hơn anh cần nhiều.

Tần số đã được cố định, và ở đầu bên kia có một đồng hồ nghe chạy 24 giờ một ngày. Để thu hút sự chú ý anh ấn vào nút chuyển tin theo một chuỗi những tiếng bip và dừng, rồi đợi người bên kia trả lời chuỗi tín hiệu hồi đó.

Bộ phận thứ ba của bộ máy đó là một cái đĩa không gian, một cái có thể gập vào được giống như cái ở Baghdad nhưng nhỏ hơn. Dù bây giờ anh đã ở xa hơn về phía bắc hơn hồi ở thủ đô Iraq, nhưng đồng thời anh cũng ở cao hơn.

Martin dựng cái đĩa lên, hướng về phía nam, nối pin vào máy và máy vào cái đĩa, rồi ấn nút chuyển tin. 1-2-3-4-5; dừng 1 2-3; dừng; 1; dừng, 1.

Năm giây sau, chiếc đài trong tay anh rung lên nhẹ, bốn tiếng bip, bốn tiếng bip, rồi hai. Anh bấm nút chuyển, giữ ngón tay, và nói vào ống nói:

- Nineveh đến đây, Tyre đến đây. Tôi nói lại. Nineveh đến đây, Tyre đến đây.

Anh thả nút bấm và đợi. Chiếc máy vang ra những tiếng 1-2-3; dừng; 1; dừng; 4. Đã nhận và đã nhận ra.

Martin đẩy cái máy vào vỏ chống nước của nó, đeo đôi kính của mình, và co người lại. Sau anh trung sĩ Stephenson và , hạ sĩ Eastman đang bọc kín người vào khe núi dưới tảng đá, nhưng khá là thoải mái. Hai người chìa chần ra trước mặt anh, tạo thành chỗ để anh đưa ống nhòm vào, bằng cách đó anh có thể nhìn rất rõ.

Khi mặt trời đang lên trên những đỉnh núi Hamreen ; vào buổi sáng ngày 22 tháng Hai, thiếu tá Martin bắt đầu 1 nghiên cứu kiệt tác của người bạn cùng trường Osman Badri , công trình Qu'ala mà không một loại máy nào có thể phát hiện. :

Tại Riyadh, Steve Laing và Simon Paxman đang nhìn chăm chăm vào tờ giấy mà người kỹ sư đưa cho họ đã chạy ra từ trong máy radio.

- Mẹ kiếp, Laing nói run lên vì xúc động - anh ta đang ở trong vùng núi đó rồi.

20 phút sau, tin đã đến được Al Kharz từ văn phòng của tướng Glosson.

Đại úy Don Walker đã trở về căn cứ của mình vào lúc sáng sớm ngày 22, ngủ lại giấc đã mất hồi đêm, và làm việc ngay sau khi mặt trời lên, khi các phi công đã bay các phi vụ trong đêm vẫn còn đang đều đều thả trong giấc ngủ chập chờn. Khoảng trưa, anh đã có một bản kế hoạch để trình lên các sĩ quan thượng cấp của mình. Nó được gửi ngay lập tức tới Riyadh và được thông qua. Trong buổi chiều các loại máy bay, phi hành gia, và các dịch vụ phụ trợ đã được ấn định.

Bản kế hoạch gồm cuộc tấn công gồm bốn máy bay vào một căn cứ quân sự Iraq về phía bắc Baghdad tên là Đông Tikrit, không xa nơi sinh của Saddam Hussein là bao. Có thể là một cuộc tấn công ban đêm với những quả bom 2000 pound có laser hướng lối. Don Walker có thể chỉ huy chiến dịch, với người bay cùng quen thuộc và một đội gồm hai máy bay Eagle khác.

Thật kỳ diệu phi vụ đã có mặt ở Lệnh chiến dịch bay từ Riyadh, mặc dù nó mới chỉ mới được báo 12 giờ và chưa đến ba ngày trước đó.

Ba người nữa cần cho đội bay đã được mang đến ngay lập tức cho mỗi lần làm nhiệm vụ và được chỉ định cho chiến dịch Đông Tikrit, được sẵn sàng vào đêm ngày 22 (có thể) hoặc bất kỳ đêm nào khác họ được lệnh. Cho đến lúc đó, họ vẫn thường trực đợi lệnh.

Bốn chiếc Eagle được chuẩn bị vào lúc hoàng hôn ngày 22 buông xuống, và vào 10 giờ đêm phi vụ được hủy. Không có phi vụ nào thay thế. Tám người bay được lệnh về nghỉ, trong khi người còn lại của đội bay đi đến đánh xe tăng của Đội vệ binh Cộng hòa ở miền bắc Kuwait. Khi họ quay về vào lúc bình minh ngày 23, bốn người bay chưa phải làm gì đến lượt mình.

Với nhân viên lên kế hoạch phi vụ, một lộ trình đã được lập cho Đông Tikrit có thể cần đến bốn chiếc Eagle bay đến hành lang giữa biên giới Baghdad và Iran về phía đông, với một đường vòng qua 45 độ qua hồ As Sa'diyah và rồi bay thẳng về tây bắc đến Tikrit.

Khi đã uống xong cà phê buổi sáng ở sảnh, Don Walker được triệu tập ra ngoài bởi người chỉ huy đội của mình. Mục tiêu của anh đã có rồi đấy, anh ta nói. Nghĩ một lát đi Đêm nay sẽ mệt đấy.

Khi mặt trời đang lên, Mike Martin bắt đầu nghiên cứu vùng núi qua cái thung lũng dốc. Anh nhìn rất rõ qua ống nhòm những bụi cây cá nhân; lùi lại, anh có thể nhìn thấy một vùng với kích thước bao nhiêu cũng được tùy anh muốn. Trong giờ đầu tiên trông nó chẳng khác gì một quả núi thực thụ. Cỏ mọc khắp nơi. Đây những bụi cây bụi cỏ, ở phần còn lại. Đây đó một đường mòn trên đá trần, đôi khi một chỗ ngoặt, khá dốc. Cũng giống như mọi ngọn đồi trong tầm nhìn của anh, nó có hình dáng không đều đặn. Có vẻ như chẳng có gì đặc biệt hết cả. Đôi khi anh nhìn thật sát mắt vào để cho mắt nghỉ, dựa đầu vào tay một lúc, và lại bắt đầu tiếp tục.

Khoảng giữa buổi sáng, một phần bắt đầu nổi lên. Tại một số phần của ngọn núi có vẻ mọc lên với một tốc độ khác hẳn với những phần khác. Có những nơi cây cỏ dường như quá ư đều đặn, như được trồng thành hàng lối. Nhưng không hề có cửa, trừ phi ở bên kia, không đường sá, không lối đi với vết lốp xe ô tô, không có ống dẫn không khí cho bên trong, không hề có dấu hiệu gì động đậy hết. Chỉ có mặt trời đang lên mới cung cấp được một đầu mối đầu tiên.

Ngay sau 11 giờ, anh nghĩ mình đã bắt gặp được cái gì đó ánh lên trong đám cỏ. Anh lùi cặp kính lại sau đến con đường đó và chỉnh thật rõ. Mặt trời đang ở sau một đám mây. Khi hiện ra: cái đó lại lấp lánh.

Rồi anh nhìn ra: một mảnh dây thép nằm trên cỏ. Anh nháy mắt và thử lại lần nữa. Vãn thế, nó có kích thước một cái dây dài chừng một foot nằm trong cỏ. Đó là một phần của một cái dây dài, một cái dây có bọc nhựa màu xanh ở bên ngoài, hoặc là một phần nhỏ đã lộ ra có kim loại ở bên trong.

Cái dây là một trong nhiều cái anh liếc thấy, tất cả đều được chôn trong cỏ, đôi khi nổi lên khi gió thổi các thân cỏ từ bên này sang bên kia. Chéo góc từ góc nhìn đối diện, một đoạn dây kim loại dài đang nằm dưới cỏ.

Lúc giữa trưa, anh có thể nhìn thấy rõ hơn. Một phần sườn núi khi sợi dây màu xanh đã lộ ra trên mặt đất; cỏ và các bụi cây được mọc lên những khoảng cách như viên kim cương giữa nhau, mọc qua các lỗ, phủ lên cái dây nằm bên dưới. Rồi anh nhìn thấy ở dưới. Một phần của sườn núi toàn đá, khá rõ, mỗi cái cách cái ở dưới chừng ba inch. Giữa các mảnh nằm ngang được tạo ra là những dòng suối nhỏ phủ đầy cây bụi. Nơi chúng nổi lên, chúng trở thành những đường nằm ngang. Thoạt tiên nó trông không giống như thế, bởi vì chúng có độ nặng khác, nhưng khi anh nghiên cứu độc nhất các thân cây, rõ ràng là chúng quả thực nằm trong các sợi dây. Thiên nhiên không bao giờ cho cái gì mọc thẳng.

Anh lại thử các phần khác của ngọn núi, nhưng không còn thấy thế nữa, rồi bắt đầu lại xa hơn về bên trái. Mãi đến đầu giờ chiều anh mới thấy được.

Các nhà phân tích của Riyadh đã đúng - với một điểm. Bất kỳ ai có ý định đánh giá toàn bộ trung tâm ngọn đồi, họ sẽ thất bại. Bất kỳ ai thực hiện nó sẽ phải xem xét đến ba ngọn đồi, cắt ra các mặt bên trong, và dựng lên những khoảng cách giữa các đỉnh để tạo ra một miệng núi lửa khổng lồ.

Khi nối lại các khoảng cách, người xây dựng đã theo vùng phụ cận của các ngọn đồi thật sự, đi qua các tảng đá thật nằm lùi lại và lên trên, tạo ra những vùng nhỏ, gồm hàng chục nghìn tấn đất đá từ bên trên đổ xuống.

Lớp sơn phủ hẵn là phải nằm sau: các mảnh kim loại màu xanh đã được chôn dưới mặt đất. Cỏ được gieo khắp nơi trên mặt đất, có rễ và lan xa, với các bụi cây và bụi cỏ nằm sâu hơn bị bỏ quên trong các vùng thật sự. Cỏ từ mùa hè trước đã mọc lên, tạo ra mạng lưới rễ cây riêng của mình, và các bụi cỏ đã lan ra mọc lên trên các sợi dây và cỏ đã mọc xuống trên những ngọn đồi nguyên thủy.

Trên cái miệng núi lửa, nóc của pháo đài rõ ràng là có hình vòm, thế nên phải gồm đến hàng nghìn túi cỏ. Thậm chí còn có các cái nhân tạo, được vẽ theo màu sắc của những tảng đá thật sự, với những đỉnh nơi mưa có thể rơi xuống. Martin bắt đầu tập trung vào vùng gần điểm nơi đáy của miệng núi lửa có thể là một khoảng không gian kín có mái vòm. Khoảng 50 fit dưới đỉnh vòm anh tìm thấy cái phải tìm.

Anh đã cho ống nhòm của mình trượt đi trượt lại đến 50 lần và không hề nhìn thấy. Đó là một chóp đá, màu ghi nhạt, nhưng có hai đường màu đen chạy qua từ bên này sang bên kia. Càng xem xét các đường kỹ hơn, anh càng phải tự hỏi tại sao ai đó lại có thể lên cao đến thế để vẽ hai cái đường thẳng đi qua một tảng đá mòn.

Một làn gió từ phía đông bắc thổi đến, thổi đến gần mặt anh. Cũng ngọn gió đó làm một trong những đường thẳng chuyển động. Khi gió đã dừng, các đường thẳng cũng thôi không chuyển động nữa. Rồi Martin nhận ra chúng không được vẽ thành những đường thẳng mà thực chất là những đường dây bằng thép, chạy qua tảng đá và đi vào trong cỏ. Các tảng đá nhỏ hơn nằm quanh chu vi của cái lớn, giống như các trạm gác vòng quanh. Tại sao nó lại tròn thế, tại sao lại có dây thép? Cứ cho là có ai đó, ở phía dưới đã ném lên những sợi dây đó - vậy thì tại sao tảng đá lại có thể chuyển động?

Đến ba giờ rưỡi thì anh nhận ra đó không phải là một tảng đá. Đó là một tấm vải nhựa màu ghi, được những tảng đá chặn xuống: được gắn kết vào một bên sườn khi các sợi dây kim loại bị ném xuống phía dưới vào trong cái hang ngầm bên dưới.

Dưới tấm vải anh dần nhận ra một hình dáng, đều đặn, chu vi 5 fit. Anh nhìn chăm chăm vào một tấm vải, bên dưới đó, mà anh không thể thấy, ba fit cuối của khẩu súng Babylon, từ đó nòng súng dài 200 yard nằm bên trong miệng núi lửa đang chìa lên trời cao. Nó chỉ xuống đông nam về phía Dhahran, cách 750 km.

- Têlémét, anh thì thầm với các đồng đội đang ở phía dưới.

Anh đưa cái ống nhòm lại và cầm lấy một cái ống khác. Nó giống như một kính thiên văn. Khi đặt nó vào trong mắt, như người ta đã dạy tại Riyadh, anh nhìn thấy ngọn núi và tấm bạt đang giấu khẩu súng, nhưng không hề rõ ràng.

Trên thấu kính là các dấu hiệu hình chữ V, các điểm đều được hướng vào bên trong. Chăm chăm anh quay cái nút trên đỉnh cho đến khi 4 điểm chụm lại thành một. Cái hình chữ thập nằm lại trên tấm bạt.

Bỏ cái hình cầu ra khỏi mắt, anh nhìn vào các số trên dải băng quay. 1080 yard.

- Compa, anh nói. Anh đưa cái têlémét ra sau và cầm lấy cái la bàn điện tử. Đó không phải là một thiết bị phụ thuộc vào một cái đĩa xoay trong một cái bát cón, cũng không phải là một cái chỉ cân đối trên một khớp cadăng. Anh để nó lên mắt, nhìn vào tấm bạt qua thung lũng, và ấn nút. Cái la bàn làm việc còn lại, cho anh một toạ độ từ điểm anh đứng đến tấm bạt là 348 độ, 10 phút, và 18 giây.

Máy định vị SARNAV cho anh nhìn thấy điều cuối cùng anh cần - địa điểm chính xác của anh lúc này trên bề mặt trái đất, với diện tích gần nhất 15 yard vuông.

Thật là một công việc tỉ mỉ để cố dựng lên cái đĩa vệ tinh trong một không gian hẹp - mất đến 10 phút. Khi anh gọi Riyadh, câu trả lời đến ngay lập tức. Chăm chăm Martin đọc cho những người nghe ở thủ đô nước Ả-rập Xê-út ba loại số liệu: vị trí chính xác của anh, hướng của la bàn từ chỗ anh đến mục tiêu, và tấm bạt. Riyadh có thể tính toán phần còn lại và cung cấp cho phi công các dữ liệu.

Martin quay trở lại mỏm đá, đã được Stephenson thay thế, người có thể canh chừng các toán kiểm tra của quân Iraq, và cố ngủ.

Vào lúc tám giờ rưỡi, trong bóng đêm hoàn toàn, Martin kiểm tra bằng máy phát tia hồng ngoại. Về ngoài nó giống một ngọn đèn lớn với một nút bấm hoạt động theo nguyên tắc pitxtông, nhưng có lỗ nhỏ ở đằng sau để nhìn. Anh lắp pin, hướng về phía Pháo Đài, và nhìn. Toàn bộ ngọn núi đã rõ ràng như thể được tắm trong ánh trăng xanh ngắt. Anh nâng lên đến tấm bạt được nguy trang cái nòng của khẩu Babylon và siết chặt nút bấm.

Một làn ánh sáng đơn độc, không thể nhìn thấy đang lướt qua thung lũng, và anh nhìn thấy một đốm đỏ rất nhỏ xuất hiện ở sườn núi. Chuyển sang nhìn ban đêm, anh chìa đốm đỏ lên tấm bạt và giữ ở đó chừng nửa phút. Hài lòng, anh tắt nó đi và chui lại vào trong chăn.

Bốn chiếc Eagle cất cánh từ Al Kharz vào lúc 10 giờ 45 phút tối và nhanh chóng đạt độ cao 20000 ft. Với ba trong số bốn đội bay, họ chỉ biết đó vẫn chỉ là một phi vụ đánh một căn cứ không quân Iraq thông thường. Mỗi chiếc Eagle đều mang theo những quả bom 2000 pound có laser hướng lối, thêm vào những quả hoả tiễn không đối không để tự vệ.

Tiếp nhiên liệu từ chiếc KC-10 ngay ở nam biên giới Iraq là bình thường chẳng có gì to tát. Khi họ đã lên cao, họ bay theo đội hình mở rộng, và chuyển bay, với mật danh Bluejay, đi chủ yếu về hướng nam, đi qua thành phố As-Samawah của Iraq vào lúc 11h14.

Họ bay mà không hề trò chuyện với nhau và cũng không bật đèn, mỗi wizzo đều có thể nhìn thấy rất rõ ràng ba cái còn lại trên ra đa của mình. Đêm trong, và chiếc AWACS trên vùng Vịnh đã cung cấp cho họ như chỉ dẫn “ánh rõ”, có nghĩa là không có máy bay chiến đấu nào của Iraq đang bay trên trời. 11h39, người wizzo của Don Walker thì thầm:

- Điểm rẽ trong năm phút nữa.

Tất cả đều nghe thấy và hiểu họ có thể sẽ quay trở lại trên hồ As Sa'diyah trong năm phút nữa.

Ngay khi họ vừa thực hiện đường lượn 45 độ ra cảng để hướng về đông Tikrit, ba đội còn lại nghe thấy Don Walker nói rất rõ:

- Bluejay Dẫn đầu đội bay... trực trực động cơ. Tôi sẽ đến RTB. Bluejay, nghe chưa.

Bluejay là Bull Baker đêm đó, dẫn đầu trong số hai máy bay thành phần. Từ đó trở đi, mọi việc bắt đầu diễn ra theo chiều hướng xấu, theo một cung cách thật lộn xộn.

Người bay cùng Walker, Randy “R-2” Roberts ở ngay cạnh máy bay dẫn đầu nhưng có thể thấy không có vấn đề rắc rối nào bề ngoài từ động cơ của Walker, như thể chỉ huy Bluejay hết nhiên liệu và độ cao. Nếu anh ta đi RTB - quay về căn cứ - thì cũng là bình thường khi người bay cùng về theo anh ta, trừ khi vấn đề chỉ nhỏ nhất thôi. Trực trực động cơ trên lãnh thổ kẻ thù thì không thể là nhỏ nhất được.

- Roger này, Baker nhận ra. Rồi họ nghe thấy Walker nói:- Bluejay 2, quay lại đi cùng với Bluejay 3. Tôi nhắc lại, quay lại đi, lệnh đấy. Tiếp tục đến đông Tikrit đi.

Người cùng bay, giật mình, làm theo lệnh và lao lên để gặp lại đội Bluejay. Chỉ huy của họ vẫn tiếp tục hạ thấp độ cao xuống hồ; họ có thể thấy anh trong radar của mình.

Cùng lúc đó họ nhận ra anh đã làm điều không thể nghĩ được Vì một lý do nào đó - có thể là rối trí vì bị hỏng động cơ - anh không hề nói bằng điện đàm Have-quick có mã hoá, mà “nói thẳng”. Đáng ngạc nhiên hơn, anh còn nói rõ hẳn đích đến của họ.

Bên ngoài Vịnh, một trung sĩ USAF trẻ tuổi đang bắt được tín hiệu trên màn hình trên chiếc AWACS triệu tập người chỉ huy phi vụ.

- Chúng ta có vấn đề rồi, thưa ngài. Chỉ huy Bluejay gặp rắc rối về động cơ. Anh ta muốn RTB.

- Rồi, đã ghi, người chỉ huy phi vụ nói. Trong hầu hết các máy bay phi công là chỉ huy và chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Trong một chiếc AWACS phi công có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho máy bay, nhưng người chỉ huy phi vụ vẫn nghe thấy giọng nói.

- Nhưng thưa ngài, viên trung sĩ phản đối, chỉ huy Bluejay nói thẳng không dùng mật mã. Nói cả mục tiêu rồi. Tôi cho họ RTB hết nhé.

- Không, phi vụ vẫn tiếp tục, người kiểm soát nói. Làm đi.

Viên trung sĩ quay trở lại với màn hình của mình, chẳng hiểu mô tê gì nữa cả. Thật là điên rồ: nếu người Iraq mà nghe thấy đoạn nói chuyện đó, thì các đơn vị phòng không ở đông Tikrit sẽ được báo động khẩn cấp ngay lập tức.

Rồi anh ta lại nghe thấy tiếng Walker.

- Chỉ huy Bluejay, Mayday, Mayday. Cả hai động cơ đều hỏng rồi. Xuống đây.

Anh vẫn nói thẳng không dùng mật mã. Người Iraq, nếu họ nghe thấy, có thể hiểu ngay vấn đề.

Trên thực tế, viên trung sĩ đã đúng - các thông điệp đã được nghe thấy. Tại Đông Tikrit các tay súng đã giương các tấm bạt lên khỏi trận địa chữ A, và các hoả tiễn dò mục tiêu đã đợi sẵn tiếng động cơ đang đến gần. Các đơn vị khác cũng đã được báo động để đến khu vực hồ ngay lập tức để bắt hai giặc lái sắp rơi xuống.

- Thưa ngài, chỉ huy Bluejay rơi rồi. Chúng ta phải RTB tất cả họ thôi.

- Ghi rồi, phản đối, chỉ huy phi vụ nói. Anh ta liếc nhìn vào đồng hồ. Anh ta đã có lệnh. Anh không biết tại sao, nhưng phải tuân theo.

Đội Bluejay còn cách mục tiêu khoảng chín phút, đang tiến đến một trận địa đã được chuẩn bị sẵn. Ba phi công đang lái những chiếc Eagle của mình trong một sự im lặng nghẹt thở.

Trong chiếc AWACS viên trung sĩ vẫn có thể nhìn thấy nhấp nháy của chỉ huy Bluejay, đang lao xuống mặt hồ. Rõ ràng chiếc Eagle đã bị bỏ rơi và có thể nổ tung bất cứ lúc nào.

Bốn phút sau, chỉ huy phi vụ có vẻ như đã đổi ý.

- Đội Bluejay, AWACS gọi Bluejay, RTB. Tôi nhắc lại,

Ba chiếc Eagle, chán nản vì các sự kiện đêm đó, dừng lại không đi nữa và quay đầu trở về căn cứ. Các tay súng Iraq ở Đông Tikrit chờ đợi trong vô vọng suốt một giờ đồng hồ.

Tại vùng rìa phía nam của Jebal al Hamreen một trạm nghe khác của Iraq cũng nghe thấy đoạn trao đổi đó. Viên đại tá chỉ huy tại đó đã không chậm trễ báo về cho Đông Tikrit hoặc bất kỳ căn cứ không quân nào khác để tiếp cận máy bay địch. Công việc duy nhất của ông ta là đảm bảo không gì vào được Jebal. vì đội Bluejay quay qua hồ, ông ta bèn báo động; đoạn đường từ hồ đến căn cứ không quân có thể khiến chiếc Eagle dọc theo rìa phía nam của dãy núi. Khi một trong chúng nổ, ông ta vui mừng; khi ba chiếc còn lại bay về phía nam, ông ta thở phào và tắt báo động đi.

Don Walker đã lao xoáy xuống mặt hồ cho đến khi chỉ còn cách 100 feet và gọi Mayday. Khi anh lao xuống nước của As Sa'diyah, anh nhìn vào các dữ liệu mới và quay sang phía bắc về Jebal. Cùng lúc anh đến LANTIRN, với sự giúp đỡ của cái này anh có thể nhìn xuyên qua và nhìn thấy cảnh vật trước mặt mình rõ ràng bởi làn hơi đang bay lên phía dưới cánh máy bay.

Các cột thông tin của màn hình trước mặt anh giờ đây cho anh biết về hành trình và tốc độ, độ cao, và thời gian đến lúc Phóng.

Anh nhẽ ra có thể chuyển sang chế độ lái tự động, cho phép máy tính điều khiển chiếc Eagle, đi qua các vách đá và sườn đồi, trong khi phi công chẳng phải làm gì. Nhưng anh thích tự mình điều khiển hơn. Với sự giúp đỡ của những bức ảnh mới do Hồ Đen cung cấp anh đã thực hiện cú bay vòng vượt dãy núi mà chưa từng bao giờ anh thực hiện trên bầu trời. Anh vẫn ở thấp, lướt trên đáy thung lũng, vượt từ hồ này sang hồ khác, một chặng đường hình zig zag cho phép anh đi được về phía dãy núi có Pháo Đài.

Khi Walker gọi Mayday, điện đàm của Mike Martin loé lên thành những tiếp bíp. Martin chồm người ra trước nhìn xuống phía thung lũng: chỉ hướng về mục tiêu ở tấm bạt cách đó 1000 dặm, ấn nút đỏ chỉ thẳng vào trung tâm mục tiêu, và giữ nguyên nó ở đó.

Những tiếng bíp trong điện đàm có nghĩa là "Bảy phút để ném bom", và kể từ đó Martin không hề di chuyển đốm đỏ lấy một inch.

- Đến giờ rồi đây, Eastman thì thâm. Tôi cóng hết cả lên rồi đây.

- Không lâu đâu. Stephenson nói, nhét nốt những thứ còn lại vào túi Bergen của mình. Rồi anh sẽ được làm gì anh muốn, Benny ạ.

Chỉ còn điện đàm chưa được gói vào, đã sẵn sàng cho lần chuyển tin tới.

Ngồi ở băng sau của chiếc Eagle, Tim, wizzo có thể xem được cùng những thông tin như phi công của anh. Còn bốn phút nữa để bắn, ba phút rưỡi, ba... những số trên HUD đang đếm ngược khi chiếc Eagle lao qua

các ngọn núi để đến mục tiêu của mình. Nó lao nhanh đến chỗ Martin và người của anh đã định vị, và mất vài giây để đến được nơi xuyên qua đó họ đang làm việc với các gói.

- 90 giây nữa...

Người của SAS nghe thấy âm thanh động cơ đang đến từ phía nam khi chiếc Eagle ló dạng.

Chiếc máy bay chiến đấu - thả bom đã đến chỗ cuối cùng cách đó ba dặm về phía nam của mục tiêu, ngay khi sự đếm ngược đạt đến số không. Trong bóng tối hai quả bom hình torpedo rời khỏi bộ phóng phía dưới cánh và lao xuống trong vòng vài giây, lao theo quán tính với tốc độ khủng khiếp.

Trong ba ngôi làng nguy hại các Vệ binh Cộng hoà hoảng tỉnh khi nghe tiếng động cơ máy bay lao đến không biết từ đâu ngay trên đầu mình, vội vã nhảy vào công sự, và chạy đi lấy vũ khí. Chỉ trong vòng vài giây mái nhà các chuồng gia súc đã được thổi bay để lộ hàng đồng hoá tiễn ở bên dưới. Hai quả bom rời khỏi máy bay theo trọng lực bắt đầu rơi xuống. Trước mũi họ, những người chứng kiến run rẩy với đường hướng lối theo những tia không nhìn thấy đến từ đốm đỏ trên mục tiêu của chúng, sự rơi xuống mà, một khi đã vào được, họ không thể đi được nữa.

Mike Martin chùng xuống, chờ đợi, ù tai vì tiếng động cơ nổ thì nghe tiếng cả quả núi rung lên, và theo đúng chấm đỏ rơi thẳng vào khẩu Babylon.

Anh không hề nhìn thấy những quả bom. Một giây anh cố nhìn vào ngọn núi màu xanh nhạt của máy khuếch đại hình ảnh; tiếp đó, anh phải rời mắt đi và che nó bởi vì đêm đã biến thành ngày rực màu đỏ máu.

Hai quả bom lần lượt rơi xuống, ba giây trước khi viên đại tá của đội Vệ binh ở mãi dưới ngọn núi rỗng đến được chỗ bấm nút Phóng. Ông ta không bao giờ có thể làm được việc đó. Nhìn xuyên qua thung lũng mà không mang kính, Martin nhìn thấy toàn bộ Pháo Đài gục xuống trong lửa. Bằng dụng cụ của mình, anh thu lấy hình ảnh một nòng súng dài khủng khiếp, rung lên như một con quái vật, quay tròn và tung lên, vỡ ra, và rơi lả tả xuống thành những mảnh vỡ của cái vòm cho đến miệng núi lửa bên dưới.

- Bắn chuẩn ghê người, trung sĩ Stephenson thì thầm ở dưới tay anh. Đó không phải là một lời tán dương sai. Ngọn lửa màu da cam bắt đầu tàn xuống trong miệng núi lửa vào lúc cú nổ đầu tiên đã xong và một ánh sáng mờ mờ quay trở lại với ngọn núi. Martin bắt đầu gõ những tín hiệu khẩn cấp cho Riyadh.

Don Walker cho chiếc Eagle của mình vọt lên sau khi thả xong bom, lao theo góc 135 độ chệch, nhằm xuống dưới và theo một đường rút thẳng về phía nam. Nhưng vì anh không ở trên vùng đất bằng phẳng và dãy núi dựng lên xung quanh anh, anh phải lấy độ cao nhiều hơn bình thường và có nguy cơ chạm phải các đỉnh.

Chính ngôi làng ở xa Pháo Đài nhất bắn được phát đạn chính xác nhất. Chỉ trong một khoảnh khắc anh đã ở trên họ, trên một cái đầu cánh, quay sang phía nam, khi hai quả hỏa tiễn được bắn ra. Những quả tên lửa này không phải là SAM của Nga mà là những quả tốt nhất mà Iraq có được - quả Roland của Đức-Pháp sản xuất.

Quả đầu tiên chậm chạp, chạy theo chiếc Eagle khi nó lao ra khỏi tầm nhìn của dãy núi. Quả Roland thất bại trong việc rạch ra. Quả thứ hai luồn theo những tảng đá của đỉnh núi và đuổi kịp chiếc máy bay chiến đấu ở thung lũng kế tiếp. Walker cảm thấy một cú sốc thật mạnh khi quả hỏa tiễn chạm vào thân máy bay của anh, phá hủy gần như toàn bộ động cơ bên sườn.

Chiếc Eagle lao vọt qua bầu trời, các hệ thống tinh vi của nó trong đó, nhiên liệu cháy thành một cái đuôi sao chổi ở phía sau. Walker thử lại các điều khiển, một món pút đình sững nước. Thế là xong, máy bay của anh đang chết ở dưới anh, mọi thứ đèn báo động lửa đều bật hết lên, và 30 tấn kim loại cháy rừng rực sắp rơi xuống đất từ trên trời.

- Nhảy, nhảy...

Chiếc dù tự động bung ra trong một khoảnh khắc trước khi những chỗ ngồi nhảy dù đến, bắn tung vào màn đêm, lấy lại cân bằng. Các cảm ứng của họ ngay lập tức cho biết họ đã quá chậm và bị thổi tung khỏi những sợi dây da có chứa phi công vào trong chỗ ngồi của mình, rõ ràng là thất bại trong việc nhảy dù.

Walker trước đây chưa từng thế này bao giờ. Cảm giác sốc bao trùm lấy anh trong một lúc, làm anh mất khả năng quyết định. Thật may mắn những người sản xuất máy bay đã nghĩ đến điều này. Khi cái ghế kim

loại nặng nề rơi xuống, dù liền tự bung ra và tung ra. Mê man, Walker thấy mình đã ở trong màn đêm, đang chao đảo trên một thung lũng mà anh không thể nhìn thấy.

Anh rơi không lâu - anh đã bay ở quá thấp. Trong vài giây mặt đất đã hiện ra và anh chạm xuống, và anh nảy lên, lăn tròn, lăn, tay cào vào đất. Rồi cái dù bay mất, vào trong thung lũng. và anh nằm thẳng cẳng trên mặt đất. Anh bò dậy.

- Tim, anh gọi, Tim, cậu có sao không?

Anh bắt đầu chạy trên thung lũng, tìm một cái dù khác, chắc chắn cả hai đều rơi vào cùng một địa điểm.

Điều này thì anh đúng. Cả hai người đã rơi vào hai thung lung nằm ở phía nam mục tiêu của họ. Trên bầu trời về phía bắc anh có thể nhìn thấy một màu đỏ nhờ nhờ hiện ra. Sau ba phút anh rơi vào cái gì đó và khuỵu gối xuống. Anh nghĩ đó là một tảng đá, nhưng trong ánh sáng mờ tỏ anh nhìn thấy đó là một trong những cái ghế phóng ra. Có thể là anh ta đó chẳng, phải Tim không? Anh chạy đến để nhìn.

Walker tìm thấy người wizzo của mình. Chàng trai trẻ đã được phóng ra một cách hoàn hảo, nhưng quả hoả tiễn đã nổ làm gãy chỗ nối làm anh bắn tung đi. Anh đã hạ xuống đất trên sườn núi dính chặt vào ghế, dù anh ta trườn lên mặt đất ở bên cạnh.

Chấn động của vụ rơi cuối cùng đã làm anh thoát được cái ghế, nhưng không ai có thể sống sót sau một cú sóc mạnh đến thế.

Tim Nathanson nằm ngửa trên thung lũng, một phần cơ thể bị gãy nát, khuôn mặt vẫn nằm trong cái mũ bảo hiểm của mình. Walker gỡ mặt nạ ra, quay cái máy, và chạy về phía núi, bắt đầu chạy, nước mắt chảy tràn trên mặt. Anh chạy cho đến lúc không thể chạy được nữa, tìm thấy một hẻm núi và lăn vào đó để nghỉ.

Hai phút sau các vụ nổ ở Pháo Đài, Martin đã có liên lạc được với Riyadh. Anh gửi loạt bíp của mình và rồi bức thông điệp nó có nghĩa:

- Barrabas đây, tôi nói lại, Barrabas đây.

Ba người SAS đứng gần sát máy điện đàm, gói nó lại, đeo những túi Bergen lên vai, và bắt đầu ra khỏi dãy núi - thật nhanh. Có thể có các đội tuần tra ở chỗ trước đây không hề có, và cũng không phải tìm họ - chưa phải lúc người Iraq có thể nghĩ tại sao cuộc ném bom vừa rồi lại chính xác được đến vậy - mà là tìm phi công Mỹ rơi xuống đất.

Trung sĩ Stephenson nhìn theo một mảnh máy bay bốc cháy khi nó bay qua đầu họ, và hướng rơi của nó. Cho rằng có thể có một lúc sau khi rơi, các phi công, liệu họ còn sống sót. thì vẫn phải ở đâu đó trước mặt họ. Những người lính SAS di chuyển nhanh, ngay trước những người thuộc bộ lạc Ubaidi của đội Vệ binh, những người đang toả ra từ những ngôi làng để lao lên dãy núi.

20 phút sau, Mike Martin và hai người lính SAS còn lại đã tìm thấy xác chết của người sĩ quan quản lý hệ thống vũ khí. Họ không thể làm gì được nữa, nên bỏ đi.

10 phút sau nữa, họ nghe thấy phía sau những loạt đạn súng cá nhân. Nó tiếp tục thêm một lúc. Al-Ubaidi cũng đã tìm thấy cái xác và trong cơn điên giận họ đã xả súng vào nó. Hành động cũng được dành cho hướng đi của họ. Những người SAS lại càng vội vã hơn.

Don Walker gần như không cảm thấy lưỡi dao của trung sĩ Stephenson gí vào cổ họng mình. Nó rất nhẹ như một dải lụa. Nhưng anh nhìn lên và thấy khuôn mặt một người đàn ông đang đứng phía trên mình. Trời tối và lạnh; có một khẩu súng ở bên tay phải anh đang chìa thẳng vào ngực Walker; và người đàn ông mặt quân phục một đại úy trong đội Vệ binh Cộng hoà, phiên hiệu Núi. Rồi người đàn ông nói:

- Chọn không đúng lúc để xuống uống trà rồi. Liệu chúng ta còn có thể thoát khỏi đây không?

Đêm đó tướng Norman Schwarzkopf đang ngồi một mình trong dãy nhà của mình ở tầng bốn toà nhà Bộ Quốc phòng Ả-rập Xê-út.

Đó không phải là nơi ông thường xuyên trôi qua thời gian của mình trong bảy tháng qua; phần lớn thời gian đó ông đi thăm các đơn vị chiến đấu khi có thể, hoặc xuống căn cứ ngầm với nhân viên và những người lập kế hoạch của mình. Nhưng cái văn phòng rộng rãi và tiện nghi là nơi ông đến khi muốn được ở một mình.

Đêm đó ông ngồi ở bàn của mình, bên cạnh là cái điện thoại màu đỏ nối ông trực tiếp đến Washington một cách tuyệt đối an toàn, và chờ đợi. 10 phút trước khi trời sáng ngày 24 tháng Hai, chiếc điện thoại khác réo chuông.

- Tướng Schwarzkopf phải không? âm sắc Anh.

- Phải, tôi đây. - Tôi có tin cho ngài đây.

- Nói đi.

- Đó là: Barrabas đây, thưa ngài. Barrabas đây.

- Cám ơn, vị tổng tư lệnh nói, và đặt máy xuống. Vào lúc bốn giờ sáng hôm đó, cuộc tấn công trên bộ đã mở màn.

23. Chương 23

Ba người SAS nặng nhọc bước đi suốt phần còn lại của đêm. Họ tiến lên phía trước và đi ngược lên khiến Don Walker, người không phải đeo hành lý và nghĩ mình đang ở tình trạng sức khỏe tốt, trở nên kiệt sức và thở hổn hển. Đôi lúc anh tưởng như sắp khụy xuống, biết rằng mình không thể đi xa hơn, rằng thậm chí chết còn dễ chịu hơn là cứ đau từng bắp thịt một cách dữ dội thế này. Khi điều đó xảy ra, anh có thể cảm thấy hai bàn tay thép, một đặt dưới cánh tay, và nghe thấy giọng vùng Cockney của trung sĩ Stephenson bên tai:

- Đi tiếp đi nào, anh bạn. Chỉ còn một chút nữa thôi. Có thấy cái chóp núi kia không? Chúng ta có thể nghỉ ngơi ở sườn bên kia đây.

Nhưng họ không bao giờ làm được điều đó. Thay vì đi về hướng nam đến vùng đồi thấp Jebal và Hamreen, nơi dường như họ có thể gặp phải lính của đội Vệ binh Cộng hoà với xe cơ giới, Mike Martin đi thẳng về phía đông đến dãy đồi cao chạy ra biên giới Iraq. Đó là một chiến thuật buộc các đội tuần tra của những người miền núi Al-Ubaidi phải đi theo họ.

Ngay trước khi trời sáng, nhìn lại đằng sau và xuống phía dưới. Martin nhìn thấy một nhóm sáu tên, đang ở gần hơn bọn còn lại. vẫn đang leo lên và đang tiến lại gần. Khi đội Vệ binh Cộng hoà đến được mồm đá tiếp đó, họ thấy một xác người đang gục trên mặt đất, đầu quay về hướng khác.

Nhảy vào sau các tảng đá, những người của bộ lạc tản ra, tấn công vào người nước ngoài từ đằng sau. Cái xác nảy lên. Sáu người trong đội tuần tra Vệ binh hất cái che ra và chạy lên phía trước.

Đã quá muộn, họ thấy cái xác là một cái túi Bergen, có nguy trang, ở trên là cái mũ bảo hiểm của Walker. Ba khẩu Heckler và Koch MP5 giảm thanh quất sụm họ khi họ đang đi vòng quanh "cái xác".

Phía trên thành phố Khanaqin, cuối cùng Martin cũng cho nghỉ một lúc và chuyển tin về Riyadh. Stephenson và Eastman xem đồng hồ, nhìn về phía tây, từ đó mọi nhóm quân địch đều phải đi đến.

Martin nói cho Riyadh đơn giản là họ có ba người của SAS đang rời đi và họ có một phi công Mỹ đi một mình cùng với họ. Trong trường hợp thông tin này bị nghe được, nó có thể làm lộ vị trí của họ. Nên họ phải rảo bước nhanh hơn nữa. Ở cao trên dãy núi, gần biên giới, họ tìm thấy một chỗ trú trong một túp lều đá, được các mục đồng trong vùng sử dụng vào mùa hè khi lửa lũ cừu lên vùng cỏ cao hơn.

Tại đó, cảnh giới chế độ luân phiên, họ chờ đợi trong suốt bốn ngày của cuộc tấn công trên bộ, khi ở xa vùng phía nam các xe tăng của Liên quân và lực lượng trên không tấn công thẳng vào Quân đội Iraq trong cuộc chiến chớp nhoáng dài có 90 tiếng đồng hồ và lan sang đến Kuwait.

Cũng vào ngày hôm đó, ngày đầu tiên của cuộc tấn công trên bộ, một người lính đơn độc vào Iraq từ phía tây. Anh ta là một người Israel của đội du kích Sayeret Matkal, được lựa chọn do nói tiếng Ả-rập hoàn hảo.

Một chiếc máy bay Israel, được bảo vệ bởi các xe tăng tầm xa và là máy bay chuyên chở của quân đội Jordan, bay ra từ Negev và đi dọc suốt vùng sa mạc Jordan để người đó lại trong Iraq, về phía nam của điểm vượt Ruweishid. Để lại anh ta ở đó, nó quay trở lại và bay về qua Jordan và về Israel, không hề bị hay biết.

Cũng giống Martin, người lính này mang theo đồ đạc nhẹ, lái mô tô với lớp xe chuyên dụng đi trên sa mạc. Mặc dù đã được cải trang để trông già đi, nhàu nhĩ, bần thủ, thô kệch, và quê mùa, động cơ của nó rõ ràng là cực tốt, và nó có rất nhiều xăng dự trữ trong hai bình treo ở bánh sau. Người lính đi theo con đường chính về phía đông và khi hoàng hôn thì đến được Baghdad. Quan tâm của thượng cấp anh ta cho an toàn của anh ta là quá thừa. Với máy telegraphe xịn, những người Baghdad đã biết quân đội của mình bị quét sạch trong các sa mạc về phía nam Iraq và Kuwait. Khoảng đến tối ngày thứ nhất, AMAM đã dựng chiến lũy và cố thủ ở đó.

Giờ đây khi các cuộc oanh tạc đã chấm dứt - không máy bay chiến đấu nào của Liên quân được sử dụng nữa - người dân Baghdad đã có thể đi lại tự do, công khai nói về việc người Mỹ và người Anh sắp tới để thổi bay Saddam Hussein. Đó là niềm phấn khích kéo dài có đến một tuần, cho đến khi chúng xuống khi Liên quân không thấy tới, và sự lộng hành của AMAM vẫn tiếp tục.

Trạm xe bus trung tâm đã đầy lính, phần lớn đều mặc đồ đơn giản, bỏ đi quân phục mặc khi ở sa mạc. Đó là những người từ sa mạc đã thoát khỏi các đội hành quyết đợi đằng sau đường chiến tuyến. Họ rao bán những khẩu Kalashnikov với giá một Vé xe bus về làng. Hồi đầu tuần, giá những khẩu súng trường đó 35 dinar một chiếc; bốn ngày sau, giá chỉ còn 17 dinar.

Người Israel đặt các thông điệp giống hệt nhau ở cả ba chỗ, đánh dấu phần ở ba nơi, đi xe mô tô về hướng tây, nhập vào đoàn người tị nạn cũng đang đi cùng hướng đó.

Anh ta mất thêm một ngày nữa mới ra được đến biên giới. Tại đó anh ta cất thẳng về phía nam của con đường chính để đi vào sa mạc trống trải, đi sang Jordan, đào chiếc đèn hiệu được giấu kín của mình và sử dụng nó. Những tiếng bíp bíp vang lên ngay lập tức bởi một chiếc máy bay Israel đang bay vòng vòng trên Negev, và chiếc trực thăng quay trở lại điểm hẹn để mang người đột nhập đi.

Anh ta đã không ngủ trong suốt 50 tiếng đồng hồ đó và ăn rất ít, nhưng đã hoàn thành được nhiệm vụ và trở về nhà một cách an toàn.

Vào ngày thứ ba của cuộc tấn công trên bộ, Edith Hardenberg quay trở về bàn làm việc của mình ở ngân hàng Winkler vừa ngạc nhiên vừa tức giận. Buổi sáng hôm trước, ngay trước khi cô sắp rời chỗ làm, cô đã nhận được một cú điện thoại.

Người ở đầu dây bên kia, nói giọng Đức hoàn hảo với âm sắc Salzburg, tự giới thiệu mình là hàng xóm của mẹ cô. Ông ta nói với cô rằng bà Hardenberg đã bị ngã cầu thang rất nặng sau khi bị trượt chân và đang ở tình trạng xấu. Ngay lập tức cô cố gọi điện cho mẹ mình nhưng lúc nào máy cũng bận. Cuối cùng sốt ruột không chịu nổi, cô đã gọi cho trạm điện thoại Salzburg, nơi này cho cô biết điện thoại chắc là đã bị hỏng.

Gọi điện cho ngân hàng bảo là cô không thể đến được, cô lái xe thẳng về Salzburg trong trời tuyết giá lạnh, đến được nơi khi sắp buổi trưa. Mẹ cô, hoàn toàn mạnh khỏe, ngạc nhiên khi nhìn thấy cô.

Không hề có chuyện bị ngã, cũng không bị thương. Tệ hơn nữa, thẳng khốn nào đó đã cắt dây điện thoại của bà ở bên ngoài ngôi nhà.

Khi Edith quay trở về Vienna, đã quá muộn để đến chỗ làm.

Khi cô xuất hiện ở bàn làm việc của mình sáng hôm sau, cô thấy Wolfgang Gemuetlich đang ở tâm trạng còn ảo não hơn cả cô ông ta trách cứ cô rất nặng nề vì đã vắng mặt ngày hôm trước và tức giận khi nghe lời giải thích của cô.

Lý do khiến ông ta ở tình trạng đó vừa mới xảy đến. Giữa buổi sáng ngày hôm trước, một thanh niên đã xuất hiện ở ngân hàng và nặng nề đòi gặp ông. Vị khách cho biết tên mình là Aziz và là con trai người chủ của một tài khoản lớn có đánh số. Cha anh ta, người Ả rập giải thích, không thể đến được nhưng muốn con trai mình thay mặt mình giải quyết công việc.

Khi đó, Aziz chìa giấy tờ chứng nhận một cách đầy đủ và hoàn hảo rằng anh ta là sứ giả của cha mình, với toàn quyền xử lý tài khoản được đánh số đó. Ngài Gemuetlich đã kiểm tra các chứng từ giao quyền sử dụng

đến từng kẻ nhỏ nhất, nhưng không hề có khe hở nào. Ông chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài chấp nhận làm theo.

Chàng trai nhấn mạnh rằng ý muốn của cha anh ta là đóng toàn bộ tài khoản để chuyển đến chỗ khác. Cô có hiểu được không hả Hardenberg, chỉ hai ngày sau khi có một tài sản hơn ba triệu đôla, đã phải chi ra tổng cộng hơn mười triệu đôla.

Edith Hardenberg lắng nghe câu chuyện của Gemuetlich một cách bình thản, rồi hỏi về người khách. Phải, cô đã được cho biết, tên anh ta là Karim. Giờ đây khi nghe đến cái tên, một đốm hồng gợn lên trên ngón tay nhỏ bé ở một bàn tay, và, thực tế một vết sẹo dài trên ngực. Liệu ông ta đã gặm nhấm xong mắt mắt của mình chưa, viên chủ nhà băng đã có thể tự hỏi câu hỏi chính xác như thế bởi người thư ký về một người cô chưa từng bao giờ gặp.

Dĩ nhiên ông cũng biết, Gemutlich thú nhận, rằng người nắm tài khoản hẳn là người Ả rập, nhưng ông ta không có ý tưởng gì người đàn ông là từ Iraq đến và có một đứa con.

Sau khi làm việc, Edith Hardenberg về nhà và bắt đầu lau rửa căn hộ của mình. Cô chăm chú làm công việc đó trong suốt nhiều giờ liền. Cô lấy hai cái hộp to bằng các tông để làm thùng rác mang đi hàng trăm yard và chôn xuống đất. Một cái chứa các thứ đồ mỹ phẩm, nước hoa, sữa tắm, và; cái hộp kia là đủ loại đồ lót của phụ nữ. Rồi cô lại quay về phòng tiếp tục dọn dẹp.

Những người hàng xóm sau đó nói lại là cô đã bật nhạc đến tối và cho đến mãi đêm - không phải những bản Mozart và Strauss quen thuộc mà là nhạc Verdi, đặc biệt là một số khúc từ bản Nabucco. Một người hàng xóm tò mò hơn cả nhận ra đoạn đó là “Đồng ca Slave” mà cô bật đi bật lại.

Sáng sớm nhạc ngừng lại, và cô đi ra xe ô tô với hai thứ đồ lấy từ trong bếp nhà mình.

Một nhân viên kế toán đã nghỉ hưu, đang dắt chó đi dạo trong công viên Prater vào lúc bảy giờ sáng đã tìm thấy cô. Ông để chiếc Hauptallee lại để cho con chó của mình đi làm việc của nó trong công viên đoạn xa đường hơn cả.

Cô mặc bộ đồ màu ghi bó sát người, tóc xoá ra sau đầu, đôi tất dày ở chân, và đôi giày cứng đơ. Sợi dây ròng qua một cành sồi đã không phản bội cô, và hai bậc thang nhà bếp cũng vậy.

Cô khá bình thản khi đã chết, hai tay để dọc người và những ngón chân duỗi xuống dưới. Vẫn luôn luôn là cô Edith Hardenberg rất mực chín chu.

28 tháng Hai là ngày cuối cùng của cuộc tấn công trên bộ. Trong các sa mạc Iraq phía tây Kuwait, quân đội Iraq đã thất bại hoàn toàn và rệu rã. Về phía nam thành phố, các sư đoàn của đội Vệ binh Cộng hoà trước đóng ở Kuwait ngày 2 tháng Tám không còn tồn tại nữa. Vào ngày đó các lực lượng vũ trang đã chiếm được thành phố, bắn vào mọi thứ có thể cháy và tìm cách phá huỷ mọi thứ, để lại cho phía bắc một hàng dài xe tải, xe tăng, van, ô tô.

Đoàn xe bị nhìn thấy hoàn toàn khi đường cao tốc phía bắc cắt qua Multa Ridge. Những chiếc Eagle và Jaguar, Tomcat và Hornet, Tornado và Thunderbolt, Phantom và Apache bổ nhào xuống đoàn xe.

Khi đoạn đầu của đoàn xe bị phá huỷ và làm con đường tắc nghẽn, phần còn lại không thể chạy về trước cũng như lùi lại, và vì chỗ giao ở Ridge không thể rời con đường. Nhiều người trong đoàn xe đã chết và những người còn lại đầu hàng. Khi chiều xuống, các lực lượng đầu tiên của Ả rập đã tiến vào Kuwait để giải phóng đất nước này.

Tối đó, Mike Martin lại liên lạc với Riyadh và nghe tin tức Anh cho biết về vị trí hiện tại của mình và về một bình địa bằng phẳng gần đó.

Những người lính SAS và Walker đã hết lương thực, phải đun tuyết để lấy cái uống, và chịu lạnh khủng khiếp, không dám đốt lửa vì sợ làm lộ vị trí của mình. Chiến tranh đã kết thúc, nhưng các đội tuần tra miền núi không biết gì về việc đó, hoặc là không quan tâm.

Ngay sau khi mặt trời lên, hai chiếc máy bay trực thăng tầm xa Blackhawk của Sư đoàn không quân số 101 của Mỹ đã tới đón họ. Họ đến từ căn cứ của 101, sâu 50 dặm trong lãnh thổ Iraq, chuyên tấn công lớn nhất

bằng máy bay trực thăng trong lịch sử. Khoảng cách từ biên giới A rập Xêut đến là rất xa thậm chí từ căn cứ trên sông Euphrates, đó là một khoảng cách xa để đến được dãy núi gần Khanaqin.

Đó là lý do tại sao có hai cái trong số chúng, cái thứ hai còn có nhiều nhiên liệu hơn dành cho chuyến bay về. Để đảm bảo an toàn, tám chiếc Eagle bay ngay phía trên để bảo vệ trong khi lấy người ở quãng trống. Don Walker nhảy vọt lên.

- Hey, người của tôi đây?, anh hét lên, Khi hai chiếc Blackhawk bay về, những chiếc Eagle còn yểm hộ cho đến khi qua được biên giới.

Họ tạm biệt nhau trên một bãi cát rộng, xung quanh là tàn tích của một đội quân bại trận gần biên giới Xêut-Iraq. Những cánh quạt sắc lém của một chiếc Blackhawk làm tung bụi mù mịt trước khi chở Don Walker về Dhahran và một chuyến bay trở về Al Kharz. Một chiếc Puma của Anh đã đứng ở đằng xa, để chở người SAS về căn cứ quân sự bí mật của họ.

Tối đó, trong một ngôi nhà miền quê tiện nghi ở vùng hạ Sussex, tiến sĩ Terry Martin được cho biết anh trai mình đã ở đâu kể từ tháng Mười và rằng giờ đây anh đã thoát được khỏi Iraq và đã an toàn ở Arập Xêut.

Martin gần như phát ốm vì lo lắng, và người của SIS đưa anh quay trở về London, nơi anh lại tiếp tục cuộc sống của mình với tư cách một giảng viên của trường Khoa học phương Đông và châu Phi.

Hai ngày sau, ngày 3 tháng Ba, các chỉ huy các quân đội trong Liên quân gặp nhau trong một ngôi lều tại một căn cứ không quân Iraq trống không nhỏ gọi là Safwan với hai vị tướng từ Baghdad để thương nghị về sự đầu hàng. Những người phát ngôn duy nhất, bên phía Liên quân là tướng Norman Schwarzkopf và Hoàng thân Khaled bin Sultan. Bên cạnh vị tướng Mỹ là chỉ huy quân Anh, tướng Peter de la Billière.

Cả hai vị sĩ quan phương Tây ngày hôm đó đều tin rằng chỉ hai vị tướng Iraq sẽ đến Safwan. Quả thực, họ đã ở Mạng lưới an ninh của Mỹ đã được thắt lại cực kỳ chặt chẽ, để loại bỏ khả năng bất kỳ vụ ám sát nào có thể xảy ra trong túp lều nơi các vị tướng các bên đối nghịch đang gặp gỡ.

Toàn bộ một sư đoàn quân Mỹ đã bao vây kín khu sân bay, hướng mặt ra ngoài.

Không giống như các vị chỉ huy Liên quân đến từ phía nam bằng máy bay trực thăng, bên Iraq đã được lệnh đi xe đến chỗ nối ở đường phía bắc sân bay. Tại đó họ để xe ô tô của mình lại để chuyển sang một số những xe cá nhân chống đạn được gọi là humvee và do lái xe Mỹ lái đi nốt hai dặm cuối cùng đến sân bay vào một đám những túp lều nơi mọi người đã chờ.

10 phút sau khi chào hỏi các vị tướng đi vào túp lều thương nghị với phiên dịch của mình, một chiếc limousin Mercedes đi từ đường Basra xuống đến chỗ nối. Trạm kiểm soát tại đó do một đại úy của Sư Bẩy Mỹ chỉ huy, mọi sĩ quan cao cấp hơn đều đã vào trong sân bay. Chiếc limousin không được dự tính trước đã được chặn lại ngay lập tức.

Trên ghế sau của xe là vị tướng Iraq thứ ba, chỉ là một trung tướng, mang một chiếc cặp tài liệu màu đen. Cả ông ta lẫn tài xế của ông ta đều không nói được tiếng Anh, và viên đại úy thì không nói tiếng Arập. Anh ta bèn gọi điện đàm vào trong sân bay để chờ lệnh khi một chiếc xe jeep do một đại tá Mỹ lái và mang cái khác để cho người đưa tin. Người lái xe mặc quân phục của Các lực lượng đặc biệt Mũ nổi xanh; người khách có dấu hiệu của G2, tức tình báo quân sự.

Cả hai người trình ID của mình cho đại úy, người kiểm tra thẻ, nhận ra họ, và đứng nghiêm chào.

- Tốt rồi, đại úy. Chúng tôi đã dự tính trước có thằng cha này, vị đại tá Mũ nổi xanh nói. Có vẻ như bị chậm vì nổ lốp xe thì phải.

- Chính thế đấy, viên sĩ quan G2 nói, chỉ vào chiếc cặp tài liệu của vị trung tướng Iraq đã ngồi không hề hiểu gì ở một bên xe. Nó chứa tên của tất cả các POW của chúng ta, kể cả các phi công mất tích của chúng ta. Norman Bào tố muốn cái đó, và được rồi đây.

Không còn thừa chiếc humvee nào. Viên đại tá Mũ nổi xanh mời người Iraq lên xe jeep. Viên đại úy bối rối. Anh chẳng biết gì hết về vị tướng Iraq thứ ba này. Điều cuối cùng anh cần là gọi thêm về tướng Schwarzkopf về danh sách những phi công Mỹ mất tích. Viên đại úy nhún vai và chỉ cho người lái xe Iraq đỗ xe vào chung với họ.

Trên đường vào sân bay chiếc xe jeep đi qua giữa hai hàng xe quân sự của Mỹ xếp hàng dài suốt một dặm. Rồi đến một đoạn đường trống, trước khi đội máy bay trực thăng Apache vòng quanh khu vực đang diễn ra cuộc họp.

Thoát khỏi những chiếc xe tăng, viên đại tá G2 quay lại người Iraq và nói với tiếng Ả-rập rất tốt:

- Dưới chỗ ngồi của ông ấy, ông ta nói. Đứng ra khỏi chiếc xe jeep, mà cho họ lên - nhanh lên.

Người Iraq mặc bộ quân phục màu xanh của nước ông ta. Bộ quần áo được nhét dưới chỗ ngồi của ông ta là đồng phục của một đại tá của Lực lượng đặc biệt Ả-rập Xê-út. Ông nhanh chóng thay giày, áo và mũ.

Ngay trước khi những chiếc Apache lăn bánh trên đường băng, chiếc xe jeep lao đi vào sa mạc, tách khỏi sân bay, và đi về phía nam. Tại một nơi rất xa Safwan, chiếc xe lên lại con đường chính dẫn tới Kuwait, cách đó 20 dặm.

Những chiếc xe tăng Mỹ ở khắp nơi, hướng ra bên ngoài. Công việc của chúng là ngăn chặn mọi sự đột nhập. Những người chỉ huy của họ, đứng ở trên, nhìn xuống một trong số những chiếc xe jeep của mình đang chở hai đại tá và một sĩ quan Xê-út đang đi ra khỏi vùng chu vi và về vùng đất được bảo vệ điều này chẳng hề khiến họ bận tâm.

Chiếc xe jeep mất gần một giờ đồng hồ mới tới được sân bay Kuwait, rồi một bãi bị tàn phá, do người Iraq và vẫn còn một làn khói từ lửa dầu mỏ lan ra khắp vương quốc. Chuyến đi xa đến vậy là vì để tránh cuộc tàn sát trên đường Multa Ridge, nó đã bị chia ra qua sa mạc phía tây của thành phố.

Năm dặm cách sân bay, viên đại tá G2 lấy một chiếc điện thoại di động từ ngăn kéo và ấn vào đó một loạt những tiếp bíp. Từ sân bay một chiếc máy bay tiến lại gần họ. Tháp điều khiển của sân bay đang được người Mỹ giám sát. Chiếc máy bay đang tới gần là một chiếc HS-125 của Anh. Không chỉ có thế, đó là chuyên cơ dành cho chỉ huy quân Anh, tướng de la Billière. Điều đó hẳn là: nó có đủ quyền để đi. Người kiểm soát không lưu cho nó đi.

Chiếc HS-125 đứng ở một điểm hơi tách ra, nơi nó gặp chiếc xe jeep của Mỹ. Cửa mở ra, thang được thả xuống, và ba người đàn ông bước vào máy bay.

- Granby 1, chuẩn bị cất cánh, người giám sát không lưu nghe thấy vậy. Anh ta đang điều khiển một chiếc Hercules của Canada đang tới với thuốc men cho bệnh viện trên máy bay.

Anh ta muốn nói: Mẹ kiếp sao mà nhanh thế - các anh định làm cái quỷ quái gì thế?

- Xin lỗi, tháp Kuwait, giọng nói vang lên rất chính xác, của Không lực Hoàng gia. Người kiểm soát từng nghe RAF trước đây, và nó cũng vang lên y hệt như thế.

- Tháp Kuwait, chúng tôi cho lên máy bay một đại tá của Lực lượng đặc biệt Xê-út, người của Hoàng thân Khaled. Tướng Schwarzkopf ra lệnh đưa ông ta đi ngay lập tức, nên ngài Peter đã cho mượn máy bay riêng của ông ấy. Chuẩn bị cho cất cánh nhanh đi, anh bạn.

Trong hai hơi thở viên phi công người Anh đã nêu tên một vị tướng, một vị hoàng thân và một vị hiệp sĩ được tước phong. Còn người kiểm soát không lưu chỉ là một trung sĩ chỉ biết làm tốt công việc của mình. Anh ta có công việc tốt trong Không lực Hoa Kỳ. Từ chối không cho một viên đại tá Xê-út của Hoàng thân bị ốm đi chữa bệnh theo lời yêu cầu của một vị tướng ở trong máy bay của chỉ huy quân

Anh có thể làm sự nghiệp tiêu tủng.

- Granby 1, cất cánh đi, anh ta nói.

Chiếc HS-125 cất cánh bay đi khỏi Kuwait, nhưng thay vì hướng tới Riyadh, nơi có những bệnh viện tốt nhất ở Trung Đông, nó lại đi về hướng tây dọc theo biên giới phía bắc của vương quốc.

Chiếc AWACS lúc nào cũng cảnh giác nhìn thấy nó và lên tiếng gọi, đòi biết đích đến của nó. Vào lúc đó giọng Anh pukka vang lên trả lời giải thích họ đang bay tới căn cứ của Anh ở Akritiri tại đảo Cyprus để mang đến đó một người bạn thân và một sĩ quan thân thiết của tướng de la Billière bị thương nặng bởi mình. Người chỉ huy phi vụ của AWACS chẳng biết gì về chuyện đó, nhưng chẳng thể nào cứ cản vạ mãi được. Chẳng nhẽ phải bắn hạ chiếc máy bay này sao?

15 phút sau, chiếc HS-125 rời khỏi không phận Xêut và đi qua biên giới sang đến Jordan.

Người Iraq ngồi ở hàng ghế sau của máy bay không hề hay biết gì về điều đó mà chỉ bị ấn tượng bởi tính hiệu quả của người Anh và người Mỹ. Ông ta đã nghi ngờ khi nhận được thông điệp gần nhất từ những người phương Tây trả lương cho mình, nhưng sau khi suy nghĩ ông ta cho rằng khôn ngoan hơn cả là rời đi còn hơn là chờ đợi thêm nữa và phải tự làm việc đó mà không có sự giúp đỡ nào. Kế hoạch được lên cho ông ta trong thông điệp đó đã được thực hiện như trong một giấc mơ.

Một trong hai phi công trong bộ quân phục nhiệt đới của RAF trở lại bàn thứ hai của máy bay và thì thầm bằng tiếng Anh với viên đại tá G2 của Mỹ, người đang nhắm mắt.

- Chào mừng ông đến với tự do, thưa tướng quân, anh ta nói bằng tiếng Ảrập với người khách của mình. Chúng ta đã ở ngoài không phận của Ảrập Xêut. Ông sẽ được lên một chiếc máy bay để đến Mỹ sớm sủa thôi. Nhân đây tôi có cái này cho ông.

Anh ta rút một mẫu giấy từ túi áo ngực ra và chìa nó cho người Iraq, người đọc nó một cách thoải mái. Đó là một con số cộng đơn giản: tổng cộng số tiền ông ta đang có trong tài khoản tại Vienna, giờ đây đã lên hơn 10 triệu đôla.

Nhân viên Mũ nổi xanh nhìn vào một ống nhòm và tạo ra hàng loạt ly và một loạt chai rượu Scotch nhỏ. Anh ta rót một cái chai vào ly và chuyển xung quanh.

- Nào, bạn của tôi, uống vì sự an lành và thịnh vượng đi

Anh ta uống; người Mỹ kia cũng uống. Người Iraq mỉm cười và uống.

- Nghỉ ngơi một chút đi, viên đại tá G2 nói bằng tiếng Ảrập. Chúng ta sẽ đến đó trong chưa đầy một giờ nữa.

Tiếp sau đó, họ để ông ta lại một mình. Ông ta ngửa người ra sau lên tấm nệm của chỗ ngồi của mình và để đầu óc thả trôi về 20 tuần vừa qua đã làm nên cả một gia sản cho ông ta đã phải rất liều lĩnh, nhưng họ đã thanh toán sòng phẳng. Ông ta nhớ lại cái ngày ông ngồi trong phòng họp của Cung điện Tổng thống đó và nghe Rais tuyên bố rằng cuối cùng Iraq đã có được, trong thời gian không lâu nữa, quả bom hạt nhân của riêng mình. Cái đó đã như thể là một cú sốc mạnh, và đã làm mất mọi liên lạc sau đó của ông ta với người Mỹ.

Rồi họ đột nhiên trở lại, trông nghiêm trọng hơn bao giờ, hỏi nơi có thứ vũ khí đó. Ông ta đã có ý tưởng không tồi, nhưng với năm triệu đôla, rõ ràng đã đến lúc làm mọi việc có thể. Rồi mọi việc cũng dễ dàng hơn là ông ta từng nghe nhiều.

Kỹ sư chế tạo hạt nhân, tiến sĩ Salah Siddiqi, đã từng được đưa đến các phố Baghdad và bị tố cáo, giữa biển của chính những người của ông ta, là phản bội để lộ chỗ giấu quả bom. Khăng khăng cãi về sự trong sạch của mình, ông đã cho biết địa điểm Al Qubai và sự nguy trang với nghĩa trang xe hơi. Làm cách nào nhà khoa học đó lại có thể biết mình sẽ bị thẩm vấn ba ngày trước khi ném bom, chứ không phải hai ngày sau đó?

Cú sốc tiếp theo của Jericho là biết được có hai viên phi công người Anh đã bị rơi. Điều này chưa được dự kiến trước. Ông ta đã cần hết mức để biết được liệu, trong khi bị hỏi, có hờ ra chút đầu mối nào về chuyện thông tin đã tới tay Liên quân như thế nào không.

Nỗi mừng rỡ của ông ta, khi rõ ràng họ chẳng biết gì về, chuyện đó và họ chỉ biết chỗ đó là một kho thuốc nổ cho pháo binh, đã không sống được lâu, khi Rais quả quyết phải có một tên phản bội. Từ đó tiến sĩ Siddiqi, bị treo lên bên dưới Nhà tập, đã phải phun ra, điều mà ông với một cú tiêm quá liều vào tim, đã làm biến đi.

Những kỷ lục thời gian về cuộc hỏi cung đó, từ ba ngày trước khi ném bom đến hai ngày sau đó, đã hoàn toàn thay đổi

Nhưng cú sốc lớn hơn cả là biết rằng Liên quân đã trượt, rằng quả bom đã được chuyển đến một địa điểm được giấu kín nào đó tên là Qu'ala. Pháo đài nào? Ở đâu?

Một vận may đã đến khi kỹ sư nguyên tử trước khi chết đã hé lộ rằng người thực hiện công trình nguy trang là một đại tá nào đó tên là Osman Badri của Công binh, nhưng khi kiểm tra hồ sơ ông thấy viên sĩ quan trẻ là một người ủng hộ Tổng thống cuồng nhiệt. Làm thế nào để làm thay đổi cách nhìn đó bây giờ?

Câu trả lời nằm ở vụ bắt giữ và những trách nhiệm gây nên cái chết khủng khiếp của người cha thân yêu của anh ta.

Sau đó, Badri thất vọng đã rơi vào tay Jericho, trong cuộc gặp ở băng ghế sau ô tô sau đám tang.

Người đàn ông tên là Jericho, có biệt danh là Mu'azib Đồ tể, cảm thấy an tâm với cuộc sống. Một sự thoải mái lan truyền trong người ông ta, hiệu ứng có lẽ của mấy ngày vừa qua cộng dồn lại. Ông ta thử động cựa nhưng thấy mình không thể nhúc nhích. Hai sĩ quan người Mỹ đang nhìn xuống ông, nói bằng thứ ngôn ngữ ông ta không thể hiểu nhưng biết là không phải tiếng Anh. Ông cố trả lời nhưng miệng ông không thể thốt ra lời nào.

Chiếc HS-125 quay về hướng tây nam, băng qua bờ biển Jordan và hạ xuống độ cao 10.000 feet. Trên Vịnh một dòng thác không khí tràn ngập ca bin, thậm chí dù chiếc máy bay đã giảm tốc độ gần như là đứng im.

Hai viên sĩ quan dựng ông ta dậy, không thể chống cự, thẳng đuồn và không làm nổi gì, cố nói điều gì đó mà không có khả năng. Trên mặt nước xanh ngắt phía nam Aqaba, tướng Omar Khatib rơi từ trên máy bay và lao thẳng xuống dòng nước, nơi không thấy có động tĩnh gì nữa cả. Lũ cá mập làm nốt phần còn lại.

Chiếc HS-125 quay về hướng bắc, bay qua Eilat sau khi đã quay trở lại không phận Israel, cuối cùng đậu xuống Sde Dov, sân bay quân sự nằm ở bắc Tel Aviv. Tại đó hai phi công cởi bỏ bộ quân phục lính Anh và viên đại tá là bộ quân phục Mỹ.

Cả bốn quay về với cấp bậc Israel thực sự của mình. Chiếc máy bay sử dụng được chuyển về Không lực Hoàng gia của mình, được sơn lại như trước, và trở lại tàu sân bay sayan ở đảo Cyprus nơi đã lấy nó đi.

Tiền từ Vienna đầu tiên đã được chuyển đến ngân hàng Kanoo ở Bahrain, rồi đến một ngân hàng khác ở Mỹ. Một phần được chuyển lại ngân hàng Hapoalim ở Tel Aviv và quay về cho chính phủ Israel; chính đó là số tiền Israel đã trả cho Jericho cho đến khi chuyển hẳn sang cho CIA. Cán cân thanh toán, trên 8 triệu đôla, được chuyển sang cho Mossad dưới cái tên "Quý Vui vẻ".

Năm ngày sau khi chiến tranh kết thúc, hai chiếc máy bay trực thăng tầm xa khác của Mỹ trở lại các thung lũng vùng núi Hamreen. Họ chẳng hề xin phép gì. Xác của viên sĩ quan điều khiển hệ thống vũ khí của chiếc Eagle, thiếu úy Tim Nathanson, không bao giờ được tìm thấy. Đội Vệ binh đã bắn tung nó lên với những khẩu súng tự động của mình, và lũ chó rừng, cáo, quạ, và điều hâu đã làm nốt phần còn lại.

Cho đến bây giờ xương cốt hắt vắn nằm đâu đó trong những thung lũng lạnh lẽo đó, không tới 100 dặm đến nơi cha ông anh ta trước đây từng tới và bị dòng Babylon cuốn đi. Cha anh ta nhận được tin ở Washington, đọc kinh kaddish cho anh, và than thở một mình trong ngôi nhà ở Georgetown.

Còn xác của hạ sĩ Kevin North đã được đào lên. Khi những chiếc Blackhawk dừng lại, những bàn tay Anh chìa ra nâng hài cốt người hạ sĩ lên, được cho vào một túi đựng xác và trước tiên được mang về Riyadh rồi sau đó về nhà ở Anh trên chiếc Hercules chở hàng.

Khoảng giữa tháng Tư một buổi lễ ngắn gọn được tổ chức tại đại bản doanh của SAS ngoại ô Hereford.

Không có nghĩa trang nào dành riêng cho người của SAS; không nghĩa trang nào nhận xác của họ. Nhiều người trong số họ đã nằm lại tại các chiến địa ngoại quốc mà tên tuổi phần lớn không ai biết.

Một số nằm lại dưới cát sa mạc Libya, nơi họ cảm thấy trận chiến Rommel năm 1941 và 1942. Những người khác ở các đảo Hy Lạp, dãy núi Abruzzi, Jura, và Vosges. Họ nằm rải rác ở Malaysia và Borneo, ở Yemen, Muscat và Oman, trong những khu rừng nhiệt đới và dòng nước lạnh giá và dưới nước lạnh của Bắc Băng Dương ngoài Falkland.

Khi xác họ được đào lên, họ được mang trở về nước Anh, nhưng thường xuyên họ được chuyển về cho gia đình để mai táng. Ngay cả khi đó, sẽ không có tấm bia mộ nào nêu tên SAS, mà là phiên đội của một đơn vị đặc đảo từ đó người lính đến SAS - Bộ binh, Lính dù, Vệ binh, hay bất cứ gì khác.

Chỉ có một công trình. Giữa Stirling Lines ở Hereford có một tháp không cao bằng đá, được xây bằng gỗ và sơn màu sôcôla nâu. Trên đỉnh một chiếc đồng hồ chỉ thời gian, nên nó được gọi một cách đơn giản là Tháp Đồng hồ.

Quanh căn cứ của họ là những tảng đồng cứng, trên đó có ghi tên và địa điểm nơi họ chết. Tháng Tư đó, có năm cái tên mới được viết lên. Một bị lính Iraq bắn khi bị bắt, hai bị giết khi đấu súng khi cố vượt qua biên giới Xêut. Người thứ tư chết vì bệnh thương hàn sau hai ngày trong quần áo mỏng và thời tiết lạnh giá. Người thứ năm là hạ sĩ Kevin North.

Nhiều chỉ huy trước đây của các phi đội đã đến vào cái ngày mưa gió đó. John Simpson đến, và Viscount Johnny Slim và ngài Peter. Giám đốc Lực lượng đặc biệt, J.P. Lovat cũng ở đó và đại tá Bruce Craig, khi đó là CO. Và thiếu tá Mike Martin cùng một số ít người khác.

Bởi vì giờ đây họ đã ở nhà, những người còn phục vụ có thể hiếm khi được nhìn thấy đội mũ bêrê với biểu tượng chiếc dao găm và khẩu hiệu “Chiến thắng dành cho người dũng cảm”.

Đó không phải một buổi lễ kéo dài. Các sĩ quan và những người khác nhìn công trình bên ngoài, những cái tên mới được khắc lên bằng chữ đậm và màu trắng lên đồng. Họ chào và đi, quay về với những toà nhà lộn xộn.

Ngay sau đó, Mike Martin đi đến chiếc ô tô nhỏ đang đỗ ở trong công viên của mình, lái qua cánh cổng có lính gác, và quay trở về ngôi nhà ven biển anh có trong một ngôi làng trên dãy đồi Herefordshire.

Trong khi lái xe anh nghĩ về mọi chuyện đã xảy ra trên đường phố và sa mạc Kuwait; và trên bầu trời phía trên; và trong những thung lũng và chợ Baghdad; và dãy đồi Hamreen. Vì là một người kín đáo, chí ít anh cũng hài lòng về một điểm: Đó là không ai có thể biết được hết cả.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nhung-bi-an-cua-sa-mac>